

Origin

Dan Brown

December 22, 2025

Đặc trưng của Robert Langdon
Thiên thần và quỷ dữ
Mật mã Da Vinci
Biểu tượng bị mất
Địa ngục
Nguồn gốc
Pháo đài số
Điểm mù

Bản quyền © 2025 bởi Dan Brown

Penguin Random House coi trọng và hỗ trợ quyền tác giả. Quyền tác giả thúc đẩy sự sáng tạo, khuyến khích các tiếng nói đa dạng, thúc đẩy tự do ngôn luận và tạo ra một nền văn hóa phong phú. Cảm ơn bạn đã mua một phiên bản chính thức của cuốn sách này và đã tuân thủ luật bản quyền bằng cách không sao chép, quét hoặc phân phối bất kỳ phần nào của nó dưới bất kỳ hình thức nào mà không có sự cho phép. Bạn đang hỗ trợ các tác giả và cho phép Penguin Random House tiếp tục xuất bản sách cho mọi độc giả. Xin lưu ý rằng không có phần nào của cuốn sách này có thể được sử dụng hoặc tái sản xuất dưới bất kỳ hình thức nào nhằm mục đích đào tạo công nghệ hoặc hệ thống trí tuệ nhân tạo. Xuất bản bởi Doubleday, một bộ phận của Penguin Random House LLC, 1745 Broadway, New York, NY 10019. Doubleday và việc mô tả một chiếc neo với một con cá heo là các nhãn hiệu đã đăng ký của Penguin Random House LLC. Trang này là một phần mở rộng của trang bản quyền này. Thiết kế sách do Casey Hampton thực hiện, thích ứng cho ebook. Bản đồ phụ bản do Jeffrey L. Ward thực hiện. Thiết kế bìa bởi Will Staehle/Unusual Co.

LCCN: 2025932069

ISBN 9780385546898 (bìa cứng)

ISBN ebook 9780385546928

penguinrandomhouse.com | doubleday.com

Đại diện được ủy quyền tại EU cho an toàn sản phẩm và tuân thủ là Penguin Random House Ireland, Morrison Chambers, 32 Nassau Street, Dublin D02 YH68, Ireland, <https://eu-contact.penguin.ie>.

Danh mục

Cảm ơn

Lời đề tựa

Lời dẫn

Ghi chú của tác giả

Bản đồ: Praha

Lời tựa

Chương 1

Chương 2

Chương 3

Chương 4

Chương 5

Chương 6

Chương 7

Chương 8
Chương 9
Chương 10
Chương 11
Chương 12
Chương 13
Chương 14
Chương 15
Chương 16
Chương 17
Chương 18
Chương 19
Chương 20
Chương 21
Chương 22
Chương 23
Chương 24
Chương 25
Chương 26
Chương 27
Chương 28
Chương 29
Chương 30
Chương 31
Chương 32
Chương 33
Chương 34
Chương 35
Chương 36
Chương 37
Chương 38
Chương 39
Chương 40
Chương 41
Chương 42
Chương 43
Chương 44
Chương 45
Chương 46
Chương 47
Chương 48
Chương 49
Chương 50
Chương 51
Chương 52
Chương 53
Chương 54
Chương 55
Chương 56
Chương 57
Chương 58

Chương 59
Chương 60
Chương 61
Chương 62
Chương 63
Chương 64
Chương 65
Chương 66
Chương 67
Chương 68
Chương 69
Chương 70
Chương 71
Chương 72
Chương 73
Chương 74
Chương 75
Chương 76
Chương 77
Chương 78
Chương 79
Chương 80
Chương 81
Chương 82
Chương 83
Chương 84
Chương 85
Chương 86
Chương 87
Chương 88
Chương 89
Chương 90
Chương 91
Chương 92
Chương 93
Chương 94
Chương 95
Chương 96
Chương 97
Chương 98
Chương 99
Chương 100
Chương 101
Chương 102
Chương 103
Chương 104
Chương 105
Chương 106
Chương 107
Chương 108
Chương 109

Chương 110
Chương 111
Chương 112
Chương 113
Chương 114
Chương 115
Chương 116
Chương 117
Chương 118
Chương 119
Chương 120
Chương 121
Chương 122
Chương 123
Chương 124
Chương 125
Chương 126
Chương 127
Chương 128
Chương 129
Chương 130
Chương 131
Chương 132
Chương 133
Chương 134
Chương 135
Chương 136
Chương 137
Chương 138
Chương 139

Hồi kết

Lời cảm ơn

Tín dụng hình ảnh

Về tác giả

Gửi biên tập viên và người bạn tốt nhất của tôi, Jason Kaufman, mà không có anh ấy, việc viết những tiểu thuyết này sẽ gần như không thể... và sẽ ít thú vị hơn nhiều.

Ngày mà khoa học bắt đầu nghiên cứu các hiện tượng phi vật lý, nó sẽ đạt được nhiều tiến bộ hơn trong một thập kỷ so với tất cả các thế kỷ trước đây. — G. K. Chesterton

SỰ THẬT: Tất cả các tác phẩm nghệ thuật, hiện vật, biểu tượng, và tài liệu trong tiểu thuyết này là có thật. Tất cả các thí nghiệm, công nghệ và kết quả khoa học là đúng với thực tế. Tất cả các tổ chức trong tiểu thuyết này đều tồn tại.

TÔI

HỒI KẾT

phải đã chết, người phụ nữ nghĩ. Cô đã trôi nổi cao trên những ngọn tháp của thành phố cổ. Bên dưới cô, những tháp sáng của Nhà thờ Thánh Vitus tỏa sáng trên một biển ánh đèn lung linh. Bằng đôi mắt của mình, nếu cô vẫn còn đôi mắt, cô đã lần theo độ dốc nhẹ của Đồi Lâu Đài xuống trung tâm của thủ đô Bohemia, theo sau những con phố quanh co được bao phủ bởi một lớp tuyết mới.

Praha.

Bối rối, cô cố gắng làm sáng tỏ tình cảnh của mình. Tôi là một nhà thần kinh học, cô tự nhủ. Tôi có tâm trí đúng đắn. Câu thứ hai, cô quyết định, là có thể bị nghi ngờ. Điều duy nhất mà Tiến sĩ Brigita Gessner biết chắc chắn vào lúc này là cô đang lơ lửng trên thành phố quê hương của mình, Praha. Cơ thể

của cô không ở bên cô. Cô không có khối lượng và không có hình dạng. Và thế nhưng phần còn lại của cô, cái tôi thực sự—bản chất của cô, ý thức của cô—có vẻ như vẫn hoàn toàn nguyên vẹn và tinh táo, từ từ trôi qua không khí theo hướng của dòng sông Vltava. Gessner không thể nhớ gì từ quá khứ gần đây của mình ngoại trừ một ký ức mờ nhạt về cơn đau thể xác, nhưng bây giờ cơ thể cô dường như chỉ bao gồm không khí mà cô đang trôi nổi qua. Cảm giác này...

khá khác với bất kỳ điều gì mà cô từng trải nghiệm. Ngược lại với mọi bản năng trí tuệ, Gessner chỉ có thể tìm thấy một lời giải thích duy nhất. Tôi đã chết. Đây là kiếp sau. Ngay cả khi khái niệm đó hiện ra, cô đã bác bỏ nó như một điều vô lý. Kiếp sau là một ảo tưởng chung... được tạo ra để làm cho cuộc sống thực của chúng ta có thể chịu đựng được. Là một bác sĩ, Gessner rất quen thuộc với cái chết, và cũng với sự đứt khoát của nó. Trong trường y, khi phẫu tích não người, Gessner đã hiểu rằng tất cả những thuộc tính cá nhân tạo nên con người—những hy vọng, nỗi sợ hãi, giấc mơ, kỷ niệm—chỉ là những hợp chất hóa học được giữ trong trạng thái lơ lửng bởi các điện tích trong não của chúng ta. Khi một người chết, nguồn năng lượng của não bị cắt đứt, và tất cả những hóa chất đó đơn giản hòa tan thành một vũng chất lỏng vô nghĩa, xóa bỏ mọi dấu vết cuối cùng của người mà họ từng là. Khi bạn chết, bạn sẽ chết. Dừng lại ở đó. Tuy nhiên, bây giờ, khi cô đang lơ lửng trên những khu vườn đối xứng của Cung điện Wallenstein, cô cảm thấy mình rất còn sống. Cô quan sát những bông tuyết rơi xung quanh mình—hay xuyên qua mình?—và kỳ lạ, cô không cảm thấy lạnh chút nào. Dường như tâm trí của cô chỉ đơn giản là lơ lửng trong không gian, với tất cả lý trí và logic vẫn còn nguyên vẹn. Tôi còn chức năng não, cô tự nhủ. Vậy thì tôi phải còn sống. Tất cả những gì Gessner có thể kết luận là cô bây giờ đang trong cơn cảm giác mà tài liệu y học gọi là OBE—trải nghiệm ngoài cơ thể—một ảo giác xảy ra khi những bệnh nhân bị thương nghiêm trọng được hồi sức sau khi chết lâm sàng. OBE hầu như luôn xuất hiện theo cùng một cách—nhận thức rằng tâm trí của một người đã tạm thời tách rời khỏi cơ thể vật lý của nó, lơ lửng lên trên và không có hình dạng. Dù cảm thấy như những trải nghiệm thực sự, OBE chỉ là những hành trình được tưởng tượng, thường bị kích hoạt bởi tác động của căng thẳng cực độ và tình trạng thiếu oxy tại não, thỉnh thoảng kết hợp với thuốc gây mê trong phòng cấp cứu như ketamine. Tôi đang ảo tưởng những hình ảnh này, Gessner tự dỗ mình, nhìn xuống đường cong tối tăm của dòng sông Vltava uốn lượn qua thành phố. Nhưng nếu đây là một OBE... thì tôi phải đang trong quá trình chết. Bị ngạc nhiên bởi sự bình tĩnh của chính mình, Gessner cố gắng nhớ lại điều gì đã xảy ra với cô. Tôi là một người phụ nữ khỏe mạnh bốn mươi chín tuổi... Tại sao tôi lại chết? Trong một khoảnh khắc chói mắt, một ký ức đáng sợ hiện lên trong ý thức của Gessner. Cô giờ đây nhận ra cơ thể vật lý của mình đang nằm ở đâu vào thời điểm này... và, thậm chí còn đáng sợ hơn, điều gì đang được thực hiện với cô. Cô nằm ngửa, bị trói chặt vào một máy mà chính cô đã tạo ra. Một con quái vật đứng trên cô. Sinh vật đó trông như một dạng người nguyên thủy nào đó vừa chui ra khỏi mặt đất. Đôi mắt và hộp sọ không có tóc của hắn bị bao phủ bởi một lớp đất bẩn dày, nứt nẻ như bề mặt của mặt trăng. Chỉ có đôi mắt chứa đầy hận thù của hắn là có thể nhìn thấy qua lớp mặt nạ đất. Ba chữ cái được khắc thô sơ trên trán hắn trong một ngôn ngữ cổ xưa. “Tại sao ngươi lại làm điều này?!” Gessner đã gào lên trong hoảng loạn. “Ngươi là ai?!” Ngươi là gì? “Tôi là người bảo vệ cô ấy,” quái vật đáp. Giọng của hắn trầm trầm, giọng điệu có vẻ Slavíc. “Cô ấy đã tin tưởng vào ngươi... và ngươi đã phản bội cô ấy.” “Ai?!” Gessner đòi hỏi. Con quái vật đã nói tên của một người phụ nữ, và Gessner cảm thấy một cú đâm hoảng loạn. Làm sao hắn biết điều tôi đã làm?! Một trọng lượng lạnh lẽo hiện lên ở cánh tay cô, và Gessner nhận ra rằng con quái vật đã bắt đầu quá trình. Một khoảnh khắc sau, một điểm đau không thể chịu nổi nở ra ở cánh tay trái của cô, lan tỏa dọc theo tĩnh mạch giữa của cô, một cách sắc nhọn hướng tới vai. “Làm ơn, dừng lại,” cô thở hổn hển. “Nói cho tôi mọi điều,” hắn yêu cầu khi cảm giác đau đớn dữ dội đến nách của cô. “Tôi sẽ!” Gessner vội vàng đồng ý, và con quái vật đã tạm dừng máy, dừng cơn đau ở vai cô, mặc dù cơn nóng bỏng mãnh liệt vẫn còn đó. Đây sợ hãi, Gessner nói càng nhanh càng tốt qua những chiếc răng nghiến chặt, lo lắng tiết lộ những bí mật mà cô đã hứa sẽ giữ kín. Cô đáp lại các câu hỏi của hắn, tiết lộ sự thật khó chịu về những gì mà cô và các đối tác của mình đã tạo ra sâu dưới lòng thành phố Prague. Con quái vật chăm chú nhìn cô từ sau lớp mặt nạ đất dày, đôi mắt lạnh lẽo của hắn lấp lánh với sự hiểu biết... và sự thù hận. “Ngươi đã xây dựng một ngôi nhà của những nỗi kinh hoàng dưới lòng đất,” hắn thì thầm. “Tất cả các ngươi đều xứng đáng chết.” Không do dự, hắn đã bật lại máy và tiến về phía cánh cửa. “Không...!” cô hét lên khi nỗi đau lại ập đến, chảy qua vai cô và vào ngực. “Xin dừng rồi đi... Điều này sẽ giết tôi!” “Có,” hắn đáp lại qua

vai. “Nhưng cái chết không phải là kết thúc. Tôi đã chết nhiều lần.” Nói xong, con quái vật biến mất, và Gessner lại một lần nữa lơ lửng. Cô cố gắng kêu cầu xin thương xót, nhưng giọng của cô bị dập tắt bởi một tiếng sấm lớn khi bầu trời trên đầu cô dường như mở rộng ra. Cô cảm thấy mình bị nắm giữ bởi một lực lượng vô hình—một loại trọng lực ngược—nhấc cô lên cao, kéo cô lên trên. Trong nhiều năm, Tiến sĩ Brigita Gessner đã

chê bai những điều mà cô bệnh nhân tuyên bố về việc trở về từ bờ vực của cái chết. Giờ đây, cô thấy mình cầu nguyện rằng mình có thể gia nhập hàng ngũ của những linh hồn hiếm hoi đã nhảy múa bên bờ vực của sự hư vô, peering vào vực thẳm, và bằng cách nào đó đã lùi lại từ vách đá. Tôi không thể chết... Tôi phải cảnh báo những người khác! Nhưng cô biết đã quá muộn. Cuộc đời này đã kết thúc.

CHƯƠNG 1

Robert Langdon đánh thức mình một cách yên bình, tận hưởng những giai điệu nhẹ nhàng của nhạc cổ điển phát ra từ báo thức trên bàn đầu giường. “Morning Mood” của Grieg có lẽ là một lựa chọn hiển nhiên, nhưng anh luôn coi đó là bốn phút âm nhạc hoàn hảo để bắt đầu một ngày mới. Khi những âm thanh của bộ gõ dâng lên, Langdon tận hưởng sự không chắc chắn của việc không thể nhớ chính xác mình đang ở đâu. À đúng rồi, anh nhớ ra, mỉm cười với chính mình. Thành phố của Những Ngọn Tháp. Trong ánh sáng mờ ảo, Langdon quan sát cửa sổ lớn với vòm cong khổng lồ của phòng, được flanked bởi một chiếc tủ cổ Edwardian và một chiếc đèn bằng đá cẩm thạch. Tấm thảm len mềm mại, được thắt nút bằng tay vẫn còn vương vãi cánh hoa hồng từ dịch vụ chuẩn bị giường đệm hôm trước. Langdon đã đến Prague ba ngày trước và, như anh đã làm trong những lần thăm trước, đã check-in vào khách sạn Four Seasons. Khi giám đốc kiên quyết nâng cấp đặt phòng của Langdon lên suite Hoàng Gia ba phòng ngủ, anh tự hỏi liệu điều đó có phải do lòng trung thành của anh hay, có lẽ, do sự nổi bật của người phụ nữ mà anh đang đi cùng. “Những vị khách được vinh danh nhất của chúng tôi xứng đáng với chỗ ở được vinh danh nhất,” giám đốc đã khẳng định. Suite bao gồm ba phòng ngủ riêng biệt với phòng tắm riêng, một phòng khách, một phòng ăn, một cây đàn piano lớn, và một cửa sổ với ban công trung tâm được trang trí lộng lẫy với hoa tulip đỏ, trắng và xanh dương—món quà từ đại sứ quán Hoa Kỳ. Phòng thay đồ riêng của Langdon cung cấp một đôi dép lông chài với chữ viết tắt RL. Có điều gì cho tôi biết rằng không phải là Ralph Lauren, anh nghĩ, ấn tượng bởi sự chu đáo cá nhân hóa. Bây giờ, khi anh đang thư giãn trên giường và lắng nghe âm nhạc từ báo thức, anh cảm thấy một bàn tay dịu dàng chạm vào vai mình. “Robert?” một giọng nói nhẹ nhàng thì thầm. Langdon quay lại và cảm thấy nhịp tim mình tăng tốc. Cô ấy ở đó, mỉm cười với anh, đôi mắt xám khói vẫn còn nửa buồn ngủ, tóc đen dài rối bù quanh vai cô. “Chào buổi sáng, xinh đẹp,” anh đáp. Cô với sang và vuốt ve má anh, mùi hương Balade Sauvage vẫn còn trên cổ tay cô. Langdon ngắm nhìn vẻ đẹp của cô. Dù lớn hơn Langdon bốn tuổi, nhưng cô đẹp hơn mỗi lần anh nhìn thấy cô—những nếp nhăn cười ngày càng sâu, những sợi tóc bạc lác đác trong mái tóc đen, đôi mắt tinh nghịch và trí tuệ mê hoặc. Langdon đã biết người phụ nữ đặc biệt này từ thời gian anh ở Princeton, nơi cô là một giáo sư trẻ nhưng anh chỉ là sinh viên đại học. Mỗi tình thầm lặng của anh dành cho cô đã bị bỏ qua hoặc không được đáp lại, nhưng họ đã tận hưởng một tình bạn vui tươi, không có tình cảm kể từ đó. Ngay cả khi sự nghiệp của cô bùng nổ, và Langdon trở thành một giáo sư nổi tiếng biết đến khắp nơi trên thế giới, cả hai vẫn giữ liên lạc thoải mái. Thời gian là tất cả, Langdon giờ nhận ra, vẫn cảm thấy kỳ diệu về việc họ đã nhanh chóng phải lòng nhau trong chuyến công tác bất ngờ này. Khi “Morning Mood” dâng cao vào phần hòa âm đầy đủ của chủ đề, anh kéo cô gần lại với một cánh tay mạnh mẽ, và cô dựa vào ngực anh. “Ngủ ngon chứ?” anh thì thầm. “Không còn cơn ác mộng nào nữa?” Cô lắc đầu và thở dài. “Tôi thật xấu hổ. Cái đó thật khủng khiếp.” Trước đó trong đêm, cô đã tỉnh dậy trong cơn hoảng sợ từ một cơn ác mộng sống động cực kỳ, và Langdon đã cần an ủi cô gần một giờ trước khi cô có thể ngủ lại. Độ mạnh mẽ không bình thường của giấc mơ, Langdon đã trấn an cô, là kết quả của ly rượu Bohemian absinthe không khôn ngoan mà cô đã uống, thứ mà Langdon luôn tin rằng nên được phục vụ với một ghi chú: Phổ biến trong thời kỳ Belle Epoque vì các thuộc tính gây ảo giác của nó. “Không bao giờ nữa,” cô đảm bảo với anh. Langdon với tay qua và tắt nhạc. “Nhắm mắt lại. Tôi sẽ quay lại đúng giờ cho bữa sáng.” “Ồ lại với tôi,” cô trêu chọc, ôm lấy anh. “Anh có thể bỏ qua một ngày bơi lội.” “Không nếu em muốn tôi vẫn là một người đàn ông trẻ trung sẵn chắc,” anh nói, ngồi dậy với một nụ cười chéo. Mỗi buổi sáng, Langdon đã chạy bộ ba kilômét đến Trung Tâm Bơi Lội Strahov để bơi lội buổi sáng. “Ngoài trời tối,” cô nài nỉ. “Không thể bơi ở đây sao?” “Ồ bể bơi khách

sạn?” “Tại sao không? Nó là nước.” “Nó quá nhỏ. Hai cú bơi là xong.” “Có một trò đùa ở đây, Robert, nhưng tôi sẽ từ từ.” Langdon cười. “Cô gái vui tính. Ngủ tiếp đi, và tôi sẽ gặp em cho bữa sáng.” Cô làm mặt méo, ném một cái gối về phía anh và lăn ra. Langdon mặc bộ đồ thể thao Harvard và đi về phía cửa, chọn đi cầu thang thay vì thang máy riêng chật chội của suite. Ở dưới lầu, anh bước qua

hành lang thanh lịch nối liền khu nhà phụ bên sông theo phong cách Baroque của khách sạn với sảnh của tòa nhà. Trên đường đi, anh đi qua một tủ trưng bày thanh lịch có ghi “HỘI THẢO”, với một loạt áp phích khung thông báo về các buổi hòa nhạc, tour du lịch và bài giảng diễn ra trong tuần này. Áp phích bóng loáng ở giữa làm anh mỉm cười. “Chào buổi sáng, đẹp quá,” anh tự nhủ, ngưỡng mộ bức chân dung của người phụ nữ mà anh vừa hôn ở trên lầu. Bài giảng của Katherine tối qua đã kín chỗ, là một thành tích không nhỏ khi cô xuất hiện tại Đại sảnh Vladislav huyền thoại của Lâu đài Prague — một phòng lớn với trần vòm được sử dụng trong thời kỳ Phục hưng để tổ chức các cuộc thi đấu ngựa trong nhà với những hiệp sĩ và ngựa trong bộ trang phục đầy đủ. Chuỗi bài giảng này là một trong những chương trình được tôn trọng nhất ở châu Âu và luôn thu hút những diễn giả xuất sắc cũng như khán giả nhiệt tình từ khắp nơi trên thế giới. Tối qua cũng không phải là ngoại lệ, và khán phòng đông kín đã vỡ òa trong tiếng vỗ tay khi Katherine được giới thiệu. “Cảm ơn mọi người,” Katherine nói, bước ra bọc với sự tự tin rõ ràng. Cô mặc một chiếc áo len cashmere trắng và quần dài thời trang hoàn hảo vừa vặn. “Tôi muốn bắt đầu tối nay bằng cách trả lời câu hỏi mà tôi được hỏi gần như hàng ngày.” Cô mỉm cười và rút micro khỏi giá. “Khoa học noetic là gì?!” Một làn sóng cười vang dội qua khán phòng khi khán giả ổn định. “Nói một cách đơn giản,” Katherine bắt đầu, “khoa học noetic là nghiên cứu về ý thức con người. Ngược lại với những gì nhiều người tin, nghiên cứu về ý thức không phải là một khoa học mới — mà thực tế, nó là khoa học cổ xưa nhất trên trái đất. Kể từ buổi bình minh của lịch sử, chúng ta đã tìm kiếm câu trả lời cho những bí ẩn vĩnh cửu của tâm trí con người... bản chất của ý thức và của linh hồn. Và trong nhiều thế kỷ, chúng ta đã khám phá những câu hỏi này chủ yếu qua... lăng kính của tôn giáo.” Katherine bước xuống khỏi bục, tiến gần hàng ghế đầu của khán giả. “Và nói về tôn giáo, quý vị và các bạn, tôi không thể không nhận thấy rằng trong khán giả hôm nay có một học giả nổi tiếng thế giới về biểu tượng tôn giáo, Giáo sư Robert Langdon.” Langdon nghe thấy những tiếng xì xào phấn khích trong đám đông. Cô ấy đang làm gì vậy?! “Giáo sư,” cô nói, đến trước mặt anh với nụ cười, “tôi tự hỏi liệu chúng ta có thể nhờ vào kiến thức chuyên môn của ông trong một phút được không? Ông có thể đứng dậy một chút không?” Langdon lịch sự đứng dậy, lặng lẽ nở một nụ cười “cô sẽ trả giá cho điều này”. “Tôi tò mò, Giáo sư... biểu tượng tôn giáo phổ biến nhất trên thế giới là gì?” Câu trả lời rất đơn giản, và hoặc là Katherine đã đọc bài viết của Langdon về chủ đề này và biết điều gì đang đến, hoặc cô ấy sắp rất thất vọng. Langdon nhận micro và quay mặt về phía biển những khuôn mặt háo hức, ánh sáng mờ mịt từ những chiếc đèn chùm treo trên những chuỗi sắt cổ xưa. “Chào buổi tối mọi người,” anh nói, giọng trầm vang lên qua loa. “Và cảm ơn Tiến sĩ Solomon vì đã đặt tôi vào tình huống này mà không hề báo trước.” Khán giả vỗ tay. “Được rồi, vậy biểu tượng tôn giáo phổ biến nhất thế giới là gì? Ai có ý kiến không?” Một tá bàn tay giơ lên. “Tuyệt vời,” Langdon nói. “Có ai đoán mà không phải là thập giá không?” Tất cả bàn tay đều hạ xuống. Langdon cười khúc khích. “Thật sự thì thập giá rất phổ biến, nhưng nó cũng là một biểu tượng rất riêng của Kitô giáo. Trên thực tế, có một biểu tượng phổ quát xuất hiện trong các tác phẩm nghệ thuật của mọi tôn giáo trong lịch sử.” Khán giả trao nhau những cái nhìn nghi hoặc. “Các bạn đã thấy nó rất nhiều lần,” Langdon khuyến khích. “Có lẽ trên bức bích họa Horakhty của người Ai Cập?” Anh tạm dừng. “Hay trong chiếc hộp Kanishka của Phật giáo? Hoặc bức tranh Christ Pantocrator nổi tiếng?” Im lặng. Những ánh nhìn chết chóc. Ôi trời, Langdon nghĩ. Rõ ràng là một đám đông học thuật. “Nó cũng xuất hiện trong hàng trăm bức tranh nổi tiếng thời Phục hưng — bức Virgin of the Rocks thứ hai của Leonardo da Vinci, The Annunciation của Fra Angelico, Lamentation của Giotto, Temptation of Christ của Titian, và vô số hình ảnh của Madonna và Child...” Vẫn không có gì. “Biểu tượng mà tôi đang nói đến,” anh nói, “đó là hào quang.” Katherine mỉm cười, rõ ràng biết rằng đây sẽ là câu trả lời của anh. “Hào quang,” Langdon tiếp tục, “là đĩa ánh sáng xuất hiện trên đầu của một sinh linh đã giác ngộ. Trong Kitô giáo, hào quang lơ lửng trên Jesus, Mary, và các thánh. Đi xa hơn, một đĩa mặt trời lơ lửng trên vị thần Ai Cập cổ đại Ra, và trong các tôn giáo phương Đông một hào quang nimbus xuất hiện trên Phật và các vị thần Hindu.” “Tuyệt vời, cảm ơn bạn, Giáo sư,” Katherine nói, với tay lấy micro, nhưng Langdon phớt lờ cô và quay người đi nghịch ngợm — một chút trả đũa. Đừng bao giờ hỏi một sử gia câu

hỏi mà bạn không muốn nhận được câu trả lời đầy đủ. “Tôi nên thêm rằng,” Langdon nói khi đám đông cười thích thú, “hào quang có đủ hình dạng, kích thước và cách thể hiện nghệ thuật khác nhau. Một số là đĩa vàng rỗng, một số thì trong suốt, và một số thậm chí còn có hình vuông. Kinh thánh Do Thái cổ mô tả đầu của Moses được bao quanh bởi một ‘hila’ — từ tiếng Hebrew chỉ ‘hào quang’ hoặc ‘phát ra ánh sáng.’”

“Những hình thức đặc biệt của hào quang có những tia sáng phát ra từ chúng... những chiếc gai phát sáng tỏa ra mọi hướng.” Langdon quay lại nhìn Katherine với nụ cười mờ ám. “Có lẽ Tiến sĩ Solomon biết loại hào quang này được gọi là gì?” Anh đưa micro cho cô. “Một vương miện phát sáng,” cô nói không chút chần chừ. Ai đó đã đọc sách cho cô. Langdon đưa micro lại gần môi. “Đúng, vương miện phát sáng là một biểu tượng đặc biệt quan trọng. Nó xuất hiện xuyên suốt lịch sử, trang trí trên đầu của Horus, Helios, Ptolemy, Caesar... và thậm chí cả Colossus khổng lồ của Rhodes.” Langdon cười bí mật với đám đông. “Ít người nhận ra điều này, nhưng đối tượng được chụp ảnh nhiều nhất trong toàn bộ thành phố New York lại chính là... một vương miện phát sáng.” Những ánh mắt bối rối, ngay cả từ Katherine. “Ai có ý kiến gì không?” anh hỏi. “Chẳng ai trong các bạn đã từng chụp ảnh vương miện phát sáng bay lơ lửng ba trăm feet trên cảng New York?” Langdon chờ đợi khi những âm thanh của sự khám phá lớn dần trong đám đông. “Tượng Nữ thần Tự do!” ai đó hô lên. “Chính xác,” Langdon nói. “Tượng Nữ thần Tự do đội một vương miện phát sáng—một hào quang cổ xưa—biểu tượng phổ quát mà chúng ta đã dùng xuyên suốt lịch sử để xác định những cá nhân đặc biệt mà chúng ta tin rằng sở hữu sự khai sáng thần thánh... hoặc một trạng thái tiên tiến của... ý thức.” Khi Langdon đưa micro trở lại cho Katherine, cô đang rưng rờ. Cảm ơn anh, cô ra hiệu cho anh khi anh trở lại chỗ ngồi giữa những tràng vỗ tay. Katherine quay lại sân khấu. “Như Giáo sư Langdon vừa nói một cách hùng hồn, con người đã suy ngẫm về ý thức từ rất lâu. Nhưng ngay cả bây giờ, với khoa học tiên tiến, chúng ta vẫn gặp khó khăn trong việc định nghĩa nó. Thực tế, nhiều nhà khoa học thậm chí sợ hãi khi thảo luận về ý thức.” Katherine nhìn quanh và thì thầm, “Họ gọi đó là từ c.” Những trận cười rải rác lại vang lên trong phòng. Katherine gật đầu với một người phụ nữ đeo kính ở hàng ghế đầu. “Thưa bà, bà sẽ định nghĩa ý thức như thế nào?” Người phụ nữ suy nghĩ một lúc. “Tôi nghĩ... là sự nhận thức về sự tồn tại của chính tôi?” “Hoàn hảo,” Katherine nói. “Và sự nhận thức đó đến từ đâu?” “Có lẽ từ bộ não của tôi,” cô nói. “Những suy nghĩ, ý tưởng, trí tưởng tượng... hoạt động của não làm nên con người tôi.” “Nói rất hay, cảm ơn.” Katherine nâng ánh mắt trở lại khán giả. “Vậy chúng ta có thể bắt đầu bằng cách đồng ý về những điều cơ bản không? Ý thức được tạo ra bởi bộ não của bạn—gói ba pound chứa tám mươi sáu tỷ nơ-ron bên trong hộp sọ của bạn—và vì vậy ý thức nằm trong đầu chúng ta.” Những cái gật đầu đồng ý xung quanh. “Tuyệt vời,” Katherine nói. “Chúng ta vừa đồng ý về mô hình hiện tại được chấp nhận về ý thức của con người.” Sau một khoảnh khắc, cô nặng nề thở dài. “Vấn đề là... mô hình hiện tại được chấp nhận hoàn toàn sai lầm. Ý thức của bạn không được tạo ra bởi bộ não của bạn. Và thực tế, ý thức của bạn thậm chí không nằm trong đầu bạn.” Một sự im lặng choáng váng theo sau. Người phụ nữ đeo kính ở hàng ghế đầu nói, “Nhưng... nếu ý thức của tôi không nằm trong đầu tôi... thì nó ở đâu?” “Tôi rất vui vì bạn đã hỏi,” Katherine nói, mỉm cười với đám đông đang tập trung. “Hãy ổn định lại nào, các bạn. Chúng ta sẽ có một hành trình thú vị tối nay.” Ngôi sao nhạc rock, Langdon nghĩ khi anh đi về phía sảnh khách sạn, vẫn nghe âm vang của tràng pháo tay vang dội từ sự hoan nghênh kéo dài của Katherine. Bài thuyết trình của cô là một tour de force rực rỡ khiến đám đông choáng váng và khao khát thêm nhiều điều hơn nữa. Khi ai đó hỏi về công việc hiện tại của cô, Katherine tiết lộ cô vừa hoàn thành những chi tiết cuối cùng cho một cuốn sách mà cô hy vọng sẽ giúp tái định nghĩa mô hình hiện tại về ý thức. Langdon đã giúp Katherine có một hợp đồng xuất bản, mặc dù anh chưa đọc bản thảo của cô. Cô đã tiết lộ đủ nội dung để khiến Langdon say mê và khao khát đọc, nhưng anh cảm nhận được rằng cô đã giữ lại tất cả những tiết lộ gây sốc nhất cho bản thân. Katherine Solomon không bao giờ thiếu bất ngờ. Giờ đây, khi anh gần đến sảnh khách sạn, Langdon chợt nhớ rằng Katherine được lên lịch gặp mặt lúc 8 giờ sáng nay với Tiến sĩ Brigita Gessner—nhà thần kinh học nổi tiếng người Czech đã mời Katherine phát biểu tại loạt bài giảng. Lời mời của Gessner thật rộng rãi, nhưng sau khi gặp người phụ nữ đó vào tối qua sau sự kiện và nhận thấy cô ta thật không thể chịu nổi, Langdon giờ đây lén lút hy vọng rằng Katherine sẽ ngủ quên và chọn ăn sáng với anh thay vào đó. Đây suy nghĩ đó ra khỏi đầu, anh bước vào sảnh, tận hưởng hương thơm từ những bó hoa hồng sang trọng luôn xuất hiện tại cửa chính. Tuy nhiên, cảnh tượng chào đón anh trong

sánh thì lại kém thân thiện hơn nhiều. Hai sĩ quan cảnh sát mặc đồng phục đen đang đi lang thang chăm chú qua không gian mở, dẫn theo một cặp chó German shepherd. Cả hai con chó đều mặc áo giáp chống đạn có ghi POLICIE và đang đánh hơi khắp nơi như thể đang tìm kiếm... một cái gì đó. Điều đó không có vẻ tốt chút nào. Langdon đi đến quầy lễ tân. “Mọi việc có ổn không?” “Ôi trời ơi có, ông Langdon!” Người quản lý ăn mặc cực kỳ chỉnh tề gần như cuối chào khi ông vội vã ra đón Langdon. “Mọi thứ hoàn hảo, Giáo sư. Một vấn đề nhỏ tới qua, nhưng là một báo động giả,” ông đảm bảo, lắc đầu một cách xem thường. “Chúng tôi chỉ đang áp dụng các biện pháp phòng ngừa.”

Như bạn biết, an ninh là ưu tiên hàng đầu ở đây tại Four Seasons Prague.” Langdon nhìn các cảnh sát. Vấn đề nhỏ? Máy người này trông thật sự không phải là nhỏ. “Ông đi tới câu lạc bộ bơi lội à, thưa ông?” người quản lý hỏi. “Tôi có nên gọi xe cho ông không?” “Không cảm ơn,” Langdon trả lời, hướng về phía cửa. “Tôi sẽ chạy bộ tới. Tôi thích không khí trong lành.” “Nhưng trời đang tuyết!” Người đàn ông đến từ New England nhìn ra ngoài thấy những bông tuyết mỏng manh lướt qua trong không khí và nở một nụ cười với người quản lý. “Nếu tôi không quay lại trong một giờ nữa, hãy gửi một trong những chú chó đó tới đào tôi ra.”

CHƯƠNG 2

The Gollem lê bước qua tuyết, gấu áo choàng đen dài của hắn kéo lê trên lớp bùn bẩn cuốn quanh phố Kaprova. Ẩn dưới chiếc áo choàng, đôi giày bệ vệ không lồ của hắn nặng đến mức hắn gần như không thể nhấc chân. Trên khuôn mặt và đầu hắn, một lớp đất sét dày quắn chặt lại trong không khí lạnh. Ta phải về nhà. Ether đang tụ tập. Lo lắng rằng Ether có thể đánh bại hắn, The Gollem đưa tay vào túi và nắm lấy cây gậy kim loại nhỏ mà hắn luôn mang theo. Hắn nâng vật thể lên đầu và nhấn mạnh nó vào đỉnh đầu, xoa nó theo những vòng tròn nhỏ trên lớp đất khô. Chưa lúc nào, hắn niệm thầm, nhắm mắt lại. Ether tan rã, ít nhất là trong giây lát, và hắn đặt gậy trở lại vào túi và tiếp tục bước đi. Thêm vài khối nữa, ta có thể Giải Phóng. Quảng trường Phố Cổ—được biết đến ở Prague với tên Staromák—hoàn toàn vắng vẻ vào sáng tối tăm này, ngoại trừ một đôi khách du lịch đang nắm chặt những chiếc bánh đường brûlée và ngược nhìn đồng hồ cổ nổi tiếng. Mỗi giờ, chiếc đồng hồ cổ đại biểu diễn “Cuộc Diễu Hành của các Tông Đồ,” một cuộc diễu hành lắt lư của các thánh nhân mà di chuyển cơ học ra vào tầm nhìn qua hai ô cửa sổ nhỏ trên mặt đồng hồ. Vòng quanh vô định từ thế kỷ mười lăm, The Gollem nghĩ, và vẫn thu hút những con cừu đến ngắm nhìn cảnh tượng. Khi The Gollem đi ngang qua cặp đôi, họ nhìn về phía hắn và bất chợt thở hỗn hển, lùi lại. Hắn đã quá quen thuộc với phản ứng này từ những người lạ. Nó nhắc nhở hắn rằng hắn có một hình hài, ngay cả khi họ không thể thấy hắn thật sự là gì. Ta là The Gollem. Ta không thuộc về vương quốc của các người. The Gollem đôi khi cảm thấy không còn ràng buộc, như thể hắn có thể trôi đi, và hắn thích khoác lên mình bộ áo choàng nặng nề. Trọng lượng của chiếc áo choàng và đôi giày bệ vệ nhấn mạnh lực hấp dẫn, buộc hắn kết nối với mặt đất. Đầu và áo choàng dính đất sét khiến hắn trở thành một sự kỳ dị đáng sợ, ngay cả ở Prague, nơi trang phục vào ban đêm là điều phổ biến. Nhưng điều làm The Gollem trở thành một hình ảnh thực sự hút mắt là ba chữ cái cổ đại được khắc trên trán hắn... khắc vào lớp đất bằng một con dao palette. אָלֶפּ Ba chữ cái Hebrew—aleph, mem, tav—from phải sang trái, đánh vần EMET. Sự thật. Sự thật là điều đã đưa The Gollem đến Prague. Và Sự Thật là điều mà Tiến sĩ Gessner đã tiết lộ cho hắn vào tối nay—một lời thú tội chi tiết về những tội ác mà cô và các cộng sự đã gây ra sâu dưới Prague. Những tội ác của họ thì ghê tởm, nhưng chúng chỉ là những điều nhỏ nhất so với những gì đang được lên kế hoạch cho tương lai gần. Ta sẽ phá hủy tất cả, hắn tự nhủ. Giảm nó xuống thành đồng đồ nát. The Gollem hình dung đến tác phẩm đen tối của họ... bị tiêu diệt... một hố trứng khói tỏa trong lòng đất. Dù đây là một nhiệm vụ đầy thử thách, hắn tự tin rằng mình có thể hoàn thành. Tiến sĩ Gessner đã tiết lộ tất cả những gì hắn cần biết. Ta cần hành động nhanh chóng. Cơ hội đang hẹp, hắn tự nhủ, kế hoạch đã bắt đầu hình thành trong tâm trí. The Gollem quay về phía đông nam bây giờ, rời xa quảng trường, tìm kiếm con hẻm hẹp dẫn đến căn hộ của hắn. Khu phố Phố Cổ là một mê cung của các lối đi nổi tiếng với cuộc sống về đêm sôi động và những quán rượu đặc sắc—Café Týnská cho các nhà văn và trí thức, Quán Bar Anonymous cho các hacker và những người tìm kiếm sự bí ẩn, và Quán Bar Hemingway cho những người sành điệu và những người yêu thích cocktail. Tất nhiên, Bảo tàng Máy tính dự mở cửa muộn và thu hút đám đông người hiếu kỳ cho đến tận đêm. Khi The Gollem luôn lách qua mê cung các con hẻm, hắn nhận ra rằng hắn không nghĩ về những nỗi kinh hoàng mà hắn vừa gây ra cho Tiến sĩ Brigita Gessner, cũng không phải về thông tin gây sốc mà hắn đã thu thập

được—mà ngược lại, hắn đang nghĩ về cô. Hắn luôn nghĩ về cô. Ta là người bảo vệ cô. Cô và ta là hai hạt bụi quán chặt vào nhau, mãi mãi. Mục đích duy nhất của hắn trên trái đất này là để che chở cho cô, và dù vậy cô không biết gì về sự tồn tại của hắn. Dù vậy, thời gian phục vụ cô của hắn đã là một vinh dự. Gánh nặng của người khác là sự kêu gọi cao quý nhất; nhưng làm như vậy một cách vô danh, không cần bất kỳ sự công nhận nào... đó là một hành động yêu thương thực sự tự nguyện. Thiên thần bảo vệ có nhiều hình dáng khác nhau. Cô là một người dễ tin cậy.

không biết đã bị cuốn vào một thế giới khoa học u tối. Cô không thấy những con cá mập đang vòng quanh. Gollem đã giết một trong những con cá mập ấy tối nay, nhưng giờ đây có máu trong nước. Những thế lực hùng mạnh sẽ sớm nổi lên từ lòng sâu để tìm ra những gì đã xảy ra...để đảm bảo sự bí mật của sự sáng tạo của họ. Ông sẽ đến quá muộn, ông nghĩ. Ngôi nhà hầm ngầm của những nỗi kinh hoàng sẽ sớm sụp đổ dưới sức nặng của tội lỗi của chính nó...một nạn nhân của sự khéo léo của chính nó. Khi ông tiến về phía trước qua các con phố đầy tuyết, Gollem cảm thấy Ether quay trở lại, dày đặc xung quanh ông. Một lần nữa, ông chà xát que kim loại vào đầu. Sớm thôi, ông hứa. Tại London, một người Mỹ tên là ông Finch đánh bóng một cặp kính Cartier Panthère và đi qua lại trong văn phòng sang trọng của mình. Sự thiếu kiên nhẫn của ông đã chuyển thành lo lắng sâu sắc. Chết tiệt, Gessner đâu rồi? Tại sao tôi không thể liên lạc với cô ấy? Ông biết nhà thần kinh học người Czech đã tham dự bài giảng của Katherine Solomon tối qua tại Lâu đài Prague, và sau đó cô đã gửi cho Finch một tin nhắn đáng lo ngại về cuốn sách mà Solomon sắp công bố. Đó không phải là tin tốt. Gessner đã hứa sẽ gọi cho Finch với một bản cập nhật. Đến giờ, Finch vẫn chưa nghe thấy một từ nào, và trời đã gần sáng. Ông đã nhắn tin và gọi cho cô ấy nhiều lần mà không nhận được phản hồi. Đã sáu giờ rồi...Gessner rất tỉ mỉ—điều này thật sự không giống cô ấy. Đã lên đến đỉnh cao của nghề nghiệp bằng cách tuân theo trực giác, ông Finch đã học được cách lắng nghe bản năng của mình. Không may, trực giác của ông giờ đây đang báo cho ông biết rằng điều gì đó ở Prague đã diễn ra một cách nguy hiểm.

CHƯƠNG 3

Không khí mùa đông cảm thấy tươi mát và hồi sinh khi Robert Langdon chạy về phía nam dọc theo Phố Křižovnická, những bước chân dài của anh để lại một dấu chân đơn độc trên lớp tuyết mỏng phủ trên vỉa hè. Thành phố Prague luôn cảm thấy như một điều thần kỳ với anh. Đó là một khoảnh khắc đọng lại trong thời gian. Đã chịu đựng ít hư hại hơn nhiều so với các thành phố châu Âu khác trong Thế chiến II, thủ đô lịch sử của Bohemia tận hưởng một đường chân trời lấp lánh vẫn tỏa sáng với tất cả kiến trúc nguyên bản của nó—một mẫu giống nhau độc nhất và tinh khiết của các thiết kế Romanesque, Gothic, Baroque, Art Nouveau và Neoclassical. Biệt danh của thành phố—Stověžatá—nghĩa đen là “có một trăm ngọn tháp”, mặc dù số lượng thực tế các ngọn tháp và tháp chuông ở Prague gần như là bảy trăm. Vào mùa hè, thành phố đôi khi chiếu sáng bằng một biển đèn pha màu xanh; hiệu ứng gây kinh ngạc được cho là đã truyền cảm hứng cho Hollywood trong việc miêu tả trong bộ phim The Wizard of Oz về Thành phố Emerald—một điểm đến huyền bí mà, giống như Prague, được tin là nơi có những khả năng huyền bí. Khi Langdon chạy qua Phố Platněřská, anh cảm thấy như mình đang chạy qua những trang sách lịch sử. Mặt tiền khổng lồ của Klementinum Prague hiện ra bên trái anh, một phức hợp hai hecta chứa tháp quan sát mà các nhà thiên văn học Tycho Brahe và Johannes Kepler đã sử dụng, cũng như một thư viện Baroque tuyệt đẹp giữ hơn hai mươi nghìn cuốn sách văn chương thần học cổ đại. Thư viện này là phòng yêu thích của Langdon ở Prague, và có thể là ở toàn bộ châu Âu. Anh và Katherine vừa mới tham quan triển lãm mới nhất của nó ngày hôm qua. Giờ đây, khi anh rẽ phải ở Nhà thờ Thánh Phanxicô Assisi, anh có thể thấy, ngay trước mặt mình, lối vào phía đông của một trong những biểu tượng nổi tiếng nhất của thành phố, được chiếu sáng trong ánh sáng hổ phách của những đèn đường gas hiếm có của Prague. Được nhiều người ca ngợi là cây cầu lãng mạn nhất thế giới, Karlův most—Cầu Charles—được xây dựng bằng cát kết Bohemia và được lát ở cả hai bên bởi ba mươi bức tượng của các thánh Kitô giáo. Kéo dài hơn nửa cây số qua dòng sông Vltava yên bình, được bảo vệ ở cả hai đầu bởi những tháp canh khổng lồ, cây cầu đã từng phục vụ như một con đường thương mại quan trọng giữa Đông và Tây Âu. Langdon chạy qua cổng ở tháp phía đông, thoát ra để thấy một tầm nhìn tuyệt không tỳ vết trải dài trước mặt anh. Cây cầu chỉ dành cho người đi bộ, và tuy nhiên, giờ này, không có một dấu chân nào. Tội đang một mình trên Cầu Charles, Langdon nghĩ. Một khoảnh khắc của cuộc đời. Anh đã từng một mình tương tự ở Louvre với bức Mona Lisa, nhưng hoàn cảnh đó thì thú vị ít hơn nhiều so với điều này. Những bước

chân của Langdon dài ra khi anh định hình lại nhịp điệu của mình, và khi anh đến bờ bên kia của dòng sông, anh đang chạy một cách dễ dàng. Bên phải anh, được chiếu sáng cao trên bầu trời tối, tỏa sáng viên ngọc quý yêu thích nhất của thành phố. Lâu đài Prague. Đây là phức hợp lâu đài lớn nhất thế giới, kéo dài hơn nửa cây số từ cổng phía tây đến đỉnh phía đông, và có diện tích gần năm triệu bộ vuông. Những bức tường ngoài bao quanh sáu khu vườn chính thức, bốn cung điện riêng biệt và bốn nhà thờ Kitô giáo, bao gồm nhà thờ St. Vitus tuyệt đẹp, nơi giữ gìn các viên ngọc triều đình của Bohemia, cùng với vương miện của Thánh Wenceslas,

nhà lãnh đạo được yêu quý, được tưởng nhớ trong bài thánh ca Giáng Sinh nổi tiếng. Khi Langdon đi qua phía dưới tháp tây của Cầu Charles, anh cười thầm trong lòng, nghĩ về sự kiện tại Lâu đài Prague đêm trước. Katherine có thể rất kiên trì. “Hãy đến buổi thuyết giảng của tôi, Robert!” cô đã nói khi gọi cho anh hai tuần trước để dụ anh đến Prague. “Hoàn hảo—anh sẽ có kỳ nghỉ đông. Chuyến đi này là quà của tôi.” Langdon suy nghĩ về lời đề nghị tình nghịch của cô. Hai người họ luôn tận hưởng một cuộc vui đùa trong sáng và sự tôn trọng lẫn nhau, và anh có tâm lý muốn bỏ mặc sự thận trọng và chấp nhận lời mời bộc phát của cô. “Tôi bị cảm sốt, Katherine. Prague thật kỳ diệu, nhưng thực sự—” “Để tôi nói thẳng vào vấn đề,” cô bật ra. “Tôi cần một người đi cùng, được chứ? Đây, tôi đã nói ra rồi. Tôi cần một người hẹn hò cho bài thuyết giảng của mình.” Langdon bật cười. “Đó là lý do bạn gọi? Một nhà khoa học nổi tiếng thế giới... và bạn cần một người hộ tống?” “Chỉ là một món trang trí, Robert. Có một bữa tối nhà tài trợ trang trọng, và sau đó tôi sẽ nói chuyện trong một hội trường nổi tiếng—Vlad... cái gì đó.” “Hội trường Vladislav?! Tại Lâu đài Prague?” “Chính xác.” Langdon cảm thấy ấn tượng. Chuỗi bài giảng của Trường Đại học Charles diễn ra hàng quý là một trong những sự kiện danh giá nhất châu Âu, nhưng dường như nó có phần cao siêu hơn anh tưởng. “Bạn có chắc muốn có một chuyên gia ký hiệu bên cạnh tại bữa tiệc trang trọng không?” “Tôi đã hỏi Clooney, nhưng bộ vest của anh ấy đang ở tiệm giặt.” Langdon rên rỉ. “Có phải tất cả các nhà nghiên cứu tri thức đều kiên trì như vậy không?” “Chỉ những người giỏi thôi,” cô nói. “Và tôi sẽ coi đó như một câu trả lời đồng ý.” Thật khác biệt với chỉ hai tuần trước, Langdon suy nghĩ, vẫn mỉm cười khi anh đến bên kia Cầu Charles. Prague chắc chắn đã sống xứng đáng với danh tiếng của nó như một thành phố kỳ diệu... một chất xúc tác với sức mạnh cổ xưa. Một điều gì đó đã xảy ra ở đây... Langdon sẽ không bao giờ quên ngày đầu tiên bên Katherine ở nơi bí ẩn này—mất mình trong mê cung các con phố lát đá... chạy băng qua cơn mưa mù sương nắm tay nhau... tìm nơi trú ẩn dưới một vòm của Cung điện Kinsky trong Quảng trường Phố Cổ... và ở đó, thờ hồn hên, trong bóng tối của Tháp Đồng Hồ... nụ hôn đầu tiên của họ, mà cảm giác thật dễ dàng đáng ngạc nhiên sau hàng thập kỷ bạn bè. Liệu bởi vì Prague, thời điểm hoàn hảo, hay sự dẫn dắt của một bàn tay vô hình, Langdon không hề biết, nhưng nó đã khơi dậy một phản ứng hóa học bất ngờ giữa họ, đang ngày càng mạnh mẽ theo từng ngày qua. Bên kia thành phố, The Gollem rẽ một khúc cuối cùng và một môi đến tòa nhà của anh. Anh mở khóa cửa ở ngoài và bước vào hành lang nhỏ bé của nơi ở của mình. Lối vào tối tăm, nhưng anh không chọn bật đèn. Thay vào đó, anh lách qua một lối hẹp đến một cầu thang ẩn, nơi anh leo lên trong bóng tối, nắm lấy tay vịn để định hướng. Chân anh đau nhức, phản đối khi anh leo lên, và anh cảm thấy biết ơn khi cuối cùng đã đạt đến cánh cửa căn hộ của mình. Sau khi cẩn thận lau tuyết khỏi giày, The Gollem đã mở khóa cửa và bước vào trong. Căn hộ của anh chìm trong bóng tối hoàn toàn. Chính xác như tôi đã tạo ra nó. Bức tường và trần nhà bên trong đều được sơn màu đen, và các cửa sổ được che phủ bằng những tấm rèm nặng. Sàn nhà bóng loáng đã trở nên xỉn màu và u ám, không phản chiếu ánh sáng, và có gần như không có đồ nội thất. The Gollem bật công tắc chính, và một chục đèn neon đen sáng lên khắp căn hộ, phát ra ánh sáng màu tím nhẹ nhàng trên những đồ vật có màu sáng. Ngôi nhà của anh là một phong cảnh siêu thực—huyền ảo và phát sáng—và nó ngay lập tức giúp anh cảm thấy thoải mái. Di chuyển trong không gian này khiến anh cảm nhận như đang trôi qua một khoảng trống sâu thẳm... trôi từ vật phát sáng này sang vật khác. Sự thiếu ánh sáng phổ tạo ra một môi trường “thời gian trung lập”—một thế giới phi thời gian mà hình thức vật lý của anh không nhận được tín hiệu theo nhịp sinh học. Nhiệm vụ của The Gollem yêu cầu anh giữ giờ giấc không đều, và sự thiếu ánh sáng đã tự do nhịp sinh học của anh khỏi những ảnh hưởng của thời gian thông thường. Lịch trình có thể đoán trước là một thứ xa xỉ dành cho những linh hồn đơn giản hơn... những linh hồn không mang nỗi khổ. Dịch vụ của tôi được cô ấy yêu cầu vào những thời điểm bất ngờ—ngày và đêm. Anh di chuyển qua bóng tối ma quái, bước vào phòng thay đồ và cởi áo choàng cùng giày. Giờ đây trần trường từ cổ trở

xuống, làn da anh phát sáng nhợt nhạt trong ánh sáng đen, nhưng anh đã tránh nhìn vào đó. Nơi trú ẩn của anh cố tình không có gương, ngoại trừ chiếc gương nhỏ cầm tay mà anh dùng để thoa đất sét lên mặt. Nhìn thấy hình thức vật lý của mình luôn khiến anh cảm thấy bất an. Cơ thể này không phải của tôi. Tôi chỉ đơn giản là đã hiện hữu trong đó. The Gollem đi chân trần về phía phòng tắm, nơi anh bật vòi sen và bước vào. Sau khi lột bỏ chiếc mũ đất sét bám dính, anh nhắm mắt lại, nâng mặt về phía dòng nước ấm. Nước cảm giác như làm sạch khi những mảnh đất khô rã ra thành những dòng chảy tối tăm chảy xuống cơ thể anh và xoáy vào cống thoát. Khi The Gollem cảm thấy tự tin rằng mình đã loại bỏ mọi dấu vết của những hoạt động đêm qua, anh bước ra khỏi vòi sen và lau khô người.

Ether đang kéo mạnh hơn về phía anh, nhưng anh không vói tay về cây đuă phép của mình. Đã đến lúc. Vẫn trong trạng thái không quần áo, The Gollem tiến vào bóng tối đến svatyně của mình—căn phòng đặc biệt mà anh đã tạo ra để đón nhận món quà này. Trong bóng đêm hoàn toàn, anh đi đến chiếc đệm gai mà anh đặt ở giữa sàn nhà. Một cách tôn trọng, anh nằm xuống, tựa mình trần trụi và nằm ngửa ở chính giữa tấm đệm. Rồi anh đặt quả bóng silicone chengbaobaby có lỗ vào miệng... và Phóng thích.

F CHƯƠNG 4

Người đầu tiên ở đây nữa, Langdon nghĩ thầm, đến Trung tâm Bơi lội Strahov ngay khi người phụ trách đang mở khóa tòa nhà. Langdon biết ít trải nghiệm nào sang trọng hơn việc có cả một hồ bơi dài hai mươi lăm mét chỉ cho riêng mình. Anh tìm chiếc tủ khóa đã thuê, trượt vào bộ đồ bơi Speedo, tắm nhanh, lấy kính bơi Vanquisher, và đi về phía hồ bơi. Những chiếc đèn huỳnh quang trên đầu chỉ mới bắt đầu ấm lên, và căn phòng vẫn hầu như tối. Langdon đứng với đầu ngón chân chạm mép hồ bơi, nhìn ra tấm nước phẳng lặng, trông giống như một chiếc gương đen khổng lồ. Đèn thờ Athena, anh ngẫm nghĩ, nhớ lại cách người Hy Lạp cổ đại đã thực hành catoptromancy bằng cách nhìn vào những hồ nước tối để chiêm ngưỡng tương lai của họ. Anh hình dung Katherine đang ngủ trong phòng khách sạn của họ và tự hỏi có lẽ nào cô là tương lai của anh. Khái niệm đó vừa khiến anh hồi hộp vừa lo lắng cho một người độc thân hoàn hảo. Langdon kéo kính bơi lên mắt, hít một hơi thật sâu, và phóng mình ra phía nước, cắt qua mặt hồ. Dưới nước, anh giữ nhịp lướt trong hai giây rồi thực hiện mười mét cú đá cá heo trước khi nổi lên trong kiểu bơi tự do. Tập trung vào nhịp thở của mình, Langdon trôi vào trạng thái nửa thiền định mà việc bơi lúc nào cũng mang lại cho anh. Cơ thể cơ bắp của anh thư giãn, và cơ thể trở nên mảnh mai và thanh thoát, tiếp tục tiến về phía trước trong bóng tối với tốc độ ấn tượng cho một người đàn ông ở tuổi năm mươi. Thông thường, bơi lội làm trống rỗng tâm trí Langdon hoàn toàn, nhưng sáng nay, ngay cả sau bốn vòng bơi, tâm trí của anh vẫn đầy... replay những khoảnh khắc từ bài giảng cuốn hút của Katherine đêm qua. “Ý thức của bạn không được tạo ra bởi bộ não của bạn. Thực tế, ý thức của bạn không thậm chí nằm trong đầu bạn.” Những câu nói đó đã kích thích sự tò mò của mọi người có mặt, và tuy nhiên Langdon biết bài giảng của cô chỉ mới chạm đến bề mặt của những gì sẽ được đưa vào cuốn sách sắp tới của cô. Cô tuyên bố đã phát hiện ra một điều gì đó tuyệt vời. Phát hiện của Katherine—bất kể đó có thể là gì—là một bí mật. Cô chưa chia sẻ điều đó với bất kỳ ai, bao gồm cả Langdon, mặc dù cô đã ám chỉ nó một vài lần trong những ngày gần đây, tâm sự với anh rằng nghiên cứu cho cuốn sách của cô đã dẫn đến một đột phá đáng kinh ngạc. Sau bài giảng của cô đêm qua, Langdon cảm thấy ngày càng có cảm giác rằng cuốn sách của Katherine có thể có tiềm năng bùng nổ. Cô không né tránh tranh cãi, Langdon nghĩ, đã thích thú xem cô làm rối loạn tinh thần của các nhà truyền thống trong khán giả. “Khoa học có một lịch sử dài về những mô hình sai lầm,” cô đã tuyên bố, giọng nói của cô vang vọng khắp Hội trường Vladislav. “Lý thuyết trái đất phẳng, hệ mặt trời địa tâm, vũ trụ trạng thái ổn định... tất cả đều sai, mặc dù từng được coi trọng và tin là đúng. May mắn thay, các hệ thống niềm tin của chúng ta tiến hóa khi đối mặt với đủ những bất nhất không thể giải thích.” Katherine cầm một chiếc điều khiển cầm tay, và màn hình phía sau cô bỗng sống động, hiện lên mô hình thiên văn trung cổ—hệ mặt trời với trái đất ở giữa. “Trong nhiều thế kỷ, mô hình địa tâm này được chấp nhận như một sự thật tuyệt đối. Nhưng theo thời gian, các nhà thiên văn nhận thấy chuyển động của các hành tinh không nhất quán với mô hình đó. Những bất thường trở nên quá nhiều và rõ ràng đến nỗi chúng tôi...” Cô bấm tiếp. “Đã xây dựng một mô hình khác.” Màn hình giờ hiển thị một hình minh họa hiện đại của hệ mặt trời với mặt trời ở giữa. “Mô hình mới này giải thích tất cả các hiện tượng bất thường, và lý thuyết nhật tâm hiện là thực tế được chúng ta chấp nhận.” Khán giả ngồi yên lặng khi Katherine đi đến phía trước sân khấu. “Tương tự,” cô nói, “đã có một thời điểm khi gợi ý về một trái đất hình tròn là điều khiến người ta cười—thậm chí còn là

tà thuyết khoa học. Dù sao thì, nếu trái đất hình tròn, thì không phải các đại dương sẽ chảy tràn ra sao? Phải chăng nhiều người trong chúng ta sẽ bị lộn ngược? Tuy nhiên, từng chút một, chúng ta bắt đầu thấy những hiện tượng không phù hợp với mô hình trái đất phẳng—bóng đổ cong của trái đất trong một lần nhật thực, tàu thuyền đi ra khỏi đường chân trời biển mất từ dưới lên trên, và rồi, dĩ nhiên, Magellan đã vòng quanh thế giới.” Cô mỉm cười. “Ồi. Đã đến lúc cho một mô hình mới.” Đầu gật gù trong sự thích thú chung. “Thưa quý vị,” cô nói, giọng điệu nghiêm túc, “tôi tin một sự tiến hóa tương tự hiện đang diễn ra trong lĩnh vực ý thức con người. Chúng ta sắp trải qua một sự thay đổi lớn trong hiểu biết của chúng ta về cách bộ não hoạt động, bản chất của ý thức, và, thực tế...bản chất của chính thực tại.” Không gì giống như việc đặt lòng tham cao, Langdon nghĩ. “Giống như tất cả các niềm tin lỗi thời,”

cô ấy nói, “mô hình mà hiện nay đã được chấp nhận về ý thức con người giờ đây đang phải đối diện với một làn sóng hiện tượng đang gia tăng mà nó đơn giản không thể giải thích được...những hiện tượng mà các phòng thí nghiệm noetic trên khắp thế giới đã xác minh một cách tỉ mỉ, và mà con người đã chứng kiến trong nhiều thế kỷ. Dù vậy, giới khoa học truyền thống vẫn từ chối thừa nhận sự tồn tại của những hiện tượng này hoặc thậm chí chấp nhận rằng chúng có thật. Thay vào đó, họ coi thường chúng như những điều kỳ quặc và ngoại lệ được xếp vào một đầu mục khinh suất—‘Siêu nhiên’—mà đã trở thành cách nói tắt cho ‘hoàn toàn không phải khoa học.’” Nhận xét đó khiến vài tiếng xì xào từ phía sau hội trường, nhưng Katherine tiếp tục, không bị dao động. “Trên thực tế, các bạn đều khá quen thuộc với những hiện tượng siêu nhiên này,” cô tuyên bố. “Chúng có những cái tên như ESP...tiên tri...thần giao cách cảm...thấu thị...trải nghiệm ra khỏi cơ thể. Mặc dù được coi là ‘siêu’-bình thường, chúng thực chất là hoàn toàn bình thường. Chúng xảy ra hàng ngày, cả trong các phòng thí nghiệm khoa học với các thí nghiệm được kiểm soát cẩn thận...và cũng trong thế giới thực.” Căn phòng đã hoàn toàn rơi vào im lặng. “Câu hỏi không phải là liệu những hiện tượng này có thật hay không,” Katherine nói. “Khoa học đã chứng minh rằng chúng có. Câu hỏi là...tại sao nhiều người trong chúng ta lại tiếp tục mù quáng với chúng?” Cô nhấn một nút, và một hình ảnh hiện ra trên màn hình phía sau cô. Lưới Hermann. Langdon nhận ra ảo ảnh nổi tiếng mà những chấm đen dường như xuất hiện và biến mất tùy thuộc vào nơi bạn tập trung trong sơ đồ. Khán giả bắt đầu trải nghiệm hiệu ứng, và một tiếng thì thào ngạc nhiên lan rộng trong phòng. “Tôi cho các bạn xem điều này vì một lý do đơn giản—để nhắc nhở chúng ta rằng nhận thức của con người đầy rẫy những điểm mù,” Katherine kết luận. “Đôi khi chúng ta quá bận rộn nhìn về hướng sai...đến nỗi không thấy những gì ngay trước mắt chúng ta.” Bầu trời buổi sáng vẫn tối đen khi Langdon rời trung tâm bơi lội và quay lại xuống dốc. Buổi thiên dưới nước kéo dài ba mươi phút đã để lại cho anh cảm giác thanh thản, và cuộc đi bộ một mình trở về khách sạn nhanh chóng trở thành một trong những phần yêu thích trong ngày của anh. Khi đến gần dòng sông, đồng hồ kỹ thuật số tại trung tâm thông tin du lịch hiện lên 6:52 sáng. Còn nhiều thời gian, Langdon tự nhủ, vẫn hy vọng sẽ trèo lại lên giường với Katherine và thuyết phục cô hủy cuộc họp lúc 8 giờ sáng với Brigita Gessner. Nhà thần kinh học đã gần như ép buộc Katherine đến phòng thí nghiệm của cô ấy để tham quan vào sáng nay, và Katherine đã quá lịch sự để từ chối. Khi Langdon đến cầu Charles, anh thấy lớp tuyết phẳng lý không còn nguyên vẹn, giờ đã điểm xuyết những dấu chân của những người dậy sớm khác. Khi anh bước vào cầu, Tháp Judith nổi lên bên phải anh, là phần còn lại duy nhất của cấu trúc trung cổ nguyên bản. Xa xa là tháp canh “mới” từ thế kỷ mười bốn nơi những cái đầu bị xử chém từng được trưng bày trên những cái cọc như một lời nhắc nhở đối với bất kỳ ai có thể nghi ngờ về quyền lực của nhà Habsburg. Họ nói rằng bạn vẫn có thể nghe được những tiếng rên rỉ đau đớn của họ khi bạn đi ngang qua. Từ “Prague” thực sự có nghĩa là “ngưỡng,” và Langdon luôn cảm thấy như mình đã vượt qua một cái ngưỡng mỗi khi anh đến đây. Trong nhiều thế kỷ, thành phố kỳ diệu này đã được đắm chìm trong huyền bí, ma quái và linh hồn. Ngay cả ngày nay, những cuốn sách hướng dẫn vẫn khẳng định thành phố này có một hào quang siêu nhiên mà tất cả những ai cởi mở đều có thể cảm nhận được. Chắc tôi không phải là một trong số đó, Langdon biết, mặc dù anh phải thừa nhận rằng cầu Charles có vẻ siêu thực vào buổi sáng này, với những bông tuyết rơi tạo thành những vòng hào quang ma quái xung quanh những ngọn đèn gas. Trong suốt nhiều thế kỷ, thành phố này đã trở thành trung tâm của các hiện tượng huyền bí ở châu Âu. Vị vua Rudolf II của Prague đã bí mật thực hành các khoa học chuyển hóa trong Speculum Alchemiae của mình dưới lòng đất. Những nhà tiên tri John Dee và Edward Kelley đã đến đây để thực hiện các buổi scrying nhằm triệu hồi linh hồn và trò chuyện với các thiên thần. Tác giả Do Thái bí ẩn Franz Kafka đã sinh ra

và làm việc tại đây, viết nên tác phẩm siêu thực u ám của mình, Biển Hình. Khi Langdon tiếp tục băng qua cầu, ánh mắt anh rơi vào Khách sạn Four Seasons ở xa xa, nằm ngay bên bờ sông, với dòng nước sâu của Vltava lấp lánh vỗ về nền tòa nhà. Trên bề mặt lấp lánh, những cửa sổ tầng hai của phòng họ vẫn tối đen. Katherine vẫn đang ngủ, anh nghĩ, không hề ngạc nhiên khi xem xét cơn ác mộng đã khiến cô thức suốt phần lớn đêm. Khoảng một phần ba quãng đường băng qua cây cầu khổng lồ, Langdon đi qua bức tượng đồng của Thánh John của Nepomuk. Bị giết ở chính nơi này, anh nghĩ lạnh người. Được nhà vua ra lệnh phá vỡ lời hứa về sự bí mật trong tòa án và tiết lộ những lời xưng tội riêng tư của hoàng hậu, vị linh mục đã từ chối, vì vậy nhà vua đã ra lệnh tra tấn ông và ném ông xuống cầu. Langdon đang mãi mê trong những suy nghĩ của mình khi ánh nhìn của anh bị thu hút bởi một cảnh tượng bất thường ở phía trước. Khoảng giữa cầu, một người phụ nữ mặc toàn bộ màu đen đang tiến lại gần. Langdon đoán cô ấy đang trở về từ một bữa tiệc hóa trang vì cô ấy đang đội một chiếc mũ kỳ quái—một loại vương miện với một nửa tá những chiếc đinh đen mảnh mai tỏa ra trực tiếp.

từ đầu của cô ấy, vươn ra và lan ra, vòng quanh đầu cô, như một chiếc... Langdon cảm thấy lạnh sống lưng. Một vương miện chói lọi? Sự trùng hợp kỳ lạ khi thấy một chiếc vương miện chói lọi vào buổi sáng hôm nay thật đáng ngạc nhiên và hơi đáng sợ, nhưng Langdon nhắc nhở bản thân rằng việc hóa trang quái gở là điều bình thường ở Prague. Tuy nhiên, khi cô ấy tiến lại gần hơn, cảnh tượng trở nên kỳ quái hơn. Người phụ nữ với vòng hào quang nhọn như gai dường như đang trong cơn mê, bước đi như thể nửa tỉnh nửa mơ, đôi mắt nai của cô ấy nhìn chăm chăm về phía trước. Langdon đang định hỏi liệu cô ấy có ổn không thì nhận ra điều mà cô ấy đang cầm trong tay. Cảnh tượng khiến anh dừng lại. Nhưng điều đó là... không thể! Người phụ nữ đang nắm một cây giáo bằng bạc. Giống hệt như trong cơn ác mộng của Katherine... Langdon nhìn cây vũ khí nhọn, ngay lập tức tự hỏi liệu có phải bây giờ anh đang nằm mơ không. Khi người phụ nữ tiến lại gần bên anh, Langdon nhận ra mình đã dừng bước, bị tê liệt bởi sự bối rối của chính mình. Tỉnh khỏi trạng thái mơ hồ, anh quay lại và gọi cô ấy, cố gắng thu hút sự chú ý của cô. “Xin lỗi!” anh thốt lên. “Cô?!”

Cô ấy vẫn không ngừng bước, như thể không nghe thấy anh. “Xin chào!” Langdon hét lên, đứng yên, nhưng người phụ nữ chỉ lướt qua như một hồn ma... một linh hồn mù lòa bị cuốn đi qua cây cầu bởi một sức mạnh vô hình nào đó. Langdon quay lại chạy theo cô nhưng chỉ tiến được hai bước trước khi dừng lại, lần này bị chặn bởi một mùi hôi thối. Lan tỏa trong bóng dáng của hồn ma là một mùi unmistakable. Mùi của... cái chết. Mùi hôi thối có tác động tức thì đến Langdon. Anh bị tràn ngập bởi nỗi sợ hãi. Lạy Chúa, không... Katherine! Hành động theo bản năng thuần túy, Langdon quay lại, cuống cuống lấy điện thoại từ trong túi ra trong khi bắt đầu chạy với tốc độ tối đa dọc theo Cầu Charles. Khi anh chạy về phía khách sạn, anh giữ điện thoại trước miệng và hét lên, “Này, Siri, gọi một-một-hai!” Đến khi cuộc gọi được kết nối, Langdon đã băng qua cầu và đến đường Křižovnická. “Một-một-hai,” một giọng nói thông báo. “Tình huống khẩn cấp của bạn là gì?” “Khách sạn Four Seasons Prague!” Langdon hét lên khi anh rẽ trái và chạy dọc theo vỉa hè tối tăm về phía khách sạn. “Bạn cần phải sơ tán! Ngay bây giờ!” “Xin lỗi, xin vui lòng cho biết tên bạn?” “Robert Langdon, tôi là một Am—” Một chiếc taxi xuất hiện từ bãi đỗ xe trước mặt anh, và anh va mạnh vào bên hông của xe, đánh rơi điện thoại xuống đường phủ tuyết. Anh nhanh chóng nhặt nó lên và tiếp tục chạy, nhưng cuộc gọi đã bị mất. Không quan trọng; lối vào khách sạn vẫn ngay trước mặt anh. Thở hổn hển, anh xông vào sảnh, nhìn thấy quản lý và gọi đến ông. “Mọi người cần phải ra ngoài!” Các nhân viên cảnh sát đã rời đi, nhưng một vài khách đang thưởng thức cà phê sáng đều nhìn lên ngạc nhiên. “Mọi người đang gặp nguy hiểm!” Langdon lại hét lên với quản lý. “Ra ngoài!” Người đàn ông vội vã đến, vẻ mặt hoảng sợ. “Giáo sư, xin hãy! Có chuyện gì vậy?!” Langdon đã chạy đến báo động cháy ở trên tường. Không do dự, anh đập vỡ kính và kéo cần. Ngay lập tức, chuông báo động kêu lên. Langdon lao ra khỏi sảnh và chạy nhanh qua hành lang dài đến một cái annex nơi phòng họ ở. Đến phía sau khách sạn, anh bỏ qua thang máy và nhanh chóng leo lên hai tầng cầu thang đến phòng khách riêng, mở khóa căn hộ Hoàng Gia, xông vào bên trong, và gọi hoảng loạn vào trong bóng tối. “Katherine! Dậy đi! Cơn mơ mà bạn có...!” Anh bật công tắc đèn mẹ và chạy vào phòng ngủ. Giường đã trống không. Cô ấy ở đâu?! Anh chạy vào phòng tắm. Không có gì. Trong cơn tuyệt vọng, anh lục soát phần còn lại của căn hộ. Cô ấy không ở đây?! Trong khoảnh khắc đó, một tiếng chuông nhà thờ gần đó bắt đầu vang lên buồn bã. Âm thanh tràn ngập Langdon với một nỗi sợ hãi mãnh liệt. Có điều gì đó nói với anh rằng anh sẽ không bao giờ ra khỏi khách sạn kịp thời. Lo sợ cho mạng

sống của mình và hành động theo adrenaline, anh chạy về phía cửa sổ và nhìn xuống làn nước sâu của dòng Vltava. Bề mặt nước uốn lượn, tối tăm nằm ngay bên dưới anh. Tiếng chuông vang lên lớn hơn. Anh cố nghĩ, nhưng không có câu hỏi nào, chỉ có một bản năng con người áp đảo — sự sống sót. Không do dự, Langdon kéo mở cửa sổ và trèo lên bậc cửa. Luồng không khí lạnh buốt và tuyết ủa qua người anh không thể làm dịu nổi sự hoảng loạn. Đây là lựa chọn duy nhất của bạn. Anh bước đến mép bậc cửa sổ. Sau đó, hít một hơi thật sâu, Langdon lao mình vào bóng tối.

CHƯƠNG 5

Robert Langdon thờ hồn hên. Nước lạnh của dòng sông Vltava đã sốc hệ thống của anh đến gần như tê liệt, và khi anh vật lộn để nổi lên, anh cảm thấy sức nặng của bộ quần áo ướt đang đè nặng kéo anh xuống. Katherine... Langdon ngẩng lên nhìn cửa sổ tầng hai từ đó anh đã nhảy xuống. Cái nổ mà anh sợ hãi sắp xảy ra... đã không xảy ra. Khách sạn Four Seasons vẫn đứng vững,

vẫn còn rất nguyên vẹn. Dưới ánh sáng chói lóa của đèn khẩn cấp, những vị khách trong khách sạn đang ủa ra lối thoát bên hông ra một hành lang rộng, nơi có tầm nhìn ra bên cạnh thuyền của khách sạn, nơi nhô ra sông. Khi đang vật lộn với dòng nước, Langdon chợt nhận ra dòng nước đang kéo anh ra xa; bến tàu của khách sạn sẽ là cơ hội duy nhất để anh trèo lên khỏi mặt nước trước khi bị cuốn trôi xuống hạ lưu. Cố gắng tránh hoảng loạn, anh đã cố gắng bơi về phía bến tàu, nhưng anh gần như không thể nâng cao cánh tay của mình. Chiếc áo khoác ướt sũng như một cái móc nặng trĩu quanh anh. Nước lạnh đã chèn ép hệ thống tuần hoàn của anh, và Langdon cảm thấy những dấu hiệu cảnh báo đầu tiên của chứng hạ thân nhiệt từ cơn đau bắn xuyên qua mắt cá chân và cổ tay của mình. Bơi, Robert... Chuyển sang bơi ếch một cách vụng về, Langdon phải chống lại dòng nước, cố gắng bơi về phía bến tàu. Anh liếc nhìn nó và lo sợ bị kéo qua thác nước không xa phía hạ lưu—mặc dù anh biết mình có thể sẽ ngất xỉu và bị chìm từ lâu trước khi bị cuốn qua rìa. Đẩy lên, quái quỷ! Khi cánh tay của anh kéo mình qua nước, tâm trí Langdon nóng bỏng với hình ảnh của người phụ nữ như bóng ma mặc vương miện đen tỏa sáng. Món đồ trên đầu có thể là một sự trùng hợp đến kinh ngạc... nhưng trường thương của cô ấy? Và mùi của cái chết? Không thể nào. Không thể giải thích. Trong một khoảnh khắc, Langdon tự hỏi liệu mình có còn đang ngủ, bị mắc kẹt trong một cơn ác mộng sống động như cái mà Katherine đã trải qua đêm qua. Không. Cái lạnh cắt da và nhịp đập hoảng loạn của trái tim anh đảm bảo rằng anh đang tỉnh. Như bất kỳ ai đã từng ngã xuống nước hồ đều có thể chứng thực, sự khởi đầu của chứng hạ thân nhiệt cấp tính đi kèm với một chuỗi trạng thái tinh thần đặc biệt—sốc, hoảng loạn, suy ngẫm, và cuối cùng, chấp nhận. Hãy sử dụng sự hoảng sợ, anh tự nhủ. Bơi mạnh hơn. Chéo dòng nước, Langdon bơi một cách vụng về về phía bến tàu, cố gắng phớt lờ cơn đau tăng lên. Mỗi nỗ lực khiến cơn đau tồi tệ hơn, mặc dù tiếng chuông cảnh báo từ khách sạn dường như đang ngày càng lớn hơn. Gần hơn. Đôi mắt anh rất trong nước lạnh, và tầm nhìn của anh bắt đầu mờ đi. Bến tàu đã gần, một khối đen trong ánh sáng chói của đèn an ninh, và Langdon thúc giục bản thân về phía đó, tạo ra một cú thúc cuối cùng. Khi tay anh chạm vào một thứ gì đó vững chắc, những ngón tay tê cóng của anh gần như không thể cảm nhận được bề mặt thô ráp của gỗ, hướng chỉ là nắm chặt. Anh kéo mình từng chút một xuống bến tàu đến cái thang nhỏ bằng kim loại được gắn ở đó. Sử dụng mọi sức lực còn lại, anh kéo mình lên, ngã nhào như một món nặng xuống bến, quần áo ướt sũng của anh làm đổ nước xung quanh. Langdon nằm bất động, run rẩy và kiệt sức, biết rằng anh vẫn còn rất nhiều nguy hiểm. Tôi sẽ đóng băng nhanh chóng ở đây. Tôi cần phải ấm lên. Anh bò dậy và ngẩng đầu nhìn lên khách sạn. Hành lang đã đông kín khách, nhiều người mặc áo choàng tắm, đứng giữa tuyết. Anh quay lại nhìn về phía Cầu Charles, trông như một bức burlap, với những chiếc đèn gas phát sáng ấm áp trong tuyết rơi. Tôi đã thấy những gì tôi đã thấy. Langdon nghe thấy tiếng bước chân nhanh chóng trên bến tàu. “Ông Langdon!” giám đốc khách sạn gào lên, với đôi mắt hoảng loạn. Ông ta trượt dừng lại trên bề mặt phủ tuyết. “Ông có ổn không, thưa ngài?! Đã xảy ra chuyện gì ở đây?!” Langdon gật đầu. “Tôi... nghĩ là... có...” “Có hỏa hoạn?!” Run rẩy vì lạnh, Langdon lắc đầu. “Không...” “Thế tại sao ông lại kéo chuông báo động?!” Giọng điệu thường ngày lịch sự của người đàn ông đã trở nên căng thẳng và tức giận. “Tôi nghĩ... có nguy hiểm.” “Từ gì?! ” Langdon cố gắng tự chống đỡ để ngồi dậy. Đầu anh đau nhức, và anh cảm thấy chứng hạ thân nhiệt đã bắt đầu. Một nhân viên bảo vệ khách sạn chạy nhanh xuống bến và gia nhập cùng họ. Người đàn ông cơ bắp cúi xuống và thô bạo kéo Langdon đứng dậy, nâng anh với một cái nắm chặt dưới cánh tay. Langdon không chắc liệu nhân viên bảo vệ có đang giúp anh đứng dậy hay đang kiểm chế anh. “Tại sao ông lại kéo chuông báo

động, thưa ngài?” giám đốc nhắc lại, chăm chăm vào anh. “Tôi xin lỗi...” Langdon đáp, hàm răng bắt đầu va vào nhau. “Tôi đã... hoang mang.” “Vì cảnh sát ở lễ tân? Tôi đã nói với ông đó không phải là gì cả!” Giám đốc dường như khó khăn để kiềm chế bản thân. “Tôi cần biết—có an toàn để quay lại bên trong không?” Langdon có thể thấy những vị khách vẫn đang từ lối thoát khẩn cấp phía sau, và chỉ có thể tưởng tượng ra sự hỗn loạn ở lối vào chính của khách sạn. Tôi không thể giải thích điều này với họ. Họ sẽ nghĩ tôi điên. “Giáo sư Langdon,” giám đốc nói, giọng điệu thất vọng giờ đã chuyển sang giận dữ, “tôi cần một câu trả lời! Tôi có bốn trăm khách đứng bên ngoài trong tuyết. Tòa nhà có an toàn không? Có hoặc không! Liệu các vị khách của chúng ta có thể quay lại bên trong?” Langdon lại thấy hình ảnh của người phụ nữ mang vương miện đen tỏa sáng... mũi thương bằng bạc... và mùi thối rữa của cái chết. Phải có một giải thích khác. Thế giới

không hoạt động theo cách này! Giữ bình tĩnh, Robert. Langdon cuối cùng gật đầu. “Vâng...Tôi tin rằng điều đó an toàn. Tôi vô cùng xin lỗi. Như tôi đã nói...Tôi đã nhầm lẫn—” “Tắt còi!” người quản lý nói với bảo vệ, người ngay lập tức thả Langdon ra. Khi Langdon chao đảo trên đôi chân run rẩy, bảo vệ rút ra một cái radio và ra lệnh trong khi người quản lý khách sạn gọi điện trên di động của mình. Chỉ trong vài giây, tiếng còi đã im lặng, thay vào đó là tiếng hú xa xăm của những chiếc xe cứu thương đang tiến lại gần. Người quản lý nhắm mắt lại, hít một hơi sâu, và thở ra chậm rãi qua môi mím lại. Rồi ông mở mắt và bình tĩnh phủi những bông tuyết khỏi bộ vest tối màu của mình. “Giáo sư Langdon,” ông thì thầm qua những hàm nghiến chặt, “Tôi cần liên hệ với các cơ quan chức năng. Bảo vệ của tôi sẽ giúp anh đến phòng của bạn. Đừng đi đâu cả. Các cơ quan chức năng sẽ cần nói chuyện với anh.” Langdon gật đầu hiểu ý. Khi người quản lý vội vàng bỏ đi, bảo vệ dẫn Langdon qua một lối vào phục vụ nhỏ hơn đến một cầu thang phía sau. Giày thể thao của Langdon kêu lộp độp với mỗi bước chân khi hai người đi lên Royal Suite. Cửa mở, và đèn sáng, chính xác như Langdon đã để lại. “Ồ lại đây,” bảo vệ ra lệnh, chỉ vào trong phòng. Langdon không nói được tiếng Czech, nhưng ngôn ngữ cơ thể của nhân viên bảo vệ thì rất rõ ràng. Vào trong và không ra ngoài. Langdon gật đầu và bước vào căn phòng một mình, đóng cửa lại sau lưng. Cửa sổ bay mà anh đã nhảy ra vẫn mở rộng, bó hoa trên bậu cửa đã bắt đầu héo vì lạnh giá. Những bông tulip đỏ, trắng và xanh đã là món quà từ đại sứ Mỹ gửi cho Katherine để vinh danh bài giảng của cô, với màu sắc tương ứng của cả lá cờ Mỹ và Czech. Langdon đóng cửa sổ lại, nhớ lại một cách u ám rằng thực hành ném (defenestration)—ném một nạn nhân ra khỏi cửa sổ cao—đã khơi mào cho cả các cuộc chiến Hussite và Cuộc chiến Ba mươi năm. May mắn thay, cửa sổ khách sạn của Langdon thấp hơn đáng kể so với Tháp Lâu đài Prague, và mặc dù sự cố anh gây ra sáng nay, Langdon nghi ngờ rằng anh đã bắt đầu bất kỳ cuộc chiến nào. Tôi cần nói chuyện với Katherine...và kể cho cô ấy biết những gì tôi đã thấy. Cuộc gặp gỡ trên cầu Charles thật rồi ren như bất cứ điều gì mà Langdon có thể nhớ, và mặc dù Katherine rất cởi mở với mọi thứ “siêu nhiên,” Langdon nghi ngờ ngay cả cô ấy cũng không có lời giải thích. Hy vọng cô ấy có thể đã nhấn tin để nói rằng cô ấy đã ra khỏi khách sạn an toàn, Langdon đưa tay vào túi chiếc quần thể thao ướt đẫm để tìm điện thoại của mình, nhưng nó không còn ở đó—rất có thể là ở đáy sông Vltava. Một làn sóng lạnh lẽo mới lại xộc vào cơ thể anh khi anh vội vã đến phòng ngủ để gọi điện cho cô ấy bằng điện thoại khách sạn. Khi anh vội lấy tay nghe, anh thấy một mảnh giấy viết tay trên bàn đầu giường. Trong lúc hoảng loạn trước đó, anh đã không để ý đến nó. R— Quyết định đi bộ đến cuộc họp của tôi tại phòng lab của Dr. Gessner. Bạn không thể là người duy nhất tập thể dục hôm nay! Quay lại vào lúc 10 giờ sáng. Lưu cho tôi một ly sinh tố! —K Langdon thở ra. Katherine thì an toàn. Đó là tất cả những gì tôi cần biết. Nhẹ nhõm, anh đi thẳng vào phòng tắm, mở vòi nước, và bước vào trong khi vẫn mặc đồ. T CHƯƠNG 6 Ether đã qua đi, và The Gollem nằm khóa thân trên tắm thảm gai. Chặng đường của anh đã đạt tới đỉnh cao, như nó luôn làm, với những làn sóng hưng phấn và cảm giác kết nối tinh thần sâu sắc với mọi thứ. Nhận Ether là một khoái cảm không liên quan đến tình dục—một làn sóng hạnh phúc huyền bí mở ra một cánh cửa để nhìn thấy Thực tại như nó thực sự là. Những chuyến hành trình huyền bí như vậy thường bị coi thường như một loại ảo tưởng, nhưng những ai nhìn thấy Sự Thật thì không cần những bộ óc nhỏ bé. The Gollem biết từ kinh nghiệm rằng vũ trụ phức tạp và đẹp đẽ hơn nhiều so với những gì mà phần lớn mọi người có thể hiểu. Những người Hiện đại vẫn không thể chấp nhận Sự Thật mà những Người Cổ đại đã hiểu một cách trực quan...Cơ thể con người chỉ là một chiếc bình tạm thời để trải nghiệm thế giới trần tục này. Anh tháo chiếc gag bóng có lỗ ra khỏi miệng và đứng dậy, một mình trong bóng tối của svatyně. Trong ánh sáng mờ mịt, anh di chuyển

đến bức tường xa và quỳ xuống trên gối trước bàn thờ mà anh đã tạo ra ở đó. Sờ soạng trong bóng tối, anh tìm thấy hộp diêm và châm một que, thấp sáng ba ngọn nến thấp sáng mà anh đã sắp xếp trên bàn giữa một đám hoa khô. Khi ánh sáng từ những ngọn nến lung linh tăng lên, bức ảnh trên tường trước mặt anh hiện ra. Anh mỉm cười với vẻ yêu thương nhìn lên khuôn mặt của cô. Bạn không biết tôi, nhưng tôi ở đây để giải thoát bạn khỏi điều ác. Các lực lượng bóng tối đe dọa cô rất mạnh mẽ và có khả năng với tầm ảnh hưởng xa. Cô đang trở nên dễ tổn thương hơn bao giờ hết, đặc biệt vì cô đang bị phân tâm. Cô đã tìm thấy tình yêu. Hoặc ít nhất là vậy.

tin... Gollem cảm thấy kinh tởm khi biết rằng cô đang trao thân cho một người không đáng. Hấn không hiểu bạn như tôi. Không ai hiểu. Đôi khi, khi cô nằm trên giường, quần quýt với người tình mới của mình ở Prague, Gollem cho phép mình theo dõi... một vị khách trong tâm trí cô, lặng lẽ nhìn vào, khao khát gào thét vào tai cô: “Hấn không phải người như hấn tưởng!” Nhưng Gollem vẫn im lặng... một ý nghĩ trong bóng tối. Cô không bao giờ được biết tôi đang ở đây. T CHUÔNG 7 nhà xuất bản sách lớn nhất thế giới, Penguin Random House, xuất bản gần hai mươi nghìn cuốn sách mỗi năm và tạo ra hơn năm tỷ đô la doanh thu hàng năm. Trụ sở chính của nó tọa lạc trên Broadway ở Midtown Manhattan và chiếm hai mươi bốn tầng của một tòa nhà chọc trời bằng kính xám lấp lánh được biết đến với tên Random House Tower. Tôi nay, các văn phòng rất yên tĩnh. Đã quá nửa đêm ở thành phố, và ngay cả các đội vệ sinh cũng đã hoàn tất công việc. Tuy nhiên, ở tầng mười ba, một ánh sáng duy nhất vẫn sáng trong một văn phòng góc. Biên tập viên Jonas Faulkman là một cú đêm. Ở tuổi năm mươi lăm, ông vẫn giữ giờ giấc của một thiếu niên, chạy hàng ngày trong Central Park và mặc quần jeans đen và giày thể thao đến làm việc. Tóc đen xoăn của ông may mắn vẫn dày, nhưng râu của ông thì chắc chắn đã có những dấu hiệu bạc—gợi nhớ đến Joseph Conrad, ông thích nghĩ vậy. Faulkman yêu thích sự im lặng không bị quấy rầy vào những giờ muộn này, thưởng thức sự cô độc khi ông vật lộn với các cốt truyện phức tạp và những đoạn văn khúc khuỷu, viết những trang ghi chú chi tiết cho các tác giả của mình. Tối nay, ông đã dọn dẹp bàn làm việc của mình để dành cả đêm làm những gì ông thích nhất trên đời... đọc một bản thảo mới từ một tác giả hoàn toàn mới. Tiềm năng nhưng chưa được khám phá. Hầu hết các cuốn sách đã xuất bản đến và đi mà không để lại dấu vết, nhưng một số ít đã thu hút sự chú ý của độc giả và trở thành sách bán chạy. Faulkman có nhiều hi vọng cho tác phẩm mà ông sắp đọc. Ông đã mong chờ việc giao bản thảo này trong nhiều tháng trời. Cuốn sách là một cuộc khám phá táo bạo về những bí ẩn của ý thức con người, được viết bởi nhà khoa học nổi tiếng về kiến thức, Katherine Solomon. Hơn một năm trước, bạn thân của Faulkman, Robert Langdon, đã đưa Katherine đến New York để trình bày ý tưởng cuốn sách của cô trong bữa trưa. Phần thuyết trình của nhà khoa học đó thật sự gây sốc—là phần giới thiệu cuốn sách phi hư cấu hấp dẫn nhất mà Faulkman có thể nhớ. Chỉ trong vài ngày, ông đã rút nó khỏi thị trường bằng cách đưa cho Katherine một hợp đồng xuất bản sinh lợi. Cô đã phải làm việc trong suốt một năm qua trong bí mật hoàn toàn, và chỉ chiều nay, cô đã gọi từ Prague để thông báo rằng cô đã hoàn tất việc chỉnh sửa bản thảo và sẵn sàng cho Faulkman đọc nó. Ông nghi ngờ rằng Langdon có thể đã có ý kiến trong việc khuyến khích Katherine ngừng điều chỉnh và tìm kiếm ý kiến từ biên tập viên của mình. Dù có lý do gì đi chăng nữa, Faulkman biết một điều chắc chắn: nếu bản thảo của Katherine Solomon hóa ra có tính hấp dẫn bằng một nửa phần giới thiệu của cô, thì cuốn sách này sẽ là một trong những dự án quan trọng nhất trong sự nghiệp của ông. Chiếu sáng... gây choáng... có giá trị phổ quát. Cuộc tìm kiếm để hiểu ý thức con người đang nhanh chóng trở thành Chén Thánh mới của khoa học, và Faulkman cảm thấy Katherine Solomon đang sẵn sàng trở thành một tiếng nói tiên phong trong lĩnh vực này. Nếu lý thuyết của cô chứng minh là đúng, thì tâm trí con người không hoàn toàn giống như đã được tưởng tượng; sự thật sẽ mang đến một sự thay đổi sâu sắc trong cách nhìn nhận về nhân loại, cuộc sống, và thậm chí cả cái chết. Faulkman tự hỏi liệu ông có đang chỉnh sửa một tác phẩm có thể một ngày nào đó đứng ngang hàng với những ấn phẩm thay đổi thế giới khác như *On the Origin of Species* và *A Brief History of Time* hay không. Chậm lại, Jonas... ông nhắc nhở bản thân. Ông còn chưa đọc nó. Một tiếng gõ mạnh vào cửa của Faulkman làm ông thoát khỏi dòng suy nghĩ, và ông quay lại, bị bất ngờ khi thấy một vị khách trong giữa đêm. “Ông Faulkman?” Người thanh niên đứng trong cửa là một người lạ. “Vâng? Ai vậy?” “Xin lỗi đã làm ông hoảng sợ, thưa ông,” người thanh niên nói, giơ thẻ công ty có laminate của mình lên. “Tôi là Alex Conan—trong lĩnh vực an ninh dữ liệu. Tôi chủ yếu làm việc vào ban đêm khi lưu lượng hệ thống thấp.” Đầu tóc vàng bù xù và áo phông Pizzeria Papagayo của cậu ta làm cậu trông giống như một

vận động viên lướt sóng hơn là một kỹ thuật viên. “Tôi có thể giúp gì cho bạn, Alex?” “Ồi, có lẽ chỉ là một báo động giả,” kỹ thuật viên trả lời, “nhưng hệ thống của chúng tôi vừa báo động về một số dữ liệu đã được truy cập.” Dữ liệu đã được truy cập, Faukman nghĩ, tự hỏi khi nào thế giới sẽ cuối cùng chấp nhận rằng từ “dữ liệu” là số nhiều. “Tôi chắc đó không có gì nghiêm trọng,” cậu thanh niên nói. “Tôi đã lo lắng vì ‘người dùng chưa xác minh’ là một cảnh báo hiểm họa đối với chúng tôi, nhưng giờ tôi thấy rằng ông thực sự có mặt ở đây trong tòa nhà và đã đăng nhập, tôi cảm thấy tốt hơn. Chắc chỉ là một lỗi trên tài khoản của ông.” “Nhưng tôi không đăng nhập,” Faukman nói, ra hiệu.

“Máy tính của tôi chưa bật cả đêm.” Đôi mắt của đứa trẻ mở to ra một chút. “Ồi...” Faukman cảm thấy một chút lo lắng. “Có ai đang đăng nhập vào tài khoản của tôi không?” “Không, không,” kỹ thuật viên nói. “À, không còn nữa. Ai đó vừa mới rời đi.” “Ai đó là ai? Điều đó có nghĩa là gì?!” Kỹ thuật viên giờ đây trông có vẻ lo lắng. “Điều đó chỉ có nghĩa là ai đó đã xâm nhập vào phần riêng của ông, thưa ngài, mà không có mật khẩu hoặc thông tin xác thực được cấp phép. Ai đó phải có kỹ năng thực sự, vì chúng tôi có một bức tường lửa đạt chuẩn quân sự...” “Khoan đã, cái gì đã bị truy cập?” Faukman xoay người tới bàn làm việc và bật máy tính lên. Toàn bộ cuộc đời nghề nghiệp của tôi ở trên cái máy chủ chết tiệt đó! “Có ai đó đã hack một trong những SVWs của ông,” đứa trẻ nói. Faukman bất động. Đó không phải là câu trả lời mà tôi mong muốn. SVWs—các không gian làm việc ảo an toàn—là một triển khai khá mới tại PRH. Do sự gia tăng của nạn ăn cắp bản thảo sách, một số biên tập viên của PRH đã bắt đầu khuyến khích các tác giả bán chạy làm việc chỉ trên máy chủ của Penguin Random House để tăng cường thêm lớp bảo mật. Nhiều bản thảo quý giá nhất của PRH được viết, chỉnh sửa, và lưu trữ tại một địa điểm an toàn duy nhất—trong những giới hạn của hệ thống mã hóa, có tường lửa của công ty tại Random House Tower... cùng với bản sao lưu dự phòng ở Maryland. Tôi đã yêu cầu Katherine Solomon sử dụng một SVW, Faukman nghĩ không yên tâm. Khi nhận ra tiềm năng bom tấn trong đề xuất của cô, Faukman đã khuyến khích Katherine tuân thủ các quy trình bảo mật nghiêm ngặt khi viết bản thảo. Cô ấy đã vui vẻ đồng ý, nói rằng cô ấy rất thích ý tưởng đăng nhập từ xa từ bất kỳ đâu trên thế giới để làm việc trên bản thảo của mình, biết rằng tất cả tài liệu của cô đều ở một nơi, an toàn và được sao lưu tự động. Hầu hết các tác giả đều cảm thấy như vậy, tuy nhiên với một mối quan tâm. Quyền riêng tư. Không tác giả nào muốn một biên tập viên thiếu kiên nhẫn theo dõi tiến độ của một bản thảo trước khi họ sẵn sàng để trình bày. Vì lý do này, mỗi tác giả sử dụng SVW bảo vệ không gian làm việc ảo của mình bằng một mật khẩu—mã truy cập chỉ được biết đến bởi tác giả—cho đến khi bản thảo sẵn sàng để nộp. Đối với Katherine, ngày đó là hôm nay, Faukman nghĩ. Khi cô gọi điện trước đó từ Prague, cô đã nervously đưa cho Faukman mã truy cập của mình để ông có thể bắt đầu đọc và chỉnh sửa. Faukman ngay lập tức dọn dẹp bàn làm việc của mình khỏi các công việc khác để có thể lao vào bản thảo của cô tối nay và đọc từ đầu đến cuối trong suốt cuối tuần. Tuy nhiên, bây giờ, đêm chờ đợi của ông đã bị gián đoạn bởi một kỹ thuật viên an ninh mặc áo phông với những tin tức đáng lo ngại. “SVW nào đã bị truy cập?” Faukman yêu cầu, cổ họng ông cảm thấy khô khốc. “Cuốn sách nào?” Đứa trẻ rút một mảnh giấy từ túi ra và bắt đầu mở ra. “Tôi nghĩ đây là một loại sách toán học nào đó?” Faukman chú ý, cảm thấy một tia hy vọng le lói. “Đây rồi,” Alex nói, đọc ghi chú. “Tiêu đề là...SUM.” Biên tập viên cảm thấy một cảm giác hoảng loạn ngay lập tức. Hít thở, Jonas. Hít thở. SUM không phải là một cuốn sách toán. Nó là một từ viết tắt. Nó đứng cho “Solomon—Bản thảo chưa đặt tiêu đề.”

CHƯƠNG 8

Thường thức sự ẩm áp của các vòi sen của khách sạn, Robert Langdon nhắm mắt lại và hít hơi nước nóng vào phổi. Ông đã xoay sở để thoát khỏi quần áo ướt của mình, nhưng vẫn chưa thể loại bỏ được lớp mù mờ bao quanh những sự kiện của buổi sáng này. Langdon đã xem xét việc gọi cho Katherine để làm gián đoạn chuyến tham quan phòng thí nghiệm của Dr. Gessner và nói cho cô biết điều gì đã xảy ra, nhưng ông đã nghĩ lại. Đây là một cuộc trò chuyện kỳ lạ mà chúng ta sẽ cần phải có mặt đối mặt khi cô trở về. Ngay cả bây giờ, khi cơ thể Langdon dần ấm lên và tư duy của ông trở nên rõ ràng hơn, ông vẫn cảm thấy không gần hơn đến một lời giải thích hợp lý cho hình ảnh ma quái mà ông đã thấy trên cầu Charles. Hoặc phản ứng của ông. Thông thường Langdon phản ứng bình tĩnh dưới áp lực, nhưng sáng nay ông đã hoảng sợ, bị chi phối bởi một nỗi sợ hãi kỳ lạ, sinh động. Nó đã áp đảo tâm trí lý trí của ông... hình ảnh người phụ nữ, mùi chết chóc, cây giáo, tiếng chuông vang vọng kỳ quái. Ký ức ám ảnh lặp đi lặp lại không ngừng trong đầu ông. Sao chuyện này có thể xảy ra? Ông quay lại những sự kiện của tối qua,

chưa đầy năm giờ trước, khi Katherine hét lên tên ông và giật mình tỉnh dậy từ một cơn ác mộng sinh động. Ông đã an ủi cô khi cô cuống cuống truyền đạt tầm nhìn đầy ám ảnh của mình. Nó thật đáng sợ, Robert... Có một bóng đen đứng ở chân giường của chúng ta. Cô đã mặc đồ đen... cô có một vòng tỏa sáng trên đầu... và cô đang cầm một cây giáo bằng bạc. Và cô ta có mùi thối rửa, như cái chết. Tôi đã gọi cho anh, nhưng anh không có ở đó! Người phụ nữ đã thì thầm với tôi, “Robert không thể cứu em. Em sắp chết.” Rồi có một tiếng động chói tai và một ánh sáng lóe lên, và khách sạn đã nổ tung trong một đám cháy. Tôi có thể cảm thấy mình đang cháy... Vào thời điểm đó, bất chấp nỗi kinh hoàng rõ ràng của giấc mơ của Katherine, các yếu tố đã mang ý nghĩa hợp lý cho Langdon. Vòng tỏa sáng hay vương miện rực rỡ.

đã nổi bật trong bài giảng của Katherine tối đó. Ngọn giáo bạc đã trở thành chủ đề bàn tán trong buổi tiệc sau sự kiện với Brigita Gessner. Mùi lưu huỳnh có thể đã lưu lại từ chuyến đi đến các suối nước nóng gần đó ở Karlovy Vary. Và vụ nổ tại khách sạn hẳn là hệ quả đáng tiếc của việc xem một đoạn tin tức buồn tẻ vào hôm qua về một vụ đánh bom ở Đông Nam Á. Langdon đã an ủi Katherine, nhắc nhở cô rằng absinthe là một loại hallucinogen mạnh—và cũng rằng cô có thể đang lo lắng vì biên tập viên của cô sắp đọc bản thảo của cô. Tôi biết rõ những cơn hồi hộp ấy, Langdon nghĩ. Thật dễ hiểu khi bạn có một đêm không ngủ. Tuy nhiên, bây giờ, vài giờ sau đó, đứng trong vối sen, Langdon hoàn toàn không tìm ra được bất kỳ lời giải thích hợp lý nào cho những gì anh vừa thấy... ít nhất là không dựa trên sự hiểu biết hiện tại của anh về thực tại. Einstein đã nổi tiếng tuyên bố: Sự trùng hợp là cách của Chúa để giữ kín danh tính. Những gì tôi thấy không phải là một sự trùng hợp, trực giác của Langdon khẳng định. Đó là một khả năng thống kê không thể xảy ra. Hoặc là cơn ác mộng của Katherine đã dự đoán tương lai... hoặc là tương lai đã phản ứng với giấc mơ của cô. Dù điều nào là đúng, Langdon vẫn cảm thấy bối rối. Thậm chí còn đáng sợ hơn, bài giảng của Katherine tối qua đã đề cập đến chính hiện tượng này. Tiên tri. Khả năng cảm nhận hoặc nhìn thấy sự kiện tương lai trước khi nó xảy ra. Từ sân khấu trong Vladislav Hall, Katherine đã kể lại một số ví dụ nổi tiếng nhất trong lịch sử về sự tiên tri, bao gồm những giấc mơ tiên tri của Carl Jung, Mark Twain và Joan of Arc. Cô giải thích rằng Abraham Lincoln, ba ngày trước khi bị ám sát, đã chia sẻ một giấc mơ với vệ sĩ của mình, Ward Hill Lamon, trong đó ông thấy một thi thể được che phủ được canh gác bởi một người lính, người đã thông báo, “Tổng thống, ông đã bị một kẻ ám sát giết.” Rồi Katherine tiếp tục mô tả trường hợp kỳ lạ nhất trong số tất cả—Morgan Robertson—một tác giả người Mỹ đã công bố tiểu thuyết năm 1898 mang tên *Futility*, mà ông dựa trên một cơn ác mộng sống động mà ông có về một chiếc tàu đại dương không chìm—*The Titan*—va vào một tảng băng và chìm trong một trong những chuyến đi đầu tiên qua đại dương Atlantic. Một cách đáng kinh ngạc, cuốn sách đã được xuất bản mười bốn năm trước thảm họa Titanic. Nó mô tả một cách rất cụ thể cấu trúc của con tàu, khóa học điều hướng, và việc nó chìm đến nỗi các sự trùng hợp chưa bao giờ được giải thích. “Tôi biết rằng có những người hoài nghi trong khán giả,” Katherine đã nói, liếc nhìn vui vẻ về phía Langdon, “và vì vậy, tôi nghĩ tôi sẽ chia sẻ một thí nghiệm, mà đã được một đồng nghiệp của tôi tại Viện Khoa học Noetic nghĩ ra và thực hiện từ nhiều năm trước. Kể từ đó, nó đã được tái hiện và phát triển bởi các phòng thí nghiệm trên khắp thế giới. Nó diễn ra như thế này...” Katherine chỉ tay vào chiếc máy điều khiển của mình về phía màn hình phía sau, và một hình ảnh xuất hiện—một chủ thể thử nghiệm đang đeo thiết bị theo dõi não và ngồi trong bóng tối trước một màn hình phim nhỏ. “Trong khi theo dõi sóng não của một chủ thể bằng thiết bị chuyên dụng,” cô bắt đầu, “chúng tôi cho anh ta xem một loạt hình ảnh ngẫu nhiên. Những hình ảnh này thuộc ba loại khác nhau—bạo lực kinh hoàng, bình tĩnh thanh thản, hoặc nội dung tình dục rõ ràng. Bởi vì mỗi loại hình ảnh kích hoạt một phần khác nhau của bộ não, chúng tôi có thể theo dõi thời gian thực khi tâm trí có ý thức của anh ta ghi lại hình ảnh.” Cô nhấp vào lần nữa và hiển thị một đồ thị sóng não với những đỉnh nhấp nhô—mỗi màu sắc được mã hóa để chỉ định loại hình ảnh nào đã được trình chiếu. “Như mong đợi, các phản thích hợp của bộ não sáng lên với sự xuất hiện của từng hình ảnh cụ thể. Bạn theo kịp chưa?” Những cái đầu gật đều đặn. “Tuyệt,” cô nói, giờ thì phóng to trục hoành của đồ thị. “Thời gian này là một ghi chép cực kỳ chính xác để chỉ ra thời điểm chính xác mà máy tính đã chiếu từng hình ảnh ngẫu nhiên và thời điểm chính xác mà bộ não đột ngột phản ứng.” Langdon tự hỏi điều này đang dẫn đến đâu. “Nếu chúng ta phóng to hơn nữa,” cô nói, nhấp vào hiển thị các khoảng thời gian ngắn hơn, “chúng tôi giảm xuống khoảng mili giây... và chúng tôi phát hiện ra có một vấn đề lớn.” Cô không nói gì thêm, nhưng trong vòng vài giây đã có một tiếng murmur

tập thể của sự bối rối quanh hội trường lớn. Langdon cũng cảm thấy bối rối. Theo những đồ thị này, bộ não của chủ thể đã phản ứng trước khi máy tính trình chiếu hình ảnh. “Như bạn rõ ràng thấy,” Katherine nói, “người đàn ông này đang ghi lại từng hình ảnh sớm quá mức. Phản thích hợp của bộ não của anh ta sáng lên hoàn toàn trước bốn trăm mili giây so với thời điểm hình ảnh được trình chiếu. Dường như, ý thức của anh ta đã biết trước loại hình ảnh mà anh ta sắp xem.” Cô mỉm cười. “Và đó chưa phải là phần gây sốc nhất...” Hội trường rơi vào im lặng. “Theo như có vẻ,” Katherine nói, “bộ não phản ứng không chỉ trước khi hình ảnh được trình chiếu... mà trước cả khi bộ phát số ngẫu nhiên của máy tính chọn hình ảnh nào để hiển thị! Dường như bộ não không dự đoán thực tại... mà đang tạo ra nó.” Như mọi người xung quanh, Langdon cũng bất ngờ. Anh cũng biết rằng chính ý tưởng này —khái niệm rằng những suy nghĩ của con người tạo ra thực tại—đã tồn tại tại

cốt lõi của hầu hết các giáo lý tinh thần lớn. Phật: Với những suy nghĩ của chúng ta, chúng ta tạo ra thế giới. Chúa Jesus: Bất cứ điều gì bạn cầu xin trong lời cầu nguyện, sẽ thuộc về bạn. Ấn Độ giáo: Bạn có quyền năng của Chúa. Khái niệm này, Langdon biết, cũng được những nhà tư tưởng hiện đại tiên bộ và các thiên tài nghệ thuật nhắc lại. Ông trùm kinh doanh Robin Sharma tuyên bố: Mọi thứ đều được tạo ra hai lần; trước tiên trong tâm trí, và sau đó trong thực tế. Câu nói bèn bi nhất của Pablo Picasso tuyên bố: Mọi thứ bạn có thể tưởng tượng là có thật. Một tiếng gõ cửa làm Langdon giật mình, và Vladislav Hall tan biến khỏi tâm trí anh. Anh đã trở lại trong phòng tắm và nghe thấy cửa phòng tắm mở ra. Qua vách ngăn tắm mờ đục, Langdon nhìn thấy dáng vẻ mờ nhạt của một người bước vào và anh thở phào nhẹ nhõm. Cảm ơn Chúa, cô ấy đã về sớm. Chắc chắn Katherine đã nghe về sự cố ở khách sạn và nhanh chóng trở lại. “Vừa mới xong,” Langdon gọi to, tắt nước nóng và bỏ qua việc xối nước lạnh như thường lệ. Tôi đã đủ nước lạnh cho một buổi sáng. Anh lấy chiếc khăn treo bên trong cửa phòng tắm kín, quần quanh eo, và bước ra phòng tắm. “Katherine—” Anh dừng lại. Katherine không có ở đó. Langdon đứng đối mặt với một người đàn ông góc cạnh trong bộ vest da. “Anh là ai?! ” Langdon hỏi. Sao anh vào đây được?! Kẻ xâm nhập tiến gần thêm vài inch, nét mặt không hề tươi cười. “Ông Robert Langdon?” anh ta nói với giọng nặng nề của người Séc. “Chào buổi sáng. Tôi là Đại úy Janáček của Úřad pro zahraniční styky a informace. Tôi đã tự ý lấy hộ chiếu của ông từ phòng ngủ. Tôi hy vọng ông không phiền.” Anh đã lấy hộ chiếu của tôi? Langdon cảm thấy như đang đứng trần truồng chỉ với chiếc khăn tắm trước người đàn ông lạ này. “Xin lỗi, anh là ai?” Người đàn ông đưa ra một thẻ nhận diện, nhưng trong không khí ẩm ướt Langdon chỉ thấy được một phần nhỏ, chỉ có biểu tượng đậm của tổ chức—một con sư tử đứng trên hai chân sau. Biểu tượng Lion Rampant? Biểu tượng này khá phổ biến, và cũng tình cờ là logo của trường trung học mà Langdon đã học, mặc dù anh khá chắc rằng người này không phải từ Phillips Exeter Academy. “Tôi làm việc cho ÚZSI,” người đàn ông nói một cách thô ráp. “Dịch vụ tình báo quốc gia Séc.” Anh không giống một điệp viên tình báo, Langdon nghĩ. Đôi mắt của người đàn ông làm đỏ và sưng húp, tóc anh ta thì rối bù, và chiếc áo sơ mi bên dưới jacket da của anh ta thì nhăn nhúm. “Tôi sẽ nói điều này một lần, ông Langdon.” Viên chức Séc tiến về phía anh như thể đang cố vượt qua một ranh giới vô hình giữa họ. “Ông vừa mới sơ tán một khách sạn năm sao. Hoặc ông đưa tôi một lý do chính đáng, hoặc tôi sẽ bắt ông ngay lập tức.” Langdon cảm thấy không có gì để nói. “Tôi... tôi xin lỗi,” anh lạc giọng. “Thật khó để giải thích, Đại úy. Tôi đã mắc sai lầm.” “Tôi đồng ý,” người đàn ông phản ứng, vẻ mặt không biểu lộ gì. “Một sai lầm lớn. Tại sao ông lại kéo chuông báo động?” Langdon thấy không có lựa chọn nào khác ngoài việc nói thật. “Tôi nghĩ sẽ có một vụ nổ.” Phản ứng duy nhất của viên chức là một cử chỉ nhẹ của lông mày rậm rạp của anh ta. “Thú vị. Và điều gì có thể gây ra vụ nổ này?” “Tôi không biết... có lẽ là một quả bom.” “Tôi hiểu. Có lẽ là một quả bom. Vậy ông lo sợ có một quả bom trong khách sạn này... và dù vậy ông lại chạy vào trong tòa nhà và lên tầng này?” “Để cảnh báo bạn... của tôi.” Người đàn ông rút một cuốn sổ từ áo khoác và đọc. “Bạn của ông là cô Katherine Solomon?” Langdon cảm thấy lạnh người khi nghe tên Katherine từ miệng một viên chức tình báo Séc. Tình hình có vẻ nghiêm trọng hơn từng phút. “Đúng rồi. Nhưng cô ấy đã đi rồi.” “Tôi hiểu, tôi hiểu. Vậy thì, biết rằng bạn của ông đã an toàn, thay vì đi cầu thang ra ngoài, ông lại mạo hiểm chìm trong một dòng sông băng bằng cách nhảy ra ngoài cửa sổ?” Langdon phải thừa nhận rằng hành động này thậm chí khiến chính anh cũng ngạc nhiên. “Tôi đã hoảng sợ. Một cái chuông nhà thờ bỗng nhiên bắt đầu rung... Nó có vẻ đáng sợ.” “Đáng sợ?” Anh ta trông như bị xúc phạm. “Nó gọi là Angelus, Giáo sư. Chuông nhà thờ đổ vào giờ chót ở đây như một lời gọi đến buổi cầu nguyện buổi sáng. Tôi đã nghĩ rằng ông biết điều

đó.” “Vâng, tất nhiên, nhưng tôi không suy nghĩ rõ ràng. Những cái chuông khiến tôi cảm thấy như tôi... tôi không biết... ra ngoài thời gian. Tôi đã thấy cảnh sát ở hành lang trước đó—” “Ra ngoài thời gian? Vậy... quả bom của ông là một quả bom hẹn giờ? Đặt cho bây giờ sáng?” Đây không phải là quả bom của tôi! Langdon gắng sức giữ bình tĩnh. “Không, tôi chỉ rất bối rối, và tôi phản ứng theo bản năng. Tất nhiên, tôi sẽ trả giá cho—” “Không cần phải trả giá, thưa ngài,” người đàn ông nói, giọng điệu nhẹ nhàng hơn. “Mọi người thường nhầm lẫn. Đó không phải là vấn đề. Tôi chỉ muốn hiểu tại sao ông nghĩ rằng sẽ có một vụ nổ. Ông lấy thông tin từ đâu?” Tôi không thể có khả năng nói cho anh ta, Langdon biết. Sự thật quá khó tin—không thể hơn được nữa—và một lời thừa nhận trung thực là mối đe dọa nghiêm trọng.

vỡ kế hoạch. Anh ấy sẽ không bao giờ tin tôi. Langdon bỗng cảm thấy rằng mình có thể cần một luật sư. “Ông Langdon?” viên chức thúc giục. Langdon chuyển động, giữ chặt chiếc khăn tắm quanh eo. “Như tôi đã nói, tôi đã bị nhầm lẫn. Tôi đã có thông tin sai.” Ánh mắt của viên đại úy thu hẹp lại khi ông tiến gần hơn và hạ giọng. “Thực ra, Giáo sư, đó không phải là vấn đề. Vấn đề là ông đã có thông tin tốt. Thông tin rất tốt.” “Tôi không hiểu.” Viên chức nhìn chăm chăm, đôi mắt dò xét. “Không sao?” Langdon lắc đầu. “Giáo sư,” viên đại úy nói lạnh lùng. “Sáng sớm hôm nay, tại chính khách sạn này, đội của tôi đã tìm thấy và vô hiệu hóa... một quả bom. Nó đã được cài đặt để phát nổ đúng lúc bây giờ sáng.”

I

CHƯƠNG 9

n ánh nền chập chờn, The Gollem một lần nữa liếc nhìn bức ảnh của cô ấy trên tường. Sau đó, hần thối tắt nến và rời khỏi không gian thiêng liêng của mình. Tôi đã được tái sinh. Ngập trong ánh sáng thoáng qua của căn hộ, hần bước vào phòng thay đồ của mình. Chiếc áo choàng có mũ và đôi boots cao gót nằm chững hặc trên sàn, bị vứt bỏ một cách vội vã để hần có thể nhận được Ether—một hành trình hần luôn thực hiện không mặc quần áo, không trang trí, và trong bóng tối hoàn toàn. The Gollem cẩn thận treo lại bộ trang phục của mình, phủi bụi khô bám trên cổ áo. Khách du lịch thường bị sốc bởi diện mạo của hần, nhưng người dân địa phương hầu như không để ý. Praha là một thành phố của kịch tính và giả tưởng, và những người vui chơi thường xuyên đi dạo trên đường phố hóa trang thành những nhân vật nổi tiếng từ lịch sử của thành phố—những bóng ma nổi tiếng, phù thủy, những đôi tình nhân nguyện cầu từ bi, và các thánh nhân từ đạo... và tên quái vật khổng lồ này làm bằng đất. Huyền tích cổ xưa nhất của Praha. Một người bảo vệ huyền bí... giống như tôi. The Gollem biết câu chuyện về quái vật đất sét thuộc lòng vì đó chính là câu chuyện của hần—một linh hồn bảo vệ... bị đẩy vào hình dạng vật lý... được giao nhiệm vụ hy sinh sự thoải mái của chính mình để gánh chịu nỗi đau của người khác. Theo truyền thuyết thế kỷ mười sáu, một vị rabbi quyền lực tên Judah Loew đã đào đất sét ướt từ bờ sông Vltava và dùng nó để tạo ra một con quái vật mà ông hy vọng sẽ bảo vệ dân tộc mình. Sử dụng phép thuật Kabbalistic, vị rabbi đã khắc chữ Hebrew lên trán của người bảo vệ không có sự sống, và con quái vật đất sét ngay lập tức hồi sinh, được truyền sức sống từ một cõi khác. Chữ viết trên trán của hần là .emet—אמת. Sự thật. Vị rabbi gọi tạo vật của mình là golem—nghĩa là “nguyên liệu thô” trong tiếng Hebrew—một tham chiếu đến đất sét mà từ đó quái vật được tạo ra. Sau đó, golem đã tuần tra các con đường của Khu Ghetto Do Thái, bảo vệ những người đang gặp nguy hiểm, tiêu diệt kẻ ác, và đảm bảo sự an toàn của cộng đồng. Nhưng ở đây, huyền thoại đã có một bước ngoặt tăm tối. Quái vật trở nên cô đơn và hoang mang trước chính bạo lực của nó, cuối cùng quay lại tấn công người sáng tạo. Vị rabbi chỉ vừa kịp sống sót sau cuộc tấn công của quái thú bằng cách tuyệt vọng đưa tay lên và xóa bỏ một trong những chữ cái Hebrew trên trán của sinh vật. Bằng cách xóa chữ aleph, א, từ chữ Hebrew cho sự thật—emet—đã biến thành một điều gì đó tồi tệ hơn—met—chữ Hebrew cho cái chết. מת trở thành .מת. Sự thật trở thành... Cái chết. Quái vật sụp đổ thành một đồng, không còn sự sống. Đứng trên tạo vật đã ngã xuống của mình, vị rabbi không dám liếc. Ông nhanh chóng tháo dỡ thân thể đất sét và giấu các mảnh ở góc mái của Hội đường Cổ-Mới Praha, nơi mà các mảnh đất sét được cho là vẫn còn đến ngày nay, nhìn xuống nghĩa trang cổ xưa nơi Rabbi Loew hiện đang được chôn cất. Nghĩa trang đó là nơi hành trình của tôi bắt đầu, The Gollem nghĩ, nhìn vào bộ trang phục tối tăm của mình đang treo lủng lẳng. Tôi là The Gollem. Một hiện thân khác... trong chu trình các linh hồn. Hần cũng đã được triệu hồi như một người bảo vệ—một người canh giữ người phụ nữ mà bức ảnh treo trên tường trong svatyně của hần. Cô ấy sẽ không bao giờ biết rằng hần tồn tại hay những gì hần đã làm cho cô. Càng không, đặc biệt, những gì tôi sẽ sớm làm. Hần đã giết một trong những kẻ phản bội khốn nạn nhất của cô, Brigita Gessner. Hần vẫn có thể nghe thấy tiếng vọng

của giọng cô khi cô tuyệt vọng tiết lộ mọi thứ mà cô và các đồng phạm đã làm. Một số kẻ phản bội khác của cô đang ở đây, tại Praha, trong tầm tay của The Gollem. Những kẻ khác thì đang cách hàng ngàn dặm—các nhà môi giới quyền lực hoạt động trong bóng tối. Tôi sẽ không ngừng nghỉ cho đến khi tất cả đều bị trừng phạt. The Gollem chỉ biết một cách để thực hiện điều đó. Tôi sẽ tiêu diệt mọi thứ họ đã tạo ra.

T

CHƯƠNG 10

Họ đã vô hiệu hóa một quả bom?! Những suy nghĩ của Robert Langdon quay cuồng khi anh mặc quần áo trong phòng khách sạn. Anh không thể tưởng tượng rằng một cuộc tấn công bằng bom thực sự đã bị ngăn chặn vào sáng nay, chưa kể đến sự việc với người phụ nữ trên cầu. Vài phút trước, Langdon đã yêu cầu xem kỹ hơn thẻ ID của viên cảnh sát Czech, điều mà người đàn ông này miễn cưỡng đồng ý, xác nhận rằng ông ta là Oldřich Janáček, một đại uý sáu mươi mốt tuổi của ÚZSI. Chữ viết tắt, ông thông báo cho Langdon, có nghĩa là Úřad pro zahraniční styky a informace—Văn phòng về Quan hệ Quốc tế và Thông tin—và được phát âm “y như khẩu súng tiểu liên—Uzi.” Biểu tượng của cơ quan với hình con sư tử vươn lên được kèm theo phương châm Sine Ira et Studio, có nghĩa là “Không có sự giận dữ hay...

“Bias,” mặc dù phép tắc của thuyền trưởng dường như chỉ ra sự hiện diện của cả hai. Janáček đã đứng ở cửa phòng ngủ của Langdon trong ba phút qua, cãi cọ bằng tiếng Séc qua điện thoại trong khi vẫn giữ một mắt trên Langdon. Liệu anh ta có nghĩ tôi sẽ bỏ trốn không? Langdon hoàn tất việc ăn mặc, cuối cùng cảm thấy ấm áp trong chiếc quần chinos nặng, áo len cổ lọ và chiếc áo khoác dày của Dale. Anh cầm chiếc đồng hồ Mickey Mouse cổ điển từ bàn trang điểm lên và đeo vào tay, cảm thấy rằng hôm nay mình có thể cần một lời nhắc nhở thường xuyên để giữ tinh thần thoải mái. “Ne!” Janáček la lên giận dữ vào điện thoại. “Tady velím já!” Anh ta ngắt máy và quay sang Langdon. “Đó là chủ của bạn. Anh ta đang lên phòng.” Chỉ là chủ của tôi sao? Langdon không có ý tưởng gì về từ này, nhưng rõ ràng là Janáček không vui về sự xuất hiện của anh ta. Janáček bắt thường gậy guộc, với tư thế ngã về phía trước khiến anh ta trông như thể bất cứ lúc nào cũng có thể ngã về phía trước. Langdon theo anh ta vào phòng khách, nơi người đàn ông tự nhiên như ở nhà, bật lửa cho lò sưởi gas, ngồi vào một chiếc ghế da và bắt chéo đôi chân gậy guộc của mình. Khi anh ta ổn định, chuông cửa của dãy phòng vang lên. Janáček chỉ vào hành lang. “Đề anh ta vào.” Chỉ là chủ của tôi sao? Langdon lại tự hỏi, bước xuống hành lang và mở cửa. Đứng trong hành lang là một người đàn ông da màu hấp dẫn, có thể khoảng ba mươi tuổi, cao như Langdon—hơi trên sáu feet—với đầu cao tọc, nụ cười rạng rỡ và gương mặt của một người đàn ông điển trai. Được ăn mặc chỉnh tề trong một chiếc blazer màu xanh, áo sơ mi hồng, và cà vạt Foulard, người đàn ông trông giống như một người mẫu nam hơn là một người mà Thuyền trưởng Janáček vừa cãi cọ trong tiếng Séc. “Michael Harris,” người đàn ông nói, chìa tay ra. “Rất vinh dự được gặp bạn, Giáo sư Langdon.” Giọng anh ta mang âm hưởng Mỹ, có thể là đến từ Main Line. “Cảm ơn,” Langdon nói, bắt tay người đàn ông. Dù bạn là ai. “Trước tiên, tôi muốn xin lỗi. Thuyền trưởng Janáček lẽ ra phải gọi văn phòng của tôi trước khi hỏi bạn.” “Tôi hiểu,” Langdon nói, nhưng hoàn toàn không hiểu. “Và văn phòng của bạn là...?” Harris có vẻ bất ngờ. “Anh ta không nói cho bạn sao?” “Không, anh ta nói bạn là chủ của tôi.” Harris cau mày, không tiến thêm vào dãy phòng. “Janáček đang tự làm mình vui. Chủ có nghĩa là bảo mẫu. Tôi là cố vấn pháp lý của đại sứ quán Hoa Kỳ. Tôi đến đây để hỗ trợ bạn.” Langdon cảm thấy nhẹ nhõm khi có một người hỗ trợ pháp lý, mặc dù anh hy vọng cố vấn sẽ không đề ý rằng Langdon đã giết chết bó hoa tulip đắt tiền mà đại sứ đã gửi đến như một món quà chào mừng. “Công việc của tôi,” cố vấn nói, nói một cách nhẹ nhàng, “là bảo vệ quyền lợi của bạn với tư cách là một công dân Mỹ ở nước ngoài, mà theo tất cả những gì tôi đã nghe cho đến giờ, đã bị xâm phạm sáng nay.” Langdon nhún vai. “Thuyền trưởng Janáček đã có những hành động quyết liệt, nhưng với điều kiện hiện tại, tôi có thể hiểu hành động của anh ta.” “Điều đó thật rộng lượng từ bạn,” Harris thì thầm. “Nhưng tôi cảnh báo bạn hãy thận trọng với lòng tốt của mình. Thuyền trưởng Janáček rất giỏi trong việc biến các sự lịch thiệp thành điểm yếu, và nghe có vẻ như tình huống này là...khác thường?” Bạn không có ý tưởng gì, Langdon suy nghĩ, vẫn bối rối trước những gì anh đã thấy trên cầu. “Một lời khuyên,” Harris thêm vào. “Khách sạn này và cầu Charles đều được theo dõi nghiêm ngặt bởi các camera an ninh, có nghĩa là Janáček đã biết mọi chi tiết về những gì đã xảy ra. Vì vậy, bạn phải nói sự thật. Đừng nói dối.” “Harris!” Giọng nói của Janáček vang lên từ bên trong. “Čekám!” “Už jdeme!” Harris la lại bằng những

gì nghe có vẻ như tiếng Séc hoàn hảo và rồi đưa cho Langdon một cái nhìn an ủi. “Chúng ta đi chứ?” Họ tìm thấy Janáček ngồi trước lửa, bình tĩnh hút một điếu thuốc lá Petra của địa phương, ngẩng đầu lên và thổi khói lên không trung. Chùng đó là hết cho đây phòng không hút thuốc của chúng ta. “Tất cả ngồi xuống,” Janáček ra lệnh, gõ điếu thuốc vào một chậu cây trên sàn. “Giáo sư, trước khi chúng ta bắt đầu, tôi muốn điện thoại của bạn.” Ông ta chìa một bàn tay gầy guộc ra. “Không, thuyền trưởng,” Harris can thiệp. “Ông không có quyền hợp pháp—” “Điện thoại của tôi đã mất,” Langdon nói. “Tôi đã đánh rơi nó xuống sông.” “Tất nhiên là bạn đã mất,” Janáček khịt mũi, thở ra một đám khói. “Thật tiện lợi cho bạn. Ngồi xuống.” Langdon và Harris ngồi đối diện với Janáček. “Giáo sư,” thuyền trưởng bắt đầu, “trong khi bạn đang thay đồ, bạn đã đặt câu hỏi về cách tôi xử lý tình huống này. Bạn đã nói với tôi rằng bạn bị sốc khi tôi không sơ tán khách sạn ngay khi chúng tôi tìm thấy quả bom.” “Tôi đã ngạc nhiên, nhưng tôi không đặt câu hỏi về—” “Ông Harris?” Janáček thúc giục, quay sang cổ vắn và hút thêm một hơi thuốc. “Chắc ông có thể giải thích cho giáo sư của chúng ta?” “Tất nhiên,” Harris nói một cách bình tĩnh. “Đó là một câu hỏi hợp lý, và trong khi tôi không thể nói trực tiếp về các phương pháp quy trình của Thuyền trưởng Janáček, tôi có thể xác nhận rằng các hành động của ông ấy đúng với chiến lược chống khủng bố chung. Các vụ tấn công được công bố rộng rãi, thậm chí cả các vụ tấn công thất bại, chỉ làm tăng lòng can đảm của những kẻ khủng bố. Phản ứng đúng, khi có thể, là làm giảm mọi đe dọa, giả vờ rằng nó chưa từng xảy ra và từ chối cung cấp cho những kẻ khủng bố bất kỳ sự công khai nào.” “Được,” Langdon tự hỏi.

bao nhiêu vụ tấn công khủng bố đã bị ngăn chặn mỗi ngày mà công chúng không biết. Janáček leaned toward Langdon, khuỷu tay đặt trên đầu gối. “Còn câu hỏi nào khác không?” “Không, thưa ngài.” “Tốt, vậy thì hãy chuyển sang câu hỏi của tôi... vì tôi chỉ có một. Và đó là một câu hỏi mà, cho đến nay, bạn đã từ chối trả lời.” Janáček hít một hơi thuốc lá khác và kéo dài câu hỏi của mình như thể đang nói chuyện với một đứa trẻ. “Giáo sư... làm thế nào bạn biết về quả bom?” “Tôi không biết,” Langdon trả lời. “Tôi chỉ—” “Bạn đã kéo chuông báo động!” Janáček bùng nổ. “Bạn đã biết điều gì đó! Và giáo sư, xin đừng nói lại câu ‘Nó phức tạp.’ Tôi đánh giá cao rằng bạn là một học giả nổi tiếng, nhưng tôi cũng là một người thông minh. Tôi tin rằng tôi có khả năng hiểu những điều phức tạp của bạn.” “Ông Langdon,” Harris nói một cách bình tĩnh. “Đây là khoảnh khắc của bạn; hãy nói thật đi.” Langdon hít một hơi thật sâu và hy vọng rằng John người Tin Lành đã đúng khi hứa rằng “sự thật sẽ giải phóng bạn.”

CHƯƠNG 11

Biên tập viên Jonas Faulkman đã nhấp chuột nhiều lần, cầu xin máy tính của mình khởi động nhanh hơn. Chỉ có hai người trên trái đất được phép truy cập vào SVW riêng tư của Katherine Solomon—chính Katherine và, kể từ chiều nay, Faulkman. Làm thế nào mà ai đó bên ngoài có thể truy cập được?! Faulkman cảm thấy buồn nôn khi tưởng tượng những gì có thể đã bị xâm phạm—tất cả các nghiên cứu khoa học của Katherine, ghi chú của cô ấy, và, quan trọng nhất, bản thảo. Nhanh lên! anh thúc giục, chờ đợi máy tính của mình khởi động. Phía sau anh, kỹ thuật viên dữ liệu trẻ tuổi đang liếc nhìn qua vai Faulkman, tự mím hất lo lắng, điều này không giúp làm dịu bớt sự hồi hộp của Faulkman. Khi máy tính cuối cùng khởi động, Faulkman điều hướng đến thư mục thích hợp và nhấp vào bí danh cho phân vùng máy chủ có tên “SUM”: Solomon—Bản thảo chưa đặt tên. Faulkman đã viết mã truy cập của Katherine trên một thẻ file và cất giữ an toàn trong ngăn kéo, nhưng trước khi anh có thể lấy nó, máy tính phát ra một âm thanh không quen thuộc—ba tiếng bíp ngắn. Faulkman quay lại màn hình, mong đợi thấy cửa sổ đăng nhập của Katherine, nhưng thay vào đó, anh đang nhìn vào một thông báo lỗi màu đỏ tươi. “Cái gì thế...?” Faulkman lại nhấp vào biểu tượng SUM. Có ba tiếng bíp ngắn và thông báo lỗi giống nhau. Phân vùng không tìm thấy? Faulkman quay lại nhìn Alex. “Toàn bộ phân vùng đã... biến mất?!” Phân vùng đó đã ở đó vào chiều nay khi Faulkman thử mật khẩu của Katherine. Nó đã đi đâu?! Với đôi mắt mở to, kỹ thuật viên đã quỳ xuống bên cạnh Faulkman và kiểm soát bàn phím cùng chuột của anh. Faulkman nín thở khi kỹ thuật viên làm việc, ngón tay chạy nhanh. Nỗ lực này qua nỗ lực khác, kỹ thuật viên nhận được cùng một kết quả. Ba tiếng bíp lớn. “Phân vùng đã bị xóa.” “Đừng hoảng sợ,” đứa trẻ nói, nghe có vẻ vô cùng hoảng sợ. “Điều này chỉ có nghĩa là trong nỗ lực che dấu dấu vết của họ, họ đã xóa bỏ phân vùng.” “Xóa bỏ?” “Đúng vậy, thưa ngài, nghĩa là đã bị xóa. Dữ liệu của bạn—” “Cảm ơn, tôi quen với định nghĩa của ‘xóa bỏ.’ Bạn đang nói rằng ai đó đã xóa tất cả các nghiên cứu và bản nháp bản thảo liên quan đến tiêu đề này?” “Đúng vậy, thưa ngài. Xóa bỏ là một giao thức thường gặp sau khi bị tấn công. Nó làm cho việc

truy tìm hacker trở nên khó khăn hơn.” Anh ta bắt đầu gõ lại. “Nhưng đừng lo, ông Faulkman, chúng tôi có các hệ thống dự phòng, và tất cả dữ liệu của bạn vẫn sẽ tồn tại trên bản sao lưu ngoại tuyến của PRH. Nó nằm trong kho phân phối của chúng tôi ở Maryland. Tôi đang đăng nhập ngay bây giờ để khôi phục nó.” Đầu ngón tay của Alex như một mảnh nhòe. “Chúng tôi chỉ cần truy cập vào phân vùng từ xa và chuyển...” Máy tính lại phát ba tiếng bíp ngắn lần nữa. Một hộp thoại quen thuộc lóe lên trên màn hình. “Phân vùng đã bị xóa.” Đôi mắt kỹ thuật viên mở to hơn khi anh thử máy chủ dự phòng một lần nữa. “Phân vùng đã bị xóa.” “Ồi... không,” đứa trẻ nói. Faulkman cảm thấy đột nhiên yếu sức. Phân vùng của Katherine đã bị xóa khỏi cả hai máy chủ?! Cùng với bản thảo và ghi chú của cô ấy? Alex Conan đã nhảy lên và hướng về cửa. “Tôi cần phải đến máy tính của tôi, thưa ngài. Tôi chưa bao giờ thấy điều gì giống như thế này trước đây—đó là một sự xâm phạm nghiêm trọng.” Đúng vậy! Faulkman ngồi chờ đợi trên ghế khi bước chân của đứa trẻ xa dần trong hành lang trống trải. “Tôi cần những tệp tin đó, Alex!” anh gọi theo. “Tác giả của tôi đã giao phó cho tôi một năm công việc của cô ấy!” Trong suốt đêm ở London, Mr. Finch đã theo dõi một bối cảnh đang thay đổi. Người đầu tiên là Brigita Gessner. Nhà thần kinh học đã gửi cho Finch một thông điệp vô cùng đáng lo ngại về bản thảo của Katherine Solomon và sau đó dường như đã biến mất. Tín hiệu vô tuyến hoàn toàn im lặng. Người thứ hai là chính Katherine Solomon. Ba mươi lăm phút trước ở Prague, Solomon đã làm điều gì đó bất ngờ đến mức không thể bị bỏ qua. Hành động ngay lập tức là cần thiết. Finch đã xem xét việc cảnh báo cấp trên của mình ở Mỹ, nhưng đó là giữa đêm ở đó, và họ đã cho anh “quyền kiểm soát hoạt động đơn phương” để đưa ra quyết định chiến lược. Vị trí quyền lực của cấp trên của anh cũng yêu cầu sự phù hợp lý từ các hoạt động có tính chất đạo đức không rõ ràng. Những hoạt động như thế này, Finch nghĩ, biết rằng các đồng nghiệp của anh thích không biết.

cách Finch đạt được kết quả của mình. Và vì vậy, chỉ trong vài phút sau khi biết về hành động của Solomon, ông đã theo bản năng và nổ súng, truyền hai từ vào lĩnh vực này. Thực hiện ngay. Lệnh đã được xác nhận bởi các mối quan hệ của ông đang chờ ở Prague và New York City.

“CHƯƠNG 12

Đây có phải là người phụ nữ mà ngài đã thấy không?” Đại úy Janáček yêu cầu, giờ một máy tính bảng lên. Màn hình hiện lên một đoạn video mờ với hình ảnh người phụ nữ có những gai đen quấn quanh đầu và đang cầm một cây giáo. Janáček và thư ký Harris ngồi đối diện Langdon trước lò sưởi.

“Đúng vậy, đó là cô ấy,” Langdon trả lời, nhớ lại nỗi hoảng loạn của mình. “Theo các video giám sát,” Janáček nói, “ngài đã ở trên cầu, đã đi ngang qua người phụ nữ này giữa cầu, dừng lại để nói chuyện với cô ấy, rồi đột ngột quay lại đây và sơ tán khách sạn. Cô ấy đã nói gì với ngài?”

“Không có gì cả,” Langdon trả lời. “Cô ấy lừa tôi và tiếp tục đi.”

“Cô ấy không nói gì?” Janáček cười. “Giáo sư, nếu cô ấy không nói gì... thì tại sao ngài hoảng sợ?” Harris cũng có vẻ bối rối.

“Cô ấy đã đeo cái đầu trang trí gai đó... và cầm một cây giáo,” Langdon nói. “Cũng có một mùi rất mạnh...” Langdon lập tức nhận ra điều này nghe thật kỳ lạ. Đại úy nhướn mày. “Ngài không thích mùi của cô ấy? Vậy ngài chạy đi?”

“Cô ấy có mùi của... cái chết.” Janáček nhìn chăm chăm vào ông. “Cái chết? Và thực sự thì cái chết có mùi như thế nào?”

“Tôi không biết... thối rữa, sulfur, phân hủy... Đó là một điều phức tạp—”

“Giáo sư Langdon!” Janáček quát lên. “Ngài biết làm thế nào mà tòa nhà này cần phải được sơ tán?!”

“Đại úy,” Harris can thiệp. “Có lẽ chúng ta nên để ông Langdon có một chút thời gian để giải thích?” Janáček gõ bút của mình vào quyển sổ, không hề nhìn đi chỗ khác. Langdon hít một hơi sâu. Bắt đầu đây.

“Đêm qua,” ông bắt đầu, giọng điệu bình thản nhất có thể, “đồng nghiệp của tôi, Katherine Solomon, đã có một bài giảng tại Lâu đài Prague. Sau đó, cô ấy và tôi quay về khách sạn này và uống một ly rượu ở quán bar bên dưới. Chúng tôi đã được một nhà thần kinh học nổi tiếng của Cộng hòa Séc—Tiến sĩ Brigita Gessner—tham gia, người đã có vai trò quan trọng trong việc mời Katherine đến Prague. Tiến sĩ Gessner đã khẳng khái yêu cầu Katherine thử loại rượu absinthe Bohemian địa phương, điều mà cô ấy đã làm, và nó gây ra một giấc ngủ không yên.”

Janáček ghi chép. “Tiếp tục đi.”

“Vào một thời điểm nào đó, khoảng một giờ rưỡi sáng,” Langdon tiếp tục, “Katherine tỉnh dậy trong nỗi hoảng loạn từ một cơn ác mộng. Cô ấy rất khó chịu. Tôi đã đưa cô ấy ra phòng này, ngồi bên cạnh lò sưởi, pha trà, để cô ấy tự bình tĩnh lại, và rồi, khi cô ấy đã bình tĩnh, chúng tôi lại trở về giường.”

“Thật tốt bụng của ngài,” Janáček cầu nhàu. “Và điều này liên quan gì đến việc sơ tán của ngài?” Langdon im lặng, suy nghĩ làm thế nào để giải thích tốt nhất. Sau đó, chuẩn bị tâm lý cho phản ứng của họ, ông nói sự thật. “Cơn ác mộng của Katherine,” ông nói càng bình tĩnh càng tốt. “Cô ấy mơ rằng có một cuộc nổ chết người... trong khách sạn này.”

Langdon thấy rằng cả Janáček lẫn Harris đều không hề chuẩn bị cho phản ứng này. “Đó rõ ràng là rất alarm...” Harris nói khẽ. “Nhưng người phụ nữ... trên cầu? Tại sao ngài lại chạy khi thấy cô ấy?”

Langdon thở dài, nói chậm rãi. “Bởi vì trong giấc mơ của Katherine, một người phụ nữ xuất hiện bên giường chúng tôi trong bộ này. Cô ấy mặc đồ đen và đang đeo...” Langdon chỉ vào hình ảnh trên iPad. “Cái đầu trang trí gai màu đen này. Và cô ấy đang cầm một cây giáo bạc. Người phụ nữ ấy có mùi chết chóc và nói rằng Katherine sẽ chết.”

Langdon dừng lại. “Và sau đó, trong giấc mơ, toàn bộ khách sạn này phát nổ, giết chết mọi người.”

“Hovadina!” Janáček bùng nổ. “Tào lao! Như các ngài người Mỹ nói! Tôi không tin một chữ nào trong này!” Biểu cảm của Harris cũng có vẻ không thể tin nổi.

“Tôi hiểu phản ứng của ngài,” Langdon nói. “Tôi vẫn đang cố gắng hiểu nó, nhưng tôi đang nói sự thật. Sáng nay, khi tôi thấy người phụ nữ giống hệt như trong giấc mơ của Katherine, bằng xương bằng thịt, tôi đã hoảng sợ. Tôi sợ rằng có thể giấc mơ là một loại... tôi không biết... cảnh báo.”

“Cảnh báo từ giấc mơ?!” Janáček quát lên, với giọng Czech nặng nề của mình khiến tình huống trở nên khó mà tin được hơn. “Vậy hãy cho tôi biết, trong giấc mơ kỳ diệu của cô Solomon, khi nào thì quả bom phát nổ?”

Langdon nghĩ một lát. “Tôi không biết. Cô ấy không đề cập đến thời gian.”

“Và tuy nhiên ngài đã nhảy ra khỏi cửa sổ để trốn thoát bằng bảy giờ sáng, đúng thời điểm quả bom được đặt để phát nổ. Ngài làm thế nào mà biết bảy giờ sáng?!”

“Tôi không biết,” Langdon nói. “Chuông nhà thờ bắt đầu rung, và vì một lý do nào đó, tất cả chỉ đơn giản va chạm trong đầu tôi—”

“Ještě větsí hovadina!” Janáček nhò xuống, đứng bật dậy và đe dọa tiến về phía Langdon. “Tào lao thêm lần nữa! Ngài đang nói dối tôi!”

Harris vội vàng đứng dậy để bảo vệ, đối diện với Janáček. “Đại úy, đủ rồi.”

“Thật sao?” Janáček quát lại, quay sang thư ký. “Lúc bảy giờ sáng hôm nay—thời gian chính xác quả bom được đặt để phát nổ—cả Robert Langdon và Katherine Solomon đều thuận lợi rời khỏi khách sạn. Rõ ràng, họ đã sợ cho tính mạng của mình.”

“Thật nực cười!” Langdon thốt lên, không thể kiềm chế tức giận. “Nực cười như thế nào...”

“Mơ thấy mùi lưu huỳnh?!” “Đại úy Janáček,” Harris cảnh báo một cách kiên quyết. “Ông đã vượt quá giới hạn rồi.” “Giới hạn nào?!” đại úy hét lên. “Một cuộc tấn công khủng bố đã được tránh một cách kèo kẹt, và bằng chứng cho thấy hai người Mỹ này đã biết về vụ nổ trước. Tôi không chấp nhận cái cớ của một giấc mơ kỳ diệu!” Harris nhìn chằm chằm vào Janáček và không lùi bước một chút nào. “Cả hai chúng ta đều biết việc Robert Langdon hay Katherine Solomon âm thầm âm mưu đánh bom một khách sạn là điều hoàn toàn vô lý. Không có lý do nào cho điều đó cả.” “Nó có lý khi bạn xem xét rằng Katherine có động cơ rõ ràng.” “Động cơ để đánh bom một khách sạn?!” Langdon yêu cầu với sự không tin tưởng. “Hoàn toàn,” Janáček đáp. “Trong các cuộc điều tra hình sự, tôi luôn tự hỏi một câu hỏi đơn giản: Ai sẽ hưởng lợi từ tội ác này? Ai đó, dù không thể nào, sẽ là nghi phạm chính của tôi.” “Đại úy,” Harris chen vào, “điều gì có thể mang lại lợi ích cho Katherine Solomon—” “Cho tôi hỏi ông điều này, Giáo sư,” Janáček ngắt lời, quay lại nhìn Langdon. “Tôi hiểu rằng cô Solomon đang viết một cuốn sách, phải không?” “Đúng vậy.” Mặc dù Katherine đã đề cập đến cuốn sách của mình tối qua trong bài giảng, Langdon vẫn cảm thấy bất an khi người đàn ông này biết về nó. “Hơn nữa,” Janáček nói tiếp, “tôi hiểu rằng cuốn sách này ủng hộ sự tồn tại của những năng lực siêu nhiên như ESP, thấy trước tương lai, đại loại như vậy—một chuyên môn của cô Solomon. Có vẻ như một câu chuyện tin tức về một giấc mơ huyền bí đã cứu sống hàng trăm người trong một khách sạn sẽ rất có lợi cho độ tin cậy... và doanh thu của cuốn sách cô ấy?” Langdon nhìn chằm chằm vào sĩ quan với sự không thể tin được. “Đại úy,” Harris

nói, với giọng cũng ngạc nhiên không kém. “Sự ám chỉ của ông rõ ràng là—” “Giải thích duy nhất có thể,” Janáček nói. “Thưa ngài,” Langdon nói nhỏ. “Ông đang ngụ ý rằng báo động cháy và cơn ác mộng chỉ là... một trò quảng cáo?” Janáček mỉm cười và hút một hơi thuốc lá lâu. “Sau ba mươi tám năm làm điều tra, Giáo sư, tôi nghĩ mình đã thấy mọi thứ. Nhưng bây giờ, trong thế giới truyền thông xã hội của ông, tôi liên tục bị sốc bởi những gì con người sẽ làm để có được sự chú ý từ phương tiện... để trở nên ‘viral’, như các ông người Mỹ thích nói. Kế hoạch của ông thực sự rất tinh vi, một cách đáng ngạc nhiên an toàn và dễ thực hiện.” “Ông làm sao có thể nói việc gài một quả bom là an toàn?!” Langdon yêu cầu. Harris đã im lặng. “Ông đã đảm bảo nó an toàn,” Janáček lặp lại. “Quả bom mà chúng tôi tìm thấy khá nhỏ và được đặt ở một vị trí tầng hầm nơi nó chỉ có thể gây ra thiệt hại tối thiểu. Ông đã gọi điện thông báo ẩn danh để đảm bảo chất nổ được phát hiện trước khi ai đó bị thương.” Những con chó cảnh sát trong sảnh... “Nhân tiện,” Janáček thêm vào, “vương miện gai là một điểm nhấn tuyệt vời—rất đáng nhớ và khó bị bỏ lỡ trên băng ghi hình an ninh.” Langdon cảm thấy hơi buồn nôn. “Thưa ngài, không có gì có thể xa sự thật hơn.” “Nếu ông tin điều đó,” đại úy nói, “thì có lẽ ông không biết sự thật. Có lẽ ông không biết Katherine Solomon như ông nghĩ. Có lẽ cô ấy đã làm tất cả điều này sau lưng ông và sử dụng ông như một kẻ đồng lõa không biết gì.” Langdon từ chối trả lời những lời nói của ông. “Tôi rất giỏi trong việc khám phá sự thật, Giáo sư,” Janáček nói thẳng thừng, “đó là lý do tại sao tôi rất mong đợi nghe phiên bản câu chuyện của cô Solomon. Nếu, thực sự, cô ấy đã có một giấc mơ trở thành hiện thực, thì có lẽ cô ấy vô tội. Nhưng điều đó có nghĩa là Katherine Solomon có thể thấy tương lai, điều này sẽ làm cho cô ấy thực sự đặc biệt. Cô ấy có đặc biệt không, ông Langdon?” Giọng mỉa mai của người đàn ông không để lại nghi ngờ gì rằng Langdon và Katherine đang chiến đấu trong một cuộc chiến không thể thắng. Có tội cho đến khi được chứng minh là vô tội. “Điều này dẫn tôi đến câu hỏi cuối cùng,” Janáček nói. “Hiện tại cô Solomon ở đâu?” “Gặp một đồng nghiệp,” Langdon trả lời ngắn gọn. “Ai?” “Nhà thần kinh học người Séc mà tôi đã nhắc đến—Tiền sĩ Gessner.” “Và hai phụ nữ đang gặp nhau ở phòng thí nghiệm của Tiền sĩ Gessner?” Langdon bất ngờ khi sĩ quan biết điều đó. “Thư giãn,” Janáček nói. Ông giơ một mảnh giấy lên. “Tôi lấy cái này từ phòng ngủ của ông cùng với cả hai hộ chiếu của ông.” Đó là mảnh giấy mà Katherine đã để lại. Janáček chỉ đang thử thách ông. “Cuộc gặp gỡ diễn ra vào lúc mấy giờ?” “Tám giờ sáng,” Langdon trả lời. Janáček kiểm tra đồng hồ. “Chỉ còn vài phút nữa. Phòng thí nghiệm này ở đâu?” Langdon đã biết tới qua rằng phòng thí nghiệm của Gessner tọa lạc tại một địa điểm nổi tiếng an ninh ở Prague—Crucifix Bastion—một pháo đài nhỏ thời Trung cổ đã được cải tạo thành một cơ sở nghiên cứu siêu hiện đại cách trung tâm thành phố bốn cây số. “Tôi sẽ gọi cho Katherine,” anh đề nghị, nghi ngờ rằng cô sẽ không muốn bị thăm vấn trước mặt Gessner. “Tôi chắc cô ấy sẽ trở lại ngay—” “Phòng thí nghiệm ở đâu?!” Janáček bùng nổ, đẩy qua Harris và dừng cách mặt Langdon vài inch. “Tôi sẽ bắt ông ngay bây giờ, Giáo sư, và lãnh sự quán của ông sẽ mất nhiều tuần để xử lý thủ tục.” Langdon đứng vững. “Tôi muốn nói chuyện riêng với ông Harris.” “Cuối cùng

“Cơ hội,” Janáček quát lên. “Phòng thí nghiệm ở đâu?” Có một khoảng lặng dài, và giọng nói tiếp theo như một lưỡi dao đâm vào lưng Langdon. “Crucifix Bastion,” Harris nói một cách dửng dưng. “Bốn km từ đây.”

CHƯƠNG 13

Robert Langdon cảm thấy như một tội phạm khi Captain Janáček dẫn anh qua sảnh khách sạn. Khi họ đi qua quầy lễ tân, điện thoại của Janáček đổ chuông, và vị thuyền trưởng tách ra để nghe gọi ngoài tầm nghe. “Giáo sư,” Harris thì thầm bên cạnh anh, nắm lấy khoảnh khắc riêng tư của họ. “Xin hãy hiểu—Captain Janáček đã biết vị trí của phòng thí nghiệm. Ông ấy đang dụ dỗ bạn vào cáo buộc cản trở. Tôi đã tiết lộ vị trí của phòng thí nghiệm để Captain Janáček không thể nói rằng bạn đã cản trở cuộc điều tra của ông ấy. Bạn sẽ bị bắt ngay lập tức.”

Cảm ơn... tôi nghĩ vậy? “Dost řečí!” Janáček hét lên, kết thúc cuộc gọi và tiến về phía Langdon. “Đừng nói nữa! Chúng ta đi thôi!” Langdon nghe theo và đi theo Janáček cùng Harris ra khỏi khách sạn, bước vào cơn bão tuyết nhẹ. Bình minh đến muộn vào tháng Hai, nhưng mặt trời cuối cùng cũng đã lên, tỏa ra ánh sáng xám xịt khắp thành phố. Khi họ đi ra đến lề đường, Harris nhìn lên từ điện thoại của mình và nói, “Captain, tôi đã liên lạc với đại sứ.”

“Đại sứ nữ?” Janáček chế nhạo. “Bạn không tin tưởng phán đoán của chính mình?”

“Đó là phán đoán của bạn mà tôi không tin tưởng,” Harris đáp, không hề nao núng. “Xét đến tính

ng nghiêm trọng của cáo buộc của bạn và sự nổi bật của những cá nhân bị cáo buộc, tôi có nhiệm vụ phải thông báo cho đại sứ quán ở cấp cao nhất.”

“Làm như bạn muốn.” Janáček cười nhếch mép, vẫy tay một cách phớt lờ. “Tôi chắc rằng ông Langdon và tôi sẽ ổn mà không có bạn.”

“Sai,” Harris phản bác. “Tôi sẽ đưa ông Langdon đến đại sứ quán cùng tôi. Ông ấy có thể chờ đợi thoải mái hơn tại đó trong khi bạn thu thập Dr. Solomon.” Langdon không có ý định để Katherine ở một mình với Janáček và sắp có ý kiến phản đối, thì vị thuyền trưởng đã cười lớn. “Ông Harris, bạn có thể đi, nhưng nghi phạm của tôi, ông Langdon, sẽ đi với tôi đến phòng thí nghiệm.”

“Nghi phạm?” Harris thách thức. “Bạn chưa buộc tội ông ấy điều gì, và ông ấy hoàn toàn có quyền—”

“Tôi sẽ sẵn lòng buộc tội ông ấy, nếu bạn muốn. Điều đó sẽ không khó khăn xem xét việc ông ấy đã sơ tán một trong những khách sạn tốt nhất của Prague, và lý do của ông ấy chỉ là một giấc mơ viễn vông.” Harris giữ im lặng, suy nghĩ về các lựa chọn của mình. Sau một lúc, Harris quay sang Langdon, vẻ mặt rất nghiêm túc. “Giáo sư, tôi đã yêu cầu một cuộc họp khẩn cấp với đại sứ. Ông có ổn một mình trong khoảng nửa giờ không?”

“Hoàn toàn ổn,” Langdon nói.

“Tốt. Tôi sẽ báo cáo với đại sứ và sau đó sẽ gặp ông tại phòng thí nghiệm—có thể với cả đại sứ nữ.”

“Cảm ơn,” Langdon nói. “Tôi chắc chắn chúng ta sẽ giải quyết được điều này ngay khi nói chuyện với Katherine.” Harris quay trở lại với Janáček, người đã châm một điếu thuốc khác. “Captain, hãy nhận thức rằng đại sứ quán đang theo dõi bạn. Chúng tôi không thể ngăn bạn thiếu lịch sự, nhưng nếu bạn dám vượt quá bất kỳ giới hạn đạo đức hay pháp lý nào—”

“Hiểu rồi,” Janáček quát lên, điều thuốc nghiêng ở môi mỏng manh của ông. Ông quay đi và ra hiệu cho một chiếc xe gần đó, chiếc xe gầm rú sống dậy và lao tới nhóm người, trượt dừng lại chỉ cách họ vài inch. Langdon nhảy lùi lại. Cẩn thận! Chiếc sedan màu đen Škoda có biểu tượng ÚZSI ở cả hai bên. Janáček mở cửa sau và ra hiệu cho Langdon lên xe. Khi Langdon bước vào trong, Janáček quay sang Harris. “Cảnh báo công bằng, Attaché. Bạn nên nhanh chóng. Tôi không có ý định trì hoãn cuộc thẩm vấn Dr. Solomon.”

Taxi của Michael Harris rời khỏi Four Seasons. Tài xế xe ra tín hiệu rẽ phải, cho thấy rằng anh ta đã nhầm Harris với một khách du lịch Mỹ không hề nghi ngờ, không biết cách đến đại sứ quán Mỹ—một mục tiêu hoàn hảo cho một mức phí tăng giá. “Jed'te přes Mánesův most, sakra!” Harris hét lên bằng tiếng Séc chửi thề. “Tôi đang vội!” Đôi mắt tài xế mở to, và anh ta lái sang bên trái. Người dân địa phương luôn bị sốc khi một người Mỹ nói tiếng Séc trôi chảy—đặc biệt khi người Mỹ đó lại là một người đàn ông da đen cao hơn sáu feet trong bộ vest may đo. Michael Okhu Harris lớn lên trong một gia đình giàu có tại Philadelphia, phần lớn được nuôi dưỡng bởi người bảo mẫu của mình, một người nhập cư từ Brno. Theo gợi ý của cha mẹ, người bảo mẫu nói tiếng Séc với cậu bé, và đến tuổi mười lăm, Michael đã hoàn toàn song ngữ. Sau khi tốt nghiệp trường luật UCLA, Harris quyết định sử dụng chuyên môn ngôn ngữ của mình bằng cách theo đuổi một vị trí tại đại sứ quán Mỹ ở Prague—một thành phố kỳ lạ với thức ăn tinh tế, phụ nữ đẹp và công việc thú vị. Tuy nhiên, trong những tuần gần đây, công việc đó đã trở nên thú vị hơn những gì anh mong muốn. Và sáng nay đã đẩy “thú vị” lên một cấp độ hoàn toàn mới. Sự cố trên cầu Charles vẫn là điều không thể hiểu nổi với Harris. Lời tuyên bố của Janáček rằng đó là một chiêu trò quảng cáo cho cuốn sách sắp ra mắt của Katherine Solomon có vẻ vô lý, nhưng Harris phải thừa nhận rằng có một logic kỳ lạ trong đó; anh luôn luôn...

ngạc nhiên trước những rủi ro mà những người thành công chấp nhận nhằm tiến xa trong sự nghiệp của họ. Tôi cũng vậy, Harris tự nhắc nhở bản thân. Trong vài tháng qua, Harris đã thực hiện một số công việc “ngoài sách vở” cho đại sứ, và mặc dù công việc này về mặt kỹ thuật là hợp pháp, nhưng nó ở rìa... và khá khó chịu. Dù vậy, khoản tài chính ngầm nhận được, cùng với sự đe dọa cá nhân của đại sứ với anh, đã khiến Harris không thể từ chối. Tôi hy vọng điều đó sẽ không quay lại ám ảnh tôi, Harris nghĩ. Nhưng anh có một cảm giác không yên tâm rằng điều đó sẽ xảy ra.

Tại Old Town, The Golêm rời khỏi mê cung chật chội của các con hẻm xung quanh căn hộ của mình. Những lối đi mờ mịt đó, có những đoạn chỉ rộng hai mét, xoắn quanh khu phố cổ như những sợi dây leo. Khi anh di chuyển, The Golêm hít sâu một hơi, ép không khí lạnh xuống đáy phổi, cố gắng tái điều chỉnh tâm trí của mình. Những cuộc gặp gỡ với Ether luôn khiến anh tách khỏi thực tế vật chất, nhưng chúng cũng khơi dậy các giác quan của anh. Bạn phải luôn tỉnh táo. Còn nhiều việc phải làm. Kế hoạch báo thù của The Golêm cần một thông tin cụ thể mà anh chưa có. Anh cần phải hành động cực kỳ cẩn trọng; nếu để lại bất kỳ dấu vết nào về những gì mình đang tìm kiếm, anh sẽ tự làm lộ mình. Vì lý do này, anh đã chọn đích đến tiếp theo một cách cẩn thận—một nơi yên tĩnh mà ở đó anh có thể thu thập câu trả lời một cách ẩn danh. Sáng nay, anh ăn mặc thật bình thường—quần, áo, áo khoác, một chiếc mũ kiểu newsboy plis và kính râm tối màu che gần hết khuôn mặt của mình. Trang phục này phổ biến với anh hơn rất nhiều so với bộ trang phục của The Golêm, mặc dù anh rất thích những giờ phút được lang thang trên phố với tư cách là The Golêm, ngoại hình bên ngoài phản ánh tâm hồn bên trong của anh—một người bảo vệ mạnh mẽ từ một thực tại khác. Bộ trang phục cũng có lợi về mặt vật chất. Praha là một thành phố của sự theo dõi, và các camera với phần mềm nhận diện khuôn mặt đều có mặt mọi nơi ở những địa điểm công cộng. Người ta thường nói rằng niềm đam mê của Praha với trang phục và mặt nạ chỉ là cách mà công dân nơi này cố gắng thưởng thức một khoảnh khắc ẩn danh thoáng qua. Vì vậy, khi The Golêm cần sự ẩn danh thực sự, anh tìm thấy nó dưới một lớp đất sét dày, giúp anh có được sự tự do di chuyển trong thế giới vật chất. Tối qua, anh đã hóa trang thành The Golêm không phải để che giấu ngoại hình của mình, mà là để giấu mặt khỏi bác sĩ Gessner. Và để khiến cô sợ hãi. Sự sốc từ ngoại hình của anh chắc chắn đã giúp thuyết phục cô tiết lộ những bí mật sâu xa nhất của mình; The Golêm vẫn đang xử lý tất cả những thông tin mà anh đã học được từ cô. Tội ác mà họ đã xây dựng dưới lòng đất... Danh tính của các đối tác của cô... Và một cách tinh vi vô tình... cách mà anh có thể khiến mọi thứ sụp đổ xung quanh họ. The Golêm giờ đã hòa vào một con hẻm lớn hơn được gọi là Melantrichova. Vẫn quá hẹp cho thậm chí một chiếc xe, con hẻm có vài cửa hàng và quán cà phê, vừa mới bắt đầu mở cửa. Một nhóm nhỏ khách du lịch đã bắt đầu lùng sục trong mê cung, nhâm nhi cà phê và chụp ảnh những lối đi độc đáo như mê cung. Rẽ phải, The Golêm đi qua Bảo tàng Máy móc Tinh dục với bộ sưu tập các dụng cụ được thiết kế để đem lại khoái lạc cho cơ thể con người. Nó không hấp dẫn anh; Ether cung cấp một sự lên đỉnh thoải mái hơn nhiều so với sự thỏa mãn thể xác. Dù vậy, những hình ảnh khiêu dâm trong cửa sổ bảo tàng gợi nhớ trong tâm trí anh về cô... nằm trong vòng tay của người tình. Ý nghĩ đó khiến anh cảm thấy buồn nôn. The Golêm đã quyết định rằng điều tốt nhất anh có thể làm cho cô là loại bỏ người đàn ông này càng nhanh càng tốt. Cái chết của anh ta chắc chắn sẽ làm cô buồn, nhưng The Golêm sẽ hoàn toàn gánh chịu nỗi đau của cô và giúp cô quên đi. Vai trò của một golem là gánh vác gánh nặng của một linh hồn yếu đuối hơn. Khi anh đến quảng trường, mùi hương của những hạt dẻ rang tràn ngập không khí cùng với âm thanh của một chiếc bock—một loại kèn túi Bohemian nhỏ được yêu thích bởi các nhạc sĩ đường phố tại đây. Mảnh đất nhào nhột của những viên đá cuội đã được nhóm đông khách du lịch buổi sáng, vài người trong số họ đã tập trung dưới đồng hồ thiên văn để xem buổi diễu hành lúc 8 giờ sáng của các vị thánh. Gần đó, một vài nhân vật hóa trang tạo dáng chụp ảnh đôi lấy tiền tip. Những người đàn ông mặc áo choàng dài màu tối, mũ cao, và trang điểm kiểu harlequin ẩn tượng— gương mặt được sơn toàn bộ màu trắng ngoại trừ những hốc mắt đen. Những kẻ cơ hội, anh nghĩ, nghi ngờ rằng những người đàn ông này thực sự là thành viên của Církev satanova—Giáo hội của Quỷ ở Praha. Kể từ khi Daily Mail đăng một bài viết mang tựa đề “Trong thế giới của các nghi lễ Satan giáo ‘Harlequin Đen’ ở Praha,” kèm theo những bức ảnh bí mật, có vẻ như khách du lịch ở Praha sẽ trả giá cao để có một bức ảnh chụp thực sự với một tín đồ Satan. Tôn giáo và huyền bí đã được dệt vào trong cấu trúc của thành phố này, và du khách không gặp khó khăn trong việc tìm thấy vô số thiên thần, thánh nhân, quỷ dữ và những nhân vật huyền thoại cổ xưa lang thang trên các con phố. Một nữ diễn viên hóa trang thành

thiên thần đen thường đứng trong quảng trường, vươn đôi cánh tối tăm trước khách sạn U Prince và dẫn khách vào trong hầm nổi tiếng của khách sạn—Bar Thiên Thần Đen. Ở thời điểm này, thiên thần có cánh đã trở về nhà để nghỉ ngơi, và lối vào thanh lịch của khách sạn thì vắng vẻ, đúng như những gì anh mong đợi. Golêm lên vào trong và xuống cầu thang xoắn ốc hướng về quầy bar. Anh dự định sẽ tìm ra câu trả lời của mình ở đó. Bar Thiên Thần Đen nằm trong một hang đá Gothic từ thế kỷ mười hai, sâu dưới khách sạn vài tầng. Theo truyền thuyết, trong một đợt phục hồi, các công nhân đã tình cờ phát hiện

một buồng bí mật chứa một chiếc rương đầy nhật ký cô của một người đàn ông tên là Alois Krcha. Những quyển nhật ký bao gồm các công thức cho các loại cocktail kỳ lạ và elixir huyền bí từ những ngày đã qua, một số được đồn đại là có những đặc tính kỳ diệu. Du khách thường xuyên ghé thăm Bar Thiên Thần Đen với hy vọng có chút sự thật trong phương châm nổi tiếng của quán: □□□□ □□ □□□□□□□□□□ □□□□□□□□. Mong rằng điều đó thực sự xảy ra, Golém hy vọng. Nếu mọi thứ diễn ra đúng kế hoạch, thông tin anh cần để đạt được điều không thể sẽ được tìm thấy trong hàm này. Nhờ ơn thiên thần tử thần, anh nghĩ.

CHƯƠNG 15

onas Faulkman đứng một mình bên cửa sổ văn phòng tầng hai mươi ba, nhìn chằm chằm vào ánh đèn Manhattan lúc 2 giờ sáng. Thành phố không bao giờ ngủ, biên tập viên nghĩ, biết rằng sẽ mất một thời gian dài trước khi anh có thể ngủ nếu không tìm được bản thảo quý giá của tác giả mình. Anh vẫn hy vọng rằng công nghệ sẽ gọi bất cứ lúc nào để nói rằng “hack” chỉ là một sự cố kỹ thuật, nhưng Faulkman cảm nhận có điều gì đó tồi tệ hơn đang xảy ra. Không có phân vùng nào khác bị ảnh hưởng. Chỉ có của Katherine... Anh nhắc điện thoại văn phòng lên để gọi cho Katherine ở Prague, nhưng sau khi giữ ống nghe một lúc, anh đặt lại vào giá. Vẫn còn sớm buổi sáng ở Trung Âu, và tin tức chắc chắn sẽ là một cú sốc lớn đối với cô. Katherine đã đặt niềm tin vào Faulkman, và anh cảm thấy có một nghĩa vụ đạo đức sâu sắc để làm điều này đúng... nhất là sau khi thuyết phục cô làm việc an toàn trên máy chủ của công ty. Vậy ai đã đánh cắp bản thảo của cô? Liệu nó có xuất hiện trên thị trường chợ đen trong vài giờ tới? Faulkman ép mình phải hít một hơi thật sâu và thở ra. Anh tự nhắc nhở rằng một điều đã xảy ra theo cách của mình tối nay... một chút may mắn... và anh sẽ cần hành động cẩn thận và ngay lập tức. Faulkman đi qua văn phòng và đóng cửa, nhẹ nhàng khóa lại. Anh rồi tiến tới giá sách của mình, nơi chứa đầy những kỷ niệm xuất bản—các bảng quảng cáo, bản in, giải thưởng văn học, danh sách bán chạy được đóng khung, và các bản sao đọc trước giới hạn. Từ kệ trên cùng, anh lấy xuống một trong những vật phẩm quý giá nhất của mình... một chiếc cốc cà phê cá nhân hóa. Chiếc cốc có biểu tượng của một chiếc chén, một hình tam giác, và một bông hoa hồng. Nó đã được Robert Langdon tặng sau lần xuất bản đầu tiên của họ hai mươi năm trước—Biểu Tượng của Nữ Thần Thánh Mất Tích—một cuốn sách đã bán được đủ số lượng để Langdon mua cho Faulkman chiếc cốc này... và chẳng nhiều hơn thế. Theo thời gian, chiếc cốc đã trở thành biểu tượng cho tình bạn bền vững của Langdon cũng như sự hợp tác chuyên nghiệp đang diễn ra của họ. Từ bên trong chiếc cốc, Faulkman lấy ra một chiếc chìa khóa. Rồi anh trở lại bàn làm việc và sử dụng nó để mở ngăn kéo dưới cùng của bàn. Ở đó, được cất giữ an toàn trong ngăn kéo, là một bó dày các trang in—481 trang, cách dòng—xếp ngay ngắn và buộc bằng hai dây thun. Faulkman lấy bản thảo ra khỏi ngăn kéo và đặt lên bàn gỗ lớn của mình. Trang tiêu đề chỉ có hai dòng. □□□□□□□□ □□ □□□□□□□□ □□□□□□’ Cảm ơn Chúa, tôi vẫn biên tập trên giấy, anh nghĩ, thở phào nhẹ nhõm khi biết ít nhất mình vẫn có một bản sao. Theo thói quen, Faulkman đã in bản sao biên tập ngay sau khi Katherine đã cho anh quyền truy cập vào bản thảo cách đây vài giờ. Hầu hết các biên tập viên sử dụng trình xử lý văn bản và tính năng “Theo dõi thay đổi” để nhập chỉnh sửa trực tiếp vào các bản thảo kỹ thuật số, nhưng Faulkman vẫn thích một chồng giấy và một cây bút mực xanh cổ điển. Một lần, việc làm theo trường phái cũ đã thật sự có ích. Đã có một thời trong xuất bản, không lâu trước đây, khi thường chỉ có một bản sao của một bản thảo. Các tác giả sẽ viết tay, đặt bản thảo vào một chiếc hộp, và gửi chúng đến văn phòng của nhà xuất bản. Những Đỉnh Gió Hú, Các Anh Em Karamazov, và Cuộc Gọi của Chuông đều bắt đầu cuộc đời như một bản thảo giấy nguyên gốc duy nhất. Thư giãn đi, anh nói với mình. Nếu Maxwell Perkins có khả năng giữ bình tĩnh khi xử lý các bản thảo của Hemingway và Fitzgerald, thì chắc chắn tôi cũng có thể làm như vậy với Katherine Solomon. Nói vậy, điều đầu tiên anh dự định làm là tạo một bản sao kỹ thuật số dự phòng. Quá trình này từng yêu cầu phải gõ lại toàn bộ bản thảo vào một trình xử lý văn bản.

Ngày nay, các máy quét nhận dạng ký tự quang học chỉ mất vài phút. Một chút bảo hiểm trong khi PRH sắp xếp xem chuyện gì đã xảy ra ở đây. Nhưng khi Faulkman xem xét kế hoạch, anh bị một nhận thức bất an tác động. Các máy quét OCR và máy photocopy của nhà xuất bản đều được kết nối với mạng lưới của công ty; nếu một hacker đã truy cập vào cơ sở dữ liệu bảo mật nhất của PRH, thì các máy OCR và máy photocopy kết nối mạng sẽ khó có thể được coi là an toàn. Với tất cả những gì đã xảy ra tối nay, Faulkman không định mạo hiểm. Anh kiểm tra đồng hồ: 2:09 sáng. Nếu anh lên vào văn phòng FedEx

mở cửa 24 giờ gần đó, anh có thể sử dụng máy OCR và máy photocopy của họ, điều này sẽ không để lại dấu vết và không thể truy nguyên—chắc chắn an toàn hơn nhiều so với việc sử dụng thiết bị kết nối mạng của nhà xuất bản. Tự tin với kế hoạch của mình, Faulkman nhanh chóng gói bản thảo vào một phong bì có đệm và niêm phong lại, cho gói hàng vào ba lô của mình. Sau khi buộc dây giày thể thao màu đen và khoác cái áo khoác peacoat màu xám cổ điển, Faulkman vác ba lô lên vai và rời văn phòng, khóa cửa phía sau. Ba mươi giây sau, anh đang đi thang máy xuống tầng trệt. Khi bước ra khỏi thang máy, Faulkman vẫy tay chào người bảo vệ đêm ngồi sau quầy an ninh trong sảnh lớn. “Hẹn gặp lại mai, Mark.” “Cảm ơn, ông Faulkman. Chúc ông một đêm tuyệt vời.” Một chút muộn cho điều đó, Faulkman nghĩ. Khi anh vội vã tiến về cửa ra, anh đã đi qua giữa hai bức tường của sảnh với những giá sách cao vút, nơi trưng bày tự hào các tác phẩm cổ điển của Random House xuất bản từ đầu những năm 1900, khi các đồng sáng lập Bennett Cerf và Donald S. Klopfer thành lập công ty này như một nhà xuất bản tái bản nhỏ. Sở thích văn học của những người sáng lập rất đa dạng và phong phú đến mức dường như gần như “ngẫu nhiên”, và họ đã đặt tên cho cuộc phiêu lưu xuất bản của mình theo cách đó. Một vài quyển sách của Faulkman đã ngồi trên những kệ sách linh thiêng này, và cho đến tối nay, anh đã cảm thấy tự tin rằng một ấn bản đầu tiên của cuốn sách của Katherine sẽ một ngày nào đó có mặt ở đây. Bạn có một công việc bây giờ, anh tự nhắc mình khi đẩy qua cánh cửa kính xoay lớn và ra ngoài phố. Bảo vệ bản thảo này. Đêm nay lạnh buốt, và vỉa hè vắng vẻ vào giờ này. Faulkman rẽ phải vào Broadway và bước nhanh về phía nam đến phố Fifty-Fifth, gió lạnh thổi tung các cửa áo của anh. Khi băng qua đại lộ, anh quá bận tâm để nhận thấy một chiếc xe van đen theo sau anh cách một dãy nhà. PRH Data Security nằm ở tầng bốn của Tòa nhà Random House và bao gồm sáu trạm bảo mật nằm sâu trong một mê cung các giá máy chủ đang rền vang. Cơ sở gọn nhẹ này chịu trách nhiệm duy trì một bức tường lửa không thể xuyên thủng xung quanh các máy chủ nội bộ của nhà xuất bản. Kỹ thuật viên an ninh Alex Conan hiện đang gõ bàn phím điên cuồng tại trạm của mình, sau khi xác nhận rằng mọi dấu vết cuối cùng của bản thảo và thư mục nghiên cứu của Katherine Solomon đều đã biến mất—không còn gì, đã bị xóa sạch và không thể phục hồi. Đây không còn là một nhiệm vụ cứu hộ nữa, Alex nghĩ. Không có ai sống sót. Đáng lo ngại, hệ thống phát hiện/ngăn chặn xâm nhập của hệ thống đã không phát hiện bất kỳ dấu vết nào của các lỗ hổng bị khai thác—không có mục đăng ký bất thường, tệp tin bị sửa đổi, cấu hình hệ thống bị thay đổi, hoặc các gói tin đáng ngờ. Rõ ràng, những hacker này có kỹ năng độc đáo. Mẹ kiếp, họ là ai?! Hào hứng muốn cập nhật cho Jonas Faulkman, Alex gọi đến văn phòng của anh ấy nhưng không có ai trả lời. Lạ ghê. Anh gọi xuống cho người bảo vệ đêm ở sảnh. “Mark, đây là Alex Conan ở hệ thống. Bạn có thể thông báo cho Jonas Faulkman đến trung tâm an ninh ngay cho tôi không? Nó quan trọng.” “Ông ấy sẽ không nghe thấy tôi,” người bảo vệ trả lời bằng giọng điệu vui vẻ thường lệ. “Ông ấy vừa bước ra khỏi tòa nhà.” Faulkman đã đi?! Chúng ta đã bị hack... vì cuốn sách của anh ấy! Alex cho rằng Faulkman chỉ bước ra để hít thở không khí một chút và sẽ trở lại ngay. Anh tự hỏi có nên thông báo cho ban lãnh đạo PRH không, nhưng không có gì mà bất kỳ ai có thể làm vào lúc này, và họ có thể sẽ đuổi việc anh ngay lập tức vì để điều này xảy ra dưới sự giám sát của mình. Kiểm soát thiệt hại, anh tự bảo mình. Vẫn còn thời gian cho tôi giải quyết việc này. Kỹ năng hack của Alex rất vững vàng, cũng như trường hợp của hầu hết các kỹ thuật viên làm việc trong lĩnh vực an ninh hệ thống. Với vài giờ và một chút may mắn, anh có cơ hội chiến đấu để tìm ra ai đã hack PRH. Sau đó, tùy thuộc vào những gì anh phát hiện, thậm chí có thể tìm ra cách thông minh để hack lại họ. W

CHƯƠNG 16 chui vào ghế sau của chiếc sedan Škoda Octavia, Robert Langdon cảm thấy như bị giam cầm. Trước mặt anh, Capitán Janáček đã đẩy ghế của mình ra xa nhất có thể, và Langdon giờ đã phải co chân lại, chống chọi với nỗi lo sợ bị chật chội. Các lỗ thông hơi đang thổi ra hơi nóng ngột ngạt, pha trộn với khói thuốc lá của vị thuyền trưởng, và Langdon mừng vì anh chỉ mặc chiếc áo sweater Dale mà không đeo chiếc áo “puffer” nặng nề của Patagonia. Janáček lại đang nói trên điện thoại, đang trò chuyện.

trong giọng nói khê khàng của tiếng Séc khi chiếc xe chạy nhanh về phía nam dọc theo bờ sông Vltava. Người lái xe có cổ thật dày của đội trưởng là một trung úy hai mươi tuổi trong bộ đồng phục màu xanh navy của ÚZSI và đội mũ beret quân đội nghiêng. Anh ta trông giống như một vận động viên thể hình hoặc đô vật chuyên nghiệp hơn là một nhân viên thực thi pháp luật, và giờ đây anh ta đang lạng lách trong và ngoài dòng xe cộ chỉ với một tay trên vô-lăng, như thể đang cố gắng gây ấn tượng với sếp của mình. Khi chiếc xe lao nhanh về phía nam dọc theo con sông trên Masarykovo nábřeží, Langdon

cảm thấy buồn nôn và buộc lòng phải đưa ánh mắt ra ngoài cửa sổ vào những khoảng không gian rộng lớn. Họ vừa mới đi qua một hòn đảo nhỏ trên sông Vltava, nơi có cung điện Žofín màu vàng sáng theo phong cách Tân Phục Hưng. Trái ngược hoàn toàn với cung điện cổ, công trình hiện đại nổi tiếng nhất của Prague đang nằm ở phía bên trái. Ngôi Nhà Nhảy múa gồm hai tháp nhỏ nghiêng vào nhau như thể chúng đang khiêu vũ. Kiến trúc sư Frank Gehry đã gọi hai tháp của mình là Fred và Ginger, điều này có vẻ như là một sự ẩn tượng quá bất thường, nhưng khi nhìn vào đường chân trời của London hiện đang có The Gherkin, The Walkie-Talkie và The Cheesegrater, có lẽ hai ngôi sao điện ảnh đang khiêu vũ của Prague có thể được coi là một phước lành. Langdon từ lâu đã ẩn tượng với niềm đam mê nghệ thuật tiên phong của Prague. Một số bộ sưu tập tiền bộ nhất thế giới được chứa đựng ở đây tại Trung tâm DOX, Cung điện Hội chợ Thương mại và Bảo tàng Kampa. Tuy nhiên, điều độc đáo ở Prague là những cuộc triển lãm “pop-up” nghiệp dư thường xuyên xuất hiện khắp thành phố và, đối với một số người may mắn—như Tường Lennon và Những Người Dù Treo—được yêu mến đến mức được áp dụng vĩnh viễn. “Giáo sư,” Janáček nói, quay đột ngột đối diện Langdon, khiến lưng ghế của anh ta đè sâu hơn vào đầu gối Langdon. “Khi chúng ta đến Bức tường Crucifix, tôi sẽ tách rời bạn khỏi cô Solomon. Tôi dự định sẽ thăm vấn cô ấy mà không có bạn hiện diện. Tôi không muốn hai người đồng bộ hóa câu chuyện của mình.” “Câu chuyện của chúng tôi?” Langdon lặp lại, cố gắng giữ cho sự khó chịu khỏi giọng nói của mình. “Mọi thứ tôi nói với bạn đều hoàn toàn đúng.” “Điều đó thật tốt để biết. Vậy bạn không có gì phải lo lắng.” Janáček đã quay trở lại để đối diện phía trước. Langdon lo lắng về cuộc gặp gỡ sắp tới của Katherine với Janáček. Người đội trưởng dường như đã quyết định rằng hai người Mỹ—hoặc ít nhất là Katherine—đã bằng cách nào đó lên kế hoạch cho chuỗi sự kiện kỳ lạ này vì lợi ích cá nhân. Hoàn toàn điên rồ. Dù vậy, không quan trọng Langdon xem xét tình huống theo nhiều cách nào, anh không thấy giải thích nào cho giấc mơ của cô ấy báo trước cảnh tượng trên Cầu Charles. Cô ấy không kể cho ai về tầm nhìn của mình... và chúng tôi đã quay trở về giường ngay lập tức. Giải thích duy nhất còn lại, dù Langdon thấy nó không thể hiểu nổi, là Katherine đã trải qua một giấc mơ tiên tri thực sự... dự cảm Titanic của riêng cô. Thách thức đối với Langdon là anh chưa bao giờ tin vào sự tiên tri. Trong suốt sự nghiệp của mình, anh đã gặp chủ đề này trong các văn bản cổ đại, nhưng anh luôn bác bỏ khái niệm về khả năng ngoại cảm, lập luận rằng sự tiên đoán bằng bất kỳ tên gọi nào—tiên tri, bói toán, tướng số, chiêm tinh—theo lịch sử là anh thức cổ xưa nhất. Trong suốt thời gian con người theo dõi quá khứ, họ đã khao khát được thấy tương lai. Các ngôn sứ như Nostradamus, Oracle của Delphi và các nhà chiêm tinh Maya đã được tôn vinh như những vị thần. Ngay cả đến ngày nay, một dòng người có học thức luôn tham khảo các nhà chiêm tinh, người đọc lòng bàn tay, người xem vận mệnh và các hướng dẫn chiêm tinh hiện đại. Biết được tương lai là một nỗi ám ảnh của con người. Các sinh viên môn lịch sử của Langdon thường hỏi anh về Nostradamus, có thể nói là “người tiên tri” nổi tiếng nhất mọi thời đại. Những bài thơ bí ẩn của nhà tiên tri dường như dự đoán, trong số những điều khác, cuộc Cách mạng Pháp, sự trỗi dậy của Hitler và sự sụp đổ của Trung tâm Thương mại Thế giới. Langdon đã thừa nhận với lớp học của mình rằng một vài trong số những bài thơ của nhà tiên tri chứa những tham chiếu gây sốc đến các sự kiện tương lai, nhưng anh luôn nhắc nhở họ rằng Nostradamus đã viết “Rất nhiều, Bí ẩn và Thông thường.” Điều đó có nghĩa là, nhà tiên tri đã viết một bộ sưu tập phong phú gồm 942 bài thơ riêng biệt, sử dụng ngôn ngữ bí ẩn và mơ hồ, và dự đoán những sự kiện thông thường như chiến tranh, thảm họa tự nhiên, và cuộc đấu tranh giành quyền lực. “Không có gì ngạc nhiên khi chúng ta thấy những điểm đồng nhất thi thoảng,” Langdon nói với họ. “Tất cả chúng ta đều muốn tin vào phép thuật hoặc điều gì đó vượt ra ngoài thế giới này, vì vậy tâm trí của chúng ta thường đánh lừa chúng ta vào việc thấy những thứ không thực sự tồn tại.” Để minh họa quan điểm của mình, mỗi năm Langdon bắt đầu buổi hội thảo cho sinh viên năm nhất bằng cách yêu cầu mỗi sinh viên gửi thông tin chính xác về ngày tháng và giờ sinh của họ. Một tuần sau, anh đã đưa cho mọi người một phong bì niêm phong với tên họ trên đó và nói với họ rằng anh đã đưa thông tin sinh của họ cho một nhà chiêm tinh nổi tiếng và yêu cầu đọc. Khi các sinh viên mở phong bì của họ, họ thường ngạc nhiên trong sự không tin về độ chính xác của các dự đoán của nhà chiêm tinh. Sau đó, Langdon đã bảo họ đối chiếu với một sinh viên khác. Gây ngạc nhiên, họ đã biết rằng tất cả các “dự đoán chiêm tinh” mà anh đã phân phát đều giống nhau. Các dự đoán đơn giản cảm thấy chính xác bởi vì chúng.

bao gồm những niềm tin cá nhân phổ biến: Bạn có xu hướng chỉ trích bản thân. Bạn tự hào về việc

là một người độc lập tư duy. Thi thoảng, bạn cảm thấy nghi ngờ rằng mình đã đưa ra quyết định đúng đắn. Langdon giải thích rằng sự háo hức tìm kiếm sự thật cá nhân trong các tuyên bố chung được biết đến là hiệu ứng Barnum—được đặt tên theo “các bài kiểm tra tính cách” của P. T. Barnum đã từng được sử dụng để đánh lừa nhiều người tham gia rap xiếc tin rằng ông có năng lực tâm linh. Chiếc sedan ÚZSI quẹo mạnh sang bên trái, kéo Langdon ra khỏi những suy nghĩ của mình khi chiếc xe bắt đầu leo lên phong cảnh rừng rộng lớn của Công viên Folimanka, một không gian công cộng trải dài ở ngoại ô trung tâm Praha. Trên đỉnh đồi, Langdon chỉ có thể nhìn thấy tường đá của Bastion Crucifix ngự trên đường đỉnh phía trên họ. Anh chưa bao giờ đến thăm pháo đài nhỏ này, nơi đã trong tình trạng đổ nát trong nhiều năm và chỉ mới được cải tạo gần đây, nhưng giờ đây anh biết nhiều hơn anh mong muốn về việc tái thiết—đã bị buộc phải nghe không ngớt tối qua bởi chủ nhân tự hào mới của bastion. Tiến sĩ Brigita Gessner. Nhà thần kinh học người Séc này là một thành viên trong ban giám đốc của Chuỗi bài giảng Đại học Charles và đã cá nhân mời Katherine làm người trình bày tối qua. Sau bài giảng, Gessner đã tham gia với Katherine và Langdon để uống rượu ở quầy bar khách sạn. Nhưng thay vì chúc mừng Katherine, Gessner đã chỉ đề cập rất ít đến bài giảng xuất sắc, mà lại khoe khoang về công việc của mình và phòng thí nghiệm tư nhân mới tuyệt vời của cô. “Bastion thì khá nhỏ, nhưng đó là một vị trí tuyệt vời cho một cơ sở nghiên cứu,” Gessner đã thốt lên. “Pháo đài cũ ngự trên một sườn đồi với tầm nhìn không gì sánh được của thành phố, và những bức tường đá dày của nó cung cấp sự bảo vệ tuyệt vời khỏi sự can thiệp điện từ, khiến nó trở nên lý tưởng cho công việc nhạy cảm của tôi trong lĩnh vực hình ảnh não.” Gessner còn khoe rằng thành công của cô trong lĩnh vực công nghệ hình ảnh não và các mạng thông tin thần kinh đã mang lại cho cô toàn quyền tự chủ trong nghiên cứu của mình—cả về tài chính lẫn chương trình—và giờ đây cô dành thời gian để làm “những gì tôi muốn, trong một môi trường cực kỳ riêng tư.” Khi chiếc sedan ÚZSI thoát ra khỏi hàng cây, cảnh tượng của phòng thí nghiệm hiện ra trên vách đá khiến Langdon cảm thấy lo lắng bất ngờ về sự an toàn của Katherine. Không biết vì lý do gì, Langdon cảm thấy một cảm giác nguy hiểm đột ngột. Anh hy vọng đó không phải là sự tiên đoán.

J CHƯƠNG 17

Faukman thối vào hai bàn tay mình khi anh đi về phía đông dọc theo phố Fifty-Second, con phố vắng người vào giờ này. Đêm thật lạnh buốt, và bản thảo cảm thấy nặng nề trong ba lô của anh. May mắn thay, văn phòng FedEx hoạt động 24 giờ chỉ cách một bblock ở phía trước, bên kia Đại lộ Seventh. Faukman vẫn đang vật lộn để hiểu tại sao ai đó lại chỉ nhắm mục tiêu vào cuốn sách của Katherine. Cơ sở dữ liệu PRH chứa vô số mục tiêu khác rõ ràng hơn—những tác phẩm sẽ trở thành best-seller được viết bởi những tác giả nổi tiếng mà PRH rất phụ thuộc vào dòng lợi nhuận của họ. Nó thật vô lý. Faukman bắt đầu tự hỏi liệu có phải vụ tấn công này không phải là nạn ăn cắp sách, mà có thể là... cái gì đó khác. Hai mươi mét phía trước Faukman, một chiếc xe van màu đen đã dừng lại bên lề đường, đang nổ máy. Faukman theo bản năng chậm lại, cảm thấy không yên tâm trên con phố trống trải vào giờ này. Tuy nhiên, một chút sau đó, anh nhận ra sự lo lắng của mình là không cần thiết; tài xế của xe van nhảy ra, huýt sáo vui vẻ và đọc bảng ghi chú. Không nhìn Faukman lấy một cái, anh ta bước đi theo hướng ngược lại. Faukman trở nên thoải mái và tiếp tục đi qua chiếc xe van. Phía trước đó, tài xế rời đi đã dừng lại và nhìn lên số nhà, kiểm tra lại bảng ghi chú, rồi quay lại, đi bộ trở về con đường mà anh ta đã đi qua. “Johnny!” anh gọi về phía chiếc xe van. “Địa chỉ trong email đó là gì? Tôi không thấy nhà hàng souvlaki nào ở đây!” “Còn một bblock nữa,” Faukman đề nghị, chỉ tay. “Chỉ ở sau Đại lộ Seventh—” Từ phía sau, một cú đâm va vào thận phải của Faukman, và một chiếc túi đen đã hạ xuống trên đầu anh. Trước khi Faukman kịp xử lý điều gì đang xảy ra, hai cặp tay mạnh mẽ nâng anh khỏi mặt đất và ném anh vào trong xe van. Anh rơi thẳng vào sàn cứng, cú va chạm làm mất hơi của anh. Cửa đóng sập lại, và chỉ trong vài giây, anh cảm thấy xe van tăng tốc nhanh chóng. Nghẹt thở và không thể nhìn thấy gì, người biên tập hoảng sợ cố gắng lấy lại hơi thở và xem xét tình hình của mình. Faukman đã biên tập đủ các tác phẩm hồi hộp để biết điều gì sẽ xảy ra khi một nhân vật bị bịt mắt và bị ném vào trong một chiếc xe van. Điều đó chưa bao giờ tốt đẹp. Ba khối nhà phía xa, trong Tháp Random House, Alex Conan giờ đã gọi tất cả các số liên lạc của Faukman—văn phòng, nhà, di động—nhưng không nhận được câu trả lời ở bất kỳ đâu. Hắn ta đi đâu thế?! Chúng ta đang ở giữa một cuộc khủng hoảng! Faukman, dường như, đã đơn giản tắt điện thoại và đi lang thang ra ngoài đêm—có lẽ đến On the Rocks, một quán rượu whiskey gần đó thường xuyên được các biên tập viên thần kinh lui tới.

để làm dịu tâm trạng của họ vào bất kỳ giờ nào trong đêm. Cho đến nay, Alex đã không có tiến triển nào trong việc xác định các hacker. Anh đã lục soát qua đồng đồ nát nhưng không tìm thấy gì thú vị. Tôi cần một chiếc lược mịn hơn, anh biết. Lần kiểm tra tiếp theo của anh sẽ đòi hỏi một thuật toán pháp y độc quyền được thiết kế để quét tìm các hiện vật cụ thể duy nhất cho bản thảo bị mất—các từ khóa, khái niệm, tên—nhưng để làm điều đó, anh cần nói chuyện với Faulkman. Hoặc... anh nhận ra. Tôi có thể gọi trực tiếp cho Katherine Solomon? Quy trình PRH cấm cuộc gọi đó, yêu cầu mọi giao tiếp với các tác giả phải chảy hoàn toàn thông qua biên tập viên của từng tác giả—người đáng tin cậy đã học cách điều hướng những sở thích, kỳ quặc và sự bất an của nhà văn. Kệ nó, Alex nghĩ. Không chỉ vì anh cần tìm hiểu thêm về cuốn sách của Katherine mà anh còn tin rằng Katherine có quyền biết rằng ai đó đã nhắm mục tiêu vào bản thảo của cô, đặc biệt nếu điều đó có nghĩa là cô có thể gặp nguy hiểm cá nhân. Với suy nghĩ đó, Alex truy cập vào hồ sơ tác giả của Katherine Solomon, tìm thấy số điện thoại di động của cô và gọi. Faulkman đã đề cập rằng Katherine đang ở châu Âu vào lúc này, nghĩa là bây giờ là sáng sớm đối với cô, nhưng nếu Alex đánh thức cô, cô sẽ hiểu rằng đây là một tình huống khẩn cấp. Điện thoại di động của Katherine đã đổ chuông bốn lần rồi đi vào hộp thư thoại. Chết tiệt. Anh để lại cho cô một tin nhắn ngắn, giới thiệu bản thân và hỏi liệu cô có thể gọi lại cho anh ngay lập tức không. Anh cúp máy và thử gọi lại điện thoại di động của Faulkman. Không có gì. Lúc đó anh nhớ lại Faulkman đã đề cập rằng Solomon đang đi du lịch cùng một trong những tác giả của anh ta—giáo sư Harvard Robert Langdon. Cũng có trong cơ sở dữ liệu PRH, Alex nghĩ, quyết định rằng đáng thử. Anh truy cập vào tệp của Langdon và gọi đến số điện thoại di động đó. Đường dây của Langdon không hề đổ chuông—nó đã đi thẳng vào hộp thư thoại. Alex cúp máy, cảm thấy đột ngột rất cô đơn. Mọi người đang ở đâu hết?! Tôi CHƯÔNG 18 n London, Finch vừa nhận được xác nhận rằng các kế hoạch dự phòng của anh giờ đây đã được thực hiện, cả ở Prague và New York. Tin tức đến qua một nền tảng giao tiếp công nghệ quân sự gọi là Signal, cần thiết cho tất cả các giao tiếp trên thực địa, vì nó cung cấp mã hóa đầu cuối cho tất cả các tin nhắn và giọng nói. Finch, một người Mỹ, giữ một vị trí bí mật trong trụ sở châu Âu của một tổ chức toàn cầu được những người trong cuộc gọi là “Q.” Biệt danh bí ẩn của công ty xuất phát từ một nhân vật trong các tiểu thuyết James Bond—nhà công nghệ – phát minh “Q” đã tạo ra những đôi mồi chết người phục vụ Nữ hoàng. Giống như tên gọi hư cấu của nó, Q trong thế giới thực cũng phát triển các công nghệ tiên tiến phục vụ một quyền lực cao hơn... mặc dù đó là một quyền lực có ảnh hưởng lớn hơn bất kỳ vị vua nào. Thực thể đã âm thầm thành lập Q vào năm 1999 nắm giữ quyền lực chưa từng có trên toàn cầu, và trong khi sự hiện diện của nó hiếm khi được chứng kiến hoặc thậm chí bị nghi ngờ, các hành động của nó thường xuyên thay đổi diễn biến của các sự kiện toàn cầu. Ở tuổi bảy mươi ba, Everett Finch có xếp hạng cờ vua FIDE là 2374, chèo thuyền chín nghìn mét mỗi ngày trên máy tập erg, và kết thúc bữa sáng bằng cách uống ba trăm miligram Nuvigil, một loại thuốc tăng cường trí não khiến tâm trí anh trở thành một chiếc xe đua Formula One trên một con đường đầy xe minivan. Đã dành một thập kỷ qua trong một vị trí quyền lực trong tổ chức mẹ hùng mạnh của Q, Finch đã được chọn từ ba năm trước cho một nhiệm vụ bí mật trong văn phòng London của Q. Anh cũng được thông báo rằng anh sẽ dẫn đầu phát triển một trong những nỗ lực tham vọng và bí mật nhất từng được thực hiện... bởi bất kỳ ai, ở bất kỳ đâu. Ngưỡng. Anh được nói rằng dự án yêu cầu một sự linh hoạt nhất định đối với các ràng buộc pháp lý và đạo đức, và Finch đã được chọn vì chuyên môn của mình với “các quy tắc đạo đức được trọng số theo thành công”—những khuôn khổ đạo đức ưu tiên thành công hơn là sự thuần khiết của lương tâm. Finch không ngạc nhiên khi lá thư bổ nhiệm của anh đọc: Không thể nói quá tầm quan trọng của Ngưỡng. Nó xứng đáng với bất kỳ biện pháp phi thường nào mà bạn cho là cần thiết để đảm bảo thành công của nó. Tin nhắn được nhận, Finch nghĩ. Không có quy tắc nào. Ba mươi phút đã trôi qua kể từ khi The Gollem tiến vào Hotel U Prince và xuống quán bar Black Angel dưới lòng đất. Anh đã thấy quán bar đóng cửa, với đội dọn dẹp đang quét sàn, đánh bóng những chiếc ghế da, và kéo những đầu thuốc lá từ các bức tường đá cổ thô ráp. Trước khi bị ai đó nhìn thấy, The Gollem tiếp tục đi qua quầy bar, quanh góc, đến một không gian như tủ quần áo có chứa một cái bàn và hai chiếc máy tính cũ mà màn hình của chúng đã mờ dần ánh sáng phát ra từ logo của Black Angel. Việc quán bar cung cấp dịch vụ Internet suốt hai mươi bốn giờ cho khách hàng là một di sản ngọt ngào của những ngày mà điện thoại di động nước ngoài gần như không hoạt động ở Prague, và du khách sẽ chọn uống tại Black Angel chỉ để gửi một email. Hôm nay, khi The Gollem nhận ra rằng anh cần thông tin kỹ thuật cụ thể để thực hiện kế hoạch của mình, anh ngay lập tức nghĩ đến Black Angel.

Không ai sẽ theo dõi máy này. Và giờ tôi đã tìm thấy những gì tôi đến tìm, anh nghĩ, nhìn chăm chăm vào thông tin kỹ thuật trên màn hình.

trước mặt anh. Nhiều chi tiết vượt quá sự hiểu biết của anh, nhưng điều đó không quan trọng; việc xả súng không yêu cầu một trình độ trong khoa học đạn đạo... chỉ cần có quyền truy cập vào cò súng. Và cò súng đó giờ đã được xác định. Gessner đã tiết lộ nhiều bí mật trong nỗ lực cứu mạng sống của chính mình—trong số đó, sự hiện diện của một mảnh công nghệ mạnh mẽ một cách ngạc nhiên nằm trong những vực sâu nhất của phòng lab ngầm của họ, được niêm phong trong một kho chứa không khí kín với các bức tường bê tông gia cố dày hai mét. Một mảnh công nghệ có thể khiến toàn bộ thế giới của họ sụp đổ. Với thông tin mà anh vừa thu thập được, anh đã biết chính xác cách khiến điều đó xảy ra. Golém nhanh chóng xóa lịch sử tìm kiếm trên trình duyệt và khởi động lại máy tính. Khi anh lên cao và bước ra ngoài vào quảng trường, anh cảm thấy sống động với viễn cảnh trả thù táo bạo đến nỗi những sóng xung kích của nó sẽ được cảm nhận hàng nghìn dặm từ Prague... bởi tất cả những người có trách nhiệm.

C CHAPTER 19

Crucifix Bastion đứng cao trên một dãy đồi rừng rậm xác định rìa phía bắc của Công viên Folimanka. Vào giữa thế kỷ 14, đỉnh cao chót vót đã thu hút sự chú ý của Hoàng đế La Mã Thánh Charles IV, người đã quyết định đây là vị trí lý tưởng để xây dựng một pháo đài nhìn ra thành phố quê hương yêu quý của mình, Prague, một viên ngọc đang phát triển của Kitô giáo. Dọc theo đường gò, hoàng đế đã xây dựng một bức thành bằng đá được trang trí bởi một pháo đài nhỏ nhưng vững chắc. Chỗ cao của nó khiến ông nhớ đến ngọn đồi nơi Chúa Kitô đã bị đóng đinh, vì vậy ông đã đặt tên cho pháo đài là “Crucifix Bastion.”

Chiếc sedan của ÚZSI leo lên con đường vào cao hơn, vươn lên dần dần cho đến khi dừng lại trước pháo đài. Langdon nhìn ra bên ngoài vào pháo đài cổ xưa, ấn tượng bởi sự cải tạo hiện đại thanh lịch. Đây là phòng lab riêng của Gessner à? Rõ ràng, nhà nghiên cứu thần kinh đã kiếm sống tốt hơn Langdon tưởng tượng. Janáček nhảy ra khỏi ghế phụ và kéo cửa xe của Langdon mở ra, ra hiệu một cách thiếu kiên nhẫn cho anh xuống. Langdon nhanh chóng tuân theo, mong mỏi ra khỏi chiếc xe chật chội và cũng ngày càng hồi hộp để gặp Katherine. Người lái xe thô bạo vẫn ở trong xe trong khi Janáček dẫn Langdon qua con tuyết rơi về phía phòng lab. Trong lớp tuyết mỏng trên con đường sỏi, Langdon thấy nhiều dấu chân mờ—một số chắc chắn là của Katherine khi cô đến gặp Gessner. Trên cửa chính, một tấm bảng bằng đồng thanh lịch thông báo: □□□ □□□□□□ □□□□□□□□. Cánh cửa của pháo đài là một tấm kính gia cố rộng, phong cách trong khung thép. Janáček kéo tay nắm, nhưng cánh cửa không nhúc nhích. Anh gõ mạnh lên mặt kính dày. Không có phản hồi. Janáček giờ quay sang hộp gọi bên cạnh cửa—một máy quét vân tay sinh học, một loa, và một nút gọi. Không có bàn phím cho mã truy cập? Langdon tự hỏi, băn khoăn vì đêm qua Gessner đã khoe khoang thái quá rằng phòng lab của cô được bảo vệ bằng “một mã truy cập thông minh.” Cô chắc hẳn đã đề cập đến một cánh cửa nội bộ. Janáček không ngừng nén nút gọi, và loa buzz, một intercom giờ đang reo bên trong. Họ chờ đợi, và sau năm hồi chuông, tiếng buzzer dừng lại. Janáček lùi lại và nâng đôi mắt có mũ trùm lên camera an ninh được đặt riêng ở phía trên, như thể anh đang chạm trán nó. Anh giờ thể nhận dạng ÚZSI của mình lên trước camera và nhấn nút gọi một lần nữa. Nó reo thêm năm lần nữa mà không có ai trả lời. Langdon liếc nhìn camera an ninh, tự hỏi liệu có thể Katherine đang nhìn lại anh. Tại sao Gessner không trả lời cửa? Hay không mở cửa cho chúng tôi? Rõ ràng, hai người phụ nữ có thể thấy rằng Janáček đang ở đây, và Langdon cảm thấy rất khó tin rằng mong muốn giữ bí mật của Gessner lại mãnh liệt đến mức cô sẽ từ chối một sĩ quan ÚZSI. “Cho tôi số điện thoại di động của Katherine Solomon,” Janáček nói, lấy điện thoại ra. Langdon đọc số đó từ trí nhớ, và Janáček nhập vào điện thoại của mình, đặt ở chế độ loa. Cuộc gọi ngay lập tức chuyển hướng đến hộp thư thoại của Katherine. Không có dịch vụ bên trong những bức tường đá dày đó sao? Langdon tự hỏi, mặc dù thật kỳ lạ khi một người không lồ công nghệ như Gessner lại không lắp đặt các bộ tăng cường mạng di động trong phòng lab của cô. Janáček lầm bầm điều gì đó dưới hơi thở và quay lại, la lớn về phía chiếc xe của mình. “Pavel!” Người lái xe có cổ dày nhảy ra từ phía sau vô lăng và chạy về phía Janáček như một con chó đến với ông chủ của nó. “Ano, pane kapitáne?!” Janáček chỉ vào cánh cửa kính. “Prostřílejte dveře.” Trung úy Pavel gật đầu, rút súng ra, và ngồi xuống một vị trí bắn nhắm vào cánh cửa. Lạy Chúa! Langdon đã bật lùi lại ngay khi khẩu súng của trung úy nổ. Sáu tiếng súng liên tiếp vang lên—các viên đạn xé nát tâm điểm của tấm kính trong một vòng tròn gần như hoàn hảo. Kính gia cố không vỡ, lớp bên trong dính lại giữ nó nguyên vẹn. Trung úy Pavel không lãng phí thời gian xoay

người và đá chân lên và ra phía sau, chân nặng nề của anh ta...

boot đá vào kính trong vòng tròn các lỗ đạn. Một mạng nhện của những vết nứt lan ra ngoài. Anh ta đá thêm lần nữa, và toàn bộ tấm panel sụp đổ vào trong, tuột khỏi khung và trượt qua sàn nhà trong một trận mưa của những mảnh kính an toàn trông giống như những viên đường lấp lánh. Langdon nhìn với sự không thể tin nổi, tự hỏi liệu Janáček có từng nghĩ rằng có thể có ai đó ở phía bên kia cánh cửa kính mờ khi trung úy của ông ta nổ súng không. Pavel nạp lại súng và bước qua lối mở bị phá hủy, đôi ủng của anh ta giẫm lên những mảnh kính vỡ. Anh nhìn sang trái và phải, rồi ra dấu an toàn cho Janáček vào. “Mời ngài, Giáo sư,” Janáček nói. “Trừ phi ngài muốn chờ trong xe?” Langdon không muốn để Katherine ở lại một mình với Janáček và gã điên cuồng ngồi bên súng. Tim đập nhanh, Langdon tiến về phía lối mở đã bị phá, tự hỏi có bao nhiêu lần khác trong lịch sử ngọn pháo đài thời trung cổ này đã bị xâm phạm.

CHƯƠNG 20

Đại sứ quán Hoa Kỳ ở Prague nằm trong Cung điện Schönborn. Nó bao gồm hơn một trăm phòng, nhiều phòng có bức tường thạch cao nguyên bản và trần cao ba mươi bộ. Được xây dựng vào năm 1656 bởi một bá tước chỉ có một chân—Rudolf von Colloredo-Waldsee—cung điện tráng lệ này có một số ramp cho phép Bá tước Rudolf cưỡi ngựa vào trong tòa nhà. Bây giờ, trở thành đại sứ quán chính thức của Hoa Kỳ, cung điện chứa đựng hai mươi ba nhân viên tại chỗ được giao nhiệm vụ làm việc cho các lợi ích của Hoa Kỳ trong khu vực. Sáng nay, đại diện truyền thông của đại sứ quán—Dana Daněš—đang ở một mình trong văn phòng, tổ chức lịch trình hàng ngày. Cô là một phụ nữ ba mươi bốn tuổi đến từ Prague, đã hoàn thiện tiếng Anh của mình trong khi làm người mẫu ở London ở độ tuổi hai mươi. Sau khi trở về Prague và có được bằng đại học về máy tính, cô đã nộp đơn vào một vị trí tại đại sứ quán Hoa Kỳ và được nhận vào bộ phận quan hệ công chúng. Văn phòng của Dana cảm thấy lạnh hơn bình thường vào sáng tuyết này, và cô đi đến bộ tản nhiệt hơi nước cổ điển, cúi người để bật nó lên để có thêm chút ấm áp. “Pěkný výhled,” một giọng nói trầm vang lên sau lưng cô. Cảnh đẹp. Cô quay lại và hơi choáng váng như thường lệ khi nhìn thấy viên phụ tá pháp lý nổi bật, Michael Harris. Anh ta đối xử với cô một cách lịch sự trong văn phòng; dĩ nhiên, chính cách mà anh ta đối xử với cô bên ngoài văn phòng và trong phòng ngủ khiến cô cảm thấy thu hút nhất. Ngoài tài năng thể chất của mình, Harris còn có một sự nhẹ nhàng mà luôn nâng cao tâm trạng của cô. “Ngài đang ở sai tầng,” Dana nói vui vẻ, vì đã nghe rằng Harris đã yêu cầu một cuộc họp khẩn cấp với đại sứ. “Bà ấy đang ở trên tầng trên trong văn phòng của bà, đang chờ ngài.” “Ngài có thể làm gì đó cho tôi không?” Harris trả lời, nghe có vẻ nghiêm túc một cách bất ngờ. “Điều này rất quan trọng.” Cô gật đầu. Bất cứ điều gì trái tim ngài khao khát, Michael Harris. Harris nhanh chóng mô tả yêu cầu của mình. Dana nhìn chăm chăm vào anh ta, cố gắng đánh giá xem liệu anh có đang đùa không. “Tôi xin lỗi... một người phụ nữ đội vương miện có gai?” Harris gật đầu. “Cô ấy đã ở trên Cầu Charles ngay trước bảy giờ sáng nay. Tôi chỉ cần biết cô ấy đến từ đâu và đã đi đâu sau đó.” Yêu cầu này thật lạ lùng. Quyền truy cập của Dana vào hệ thống camera về lý thuyết chỉ giới hạn trong việc đánh giá các sự cố cụ thể ảnh hưởng đến quan hệ công chúng—các buổi mít tinh, biểu tình, phản đối, và những thứ tương tự. Điều này cảm thấy như một cái gì đó... khác. “Đừng lo,” anh nhún vai. “Tôi sẽ hỗ trợ chị.” Tôi thật sự hy vọng như vậy, cô nghĩ. Cả hai người họ chia sẻ một bí mật nguy hiểm—một cuộc tình trái phép trong văn phòng—điều này bị cấm nghiêm ngặt giữa các nhân viên đại sứ quán. “Tôi sẽ xem những gì tôi có thể tìm thấy,” cô nói. Anh nhẹ nhàng nắm vai cô một chút. “Cảm ơn. Tôi sẽ trở lại sau cuộc họp của mình.” Dana nhìn theo anh đi. Ngài muốn tôi theo dõi một người phụ nữ đội vương miện có gai... Tại sao? Trong những tuần gần đây, Michael đã trở nên bí mật một cách bất thường, đặc biệt là về các hoạt động buổi tối của anh, và anh ngày càng khó gặp Dana sau giờ làm việc và đã trở nên né tránh khi được hỏi về những gì mình đang làm thay vì vậy. Dana bắt đầu nghi ngờ rằng có một người phụ nữ khác. Cảm thấy một lần sóng ghen tuông đột ngột, Dana tự hỏi liệu yêu cầu theo dõi người phụ nữ này có thể là một vấn đề cá nhân hay không. Sự nghi ngờ của cô thật linh tính, dĩ nhiên; viên phụ tá pháp lý của đại sứ quán, trong số những người khác, sẽ biết không bao giờ sử dụng tài nguyên chính thức cho một vấn đề cá nhân, và Dana sẽ là người cuối cùng mà Harris yêu cầu nghiên cứu một người phụ nữ khác. Tuy nhiên, anh đang lợi dụng tôi, cô biết. Dù sao đi nữa, Dana ngồi xuống sau bàn làm việc và đăng nhập vào giao diện giám sát của đại sứ quán. “Được rồi, Michael, hãy xem chúng ta có thể tìm thấy gì.” Sau khi Cộng hòa Séc gia nhập NATO vào năm 1999, hơn một ngàn

một trăm camera giám sát đã được lắp đặt tại Prague như một phần của một quan hệ đối tác giám sát bí mật do Hoa Kỳ tài trợ, được gọi là Echelon. Mặc dù các luật pháp nghiêm ngặt của Czech quy định quyền truy cập vào các camera, Hoa Kỳ đã xây dựng mạng lưới này và đã cung cấp cho các đại sứ quán của mình, với một vài ngoại lệ, quyền truy cập hoàn toàn... một điểm gây tranh cãi sôi nổi cho các nhà chức trách Czech. Dana Daněk không hoàn toàn thoải mái với việc giám sát này, nhưng vẫn

công dân Trung Âu không có lựa chọn nào khác ngoài việc chấp nhận sự giám sát của Echelon theo dõi cuộc sống hàng ngày của họ — bao gồm, trong trường hợp của Dana, việc cô thỉnh thoảng lén lút ra vào căn hộ của Michael Harris vào bất kỳ giờ nào trong đêm. Không ai theo dõi hoạt động của tôi, cô tự nhủ. Có quá nhiều dữ liệu. Dẫu vậy, các chiến dịch bảo vệ quyền riêng tư của dân thường như @ReclaimYourFace thường xuyên tổ chức các cuộc biểu tình chống Mỹ nhằm vào những chiếc camera an ninh khắp nơi ở Prague. Lập luận của đại sứ quán thì đơn giản và đúng đắn: Hầu hết công dân thích bị giám sát... hơn là bị khủng bố đánh bom. Nghĩ đến điều đó, Dana di chuyển con trở qua một bản đồ chi tiết của Prague, điều hướng đến Cầu Charles, và gọi lên đoạn video an ninh vừa được lưu trữ gần đây.

CHƯƠNG 21

Langdon cảm thấy tai mình vẫn còn vang lên tiếng súng khi bước qua cánh cửa bị vỡ vào Đền Crucifix. Đôi giày loafer của anh phát ra âm thanh giòn giã trên những mảnh kính rải rác trên sàn đá cẩm thạch hồng khi anh gia nhập bên Janáček và Trung úy Pavel trong sảnh vào sang trọng. Một hành lang dẫn sang bên phải của họ, nhưng Janáček dường như tập trung hơn vào cánh cửa thép imposing ngay trước mặt họ. Được ghi chữ □ □, cánh cửa có một cửa sổ nhỏ được gia cố và một bảng điều khiển sinh trắc. “Thang bộ xuống phòng thí nghiệm,” Janáček nói, nhìn qua cửa sổ và cố gắng mở cánh cửa khóa. Langdon nhìn quanh tìm một thang máy, tò mò không biết Gessner đã vận chuyển thiết bị khoa học nặng nề xuống cơ sở của cô như thế nào, nhưng anh chỉ thấy điều duy nhất trong sảnh này là thang bộ và hành lang dẫn sang bên phải. Langdon vẫn chưa thấy dấu hiệu nào của một bàn phím cho “mật mã thông minh” mà Tiến sĩ Gessner đã khoe khoang đêm trước. Janáček đang nghiên cứu khung kính vỡ nằm trên sàn. Sau một lúc, anh crouched xuống, nhấc khung kính, kéo nó đến cửa vào phòng thí nghiệm, và tựa nó một cách không chắc chắn vào cánh cửa phòng thí nghiệm. “Chuông báo homemade,” anh tuyên bố. “Phòng hợp nếu bạn của bạn nghĩ rằng cô ấy có thể lên ra ngoài trong khi chúng ta không chú ý.” Langdon không thể tin Janáček nghĩ Katherine sẽ chạy trốn, nhưng sự sáng tạo của anh thật ấn tượng. Trung úy Pavel đã di chuyển cẩn thận xuống hành lang, súng giơ lên như thể anh có thể bị tấn công bất cứ lúc nào. Cất súng đi, mẹ kiếp! Langdon muốn la lên. Họ là những nhà khoa học không vũ trang! Khi Janáček và Langdon theo sau, Trung úy Pavel nhìn vào một nhà vệ sinh nhỏ, hiển nhiên thấy nó trống, và tiếp tục đến cuối hành lang. Ở đây, hành lang quẹo sang trái, và anh tiến đến cẩn thận quanh góc, súng trong tư thế sẵn sàng. Sau một lát, anh cất súng và quay lại phía thuyền trưởng của mình, nhún vai. “Nikde nikdo.” Langdon theo sau Janáček quanh góc vào một không gian rực rỡ ngập tràn ánh sáng tự nhiên. Trang trí như một khu vực của một Hotel thời trang, căn phòng có ghế sofa trắng nổi bật, bàn bằng đồng đập, và một quầy cà phê hiện đại. Những cửa sổ từ trần đến sàn mở ra một cảnh tượng hùng vĩ nhìn ra sân bãi dài của pháo đài và toàn cảnh thành phố Prague, Tháp Petřín và Pháo đài Vyšehrad. Khi Langdon khảo sát không gian, ánh mắt anh rơi vào một tác phẩm nghệ thuật khổng lồ trên bức tường phía sau — một tác phẩm điêu khắc tường theo phong cách Brutalist mà anh nhận ra ngay lập tức. Chúa ơi, đó có phải là một tác phẩm gốc của Paul Evans không? Tầm kim loại màu gỉ đỏ có kích thước tám foot vuông được chia thành một lưới các khung hình chữ nhật, mỗi khung chứa một tác phẩm điêu khắc nhỏ hơn. Một sự ngẫu hứng về “tủ đồ kỳ lạ”, Langdon phải đoán rằng Paul Evans dễ dàng có giá trị lên đến một phần tư triệu đô la. Gessner đã khoe khoang tối qua về các bằng sáng chế y tế có giá trị của mình, nhưng Langdon đã rõ ràng đánh giá thấp giá trị thực sự của những bằng sáng chế đó. Janáček đang di chuyển đến đầu xa của căn phòng, nơi một cánh cửa gỗ quá khổ đang mở vào điều mà dường như là văn phòng của Tiến sĩ Gessner. “Tiến sĩ Gessner?” Janáček gọi, bước vào văn phòng. Langdon theo sau với hy vọng nhìn thấy Katherine, nhưng văn phòng trống rỗng. Văn phòng của nhà khoa học thần kinh trang trí một bộ sưu tập các bản in trừu tượng rực rỡ — mỗi bản là một hình dạng cầu không đều với các vùng màu sắc khác nhau — mà Langdon ngay lập tức nhận ra là các hình ảnh MRI của não người. Khoa học như nghệ thuật. Langdon tự hỏi liệu Gessner có quá tự mãn đến mức treo những hình ảnh của chính não mình. Các bức họa tự thân sinh học đã trở nên phổ biến gần đây với sự ra đời của các công ty hình ảnh như

DNA11, tạo ra hình ảnh nghệ thuật hoàn toàn dựa trên DNA vì mô độc đáo của khách hàng. Nghệ thuật di truyền, họ quảng cáo, có nghĩa là không hai người nào sở hữu cùng một tác phẩm. Janáček đi đến bàn làm việc của Gessner và kiểm tra cái mà có vẻ là một thiết bị intercom và microphone. Anh chọn một nút và giữ nó xuống. “Tiến sĩ Gessner?” anh tuyên bố vào microphone. “Tôi là Đại úy ÚZSI Oldřich Janáček. Như tôi nghi ngờ bạn đã biết, tôi có mặt cùng với Giáo sư Robert Langdon. Điều quan trọng là bạn và cô Solomon đến trên lầu ngay lập tức để nói chuyện với tôi. Tôi lặp lại — ngay lập tức. Xin hãy xác nhận.” Janáček nhả nút ra và chờ đợi, nhìn chăm chăm lên trên.

Camera góc nhìn cá trên trần nhà. Với từng khoảnh khắc im lặng trôi qua, Langdon cảm thấy càng lúc càng bất an. Tại sao Katherine không trả lời? Có chuyện gì xảy ra ở dưới đó không? Có tai nạn nào không? “Giáo sư?” Janáček từ từ đi sang phía Langdon. “Ông có biết tại sao cô Solomon lại phớt lờ tôi không? Họ rõ ràng ở đây. Văn phòng của Dr. Gessner đang mở khóa, và có dấu chân mới bên ngoài.” Langdon không chắc “mới” thì ồn ào đến mức nào, nhưng xét về cuộc hẹn đã được lên lịch ở đây, có vẻ hợp lý rằng Katherine thực sự đang ở dưới nhà với Gessner. “Tôi không biết,” anh trả lời một cách chân thật. Janáček dẫn Langdon quay lại phòng chờ và chỉ về một trong những chiếc ghế sofa trắng. “Ông ngồi đi.” Langdon nghe theo, ngồi xuống chiếc ghế sofa dài bên tường. Janáček bắt đầu cuộc gọi, nói chuyện bằng tiếng Séc nhanh như bắn. Trong khi Langdon chờ đợi, ánh mắt anh lại chuyển sang những hình ảnh đầy màu sắc trang trí văn phòng của Gessner. Chỉ ba pound thịt, anh nghĩ, xem xét những đường nét bí ẩn và các nếp gấp liên kết trong từng hình ảnh. Và khoa học vẫn chưa hiểu nó hoạt động như thế nào. Trong bài giảng tối qua, Katherine đã chiếu một hình ảnh kém hấp dẫn hơn nhiều về não người — một bức ảnh trong phòng thí nghiệm rõ nét về một đám mô xám xịt, nhăn nhoe nằm trong một khay thép không gỉ. “Cục này là não của bạn,” cô đã nói với đám đông. “Tôi nhận ra nó trông giống như một đồng thịt bò rất cũ, nhưng tôi có thể đảm bảo với bạn, cơ quan này không gì khác ngoài kỳ diệu. Nó chứa khoảng sáu mươi triệu neuron. Cùng nhau chúng tạo ra hơn một trăm triệu kết nối synap, có thể xử lý thông tin phức tạp gần như ngay lập tức. Hơn nữa, những kết nối synap này có thể tự tổ chức lại theo thời gian khi cần thiết. Hiện tượng này, được gọi là tính năng nhựa thần kinh, cho phép não bộ thích nghi, học hỏi và phục hồi từ chấn thương.” Katherine hiển thị một bức ảnh khác — một chiếc DVD đơn lẻ nằm trên bàn. “Đây là một chiếc DVD tiêu chuẩn — nó có thể chứa tới bốn phẩy bảy gigabyte thông tin,” cô tiếp tục, “tương đương với khoảng hai nghìn bức ảnh độ phân giải cao. Nhưng bạn có biết cần bao nhiêu DVD để lưu trữ ký ức ước tính của não người trung bình? Tôi sẽ cho bạn một gợi ý... Nếu bạn xếp chồng những DVD cần thiết lên nhau” — cô chỉ vào trần nhà cao chót vót của Đại sảnh Vladislav — “chúng sẽ vượt qua đỉnh của tòa nhà này. Thực tế... chồng đĩa sẽ cao đến nỗi... nó sẽ chạm đến Trạm vũ trụ Quốc tế.” Katherine gõ nhẹ vào đầu mình. “Chúng ta mỗi người lưu trữ hàng triệu gigabyte dữ liệu ở đây — hình ảnh, ký ức, một đời giáo dục, kỹ năng, ngôn ngữ... tất cả được phân loại và sắp xếp gọn gàng trong không gian nhỏ bé này. Công nghệ hiện đại vẫn cần một kho dữ liệu để sánh được với nó.” Cô tắt PowerPoint và bước tới trước sân khấu. “Các nhà khoa học vật chất vẫn còn bối rối về cách mà một cơ quan nhỏ như vậy có thể chứa được những lượng thông tin khổng lồ. Và tôi phải đồng ý, điều này có vẻ là một điều không thể về mặt vật lý... chính lý do đó mà tôi không phải là một nhà vật chất.” Một làn sóng nhỏ đã xô đẩy trong khán giả. Lại chọc vào tổ ong rồi, tôi thấy. Langdon đã học rằng Katherine không ngần ngại khi chạm vào một dây thần kinh liên quan đến hai triết lý đối lập mà nghiên cứu về ý thức con người được chia thành. Chủ nghĩa vật chất đối kháng với Noetic. Những người ủng hộ chủ nghĩa vật chất tin rằng tất cả các hiện tượng, bao gồm cả ý thức, có thể được giải thích hoàn toàn về mặt vật chất và sự tương tác của nó. Theo các nhà vật chất, ý thức là một sản phẩm phụ của các quá trình vật lý — hoạt động của các mạng nơ-ron cùng với các quá trình hóa học khác trong não. Tuy nhiên, với các nhà noetic, bức tranh lại không bị giới hạn như thế. Các nhà noetic tin rằng ý thức không được tạo ra bởi các quá trình não, mà thực sự là một khía cạnh cơ bản của vũ trụ — giống như không gian, thời gian, hoặc năng lượng — và thậm chí còn không nằm trong cơ thể. Langdon đã rất kinh ngạc khi biết rằng não người chỉ đại diện cho 2% trọng lượng cơ thể của một người, nhưng lại tiêu thụ tới 20% năng lượng và oxy của cơ thể. Sự không phù hợp trở nên rõ ràng mà Katherine tin rằng đó là bằng chứng cho thấy não đang làm điều gì đó mà không thể tưởng tượng nổi đến mức sinh học truyền thống vẫn chưa thể nắm bắt được. Tài liệu của cô ấy có lẽ sẽ giải mã điều bí ẩn đó, Langdon nghĩ, tự hỏi không biết Jonas Falkman đã bắt đầu đọc chưa. Biết Jonas, anh ấy đã thức cả đêm và giờ đã đọc đến giữa cuốn sách rồi. Janáček

vừa gọi điện lần thứ hai, và giọng điệu càng ngày càng khẩn trương của anh ta không giúp cho thần kinh căng thẳng của Langdon. Anh liếc nhìn đồng hồ và hy vọng sự xuất hiện nhanh chóng của Harris và đại sứ. Trong khi Langdon ngồi chờ trên sofa, anh lại nhận thấy bức tượng tường lớn của Paul Evans ở phía bên kia của căn phòng. Tác phẩm đất nện làm Langdon cảm thấy khó chịu ngay từ lần đầu tiên nhìn thấy. Anh cảm thấy tức giận với những người mê nghệ thuật giàu có đã mua những kiệt tác đẳng cấp thế giới, loại bỏ chúng khỏi sự an toàn của các bảo tàng, và sau đó trưng bày chúng một cách riêng tư với ánh sáng kém hoặc trong điều kiện không an toàn. Và trên hết

Về điều đó, Gessner đã treo nó không đúng cách. Chắc chắn Paul Evans đã dự định bức điêu khắc này được trưng bày giống như một bức tranh—được căn giữa và gắn trên tường—nhưng Gessner đã lười biếng đặt tác phẩm trực tiếp trên sàn, tựa đứng bằng chỉ một thanh chống ngang trên đỉnh để giữ nó không bị đổ vào trong phòng. Tường đó là đá rắn, Langdon nghĩ. Nó hoàn toàn có thể chịu đựng được trọng lượng. Tuy nhiên, khi ông nhìn vào thanh ngang nặng nề, một suy nghĩ bất ngờ ập đến. Trừ khi... Ông đã xem xét tác phẩm nghệ thuật hoàn chỉnh một lúc lâu hơn. Rồi ông đứng dậy và bắt đầu đi nhanh về phía nó. Đột ngột, Pavel nhảy ra trước mặt ông, rút vũ khí và chĩa thẳng vào ngực Langdon. “Nechte toho!” Cánh tay Langdon giơ lên trời. Chúa ơi! Janáček đã kết thúc cuộc gọi của mình và gật đầu một cách bình tĩnh với trung úy của mình, nói với anh ta điều gì đó bằng tiếng Séc. Pavel hạ súng và bỏ vào bao. “Cái quái gì anh ta đang làm?!” Langdon la lên với Janáček. “Công việc của anh ấy,” viên đại úy đáp. “Anh đang cố gắng bỏ đi sao?” “Bỏ đi?!” ông trả lời một cách giận dữ. “Không, tôi chỉ...” “Anh chỉ gì?” Langdon do dự một lúc, suy nghĩ lại lời mình. “Tôi chỉ định đi vệ sinh,” ông nói dối, trở lại chỗ ngồi. “Suy nghĩ lại, nó có thể chờ.” Golêm đã đeo kính mắt khi bước qua những viên đá của Quảng trường Phố Cổ hướng về bên taxi. Dù thiếu ngủ, ông vẫn cảm thấy năng lượng, những suy nghĩ của ông hoàn toàn tập trung vào những gì sẽ cần để thực hiện hành động báo thù giải phóng của mình. Tối qua, Gessner đã thú nhận một sự thật tảm tối, tiết lộ rằng các đồng nghiệp của cô đã bí mật xây dựng một cơ sở rộng lớn, sâu thẳm dưới lòng thành phố Prague. Họ gọi nó là Threshold. Quy mô của dự án thật đáng kinh ngạc, và tuy nhiên, chính vị trí chính xác của cơ sở đã khiến Golêm cảm thấy ngạc nhiên nhất. Ngay ở giữa thành phố. Hàng trăm người đi bộ qua nó mỗi ngày...mà không hề hay biết nó ở đó. Khi Golêm yêu cầu Gessner cho biết cách vào bên trong, cô đã cố gắng kháng cự nhưng, bị vượt qua bởi cơn đau, nhanh chóng tiết lộ câu trả lời: Threshold chỉ có thể được truy cập bởi ai đó biết nơi cửa ra vào được giấu...và cũng sở hữu một thẻ RFID chuyên dụng cao cấp. Golêm chỉ mất vài phút tàn bạo để lấy cả hai. Khi rời bỏ Gessner để cô ta chết, ông đã có thông tin mà ông cần...và cả thẻ RFID cá nhân của cô. Thật không may, ông sau đó phát hiện rằng nhà thần kinh học đã kịp giữ lại một thông tin quan trọng: thẻ RFID đơn lẻ không đủ để được truy cập. Bị đánh bại và kiệt sức, Golêm đã lầm lũi về nhà qua bóng tối, với chiếc thẻ RFID vô dụng trong túi. Dù vậy, giữa đường về, ông nhận ra có thể có một giải pháp cho vấn đề của mình. Càng nghĩ về nó, ông càng trở nên tự tin hơn. Đến sáng, ông hoàn toàn chắc chắn. Tôi cần một vật phẩm thứ hai. May mắn thay, Golêm biết chính xác vị trí của vật phẩm này ngay lúc này—trong phòng thí nghiệm riêng của Gessner, cao trên dãy đồi nhìn ra thành phố. “Bastion u Božích muk,” ông nói khi bước vào một chiếc taxi. “Đưa tôi đến Crucifix Bastion.”

CHƯƠNG 22

Trung úy Pavel cảm thấy một sự hài lòng hờn hĩnh khi biết rằng mình đã làm Robert Langdon sợ hãi đến mức người đàn ông đã bỏ qua chuyến đi vệ sinh của mình. Người Mỹ giờ đang ngồi trên một chiếc ghế sofa và nhìn chăm chăm vào khoảng không. Có một khẩu súng chĩa vào mặt bạn sẽ làm xáo trộn những suy nghĩ của bạn. Phần nào đó vì sự phản bội, Pavel đi quanh góc, xuống hành lang, vào nhà vệ sinh. Để cửa rộng mở để Langdon có thể nghe thấy, ông đã tiểu khá to rồi xả nước. Khi ông bước ra khỏi nhà vệ sinh, Pavel thấy Janáček đang vòng quanh vào hành lang. “Tôi đi hút thuốc một chút,” viên đại úy nói. Pavel làm việc với Janáček đủ lâu để biết rằng viên đại úy sẽ hút thuốc ở bất cứ đâu mà anh ta muốn. Anh ta có lẽ sẽ thực hiện một cuộc gọi điện thoại riêng. Có nhiều điều như vậy với Janáček. “Đội phá dỡ sẽ đến trong ba mươi phút,” Janáček nói, “để phá vỡ cái đó.” Ông chỉ vào cánh cửa thép bảo vệ cầu thang xuống phòng thí nghiệm. Một vụ nổ kiểm soát duy nhất, Pavel đồng ý, nhìn ngó cánh cửa phòng thí nghiệm. Và tầng dưới sẽ có thể truy cập. Khung cửa phía trước bị vỡ vụn đang dựa vào cửa phòng thí nghiệm như một cảnh báo, nhưng Pavel cảm nhận được không ai sẽ rời khỏi đây hôm nay theo ý mình. Họ đã vượt qua một mệnh lệnh trực tiếp từ Đại úy Janáček...cái này chỉ để lại cho họ rất

ít lựa chọn. “Tôi sẽ chờ đợi bên ngoài,” Janáček nói. “Ở lại đây và đảm bảo không ai rời khỏi phòng thí nghiệm. Và Langdon không nên rời khỏi tầm mắt của anh.” Ông chụp gót chân lại. Hiểu rồi. Pavel đã là cánh tay phải của Janáček gần năm năm nay. Nhưng ít người biết trong lực lượng cảnh sát rằng Pavel là cháu trai của Oldřich Janáček.

Khi Pavel chỉ mới chín tuổi, cha cậu đã bị giết trong một tai nạn bất ngờ—bị một du khách đi xe máy tông vào. Khi mẹ của Pavel sa vào cơn say rượu bạo hành, Pavel bắt đầu dành phần lớn thời gian của mình trên đường phố kiếm sống bằng cách thực hiện các vụ trộm cắp địa phương, sau đó thuyết phục các chủ cửa hàng trong khu hàng xóm trả tiền cho cậu để được bảo vệ. Ở tuổi mười chín, khi Pavel bị bắt, mẹ cậu không có ở đâu, và chú cậu, Oldřich, đã can thiệp thay cho một đứa cháu mà chú barely biết. Là một sĩ quan đang lên tại ÚZSI, Oldřich Janáček đã rất ấn tượng với sự gan dạ và khéo léo của Pavel đến nỗi đã đề nghị cậu một lựa chọn đơn giản: Đi tù và sống với bọn tội phạm... hoặc tham gia khóa đào tạo tại ÚZSI, và tôi sẽ chỉ cho bạn cách bắt chúng. Đó là một tình yêu nghiêm khắc, nhưng sự lựa chọn thì đơn giản, và Pavel đã làm việc chăm chỉ để trở thành một người phục vụ tận tụy của pháp luật. Mặc dù tốt nghiệp chỉ ở giữa lớp học ÚZSI của mình, Pavel đã nhanh chóng được thăng tiến. Giờ đây, Pavel là một trung úy, một vị trí tương đối cao cho một sĩ quan mới hai mươi tuổi, và cậu chỉ gọi chú của mình là Đại úy Janáček. Tôi nợ ông ấy mọi thứ, Pavel biết. Janáček đã trở thành người cha mà Pavel đã mất, và trung úy trẻ tuổi thần thánh hóa sự dũng cảm và quyết tâm của đại úy. Đôi khi việc thực thi pháp luật yêu cầu phải đứng ở trên pháp luật. Đại úy Janáček sống theo phương châm đó và thường tin tưởng Pavel che giấu bất kỳ dấu vết nào mà đại úy để lại trong khi tiến hành một cuộc điều tra... như ông đã làm sáng nay. Ông ta biết tôi sẽ bảo vệ ông ta đến cùng. Pavel giờ đang đứng ở hành lang và quan sát đại úy Janáček rời khỏi tòa nhà vào sân tuyết của pháo đài—một khu vực rộng hình chữ nhật được bao quanh bởi một bức tường đá thấp để bảo vệ khách tham quan tránh khỏi cái rìa dốc đứng. Khi đại úy đi qua những cây thường xanh trong chậu trên bãi cỏ, ông gọi điện và đứng ở cuối sân, nhìn ra đường chân trời Prague. Pavel đã tranh thủ kiểm tra điện thoại của mình xem có tin nhắn nào không, hy vọng sẽ nhận được thông báo từ ứng dụng mới của mình, Dream Zone—nền tảng hẹn hò ảo đã gây bão ở châu Âu. Pavel chưa bao giờ tưởng tượng rằng trò chuyện với những người phụ nữ được tạo ra bởi máy tính lại hấp dẫn mình, và mặc dù vậy, giống như nhiều người đàn ông khác, cậu đã trở nên nghiện những đoạn hội thoại gợi cảm, những bức ảnh tiết lộ, và những câu chuyện giả tưởng. Mười một thông báo. Cậu cười, hài lòng khi có cái gì đó để đọc trong khi chờ đợi. Điện thoại trên tay, Pavel quay lại phòng tiếp tân để trông chừng Langdon, nhưng khi cậu bước vào, cậu ngạc nhiên khi thấy ghế sofa nơi Langdon ngồi giờ đã trống không. Pavel quay trái rồi phải, dò xét mọi góc trong không gian. Cậu chạy vào văn phòng Gessner nhưng cũng phát hiện ra nơi đó trống rỗng. Sự bối rối của Pavel nhanh chóng biến thành hoảng loạn. Hối hả, cậu chạy quanh căn phòng, tìm kiếm phía sau ghế sofa và những chiếc ghế. Thật quái quỷ, anh ta đã đi đâu?! Robert Langdon dường như đã bốc hơi vào không khí. Cách đó chưa đầy hai mươi bước, Langdon đứng bất động trong một góc tối được giấu sau bức tượng tường Paul Evans. Vừa rồi, khi nhận ra mình ở một mình, Langdon đã bật dậy khỏi ghế sofa và vội vàng tiến tới tác phẩm nghệ thuật để nghiên cứu nó kỹ lưỡng hơn. Như cậu đã nghĩ, thanh thép phía trên tác phẩm hoàn toàn không phải là một giá đỡ ổn định. Đó là một đường ray trượt. Như một cánh cửa barn rất đắt tiền. Langdon đã nắm chặt cạnh bên phải của bức tượng và kéo nó sang trái. Bức tượng khổng lồ trượt một cách dễ dàng, được cân bằng trên các con lăn bi chính xác cao. Ấn sau nó, như Langdon đã dự đoán, là một lối vào. Cậu nhanh chóng bước qua, và thanh trượt có lò xo đóng lại một cách im lặng phía sau cậu. Giờ đây, khi mất cậu điều chỉnh với không gian tối tăm, Langdon có thể nghe Trung úy Pavel hối hả chạy quanh phòng tiếp tân và chữ rửa lớn tiếng. Góc tối phía sau bức tượng cũng được trang hoàng đẹp đẽ và yên tĩnh, với những tấm ván gỗ phong phú và một cột đá cẩm thạch trên đó một cụm đèn giả đang loé sáng. Ánh nền chiếu sáng một cánh cửa bằng kim loại đánh bóng. Một thang máy riêng. Đây dường như là một lối vào thích hợp hơn nhiều cho phòng thí nghiệm nhỏ của Gessner hơn là cầu thang phục vụ, và Langdon giờ đã thấy rằng cánh cửa thang máy đã được khóa bằng một bàn phím phát sáng. Rõ ràng Gessner không phải đã nói xạo về việc bảo vệ phòng thí nghiệm của mình bằng một mã số thông minh. Giờ tất cả những gì Langdon cần làm là tìm ra mã số đó là gì.

CHƯƠNG 23

Jonas Faulkman đã trải qua rất nhiều khoảnh khắc kinh hoàng trước đây—nhảy ra khỏi một chiếc trực

thăng mà không có dù, suýt chết đuối dưới tay một kẻ tâm thần gian xảo, lẩn tránh những viên đạn trong khi bám lấy một mái nhà dốc—nhưng những kịch bản đó đều đã diễn ra trong những trang của các tiểu thuyết hồi hộp mà ông đã biên tập. Giờ đây, nỗi sợ hãi là có thật. Cái túi trên đầu ông làm cho ông ngày càng khó thở, và đôi tay ông đang...

giam trên lưng. Anh nằm trên sàn kim loại cứng của một chiếc xe đang di chuyển nhanh trên đường cao tốc ít nhất mười phút. Anh nghe thấy điện thoại trong túi áo khoác của mình rung lên vài lần, nhưng không có cách nào để với tới nó. Từ những gì Faulkman có thể nhận biết, anh đã bị bắt cóc bởi hai người đàn ông, đều có giọng nói giống người Mỹ, và họ đã lục lọi ba lô của anh. Họ có bản thảo. Nỗi sợ hãi của anh được nhấn mạnh bởi sự bàng hoàng. Tại sao? Chiếc xe van đột ngột rẽ khỏi đường cao tốc, đi qua các con phố mặt đất và sau đó dừng lại đột ngột. Khi những kẻ giam giữ cuối cùng đã xé bỏ chiếc túi khỏi đầu anh, Faulkman phát hiện mình đối diện với một người đàn ông vạm vỡ, khoảng ba mươi tuổi, có kiểu tóc quân đội. Mặc đồ đen hoàn toàn, người đàn ông đã đặt mình gần một cách đáng sợ, ngồi trên một thùng sữa ngay trước mặt Faulkman, nhìn chăm chăm vào anh bằng đôi mắt lạnh lẽo. Bị đông cứng, Faulkman nhìn qua kẻ bắt cóc của mình và qua kính chắn gió. Tất cả những gì anh thấy chỉ là cây cối và bóng tối. Anh nghe thấy tiếng máy móc nặng nề vang lên ở khoảng cách xa. Tôi đang ở đâu vậy? Kẻ bắt cóc thứ hai của Faulkman—một người đàn ông nhỏ hơn một chút—đang ngồi ở ghế hành khách phía trước, gõ trên một chiếc laptop. Gã đàn ông trên vỉa hè với chiếc bảng theo dõi. “Sẵn sàng,” gã ngồi trước máy tính nói. Kẻ có kiểu tóc quân đội với tay lên một chiếc máy quay video gắn trên trần chiếc van và quay nó trực tiếp vào mặt Faulkman. Quy tắc sinh tồn số một, Faulkman nhắc nhở mình. Không bao giờ thể hiện sự sợ hãi. “Đó là một chiếc camera ngẫu nhiên,” Faulkman cố gắng nói. “Chúng ta đang làm một cái TikTok à?” Người đàn ông nhìn xuống, có vẻ ngạc nhiên trước sự vô lễ của Faulkman. Faulkman cố gắng giọng bình tĩnh. “Hay là chúng ta chỉ đang thực hiện một video đòi tiền chuộc gửi cho gia đình tôi?” “Mày không có gia đình,” người đàn ông nói một cách lạnh lùng. “Mày không kết hôn, làm việc sáu ngày mỗi tuần, và mày chưa rời khỏi đất nước trong hơn bốn năm.” Chúa ơi! Những gã này là ai? Dự đoán đầu tiên của Faulkman là quân đội Mỹ, nhưng bây giờ thật khó để biết. Anh đã xuất bản một cuốn sách phi hư cấu cách đây vài năm về thế giới bí mật của những lính đánh thuê hiện đại—các hợp đồng chuyên biệt được đào tạo với những cái tên bí ẩn như Blackwater, Triple Canopy, Wackenhut và International Development Solutions. Sự thật là, hai người này có thể đang làm việc cho bất kỳ ai. Người có kiểu tóc quân đội rút ra một chiếc máy tính bảng nhỏ từ áo khoác, lướt qua nó, và sau đó nhét nó vào mặt Faulkman. “Mày có nhận ra địa điểm này không?” Faulkman nhìn vào bức ảnh. Anh mất một lúc để hiểu hình ảnh. Cái quái gì vậy?! Đó là phòng khách của chính anh. Nhìn từ vẻ ngoài, căn hộ sáng sủa của anh ở Upper East Side đã bị lục soát... tranh nghệ thuật bị đổ xuống sàn, kệ sách bị vét sạch, ghế sofa bị xé rách, bàn bị lật. “Chúng ta đang tìm kiếm gì?” Người có kiểu tóc quân đội hỏi. “Đoán thử xem.” Faulkman nhìn vào mái tóc cắt ngắn của người đàn ông. “Một tiệm tóc tốt hơn à?” Người có kiểu tóc quân đội lao tới mà không báo trước và đâm một cú mạnh vào bụng Faulkman. Biên tập viên khom người lại, ngã về một bên, thở hổn hển. “Thử lại lần nữa,” người đàn ông nói, kéo anh đứng dậy trên đầu gối. “Chúng ta đang tìm kiếm gì?” “Tôi...không...biết,” Faulkman nói, gần như không thể thở. Người ở ghế trước màn hình máy tính xem một số dữ liệu hiện lên và lắc đầu. “Hắn đang nói dối.” “Tôi sẽ hỏi mày một lần cuối cùng,” người có kiểu tóc quân đội nói. “Và trước khi mày trả lời, hãy để tôi giới thiệu với mày Avatar.” Anh ta chỉ vào chiếc camera video trên cao. “Đây là một hệ thống phân tích tính xác thực hiện đại theo dõi chuyển động của mắt, những thay đổi vi mô trên khuôn mặt và sự thay đổi tư thế của mày. Đây là một hệ thống phân tích tính xác thực hiện đại.” Hệ thống phân tích tính xác thực? Faulkman quyết định không mắng chửi tên côn đồ vì đã sử dụng một thuật ngữ rẻ tiền cho một món đồ năm đô la, nhưng ít nhất điều đó cũng giải thích được chiếc camera video. Người đàn ông ngồi trên thùng sữa nghiêng tới gần cho đến khi mặt anh ta cách mặt Faulkman một khoảng gần không thoải mái. “Chúng tôi biết mọi thứ về mày, Jonas. Chúng tôi biết mày làm việc muộn vào ban đêm, mày chạy ở Central Park khi không có bữa trưa kinh doanh và mày uống gin martinis cùng các tác giả tại White Horse Tavern. Vì vậy, đừng có đùa với tôi. Để tôi hỏi mày một câu hỏi rất đơn giản.” Faulkman chờ đợi, bụng vẫn quặn thắt trong cơn đau. “Bản thảo mà chúng tôi tìm thấy trong ba lô của mày,” người có kiểu tóc quân đội nói. “Có phải đó là bản sao duy nhất của mày không?” Faulkman biết câu trả lời mà họ hy vọng nghe thấy. Không may, nói sự thật ngay bây giờ có nghĩa là ngay lập tức mất đi sức mạnh trong đàm phán... và, có

thể, cả mạng sống của mình. Thấy chỉ còn rất ít lựa chọn, Faulkman nhắm mắt lại và hình dung ra nhân vật anh hùng từ một trong những loạt tiểu thuyết trinh thám phổ biến nhất của mình—một điệp viên luôn vượt qua mấy phát hiện nói dối bằng cách sử dụng ba bước đơn giản, mà Faulkman giờ đang cố gắng áp dụng. Đầu tiên, anh hạ vai và giải phóng toàn bộ căng thẳng trong bụng. Thứ hai, anh chạm nhẹ vào ngón tay và ngón cái của mình gần nhau và làm chậm nhịp thở. Thứ ba, anh giữ trong tâm trí hình ảnh rõ ràng về sự thật mà anh ước mong nó là thật—trong trường hợp này,

một hình ảnh về một tá bản thảo bổ sung nằm an toàn trên bàn làm việc của anh tại Random House. Anh cảm thấy bình tĩnh hơn nhiều. “Không,” Faulkman nói với giọng điệu bình tĩnh nhất có thể. “Bản thảo trong túi của tôi không phải là bản sao duy nhất. Còn nhiều phiên bản khác.” Laptop quan sát máy tính của mình và gần như ngay lập tức lắc đầu. “Nói dối.” Chết tiệt, Jonas! Nó được gọi là tiểu thuyết vì lý do gì chứ! Buzzcut lại giờ nắm đấm lên, chuẩn bị đấm anh lần nữa vào bụng. “Chờ đã!” Faulkman nói. “Tôi đang nói về các bản sao kỹ thuật số trên các máy chủ PRH.” Buzzcut nhìn gần như thích thú. “Ông Faulkman, chúng tôi đã xóa tất cả các bản sao kỹ thuật số, đó là lý do vì sao ông đang vội vàng chạy đến trung tâm sao chép, phải không?” Faulkman im lặng, tim đập nhanh chóng. Anh có thể nghe thấy tiếng máy móc lớn bên ngoài xe tải, có thể là tiếng gầm của các động cơ công nghiệp. “Để tôi làm cho điều này rất đơn giản cho ông,” Buzzcut nói. “Ngoài bản trong balo của ông và những cái từ các máy chủ PRH, ông có biết về bất kỳ phiên bản nào khác của bản thảo này - kỹ thuật số, bản cứng, hoặc những phiên bản khác không?” Faulkman lắc đầu. “Không, bản thảo trong túi của tôi là bản sao duy nhất còn lại.” “Là bản sao duy nhất còn lại,” Buzzcut sửa lại. “Chúng tôi đã tiêu hủy nó rồi.” Một mình trong trung tâm an ninh PRH, Alex Conan kinh hoàng. Điều này không thể xảy ra. Anh đâm vào bàn phím, làm mới trang, hy vọng thông tin trước mắt mình là sai, nhưng hình ảnh lạnh lẽo giống hệt cứ xuất hiện... và xuất hiện lại. Trời ơi, không... Vài phút trước, không thấy dấu hiệu của Faulkman và không thể liên lạc với cả Katherine Solomon lẫn Robert Langdon, Alex đã quyết định hành động táo bạo. Bạn có kỹ năng. Bạn có quyền truy cập. Alex đã sử dụng cả hai, và mặc dù tính hợp pháp đáng ngờ của phương pháp của mình, anh đã quản lý truy cập thông tin mà anh không được phép có để tìm kiếm họ. Một hình ảnh đáng lo ngại giờ đã ngồi trên màn hình của anh. Alex cố gắng nghĩ ra bất kỳ lý do vô hại nào cho những gì anh đang nhìn thấy, nhưng tâm trí anh cứ quay lại với kết luận hợp lý duy nhất... một kết luận lạnh lùng. Ai đó muốn giết cuốn sách PRH này... đã giết một tác giả của PRH.

CHƯƠNG 24

Trong bóng tối của ngách ỉn, Langdon quan sát bàn phím alphanumeric trên thang máy riêng của Gessner, tâm trí anh đã bắt đầu phát lại cuộc gặp gỡ của họ với cô tối qua. Gessner không có khiếu hài hước và nghiêm khắc, với làn da nhợt nhạt, đôi môi căng thẳng, và tóc của cô được buộc chặt giống như một vũ công flamenco. Langdon đã không thích nhà thần kinh học ngay từ khoảnh khắc họ gặp nhau. Cô đã tham gia cùng họ tại quán bar Four Seasons, CottoCrudo, sau bài thuyết trình của Katherine. “Tiến sĩ Gessner!” Katherine nói một cách thân thiện, nhảy lên khi phụ nữ tiến đến gian hàng yên tĩnh mà Langdon đã chọn ở phía sau. “Cảm ơn cô vì đã tham gia cùng chúng tôi và, tất nhiên, vì đã mời tôi thuyết trình ở thành phố tuyệt vời của cô.” Người phụ nữ đưa ra một nụ cười xã giao đáp lại. “Đồng đạo khán giả tối nay,” cô nói, tiếng Anh của cô hơi có chút giọng Czech. “Ông đã tạo dựng được tên tuổi của mình.” Katherine lịch sự phủ nhận lời khen và chỉ về phía Langdon. “Rất tốt. Và tôi chắc cô biết đồng nghiệp của tôi, Giáo sư Robert Langdon?” Langdon đứng lên và đưa tay ra. “Rất vui được gặp.” Gessner đã phớt lờ nó, chỉ đơn giản trượt vào ghế bên họ. “Hy vọng ông chưa gọi đồ uống,” cô nói. “Tôi đã yêu cầu họ mang đến một số món đặc sản địa phương.” Cô quay sang Langdon. “Giáo sư, tôi đã gọi cho ông món ‘Luce’ - chế phẩm đặc biệt của CottoCrudo từ rượu whiskey Canada, bitter anh đào, xi rô cây phong và thịt xông khói.” Thịt xông khói? Langdon chắc chắn sẽ thích một ly martini Vesper như thường lệ với rượu gin Nolet’s Reserve hơn. “Và cho cô, Katherine,” Gessner nói, “Tôi đã gọi Staropilzenecký - một loại absinth Bohemian địa phương. Chúng tôi đùa rằng nếu cô vẫn có thể phát âm tên của nó, thì cô cần phải uống thêm một ly nữa.” Một động thái quyền lực disguised dưới hình thức tiếp đãi, Langdon nghi ngờ. Có rất ít thức uống mạnh hơn absinth Bohemian, và Katherine là người không thể uống được nhiều khi nói đến rượu. “Cô thật hào phóng,” Katherine nói một cách thanh lịch. “Tôi rất thích được ở đây và nói chuyện trong thành phố kỳ diệu của cô. Thật là một vinh dự.” Langdon ngưỡng mộ sự điềm tĩnh của cô, cùng với vẻ đẹp thanh lịch của cô, được ôm nhẹ nhàng bởi những làn tóc dài màu nâu tối.

Gessner nhún vai. “Bài nói của cô thật thú vị, nhưng tôi thấy chủ đề của cô, làm thế nào tôi nên nói... có vẻ lý tưởng hóa dự đoán.” “Ồi,” Katherine nói. “Tôi rất tiếc khi nghe điều đó.” “Tôi không có ý thiếu tôn trọng đến hiện tượng học, nhưng những nhà khoa học hợp pháp như tôi không tin vào những khái niệm huyền ảo như tâm hồn, tầm nhìn tâm linh hay ý thức vũ trụ. Chúng tôi tin rằng tất cả trải nghiệm con người - từ những phút giây tôn giáo đến những nỗi sợ hãi debilitating - chỉ là kết quả của hóa học não bộ. Vật lý nguyên nhân và kết quả. Những điều còn lại là... ảo tưởng.” Cô ta vừa gọi mình là hợp pháp và Katherine là ảo tưởng? Langdon bức bối, nhưng Katherine mỉm cười và nắm nhẹ đùi anh dưới bàn. “Tôi thấy điều này rất lạ,” Gessner tiếp tục, “rằng sau khi cô nhận bằng tiến sĩ về hóa học thần kinh - chuyên ngành duy vật nhất - cô đã trôi dạt vào cội u tịch của hiện tượng học.” “Cô nghĩa là California?” Katherine đùa. “Tôi...”

“Có lẽ nó làm tôi muốn thấy bức tranh lớn hơn.”

“Tôi xin lỗi,” Langdon ngắt lời, không thể kiềm chế bản thân. “Nhưng với quan điểm thấp đến vậy về khoa học noetic, tại sao bà lại mời Tiến sĩ Solomon phát biểu?”

Gessner có vẻ thích thú với câu hỏi. “Thực ra có hai lý do. Đầu tiên, diễn giả ban đầu của chúng tôi—Tiến sĩ Ava Easton từ Hội đồng Não châu Âu—đã phải hủy. Chúng tôi cần một phụ nữ khác để lấp chỗ trống của cô ấy, và tôi nghĩ người như Katherine sẽ nhảy vào cơ hội.”

“Và thứ hai,” tôi đã đọc một cuộc phỏng vấn trong đó Katherine hào phóng thừa nhận rằng một trong những bài viết của tôi đã giúp truyền cảm hứng cho một phần trong cuốn sách sắp tới của cô ấy.”

“Đúng,” Katherine nói. “Tôi đã thắc mắc không biết ông có thấy điều đó không.”

“Tôi đã thấy, Katherine,” Gessner nói, giọng điệu có phần giáo điều, giống như đang nói chuyện với một đứa trẻ. “Mặc dù bà không đề cập đến bài viết nào của tôi đã truyền cảm hứng cho bà?”

“‘Hóa Học Não Của Động Kinh,’” Katherine trả lời. “Tập chí Khoa Học Thần Kinh châu Âu.”

“Có chút vượt ra ngoài phạm vi của một nhà nghiên cứu noetic, phải không? Tôi hy vọng bà không đang xoay chuyển nghiên cứu của tôi để phù hợp với những kết luận của riêng bà.”

“Không hề,” Katherine nói. Langdon ngạc nhiên về sự lịch thiệp của Katherine. Hơn cả những gì tôi có thể thể hiện với người phụ nữ này.

“Tuy nhiên,” Gessner tiếp lời, “với tư cách là một hành động lịch sự nghề nghiệp, tôi rất cảm kích nếu có cơ hội đọc trước phần đó. Bà chắc cũng có bản thảo của mình bên cạnh.”

“Thực ra, tôi không có,” Katherine nói thật thà. Gessner nhìn nghi ngờ. “Vậy thì, có lẽ bà có thể lấy một bản cho tôi. Nếu tôi thích, tôi sẽ xem xét việc cung cấp cho bà một lời chứng thực của người nổi tiếng, điều này có thể rất hữu ích cho uy tín của bà với cuốn sách đầu tay này.”

“Điều đó thật tốt bụng của ông,” Katherine trả lời, thể hiện sự kiên nhẫn như thánh nhân. “Tôi sẽ hỏi biên tập viên của tôi về điều đó.” Gessner trông khó chịu vì bị từ chối. “Tùy bà, nhưng ít nhất hãy để tôi mời bà đến phòng thí nghiệm riêng của tôi vào ngày mai để giới thiệu một số công trình của tôi. Tôi nghĩ bà sẽ thấy nó mở mang tầm nhìn. Tôi rất muốn có cơ hội để khai sáng cho bà.”

Langdon chuyển động không yên, nhưng Katherine đã nắm tay anh dưới bàn và siết nó với sức mạnh bất ngờ, giữ anh lại khi cô chấp nhận lời mời của Gessner.

Sau hai mươi phút, Gessner vẫn đang nói... về điều gì, Langdon đã mất dấu. Sau nửa ly cocktail maple và bacon vị kinh tòm, miệng anh có vị như bữa sáng. Nếu bài đọc thoại của Gessner kéo dài hơn nữa, chắc chắn anh sẽ cần một ly nữa. Có lẽ một ly martini trứng chiên? Katherine chỉ uống hơi một chút absinthe nhưng đã bắt đầu cho thấy tác dụng, nói ngọng tà tà và chập vạt giữ mắt mở.

“Xem xét tính chất đổi mới của nghiên cứu của tôi,” Gessner nói một cách không quan tâm, “rõ ràng bà sẽ cần phải ký một thỏa thuận không tiết lộ trước khi tới phòng thí nghiệm vào ngày mai.”

Đối với Langdon, điều này có vẻ là một yêu cầu tự phụ một cách thái quá giữa các đồng nghiệp. “Thực ra, tôi có một bản ở đây,” Gessner nói, rút ra một chiếc cặp da nhỏ và bắt đầu mở khóa nó. “Chúng ta có thể giải quyết nó trước khi ngày mai—”

“Thực ra,” Langdon ngắt lời, “tôi tự hỏi liệu Katherine có đang trong tình trạng có thể đọc một tài liệu pháp lý hay không. Có lẽ ngày mai khi cô đến phòng thí nghiệm của ông?”

Rõ ràng không hài lòng, Gessner nhìn chăm chăm vào anh qua chiếc cặp của mình, như thể đang cân nhắc quyết tâm của Langdon. Cuối cùng, cô nói, “Được rồi, vậy cũng được.”

Khi Gessner quay lại trò chuyện với Katherine, Langdon tự hỏi tại sao một nhà khoa học thần kinh

lại nghĩ thấp như vậy về công việc của Katherine mà lại háo hức khoe khoang phòng thí nghiệm riêng của mình. Dù động cơ của Gessner là gì, vào sáng mai, Langdon dự định sẽ đề nghị Katherine khéo léo từ chối chuyển tham quan.

“Không có gì cá nhân đâu, Katherine!” Gessner lớn tiếng nói, cắt đứt dòng suy nghĩ của Langdon. “Bà biết tôi chưa bao giờ ngại ngần về sự ghét bỏ của mình đối với siêu nhiên và khoa học PSI. Bà còn nhớ bìa của tôi trên Scientific American chứ?”

“Tôi nhớ,” Katherine nói, mỉm cười. “Tiến sĩ Brigita Gessner, đừng gọi cô ấy là nữ nghiên cứu viên neuro-PSI.”

“Đúng vậy,” cô cười lớn hơn một lần nữa. “Mọi người đều tham gia vào trò đùa đó. Một fan đã gửi tôi một miếng lót chuột với câu nói của tôi: ‘Không có PSI trong khoa học.’ Và lại, một đồng nghiệp còn đùa rằng tôi nên đổi tất cả mặt khẩu của mình thành P-S-I vì đó là điều cuối cùng mà ai đó sẽ nghĩ tôi sẽ chọn!”

“Điều đó thật buồn cười,” Katherine nói, nhấp một ngụm absinthe. “Điều còn buồn cười hơn là nhiều năm sau, khi tôi phải chọn một mặt khẩu bảo mật cho phòng thí nghiệm mới của mình, tôi đã nhớ lời khuyên của anh ấy... và tôi đã chọn PSI làm mã truy cập của mình!”

Langdon nâng một bên lông mày, tự hỏi điều nào ít có khả năng xảy ra hơn—Gessner đã sử dụng một mã ba chữ cái để bảo vệ phòng thí nghiệm của mình hay cô ấy sẽ nói cho họ biết đó là gì.

“Không phải P-S-I theo nghĩa đen, tất nhiên,” cô thêm vào, cười. “Tôi đã mã hóa nó. Khá thông minh, nếu tôi tự nói vậy.”

Điều mà cô vừa làm. “Giáo sư,” cô nói, liếc nhìn. “Tôi tin rằng ông là một tín đồ của câu đó, đúng không? Ông sẽ bị ấn tượng với sự mã hóa của tôi.”

“Không nghi ngờ gì,” anh cố gắng đáp, hầu như không chú ý. Gessner tự mãn. “Tôi mô tả mã nhỏ thông minh của tôi là ‘một sự tri ân Ả Rập đối với một nhà triết học Hy Lạp cổ đại với một...’

“Những vận vẹo nhỏ từ Latin.” Cô nhẹ nhàng lấy vỏ chanh ra khỏi miệng cốc và để cho nó rơi một cách kịch tính vào ly của mình. Mic drop. Langdon không hiểu cô đang nói gì. “Nghe có vẻ rất thông minh.” “Robert có thể giải mã nó,” Katherine thốt lên, giờ đây tác động của absinthe đã hiển lộ hoàn toàn. “Anh ấy là một chuyên gia về mã.” “Tôi sẽ cược về điều đó,” Gessner nói với vẻ mặt conceited. “Tôi tính toán rằng khả năng của giáo sư trong việc đoán được là chưa đến một trong ba triệu rưỡi.” Langdon không bỏ lỡ một nhịp nào. “Nghe có vẻ giống như một mã alphanumeric bảy ký tự.” Gessner lùi lại, mắt mở to, bất ngờ vì đã bị đánh bại nhanh chóng đến vậy. Katherine cười khúc khích vì rượu. “Tôi đã nói với bạn, anh ấy rất giỏi về mã!” “Và cả các hàm mũ, rõ ràng,” Gessner nói, rõ ràng là bực bội. “Được rồi, giáo sư, không thêm gợi ý nào cho bạn nữa.” “Và theo đó,” Langdon nói, đứng dậy một cách tỉnh linh, “tôi nghĩ đã đến lúc kết thúc buổi tối.” “À, cha tôi nói bữa tiệc đã kết thúc,” Gessner nói, đứng dậy, để lại phần lớn cocktail vodka của mình. “Katherine, hẹn gặp bạn vào sáng mai. Tám giờ đúng tại Crucifix Bastion.” Chúng ta sẽ xem, Langdon nghĩ. Khi Katherine đứng lên, cô uống cạn phần còn lại của absinthe trong một lần nuốt. Langdon tính toán rằng giờ đây mình có khoảng ba phút để đưa cô lên tầng trên trước khi hỗn hợp này hoàn toàn tác động vào cô. Họ đã nói lời tạm biệt, và khi Langdon giúp Katherine đi xuống hành lang theo hướng phòng họ, anh tự trách mình vì đã chịu đựng Gessner lâu như vậy trong tối nay. Anh đã gặp nhiều học giả tự phụ, nhưng Brigita Gessner thì đã đưa sự kiêu ngạo lên một tầm cao mới. Một sự tri ân Ả Rập dành cho một vị thần Hy Lạp cổ đại với một chút Latin? Thật không thể tin được! Langdon ước gì mình có thể giải mã “mã bí mật thông minh” của Gessner ngay lập tức, chỉ để làm giảm bớt sự tự phụ không thể chịu nổi của cô ấy. Nhưng khoảnh khắc đó đã qua. Quên đi, anh tự nhủ. Ai quan tâm? Khi họ bước vào phòng, Katherine biến mất vào phòng tắm để chuẩn bị đi ngủ. Langdon đi qua phòng khách, biết rằng anh đã quá căng thẳng để ngủ. Dù anh rất muốn quên đi cuộc gặp gỡ với Gessner, nhưng sự khó chịu về sự tự mãn của cô đã đánh thức tinh thần cạnh tranh trong anh. Tâm trí phân tích của anh đã bắt đầu làm việc, tìm cách để giải mã câu đố của Gessner. Tách biệt từng phần một, anh nghĩ. Một tri ân Ả Rập... Langdon biết rằng không có chữ cái Ả Rập nào trong bảng chữ cái alphanumeric, vì vậy anh khá chắc chắn Gessner đang đề cập đến bảng chữ cái Ả Rập khác—các con số—ngôn ngữ toán học đã được phổ biến bởi người Ả Rập hơn một ngàn năm trước. Mã bí mật của Gessner chắc chắn phải là một con số. “Một tri ân Ả Rập...” anh tự hỏi lớn, “dành cho một vị thần Hy Lạp cổ.” Một cách logic, nếu mã của Gessner là một con số, thì “tri ân” của cô sẽ là số. Do đó, có thể suy

ra rằng vị thần Hy Lạp mà cô đang đề cập có lẽ liên quan đến toán học. Ba nhà toán học nổi tiếng nhất trong thời kỳ cổ đại đều là người Hy Lạp. Tên của họ đã được khắc sâu trong tâm trí Langdon sau khi giáo viên toán của anh, ông Brown, đã thông báo cho lớp rằng từ viết tắt thông dụng của trường, “PEA,” không phải là viết tắt của Phillips Exeter Academy như mọi người vẫn nghĩ, mà là một tri ân bí mật dành cho ba người khổng lồ của toán học cổ đại—Pythagoras, Euclid, Archimedes. Vậy, Gessner có thể đang nhắc đến ai? Langdon lần lượt xem qua danh sách. Pythagorean theorem, lý thuyết tỉ lệ, hình cầu của trái đất. Euclid: Cha của hình học, mặt cắt conic, lý thuyết số. Archimedes: Các vòng xoắn Archimedean, số pi, diện tích của các hình tròn. Langdon dừng lại. “Pi,” anh tuyên bố lớn tiếng. Katherine gọi từ phòng khác. “Đó là một ý tưởng tuyệt vời! Gọi món phục vụ phòng. Tôi cũng muốn một phần!” Bánh kiệu khác, anh nghĩ, cười khi vào phòng ngủ và giúp Katherine mệt mỏi vào giường. Sau khi hôn cô chúc ngủ ngon, anh quay lại phòng khách, lấy một mảnh giấy và một cây bút từ bàn viết, và ngồi xuống trên ghế sofa, bị thúc đẩy bởi một mong muốn không thể cưỡng lại để hoàn thành những gì mình đã bắt đầu. Giải pháp cho câu đố của Gessner thì vẫn còn mơ hồ, nhưng Langdon vừa nhận ra rằng cách viết của pi—có thể được xem là số nổi tiếng nhất trong lịch sử—thì lại gần gũi một cách thú vị với PSI. Gessner nói rằng mã bí mật của cô là PSI...được mã hóa. Langdon cảm thấy mình đang đi đúng hướng. 3.14159, anh nghĩ, ghi lại dạng phổ biến nhất của pi. Số pi chắc chắn có thể được mô tả như một tri ân dành cho một vị thần Hy Lạp cổ, và nó cũng được diễn đạt bằng các chữ số Ả Rập, nghĩa là nó thỏa mãn hai trong ba yêu cầu của Gessner. Một tri ân Ả Rập dành cho một vị thần Hy Lạp. Không may, dấu phẩy trong 3.14159 là vấn đề. Đầu tiên, không có dấu phẩy trong một mã alphanumeric thuần khiết. Và thứ hai, dấu phẩy không phải là một sáng tạo Ả Rập; nó được phát minh bởi một nhà toán học Scotland, John Napier. Bạn có thể giải quyết cả hai vấn đề chỉ bằng cách xóa dấu phẩy. Chỉ có một vấn đề: số 314159 đại diện cho pi...không phải PSI. Và nó vẫn còn thiếu.

“cái ‘xoắn Latin nhỏ bé.’” Mười phút sau, Langdon không đạt được tiến bộ nào thêm và quyết định rằng anh cũng nên gọi đêm. Mã truy cập của Gessner có thể chờ... hoặc tốt hơn nữa, bị lãng quên. Langdon chui vào giường bên cạnh Katherine, nơi anh ngủ say trong vài giờ... cho đến khi cô thức dậy la hét từ cơn ác mộng của mình. Một đời trước, Langdon nghĩ, giờ đang đứng trong góc thang máy tối tăm, nhìn vào bàn phím số và ước gì mình đã giải được câu đố phiền phức của Gessner. Bên kia bức tường, Pavel chửi thề to, và Langdon nghe thấy anh ta chạy ra khỏi đại sảnh, có lẽ để tìm Janáček. Langdon biết khoảnh khắc này có thể là cơ hội để lên ra ngoài mà không bị phát hiện... nhưng đi đâu? Tôi sẽ không rời khỏi đây nếu không có Katherine, anh nghĩ, ngày càng lo sợ rằng có điều gì đó đã xảy ra với cô. Tôi cần phải xuống dưới. Anh nhìn lại bàn phím, tự hỏi liệu mình có thể có cơ hội tốt hơn trong việc giải mã mảnh ghép cuối cùng của mã truy cập Gessner giờ đã có một buổi tối trôi qua. Rốt cuộc, có lý do mà chúng ta “ngủ qua” những vấn đề; tâm trí vô thức có thể tạo ra những kết nối đáng kinh ngạc khi chúng ta ngủ. Langdon đã đi ngủ đêm qua với suy nghĩ rằng số 314159 là một đại diện chính xác của “một sự tưởng niệm Ả Rập đối với một nhà hiền triết Hy Lạp cổ.” Tuy nhiên, nó chưa hoàn toàn đúng. Tôi đang thiếu “xoắn Latin.” Langdon biết rằng hầu hết các ngôn ngữ trên thế giới—bao gồm cả tiếng Anh—đều sử dụng hệ thống chữ cái được gọi là bảng chữ cái La Mã hoặc Latin. Khi anh quan sát các số và chữ cái trên các phím của bàn phím, anh nhận ra rằng mình đã trở nên quá tập trung vào các số mà đã quên rằng mình cũng có thể sử dụng chữ cái. “Xoắn Latin” có phải là một chữ cái không? Khi anh cân nhắc điều đó, hình dạng đơn giản nhất hiện ra trong tâm trí anh—đường cong xoắn của chữ S. Chúa ơi, anh nhận ra. Một “xoắn Latin” theo nghĩa đen! Trong khoảnh khắc đó, anh nhớ lại hình ảnh Gessner tự mãn thả một miếng chanh vào giữa ly nước, và anh không khỏi cảm thấy một chút ấn tượng. “S” là mảnh ghép còn thiếu của câu đố. Phần còn lại thật đơn giản. PI trở thành PSI! Mã của Gessner là sự pha trộn giữa các ký hiệu Ả Rập và Latin—các số và chữ cái—và nếu Langdon không nhầm, giải pháp phải là 314S159! Anh kiểm tra lại logic với những gì Gessner đã nói. “Một sự tưởng niệm Ả Rập đối với một nhà hiền triết Hy Lạp với một xoắn Latin.” Số 314159 hoàn toàn là một sự tưởng niệm Ả Rập... đối với số pi của Hy Lạp... và “S” ở giữa là một xoắn Latin biến PI... thành PSI... mà Gessner nói là mã truy cập của cô. Nếu có một khoảnh khắc nào để hét lên câu nói của Archimedes “Eureka!” thì đây chính là lúc, nhưng thay vào đó Langdon di chuyển yên lặng đến bàn phím. Nín thở, anh cẩn thận nhập bảy ký tự vào màn hình kỹ thuật số. 3 1 4 S 1 5 9 Sau khi kiểm tra lại chuỗi ký tự, anh thở ra và nhấn Enter. Không có gì xảy ra. Một cơn tuyệt vọng bao trùm anh ngay lập tức, nhưng một khoảnh khắc sau Langdon nghe

thấy một tiếng cạch và một tiếng kêu cơ học nhẹ phía sau cánh cửa. Âm thanh ngày càng to hơn... một thang máy đang thang lên. Eureka... anh nghĩ, cho phép mình có một nụ cười nhẹ nhõm. Một trên 3,5 triệu tỷ. Cánh cửa thang máy mở ra để lộ một cabin lớn được bọc gỗ. Bỏ qua nỗi sợ không gian kín của mình, Langdon bước vào và tìm kiếm nút bấm sẽ đưa anh xuống phòng thí nghiệm. Nhưng thang máy này không có nút bấm hay điều khiển nào cả. Thay vào đó, cánh cửa tự động đóng lại, và Langdon cảm thấy mình đang xuống dần.

I CHƯƠNG 25 hình ảnh của Katherine Solomon diễn ra trong tâm trí của Golem khi taxi của anh leo lên đỉnh đồi về phía Bastion Crucifix. Anh vẫn có thể thấy cô trên sân khấu tại Lâu đài Prague... đang trình bày bài giảng đáng kinh ngạc của mình. Golem đã tham dự, ngồi yên lặng ở phía sau, ăn mặc không mấy nổi bật, như bây giờ. Golem cảm thấy bị cuốn hút bởi những ý tưởng của Katherine, đôi khi cảm thấy rằng cô đã nói trực tiếp với anh. Tôi là bằng chứng sống, Katherine, rằng bạn đã đúng. Hơn một giờ, Katherine đã khiến đám đông trong Hội trường Vladislav say mê, sống động với sự hồi hộp của những khả năng mới... một cái nhìn mới về cách hoạt động của ý thức con người. Một khoảnh khắc đặc biệt đã nói với anh. “Có một hiện tượng phi thường,” Katherine đã nói, “chứng minh rằng quan điểm truyền thống của chúng ta về ý thức hoàn toàn sai lầm. Nó được gọi là hội chứng thiên tài đột ngột, và định nghĩa lâm sàng như sau: ‘Sự thể hiện đột ngột trong tâm trí con người của một kỹ năng hoặc kiến thức độc đáo mà trước đây không tồn tại.’” Cô mỉm cười. “Nói cách khác, bạn bị đánh vào đầu và bạn tỉnh dậy trở thành một nghệ sĩ violon, hoặc thông thạo tiếng Bồ Đào Nha, hoặc là một thiên tài toán học—nơi trước đây bạn không có bất kỳ kỹ năng nào trong số này.” Katherine nhanh chóng lướt qua một loạt hình ảnh và video của những cá nhân đã trải qua hội chứng thiên tài đột ngột.

trận bóng đá, rơi vào hôn mê, và tỉnh dậy nói tiếng Tây Ban Nha hoàn hảo. □□□□□ □□□—một người đàn ông trung niên nhảy xuống hồ bơi, bị va đầu, và tỉnh dậy trở thành một thiên tài âm nhạc và nghệ sĩ piano virtuoso. □□□ □□□ □. □□□□□□□—một cậu bé mười tuổi bị bóng chày đánh trúng và phát hiện ra rằng cậu bỗng dưng có khả năng thực hiện những phép tính lịch phức tạp đến kinh ngạc. “Câu hỏi hiển nhiên,” Katherine nói, “là, làm thế nào mà điều này có thể xảy ra? Làm thế nào mà một cú đá vào đầu có thể kỳ diệu truyền đạt toàn bộ ngôn ngữ Tây Ban Nha vào một bộ não? Hay một cuộc luyện tập suốt đời trên cây vĩ cầm? Hay khả năng chỉ ra những ngày cụ thể từ hàng thế kỷ trong quá khứ hoặc tương lai? Câu trả lời là—trong mô hình hiện tại của bộ não—tất cả những sự kiện này là, một cách trực tiếp, bất khả thi.” Cô chỉ tay về phía một người đàn ông trẻ đang nhìn chăm chú vào điện thoại của mình. “Thưa ngài, hãy tưởng tượng rằng ngài ném chiếc điện thoại đó vào tường, và khi ngài nhặt nó lên, thư viện ảnh của ngài chứa những bức ảnh mới tinh... về những nơi mà ngài chưa bao giờ đến.” “Bất khả thi,” người đàn ông đồng ý. Golem tất nhiên hiểu rằng điều này có thể xảy ra. Anh ta hiểu tại sao các tín hiệu vũ trụ lại bị chông chéo. Và rõ ràng Katherine Solomon cũng vậy. “Sau đó, tất nhiên, có câu chuyện kinh ngạc về Michael Thomas Boatwright.” Katherine tiếp tục kể về một cựu quân nhân Hải quân Mỹ, người bị phát hiện bất tỉnh trong một phòng khách sạn và tỉnh dậy nói tiếng Thụy Điển lưu loát; anh không có ký ức gì về cuộc sống của chính mình, mà thay vào đó là ký ức về cuộc sống của một người Thụy Điển tên là Johan Ek. Để nhấn mạnh quan điểm của mình, cô đã nhắc lại câu chuyện nổi tiếng về James Leininger—một cậu bé hai tuổi bị ám ảnh bởi những cơn ác mộng khi bị kẹt trong buồng lái của một chiếc máy bay chiến đấu đang bùng cháy. Trong những giờ mình mất, cậu bé James đã vẽ tranh về một chiếc máy bay đang cháy và nói về những quy trình chuẩn bị bay phức tạp, sử dụng từ vựng kỹ thuật mà cha mẹ cậu, và chắc chắn cả cậu bé nhỏ tuổi, chưa bao giờ nghe thấy. Khi cha mẹ cậu đầy lo lắng hỏi cậu lấy thông tin này từ đâu, cậu bé tuyên bố rằng tên cậu không phải là James Leininger mà là James Huston, và cậu là một phi công chiến đấu đã bay từ “một Natoma” cùng với người bạn Jack của mình. Để gia đình sửng sốt, một cuộc tìm kiếm trong hồ sơ Thế chiến II đã tiết lộ rằng một phi công chiến đấu tên James Huston đã từng bay từ tàu sân bay Natoma Bay cùng với phi công đồng nghiệp Jack Larsen. Huston đã gặp tai nạn và chết, bị kẹt trong buồng lái đang cháy của mình. Câu chuyện chỉ càng lúc càng kỳ lạ từ đó, và hiện tại nó đã trở thành chủ đề của vô số tài liệu cũng như suy đoán trực tuyến vô tận. “Những hiện tượng này là không thể giải thích, nhưng chúng là có thật,” cô tiếp tục. “Chúng là những bất thường thật sự... và chúng đã làm suy yếu cơ bản mô hình hiện tại của ý thức đến mức chúng ta giờ đây đứng trước một ngã ba của sự hiểu biết nhân loại, một giao điểm nơi một vòng tròn ngày càng mở rộng của những tâm trí xuất sắc—các nhà khoa học thần kinh, vật lý học, sinh học và triết học—đang

không thấy lựa chọn nào khác ngoài việc chấp nhận cùng một sự thật gây sốc...nói một cách đơn giản, rằng những quan điểm khoa học đã thiết lập của chúng ta về cách hoạt động của tâm trí con người không còn đầy đủ nữa. Đã đến lúc có một mô hình mới. Đã đến lúc thừa nhận rằng chúng ta không biết câu trả lời cho một câu hỏi rất đơn giản: Nơi nào xuất phát những suy nghĩ, tài năng và ý tưởng của chúng ta? Và đó, bạn bè ơi, là chủ đề của buổi nói chuyện tối nay.” Xe taxi của Golem vòng qua góc cuối cùng hướng tới Bastion Crucifix, và phòng thí nghiệm hiện ra ở phía xa. Nhưng khi thấy điều gì trước mặt, anh ngay lập tức đập tay lên vách ngăn Plexiglas. “Dừng lại! Dừng lại!” Tài xế khựng lại đột ngột. Golem nghĩ rằng anh sẽ chỉ có một mình ở đây, nhưng ngạc nhiên thay, một chiếc xe sedan của ÚZSI đã đỗ trước tòa nhà. Không ai nên ở đây vào giờ này! Anh đuổi chiếc taxi đi và tiến lại gần bastion chậm rãi bằng chân, di chuyển kín đáo qua những rừng cây bao quanh cơ sở. Khi đến gần, anh thấy cửa ra vào của tòa nhà đã bị vỡ. Sảnh chính mở rộng ra, sàn nhà rải đầy kính vụn. Liệu ÚZSI có đột nhập vào phòng thí nghiệm của Gessner không? Nếu vậy, Golem bỗng lo lắng rằng mình có thể gặp khó khăn trong việc lấy những gì anh đã đến tìm. Nếu không có nó, tôi sẽ không thể tiếp cận được Threshold. Golem không thấy ai di chuyển bên trong sảnh chính bị vỡ, nhưng anh đã thấy có chuyển động ở đầu xa của sân. Cách đó bảy mươi lăm yard, một người đàn ông gầy gò trong bộ suit đang nhìn ra ngoài tường rào thấp và nói chuyện qua điện thoại. Một sĩ quan ÚZSI? Một trong những liên hệ của Gessner? Dù là thế nào, sự hiện diện của anh ta ở đây thật sự là một vấn đề...và cần phải được giải quyết. MỘT CHƯƠNG 26 ở đầu xa của sân Bastion Crucifix, Đại úy Janáček kết thúc các cuộc gọi của mình và ngó qua tường rào đá thấp xuống thung lũng sâu bên dưới. Kỳ lạ, trong khoảnh khắc này, ông cảm thấy hoàn toàn sống động. Dù đó là tầm nhìn đáng sợ phía dưới hay những sự kiện của buổi sáng mà ông thấy thật hồi hộp, điều đó không thực sự quan trọng. Hôm nay là một ngày tốt đẹp. Năm tháng trong lĩnh vực thực thi pháp luật của ông ngày càng trở nên thất vọng khi Prague bị áp đảo.

với khách du lịch. Mọi người đều yêu cầu một thành phố an toàn, và Janáček đã làm những gì ông có thể, nhưng ông liên tục bị khiển trách—hoặc vì thiếu kết quả hoặc vì quá hung hăng. Chọn một trong hai, Janáček tranh luận. Quy tắc sắt. Hoặc hỗn loạn. Ông đã bị từ chối nhiều lần cho vị trí trưởng tại ÚZSI sau khi ông xử lý một nhóm sinh viên đại học Mỹ say sưa vài năm trước. Khi bị Janáček confront, bọn trẻ đã phản kháng—say xỉn, có quyền và hung hăng. Vừa tức giận, Janáček đã ném họ vào tù một đêm, quyết tâm dạy cho họ một bài học. Như một vận rủi, một trong những cậu bé là con trai của một thượng nghị sĩ Mỹ, người ngay lập tức đã gọi điện giận dữ đến đại sứ quán Mỹ. Những cậu bé được thả ngay lập tức, và một vụ kiện đã được đệ trình ngay lập tức chống lại Janáček vì “sử dụng sức mạnh quá mức” và “tổn thương tinh thần.” Janáček chưa bao giờ phục hồi được về mặt nghề nghiệp. Hôm nay tôi sẽ cho người Mỹ thấy ai mới là người kiểm soát. Đội phá dỡ vừa xác nhận sự đến của họ sắp diễn ra, và Janáček đã sắp xếp một cuộc họp báo trong vòng một giờ nữa. Ông đã có thể hình dung ra những bức ảnh của mình dẫn dắt một giáo sư Harvard nổi tiếng và một nhà khoa học hàng đầu người Mỹ ra khỏi Crucifix Bastion—cả hai đều bị còng tay. Hai người Mỹ này đã đặt mạng sống vào rủi ro hôm nay, ông sẽ thông báo một cách nghiêm túc. Tất cả chỉ vì để tìm kiếm sự chú ý cho một cuốn sách. Thú thực, những cáo buộc của Janáček không hoàn toàn trung thực, nhưng ông tự tin rằng lời nói dối của mình sẽ được giấu kín. Cháu trai của ông, Pavel, đã giúp che giấu dấu vết của Janáček. ÚZSI là một hội đoàn, và đã hiểu rằng trong thực thi pháp luật, đôi khi một người phải uốn cong quy tắc để thực thi chúng, đặc biệt là trước ảnh hưởng khủng khiếp của đại sứ quán Mỹ ở đất nước này. Khi Janáček thụ hưởng sự biện minh sắp tới của mình, điện thoại của ông bắt đầu reo. Khi ông thấy ID người gọi, ông mỉm cười đầy tự tin. Nói về quỷ dữ. Janáček đã có nhiều cuộc va chạm với người phụ nữ này và luôn thua trong các cuộc chiến của họ. Không hôm nay. “Thưa Đại sứ,” Janáček trả lời. “Luôn là vinh dự cho tôi.” Ông không thể giấu nổi sự châm biếm của mình trước nhà ngoại giao Mỹ. “Đại tá Janáček,” đại sứ nói. “Ông có ở Crucifix Bastion không?” “Tôi đang ở đây,” Janáček nói kiêu ngạo. “Tôi đang chờ một đội phá dỡ và có kế hoạch bắt giữ ít nhất một người Mỹ.” “Thư ký Harris đang ở đây với tôi,” đại sứ nói, giọng bà mạnh mẽ, “và ông ấy tin rằng không có cách nào mà Katherine Solomon hay Robert Langdon có liên quan đến việc đặt bom.” “Vậy tại sao cô Solomon lại kháng cự khi bị bắt?” “Đại tá Janáček, tôi chỉ nói điều này một lần thôi. Có những phức tạp trong tình huống này mà ông không nhận thức được—” “Cút đi với những phức tạp Mỹ của bà, thưa Đại sứ! Điều tôi biết là bà không có quyền hạn tại Crucifix Bastion, và không có gì bà có thể làm để ngăn tôi vào—” “Một DOST!” đại sứ bắt ngờ la lớn, sự bùng nổ của

bà bằng tiếng Séc khiến Janáček sững sờ. Sau khi làm im lặng ông, đại sứ tiếp tục bằng tiếng thì thăm mạnh mẽ. Bà nói sáu từ... và chỉ sáu từ. Janáček cảm thấy như thể mình vừa bị một chiếc xe tải đâm vào. Trong khoảnh khắc đó, mọi thứ đã thay đổi. A CHƯƠNG 27 khi thang máy chậm lại dừng lại ở cấp dưới, nhịp đập của Langdon đã chạy nhanh, một phần là vì cabin chật chội nhưng chủ yếu là do mối lo lắng ngày càng sâu sắc về việc tìm kiếm Katherine. Cô ấy chắc chắn ở đây đâu đó... Khi cửa mở ra, Langdon thấy mình đứng trong một hành lang dài với những bức tường đá thô ráp trông giống như của một pháo đài tám trăm năm tuổi, mà thực tế là như vậy. Trong sự tương phản rõ rệt, sàn hành lang là một lối đi hình herringbone trang nhã bằng gỗ được nhuộm màu, kéo dài ra xa khỏi thang máy, được chiếu sáng bởi những đèn recessed dim nhẹ được đặt đều đặn. “Katherine?” Langdon nói khẽ, bước ra khỏi thang máy chật chội, mắt ông điều chỉnh với ánh sáng nhẹ nhàng. Khi cửa đóng lại sau lưng, ông nhìn ra hành lang và thấy năm cửa gỗ trang nhã, phân bố dọc theo bức tường bên phải của hành lang, mỗi cửa được khung trong một khung cửa đá hình vòm. Phòng thí nghiệm này trông giống như một khách sạn boutique sang trọng hơn là một cơ sở thần kinh học. “Tiến sĩ Gessner?!” ông gọi, cảm thấy không có cách nào mà Đại úy Pavel có thể nghe thấy ông từ trên lầu bây giờ. Cánh cửa đầu tiên Langdon đến mở ra một văn phòng lớn, trang nhã với những bức tường đá, thảm cỏ xanh tươi, và những chiếc tủ cao. Trên bàn có hai chiếc máy tính, một điện thoại cố định và những đồng giấy tờ. Hiển nhiên, đây là nơi Gessner thực hiện công việc thực sự của mình. “Xin chào?” ông gọi, nhìn vào một văn phòng liền kề—một không gian nhỏ hơn mà bàn làm việc được trang trí bằng những bức ảnh và một cây giả, cùng với một chai nước màu magenta có ghi những từ *Пей воды!* Langdon không biết điều đó có nghĩa là gì, nhưng ông nhận ra bằng chữ cái Cyrillic và nhớ lại Gessner nói rằng trợ lý của cô ấy là người Nga. Bước ra khỏi văn phòng của trợ lý, Langdon tiến về phía cuối hành lang.

ở bên cạnh, cái mà Langdon không nhận ra ngay lập tức. Trong một khoảnh khắc, anh nghĩ đó là một biểu tượng circumpunct đã được sửa đổi — biểu tượng cổ đại của một vòng tròn với một chấm trung tâm. Nó cũng khá giống với logo của đội khúc côn cầu Philadelphia Flyers. Nhưng một khoảnh khắc sau, anh nhận ra đó thực sự là một biểu tượng hiện đại mô tả một người nằm ngửa trượt vào một ống lớn. Phòng thí nghiệm hình ảnh, Langdon nhận ra, gõ mạnh vào cửa. Im lặng. “Katherine? Bạn có ở đây không?” anh gọi khiếm tốn. Anh thúc nhẹ và cửa mở ra. Đèn trong phòng tự động bật sáng, tiết lộ một trạm điều khiển tinh vi nhìn ra hai cỗ máy hình ảnh khổng lồ — một máy CAT và một máy MRI — cả hai đều không có người trông coi. Langdon lùi ra khỏi phòng và tiếp tục đi xuống hành lang đến một cánh cửa thứ ba. Biển hiệu ở đây mang lại cho anh hy vọng bất ngờ. □□□□□ □ □□ □□□□ Gessner đã đề cập đến công việc của cô ấy với VR, và Langdon giờ tự hỏi liệu có thể hai người phụ nữ đang ở bên trong, mãi mê trong một phiên VR cảm giác toàn diện nào đó, và không nghe thấy chuông intercom. Kinh nghiệm duy nhất của Langdon với VR đã vô cùng đáng sợ. Một sinh viên đã thuyết phục anh thử một mô phỏng leo núi tên là The Climb, và khi Langdon đeo chiếc kính VR, anh ngay lập tức thấy mình đứng chênh vênh trên một mép mỏng, hàng ngàn feet trên không. Dù biết chắc mình đang đứng an toàn trên mặt đất bằng phẳng, Langdon vẫn bị tê liệt vì sợ hãi, trung tâm trọng lực của anh bị rối loạn nghiêm trọng, và anh không thể bước thêm một bước nào. Thật đáng kinh ngạc, thực tế ảo còn thuyết phục hơn cả thực tế mà não bộ anh biết là đúng. Không bao giờ nữa, anh nghĩ, gõ mạnh vào cửa phòng VR khi anh đẩy nó mở ra. “Katherine?” anh gọi khi bước vào. “Tiến sĩ Gessner?” Không gian bên trong là một căn phòng nhỏ, trải thảm với những bức tường đá và một chiếc ghế thư giãn tựa đứng ở giữa. Nó trông giống như một phòng chiếu phim gia đình với một ghế đơn mà không có màn hình. Trên lưng ghế treo một cặp kính màn hình đầu công kênh với những dây cáp nối vào. Nơi này thật kỳ lạ, Langdon nghĩ. Và Katherine không ở đây. Anh nhanh chóng rời khỏi phòng VR và đi thêm vài bước xuống hành lang, đi qua một phòng vệ sinh được trang bị một thiết bị rửa mắt khẩn cấp và một vòi tắm riêng. Trống rỗng. Tiếp tục đi, Langdon đến cái mà giờ anh nhận ra là cánh cửa cuối cùng của phòng thí nghiệm. Biển hiệu ghi: □□□□□□□□□□ Thuật ngữ thời thượng mới này, phổ biến trong số các start-up công nghệ trẻ, là một điều mà Langdon biết chỉ vì Jonas Faukman đã từng chế nhạo nó như một “sự kết hợp không cần thiết,” lập luận rằng những người trẻ thiếu năng lượng để đánh vào “phát triển công nghệ” không nên được trao hàng triệu đô la để phát triển bất cứ điều gì cả. Langdon gõ nhẹ và đẩy cửa mở. Cơ hội cuối cùng, anh nghĩ, mong muốn Katherine ở phía bên kia. Khi cánh cửa mở vào, Langdon chợt bị chói mắt. Căn phòng sáng chói... và ồn ào. Đèn huỳnh quang chói lóa rên rĩ trên một sàn gạch trắng, quạt

công nghiệp gầm gừ, và một tiếng bíp không ngừng cắt ngang không khí như một loại chuông cảnh báo. Langdon ngay lập tức cảm thấy bất an. “Xin chào?” anh hét lên giữa tiếng ồn. “Katherine?!” Bước vào trong, anh thấy một mê cung các bàn làm việc rải rác với thiết bị điện, công cụ, bộ phận và bản thiết kế, tất cả khiến Langdon có cảm giác như mình đã bước vào hang ổ của một nhà khoa học điên. Phía sau những quầy lộn xộn, ở cuối phòng, có một giá thiết bị công kênh trông như một sự kết hợp vụng về giữa một máy tính chính cổ đại và một máy phát điện công nghiệp. Các quạt làm mát rì rào từ thiết bị cùng với tiếng bíp lớn và không ngừng. “Có ai ở đây không?” anh hét vào sự hỗn loạn. Langdon tiến về phía máy, nhận thấy những dây ống và dây điện dày đặc xuất hiện từ bên hông và cuộn qua sàn đến một thiết bị phụ — một container mảnh mai, thấp với phần vỏ làm bằng nhựa hoặc kính trong suốt. Dưới lớp vỏ trong suốt, bên trong phát ra một ánh sáng nhẹ. Cái quái gì đây? Kích thích và hình dáng làm Langdon nghĩ đến một giường ngủ. Hoặc một chiếc quan tài, anh nhận ra, chợt cảm thấy bất an. Khi anh lại gần chiếc giường, anh có thể thấy vỏ trong suốt bị mờ đục bởi hơi nước từ bất cứ điều gì đang diễn ra bên trong. Tiếng bíp vẫn tiếp tục. Anh cẩn thận tiến lại, đứng ở phía trên chiếc giường, và nhìn xuống qua nắp kính. Langdon lập tức lùi lại trong nỗi kinh hoàng. Nằm bất động bên trong chiếc giường, bị cuộn trong làn sương dày đặc, là hình dáng mờ nhạt của một cơ thể con người. Chúa ơi... Katherine?! O CHUÔNG 28 trên tầng hai của đại sứ quán Hoa Kỳ, Michael Harris cảm thấy mất tinh thần khi bước ra khỏi cuộc trò chuyện riêng tư với đại sứ. Vừa mới được “đọc” một phần, Harris vẫn đang cố gắng xử lý toàn bộ ý nghĩa của thông tin mật mà đại sứ bây giờ đã chia sẻ với anh. Cô đã không chia sẻ mọi thứ, anh cảm nhận, nhưng một điều rất rõ ràng: Hôm nay là về nhiều thứ hơn là một nỗi sợ bom.

tại Four Seasons. Harris lấy lại bình tĩnh và nhanh chóng bước xuống tầng dưới đến văn phòng của Dana, ước gì anh đã nói chuyện với đại sứ trước khi liên quan đến Dana. Anh tìm thấy cô tại máy tính của mình, mãi mê theo dõi nhiều video về cầu Charles. Chết tiệt. Dana nhìn lên khi anh vào. “Tôi đã tìm thấy cô gái của anh với vương miện nhọn, Michael. Cô ấy rất dễ thương. Anh chưa bao giờ nói—” “Tắt đi, Dana,” anh nói, vội vã tiến lại gần cô. “Tôi đã mắc sai lầm.” “Nhưng anh đã hỏi—” “Tôi biết. Tôi xin lỗi. Tắt nó đi, làm ơn. Bây giờ.” Dana nhìn anh một cách nghi ngờ và đứng dậy. Là một cựu người mẫu runway cao sáu feet, cô là một trong số ít phụ nữ có thể nhìn Michael Harris thẳng vào mắt. Trước khi cô kịp nói một lời nào, Harris đã cúi xuống gần sàn nhà. “Thật sao?” cô nói. “Quý gói năn nỉ tôi?” Không hẳn. Harris với tay dưới bàn của cô và rút một dây cắm, cắt nguồn điện cho máy tính của cô. Dana thấy màn hình của mình tắt ngúm. “Anh đang làm cái quái gì vậy?!” “Tôi cần em tin tôi,” anh nói, đứng thẳng lên. “Gần đây em có rất nhiều bí mật.” Em không biết gì đâu, anh nghĩ. “Nhìn này... tôi chỉ muốn em quay lại làm việc và quên tôi đã hỏi em về bất kỳ điều gì trong số này.” Ánh nhìn chăm chăm của Dana không hề lay chuyển, và Harris cảm thấy cô không có ý định buông tha chuyện này. Như tìm thấy sức mạnh từ bên trong, anh nặn ra một nụ cười tinh nghịch và hạ giọng xuống thì thầm. “Những bức tường ở đây có tai. Thế nào nếu tôi kể cho em mọi thứ trong bữa tối tối nay?” Đôi mắt của Dana sáng lên, đôi môi đầy đặn của cô bĩu ra đầy hứa hẹn. “Đồ ăn mang về? Tại nhà anh?” Harris nháy mắt. “Thức ăn không bắt buộc.” Cô mỉm cười. “Tôi thích cách anh suy nghĩ, ông Harris.” Harris hôn gió chào tạm biệt cô và bước ra. Vài phút sau, anh đã ở trong một trong những chiếc Audi A7 đen của đại sứ quán, lao nhanh dọc đường Tržiště. Anh đã dự định đi thẳng đến Pháo đài Crucifix, nhưng đại sứ đã ra lệnh cho anh làm gì đó cho cô trước. “Ông Langdon sẽ an toàn thêm một thời gian nữa,” đại sứ đã nói với anh. “Đại úy Janáček đang được kiểm soát tốt.” Một điều khiêm tốn, Harris biết, khi vừa chứng kiến cuộc gọi điện thoại khắc nghiệt giữa đại sứ và đại úy. Janáček đã cự quá nhiều... và thua. Anh ta sẽ phải liếm láp vết thương và cư xử hoàn hảo cho đến khi Harris đến. Dù tính chất đáng lo ngại của mọi thứ mà Harris đã học từ đại sứ, anh cảm thấy như một tấm màn đã được nâng lên, tiết lộ nhiều hơn về các mảnh ghép trên bàn và cách chúng liên kết với nhau... công việc trái phép của Harris cho đại sứ... phòng thí nghiệm của Gessner tại Pháo đài Crucifix... người phụ nữ trên cầu Charles... và thậm chí cả ấn phẩm sắp tới của Katherine Solomon. Dana Daněš đang nổi cơn thịnh nộ. Anh không có quyền lực gì đối với hành động của tôi, Michael Harris. Anh là tình nhân của tôi, không phải sếp của tôi. Lời nói ngọt ngào mĩa mai của attaché về bữa tối đã khiến Dana tức giận. Hơn nữa, hành vi kỳ lạ của anh chỉ làm tăng thêm sự tò mò của cô về người phụ nữ bí ẩn trên cầu Charles. Tiện lợi thay, cây cầu nổi tiếng được giám sát bởi nhiều camera an ninh hơn trên mỗi mét vuông so với bất kỳ đâu khác ở Prague—bao gồm một cặp hệ thống 360 độ trên các tháp canh của cầu và mười ba camera ở cấp độ mắt được gắn trong các đèn

gas. Chọn một trong những cảnh quay từ trên cao, Dana đã tua đi về phía trước để quay lại đoạn phim từ 6:40 sáng. Để cô ngạc nhiên, người phụ nữ với vương miện nhọn đã ở đó, đứng chờ ở đầu phía đông của cây cầu vắng vẻ như thể đang chờ ai đó. Nhưng chờ ai? Dana đã gọi lên một camera ở mức mắt và phóng to vào khuôn mặt của người phụ nữ, không hài lòng khi thấy rằng người phụ nữ mặc trang phục trẻ trung và đẹp, với những má lúm sâu và đôi mắt nai to. Cơ thể cô trông nhỏ nhắn và khỏe khoắn dưới chiếc áo khoác đen ôm sát. Liệu đó có phải là lý do mà Michael quan tâm đến em? Đường như không thể tin rằng Michael lại yêu cầu Dana nghiên cứu một đối tượng lẳng mạn, mà có lẽ anh đang chơi một trò chơi tàn nhẫn với cô. Trong nhiều tuần, trực giác của cô đã mách bảo rằng Michael có người khác. Một người phụ nữ luôn biết... Tự tin rằng Harris đã đi, Dana bò dưới bàn, cầm lại máy tính và khởi động lại công giám sát. Cô điều hướng trở lại người phụ nữ xinh đẹp và hoàn toàn có ý định tìm ra nơi cô ấy đã đi... nhưng trước tiên có một câu hỏi cấp bách hơn. Ai cái quái này là ai? Một trong những nhiệm vụ mà Dana thực hiện cho đại sứ là xác nhận danh tính và bối cảnh của bất kỳ du khách nào đến đại sứ quán yêu cầu dịch vụ hoặc tị nạn. Tất cả những gì cô cần là một bức ảnh hộ chiếu hoặc một ảnh chụp màn hình từ camera an ninh tại cổng đại sứ quán, và cả một thế giới mở ra. Ngày nay, nhờ vào phần mềm nhận diện khuôn mặt tiên tiến, việc xác định bất kỳ cá nhân nào trên hành tinh chỉ mất vài phút. Xin lỗi, em yêu, Dana nghĩ, chụp lại nhiều bức ảnh cận cảnh chất lượng cao của khuôn mặt người phụ nữ. Nhưng em không thể trốn khỏi tôi. Cô đã tải ảnh lên vào...

cơ sở dữ liệu nhận diện khuôn mặt quốc tế của đại sứ quán. Nếu người phụ nữ này có hồ sơ tội phạm ở bất cứ đâu trên thế giới, cô ấy sẽ được xác định trong vòng ba mươi giây. Nếu không, bức ảnh của cô ấy sẽ được gửi qua một cơ sở dữ liệu quốc tế khổng lồ gồm những bức ảnh thu thập từ hộ chiếu, giấy phép lái xe, và các phương tiện truyền thông lớn. Và cuối cùng, nếu điều đó không hiệu quả, bức ảnh sẽ được đưa vào cơ sở dữ liệu mới nhất và đầy đủ nhất trên thế giới—các bức ảnh selfie bất ngờ được đăng tải trên Instagram, Facebook, LinkedIn, Snapchat, và các nền tảng khác. Mạng xã hội, Dana nghĩ. Kho báu tình báo lớn nhất kể từ khi Giáo hội Công giáo phát minh ra sự xưng tội.

CHƯƠNG 29

Langdon cảm thấy tạm thời như bị tê liệt khi anh nhìn chăm chăm vào cái pod ở bên trong là một hình nhân. Chúa ơi...Katherine. Anh quỳ gối và đập tay lên kính, áp mặt vào bề mặt, cố gắng nhìn bên trong. Tôi phải đưa cô ấy ra khỏi đó! Dưới nắp, một bàn tay bất động ép vào bên trong cái pod, những ngón tay mảnh mai nhợt nhạt và cứng đờ, bị băng giá. Trông như thể cổ tay của cô ấy bị trói chặt bởi những sợi dây nặng. Langdon sờ soạng cái pod, cố tìm một cách để mở nó. Anh nắm lấy bề mặt mịn màng, lạnh buốt, nhưng không thấy đường nổi hay tay cầm hay nút thả nào. Tiếng chuông báo động vang rền tiếp tục réo lên. Mở ra, chết tiệt! Chỉ cách mặt Langdon một vài inch, hình dáng của cơ thể bị mờ ảo xuất hiện và biến mất trong làn sương cuộn cuộn. Bỗng dưng, có một âm thanh đằng sau anh—các bước chân đang đến gần nhanh chóng trên sàn gạch cứng. Langdon quay lại thấy một người phụ nữ cao với tóc vàng ngang vai. Cô ấy đang chạy về phía anh cầm một bộ dụng cụ chữa cháy bằng thép không gỉ, đe dọa sẽ đập xuống mặt anh. “Co to sakra delás?!” cô ấy hét lên qua tiếng ồn. Langdon giơ tay lên để phòng vệ. “Chờ đã!” “Làm thế nào mà bạn vào được đây!” người phụ nữ yêu cầu bằng một giọng Nga nặng. Cô nâng cái bình chữa cháy lên trên đầu anh. “Xin hãy mở—” “Làm thế nào mà bạn vào được đây?” “Mặt mã thang máy!” Langdon thốt lên. “Tiến sĩ Gessner đã đưa cho tôi! Bạn của tôi, Katherine Solomon và tôi—” Người phụ nữ lập tức hạ cái bình chữa cháy xuống, nhìn có vẻ thực sự ngạc nhiên. “Giáo sư Langdon? Tôi rất xin lỗi...Tôi là Sasha Vesna, trợ lý phòng thí nghiệm của Brigita—” “Katherine đang bên trong cái này!” Langdon ngắt lời, chỉ vào cái pod. “Cô ấy cần giúp đỡ!” Sasha đột ngột dường như nhận ra âm thanh beep, và nét mặt cô ấy chuyển từ sự bối rối sang kinh hoàng. Cô thả cái bình chữa cháy xuống một cách mạnh mẽ và chạy đến máy gắn liền, nơi mà cô kéo một ngăn kéo giá lắp, mở laptop ra và bắt đầu gõ bàn phím một cách điên cuồng. “Ồi không...Không!” Langdon không biết chuyện gì đang xảy ra, nhưng cơn hoảng loạn của người phụ nữ chỉ càng cố thêm sự hoảng loạn của chính anh. “Chỉ cần mở cái quái đó ra!” “Quá nguy hiểm!” Sasha la lớn. “Bạn phải đảo ngược quá trình trước.” Quá trình gì? “Xin hãy chỉ lấy cô ấy ra!” Trợ lý trông như đang lạc lối, nhìn sợ hãi vào cái pod. “Tôi không hiểu—tại sao Tiến sĩ Solomon lại vào đó?” Langdon nửa muốn nhấc cái bình chữa cháy lên và đập vỡ cái pod. Điều này không thể xảy ra... Trợ lý của Gessner lại gõ tiếp trên bàn phím, và âm thanh chuông báo cuối cùng cũng ngừng lại. Trong vài khoảnh khắc sau, các quạt tắt tiếng, và các ống nối cái pod với thiết bị lớn hơn

bắt đầu kêu ọc ọc. Langdon không biết mình mong đợi thấy gì đi qua các ống trong suốt, nhưng điều đó chắc chắn không phải là chất lỏng màu đỏ bắt đầu chảy hacia cơ thể. “Có phải... máu không?!” Langdon hỏi, cảm thấy đột nhiên khó chịu. “Cái thứ này là gì?” “EPR!” Sasha thốt lên trong giọng hoảng loạn, vẫn gõ khi chất lỏng chảy trở lại vào cái pod. “Máy bảo quản và hồi sinh khẩn cấp. Đây là nguyên mẫu của Brigita! Chưa sẵn sàng để sử dụng!” Khi làn sương lạnh quấn quanh cơ thể, Langdon giờ đã nhận ra Gessner thực sự đã đề cập đến máy EPR của cô ấy tối qua. Công nghệ cứu sống này đã được đề xuất lần đầu tiên một cách giả thuyết bởi một bác sĩ tên Samuel Tisherman tại Trường Y khoa Đại học Maryland, nhưng Brigita Gessner là người đã tiếp nhận khái niệm thô sơ, thiết kế một nguyên mẫu đã được sửa đổi đáng kể, và giờ đây nắm giữ bằng sáng chế—một bằng sáng chế mà cô tự hào rằng đáng giá một gia tài. “Thiếu oxy kéo dài gây tổn thương não,” Gessner đã thông báo cho họ, “nhưng EPR của tôi có thể bảo vệ não khỏi tình trạng thiếu oxy bằng cách tạm dừng hoạt động tế bào của nó—một loại trạng thái ngủ đông. Máy của tôi về cơ bản là một đơn vị ECMO sửa đổi—một đơn vị oxy hóa màng ngoài cơ thể thay thế máu bằng dung dịch muối siêu lạnh với tốc độ hai lít mỗi phút. Nó làm cho não và cơ thể hạ xuống mười độ C, cho đội ngũ phẫu thuật hàng giờ để điều trị một bệnh nhân bị chấn thương nghiêm trọng mà bình thường sẽ mất não trong vài phút.” Đứng trên nguyên mẫu EPR của Gessner, Langdon gần như sắp bị nôn. Đột ngột, một tiếng nổ nhỏ vang lên bên trong cái pod, và máu bắt đầu văng tung tóe khắp mọi nơi bên trong.

kính. Langdon nhảy lùi lại. Cô ấy đang chảy máu! “Блядь,” Sasha chửi thề, bỏ lại mọi thứ cô đang làm trên laptop và chạy đến một bảng điều khiển khẩn cấp trên bức tường phía sau. Cô phá vỡ một con dấu nhựa và, không do dự, ấn một nút đỏ sáng bên dưới. Chiếc pod lập tức xì hơi và thả áp suất trên nắp, cái nắp bắt đầu mở ra, xoay lên như một cánh cửa kiểu gull-wing. Khi sương mù tan đi, Langdon cúi người qua chiếc container. Lạy Chúa... Khi nhìn thấy cô ấy, Langdon biết cô đã ra đi. Mất cô trông rỗng và không còn sức sống, khuôn mặt cô đông cứng trong một biểu hiện của sự hoảng sợ tuyệt đối. Langdon chưa bao giờ tưởng tượng rằng việc nhìn một cái xác chết lại mang đến cảm giác áp đảo như vậy của cả sự tuyệt vọng và sự nhẹ nhõm—nhưng đó chính xác là cảm giác mà anh cảm nhận được lúc này. Xác chết nằm trước mặt họ không phải là Katherine Solomon. Đó là Brigita Gessner.

CHƯƠNG 30

Sasha Vesna bật lên một tiếng kêu đau đớn và sụp xuống quỳ bên cạnh xác chết trong chiếc pod. “Brigita! Không!” Cô che mặt và bắt đầu khóc nức nở. Tất cả những gì Langdon có thể làm là quan sát, trái tim anh quặn thắt vì cô. Rõ ràng, nỗi đau của người phụ nữ này khi thấy bác sĩ Gessner thật quá mạnh mẽ, như sự nhẹ nhõm của Langdon rằng đó không phải là Katherine. Sau vài giây nước mắt quàn quại, tuy nhiên, Sasha ngẩng lên, và khuôn mặt cô mang một biểu hiện hoảng sợ. Cô bắt đầu vỗ vào túi như thể mình đã đánh rơi thứ gì. Khi làm như vậy, cô bắt đầu thở gấp. “Không...” cô thì thầm, hàm cô co lại thành một nét nhăn cứng nhắc. “Làm ơn... không phải bây giờ!” Langdon nhanh chóng đến bên cô. “Có chuyện gì xảy ra vậy?!” Sasha cố gắng chồm dậy và tiến về phía cửa, nhưng khi làm vậy, cô chột khựng lại, rơi trở lại quỳ xuống. Cô có vẻ như sắp chịu một cơn co giật nào đó, và Langdon đã cố hết sức để giữ vững cô. “Tôi có thể giúp gì?!” anh đề nghị. Sasha phát ra một tiếng rên khàn và chỉ vào chiếc túi xách mà cô đã làm rơi xuống sàn gần đó. Thuốc? anh đoán, rồi vội vã chạy đến chiếc túi và lục lọi qua các món đồ bên trong khi mang nó quay lại cho cô. Bác sĩ Gessner đã đề cập đến việc trợ lý của cô mắc TLE—động kinh thùy thái dương—mặc dù câu nói đó dường như ít có tính nhân ái hơn là một cách để Gessner khoe khoang về số lượng bệnh nhân TLE mà cô đã chữa khỏi. “Con co giật chỉ là những cơn bão điện trong não,” Gessner đã giải thích. “Tôi đã phát minh ra một cách để ngắt quãng những cơn bão đó. Về cơ bản đó là một phương pháp chữa trị hoàn hảo.” Hoàn hảo? Cô Vesna dường như không “khỏi bệnh” chút nào vào lúc này. Thật phiền phức, Langdon chỉ tìm thấy chìa khóa, giấy tay, kính, khăn giấy và một số vật dụng khác. Không có lọ thuốc, không có ống tiêm, không có bình xịt, không có gì có vẻ hữu ích trong tình huống này. “Cô cần gì?!” anh hỏi, đến bên cô cùng với chiếc túi. Nhưng anh có thể thấy là đã quá muộn. Sasha giờ đã nằm nghiêng, rung lên dữ dội, mắt cô lơ đãng và đầu va vào sàn gạch. Quá muộn cho thuốc, Langdon nghĩ khi anh vội vàng quỳ xuống sàn, đỡ đầu cô bằng lòng bàn tay và giữ cho nó tránh xa sàn gạch cứng. Là một giáo viên, Langdon đã được đào tạo cách giúp đỡ trong trường hợp một học sinh mắc cơn co giật. Đầu tiên, không làm hại. Anh biết rằng không nên lật một người sang bụng, như những nhân viên cấp cứu trên truyền hình thường làm để ngăn nạn nhân

“nuốt lưỡi của mình”— một câu chuyện kỳ quái mà thực sự là không thể. Cũng không được phép nhét một cái thắt lưng vào miệng nạn nhân, như một số người cho rằng là điều khôn ngoan. Đó là cách bạn làm ngạt thở một người— hoặc bị cắn đứt ngón tay. Chỉ có một loại bảo vệ miệng được FDA chấp thuận cho con co giạt được gọi là miếng bảo vệ miệng PATI, và Langdon không thấy cái nào trong túi xách của Sasha. Chỉ cần giúp cô ấy vượt qua con này. “Không sao đâu,” Langdon thì thầm. “Tôi đang ở đây.” Khi Langdon nâng niu đầu người phụ nữ trong lòng bàn tay, anh có thể thấy rằng mũi cô đã từng bị gãy và được nẹp kém, và cô có một vết sẹo đỏ dưới cằm, gần như chắc chắn là những vết thương từ những con co giạt trước. Anh thấy những dấu vết của những vết sẹo khác lộ ra từ dưới mái tóc vàng dày của cô, có lẽ từ những tai nạn tương tự trước đây. Langdon cảm thấy một cảm giác thương cảm dâng lên cho cô. Các con co giạt động kinh gây ra tác hại khủng khiếp cho cơ thể con người. Về điều đó không có gì phải bàn cãi. Tuy nhiên, một cách nghịch lý, tác động lên trạng thái tinh thần lại được ghi chép trong suốt lịch sử là rất khác. Thực tế là ngược lại. Katherine đã đề cập đến bệnh động kinh trong bài nói chuyện tối qua của mình như một trong những trạng thái “biến đổi” tự nhiên của tâm trí con người. Rõ ràng, khi được xem trong một máy MRI, các con co giạt hiển thị một chữ ký điện ảnh rất giống với một số chất gây ảo giác, trải nghiệm cận tử, và thậm chí là sự cực khoái. Đáng chú ý, một số bộ óc sáng tạo vĩ đại nhất của nhân loại đã từng mắc chứng động kinh— Vincent van Gogh, Agatha Christie,

Socrates và Fyodor Dostoyevsky. Nhà tiểu thuyết Nga đã từng tuyên bố rằng những cơn động kinh của ông là “một hạnh phúc và hòa hợp không thể tưởng tượng nổi trong trạng thái bình thường.” Những người khác mô tả các cơn động kinh của họ như “mở ra một cánh cổng tới thần thánh”... “giải phóng trí óc một cách hạnh phúc khỏi những giới hạn của cái vô vật lý của nó”... và “cung cấp những bùng nổ sáng tạo sâu sắc từ thế giới khác.” Bệnh động kinh xuất hiện với tần suất đáng kể trong nghệ thuật Kitô giáo, điều này không gây ngạc nhiên khi có nhiều tài liệu kinh thánh mô tả các trải nghiệm huyền bí—những tầm nhìn, sự cực lạc, các cuộc gặp gỡ thần thánh, những sự tiết lộ siêu việt—tất cả dường như mô tả, với sự cụ thể và chính xác kỳ lạ, trải nghiệm của một cơn động kinh, bao gồm cả Ê-xê-ki-ên, Thánh Phao-lô, Jeanne d’Arc và Thánh Birgitta. Bức tranh nổi tiếng của Raphael Sanzio, *The Transfiguration*, đã khắc họa một cậu bé động kinh đang trong cơn co giật, mà ông và những người khác thường sử dụng như một phép ẩn dụ hình ảnh cho sự lên trời của Chúa Kitô. Trong tay Langdon, Sasha cuối cùng cũng ngừng run rẩy. Nhịp thở của cô chậm lại theo nhịp bình thường. Toàn bộ sự kiện chỉ kéo dài khoảng một phút, và giờ đây cô hoàn toàn mềm nhũn, có khả năng là đã ngất xỉu. Langdon biết chỉ cần kiên nhẫn... và cho cô thời gian để trở lại. Khi anh chăm chú nhìn cô gái Nga đang bất tỉnh, anh cảm thấy bối rối trước sự lạc hướng đáng lo ngại mà buổi sáng của mình đã chịu. Chỉ vài giờ trước, Langdon đã lặn lẽ bơi lội. Giờ đây, anh đang ngồi trên sàn của một phòng thí nghiệm tư nhân với hai người phụ nữ mà anh chưa từng gặp trước ngày hôm qua—một người bất tỉnh trong tay anh, người còn lại đã chết trong một pod EPR. Và điều đáng lo ngại nhất... không có dấu hiệu nào của Katherine. Trung úy Pavel đứng lo lắng ở lối vào bị hư hại của thành trì, quét mắt nhìn sân trong tìm kiếm bất kỳ dấu hiệu nào của thuyền trưởng ÚZSI của mình. Anh đã thấy Janáček chỉ vài phút trước ở rìa của sườn đồi khi đang gọi điện thoại. Bây giờ anh ta đã biến mất. Pavel đã gọi cho anh ta hai lần. Không có phản hồi. Janáček cũng biến mất?! May mắn thay, bí ẩn về sự biến mất của Langdon giờ đây đã được giải quyết. Vài phút trước, Pavel đã tìm thấy một thang máy ẩn sau một bức tường trượt trong khu vực chờ. Thang máy yêu cầu một mã ủy quyền, nhưng điều đó dễ dàng được khắc phục; ai đó ở dưới lầu chắc chắn đã theo dõi Langdon qua camera an ninh và lên thang máy để đưa anh ra ngoài. Sự biến mất của Langdon xác nhận rằng Solomon và Gessner thực sự ở dưới lầu và đã không tuân theo một lệnh trực tiếp từ thuyền trưởng ÚZSI Janáček. Pavel không biết liệu những người Mỹ có ý thức được mức độ nghiêm trọng của rắc rối mà họ sắp gặp phải hay không. Pavel đang kiểm tra không gian ẩn khi anh nghe thấy một tiếng va chạm lớn trong hành lang. Ngay lập tức, anh biết đó là khung cửa bị phá hủy mà thuyền trưởng một cách thông minh đã dựa vào lối vào cầu thang của phòng thí nghiệm như một rào động thô sơ. Solomon, Langdon và Gessner đang thoát khỏi phòng thí nghiệm! Pavel đã rút vũ khí của mình và lao ra khỏi không gian ẩn, vòng qua góc vào hành lang. “Stůj!” anh hét lên khi đi. “Dừng lại!” Nhưng không có ai ở đó. Cánh cửa bị vỡ thực sự đã đổ xuống sàn, cho thấy cánh cửa đã được mở, và kỳ lạ thay, hành lang hoàn toàn không có ai. Pavel lao tới lối vào và nhìn ra ngoài. Khu vực rộng mở hoàn toàn vắng vẻ. Không có ai có thể chạy nhanh như vậy. Đứng trong tuyết, Pavel quay lại nhìn cánh cửa phòng thí nghiệm, nhận ra rằng có lẽ âm thanh mà anh

nghe thấy không phải là ai đó rời khỏi phòng thí nghiệm... mà là một người nào đó đang vào. Ai đó rõ ràng đã có quyền truy cập sinh trắc học. Một nhân viên phòng thí nghiệm? Pavel cảm thấy mồ hôi lạnh toát ra trên trán khi nghĩ về cách mà Janáček sẽ phản ứng với tin tức này. Không chỉ Pavel đã đánh mất Robert Langdon... anh đã để ai đó khác vào phòng thí nghiệm. Một bước đi ngu ngốc, Pavel. Anh đã bảo tôi ở lại đây và bảo vệ cánh cửa phòng thí nghiệm đó. Cảm thấy lạnh vì gió, Pavel bước lùi vào lối vào, đi tới đi lui để giữ ấm, đôi mắt quân đội của anh giăng lên những mảnh kính vụn. Anh chuẩn bị với tay lấy điện thoại thì phát hiện ra một cái gì đó trên bảng điều khiển sinh trắc học bên cạnh cánh cửa phòng thí nghiệm. Thật kỳ lạ, anh nghĩ, nhìn vào đèn báo nhỏ màu xanh. Đèn trên bảng điều khiển đã đỏ vào sáng nay khi họ đến và thấy cánh cửa khóa. Anh chắc chắn về điều đó. Giờ đây nó đã chuyển sang màu xanh. Và đang nhấp nháy. Bối rối, Pavel đi đến cánh cửa phòng thí nghiệm, nắm lấy tay nắm cửa và kéo. Thật ngạc nhiên, cánh cửa mở ra dễ dàng, lộ ra một cầu thang phía bên trong. Có vẻ như cánh cửa đã không khóa đúng cách sau khi người cuối cùng bước vào. Nhìn xuống, Pavel giờ thấy lý do—một mảnh kính an toàn lớn đã kẹt vào khung cửa. Tôi cần phải báo cho thuyền trưởng ngay lập tức—chúng ta có quyền truy cập! Nhưng khi Pavel nhìn xuống cầu thang trống rỗng, một ý tưởng thay thế đã đập vào đầu anh. Nó mang tính quyết liệt và có thể hơi mạo hiểm, nhưng ý tưởng đó làm anh phấn khích, đặc biệt là khi biết rằng anh đã làm thất vọng thuyền trưởng của mình gần đây trong nhiều dịp. Pavel hình dung cánh dưới đây. Một vài học giả không vũ trang... Anh tưởng tượng niềm vui của Janáček khi trở về và phát hiện ra những kẻ đào tẩu được sắp xếp gọn gàng trên

sofa với súng trên tay. Pavel đưa tay quẹt qua khẩu súng CZ 75 D trong bao, cảm giác về tay cầm có kết cấu của nó giống như cái chạm vào an ủi của một người bạn cũ. Tôi có đào tạo chuyên sâu cho nhiệm vụ cụ thể này. Robert Langdon đã thể hiện bản thân là người nhút nhát với súng, và không nghi ngờ gì những người khác cũng sẽ như vậy. Theo kinh nghiệm của Pavel, những thường dân đối mặt với một viên sĩ quan ÚZSI có vũ khí luôn làm cùng một điều... chính xác những gì viên sĩ quan yêu cầu. Ở đâu đó xa dưới đường biên, nhìn vào bầu trời, Đại úy Janáček đang mờ dần trong và ra khỏi ý thức. Ông không biết đã trôi qua bao lâu kể từ khi cơ thể ông trở thành một vật thể bay, rơi xuống với tốc độ đáng sợ, trước khi va chạm với những viên đá ở dưới đáy hẻm núi một cách đau đớn. Tự sát sẽ thật thi vị khi xem xét tin tức mà ông vừa nhận từ đại sứ. Nhưng Janáček không tự kết liễu đời mình. Tôi đã bị đẩy. Nằm trên những viên đá, vỡ vụn và chảy máu, Janáček vẫn có thể cảm nhận hai chỗ trên lưng nơi những bàn tay mạnh mẽ đã đẩy ông mạnh mẽ và khiến ông ngã nhào qua bức tường đá thấp. Đại úy không biết ai đã lên lút với ông, nhưng thật kỳ lạ, điều đó dường như hoàn toàn không quan trọng với ông vào lúc này. Đây là sự kết thúc... Tôi đang chết. Tuy nhiên, bất ngờ thay, sự chuyển tiếp lại cảm thấy khá tự nhiên và bình tĩnh. Rất ít sự khó chịu về thể xác. Tất cả những mối lo ngại khủng khiếp đã chiếm giữ tâm trí ông chỉ vài phút trước dường như đang tan biến... bao gồm cả cuộc gọi tàn khốc với đại sứ Mỹ. Ông vẫn có thể nghe thấy sáu từ mà bà đã nói với ông. Chúng tôi biết không có bom. Khẳng định của Janáček rằng ÚZSI đã tìm thấy một quả bom nhỏ thực sự là một lời nói dối... một sự thổi phồng để giúp ông kiểm soát hoàn toàn tình hình. Tôi đã làm những gì tôi được yêu cầu làm. Cuộc gọi kỳ lạ đã đến vào sáng sớm hôm nay từ London, đánh thức Janáček khỏi giấc ngủ say. Người đàn ông Mỹ ở đầu dây phông vẫn xin lỗi vì giờ giấc và bảo đại úy kiểm tra tin nhắn văn bản của mình. Janáček đã làm vậy và ông tìm thấy một bộ hồ sơ trăm trang xác nhận rằng người đàn ông này hoạt động trong những tầng lớp quyền lực cao nhất. “Tôi có một tình huống,” người đàn ông nói. “Và tôi cần sự giúp đỡ của anh.” Janáček dụi mắt, cố gắng tập trung. “Vâng?” “Có hai người Mỹ nổi bật đang ở Prague ngay bây giờ. Tôi cần họ bị bắt.” “Ông biết tôi không thể đơn giản bắt giữ người nước ngoài mà không—” “Tất cả thông tin tình báo mà ông cần sẽ được cung cấp. Hãy lắng nghe cẩn thận.” Khi Janáček lắng nghe những gì hai người Mỹ đang lập kế hoạch, ông cảm thấy một cơn phẫn nộ quen thuộc. Một trò quảng cáo? Một mối đe dọa bom ở Four Seasons? Thật kinh khủng! Ông đã mệt mỏi vì người nước ngoài đối xử với đất nước của ông như một sân chơi không có luật lệ. “Tôi phải cảnh báo ông,” Janáček đã nói, “một tội duy nhất mà tôi có thể sử dụng ở đây là ‘gây rối trật tự công cộng.’ Nếu những người Mỹ này giàu có hoặc nổi tiếng, đại sứ quán Mỹ sẽ ngay lập tức can thiệp.” “Quên đại sứ quán đi,” người đàn ông cam đoan. “Tôi sẽ lo liệu với đại sứ. Tất cả những gì ông cần làm là làm nổi bật mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của họ. Tôi sẽ chỉ cho ông cách.” Ý tưởng của người đàn ông là một ý tưởng khéo léo—đơn giản, sạch sẽ—một sự thổi phồng nhỏ sẽ cho phép Janáček thực hiện một cuộc bắt giữ không thể chối cãi và cuối

cùng cho đại sứ thấy rằng “việc là người Mỹ” không nâng ai lên trên luật pháp Czech. Một lời nói dối trắng phực vụ cho công lý là một lời nói dối cao quý, Janáček tin như vậy. Ông không quan tâm đến phần thưởng hấp dẫn mà người đàn ông đã hứa khi giúp đỡ. Việc qua mặt đại sứ quán sẽ là phần thưởng đủ, ông nghĩ, vẫn còn đáng cay với những cuộc tranh cãi trong quá khứ. Và vì vậy, chính xác như người gọi đã gợi ý, Janáček đã vượt qua ranh giới và làm gia tăng sự thật... chỉ hơi một chút. Không có bom—chỉ là một mối đe dọa bom—nhưng sự điều chỉnh đơn giản đã nâng mức độ nghiêm trọng của cáo buộc lên một cấp độ nghiêm trọng hơn nhiều. Giờ đây, nằm gầy gục trong hẻm núi, Janáček thấy khoảnh khắc vinh quang của mình biến mất như một ảo ảnh. Bị đại sứ làm cho xấu hổ, người đã dự kiến liên lạc với cấp trên của Janáček, ông đã hủy bỏ cuộc họp báo và gọi ngừng đội phá dỡ. Sự háo hức của ông để thực hiện một cuộc bắt giữ có tầm vóc lớn đã biến ông thành một mục tiêu dễ dàng... một quân cờ sẵn sàng. Có lẽ người gọi người Mỹ đã lợi dụng tôi cho mục đích riêng của anh ta? Hồ sơ của người đàn ông đã được xác minh, cũng như số điện thoại mà anh ta gọi. Không có gì trong số đó còn quan trọng nữa. Nằm trên những viên đá, Janáček cảm thấy máu ấm chảy tự do từ phía sau đầu mình. Ông nhận thức được sự sống đang thoát ra khỏi ông. Theo một cách kỳ lạ, cái chết dường như là một lựa chọn tốt đẹp hơn việc phải cúi rạp trước đại sứ quán Mỹ, đặc biệt là Michael Harris tự mãn. Đây là một phước lành, Janáček quyết định, ngạc nhiên bởi sự thiếu vắng hoàn toàn sự hoảng loạn của mình. Kỳ lạ, đại úy giờ cảm thấy như thể mình đang di chuyển xa hơn... khỏi chính mình. Ông đã tách biệt một cách dễ chịu khỏi hình dạng thể xác gầy gục của mình, không đau đớn hay chấn thương, như thể ông

đang trôi dạt và rời bỏ những rắc rối của thế giới phía sau. Không có nỗi sợ hãi... chỉ có sự thanh thản dâng trào. Điều này chẳng giống bất cứ điều gì mà anh từng trải qua trong cuộc sống.

CHƯƠNG 31

Dana Daněk đang ngày càng sốt ruột vì sự thiếu kết quả từ cơ sở dữ liệu nhận diện khuôn mặt để xác định người phụ nữ trên cầu Charles. Quá trình dường như mất nhiều thời gian hơn bình thường. Trong khi chờ đợi, cô đã quay lại với đoạn video giám sát từ trên cao. Cô đang theo dõi người phụ nữ với chiếc vương miện đứng bất động ở đầu cầu phía đông... như thể đang chờ đợi điều gì đó. Đột nhiên, vào lúc 6:52 sáng, người phụ nữ nhận được một cuộc gọi. Cô đáp lại ngay lập tức, nói chỉ trong vài giây trước khi bỏ điện thoại vào túi. Sau đó, đến sự ngạc nhiên của Dana, người phụ nữ rút ra một chai nhỏ từ túi và rưới chất lỏng bên trong lên vai và cánh tay của chiếc áo khoác đen. Nước hoa? Nước thánh? Cô để chai vào túi, điều chỉnh lại vương miện có gai, rồi đưa tay vào lớp lót của áo khoác và kéo ra một cây gậy kim loại nào đó. Nó trông như một cây giáo bằng bạc nhỏ. Chẳng lẽ cô ấy mang theo vũ khí? Sau đó, cô bắt đầu đi chậm chậm, gần như như một cái xác không hồn, băng qua cây cầu vắng vẻ. Khi đến gần điểm giữa, một người đàn ông cao với mái tóc tối màu xuất hiện trong khung hình, bước đi về phía đông, tiến gần đến cô. Anh ta mặc đồ thể thao và giày chạy. Khi anh ta đến gần, anh dừng lại đột ngột và quay lại, như thể đang nói chuyện với cô. Người phụ nữ hoặc là phớt lờ anh ta, hoặc không nghe thấy. Cô chỉ tiếp tục đi chuyên. Người đàn ông có vẻ như bị tê liệt trong một khoảnh khắc. Anh lại gọi với cô mà không nhận được phản hồi, và sau đó bất ngờ quay lại và lao đi theo hướng mà anh đã chạy trước đó... cho đến khi anh ra khỏi khung hình của camera. Vừa xảy ra chuyện gì vậy? Dana đã tua lại đoạn video và xem lại toàn bộ chuỗi sự kiện. Cô tò mò muốn biết người đàn ông đang chạy đi đâu, nhưng hiện tại cô đang chú ý đến người phụ nữ kỳ lạ như một bóng ma. Dana đã kích hoạt chế độ “theo dõi tự động” của phần mềm, sử dụng nhận diện khuôn mặt, trí tuệ nhân tạo, và các thuật toán chiếu để giữ cho một đối tượng trong tầm kiểm soát. Khi video tiếp tục, chương trình đã chuyển từ camera này sang camera khác, theo dõi người phụ nữ với chiếc vương miện có gai băng qua cầu. Cô vừa đi qua bức tượng St. Augustine thì đột ngột dừng lại. Sau khi nhìn quanh như để xác nhận rằng cô đang một mình, cô tháo vương miện và bình thân ném nó xuống cầu vào dòng nước bên dưới. Cây giáo cũng theo sau. Sau đó, cô rút một chiếc mũ len trắng từ túi và đội lên đầu, cuốn tóc đen của mình vào trong đó. Cuối cùng, cô tháo chiếc áo khoác đen, lộ ra một chiếc áo len đỏ nặng bên dưới. Cô gấp lại chiếc áo khoác và đặt nó như một món quà ở chân bức tượng St. Augustine, một địa điểm thường thấy để bỏ quên cho những người vô gia cư hoặc những người cần giúp đỡ. Giờ đã được biến hình, người phụ nữ rẽ trái đột ngột, biến mất xuống một chiếc cầu thang hẹp bám vào bức tường ngoài của cây cầu và nổi lên bờ tây của con sông. Ai cũng biết cô này là một kẻ tàng hình, rõ ràng là không muốn bị theo dõi. Dana tua nhanh qua đoạn video lưu trữ, theo dõi người phụ nữ với tốc độ cao qua quảng trường lát đá bên ngoài Cung điện Liechtenstein...

vượt qua Bảo tàng Kampa với tác phẩm nghệ thuật ngoài trời kỳ quái gồm ba em bé bằng đồng lớn có hộp mã vạch làm mặt... và cuối cùng sâu vào Công viên Kampa, nơi cô đi lang thang một lúc trước khi mua cà phê tại một quầy hàng. Khi ngồi trên một băng ghế và nhâm nhi ly cà phê nóng, cô nhận được một cuộc gọi. Khi cuộc gọi kết thúc, cô vội vã trở lại cầu Charles, nơi bây giờ đã đông người đi làm. Người phụ nữ vội quay lại con đường mà cô đã đi đến, ra khỏi cầu và rẽ trái trên đường Křižovnická. Khi cô bước đi trên vỉa hè, đoạn phát lại đột ngột chậm lại và bắt đầu nhấp nháy “TRỰC TIẾP.” Tốc độ đi bộ của cô chuyển sang nhịp độ bình thường. Thời gian thực. Điều này đang diễn ra ngay bây giờ... Dana không được phép sử dụng hệ thống giám sát tinh vi này theo cách này, nhưng cô không thể rời mắt khỏi hình dáng này. Cô theo dõi khi người phụ nữ đi xuống vỉa hè và rẽ trái qua một sân đậu xe thanh lịch về phía lối vào chính của một trong những khách sạn sang trọng nhất tại Prague. Cô ấy đang tới Four Seasons? Khi người phụ nữ biến mất qua cửa xoay của khách sạn, điều gì đó bất ngờ thu hút ánh mắt của Dana—một chiếc Audi A7 đậu ở những chỗ dành riêng trước khách sạn. Dana sẽ không nghĩ gì hơn về nó, ngoại trừ việc chữ đỏ đặc biệt trên biển số của sedan cho thấy đây là một phương tiện ngoại giao. Đó có phải là một trong những xe đại sứ quán của chúng ta không? Một chút sau, Dana đã có câu trả lời khi hình bóng thanh lịch của Michael Harris bước ra khỏi chiếc sedan và sải bước nhanh vào khách sạn. Dana nhìn chăm chăm trong sốc và dạ dày cô.

quay lại. Đây là thằng khốn, Michael. Tôi biết mà! Giám đốc khách sạn Four Seasons vẫn còn sáng bóng từ cuộc gọi cá nhân gần đây của đại sứ Hoa Kỳ. Sau khi bà cảm ơn ông vì sự kín đáo của ông sáng nay liên quan đến tình huống không may với ông Langdon, đại sứ đã nhờ ông một ân huệ. Một ân huệ vừa mới bước vào, giám đốc nghĩ, khi nhìn thấy người đàn ông ăn mặc chỉnh tề giờ đang tiến về quầy lễ tân. “Ông Harris,” giám đốc nói, chìa tay ra. “Đại sứ vừa gọi.” “Cảm ơn ông,” người đàn ông đáp, cái bắt tay của anh ta chặt như kẹp. “Tôi đã thấy ông trước đó với ông Langdon,” giám đốc nói. “Và... ÚZSI.” Ông nhú mày. “Tôi hy vọng mọi thứ đang được sắp xếp lại?” “Chắc chắn rồi. Đó là một sự hiểu lầm không may, và chúng tôi đang xử lý nó. Tôi ở đây bây giờ, như ông có lẽ đã biết, vì ông Langdon đã yêu cầu đại sứ quán thu xếp một vài thứ từ phòng của ông ấy trong khi chúng tôi sắp xếp chuyện này. Có một số thuốc, mà tôi nghĩ là quan trọng—” “Tất nhiên, tôi đã chuẩn bị sẵn chìa khóa phòng cho ông, thưa ông. Tôi chỉ cần thấy một chút giấy tờ tùy thân? Tôi xin lỗi về sự hình thức này, nhưng điều này có chút khác thường, và chính sách của khách sạn—” “Không vấn đề gì hết,” người đàn ông nói, đưa thẻ ID của mình cho đại sứ quán. “Tôi cảm ơn sự chu đáo của ông. Đại sứ quán đã học được rằng chỉ mong đợi những điều tốt nhất từ Four Seasons.” Nở nụ cười, giám đốc trả lại thẻ ID. “Rất tốt của ông. Tôi tin rằng ông còn nhớ cách đến Phòng Hoàng gia? Và khi xong việc, ông có thể chỉ cần để chìa khóa phòng lại trong phòng và kéo cửa lại sau lưng mình.” Người đàn ông từ đại sứ quán cảm ơn ông và đi lên lầu. Giám đốc quay lại công việc của mình, quá bận rộn để nhận thấy người phụ nữ xinh đẹp trong chiếc áo len đỏ theo sau người đàn ông lên lầu. W CHUỖNG 32 đâu rồi? Sasha tự hỏi. Cô cảm thấy một sự tê dại quen thuộc dâng lên khắp cơ thể, nhẹ nhàng và dễ chịu, giống như có những bọt champagne trong huyết quản của cô. Khi cô tỉnh lại sau một cơn co giật động kinh, Sasha thường cảm thấy như não mình đang khởi động lại, bắt đầu từ đầu, tái phần mềm dần dần. Theo bản năng, cô bắt đầu nghi thức thường lệ sau cơn co giật của mình. “Tập trung sau cơn kích thích,” như tiến sĩ Gessner gọi chiến lược này, là một cách để kết nối lại với thực tế hiện tại bằng cách buộc tâm trí gọi lại ký ức gần nhất mà nó có thể nhớ. Sáng nay tôi đã làm trà, Sasha nhớ lại, hình dung ra mùi hạt dổi, ánh sáng buổi sáng lọt qua các cửa sổ bếp của cô, và tiếng kêu nhẹ nhàng của hai con mèo Xiêm của cô khi chúng cọ vào bắp chân cô, khao khát bữa sáng. Từ từ, khi não bộ của cô bắt đầu hoạt động trở lại, cô cố gắng nhớ xem mình đã làm gì sau khi cho mèo ăn, nhưng những ký ức đó mờ nhạt, không chịu nổi. Suy giảm trí nhớ giữa các cơn, như nó được biết đến, là rất phổ biến ở những người bị động kinh và xuất hiện dưới dạng những khoảng thời gian mất trí nhớ, đôi khi kéo dài nhiều giờ, như thể não bộ đã quên ghi lại những gì đang diễn ra. Đối với một số người bị động kinh, việc suy giảm trí nhớ thậm chí còn tồi tệ hơn các cơn co giật, nhưng Sasha đã chọn đơn giản chấp nhận điều đó. Thỉnh thoảng cô tự hỏi liệu nó có thể là một điều phước lành. Có những phần trong quá khứ tôi không muốn nhớ lại. Khi Sasha lớn lên ở Nga, những đứa trẻ khác ở trường đã chế nhạo những cơn co giật của cô, gán cho cô một biệt danh tởm lợm—вибратор—có nghĩa là “máy rung.” Bố mẹ cô đã đưa cô đến bác sĩ chuyên khoa, nhưng câu trả lời luôn giống nhau. “Không có cách chữa. Sasha sẽ sống với những cơn co giật... nhưng không phải vì chúng.” Nhưng tôi muốn chết, Sasha

thường nghĩ. Những khoảnh khắc bình yên cô cảm nhận được ngay sau những cơn co giật, mặc dù kỳ diệu theo một cách nào đó, vẫn không thể vượt qua được nỗi đau tinh thần và những chấn thương thể chất mà các cơn này mang lại cho cuộc sống của cô. Các bác sĩ cuối cùng đã chẩn đoán cho Sasha mắc chứng ngất và bệnh tâm thần cấp tính và đề nghị cô nên được gửi vào viện. Điều tốt nhất mà bố mẹ cô có thể làm là đưa cô vào một psikhushka—một cơ sở tâm thần của chính phủ xuống cấp nằm giữa chốn không người gần biên giới phía Tây của Nga. Vào ngày sinh nhật thứ mười của cô, bố mẹ cô đã để cô lại đó và không bao giờ đến thăm nữa. Sasha đã khóc trong nhiều tuần trong căn phòng nhỏ bé của mình. Những cơn co giật của cô xảy ra vài lần mỗi ngày, và các nhân viên sẽ cưỡng bức giữ cô mà không chút thương xót. Những bữa ăn họ cung cấp đều ít ỏi, nhưng những loại thuốc họ cung cấp thì nhiều vô kể. Đến khi cô ở tuổi thiếu niên, Sasha sống một cuộc đời bị gây mê nặng nề và cô đơn. Trong hơn một thập kỷ, cô sống như vậy, bị lãng quên và cô đơn. Cách duy nhất cô có thể thoát khỏi thực tại là những bộ phim Mỹ không ngừng phát tại phòng sinh hoạt bên kia hành lang. Những bộ phim hài tình cảm là sở thích của cô, và Sasha thường mơ về việc yêu đương ở New York City. Một ngày nào đó tôi sẽ thấy nước Mỹ, cô tự hứa, đôi khi cảm nhận rằng ước mơ đến nước Mỹ chính là điều duy nhất giữ cho cô tiếp tục sống. Và rồi ngay cả ước mơ đó cũng bị tan vỡ.

Sasha được giao một nhân viên chăm sóc ban đêm mới—một y tá vô cảm tên Malvina—người tự mãn trong những giờ tắm tối bằng cách giữ lại thuốc chống co giật của Sasha và sau đó quan sát các cơn co giật của cô như một trò xiếc trước khi đánh đập cô. Trong suốt nhiều tuần, Malvina đã lạm dụng Sasha cả về thể xác, tinh thần và có thể theo những cách khác mà tâm trí Sasha chặn lại. Một buổi sáng, sau khi vừa mới sống sót sau một trong những cuộc tấn công tàn bạo và chấn thương hơn của Malvina, Sasha đang khóc trên giường thì ba nhân viên bước vào và kéo cô xuống hành lang đến phòng chung. “Priznavaysya!” họ hô lớn về phía cô. Thù tội! Dưới chân Sasha, trên sàn phòng chung, nằm la liệt xác Malvina, đầu cô ta xoay gần như hoàn toàn ra phía sau. “Không phải tôi,” Sasha khẳng định, nhưng các nhân viên đã xác định rằng cô có tội. Không muốn mất tiền tài trợ từ chính phủ, họ báo cáo cái chết của Malvina là một tai nạn đáng tiếc trên một sàn nhà trơn và nhốt Sasha vào giam cầm đơn độc như một hình phạt. Một mình trong bóng tối, Sasha thường thắc mắc ai có thể đã giết y tá. Ở đây có những bệnh nhân khác cũng mắc chứng co giật, và có thể Malvina đã chế nhạo người sai. Hoặc có thể, Sasha tưởng tượng, ai đó đã giết Malvina để bảo vệ tôi. Ý nghĩ đó khiến cô cảm thấy bớt cô đơn theo một cách nào đó. Sau hai tuần trong tình trạng biệt giam, Sasha bị kéo ra, cho vào một chiếc áo khoác cấp cứu, và được thông báo rằng cô có một vị khách. Sasha chưa bao giờ có khách, thậm chí cả cha mẹ cô. Họ đã bỏ tôi ở đây để chết. Người trong khu vực chờ đợi là một người lạ—một người phụ nữ nhỏ nhắn với mái tóc đen tuyền, mặc đồ đắt tiền, và một gương mặt nghiêm khắc. Bà có vẻ quyền lực. Người phụ nữ ngay lập tức khiển trách các y tá, yêu cầu họ tháo bỏ chiếc áo khoác cấp cứu của Sasha, mà, trước sự ngạc nhiên của bà, họ đã làm theo. “Zvířata,” bà thì thầm, xua họ đi. Động vật. Sasha nheo mắt, vì đã không nhìn thấy ánh sáng ban ngày trong nhiều tuần. “Кто ты?” cô hỏi bằng tiếng Nga. Bạn là ai? “Bạn có thể nói tiếng Séc không?” người phụ nữ hỏi. Sasha lắc đầu. “Có tiếng Anh không?” “Một chút,” Sasha nói. “Tôi xem truyền hình Mỹ.” “Tôi cũng vậy,” người phụ nữ thì thầm, gần như bí mật. “Có phải không tuyệt vời sao?” Sasha chỉ chăm chú nhìn. “Tôi tên là Dr. Brigita Gessner,” người phụ nữ nói. “Tôi ở đây để giúp bạn. Tôi là một bác sĩ phẫu thuật thần kinh từ Châu Âu.” “Các bác sĩ không thể giúp tôi,” Sasha nói nhanh chóng. “Tôi xin lỗi vì điều đó. Chỉ vì họ không hiểu tình trạng của bạn.” “Tôi bị điên và bị co giật.” Người phụ nữ lắc đầu một cách nhấn mạnh. “Không, Sasha, bạn hoàn toàn tỉnh táo. Bạn có một tình trạng được gọi là TLE—epilepsy thùy thời gian—đó là nguyên nhân gây ra các cơn co giật của bạn. Nó hoàn toàn có thể chữa được. Tôi có một cơ sở ở Prague, và tôi muốn đưa bạn đến đó.” “Để chữa cho tôi?” cô nói, hoài nghi. “Bạn không bị hư hỏng, bạn yêu quý. Não của bạn chỉ có những cơn bão điện nhỏ thỉnh thoảng. Nhưng tôi có thể giúp bạn kiểm soát những điều đó. Tôi đã điều trị nhiều bệnh nhân TLE giống như bạn, với kết quả tuyệt vời—bao gồm một chàng trai trẻ tên Dmitri từ chính cơ sở này.” Dmitri? Sasha quen thuộc với người đàn ông cao ráo, hấp dẫn đó, nhưng cô đã không thấy anh trong một thời gian. Tôi tự hỏi anh ấy đi đâu! “Bạn đã chữa khỏi Dmitri?” “Đúng vậy. Và anh ấy đã trở về nhà ở Nga.” Sasha rất muốn tin những gì Dr. Gessner nói, nhưng tất cả có vẻ quá tốt để trở thành sự thật. “Tôi không... có tiền.” “Việc điều trị là miễn phí, Sasha,” người phụ nữ nói. “Và khá đơn giản.” Bác sĩ nhanh chóng giải thích một quy trình liên quan đến việc cấy một con chip nhỏ vào hộp sọ của Sasha. Nếu Sasha

cảm thấy một cơn co giật sắp xảy ra, cô có thể kích hoạt cơn chip bằng cách xoa một cây gậy từ trường nhỏ lên đầu, điều này khiến cơn chip phát điện để ngắt quãng cơn co giật...dừng lại cơn trước cả khi nó bắt đầu. “Có phải...thật sự có thể không?” Sasha nói, gần như rơi nước mắt. “Có! Nó được gọi là chip kích thích thần kinh phản hồi. Tôi là người phát minh ra nó.” “Nhưng tại sao...bà lại muốn giúp tôi?!” Dr. Gessner với tay qua bàn và nắm lấy tay cô. “Sasha, tôi đã rất may mắn trong cuộc sống. Sự thật là giúp bạn cũng có lợi cho tôi. Nó khiến tôi cảm thấy tốt khi giúp đỡ những người cần nó. Nếu tôi có thể cứu một mạng sống, tại sao tôi lại không làm điều đó?” Sasha muốn nhảy lên và ôm lấy người phụ nữ này, nhưng cô sợ phải tin tưởng bà. Trong cuộc đời của mình, cô hiếm khi nhận được món quà của lòng tốt. “Nhưng...nếu họ không cho tôi ra khỏi đây?!” “Ồi, họ sẽ phải làm vậy,” Gessner nói sắc nét. “Tôi đã trả cho họ một khoản tiền béo bở để thả bạn.” Bốn ngày sau, Sasha tỉnh dậy trong một giường bệnh ở Prague, mơ màng vì thuốc gây mê và thuốc giảm đau, nhưng vẫn còn sống. Khi Gessner nói với cô rằng quy trình đã thành công, cảm xúc của Sasha trời dậy mãnh liệt và, như thường xảy ra, kích hoạt sự khởi đầu của một cơn co giật sắp tới. Gessner bình tĩnh lấy cây gậy từ trường ra và xoa nó lên đỉnh đầu của Sasha. Một cách kỳ diệu, Sasha cảm thấy cơn co giật tan biến. Nó cảm thấy đối với cô

như một cái hắt hơi không bao giờ xảy ra. Cô không thể tin vào điều đó. Trong những ngày tiếp theo, Tiến sĩ Gessner theo dõi cô một cách chặt chẽ và tinh chỉnh thiết bị để đạt hiệu quả tối đa. Nó hoạt động hoàn hảo, và Sasha nhận ra cô có thể sẽ không còn cơn co giật nào nữa. Cô thậm chí tự hỏi liệu một ngày nào đó cô có nhớ sự thanh thản và hạnh phúc thoát tục đi kèm với cơn mơ màng sau cơn co giật không, nhưng điều đó dường như là một cái giá quá nhỏ phải trả cho sự sang trọng khi có thể hoạt động trong thế giới thực. Một buổi chiều, khi họ đang thực hiện các xét nghiệm chẩn đoán, Brigita Gessner nói một cách thoải mái, “Tôi không chắc bạn có kế hoạch tương lai gì, Sasha, nhưng tôi cần tuyển một thực tập sinh trong phòng thí nghiệm, và thật ra, bạn sẽ là ứng viên lý tưởng.” “Tôi á?” Sasha nghĩ rằng cô chắc hẳn phải đang đùa. “Tại sao không phải bạn? Bạn đã dành cả cuộc đời mình trong một cơ sở y tế.” “Như một bệnh nhân!” Sasha nói, cười. “Không phải là bác sĩ!” “Đúng,” Gessner nói, “nhưng bạn là một người phụ nữ thông minh. Tôi không yêu cầu bạn trở thành bác sĩ hay thực hiện phẫu thuật não. Tôi đang nói về công việc giấy tờ trong văn phòng, khử trùng thiết bị, những thứ như vậy. Điều tốt nhất là, nếu bạn làm việc tại phòng thí nghiệm của tôi, chúng ta có thể cải thiện tình trạng của bạn.” “Cải thiện? Tôi cảm thấy hoàn hảo!” “Thật sao? Không còn mất trí nhớ và những khoảng tối trong trí nhớ nữa?” “Ồi...” Sasha nói. “Vẫn còn những điều đó.” Cô và Gessner cùng cười, nhưng thực sự, Sasha đã quên. Trí nhớ của cô luôn có những khoảng trống, và cô đã quen với điều đó. “Suy giảm trí nhớ giữa các cơn co giật,” Gessner nói, “rất phổ biến ở tất cả bệnh nhân TLE của tôi. Tôi có vài ý tưởng về cách chúng ta có thể bắt đầu tiến bộ trong IMI... nếu bạn đồng ý để tôi kiểm tra não của bạn thỉnh thoảng.” “Tất nhiên, nhưng—” “Tôi có một căn hộ nhỏ trong thành phố mà tôi mua cho mẹ tôi, nhưng bà đã qua đời từ lâu, và tôi chưa bao giờ bán nó. Bạn có thể ở đó bao lâu tùy thích. Nó có đồ nội thất sẵn, nhưng nếu bạn không thích phong cách, chúng ta có thể—” “Tôi thích phong cách đó,” Sasha bùng nổ, gần như rơi nước mắt. Điều đó đã diễn ra hai năm trước, và Sasha chưa bao giờ rời khỏi đó. Cô giờ đã hai mươi tám tuổi, và mức lương khiêm tốn cùng với việc không mất tiền thuê nhà đủ để cô tự lo cho bản thân, đó là một giấc mơ trở thành hiện thực. Theo thời gian, cô đã tiến từ việc dọn dẹp và làm giấy tờ đến việc hỗ trợ Tiến sĩ Gessner trong nghiên cứu của bà và học cách vận hành thiết bị hình ảnh cơ bản. Brigita thường xuyên quét não Sasha để theo dõi tiến triển của liệu pháp điều trị ongoing của cô, bao gồm các chất dinh dưỡng IV và các bài tập luyện não trong ghế thực tế ảo. Đôi khi, như một phần thưởng, Gessner cho phép Sasha xem các trải nghiệm du lịch VR—tháp Eiffel, rạn san hô Great Barrier, và cuộc chạy trốn yêu thích của cô, Manhattan. Cô thích bay lơ lửng trên những tòa nhà chọc trời hay đi dạo qua Central Park. Một ngày nào đó, tôi hy vọng sẽ thấy nó ngoài đời thực... “Sasha?” Một giọng nói sâu vang lên trực tiếp trên đầu cô. “Bạn có ổn không?” Giọng nói nghe gần gũi, kéo cô trở lại hiện tại. “Sasha?” nó lặp lại. Cảm giác ấm áp của Sasha sau cơn co giật bắt đầu tan biến... và rồi, không báo trước, một cơn buồn tẻ tái ập đến với cô như một cơn sóng. Giờ đây, cô nhớ mọi thứ. Brigita đã chết. Người bạn thực sự duy nhất của tôi. Đôi mắt cô bùng mở, và cô thấy mình đang nhìn lên gương mặt đẹp trai nhưng tử tế của người đàn ông vẫn đang ôm đầu cô. Anh mỉm cười nhẹ nhàng với cô và thì thầm, “Chào mừng trở lại.”

CHƯƠNG 33

Nội thất của chiếc xe van ngày càng lạnh đi theo từng phút, và Jonas Faulkman đang run rẩy. Bàn tay của

anh vẫn bị trói ở phía sau lưng, và các ngón tay của anh đã hoàn toàn tê liệt. Những kẻ bắt cóc Faulkman đã xé cái áo khoác peacoat màu xám cổ điển của anh trước khi trói anh lại, lục soát các đường khâu và túi, rồi ném nó xuống sàn bên cạnh anh. Biên tập viên tự hỏi liệu điện thoại của mình còn trong túi áo không. Anh cảm thấy một nửa muốn hét lên, “Này, Siri! Gọi 911!” Người đàn ông mập mạp với tóc cắt ngắn đang ngồi trên thùng sữa của mình, chỉ cách vài feet, và đồng nghiệp của anh ta vẫn ngồi ở ghế trước, thỉnh thoảng gõ trên điện thoại của mình. Anh ta có vẻ đang có cuộc trò chuyện với ai đó. Một sĩ quan chỉ huy? Faulkman đã cố gắng ghép các mảnh lại với nhau, nhưng anh không thể hiểu được những kẻ này là ai hoặc họ đã dám bắt cóc anh khỏi đường phố như thế nào. Họ đã đánh cắp một bản thảo cụ thể... và phá hủy tất cả các bản sao của nhà xuất bản? Ngay cả khi cuốn sách của Katherine là một tác phẩm làm khuynh đảo, để hack một hệ thống công ty, phá hủy các bản in và bắt cóc người vì điều đó? Đây là việc xuất bản sách, chứ không phải là Die Hard! “Được rồi,” Buzzcut nói, nhìn lên từ iPad của mình. “Tôi có một số câu hỏi cho bạn, thưa ông Faulkman.” “Bạn có thể gọi tôi là Jonas,” anh ta nhanh nhẩu. “Bắt cóc giờ đây không còn quá trang trọng như trước nữa.” Buzzcut nhìn anh ta, rõ ràng không hề thấy thú vị với câu nói đùa. “Katherine Solomon có ở nước ngoài không?” “Có.” “Ở đâu?”

“Ở nước ngoài?” “Bạn biết nơi nào rồi. Bạn chỉ đang hiệu chỉnh máy phát hiện nói dối nhỏ bé của mình bằng cách hỏi tôi những câu hỏi mà bạn đã biết câu trả lời.” “Nơi nào?” Buzzcut lặp lại. Biên tập viên không muốn bị đánh lừa lần nữa. “Cô ấy ở Prague.” “Rất tốt.” Anh ta nhìn lại chiếc iPad của mình. “Trước bảy giờ sáng theo giờ địa phương, Dr. Solomon đã rời khỏi phòng khách sạn ở Prague và vào Trung tâm Kinh doanh Four Seasons.” Faulkman ngạc nhiên, cảm thấy một chút hoảng loạn. “Chờ đã... bạn đã theo dõi cô ấy?” “Nói chung là chúng tôi đang để ý.” “Các người là ai vậy?!” “Trong khi ở trung tâm kinh doanh,” Buzzcut tiếp tục mà không trả lời, “Dr. Solomon đã sử dụng máy tính của khách sạn để đăng nhập vào máy chủ PRH. Cô ấy đã truy cập phiên bản mới nhất của bản thảo.” Thế thì sao? Các tác giả thường có cảm giác nơm nớp vào phút cuối khi biên tập viên sắp bắt đầu đọc. Katherine có thể đang nghi ngờ điều gì đó và quyết định đọc lại. “Tại sao cô ấy không sử dụng máy tính xách tay của mình ở nơi riêng tư trong phòng?” Buzzcut hỏi. “Bởi vì Dr. Solomon không có máy tính xách tay. Cô ấy thích một màn hình lớn, bàn phím và chuột.” Và nếu bạn thực sự đang theo dõi cô ấy, bạn sẽ biết điều đó. Người đàn ông trên máy tính xách tay gật đầu. “Đúng.” Buzzcut nhìn lại chiếc iPad của mình. “Thông tin của chúng tôi cho thấy sáng nay, Dr. Solomon đã in một bản sao hoàn chỉnh của bản thảo — tất cả bốn trăm tám mươi một trang — và rời khách sạn với nó.” Trong chốc lát, Faulkman cảm thấy choáng váng khi những kẻ đe dọa này biết chính xác số trang, cho đến khi anh nhớ ra họ vừa ăn cắp bản sao biên tập của anh. Dễ dàng dọa. “Dr. Solomon không in bản sao nào cả, và bạn biết điều đó.” Người đàn ông cơ bắp ngồi trên thùng sữa đã nhìn chằm chằm vào anh một lúc lâu rồi uốn lưng để căng cơ, vô tình lộ ra một vũ khí lớn bất ngờ trong bao đeo vai. Faulkman chưa thấy một động tác nào hiển nhiên như vậy kể từ lớp tư, khi anh cố gắng choàng tay quanh Laura Schwartz ở rạp chiếu phim IOKA. Tuy nhiên, anh đã nhận được thông điệp. “Bạn chắc chắn muốn chơi trò chơi với tôi chứ?” Buzzcut hỏi. “Chờ đã,” Laptop chen vào, nhìn vào màn hình của mình. “Avatar nói anh ta đang nói thật. Anh ấy không biết rằng Solomon đã in một bản sao.” Buzzcut trông ngạc nhiên. “Thú vị. Vậy... Dr. Solomon đã in bản thảo sau lưng bạn?” Nỗ lực tốt. Faulkman đã biên tập quá nhiều cảnh thâm vấn của cảnh sát để bị lừa bởi trò chơi Good Cop-Bad Cop—một chiến lược chia rẽ và chinh phục để khiến anh nghi ngờ Katherine. Thật không may cho những kẻ ngốc này, sự nghiệp chuyên nghiệp của Faulkman đã được xây dựng dựa trên việc phân tích các câu chuyện và chỉ ra những bất nhất. Nếu những kẻ bắt cóc của anh nói Katherine đã cẩn thận in một bản sao để chỉnh sửa trong phòng khách sạn của cô ấy, có thể anh đã tin. Nhưng quỹ luôn trong chi tiết, và những kẻ này tuyên bố rằng Katherine đã mang bản thảo ra ngoài khách sạn. Không phải là điều cô ấy sẽ làm. “Chúng tôi muốn biết,” Buzzcut thúc giục, “tại sao Katherine in một bản thảo? Và cô ấy đã đưa nó cho ai?” “Cô ấy đã đưa nó cho ai,” Faulkman tự động điều chỉnh. Buzzcut tức giận. “Đó là những gì tôi đã nói.” “Không, không phải vậy. Bạn có thể tháo dây trói tay tôi được không? Tay tôi đang tê.” “Cô ấy đã đưa nó cho ai?” Faulkman lắc đầu. “Vẫn sai. Tôi không biết.” “Anh ấy không biết.” Laptop gọi từ phía trước. Buzzcut trông bối rối. “Katherine có liên hệ với bạn không?” “Không.” “Còn Robert Langdon thì sao?” “Không.” Laptop gật đầu. “Cả hai điều đúng,” Buzzcut gãi đầu, dường như đang suy nghĩ về câu hỏi tiếp theo của mình. Faulkman đã run rẩy nhiều hơn bây giờ khi cái lạnh tăng cường. “Bạn có thể ít nhất bật máy sưởi không?” “Xin lỗi, bạn không thoải mái sao?” Buzzcut với tay qua ghế lái và

nhấn nút trên bảng điều khiển. Nhưng thay vì máy sưởi bật lên, cửa kính bên lái đã hạ xuống. Một cơn gió lạnh lẽo quét qua trong xe. “Tốt hơn chưa?” Faulkman bắt đầu tin rằng anh thực sự có thể đang gặp nguy hiểm tối nay. Qua cửa sổ mờ, anh lại nghe thấy âm thanh cơ khí từ bên ngoài, lớn hơn lần này, và anh nhận ra những gì anh đang nghe — tiếng gầm gừ không thể nhầm lẫn của động cơ phản lực. Chúa ơi... tôi có đang ở trên một căn cứ quân sự không?

CHƯƠNG 34 Langdon rất vui mừng khi thấy Sasha Vesna mở mắt. Một vài phút đã trôi qua kể từ khi cơn co giật mạnh mẽ nắm giữ cô, và giờ đây cô có vẻ như đang bắt đầu định hình lại bản thân. “Cảm ơn bạn...” Sasha thì thầm, nhìn lên phía anh. “Tôi rất xin lỗi,” Langdon nói. “Tôi không thể tìm thấy thuốc của bạn trong túi xách.” “Không sao,” cô nói. “Những gì tôi cần... nằm trong một túi ẩn. Tôi ổn.” Langdon giúp cô ngồi dậy với lưng tựa vào pod, và Sasha nhẹ nhàng làm việc các ngón tay và ngón chân, như thể đang cố gắng lấy lại quyền điều khiển cơ thể của mình. Nơi làm việc giờ đây im lặng hoàn toàn, quạt làm mát và âm thanh cảnh báo đã ngừng lại ngay khi quá trình EPR bị hủy bỏ. Sasha tựa vào pod và có vẻ như lại rơi vào trạng thái mơ màng, nhắm mắt lại.

mất và hít thở sâu, như thể cô vẫn cần thời gian để tái hòa nhập. Sau mười giây, mắt cô mở ra, và Langdon bị ấn tượng bởi sự khác biệt trong ánh nhìn của cô, bỗng nhiên mạnh mẽ và tập trung hơn, như thể cô đã tự ép mình chôn vùi nỗi đau và tiếp tục. “Tôi cần nước, làm ơn,” Sasha nói, giọng nói của cô cũng tự tin hơn bây giờ. “Tất nhiên.” Langdon đứng dậy, nhớ rằng miệng khô là một trong những triệu chứng phổ biến nhất sau cơn động kinh. “Vẫn phòng của tôi...” Cô chỉ về phía cửa. “Bình nước của tôi.” Langdon quay người và vội vàng đi qua một bàn làm việc, để ý đến một chiếc cặp da đặt trên bề mặt của nó. Cặp của Gessner từ quán bar đêm qua. Anh tiếp tục đi dọc hành lang tới văn phòng, nơi anh lấy chiếc bình nước màu hồng ma-đê có chữ Cyrillic mà anh đã thấy trước đó. Nó gần như rỗng, và trên đường trở về, Langdon dừng lại để đổ đầy nước trong phòng vệ sinh của phòng thí nghiệm. Tại bồn rửa, tay anh giữ dưới dòng nước và chờ nó nguội, anh nhìn vào ảnh phản chiếu mệt mỏi của mình trong gương, dành một chút thời gian để bình tĩnh lại. Việc tìm thấy xác Gessner thật khủng khiếp, nhưng cái chết của cô cũng đã làm gia tăng nỗi lo lắng của Langdon về sự an toàn của Katherine. Cô ấy bây giờ ở đâu? Một loạt suy nghĩ bỗng nhiên ám ảnh anh. Anh đã nhìn thấy chiếc cặp của Gessner trên một bàn làm việc gần pod và nhớ lại cô đã nói đêm qua rằng cô cần quay lại phòng thí nghiệm vì một lý do nào đó sau khi uống rượu. Rất có thể Gessner đã bị mắc kẹt trong pod khi Katherine đến đây cho cuộc họp lúc 8 giờ sáng. Katherine có phải đã đối mặt với kẻ tấn công Gessner không? Khi nước chảy vào bình, một cử động phía sau Langdon thu hút sự chú ý của anh. Trước khi anh có thể quay khỏi bồn rửa, một cánh tay sắt nắm chặt cánh tay anh, xoay nó ra sau và ấn đầu anh vào tấm kính. Bình nước rơi xuống sàn. “Chúng ở đâu?!” người đàn ông yêu cầu, dùng vai đè vào lưng Langdon và giữ đầu anh vào gương. Langdon cảm thấy nòng súng dí vào xương sườn, và trong gương, anh thoáng nhìn thấy gương mặt thô lỗ của Trung úy Pavel. “Gessner và Solomon ở đâu?” viên sĩ quan ÚZSI lặp lại, vặn cánh tay Langdon mạnh hơn ra phía sau. “Tôi biết họ đang ở đây...cùng với một người nữa vừa đến.” “Katherine không...đây,” Langdon cố thốt lên qua hàm răng nghiền chặt. “Và Gessner...đã chết.” “Vớ vẩn!” Pavel gào lên, nghe giống hệt như ông chủ của hắn. Langdon tự hỏi không biết Janáček cũng đang trên đường xuống đây không. “Tại sao tôi phải nói dối?” anh grunted, lo sợ cánh tay mình sắp bị gãy. “Cơ hội cuối cùng,” trung úy gầm gừ, siết chặt khuỷu tay Langdon một cách không thể. “Nói cho tôi biết ở đâu—” Có một tiếng thud kim loại nặng nề, và bàn tay Pavel ngay lập tức buông lỏng khi hắn ngã xuống sàn, khẩu súng rơi lạch cạch. Langdon quay lại nhìn, thấy Sasha Vesna đứng sau lưng, cầm chiếc bình chữa cháy mà cô đã đe dọa anh trước đó. Biểu cảm cô đầy hoảng sợ khi nhìn xuống Trung úy ÚZSI nằm cuộn tròn bất động ở chân cô. “Tôi không biết phải làm gì khác...” cô nói. “Hắn đang làm đau anh!” Langdon nhìn xuống Pavel. Không có máu, nhưng người đàn ông chắc chắn đã bất tỉnh. “Thường...được rồi,” Langdon cố thốt lên, nhẹ nhàng lấy bình thuốc từ tay Sasha với cánh tay đau nhức của mình và đặt nó xuống sàn. “Hắn là ai?” cô hỏi. “Một trung úy ÚZSI,” Langdon nói, lấy khẩu súng của Pavel và đặt vào bồn rửa ngoài tầm với. “Hắn sẽ cần một bác sĩ.” “Hắn ổn mà,” cô nói. “Đó là một chấn thương thái dương sau—hắn sẽ bất tỉnh một vài phút, rồi sẽ bị đau đầu tồi tệ.” Langdon tự nhắc mình rằng Sasha làm việc cho một nhà khoa học về não. “Nhưng làm thế nào hắn xuống đây?” Sasha hỏi. Langdon không biết—có thể đội phá hủy của ÚZSI đã đến đây rồi và đập cửa. Âm thanh từ các máy đã rất lớn, và Langdon có thể không nghe thấy cuộc xâm nhập. Và bây giờ tôi đang bị liên kết trực tiếp với một vụ tấn công vào một trung úy ÚZSI.

“Sasha, tôi cần đến đại sứ quán Mỹ càng sớm càng tốt,” Langdon nói, chạy qua các lựa chọn trong đầu. “Có một người ở đó đã giúp tôi. Michael Harris.” Sasha trông ngạc nhiên. “Tôi biết Michael. Anh ấy là một người bạn thân.” “Cô biết hắn?!” Langdon ngạc nhiên vì Harris chưa bao giờ nhắc đến việc hắn biết trợ lý lab của Brigita Gessner. “Đó không phải là một mối quan hệ mà chúng tôi công khai,” Sasha nói. “Nhân viên chính phủ Mỹ... người Nga thuần chủng...” Tất nhiên, Langdon nhận ra. Chính trị là cảm nhận. Cân nhắc đến sự thù địch ngày càng tăng giữa Mỹ và Nga, một quan chức đại sứ quán dành thời gian với một trợ lý lab người Nga chắc chắn sẽ gây chú ý. “Dù sao đi nữa, chúng ta không thể đến đại sứ quán từ đây,” cô nói. “Quá nguy hiểm. ÚZSI sẽ phong tỏa nó, tìm kiếm mọi chiếc xe tiếp cận. Chúng ta nên nhắn tin cho Michael và để hắn đón chúng ta tại căn hộ của tôi bằng một chiếc xe của đại sứ quán.”

“sẽ an toàn hơn nhiều.” Langdon chợt nhận ra rằng, với một người phụ nữ vừa trải qua cơn động kinh nghiêm trọng, Sasha Vesna lại đang suy nghĩ rõ ràng hơn cả anh. *Về căn hộ của cô ấy thì hơn*, anh nghĩ, biết ơn vì sự giúp đỡ của cô và hy vọng anh có thể liên lạc với Katherine sớm. “Có cách nào thoát ra ngoài khác ngoài cửa chính không?” “Không, đó là con đường duy nhất,” Sasha nói, vừa cầm khẩu súng của Pavel từ bồn rửa và cho vào túi của cô. “Chờ chút,” Langdon nói, lo lắng. “Tôi không chắc việc lấy cấp vũ khí của ÚZSI—” “Tôi không định sử dụng nó, nhưng đặc vụ này sẽ tỉnh lại trong một phút nữa, và nếu anh ta quyết định đuổi theo chúng ta, tôi thà anh ta không có súng.” Rất khó để phản bác điều này, Langdon nghĩ. Pavel đã bắt đầu rên rỉ và bắt đầu co giật. Sasha lấy lại bình nước màu hồng của mình, cái đã bị giày của Pavel làm bẹp trong cuộc vật lộn. Cô nhìn một cách tiếc nuối vào dòng chữ Nga viết tay. “Brigita đã cho tôi cái này,” cô nói khi họ bắt đầu đi xuống hành lang. “Để nhắc nhở tôi giữ nước. Tôi luôn quên. Nó ghi, Uống Nước.” Sasha đặt bình nước vào trong văn phòng của mình và dẫn Langdon đến cầu thang, nơi họ leo lên trong im lặng đến tầng trên. Anh hy vọng Janáček không đang đợi ở sảnh. Khi lên đến trên cùng, họ đến cánh cửa an ninh, mà Langdon dự đoán nửa mong đợi sẽ thấy bị hắt văng ra ngoài. Nó không hề như vậy. Cẩn thận, Sasha nhìn ra qua cửa sổ nhỏ. Hình như không thấy gì, cô đẩy cửa mở và nhìn xung quanh. Ra hiệu cho Langdon theo sau, cô dẫn đường ra ngoài sảnh lạnh cóng, nơi không có ai. Khi cánh cửa cầu thang đóng lại sau lưng họ, bảng điều khiển an ninh bíp vui vẻ và chuyển sang màu đỏ. Giẫm lên kính vỡ, Langdon và Sasha ra khỏi tòa nhà ra lối đi. Mọi thứ đều yên tĩnh. Xe sedan của Janáček vẫn đậu ở phía trước, nhưng thuyền trưởng không thấy đâu. Sasha suy nghĩ một lúc. “Đi theo tôi.” Cô dẫn Langdon về bên phải, ra xa khỏi pháo đài, đến một lỗ hồng trong bức tường giữ. Từ đó, họ xuống một cầu thang đá, đưa họ đến một sườn dốc cây cối. Phần này của gờ đá ít dốc hơn so với vách đá bao quanh sân của pháo đài, và tuyết dưới chân lại trơn trượt, và anh đã gặp khó khăn để có được lực bám trong đôi giày đế trơn của mình. Trang phục của Langdon sáng nay — một chiếc áo len Dale và đôi giày lười trong khuôn viên — đã chuẩn bị để đến thăm một phòng thí nghiệm khoa học... không phải để trốn chạy xuống một ngọn núi. Khi Langdon bắt đầu loay hoay đi qua những cái cây, anh đặt mục tiêu tiến đến đáy mà không bị thương. Anh nhận ra rằng, mảnh đất này, dẫn thẳng đến Công viên Folimanka. Và từ đó, anh hy vọng, một chiếc taxi đến căn hộ của Sasha. Từ nơi The Golém đang đứng, anh có một cái nhìn hoàn hảo về vị giáo sư người Mỹ đang lúng túng trượt xuống dốc cây hướng về Công viên Folimanka. Sự hiện diện bất ngờ của Robert Langdon tại pháo đài sáng nay, cùng với điều đó của ÚZSI, là một trong nhiều điều rắc rối trong kế hoạch của The Golém. Kế hoạch của anh để vào Threshold sẽ cần phải được trì hoãn một chút, và lại một cơ hội mới vừa xuất hiện. Một cơ hội mà tôi không có ý định lãng phí. Cẩn thận, The Golém xuống dốc trơn trượt, tự tin rằng cả Langdon và Sasha không hề biết đến sự hiện diện của anh.

T HƯỞNG 35

sảnh của Four Seasons có mùi như hoa hồng. Cũng giống như những bông hoa hồng mà Michael thường mang đến cho tôi, Dana Daněk nghĩ khi cô tiến về phía quầy lễ tân. Cô đã tìm kiếm trong sảnh khách sạn và nhà hàng, nhưng Michael và cô bạn xinh đẹp của anh không ở đâu cả. Lên trên... Khi Dana tiến lại gần người đàn ông đứng sau quầy lễ tân, cô ép mình cười và đưa cho anh ta ID của mình từ đại sứ quán Mỹ. “Chào buổi sáng, thưa ngài,” cô nói ngọt ngào. “Xin lỗi vì làm phiền ngài. Tôi là người của đại sứ quán Mỹ ở đây, tại Prague và sếp của tôi, Michael Harris, hiện đang ở khách sạn của ngài. Anh ấy đã nhờ tôi giao một thứ cho anh ấy khẩn cấp. Có lẽ ngài thấy anh ấy vào khoảng mười lăm phút trước? Anh ấy là một người đàn ông da màu cao—” “Có, tất nhiên rồi,” người đàn ông nói, đưa lại ID cho cô. “Ông Harris đang ở trên tầng trong phòng Royal Suite. Ngài có muốn tôi giao một thứ gì cho ông ấy không?”

“Không, cảm ơn,” cô nói. “Đó là một tài liệu ngoại giao nhạy cảm mà tôi cần giao trực tiếp. Nhắc tôi, số nào là Royal Suite?” Nhân viên tiếp tân hướng dẫn cô tới phía sau khách sạn, và một phút sau Dana đã leo lên một cầu thang riêng và đang đứng ở một hành lang ngoài phòng đất nhất của khách sạn. Thực sự sao, Michael? Royal Suite?! Dana gõ nhẹ và gọi, “Úklid! Housekeeping!” Cô không thể chờ đợi để thấy nét mặt của Michael khi cô bước vào. Cô áp tai vào cửa và...

Nghe thấy, Dana xác định nghe được chuyển động bên trong. “Dọn phòng!” cô lại gọi, gõ mạnh hơn. Bước chân tiến lại gần cửa, cửa mở một chút, và một đôi mắt nai quen thuộc lộ ra. “Xin lỗi,” người phụ nữ từ cây cầu nói. “Bạn có thể quay lại—” Dana lao vào cửa, đẩy người phụ nữ nhỏ nhắn ngã ra sàn. Dana xông qua cô ta vào trong phòng, đi thẳng qua phòng khách hướng về phía rõ ràng là phòng ngủ chính. Trống rỗng. Dana kiểm tra phòng tắm chính. Trống rỗng. Không có dấu hiệu của Michael ở bất cứ đâu. Phòng này lộn xộn—các ngăn kéo mở, vali mở, thậm chí cả két sắt của khách sạn cũng để ngổ—như thể căn phòng đang... bị lục soát? Khi Dana bước ra lại phòng khách, người phụ nữ có má lúm đồng tiền đang đợi cô, nhìn chăm chăm qua nòng súng ngắn đen mờ ám được nhắm trực tiếp vào trán Dana. Chúa ơi! “Tôi sẽ hỏi bạn một lần,” người phụ nữ nói với một sự bình tĩnh rùng rợn. “Bạn đang làm gì ở đây?” Giọng cô ta có âm sắc Mỹ. Sự vững vàng trong giọng nói của người phụ nữ, cũng như trong tay cầm súng của cô ta, gợi ý rằng cô ta không phải là người xa lạ với việc bắn súng. Dana chưa bao giờ có một khẩu súng nhắm vào mình, và trải nghiệm này thật nghiêm túc. “Tôi... đang tìm... Michael Harris,” cô nghe thấy mình nói. Khẩu súng vẫn không thay đổi. “Anh ấy không có ở đây.” Dana đã nhận thấy chiếc xe của đại sứ quán không còn trước khách sạn khi cô bước vào, nhưng cô cho rằng Michael đã yêu cầu tài xế của mình đậu ở nơi khác để không thu hút sự chú ý. “Bạn cần rời khỏi đây ngay lập tức,” người phụ nữ nói. “Đây không phải là chuyện của bạn.” “Nó hoàn toàn là chuyện của tôi,” Dana đáp, tìm được giọng nói của mình. “Tôi là một nhân viên của đại sứ quán Mỹ, và bạn đang chìa súng vào tôi. Hơn nữa, có vẻ như bạn đang lục soát phòng khách sạn của hai công dân Mỹ.” “Như tôi đã nói,” cô ta lặp lại, tiến về phía trước với khẩu súng vẫn đang được giữ chắc chắn. “Đây không phải là chuyện của bạn.” Bạn là ai vậy?! Dana biết cô chỉ có một con bài để chơi. Cô liếc ra cửa sổ vịnh về phía cầu Charles và nói, “Tôi biết chuyện gì đã xảy ra trên cây cầu đó sáng nay. Chiếc vương miện gai của bạn ở đâu?” Người phụ nữ cầm súng không hề nhúc nhích. Cô ta bước thêm một bước về phía Dana. “Ai bạn là,” cô ta nói một cách kiên quyết, “tôi rất khuyên bạn nên quay lại đại sứ quán và nói chuyện với đại sứ của bạn trước khi bạn nhắc đến điều này với bất kỳ ai cả.” “Trước tiên, hãy cho tôi biết Michael Harris ở đâu.” “Đại sứ của bạn đã gửi anh ta đến để đưa tôi vào căn hộ này, và anh ta đã làm vậy, rồi sau đó anh ta rời đi. Đó là tất cả những gì tôi biết về anh ta.” Cô ta ra hiệu về phía cửa ra vào. “Bây giờ hãy đi đi. Và đóng cửa lại khi ra ngoài.” Nhân viên hiện trường Susan Housemore đợi cho đến khi cánh cửa khép lại thì hạ súng xuống và đặt nó vào chỗ mang kín ở phía lưng. Sau đó, cô ta lấy điện thoại ra và thực hiện một cuộc gọi bảo mật đến ông Finch ở London. Ở phía bên kia thành phố, trên ghế sau của chiếc xe đại sứ quán lao về phía Bastion Crucifix, Michael Harris cảm thấy nhẹ nhõm vì đã hoàn thành nhiệm vụ kỳ quặc của đại sứ tại Four Seasons. Người liên hệ mà anh được yêu cầu “giúp đỡ” đã nhận chìa khóa phòng của Harris mà không thèm nhìn thẳng vào mắt. Làm việc nghiêm túc. Khi Bastion Crucifix hiện ra ở phía trước, Harris vui mừng khi không thấy dấu hiệu của nhóm tháo dỡ hoặc bất kỳ xe ÚZSI nào khác. Cuộc gọi của đại sứ đến Janáček rõ ràng đã khiến người đàn ông đó bị chặn lại, và Harris rất mong gặp lại Robert Langdon, như đã hứa. Thế nhưng, khi Harris rời khỏi chiếc xe, anh do dự. Cánh cửa trước của phòng thí nghiệm có vẻ đã bị vỡ và mở rộng. Chuyện gì đã xảy ra ở đây vậy?! Khi Harris vội vã tiến về phía cửa, một đặc vụ ÚZSI đổ người ra ngoài, ôm đầu mình. Harris nhận ra anh ta là trung úy cơ bắp đã lái xe cho Janáček sáng nay tại Four Seasons. Harris chạy đến để giữ cho người đàn ông không ngã. “Bạn ổn chứ? Chuyện gì đã xảy ra?! Và tại sao cửa trước lại bị phá hủy?” “Katherine Solomon,” người đàn ông lắp bắp. “Cô ấy... đã đánh tôi...” Khả năng này thật vô lý. “Bạn chắc chắn đó là tiến sĩ Solomon?” “Tôi đã thấy cô ấy trong gương... cao... tóc vàng...” Chắc chắn không phải Katherine Solomon. Harris biết chỉ có một người phụ nữ tóc vàng cao có quyền truy cập vào phòng thí nghiệm này—trợ lý của Gessner, Sasha Vesna—và anh khó lòng hình dung ra việc Sasha có khả năng bạo lực. “Robert Langdon ở đâu?” “Anh ấy đã chạy... cùng cô ta.” Câu chuyện nghe có vẻ hoang tưởng, và giờ đây Harris nhận thấy một loạt dấu chân rời khỏi lối đi chính... như thể đang hướng vào rừng. Langdon đã chạy trốn?! “Bạn có thấy ai khác bên trong không?” Tiến sĩ Gessner? “Không... Tôi đã lên thẳng báo cáo điều này với đại úy

của tôi.” Trung úy ra hiệu về phía cuối sân. “Ông ấy ở ngoài đó.” Harris nhìn về phía sườn đồi, nhưng Janáček không có mặt ở đâu. “Tôi không thấy ông ấy.” “Ông ấy đã ra ngoài.”

“ở đó để gọi điện thoại...” Harris không ngạc nhiên. Có lẽ ông ta đang thực hiện các biện pháp khắc phục sau khi nói chuyện với đại sứ. “Ngài thực sự nên ngồi xuống, Trung úy.” Người đàn ông đã tiến về phía đường rìa, và Harris nhặt một nắm tuyết, vội vàng để theo kịp. “Đây. Cầm cái này lên đầu anh.” Người đàn ông nhận quả cầu tuyết và ấn nó vào sau đầu trong khi đi. “Ông ấy đã ở đây trên điện thoại... nhưng chưa bao giờ quay lại.” Harris thấy một đồng dấu chân trên đường rìa, như thể Janáček đã đi đi lại lại hoặc có thể đã được một ai đó tham gia cùng, nhưng khu vực giờ đây đã trống rỗng. Khi hai người đàn ông gần đến mép vực, trung úy dừng lại và nhặt một vật kim loại từ mặt đất. Ông ta phúi bụi đi, đôi mắt mở to đầy lo lắng. “Đây là điện thoại của anh ấy!” ông ta kêu lên. Tại sao Janáček lại để lại điện thoại của mình? Rút rè, họ di chuyển thêm vài bước cuối cùng đến mép vực và nhìn ra bên ngoài. Cảnh tượng bên dưới thật khủng khiếp. Ở đáy vực, cơ thể một người trong bộ suit tối màu, nằm vớ vụn trên những tảng đá, một cách kỳ quái. Đầu của người đàn ông được bao quanh bởi tuyết đỏ radiating một vài feet theo mọi hướng. Ngay cả từ độ cao này, Harris không còn nghi ngờ gì rằng ông ta đã chết... và cũng không nghi ngờ ai là người đó. Trời ơi... Janáček đã nhảy xuống? Bên cạnh Harris, trung úy quay đi và gào thét như một con thú bị thương. Giọng nói của ông vang lên với nỗi đau của sự mất mát thật sự... và cơn thịnh nộ không thể kiểm soát.

CHƯƠNG 36

Langdon cúi đầu chống lại gió khi anh và Sasha Vesna xuống dốc rừng, rời khỏi pháo đài. Tán cây dày đặc đã tạo ra đủ mặt đất khô để Langdon có thể xuống dốc một cách thanh thoát hơn mong đợi, trượt vài lần trên tuyết trơn nhưng vẫn giữ nhịp đi ổn định. Khi họ xuất hiện từ khu rừng vào Công viên Folimanka, giày của Langdon đã đầy tuyết và chân anh đã lạnh cóng. Một ít người đi bộ lác đác trên các lối đi, cúi đầu, đang trên đường đến nơi làm việc. Mà không nói lời nào, Sasha dẫn họ đi nhanh chóng qua công viên, hướng về phía nam. Khi họ đi qua Đài phun nước Folimanka, Sasha nói nhỏ. “Tôi tin chắc rằng Katherine không bao giờ vào pháo đài sáng nay... màn hình trên pod EPR cho thấy Brigita đã ở trong pod đó từ tối qua, điều này lâu hơn rất nhiều so với việc ai đó có thể sống sót.” Langdon hy vọng điều này có nghĩa là Katherine đã đến phòng thí nghiệm, không nhận được câu trả lời ở chuông cửa, và đơn giản trở về khách sạn. Cô ấy và tôi có thể đã đụng độ nhau, anh tự nhắc nhở, cố gắng bỏ qua cảm giác giục giã rằng có điều gì đó với Katherine thực sự rất sai. Anh cảm thấy sợ hãi trước viễn cảnh mất đi cô. Trong ba ngày qua, anh và Katherine không hề dành một khoảnh khắc nào xa nhau, và Langdon thật ngạc nhiên khi sau gần ba mươi lăm năm, tình bạn bình dị của họ đã bùng cháy thành một mối quan hệ tự nhiên và đầy đam mê, khiến cả hai đều ngỡ ngàng. Langdon đã tận hưởng những ngày bên nhau. Anh dẫn Katherine đến xem bức tượng hài nhi Giê su ở Praha, bức tượng được khỏa thân và mặc vào những bộ trang phục khác nhau như một loại búp bê Barbie thánh thần. Anh đã cho cô xem cuốn Kinh thánh Quý dữ nặng 165 pound, cuốn sách lớn nhất thế giới, mà truyền thuyết khủng khiếp liên quan đến một nhà sư ngoại tình, da của 160 con lừa, và cái chết do “giam cầm”... và thậm chí còn thách thức Katherine nếm thử món *tlacénka*—“jelly thịt”—mà cô đồng ý là cực kỳ ngon dù được làm từ đầu heo. Katherine cũng đã trải qua một cuộc phiêu lưu cảm xúc trong vài ngày qua, vừa hoàn thành bản thảo của mình. Với một sự kết hợp giữa nhiệt huyết và vẻ kiêu kỳ, cô đã nói với Langdon về nó một cách tổng quát, chơi đùa từ chối những nỗ lực của anh trong việc tìm hiểu thêm về các chi tiết của cuốn sách để không làm hỏng những bất ngờ dành cho anh. Nhưng chủ yếu, Langdon nhớ lại, cô đã lo lắng về việc liệu độc giả và các nhà phê bình sách có mở lòng với những ý tưởng mới hay không. “Hãy nhìn xem—trí óc con người ghét sự thay đổi,” cô đã nói hôm qua khi nhắm nháp espresso tại quán cà phê thời thượng La Boheme. “Và trí óc ghét việc từ bỏ các niềm tin hiện tại.” Langdon mỉm cười. Đó là lý do tại sao các tôn giáo tồn tại hàng thiên niên kỷ mặc dù có hàng núi bằng chứng mâu thuẫn với những niềm tin của họ. “Ba mươi năm trước,” Katherine phàn nàn, “các nhà vật lý đã chứng minh rằng sự giao tiếp giữa hai hạt bị rối là tức thì... và thế mà chúng ta vẫn đang dạy câu thần chú của Einstein rằng ‘không có gì di chuyển nhanh hơn tốc độ ánh sáng!’” Thí nghiệm ban đầu, như Langdon nhớ lại, liên quan đến việc sử dụng một nam châm để đảo ngược cực của một hạt bị rối, dẫn đến việc cực của hạt “song sinh” của nó đảo ngược ngay lập tức—ngay cả khi nó ở cùng một căn phòng hoặc cách xa hàng dặm. Tăng mức cực, các nhà khoa học Trung Quốc sau đó đã thực hiện thí nghiệm tương tự bằng cách sử dụng vệ tinh để chứng minh rằng

hai hạt bị rơi vẫn “kết nối ngay lập tức” qua khoảng cách twelve hundred kilometers. Tạp chí Khoa học đã chạy câu chuyện bìa “Trung Quốc phá vỡ ‘Hành động kỳ quái tại’”

“Bản ghi ‘Khoảng cách’,” ám chỉ đến cụm từ được Albert Einstein tạo ra vào giữa thập niên 1930 để mô tả hiện tượng này. “Và đã nhiều thập kỷ,” Katherine tiếp tục, “kể từ khi chúng ta đã chứng minh lập đi lập lại rằng ý nghĩ con người, khi tập trung, có thể thực sự làm thay đổi hóa học cơ thể của một người. Và thế nhưng... khái niệm về sự chữa trị từ xa vẫn bị các chuyên gia y tế hoài nghi bác bỏ như một dạng ma thuật.” Một tâm trí cứng nhắc có thể trở thành một ngọn núi bất động, Langdon nghĩ, luôn ngạc nhiên về việc có bao nhiêu người vẫn tin tưởng mãnh liệt rằng con người xuất phát từ Adam và Eva mặc dù có bằng chứng khoa học áp đảo cho sự tiến hóa. “Tôi có một sinh viên với IQ một trăm bốn mươi tám,” Langdon kể lại, “người khẳng định rằng trái đất chỉ có sáu nghìn năm tuổi. Vì vậy, tôi đã đưa cô ấy xuống hành lang đến khoa địa chất và chỉ cho cô ấy một hóa thạch ba triệu năm tuổi. Cô ấy chỉ nhún vai và nói, ‘Tôi tin rằng Chúa đã đặt hóa thạch đó trên trái đất như một trò lừa... để kiểm tra đức tin của tôi.’” Katherine bật cười. “Nếu bạn nghĩ những người tôn sùng tôn giáo là những người không hợp lý liên quan đến quan điểm thế giới của họ, bạn nên gặp các nhà học thuật có thâm niên trong giáo dục đại học.” “Tôi là một nhà học thuật có thâm niên trong giáo dục đại học!” “Và bạn luôn là một người hoài nghi, Robert. Cổ hủ, nhưng dễ thương.” “Cổ hủ?” Langdon nghiêng đầu. “Tôi trẻ hơn bạn... không muốn nhắc bạn.” “Cẩn thận...” cô ấy nói, nở một nụ cười chết người. “Bạn đã tham gia seminar đại học của tôi hai lần, chàng trai yêu, và tôi khá chắc chắn không phải là bài thuyết trình của tôi mà bạn đang nhìn chăm chăm.” Langdon cười ra mắt. “Tôi nhận tội.” “Điều quan trọng là, không ai thích sự thay đổi,” cô tiếp tục. “Và các học giả cứng nhắc có xu hướng bám lấy sự thoải mái của những niềm tin hiện tại của họ lâu sau khi các mô hình của họ đã quá lỗi thời. Vì lý do này, việc thiết lập một mô hình khoa học mới—như về ý thức con người—trở thành một quá trình cực kỳ thất vọng và chậm chạp.” Langdon nghĩ đến tác phẩm kinh điển năm 1962 của Thomas Kuhn, Cấu trúc của Các Cuộc Cách Mạng Khoa Học, mô tả cách chuyển đổi mô hình chỉ xảy ra khi đạt được một khối lượng lớn các hiện tượng không tương thích. Katherine rõ ràng đang hy vọng rằng cuốn sách của cô sẽ thêm trọng lượng đáng kể cho cuộc tìm kiếm khối lượng lớn đó. “Bản thảo của bạn...” Langdon nói. “Bạn vẫn chưa nói cho tôi biết cụ thể đột phá lớn của bạn là gì.” Katherine cười. “Kiên nhẫn. Tôi nghĩ bạn sẽ thấy mọi thứ thật thú vị—nhưng tôi thích bạn đọc nó và cho tôi phản hồi.” Một tiếng còi xe vang lên, và những ký ức âm áp của quán cà phê tan biến, đưa Langdon trở lại cái lạnh của Công viên Folimanka. Rùng mình, anh theo Sasha ra khỏi công viên qua một cái cổng sắt, vui mừng thấy một hàng xe taxi màu vàng Škoda đang chờ. Họ leo lên chiếc taxi đầu tiên, Langdon rất biết ơn vì cái không gian âm áp. Sasha đưa cho tài xế một địa chỉ, và chiếc taxi rời khỏi đường Sekaninova. Sau đó, cô ấy lấy điện thoại ra và gọi bằng loa ngoài. Giọng nói quen thuộc của Michael Harris vang lên. “Sasha?!” “Michael!” cô kêu lên, giọng nói đầy lo lắng. “Có điều khủng khiếp đã xảy ra với Brigita!” Sasha đau khổ thông báo phát hiện xấu xí của họ. “Tôi rất tiếc,” Harris nói, nghe có vẻ choáng váng. “Tôi không biết. Tôi đang ở pháo đài ngay bây giờ.” Chết tiệt, chúng tôi vừa bỏ lỡ anh ta, Langdon nhận ra. “ÚZSI cũng ở đây,” Harris thêm vào. “Họ không biết Brigita đã chết.” Pavel có lẽ không nhìn thấy cái xác. “Sasha,” Harris nói, “bạn có tấn công một sĩ quan ÚZSI không?!” Cô hesitated, bị bất ngờ. “Anh ta đã tấn công Robert Langdon! Tôi không biết nên làm gì.” “Langdon?” Harris yêu cầu. “Anh ta có ở với bạn không?” “Có, anh ấy muốn đi taxi đến đại sứ quán, nhưng—” “Ý kiến không hay. ÚZSI sẽ chặn lại.” “Tôi biết. Vậy nên tôi đang đưa anh ấy—” “Đừng nói trên điện thoại!” Harris cắt lời. “Tôi biết bạn đang đi đâu. Hãy nhắn Harry và Sally là tôi đã gửi lời chào. Tôi sẽ đến nhanh nhất có thể. Có thể hai mươi phút. Giữ điện thoại không gọi.” Cuộc gọi kết thúc. “Harry và Sally?” Langdon hỏi. “Mèo của tôi. Anh ấy không muốn tôi nói rằng chúng tôi đang đến căn hộ của tôi.” Thông minh. “Có vẻ như bạn biết anh ta khá tốt.” Cô gật đầu, trông có vẻ hơi xấu hổ. “Đã vài tháng rồi.” “Và rõ ràng bạn tin tưởng anh ta,” Langdon nói. “Tôi có.” Đôi mắt của Sasha tràn đầy cảm xúc bất ngờ. “Anh ấy sẽ biết cách giúp bạn.” Còn bạn thì sao? Langdon hy vọng đại sứ quán sẽ có thể bảo vệ người phụ nữ Nga mặc dù cô đã tấn công một thiếu úy ÚZSI. Anh ước Sasha đã hỏi Harris về bất kỳ thông tin mới nào về Katherine, nhưng attaché có lẽ cũng không tin tưởng điện thoại hơn Sasha, và có thể anh ta cũng sẽ không nói gì. Tôi sẽ nói chuyện với Harris sớm ở nhà của Sasha. Bên cạnh anh, Sasha nhắm mắt và ngã người vào ghế. Cô bắt đầu lắc lư thân thể nhẹ nhàng, như thể cố gắng tự an ủi mình. Cô cần bình tĩnh, anh nghĩ. Cô vừa trải qua một cơn động kinh, cũng như một cuộc chiến

thể chất với một sĩ quan ÚZSI, và bây giờ đang tự đặt mình vào rủi ro để dẫn Langdon đến an toàn, tất cả sau khi chứng kiến cái chết khủng khiếp của người thầy của mình. Langdon kiểm tra đồng hồ. Các cánh tay giờ rộng của Mickey Mouse cho biết giờ đã quá 9 giờ sáng...

Chỉ mới vài giờ từ khi anh bình yên thức dậy với Katherine trong vòng tay. Nó cảm giác như cách đây cả một đời.

L CHƯƠNG 37

Cơ thể Langdon háo hức hấp thụ sự ấm áp của chiếc taxi. Cuộc hành trình cay đắng của anh qua công viên Folimanka đã để lại cho anh cảm giác lạnh giá, và giờ đây anh cởi bỏ đôi giày bít tất dính tuyết và xoa bóp những ngón chân đông cứng. Bên cạnh anh, Sasha vẫn giữ im lặng, đôi mắt vẫn nhắm chặt. Người phụ nữ trên cầu Charles tiếp tục ám ảnh anh. Mọi thứ về cuộc gặp gỡ ngắn ngủi ấy đều cảm giác siêu nhiên...cái cách ma quái mà cô ấy di chuyển, ánh nhìn trống rỗng trong đôi mắt, mùi chết chóc, và cách mà cô ấy dường như không nghe thấy anh...như thể cô ấy sống trong một thực tại song song. Những cuốn sổ báo cáo về những hồn ma được ghi lại gần như mỗi đêm trong thành phố thần thánh này, chủ yếu là những ngôi sao tinh thần địa phương—Hiệp sĩ Templar không đầu, người đã ám ảnh cầu Charles để tìm kiếm sự báo thù cho sự hành quyết của mình...Nữ thần trắng của lâu đài Prague, người đã đi bộ trên các bức tường lâu đài cố gắng trốn thoát khỏi sự giam cầm vì bị cáo buộc là thực hành phù thủy...quái vật golem đất, người vẫn chuyển động qua những bóng tối gần Hội đường Do Thái cổ, bảo vệ người yếu đuối. Ma không tồn tại, Langdon biết. Và chắc chắn chúng không để lại dấu chân trên tuyết. Bất kỳ điều gì đã xảy ra trên cầu Charles đều là thịt và máu. Langdon luôn thích thú với truyền thuyết siêu nhiên của Prague, ngay cả khi anh vô thức bác bỏ nó. Và sáng nay, tâm trí hợp lý của anh đã cắt xuyên qua sương mù huyền bí, đạt đến một kết luận trắng đen. Chỉ có ba lời giải thích khả thi tồn tại cho sự hiện diện đáng kinh ngạc của người phụ nữ trên cầu Charles. Đầu tiên, khả năng rằng giấc mơ của Katherine thực sự là một tầm nhìn tiên tri kỳ diệu của một sự kiện trong tương lai. Nếu điều đó là sự thật, Katherine vừa trải qua một trong những sự kiện tiên tri chính xác nhất mà bất kỳ ai từng báo cáo. Xác suất gần như bằng không. Bác bỏ. Lời giải thích thứ hai dường như cũng không có khả năng. Trùng hợp. Một người phụ nữ mặc một vầng hào quang, cầm một ngọn giáo, và có mùi lưu huỳnh vừa tỉnh cờ băng qua cầu vài giờ sau giấc mơ của Katherine. Không thể nào xảy ra theo tỷ lệ đến mức vô lý. Kịch bản thứ ba—dù đáng lo ngại—dường như là lời giải thích hợp lý duy nhất còn lại. Theo lời Sherlock Holmes: Khi bạn đã loại bỏ điều không thể, bất cứ điều gì còn lại, dù không khả thi, phải là sự thật. Sự thật không khả thi, trong trường hợp này, là có ai đó đã biết về giấc mơ của Katherine...và đã sắp xếp sự kiện. Một cái bẫy. Nhưng tại sao? Và làm thế nào? Câu hỏi tại sao vẫn là một bí ẩn, nhưng câu hỏi làm thế nào dường như thật đáng sợ. Trong khi đi lưu diễn sách ở Nga vài năm trước, Langdon đã được cảnh báo rằng hầu hết các phòng khách sạn sang trọng ở Moscow đều bị chính phủ theo dõi. Liệu Prague có thể tương tự? Thành phố này không có một chút gì giống Moscow, và tuy nhiên lịch sử vẫn dè dặt. Chẳng bao lâu trước đây, Prague đã trải qua bốn mươi lăm năm dưới bức màn sắt, và ngoại trừ một mùa xuân Prague quá ngắn ngủi, các nhà cứng rắn Xô viết đã đặt nền tảng ở đây với sự theo dõi KGB phổ biến. Nếu có một phòng suite ở Prague đáng để theo dõi, đó chính là phòng Royal Suite của Four Seasons—lựa chọn hàng đầu cho các tỷ phú, lãnh đạo thế giới, và các nhà ngoại giao. Liệu có ai đang nghe khi Katherine kể cho tôi về giấc mơ của cô ấy? Nếu phòng suite bị theo dõi, Langdon cảm thấy rung mình khi tưởng tượng ra những khoảnh khắc riêng tư có thể đã bị nghe lén, hoặc ghi lại, trong những ngày tháng nồng nhiệt vừa qua với cô ấy. Nhưng ai sẽ nghe? Janáček? ÚZSI? Dù động cơ để tái tạo giấc mơ đáng lo ngại đang là gì, Langdon đã đi theo cùng một lộ trình qua cầu Charles vào cùng một thời gian trong ba ngày nay, và anh đã nói với Katherine sáng nay rằng anh sẽ quay lại lúc bảy giờ. Như một cái đồng hồ. Theo logic đó, anh cảm thấy tự tin hơn rằng tất cả chỉ là một cái bẫy. Và bằng cách nào đó, điều đó khiến anh cảm thấy đáng sợ hơn nhiều so với việc tồn tại của bất kỳ hồn ma nào.

M CHƯƠNG 38

Ông Finch tức giận. Nhân viên hiện trường của ông ở Prague vừa gọi điện để báo cáo rằng công việc dọn dẹp đơn giản của cô ấy tại Four Seasons đã gặp trục trặc. Nhân viên hiện trường Housemore là đôi mắt, đôi tai và sức mạnh của Finch cho tất cả các vấn đề địa phương liên quan đến Threshold, và mặc dù cô ấy chỉ có kiến thức hạn chế về dự án, nhưng cô ấy biết rằng sự bí mật là điều tối quan trọng. Vậy chuyện quái gì đã xảy ra?! Đối với một người có kỹ năng của cô ấy, nhiệm vụ tại khách sạn lẽ ra nên rất đơn

giản, nhưng bằng cách nào đó nó đã dẫn đến một cuộc đối đầu vũ trang với một nhân viên đại sứ quán. Lạy Chúa...

Nổi giận, Finch đã thực hiện một cuộc gọi an toàn tới đại sứ Hoa Kỳ tại Prague. Tại Four Seasons, Susan Housemore đã nhìn quanh cuối cùng tại Royal Suite, xác nhận mọi thứ cuối cùng đã ổn định. Cô ấy đã kiệt sức sau một đêm không ngủ nhưng cảm thấy tin tưởng rằng nhiệm vụ của mình ở đây đã hoàn thành—bất chấp sự gián đoạn không may. Những điều kỳ quái đã bắt đầu vào khoảng 4 giờ sáng, khi cô ấy bị đánh thức bởi một cuộc gọi từ ông Finch—người đã đưa ra chỉ thị kỳ lạ nhất mà Housemore từng nhận được. Biết rõ không nên yêu cầu bất kỳ loại giải thích nào, cô ấy đã nhảy khỏi giường, lấy lại gói đồ đã được để sẵn cho mình, và unpack những “thành phần” chuyên biệt cần thiết cho nhiệm vụ này.

Không lâu sau 6 giờ sáng, Housemore đã rời khỏi căn hộ của mình với cảm giác rằng cô nên đến một phim trường hơn là thực hiện một nhiệm vụ. Cô mặc toàn đồ đen, mang theo một chiếc mũi nhọn cầu kỳ và một cây giáo bạc có vẻ đe dọa. Trong túi, cô mang theo một chai chất lỏng có mùi khó chịu đã gần khiến cô buồn nôn khi cô mở nắp để ngửi thử. Mục đích của cuộc vận động này là gì, Finch đã rất cụ thể về cách thực hiện nó. Nhân viên hiện trường Housemore đã làm theo chỉ dẫn của Finch một cách chính xác, thực hiện cuộc diễu hành trong trạng thái trance trên cây cầu khi có lệnh. Và trong khi màn kịch không có ý nghĩa gì với cô, rõ ràng nó đã khiến Robert Langdon sợ hãi. Và hỗn loạn đã bắt đầu. Housemore nghi ngờ rằng hỗn loạn có thể đã là mục tiêu của Finch. Ông là một chiến lược gia dày dạn kinh nghiệm, nổi tiếng với việc ngưỡng mộ các chiến thuật của những nhân vật từ Tôn Tử đến Napoléon—nắm bắt mọi cơ hội để nâng cao hiệu quả của các hoạt động hiện trường bằng cách lồng ghép chiến tranh tâm lý bất cứ khi nào có thể. “Psyops” là một cách tiếp cận không đổ máu, rủi ro thấp, cực kỳ hiệu quả để làm yếu đối thủ. Làm rối loạn. Làm mất ổn định. Làm rối trí. Một kẻ thù bị phân tâm bởi sự hỗn loạn thường đưa ra những quyết định tồi và dễ bị điều khiển hơn. Nhiệm vụ hoàn thành, Housemore nghĩ. Đã có thông tin báo lại cho cô rằng Robert Langdon đã kéo chuông báo cháy và sơ tán khách sạn này. Bây giờ cô đang giải quyết các đầu mối còn lại. Sau một cuộc tìm kiếm kỹ lưỡng trong phòng suite, cô đã xác nhận với ông Finch rằng không có bản thảo in nào được giấu ở bất kỳ đâu, kể cả trong két sắt của khách sạn, cái đó mở ra và chưa từng được sử dụng. Cô giờ đã dọn dẹp, để lại phòng suite như lúc cô tìm thấy nó. Tuy nhiên, trước khi rời đi, có một công việc cuối cùng. Nhân viên hiện trường Housemore đi tới cửa sổ và nhìn vào bó hoa tulip đỏ, trắng, xanh dương lậm phát xạ hoa mà đã được gửi đến Katherine Solomon từ đại sứ quán Mỹ ba ngày trước. Lời nhắc chúc mừng viết tay từ Đại sứ Heide Nagel nằm trên sàn. Bị thổi bởi gió lạnh mùa đông, những bông hoa đang héo úa một cách sớm chóng, những thân cây yếu ớt ngã ra ngoài theo mọi hướng, gần như không che giấu được thiết bị điện tử đã bị giấu bên trong. Housemore đưa tay vào và cẩn thận lấy ra cái microphone giám sát parabol Sennheiser và máy phát FM. Thiết bị nghe lén đã được đặt ở đó theo yêu cầu của văn phòng đại sứ Mỹ, theo yêu cầu của ông Finch. Cô cho thiết bị vào túi áo khoác của mình, làm nở những bông hoa đang héo, và nhìn một lần cuối quanh phòng suite. Sau đó, hoàn toàn kiệt sức, Housemore trở về nhà để ngủ một chút.

T CHƯƠNG 39

Qua cửa sổ mở của xe tải, Jonas Faulkman có thể nghe thấy tiếng rít của động cơ phản lực. Anh biết Brooklyn có một căn cứ quân sự Mỹ ít người biết đến, mà lại khá gần Manhattan, nhưng anh không thể nhớ nếu Fort Hamilton có một sân bay. Bất kể họ đã đưa anh đến đâu, những kẻ bắt cóc của anh dường như chắc chắn đang liên quan đến một điều gì đó nghiêm trọng hơn việc ăn cắp sách. Ai đó quyền lực muốn ngăn chặn việc xuất bản bản thảo của Katherine Solomon. Nhưng ai—có thể là một nhà khoa học đối thủ? Rùng mình trên sàn kim loại lạnh lẽo của xe tải, Faulkman khai thác trí nhớ của mình để tìm manh mối, nghĩ lại khoảnh khắc mà anh lần đầu tiên biết về sự tồn tại của bản thảo. Robert Langdon đã gọi điện để hỏi liệu Faulkman có sẵn sàng ăn trưa với người bạn tài năng của mình là Katherine Solomon và lắng nghe đề xuất sách ấn tượng của cô không. Faulkman đồng ý ngay lập tức, biết rằng “tài năng” và “ấn tượng” không phải là những từ mà vị giáo sư Harvard thường dùng một cách nhẹ nhàng. Họ gặp nhau tại bàn yêu thích của Faulkman ở Manhattan—ghế sau của Trattoria Dell’Arte—nơi món ăn Ý chính hiệu được phục vụ trong một căn phòng được trang trí như một xưởng nghệ thuật, được trang trí khá đặc biệt bởi những bức tranh và tác phẩm điêu khắc có hình dáng những chiếc mũi nổi tiếng của Ý. Anh đã đọc thông tin tiểu sử mà Katherine Solomon đã gửi cho anh, và anh rất ấn tượng với danh sách những thành tựu khoa học của cô, các bài viết đã xuất bản, bằng tiến sĩ trong lĩnh vực khoa học nhận thức, và sự nổi

bật của cô trong lĩnh vực. Khi họ ngồi xuống gặp mặt, Faulkman thấy chỉ trong vài phút rằng Katherine Solomon thật sự ấn tượng hơn rất nhiều ngoài đời thực so với trên giấy. Không khác gì Langdon, cô thân thiện, khiêm tốn, và sắc bén như dao. Cô cũng có khả năng quảng bá tự nhiên—sở hữu sự kết hợp hiếm có giữa sự cuốn hút và vẻ đẹp nổi bật mà sẽ là một lựa chọn lý tưởng cho thế giới mới bùng nổ của ngành xuất bản thế kỷ XXI, mà phụ thuộc rất lớn vào mạng xã hội. Sau một vài câu chuyện nhỏ và mở một chai Solaia 2016—loại Super Tuscan yêu thích của Langdon—cuộc trò chuyện tự nhiên chuyển hướng về ý tưởng cuốn sách của cô. “Nói một cách đơn giản nhất,” Katherine bắt đầu, “cuốn sách sẽ là một cuộc khám phá về ý thức con người. Nó dựa trên nghiên cứu của tôi trong hai mươi năm qua... cũng như một vài đột phá khoa học gần đây của tôi.” Cô dừng lại, nhấp một ngụm rượu, suy nghĩ. “Như bạn có thể biết, ý thức con người từ lâu đã được cho là sản phẩm của các quá trình hóa học trong não. Điều này có nghĩa là ý thức con người không thể tồn tại nếu không có não.” Thú vị, nhưng có phần hiển nhiên, Faulkman nghĩ.

Đó là nhiệm vụ của anh để giữ sự hoài nghi cho đến khi bị cuốn hút bởi một ý tưởng. “Vấn đề,” Katherine nói, một nụ cười bí ẩn tách môi cô, “là mô hình tiêu chuẩn về ý thức này là sai.” Cả hai người đàn ông đều trở nên chú ý hơn. “Tôi dự định viết một cuốn sách chiếu rọi một mô hình ý thức mới mang tính cách mạng sẽ có tác động đến mọi thứ chúng ta biết về sự sống... bao gồm cả bản chất của ‘thực tại’ chính nó.” Faulkman nâng mày lên một cách trân trọng và cười. “Từ góc độ xuất bản, không có gì giống như việc đặt mục tiêu cao.” Anh ta quan sát Katherine. “Nhưng tôi có một câu hỏi. Nhiều người đề xuất những cuốn sách với lý thuyết mới thú vị... bạn có—” “Tất nhiên,” cô nói. “Công trình của tôi được ủng hộ bởi rất nhiều khoa học thực sự.” “Bạn đã đọc được tâm trí tôi,” Faulkman nói, ấn tượng. “Tôi sẽ không lãng phí thời gian của bạn mà không có bằng chứng,” cô phản bác. Langdon tỏ ra thích thú vì Katherine đang tự tin giữ vững lập trường của mình. “Chà, bạn thực sự đã có sự chú ý của tôi,” Faulkman nói. “Mô hình cách mạng của ý thức con người này là gì?” “Ban đầu nó sẽ có vẻ không thể,” Katherine trả lời. “Vì vậy, để chuẩn bị tâm trí của các bạn cho điều đó và thiết lập một mức cơ sở...” Cô lấy từ túi Cuyana ra một chiếc iPad. “Trước tiên, tôi sẽ cho các bạn xem một ví dụ về điều mà tôi nghĩ rằng tất cả chúng ta đều có thể đồng ý là... không thể.” Faulkman liếc nhìn Langdon, người cũng có vẻ ngạc nhiên. Katherine chạm vào bảng một vài lần rồi dựng nó lên trên bàn, quay về phía Faulkman và Langdon, những người nhận thấy mình đang nhìn vào một cặp video song song—một màn hình chia đôi cho thấy hai bể cá khác nhau, mỗi bể có một con cá vàng bơi theo vòng tròn lười biếng. Cá vàng không thể? “Đây là hai luồng video trực tiếp,” Katherine nói. “Các luồng là từ hai camera cố định, riêng biệt trong phòng thí nghiệm của tôi ở California.” Họ theo dõi hai con cá, bơi trong hai bể cá tương tự với những viên đá xanh ở đáy và một bức tượng chìm. Sự khác biệt duy nhất giữa hai bể dường như là những bức tượng bên trong mỗi bể. Một cái là từ điêu được điêu khắc từ từ Yes và cái kia là từ điêu được điêu khắc từ No. Thật kỳ lạ. Faulkman liếc nhìn Katherine Solomon, chờ đợi cô giải thích, nhưng cô chỉ gật đầu để anh tiếp tục theo dõi. Một cách lịch sự, Faulkman quay lại nhìn vào hai luồng video camera. Hai con cá bơi trong vòng tròn... Tôi phải thấy điều gì ở đây? “Thật phi thường...” Langdon thì thầm bên cạnh anh. Trong khoảnh khắc đó, Faulkman cũng nhìn thấy. Một cách kỳ lạ, hai con cá vàng đang bơi hoàn toàn đồng bộ. Khi một con cá dừng lại, lao đi, hoặc bơi lên mặt nước, con kia cũng làm điều tương tự trong bể kia... ngay vào đúng khoảnh khắc! Hai con cá hoàn toàn đồng bộ, đến cả những cử động nhỏ nhất của chúng. Ngạc nhiên, Faulkman theo dõi hai con cá vàng bơi trong sự đồng bộ hoàn hảo ít nhất trong mười lăm giây trước khi anh cuối cùng lắc đầu và nhìn lên. “Được rồi, điều đó là... không thể.” “Tôi mừng vì bạn cảm thấy như vậy,” Katherine nói. “Làm thế nào mà cá có thể làm như vậy?!” anh ta hỏi. “Kỳ diệu, đúng không?” cô nói. “Câu trả lời, thực ra, rất đơn giản.” Langdon và Faulkman ngồi chăm chú, chờ đợi lời giải thích của cô. “Để bắt đầu,” cô nói. “Có bao nhiêu con cá bạn thấy ở đây tổng cộng?” Faulkman nhìn vào mắt cả hai người. “Hai,” anh trả lời. “Còn bạn, Robert?” “Hai,” Langdon đồng ý. “Tuyệt vời, cả hai bạn đều thấy những gì hầu hết mọi người thấy, và những gì được trình bày trước mặt các bạn: hai con cá riêng biệt trong hai bể riêng biệt.” Còn cách nào khác để bạn có thể thấy được? Faulkman nghĩ. Một bể nói Yes và một bể nói No, nhưng hai con cá thì đồng bộ chính xác. “Bây giờ, điều gì sẽ xảy ra nếu tôi nói với bạn,” Katherine nói, “rằng sự tách biệt của chúng là một ảo tưởng? Nếu tôi nói với bạn rằng hai con cá này thực tế là một thực thể... một sinh vật thống nhất duy nhất kết nối với cùng một ý thức, bơi cùng nhau.” Faulkman cảm thấy mình sắp nghe được một số lý thuyết mới mẻ về cách mà tất cả các sinh vật

đều liên kết với nhau. Anh không biết cách nào mà những con cá này đã liên kết chuyển động của chúng, nhưng anh khá chắc chắn rằng đó không phải vì chúng đã kết nối với cùng một ý thức vũ trụ. Bạn mong đợi điều gì, Jonas? Cô ấy là một nhà nghiên cứu thần bí từ California! “Quan điểm là một sự lựa chọn,” Katherine tiếp tục, “và quan điểm là chìa khóa khi hiểu về ý thức. Cả hai bạn đã chọn xem đây là hai con cá bơi đồng bộ hoàn hảo. Tuy nhiên, nếu bạn có thể thay đổi quan điểm và xem chúng như một con cá, một cái tâm, một sinh vật thống nhất, đơn giản chỉ là bơi... thì điều đó rất bình thường.” Langdon đột nhiên có vẻ lo lắng rằng lập luận của cô có thể đi chệch hướng. “Thực sự không phải là một sự lựa chọn, đúng không, Katherine? Hai con cá vàng riêng biệt, không liên kết không thể được xem như một sinh vật duy nhất.” “Điều này đúng. Nhưng chúng không phải là hai sinh vật riêng biệt, Giáo sư,” cô trả lời. “Chúng là một. Và tôi cá với bạn chiếc đồng hồ Mickey Mouse của bạn rằng tôi có thể chứng minh điều đó cho bạn ngay bây giờ. Về mặt khoa học. Bất chấp mọi nghi ngờ.” Langdon lại xem xét hai video trực tiếp: Hai bể khác biệt. Hai con cá khác biệt.

“Tôi sẽ nhận cược,” Langdon cuối cùng nói. “Thuyết phục tôi rằng đây là một sinh vật.” “Rất tốt.” Katherine mỉm cười. “Và hãy để tôi trích dẫn nhà ký hiệu học yêu thích của tôi — đôi khi một thay đổi trong quan điểm là tất cả những gì cần thiết để tiết lộ Sự Thật.” Cô chạm vào màn hình iPad. “Đây là một đoạn video trực tiếp thứ ba từ cùng một phòng thí nghiệm. Và đây là sự thay đổi trong quan điểm của bạn, các quý ông.” Góc quay mới là một cái nhìn từ trên cao, nhìn xuống một chiếc bể cá duy nhất giống như những chiếc bể khác — những viên sỏi xanh, một loại tượng nhỏ nào đó, và một con cá vàng đơn độc đang bơi vòng. Thú vị thay, cái nhìn từ trên cao này cũng cho thấy rằng hai camera video đã được thiết lập bên cạnh bể, nhắm vào nó từ các vị trí khác nhau. “Tôi không hiểu,” Faulkman nói. “Các bạn đang xem hai video của cùng một bể,” Katherine nói. “Một bể. Một con cá. Được xem từ hai góc độ khác nhau. Sự tách biệt của chúng là một điều ảo tưởng. Chúng là một sinh vật duy nhất.” “Nhưng chúng rõ ràng đang ở trong hai bể khác nhau,” Faulkman phản đối. “Còn những bức tượng Có/Không? Chúng khác nhau... làm sao mà là một bể được?!” Langdon cúi đầu. “Markus Raetz,” anh thì thầm. “Tôi lẽ ra phải nhận ra điều này.” Katherine lấy từ túi của mình ra một bức tượng quen thuộc — một bản sao của bức tượng Có từ bể đầu tiên. Cô giữ nó lên, để Faulkman đọc được từ. Sau đó, cô xoay bức tượng chín mươi độ, và Faulkman nghe thấy mình thở hổn hển. Từ góc độ mới này, bức tượng trông hoàn toàn khác biệt. Từ hướng này... nó đọc là Không. “Tác phẩm nghệ thuật này,” Katherine nói, “là tác phẩm của nhà điêu khắc Markus Raetz, người — cũng giống như vũ trụ mà chúng ta sống — là một bậc thầy về ảo tưởng.” Langdon đã tháo đồng hồ Mickey Mouse của mình. “Bạn biết tôi không có con cái, Robert.” Cô cười. “Giữ lấy đồng hồ Mickey của bạn. Tôi làm điều này chỉ để minh họa một điểm về sự không thể. Và điểm này là: những gì tôi sắp kể cho bạn về ý thức con người sẽ có vẻ không thể vào lúc đầu — kỳ lạ như hai con cá vàng đồng bộ — nhưng nếu bạn cho phép mình một sự thay đổi quan điểm, mọi thứ sẽ bất ngờ trở nên có nghĩa... và những điều mà bạn từng thấy bí ẩn sẽ hiển hiện như ban ngày.” Từ khoảnh khắc đó, Faulkman thấy mình treo lơ lửng theo từng từ của cô. Bữa trưa trở thành một hành trình khám phá kéo dài ba tiếng đồng hồ, đầy tâm trí xoắn... bao gồm Katherine bên lên hứa hẹn với anh rằng cuốn sách của cô sẽ phác thảo một loạt các thí nghiệm tiên tiến mà cô đã thực hiện, và những kết quả không chỉ hỗ trợ cho mô hình mới này mà còn gợi ý rằng trải nghiệm con người hiện tại của chúng ta bị giới hạn một cách thảm hại so với những gì nó thực sự có thể trở thành. Cuối bữa trưa, Faulkman không chắc chắn liệu đầu óc quay cuồng của mình là do những ý tưởng của Katherine Solomon hay do quá nhiều rượu vang, nhưng anh biết một điều chắc chắn: Tôi nhất định phải xuất bản cuốn sách này. Anh nghi ngờ rằng bữa trưa này có thể là khoản đầu tư xuất bản tốt nhất mà anh từng thực hiện. Giờ đây, tuy nhiên, một năm sau, bị trôi trên sàn của một chiếc xe tải lạnh lẽo, anh đang có những suy nghĩ nghiêm túc về quyết định của mình. Anh chưa đọc một từ nào trong bản thảo và không biết gì về những thí nghiệm bí ẩn của cô, nhưng vẫn cảm thấy bối rối khi bất kỳ ai lại muốn tiêu diệt nó. Lạy Chúa, đó là một cuốn sách về ý thức con người! Những kẻ bắt cóc Faulkman đang ngồi gần đó, chú tâm vào các thiết bị của họ. “Này, các bạn?” Faulkman đã hỏi, rặng va vào nhau. Anh muốn giữ họ nói chuyện. “Có gì đặc biệt về cuốn sách này không? Bạn biết nó về khoa học, đúng không? Không có hình ảnh nào.” Không có lời đáp. “Nhìn này, tôi đang lạnh cóng. Điều này thật điên rồ. Nếu bạn có thể cho tôi biết tại sao bạn lại quan tâm đến bản thảo này, có thể tôi có thể—” “Chúng tôi không quan tâm chút nào,” Buzzcut nói. “Ông chủ của chúng tôi thì có.” “Darth Vader có thể đọc sao?” Buzzcut thực sự bật cười. “Có, và ông ta

muốn nói chuyện với bạn. Chúng tôi đang đồ xăng cho máy bay. Chúng tôi sẽ sớm rời đi đến Prague.” Faukman cảm thấy cơ thể mình căng cứng. “Chờ đã! Tôi sẽ không bao giờ đến Prague! Tôi không có hộ chiếu! Tôi cần cho mèo của tôi ăn!” “Tôi đã đánh cắp hộ chiếu của bạn từ căn hộ của bạn,” Buzzcut nói. “Và tôi đã bắn mèo của bạn.” Faukman giờ đây thật sự cảm thấy sợ hãi. “Điều đó không buồn cười... tôi thậm chí không có mèo. Chúng ta có thể nói về điều này không?” “Chắc chắn rồi.” Buzzcut tỏ ra tự mãn. “Còn plenty thời gian để trò chuyện trên máy bay.”

CHƯƠNG 40

Chợ Havelský đông nghẹt với giao thông di chuyển chậm. Cách đích đến vài dãy nhà, Langdon và Sasha rời bỏ taxi và đi bộ qua những con đường và ngõ hẻm rồi rầm hình thành khu dân cư của Phố Cổ. Khi theo sau Sasha về căn hộ của cô, Langdon ngạc nhiên khi biết rằng nhà của cô thực ra thuộc sở hữu của Brigita Gessner, người đã cho phép Sasha ở đó miễn phí. Một hành động tốt bụng không giống thường lệ, Langdon nghĩ, tò mò vì sao Gessner có vẻ rất quyết tâm giúp đỡ người phụ nữ trẻ này. Brigita Gessner là một điều bí ẩn. Trong khi có vẻ hào phóng và nhân ái với Sasha, tối qua trong bữa tiệc cocktail, cô đã trở nên không thể chịu nổi.

Vào một thời điểm, khi Langdon đang vô tư uống ly cocktail hương thịt xông khói không mấy dễ chịu, Gessner đã quay lại và đột ngột đặt anh vào tình thế khó xử. “Giáo sư Langford,” cô nói, chắc chắn rằng cô ý sai tên anh. “Katherine và tôi không đồng ý về một vấn đề, và chúng tôi muốn bạn phân xử cho chúng tôi.” Katherine nhăn mặt, rõ ràng không muốn kéo Langdon vào. “Bạn là một người có học thức,” Gessner nói, “và quan điểm của bạn về vấn đề này sẽ rất thú vị. Katherine và tôi có sự khác biệt về một vấn đề nằm ở cốt lõi của cuộc tranh luận vật chất trí tuệ. Đó là... cuộc sống sau cái chết.” Ôi trời ơi... “Vậy hãy cho chúng tôi biết,” Gessner thúc giục, “bạn tin điều gì? Khi bạn chết, đó có phải là kết thúc không? Hay có điều gì... khác?” Langdon do dự, cố gắng tìm cách điều chỉnh tình huống. “Như tôi đã nói nhiều lần,” Gessner chen vào, “tôi coi cuộc sống sau cái chết là một ảo tưởng trống rỗng—một ảo vọng được tôn giáo bán ra để thu hút những người yếu đuối và thiếu sức mạnh tâm lý.” Ôi giờ, tôi không muốn chạm vào vấn đề đó... “Và như tôi chắc bạn đã biết,” Gessner tiếp tục, “Katherine đã phát biểu công khai rằng cô ấy tin rằng những trải nghiệm ra ngoài cơ thể là bằng chứng mạnh mẽ cho thấy ý thức tồn tại bên ngoài não bộ và do đó có thể sống sót sau cái chết. Nói cách khác... đời sau là có thật.” Nhà thần kinh học nhấm nháp cocktail của mình một cách bình thản. “Vậy thì, giáo sư, bạn nghĩ sao?” “Tôi không có ý tưởng dứt khoát,” anh trả lời. “Tôi đã dạy về thần học cái chết, nhưng đó không thực sự là lĩnh vực của tôi—” “Câu hỏi thật đơn giản,” người phụ nữ cười nhạo, ngắt lời anh. “Nếu bạn đang hấp hối, và bạn thấy mình đang nhìn xuống cơ thể của mình trên bàn mổ, bạn có coi đó là bằng chứng cho một cuộc sống sau cái chết không? Hay là ảo tưởng do con thiếu oxy?” Tôi chưa bao giờ trải qua một cảm giác cận kề cái chết... tôi không biết mình sẽ nghĩ gì. Gặp gỡ gần như cái chết chỉ xuất hiện trong những trang sách của Raymond Moody trong cuốn sách ăn khách năm 1975, *Life After Life*, cuốn sách được cho là đã thuyết phục các nhà khoa học nhìn nhận nghiêm túc hơn về khả năng cái chết không phải là sự kết thúc của hành trình... mà thực ra chỉ là sự bắt đầu. Cuốn sách bao gồm hàng trăm trường hợp được tài liệu y tế ghi nhận về những người chết lâm sàng đã tỉnh dậy và báo cáo những trải nghiệm ra ngoài cơ thể rất tương tự—một điểm nhìn ngoài cơ thể, lơ lửng, di chuyển lên phía trên vào một đường hầm tối, tiến tới một ánh sáng rực rỡ, và, đặc biệt nhất, cảm thấy một cảm giác bình yên tuyệt đối và kiến thức vô hạn. Sau cuốn sách của Moody, câu hỏi không còn là liệu mọi người có đang trải qua những trải nghiệm ra ngoài cơ thể không... mà là thứ gì đang gây ra chúng, và chúng có nghĩa gì? Langdon chắc chắn nhận thức rằng cuộc sống sau cái chết là nền tảng của hầu hết mọi hệ tâm linh bền vững: người Thiên Chúa có thiên đường; người Do Thái có gilgul; người Hồi giáo có Jannah; người Hindu và Phật giáo có devaloka; các nhà triết học Thế giới Mới có tiền kiếp; Platon có chuyển sinh. Một điều thống nhất trong tất cả các triết lý tâm linh là linh hồn là... vĩnh cửu. Tuy nhiên, khi đến việc tin vào cuộc sống sau cái chết, Langdon chưa bao giờ có thể tách mình ra khỏi trại phái vật chất. Khái niệm về đời sau, anh tin, là một câu chuyện an ủi, một cơ chế đối phó, và nếu anh muốn trả lời câu hỏi của Gessner một cách chân thành... Những trải nghiệm cận kề cái chết là... ảo giác. Là một học giả về nghệ thuật được truyền cảm hứng từ tôn giáo, Langdon quen thuộc với những tác phẩm kiệt tác mô tả những tầm nhìn về một thế giới bên ngoài thế giới này—những sự mặc khải thiêng liêng, những tầm nhìn tâm linh, những sự hiện ra, sự cực lạc tôn giáo, những cuộc thăm viếng từ các thiên thần. Những người tín đồ coi những

trải nghiệm này là những cuộc gặp gỡ thực sự với các cõi khác, nhưng Langdon thầm tin chúng là một điều gì đó khác—những tầm nhìn sắc nét hấp dẫn do một khát khao tâm linh sâu sắc tạo ra. Có lý do mà Langdon thường nhắc nhở sinh viên của mình rằng hình ảnh của những ốc đảo chỉ được nhìn thấy bởi những người lữ hành khát nước trong sa mạc—và không bao giờ bởi những sinh viên đại học đi bộ trên sân. Chúng ta thấy những gì chúng ta muốn thấy. Và về mặt mong muốn, Langdon tưởng tượng rằng hầu hết mọi người trong con hấp hối đều muốn điều cơ bản giống nhau: không muốn chết. Và nỗi sợ cái chết, tất nhiên, không chỉ dành cho những người sắp chết. Đó là một nỗi sợ phổ quát... có lẽ là nỗi sợ phổ quát nhất. Độ salient của sự hữu hạn, như nó được gọi—sự nhận thức rằng chúng ta sẽ chết—khiến người ta sợ không phải vì chúng ta sợ mất đi cơ thể vật chất, mà vì chúng ta sợ mất đi kỷ niệm, ước mơ, mối liên hệ tình cảm của mình... về cơ bản, linh hồn của chúng ta. Các tôn giáo đã học được từ rất lâu rằng một tâm trí con người đối mặt với viễn cảnh đáng sợ của sự hư vô vĩnh cửu sẽ tin gần như bất kỳ điều gì. *Timor mortis est pater religionis*, Langdon suy ngẫm, nhớ lại câu nói cổ xưa được Upton Sinclair nổi tiếng. Nỗi sợ cái chết là cha của tôn giáo. Quả thật, mỗi tôn giáo trên thế giới đều đã sản xuất rất nhiều văn bản gợi ý về một cuộc sống sau cái chết—Sách của những người chết của người Ai Cập, những Sutras, những Upanishads, những Vedas, Kinh Thánh Thánh, Kinh Quran, Kabbalah. Mỗi tôn giáo đều có sự cứu rỗi riêng của mình, kiên trúc riêng của cuộc sống sau thế giới này, và phân loại tỉ mỉ về các linh hồn tham gia. Những tuyên bố tôn giáo này thường bị các nhà thanatologist hiện đại—những người nghiên cứu khoa học về cái chết—phớt lờ. Và thế nhưng, điều đáng ngạc nhiên là, các nhà khoa học ngày nay lại sẵn sàng thừa nhận rằng họ

đã có rất ít tiến triển trong việc trả lời câu hỏi cơ bản của lĩnh vực của họ: Điều gì xảy ra khi chúng ta chết? Câu hỏi này là, không thể so sánh, bí ẩn lớn nhất của cuộc sống... bí mật mà chúng ta đều khao khát biết. Mĩa mai thay, câu trả lời khó nắm bắt đó cuối cùng được tiết lộ cho mỗi người trong chúng ta... nhưng không có cách nào quay lại để chia sẻ điều đó. “Mèo cắn lưỡi bạn à?” Gessner hỏi, vừa cười vừa nhếch mép. “Không hẳn,” Langdon trả lời một cách tỏ ra khó chịu. “Tôi chỉ thấy lạ khi bạn chấp nhận như một sự thật tuyệt đối một tiền đề mà bạn không thể chứng minh. Trong thế giới của tôi, chúng tôi gọi đó là đức tin... không phải khoa học.” “Zbabełce,” Gessner hừ hừ. “Tôi biết bạn là một người theo chủ nghĩa vật chất, Giáo sư, và với một chút may mắn, ngày mai khi Katherine đến phòng thí nghiệm, tôi có thể thuyết phục cô ấy gia nhập chúng ta trong thế giới lý trí.” Nói xong, Gessner mở khóa chiếc cặp da của mình, lấy ra một tấm danh thiếp và đặt nó trước mặt Katherine. Langdon nhìn chăm chú vào tấm danh thiếp. “Đưa tấm danh thiếp này cho tài xế của bạn vào sáng mai,” Gessner nói. “Phòng thí nghiệm của tôi là riêng tư, nhưng địa điểm thì rất nổi tiếng. Pháo đài đó khá nổi tiếng thực tế.” Langdon thờ dãi trong lòng. Nổi tiếng vào thế kỷ 1300 có lẽ... Khi Gessner định đóng lại chiếc cặp, Langdon đã thoáng nhìn thấy những nội dung được tổ chức một cách tỉ mỉ—các tài liệu khác nhau trong các tập hồ sơ, một cây bút trong giá đỡ, một chiếc smartphone được cố định bằng một dây da, và một bộ sưu tập thẻ tín dụng, giấy tờ tùy thân, và thẻ từ tất cả được căn chỉnh hoàn hảo trong các túi trong suốt riêng biệt. Trong số đó, một biểu tượng thu hút ánh nhìn của anh. “Cái thẻ đó là gì?” anh hỏi, chỉ vào một thẻ đen thò ra khỏi một vỏ bọc chuyên biệt, bọc chỉ được thiết kế để bảo vệ những thẻ được trang bị nhận dạng tần số vô tuyến. Anh chỉ có thể nhìn thấy nửa inch phía trên của thẻ nhưng cảm thấy hứng thú với sáu ký tự được in đậm trên đó. Gessner liếc nhìn xuống thẻ, có chút chần chừ. “À, không có gì cả.” Cô đóng cặp lại. “Nó dành cho câu lạc bộ sức khỏe của tôi.” “Ồ?” Langdon nói. “Tôi tò mò. Ký tự thứ ba—nó là gì vậy?” Cô nhìn anh với ánh mắt kỳ lạ. “Bạn đang nói về Chữ A à?” “Đó không phải là một A,” Langdon nói, đã nhìn thấy rõ ràng. “Đó là một mũi giáo Vel.” Cả hai người phụ nữ đều tỏ ra bối rối. “Xin lỗi?” Gessner nói. “Cái thanh ngang là sự khác biệt,” Langdon nói. “Một A có một đường thẳng duy nhất. Biểu tượng đó có ba đường thẳng và một chấm. Bất cứ khi nào bạn thấy một lưỡi dao hướng lên—tức là, hình dạng của chữ A in hoa—với ba thanh ngang và một chấm, đó là một biểu tượng chuyên biệt với một ý nghĩa rất cụ thể.” “Nó có nghĩa là sức khỏe à?” Katherine cất tiếng, nghe có vẻ hơi say. Đâu có gần bằng, Langdon nghĩ. “Mũi giáo Vel là một biểu tượng Ấn Độ giáo về quyền lực. Mũi giáo đại diện cho sự khai sáng, một tâm trí tỉnh táo, cái nhìn vượt trội dùng để xé tan sự tối tăm của sự ngu dốt và chinh phục kẻ thù của bạn. Vị thần chiến tranh Ấn Độ, Murugan, mang theo mũi giáo bên mình mọi nơi.” Gessner có vẻ thực sự ngạc nhiên. “Giết kẻ thù bằng cái nhìn sâu sắc?” Katherine nói. “Một thông điệp kỳ lạ cho một câu lạc bộ sức khỏe.” Tôi đồng ý. “Ngẫu nhiên, hiển nhiên,” Gessner cười khẩy. “Tôi

chắc câu lạc bộ không có ý tưởng gì và đơn giản chỉ thích thiết kế đó.” Langdon im lặng, nhưng anh cảm thấy rất chắc chắn rằng Gessner đang che giấu điều gì đó. Một thẻ RFID được bảo vệ dường như là một chìa khóa công nghệ cao không bình thường cho một câu lạc bộ sức khỏe, và Gessner hầu như không giống một người sẽ chấp nhận việc tập thể dục cùng với những người không sạch sẽ. Hơn nữa, một câu lạc bộ sức khỏe địa phương có lẽ sẽ sử dụng phiên âm tiếng Séc, “PRAHA,” thay vì tiếng Anh. “Điều đó rất rõ ràng,” Gessner nói, nghe có vẻ khó chịu, “rằng các nhà biểu tượng học và các nhà tri thức học là một sự kết hợp hoàn hảo cho nhau.” Cô nhấp một ngụm đồ uống của mình. “Cả hai bạn đều thấy ý nghĩa ở những nơi không có gì.”

CHƯƠNG 41

Căn hộ tầng một của Sasha Vesna nhỏ nhưng ấm cúng—nội thất được trang trí hợp lý, được tổ chức tốt, và có nhiều ánh sáng tự nhiên. Khi Langdon bước vào, anh hít thở hương khói mạch nha lan tỏa trong không khí. “Trà Russian Caravan,” Sasha đề nghị, nghe có vẻ tự ý thức về mùi hương đáng chú ý. “Và tôi có mèo...” Như thể theo dấu hiệu, một cặp mèo Xiêm uyển chuyển xuất hiện ở cuối hành lang và tiến về phía họ. Langdon cúi xuống để vuốt ve chúng, và chúng nhanh chóng chạy lại để được chú ý. “Chúng thích đàn ông,” Sasha nói, rồi ngượng ngập thêm vào, “Không phải là chúng đã gặp nhiều đâu!” Langdon mỉm cười lịch sự. “Chà, chúng là những con vật xinh đẹp.” “Con đó là Sally. Còn đây là Harry. Tôi đã đặt tên cho chúng theo bộ phim yêu thích của mình.” Sasha chỉ vào một áp phích phim cũ treo gần đó. “Tiền sĩ Gessner đã tặng tôi cái đó.” Tên bộ phim bằng tiếng Nga, nhưng Langdon nhận ra Meg Ryan và Billy Crystal đứng đối diện nhau trước cảnh quan thành phố New York. Anh chưa bao giờ xem phim cổ điển *When Harry Met Sally*, nhưng đã nghe về cảnh “quan hệ tình dục” nổi tiếng ở một cửa hàng deli New York. “Tôi luôn yêu thích các bộ phim hài lãng mạn Mỹ,” Sasha nói. “Đó là cách tôi học tiếng Anh.” Cô ngẩng nhìn áp phích một lúc, đôi mắt cô mờ đi với nỗi buồn. “Những con mèo của tôi là một món quà từ Tiền sĩ Gessner.

...để tôi không phải ở một mình.” “Rất chu đáo của cô ấy,” Langdon nói. Sasha cười đôi giầy nặng và để chúng trên một tấm thảm cao su ngay bên trong cửa ra vào. Langdon cũng làm theo, cảm thấy vui vì lại được ra khỏi đôi giầy ướt. “Nhà vệ sinh ở kia nếu anh cần,” cô nói, chỉ tay về phía một góc hành lang. “Cảm ơn,” Langdon đáp. “Tôi sẽ dùng nó.” “Tôi sẽ pha ít trà,” cô nói, để lại anh và biến mất xuống hành lang. Langdon đứng một lúc, nhìn vào tấm áp phích, Katherine lại hiện về trong tâm trí anh. Đường chân trời New York và logo Columbia Pictures - một người phụ nữ trong bộ áo choàng cầm đuốc - gợi nhớ đến hình ảnh của Tượng Nữ Thần Tự Do... và bài giảng của Katherine tối qua. Cô ấy đang ở đâu ngay lúc này? anh tự hỏi khi đi đến nhà vệ sinh. Anh rất nóng lòng gọi điện đến Four Seasons để xem liệu Katherine đã quay trở lại khách sạn hay chưa, nhưng như Harris đã ám chỉ, ÚZSI sẽ đang tìm kiếm Langdon và Sasha vì đã tấn công một viên chức và rời khỏi hiện trường. Anh sẽ cần phải chờ attaché đến. Nhà vệ sinh chật chội nhưng ngăn nắp, và Langdon cảm thấy ngượng ngùng khi sử dụng không gian cá nhân của Sasha. Sau khi rửa tay, anh lau khô chúng trên quần của mình để không làm bẩn những khăn tay được sắp xếp hoàn hảo của Sasha. Khi nhìn vào gương, gương mặt nhìn lại anh trông như của một người lạ. Đôi mắt anh đỏ hoe, tóc rối, và những nếp nhăn căng thẳng sâu trên trán. Trời ơi, Robert, trông anh như quý. Với buổi sáng mà anh đã có, điều đó không có gì đáng ngạc nhiên. Chỉ cần đến đại sứ quán và tìm kiếm Katherine. Khi Langdon trở lại bếp, Sasha đang đồ thức ăn khô cho mèo vào hai bát trên quầy. Harry và Sally nhảy lên một cách không chút khó khăn và bắt đầu ăn thức ăn. Sasha tiến đến bếp, nơi có một ấm nước đang sôi. “Anh thích trà kiểu gì?” Với cà phê, anh muốn nói. “Trà không đường là hoàn hảo. Cảm ơn.” Cô đặt ra ba tách trà, ba đĩa lót, và ba muỗng. “Tôi sẽ vào nhà vệ sinh đây,” cô nói, di chuyển về phía cửa. “Sau đó tôi sẽ rót trà cho chúng ta. Michael sẽ đến trong khoảng mười lăm phút.” Langdon nghe thấy tiếng bước chân của cô vang lên trong hành lang và đóng cửa nhà vệ sinh lại. Căn hộ trở nên im lặng ngoại trừ tiếng nước sôi. Một mình trong bếp, Langdon nhìn điện thoại di động của Sasha trên quầy và lại bị cám dỗ gọi đến Four Seasons. Nhưng Janáček có lẽ đã theo dõi khách sạn vào lúc này, vì vậy chẳng ai biết Katherine đang ở đâu. Nước vừa bắt đầu sôi thì Langdon nghe thấy tiếng gõ mạnh ở cửa căn hộ. Thật kỳ lạ, anh nghĩ, nghi ngờ đó có thể không phải là Harris. Langdon đột nhiên cảm thấy lo sợ rằng Janáček hoặc Pavel có thể đã theo dõi họ đến đây... hoặc đoán một cách hợp lý để kiểm tra căn hộ của Sasha. Anh vội vàng chạy sang hành lang đúng lúc Sasha bước ra từ nhà vệ sinh, đang lau tay. Cô nhìn có vẻ lo lắng và ra hiệu im lặng với Langdon, “Có ai gõ cửa

không?” Langdon gật đầu. Qua vẻ mặt của Sasha, có vẻ như một vị khách là điều bất ngờ. Họ chờ đợi trong mười lăm giây trong im lặng hoàn toàn, nhưng không có tiếng gõ thứ hai. Sasha đi đến cửa và nhìn qua lỗ peep. Sau một lúc lâu, cô quay lại nhìn Langdon và nhún vai. Không ai cả. Langdon giờ đây thấy một mảnh giấy trắng nhỏ nằm trên sàn, thò ra từ dưới cửa. “Có người để lại cho anh cái gì đó,” anh thì thầm, chỉ vào đó. Sasha nhìn xuống và nhìn thấy mảnh giấy. Nhìn có vẻ bối rối, cô khụy xuống và kéo nó ra từ dưới cửa. Từ những gì Langdon có thể thấy, nó có vẻ như là một mảnh ghi chú viết tay. Sasha đứng lên và nhìn vào thông điệp, ngay lập tức hít một hơi bất ngờ. Với những ngón tay run rẩy, cô đưa mảnh giấy cho Langdon. “Nó dành cho anh.” Tôi à? Langdon cầm mảnh giấy và đọc, ngực anh ngay lập tức thất lại. Đây lo sợ, anh mở cửa căn hộ, lao ra ngoài hành lang vắng vẻ, và chạy ra khỏi tòa nhà vào tuyết, chỉ trong mỗi đôi tất. Xoay tròn trong nước bùn, anh gào lên vào không khí trống rỗng, “Ai đang ở đó?! Các người đã làm gì với cô ấy?!” Hai mươi yard từ chỗ Langdon đang gào thét, The Gollem đứng theo dõi từ bóng tối. Mảnh ghi chú mà The Gollem vừa đặt ở cửa nhà Sasha Vesna đã khơi dậy phản ứng như mong đợi. Nếu mọi thứ diễn ra theo kế hoạch, Robert Langdon sẽ sớm lao đi một mình đến một nơi hoang vắng. Nỗi sợ hãi là động lực.

CHƯƠNG 42

Michael Harris vẫn có thể nghe thấy cuộc gọi tuyệt vọng qua điện thoại của Sasha khi anh lái xe nhanh ra khỏi Crucifix Bastion. Tôi đang ở với Robert Langdon! Chúng tôi cần sự giúp đỡ của bạn! Khi anh đến đường chính, Harris rẽ phải, lao về phía bắc hướng đến căn hộ của Sasha. Một nơi mà tôi biết quá rõ, anh than thở, đã từng

đã ghé thăm nhiều lần, luôn đi ngược lại với phán đoán tốt hơn của mình. Harris lần đầu gặp Sasha cách đây hai tháng tại David Rio Chai Latte, nơi Sasha dừng lại mỗi sáng trên đường đến nơi làm việc. Sasha đang ngồi một mình tại một bàn đứng, và Harris tiếp cận cô với nụ cười. “Privet, Sasha,” anh nói bằng tiếng Nga. Xin chào, Sasha. Cô gái cao với mái tóc vàng nhìn lên, có vẻ hoảng hốt. “Sao anh biết tên tôi?” Harris mỉm cười và chỉ vào cốc giấy của cô, trên đó người pha chế đã viết: □ š. “Ồ, “Sasha nói, nhìn có chút ngại ngùng nhưng vẫn không chắc chắn. “Nhưng...anh đã nói tiếng Nga.” “Một sự đoán may mắn,” Harris nói. “Tôi nghe được giọng của cô khi cô gọi đồ.” Giờ thì Sasha trông có vẻ xấu hổ. “Tất nhiên. Xin lỗi vì đã nhút nhát. Người Nga không phải là người phổ biến nhất ở Prague.” “Hãy thử làm người Mỹ!” anh trả lời, cho cô thấy cốc của mình. “Người pha chế cố tình viết sai tên tôi, tôi chắc chắn.” Anh mỉm cười và giả giọng Bogart tốt nhất của mình. “Trong tất cả các quán cà phê ở tất cả các thị trấn trên toàn thế giới, tôi bước vào quán này.” “Casablanca!” Cô rạng rỡ. “Tôi yêu bộ phim đó!” Trong nửa giờ tiếp theo, họ đã trao đổi những câu chuyện, và Sasha chia sẻ một câu chuyện đầy xúc động về bệnh động kinh nghiêm trọng và sự bỏ rơi trong một bệnh viện tâm thần ở Nga...cho đến khi một bác sĩ phẫu thuật thần kinh đã cứu cô và đưa cô đến Prague. “Và bác sĩ Gessner đã chữa cho cô?” Harris hỏi. “Hoàn toàn,” Sasha nói, lòng biết ơn trong đôi mắt. “Bà ấy đã phát minh ra một thiết bị cấy ghép não mà tôi có thể kích hoạt bằng cách chà một chiếc gậy từ tính lên đầu mỗi khi tôi cảm thấy có đám mây.” “Đám mây?” “Vâng, xin lỗi, trước khi cơn động kinh ập đến, người bị động kinh thường cảm thấy cảnh báo mờ mờ, ngứa ran...giống như cảm giác châm chích trước khi bạn hắt hơi. Khi điều đó xảy ra, tôi chà gậy lên đầu, và nam châm kích hoạt chip bên trong não của tôi.” Cô hesitated, đột nhiên cảm thấy tự ti. “Xin lỗi, nó có vẻ không hấp dẫn khi nói về điều đó.” “Chẳng sao cả—tôi không thấy gì cả,” Harris nói thật lòng. “Nếu có sẹo, chúng hoàn toàn bị giấu kín dưới từng lọn tóc vàng xinh đẹp kia!” Lời khen là chân thành, nhưng Sasha đã quay mặt đi, đột nhiên có vẻ không thoải mái. “Tôi không thể tin là tôi đã nói với anh tất cả điều này. Thật xấu hổ. Tôi không nói chuyện với nhiều người, vì vậy...dù sao, tôi phải đi làm.” Cô đột ngột uống cạn phần chai còn lại và nhanh chóng bắt đầu thu dọn. “Tôi cũng phải đi,” Harris nói, “nhưng thật vui khi được nói chuyện, và nếu cô muốn ăn trưa cùng nhau lúc nào, tôi rất muốn nói chuyện nhiều hơn.” Sasha có vẻ ngạc nhiên với lời đề nghị đó. “Không, tôi không nghĩ đó là một ý tưởng tốt.” “Tất nhiên rồi, xin lỗi,” Harris nói, lúng túng. “Tôi không có ý nghĩ đến buổi hẹn hò. Tôi chỉ... dù sao, có lẽ cô đang gặp ai đó, vì vậy—” “Tôi? Không, tôi không gặp ai cả,” cô nói một cách vụng về. “Chỉ là...” Đôi mắt cô đột nhiên ngẩn lệ, như thể cô sắp vỡ òa. “Ồi không!” Harris nói, bối rối. “Tôi không có ý làm cô buồn.” “Là lỗi của tôi...” cô nói, giọng nói mong manh. “Tôi xin lỗi...tôi chỉ sợ rằng nếu anh biết tôi...anh sẽ rất thất vọng.” “Tại sao cô lại nói như vậy?” Cô lau nước mắt và nhìn anh. “Michael, tôi không giỏi trong...bạn biết đấy, các mối quan hệ. Tôi đã trải qua phần

lớn cuộc đời một mình và phải dùng thuốc mạnh. Tôi có vấn đề về trí nhớ nghiêm trọng, rất nhiều sẹo xấu từ cơn co giật—” “Dừng lại ở đó,” Harris nói. “Tôi thấy cô rất quyến rũ. Và xét theo những gì cô đã trải qua, cô thực sự dễ nói chuyện.” “Thật sao?” Cô đỏ mặt. “Vây chắc hẳn là do sự đồng hành.” Họ đã nói thêm một chút nữa, và cuối cùng Sasha đồng ý gặp lại anh. Hai tuần sau, sau một bữa trưa, một bữa tối, và một buổi tối dạo chơi trong Vườn Wallenstein, Harris cảm thấy mình đã biết tất cả những gì mình sẽ biết về Sasha Vesna. Cô là một người phụ nữ đơn giản không có bạn bè, dành toàn bộ thời gian làm việc tại phòng thí nghiệm của Gessner hoặc ở nhà xem phim cũ với những chú mèo của mình. Sasha là một người sống khép kín... và cô đơn. Thật không may, Harris cảm thấy ngày càng không thoải mái với mối quan hệ đang sâu sắc này. Nếu cô ấy phát hiện nguyên nhân thật sự mà tôi đang gặp cô, điều đó sẽ hủy hoại cô. Bị đè nén bởi cảm giác tội lỗi, Harris tự trách mình vì đã đồng ý làm điều này. Đã đến lúc tôi chấm dứt màn kịch này. Tập hợp quyết tâm, Harris đã leo lên cầu thang đá cẩm thạch đến văn phòng của đại sứ. Anh gõ cửa vẫn mở, và cô vẫy tay cho vào. Đại sứ Heide Nagel là một người phụ nữ 66 tuổi, tốt nghiệp Luật tại Columbia. Là con của những người nhập cư Đức, bà đã đến Mỹ từ khi bốn tuổi và vươn lên đứng đầu lĩnh vực của mình. Họ tên Đức của bà, như đã được công khai nhận xét, thực sự có nghĩa là “móng”—như trong “cứng như thế.” Với đôi mắt khó đoán và cách cư xử lịch sự ngoại giao, bà thường dễ dàng đổ lỗi vào một cảm giác an toàn giả trước khi bà loại bỏ họ. Ngay cả trang phục hằng ngày của Nagel cũng dường như được tính toán để làm giảm đi ảnh hưởng của bà—những bộ đồ đen đơn giản, giày thoải mái và kính đọc sách trên một chiếc dây trông như phù hợp hơn với một

thư viện hơn là một nhà ngoại giao. Cô ấy để mái tóc đen thẳng mượt với một mái tóc cắt bằng và rất ít trang điểm. “Michael,” cô nói, đóng laptop lại. “Tôi có thể giúp gì cho bạn?” Harris bước vào và đứng trước bàn làm việc của cô. “Thưa bà, tôi e rằng tôi không còn thoải mái với dự án ngoại sách mà bà đã giao cho tôi.” “Ồ?” Nagel tháo kính ra và ra hiệu cho anh ngồi. “Vấn đề là gì?” Harris làm rõ cổ họng và ngồi xuống. “Như tôi đã báo cáo, thưa bà, Sasha Vesna là một người phụ nữ trẻ ngây thơ đã bị ngược đãi một cách khủng khiếp khi còn nhỏ và chỉ đang cố gắng hết sức để sống một cuộc sống bình thường. Không còn gì nữa để tôi học. Đến thời điểm này, tôi chỉ cảm thấy rằng việc tiếp tục nói dối cô ấy là, ừm... về mặt đạo đức là sai.” Anh không để cho mối quan hệ của họ trở nên quá thân mật, nhưng Harris vẫn cảm thấy trái tim của Sasha đang mở ra với anh. “Tôi hiểu,” Nagel nói. “Ban đầu, tôi đã nghĩ bạn sẽ nói điều gì đó nguy hiểm. Tôi hy vọng bạn biết nếu có nguy hiểm, tôi sẽ ngay lập tức rút bạn ra.” Harris tin cô. Nagel điều hành đại sứ quán này bằng một bàn tay sắt, nhưng cô cũng rất trung thành với nhân viên của mình. “Không, thưa bà,” anh trấn an cô, “tôi không thấy có nguy hiểm nào. Vấn đề là Sasha đang trở nên gần bó. Về mặt đạo đức, nó cảm thấy...” “Không trung thực?” Đại sứ trông gần như là thú vị. “Tôi phải nói, Michael, tôi thấy thật mỉa mai khi bạn lại trích dẫn đạo đức là lý do bạn muốn ngừng gặp Sasha.” “Tôi xin lỗi?” Đại sứ đứng dậy và đi đến quầy bar ướt ở góc phòng làm việc của cô. Không nói một lời, cô rót nước khoáng Vincentka vào một ly và quay trở lại, đưa cho anh. Sau đó, cô ngồi lại sau bàn làm việc, nâng mắt nhìn anh. “Nghĩ ngợi của tôi,” cô nói, “là lý do thật sự bạn muốn ngừng gặp Sasha Vesna là vì bạn sợ liên lạc viên PR của tôi, cô Daněk, sẽ bắt gặp bạn dành thời gian với một người phụ nữ khác.” Harris cố gắng duy trì một vẻ mặt poker, nhưng anh cảm thấy mình sụp đổ. Đại sứ biết tôi đang gặp Dana?! Mọi lập trường đạo đức mà Harris đã hi vọng sẽ có chỉ còn lại hơi thở. “Tôi hy vọng bạn hiểu,” Nagel nói, “là đại sứ quán này có chính sách không khoan nhượng về các mối quan hệ giữa nhân viên.” Cô dừng lại, như thể đột nhiên nhớ ra. “Ồ, tất nhiên, bạn biết chính sách này... Bạn đã giúp soạn thảo nó.” Chết tiệt. “Thư giãn đi,” Nagel nói một cách bình tĩnh, “tôi không có ý định sa thải bạn. Tôi chỉ đơn giản là khai thác một điểm yếu phục vụ cho đất nước của tôi.” “Đó là một cách nói khá hoa mỹ cho ‘cường chế’,” anh nói. “Bạn là một luật sư, Michael, vậy hãy coi đó như một sự đàm phán hiệu quả. Và tin tôi đi, tôi sẽ không áp dụng áp lực này nếu cấp trên của tôi không áp dụng áp lực tương tự với tôi.” “Với sự tôn trọng, thưa bà, tôi thấy khó mà tin rằng tổng thống của chúng ta quan tâm đến một người Nga mắc chứng động kinh với hai con mèo tên Harry và Sally.” “Đầu tiên, Nhà Trắng không phải là thực thể quyền lực duy nhất mà tôi phải chịu trách nhiệm. Thứ hai, cấp trên của tôi không nói rõ về mối quan tâm của họ đối với Sasha Vesna, chỉ rằng họ muốn được biết những bí mật mà cô ấy đang chia sẻ với những người mà cô ấy tin tưởng.” “Sasha không có bí mật nào!” Harris khẳng định. “Cô ấy là một cuốn sách mở, và cô ấy chỉ hạnh phúc khi có ai đó để nói chuyện.” “Chính xác. Và bây giờ bạn đã thiết lập được vị trí đó, điều này rất có giá trị. Bạn cần giữ cho cô ấy nói chuyện. Trong khi đó, tôi sẽ bỏ

qua tình huống của bạn với Dana, và tôi sẽ nói với cấp trên của mình để trả cho bạn gấp đôi những gì họ đang trả cho bạn cho dự án đặc biệt này.” Harris sững sờ. Sự bồi thường tài chính bổ sung của anh đã quá hào phóng. Ai lại háo hức theo dõi Sasha Vesna đến vậy? Và tại sao? “Và Michael,” cô nói, “nếu dự án này cảm thấy thậm chí chỉ một chút nguy hiểm, bạn hãy cho tôi biết, và tôi sẽ ngừng nó.” Cô khóa chặt mắt với anh. “Thỏa thuận?” Harris nhìn xuống bàn tay giờ ra của cô, sững sờ với cách cô dễ dàng đạt được tình thế thắng. Dù có những nghi ngờ bên trong, anh nghi ngờ rằng nếu anh không thực hiện điều này, ai đó có thể có những biện pháp quyết liệt hơn. Sasha không xứng đáng với điều đó. Anh bắt tay với đại sứ. Trong những tuần tiếp theo, mối quan hệ của Harris với Sasha tự nhiên tiến triển thành một mối tình thể xác ngượng ngùng. May mắn thay, Sasha cực kỳ thiếu kinh nghiệm, và Harris kiên quyết rằng họ nên tiến từng bước một cách rất chậm rãi. Tính đến thời điểm này, sự thân thiết lớn nhất mà họ đã chia sẻ là nằm trong vòng tay của nhau trên giường của cô, chủ yếu là mặc quần áo, xem những bộ phim hài lãng mạn cổ điển của Mỹ cho đến khi cả hai thiếp đi. Giờ đây, khi Harris lao về phía bắc để gặp Sasha và Langdon, anh ngẫm về mọi điều anh đã học sáng nay từ đại sứ. Quy mô của cuộc hoạt động đang diễn ra ở Prague vượt quá trí tưởng tượng của anh. Ngay cả khi không có những thông tin cụ thể, Harris biết anh đang gặp nguy hiểm. Đã đến lúc rời đi. Khi anh gần đến Phố Cổ, Harris tự nhắc nhở mình một cách trang trọng.

lời thề. Bất kể hậu quả ra sao, đây sẽ là lần gặp gỡ cuối cùng của tôi với Sasha Vesna... mãi mãi.

R

CHƯƠNG 43

Robert Langdon đi đi lại lại một cách lo lắng quanh căn bếp nhỏ của Sasha Vesna, những đôi tất ướt sũng của anh để lại dấu chân trên nền gạch của cô. Điều này không thể xảy ra. Anh lại nhìn vào mảnh giấy đã xuất hiện trước đó dưới cửa ra vào của Sasha. Lời ghi chú viết tay đã làm xáo trộn thế giới của anh. Tôi đã có Katherine. Hãy đến Tháp Petřín. Bộ não của anh quay cuồng với những câu hỏi đau đớn. Bạn là ai? Bạn đã làm gì với cô ấy? Tại sao phải đến Tháp Petřín? Tháp Petřín cao hai trăm feet của Prague không xa trung tâm thành phố, nằm trên một ngọn đồi rậm rạp. Lịch sử đầy kịch tính của khu rừng với những hy lễ tâm linh không giúp anh bình tĩnh hơn. Langdon không thể hình dung nổi lý do nào có thể khiến ai đó bắt cóc Katherine Solomon. Hãy đến Tháp Petřín... tại sao?

“Chúng ta chắc chắn đã bị theo dõi đến đây,” Sasha nói, với giọng nói đầy sợ hãi. “Có thể từ bên taxi? Có thể đây là ÚZSI, nhưng—”

“Tại sao quái quỷ ÚZSI lại bắt cóc Katherine?!”

“Tôi không biết.” Sasha trông rất rối bời. “Michael sẽ biết phải—”

“Tôi không thể chờ Michael,” Langdon cắt ngang, vội vàng chạy lên hành lang để tìm đôi giày của mình. “Tôi phải đi ngay bây giờ.” Katherine đang gặp nguy hiểm. Tôi cần đến đó càng sớm càng tốt. Khi anh trượt đôi tất ướt của mình vào trong đôi giày, Sasha mở tủ quần áo ở hành lang và lấy áo khoác của mình.

“Không, Sasha,” anh ngắt lời, “Điều tốt nhất bạn có thể làm là ở lại đây, gặp Michael, để anh ấy dẫn bạn đến đại sứ quán Mỹ và kể cho họ mọi thứ bạn biết. Tất cả. Bao gồm những gì đã xảy ra với Brigita, đặc vụ ÚZSI, mảnh giấy này, việc tôi đến Tháp Petřín, mọi thứ.” Langdon đã từng chứng kiến khả năng bùng phát bạo lực bất ngờ của Sasha, và anh không thể để mình đến Tháp Petřín với một yếu tố không thể đoán trước.

“Được,” cô nói, với tay vào túi xách, “nhưng nếu bạn đi một mình, ít nhất hãy cầm cái này.” Cô rút ra một khẩu súng của Pavel. Langdon chùn lại theo phản xạ. Anh luôn cảm thấy không thoải mái với vũ khí và biết đủ về những cuộc xung đột để không thêm một khẩu súng vào tình huống nếu không cần thiết. Anh không muốn mang một vũ khí bị đánh cắp của ÚZSI qua các con phố của Prague, đặc biệt là khi anh không có cách nào để vận chuyển nó ngoài việc nhét vào thắt lưng quần, một kỹ thuật mà, mỗi khi anh thấy trong phim, dường như là một rủi ro điên rồ.

“Tôi sẽ cảm thấy yên tâm hơn nếu bạn giữ nó,” anh nói. “Rõ ràng, người đã để lại mảnh giấy đó biết nơi bạn sống. Giấu nó trong một ngăn tủ bếp... và nếu bạn thực sự cần nó, bạn sẽ biết nó ở đâu.”

Sasha suy nghĩ một chút rồi gật đầu. “Được, nhưng cái này bạn nên lấy.” Cô đi đến một cái móc trên tường và lấy một chiếc vòng khóa bằng nhựa với một chiếc chìa khóa. “Chìa khóa dự phòng của tôi. Nếu bạn và Katherine cần một nơi an toàn để đi hoặc ẩn nấp, hãy đến đây. Tôi không biết Michael sẽ đề xuất

chúng ta làm gì, vì vậy có thể chúng ta sẽ không ở đây khi bạn đến, nhưng ít nhất bạn sẽ có một cách vào.”

“Cảm ơn,” Langdon nói, nghi ngờ rằng anh sẽ quay lại. Tuy nhiên, anh chấp nhận lòng tốt của cô, lưu ý rằng vòng khóa của cô là một hình cắt bằng nhựa của một con mèo xòe cánh, với dòng chữ “Krazy Kitten.” Anh bỏ vào túi. “Tôi sẽ tìm một chiếc điện thoại và gọi cho bạn ngay khi tôi biết chuyện gì đang xảy ra.”

“Bạn sẽ cần số của tôi.”

“Tôi có số điện thoại di động của Michael.”

Cô trông ngạc nhiên. “Ông ấy đã cho bạn số riêng của mình?”

“Tôi đã thấy bạn gọi số đó trong xe,” Langdon nói.

“Và bạn nhớ nó?”

“Nào kỳ cục,” Langdon nói. “Tôi không quên mọi thứ.”

“Thật là tốt,” cô nói. “Tôi thì có vấn đề ngược lại. Tôi không thể nhớ mọi thứ. Ký ức bị rơi tung...rất nhiều chỗ trống.”

“Từ bệnh động kinh?”

“Vâng, nhưng Brigita đã làm việc với tôi về điều đó...” Langdon mỉm cười an ủi. “Nghe có vẻ như bác sĩ Gessner rất quan tâm đến bạn.”

“Cô ấy đã cứu sống tôi.” Sasha trông buồn bã. “Tôi hy vọng mình không quên cô ấy nữa.”

“Bạn sẽ không quên,” Langdon đảm bảo với cô, tiến về phía cửa. “Và hãy tin tôi, việc nhớ tất cả không phải lúc nào cũng là một điều tốt.”

F

CHƯƠNG 44

Từ giây phút Jonas Faulkman bị ném vào chiếc xe này, anh đã cố gắng quản lý nỗi sợ hãi của mình bằng một sự thờ ơ giả vờ, nhưng điều đó đang trở nên khó khăn khi cảm giác đáng sợ rằng anh sắp bị bắt cóc đến Prague. Tiếng động cơ máy bay đang gầm rú gần đó, kết hợp với việc mất cảm giác ở tay, khiến anh gần như rơi vào tình trạng hoảng loạn.

“Tôi sẽ nói với các phi công rằng chúng ta đã sẵn sàng,” Buzzcut nói với đồng tác của mình. “Sau đó chúng tôi sẽ đưa anh ta lên.” Anh mở cửa trượt và bước ra ngoài, để lại cánh cửa mở toang như một hình phạt để trừng phạt Faulkman vì sự xúc phạm của anh ta.

“Đang lạnh quá...” Faulkman nói với người đàn ông còn lại. Không có phản hồi. Tiếng rên rỉ của máy bay đã lớn hơn nhiều bây giờ, và Faulkman...

cuối cùng đã có thể nhìn thấy xung quanh mình. Chiếc xe van đậu trên một con đường dịch vụ có cây cối, phía sau một tòa nhà trắng chỉ cách đó vài trăm yard. Faulkman đã tưởng tượng rằng mình đang ở một căn cứ không quân bí mật chuẩn bị lên một chuyến vận tải quân sự, nhưng bằng hiệu sáng đèn trên tòa nhà lại kể một câu chuyện rất khác. “Chà.” Tôi đang ở Jersey?! Signature là một nhà ga máy bay riêng nổi tiếng tại Sân bay Teterboro của New Jersey. Chỉ cách Manhattan hai mươi phút, FBO sang trọng này là một trung tâm cho những người giàu có ở Manhattan nhảy lên những chiếc máy bay riêng của họ để thực hiện các chuyến công tác hoặc tới những ngôi nhà nghỉ dưỡng hẻo lánh trên những sườn đồi của Aspen hoặc những bãi biển của West Palm. Trong một khoảnh khắc, Faulkman cảm thấy nhẹ nhõm khi không ở một căn cứ quân sự, nhưng rồi, khi sự thật bắt đầu ngấm dần, anh tự hỏi liệu điều này có thể tồi tệ hơn nữa. Ít nhất quân đội có những quy trình nhất định, và Faulkman là một công dân Mỹ. Nếu những kẻ côn đồ này thực sự là lính đánh thuê làm việc cho một ai đó giàu có quốc tế nào đó, thì không có quy tắc chiến đấu. Họ có thể đưa tôi ra khỏi đất nước... và không ai thậm chí biết tôi đã biến mất! Khi một cơn gió mùa đông lạnh lẽo tuôn vào trong xe van, gã phía trước đặt máy tính xách tay xuống và leo trở lại giữa các ghế, sau đó kéo cửa trượt lại. “Cậu nói đúng đấy, bạn ạ, lạnh thật.” Người đàn ông có những nét mặt mềm mại hơn Buzzcut, có nguồn gốc châu Á lai, và giống như đồng tác của mình, anh ta có vẻ ngoài quân nhân gọn gàng. “Tay cậu thế nào?” anh ta hỏi. “Thật lòng mà nói, nếu thế này kéo dài thêm nữa, tôi nghĩ có thể tôi sẽ mất chúng.” “Để tôi xem.” Người đàn ông điều chỉnh ngai sau Faulkman và kiểm tra tay anh. “Ừ. Không ổn chút nào.” Anh ta rút một con dao quân đội ra. “Cứ đứng yên đó. Tôi sẽ cắt cậu tự do và buộc một cái dây lỏng hơn một chút, được chứ?” Faulkman gật đầu, tâm trí vẫn quay cuồng với những gì anh vừa thấy bên ngoài. “Đừng có những trò ngu ngốc và đừng đùa với tôi,” người

đàn ông nói. “Nhớ, tôi là người đang cầm dao.” “Hiểu rồi.” Một khoảnh khắc sau, tay Faulkman đã tự do. Anh nhẹ nhàng đưa cánh tay về phía trước và uốn ngón tay để khơi thông máu. Người đàn ông đứng sau anh quay lại và ngồi xuống chiếc thùng, dao đã sẵn sàng. “Tôi sẽ cho cậu sáu mươi giây,” anh ta nói. “Cảm ơn.” Faulkman nhắm mắt khi những mũi kim căng thẳng đau đớn trở lại trên cổ tay và ngón tay của anh. “Xin lỗi về đối tác của tôi,” người đàn ông nói. “Auger có thể hơi... căng thẳng.” “Thuật ngữ văn học phù hợp là ‘kẻ đáng ghét,’” Faulkman trả lời. Người đàn ông cười thành tiếng. Hai người ngồi im lặng trong khi Faulkman tiếp tục xoa bóp tay mình. Những ngón chân của anh cũng cảm thấy như bị đóng băng; đôi giày chạy mà anh đã đi khi rời văn phòng không thật sự cách nhiệt. “Cậu có muốn mặc lại áo khoác không,” người đàn ông hỏi, “trước khi tôi buộc một cái dây mới lên cổ tay cậu?” Faulkman nhìn chiếc áo khoác của mình trên sàn. Chắc chắn rồi! Một nửa đứng dậy và nửa quỳ, Faulkman vụng về trượt đôi tay đau nhức của mình vào áo khoác và cảm nhận được sự ấm áp. Anh cố gắng cài cúc, nhưng những ngón tay vừa tan băng của mình từ chối. “Có thể giúp chút không?” anh nói, nhìn về phía kẻ bắt giữ mình, người đang ngồi trên thùng sửa với con dao của mình. Người đàn ông lắc đầu. “Và để xuống vũ khí của tôi? Xin lỗi bạn. Tôi không tin cậu.” “Tôi nghĩ cậu đã đánh giá quá cao khả năng anh hùng của tôi,” Faulkman nói, quần áo khoác quanh người mình cách tốt nhất có thể, vui mừng khi cảm thấy điện thoại di động của mình trong túi, đúng nơi anh đã để nó. “Được rồi,” người đàn ông nói. “Để tôi buộc cậu lại lần nữa.” “Cậu có thể cho tôi thêm một phút nữa không? Tay tôi đau quá.” “Bây giờ,” người đàn ông ra lệnh. “Quay lại.” Faulkman tuân theo, quay 180 độ và đối mặt với phía sau trong xe van. Khi làm vậy, anh phát hiện mình có một tầm nhìn rõ ràng ra bên ngoài qua cửa sổ ở cửa sau của xe van. Qua đó, anh có thể thấy tòa nhà Signature Aviation. Anh cũng thấy bãi đỗ xe, nơi một chiếc SUV đang chờ đợi, khói thải bốc lên trong không khí lạnh buổi sáng. Cửa tài xế của chiếc SUV mở, nhưng ghế trống, tài xế có lẽ đang ở trong nhà ga nhỏ. “Tôi sẽ để lỏng một chút cho bây giờ,” người đàn ông nói, buộc lại cổ tay Faulkman. “Nhưng chúng ta sẽ phải thắt chặt lại khi đối tác của tôi quay lại.” “Cảm ơn.” Người đàn ông hoàn thành việc buộc tay anh, và Faulkman xoay cổ tay nhẹ nhàng, ngạc nhiên khi nhận thấy các dây buộc lỏng đến mức anh có thể có khả năng trượt ra khỏi chúng. “Sẽ quay lại ngay—tự nhiên gọi,” người đàn ông nói, rời khỏi xe van qua cửa bên và đóng nó lại. Faulkman quay lại và theo dõi qua kính chắn gió khi người đàn ông đi qua trước xe van,

đi vài bước vào rừng và tháo thắt lưng. Sau đó, anh bắt đầu tiểu bên cạnh một cái cây. Với việc đã biên tập tất cả các cuốn sách của Langdon về các biểu tượng, dấu hiệu và ý nghĩa ẩn giấu, Faulkman hoàn toàn không nghi ngờ cách mà giáo sư sẽ phân loại khoảnh khắc này. Một dấu hiệu gia thế. Faulkman sẽ gọi nó bằng cái tên ít thơ mộng hơn một chút. Cơ hội cuối cùng của tôi. Cố gắng trốn thoát khỏi những gã đàn ông có súng thật sự điên rồ... nhưng không điên rồ bằng việc để cho họ bắt cóc anh tới một đất nước lạ mà không phản kháng. Kịch bản tệ nhất là họ lại bắt được anh và ném anh lên máy bay. Qua kính chắn gió, Faulkman có thể thấy người đàn ông vẫn đang tiểu. Một khi đã bắt đầu, thật khó để dừng lại. Và cho đến khi dừng lại, thật khó để chạy. Faulkman quyết định ngay lập tức, cảm kích vì những giờ phút không đếm xuể đã dành cho việc chạy bộ ở Central Park. Nếu họ cố bắn... tôi sẽ là một mục tiêu đang di chuyển. Anh nhanh chóng tuột tay ra khỏi nơ và kiểm tra rằng người đàn ông không đang theo dõi. Đây là thời điểm... Anh nắm lấy tay cầm cửa sau của chiếc xe van, nhấn xuống, và nhẹ nhàng kéo cửa mở. Sau đó, anh cúi người xuống và nhảy ra ngoài. Ngay khi chân anh chạm vào mặt đất rắn chắc, anh lao đi nhanh như tên bắn xuống con đường vào, vượt qua cơn đau ở những bắp chân cứng đờ. Anh là một người chạy có kinh nghiệm, và đôi chân của anh phản ứng dễ dàng với sự đột xuất này. Chiếc áo khoác len của anh bay phấp phới phía sau khi anh tăng tốc và nhắm đến chiếc SUV đang nổ máy ở phía xa. Faulkman liếc qua vai và thấy kẻ bắt cóc mình vụng về kéo khóa và cố gắng đuổi theo. Không có cơ hội, anh nghĩ, cảm nhận được gió thổi vào mặt. Người đàn ông đang theo đuổi kêu lên khi Faulkman tiếp cận chiếc SUV. Một phát súng vang lên, và một viên đạn bay ngang qua đầu Faulkman. Chúa ơi! Faulkman đến được chiếc SUV đang nổ máy, lao vào ghế tài xế, đập cửa lại và đưa xe vào số. Anh đạp ga hết cỡ và chiếc SUV lao đi, bánh xe kêu vút lên khi nó băng qua vành phân cách, lao ra ngoài bãi đỗ xe ra đường Industrial Avenue. Khi Faulkman phóng đi, bỏ lại Signature Aviation và những kẻ bắt cóc đằng sau, anh kéo điện thoại từ túi áo khoác, giơ lên mặt và hét, “Này, Siri! Gọi Robert Langdon!” Cách một trăm yard, nhân viên tên Chinburg dừng lại, kết thúc việc kéo khóa, và bình tĩnh nhìn chiếc SUV biến mất vào màn đêm. Khi chiếc xe đã khuất dạng, anh quay trở lại chiếc xe van. “Sạch sẽ rồi,” anh thông

báo. Đối tác của anh với kiểu tóc buzz cut, Auger, bước ra khỏi chỗ ẩn nấp. “Điện thoại?” “Đã lấy. Anh ta đã lấy nó.” “Làm tốt lắm.” Mặc dù con mồi của họ có kinh nghiệm phong phú trong việc biên tập tiểu thuyết hồi hộp, nhưng người đàn ông vừa mới mắc bẫy một cách đơn giản nhất trong quy trình thẩm vấn—kẻ bỏ trốn. Đe dọa tính mạng của ai đó, và họ sẽ luôn thực hiện điều không thể tránh khỏi nếu bạn cho họ cơ hội—chạy trốn. Không có máy bay đang chờ, không có chuyến bay nào đến Prague. Họ chỉ đơn giản là đã đậu xe van ở một con đường vào bên cạnh dịch vụ Signature Aviation của Teterboro, gọi một nhân viên thứ ba giả làm tài xế, và sau đó tạo ra ảo giác về một khoảnh khắc chạy trốn hoàn hảo. Faulkman đã mắc câu... và chiếc xe tẩu thoát của anh có thiết bị theo dõi. Đôi khi, trước khi cho một kẻ bỏ trốn chạy trốn, họ sẽ gắn một thiết bị giám sát lên con mồi, nhưng trong trường hợp của Faulkman, không cần thiết; anh đã mang theo một bộ phát hai chiều mạnh mẽ có GPS—chiếc smartphone của chính mình. Trong khi Faulkman bị bịt mắt, những nhân viên đã lặng lẽ lấy điện thoại của anh khỏi áo khoác, cắm vào laptop, vượt qua mã khóa của anh, và tải lên một loạt phần mềm độc quyền trước khi thay thế điện thoại vào túi anh. “Chúng ta có hoạt động,” Chinburg thông báo, khuôn mặt của anh được chiếu sáng bởi màn hình iPad, hiển thị một giao diện giám sát hoàn chỉnh với điện thoại của Faulkman—vị trí, tin nhắn, giọng nói và dữ liệu đã gửi và nhận. Loa iPad kêu đáng kể với giọng nói của Faulkman, người dường như đang để lại một tin nhắn thoại. “Robert, là Jonas đây... gọi cho tôi ngay lập tức! Bạn đang gặp nguy hiểm—Katherine cũng vậy. Điều này sẽ nghe có vẻ điên rồ, nhưng ai đó đã hack vào máy chủ của chúng ta và xóa bản thảo của cô ấy... tôi không biết tại sao. Tôi đã bị bắt cóc ngay trên phố gần văn phòng của tôi. Tôi đang gọi cho Katherine ngay bây giờ, nhưng bạn cần ở yên bất cứ nơi nào bạn đang ở. Đừng nói chuyện với ai!” Cuộc gọi bị cắt đứt, và một cuộc gọi khác ngay lập tức được thực hiện. Cuộc gọi thứ hai cũng đi đến hộp thư thoại, lần này là của Katherine. Faulkman để lại một tin nhắn gấp gáp khác, tương tự như tin nhắn đầu tiên của anh, ngoại trừ một sự bổ sung. “Katherine,” Faulkman nói, “những gã này nói rằng bạn đã in bản thảo vào sáng nay? Nếu điều đó đúng, thì hãy khóa nó ở đâu đó an toàn—đó là bản sao duy nhất còn lại của chúng ta! Tất cả những cái khác đều đã mất... thực sự là tất cả những cái cuối cùng. Gọi cho tôi khi bạn nhận được tin này.” Cuộc gọi kết thúc. “Một ít thông tin thêm,” Auger nói, nghe có vẻ kiêu ngạo. “Xác nhận rằng bản thảo

“ở Prague là cái duy nhất còn lại.” “Finch sẽ rất hài lòng,” Chinburg nói, rút điện thoại ra. “Tôi sẽ cho ông ấy biết.” L CHUÔNG 45 Đầu của đại úy Pavel vẫn đang nhức nhối do cú đánh từ bình chữa cháy, nhưng không thấm thía gì so với nỗi đau khi nhìn thấy thi thể bất động của chú mình dưới đáy hẻm núi. Tham tán đại sứ quán Michael Harris tin rằng viên đại úy đã nhảy xuống, nhưng Pavel thì biết rõ hơn. Janáček là người không biết sợ hãi... không phải là kẻ bỏ cuộc. Ông ấy đã bị giết... và tôi biết ai đã giết ông. Danh sách các tội ác của Robert Langdon chống lại ÚZSI ngày càng dài thêm kể từ trò hề ở khách sạn của anh ta—kháng cự bắt giữ, tấn công một viên cảnh sát, ăn cắp một vũ khí của ÚZSI, và bây giờ, nếu đóng vết chân trên sườn dốc được tin cậy, thì đã giết đại úy Janáček và bỏ trốn khỏi hiện trường. Giờ đây một mình tại pháo đài, Pavel đang hồi phục trên chiếc ghế sofa sang trọng trong phòng tiếp tân của Gessner. Harris đã đưa cho anh một túi đá, bảo anh không được di chuyển, rồi rời đi đến đại sứ quán Mỹ, hứa sẽ gọi cho đội ngũ của ÚZSI ngay lập tức về Janáček. Pavel biết rằng cú ngã đó không phải tai nạn. Anh cũng biết rằng Harris đang nói dối; tham tán không có ý định gọi điện. Ông ta chỉ đang mua thời gian để đại sứ quán có thể bịa ra những lời dối trá trước khi ÚZSI kịp biết về cái chết của Janáček. Pavel đã rút điện thoại ra để gọi cho đội ngũ tự mình, nhưng sau một lúc suy nghĩ, anh dừng lại. Anh không nghi ngờ gì rằng việc bắt giữ một người Mỹ nổi tiếng sẽ kết thúc như nó thường xảy ra—châm chọc—với đại sứ quán Mỹ xen vào, tiếp quản, và tìm ra một lỗ hổng để bỏ rơi ÚZSI. “Oko za oko,” Pavel nói to, biết rõ cách mà người đại úy quá cố của mình sẽ xử lý tình huống này. Mất đôi mắt. Chưa ai biết về cái chết của Janáček, điều đó có nghĩa là Pavel có một khoảng thời gian nhỏ để tự mình xử lý Langdon. Nhưng trước tiên tôi phải tìm anh ta. Việc tìm kiếm một kẻ đang trốn tránh ở một thành phố lớn như thế này sẽ gần như không thể, ngoại trừ một quân bài bất ngờ trong tay Pavel... cái sẽ lật ngược tình thế với người Mỹ ngay lập tức. Janáček đã dạy tôi cách uốn nắn các quy tắc... để ứng biến vì lợi ích lớn hơn. Về mặt kỹ thuật, Pavel không có đủ cấp bậc để làm những gì mà anh có trong đầu, nhưng anh đang nắm giữ điện thoại cá nhân của đại úy Janáček, mà anh đã tìm thấy trên sườn dốc đầy tuyết. Chỉ với một lời nói dối nhỏ, Pavel có thể thay đổi mọi thứ. Langdon sẽ không có nơi nào để trốn. Dana Daněk quay trở lại văn phòng của mình tại đại sứ quán, vẫn đang bùng nổ sau cuộc đối đầu

tại Four Seasons. Người phụ nữ ma quái từ cầu Charles đã một cách nghiêm trọng làm Dana sợ hãi, điều này không dễ dàng chút nào. Cô ta đã chĩa một cái súng vào mặt tôi! Sự ghen tị của Dana đã chuyển thành cơn giận dữ sôi sục. Cô ta là ai? Câu trả lời, Dana biết, đã chờ sẵn trên máy tính của cô—kết quả tìm kiếm nhận diện khuôn mặt mà Dana đã khởi động cách đây gần một giờ với bức ảnh chụp màn hình từ cầu Charles. Dana vội vã đến máy tính của mình và ngồi xuống. Như mong đợi, chương trình đã hoàn tất vòng chạy của mình. Dana nhìn chằm chằm vào kết quả trong disbelief. Chắc chắn phải có sự nhầm lẫn... □□ □□□ □□□□□□□□ □ □□□□□: 0 Dana chưa bao giờ có một tìm kiếm trong cơ sở dữ liệu trả về không có kết quả nào. Trong thế giới hiện đại, thật là điều không thể tồn tại mà không để lại bất kỳ dấu chân số nào. “Giặt trắng” kỹ thuật số là cách duy nhất để một người có thể vẫn ở ngoài cơ sở dữ liệu Echelon này. Mạng lưới này thuộc sở hữu và điều hành của Mỹ, có nghĩa là chính phủ Mỹ có thể tạo ra “những con người vô hình” chỉ bằng cách giới hạn các kết quả tìm kiếm để loại trừ bất kỳ khuôn mặt nào mà họ muốn không thể truy tìm. Kỹ thuật này thường được sử dụng để đảm bảo quyền riêng tư và an ninh cho các quan chức chính phủ, doanh nhân Mỹ nổi tiếng, và nhân viên quân đội hoặc tình báo hoạt động ngầm. Dana cân nhắc bó hoa tulip đỏ, trắng và xanh mà cô đã thấy trong Royal Suite. Những bông hoa này là món quà chào đón tiêu chuẩn từ đại sứ Mỹ cho các VIP Mỹ thăm Prague, và là người đại diện PR, Dana có trách nhiệm sắp xếp để chúng được giao. Vấn đề là, những bông tulip này, Dana chưa từng nghe nói đến. Liệu đại sứ có tự tổ chức điều này không? “Cô Daněk!” một người phụ nữ hét lên từ cửa. Dana quay lại, ngay lập tức nhận ra giọng nói. “Madam Đại sứ?! Tôi vừa mới—” “Cô có ở Four Seasons không?!” Dana mở miệng, nhưng không có lời nào thoát ra. “Cô có theo dõi ông Harris đến đó không?” “Không!” Dana thốt lên. “Thực ra, thì... tôi nghĩ...” “Cô nghĩ... gì?” Ánh nhìn chằm chằm của đại sứ xuyên thủng cô. Dana chăm chú nhìn xuống sàn nhà. Chết tiệt. “Cô Daněk, đây chính xác là lý do tại sao chúng ta không nên ngủ với đồng nghiệp.” A CHƯƠNG 46 Khi taxi của Langdon tiến vào đỉnh đồi rừng về phía tháp Petřín, anh nhận ra rằng mình vẫn đang siết chặt tờ ghi chú mà ai đó đã để dưới cửa phòng của Sasha. Tôi đã bắt cóc Katherine. Hãy đến tháp Petřín. Ai đó đã để lại điều này có một cảm nhận bi thảm về biểu tượng;

tòa tháp đứng trên một đỉnh đồi nổi tiếng với lịch sử kinh dị về cái chết và hy sinh con người. Cụ thể hơn, cái chết của phụ nữ...do tay những kẻ cuồng tín. Theo truyền thuyết, một bàn thờ hy sinh từng ngự trị trên đỉnh đồi Petřín, nơi những thầy tế ngoại đạo sẽ thiêu sống những trinh nữ trẻ để chiêu lòng các vị thần ngoại giáo. Những cuộc hy sinh vẫn diễn ra trong nhiều thế kỷ cho đến khi những tín đồ Kitô giáo chiếm lấy, phá hủy bàn thờ, và xây dựng Nhà thờ Thánh Lawrence tại vị trí đó. Tuy nhiên, cho đến ngày nay, những ngọn lửa bí ẩn vẫn thường xuyên bùng phát trên đồi Petřín và được một số người tin rằng đó là dấu tay của những hồn ma của những người phụ nữ đã bị hy sinh, vẫn còn ám ảnh những khu rừng này hàng trăm năm.

Người tài xế taxi khoảng bốn mươi tuổi, có tóc đuôi ngựa, điều khiển chiếc xe qua con đường uốn khúc lên đồi Petřín, liếc nhìn vào gương chiếu hậu để xem hành khách của mình. Người đàn ông ngồi ở ghế sau dường như rất căng thẳng, nhào đầu và nheo mắt nhìn lên đỉnh tháp Petřín một cách lo lắng. Nếu bạn sợ độ cao, bạn tôi ạ, thì đừng đi lên. Hành khách cao với tóc đen, và mặc dù giọng Mỹ và chiếc áo len đắt tiền của anh ta kêu gào sự du lịch, nhưng anh ta đã nhảy vào taxi với sự khẩn trương của một người đang chạy trốn khỏi đám cháy rừng. Người tài xế đã cảnh báo anh ta rằng tháp Petřín có thể không mở cửa vào giờ này và rằng anh cũng không mặc đủ ấm cho những cơn gió lạnh, nhưng người đàn ông vẫn khẳng khái. Tùy bạn thôi...Một chuyến đi là một chuyến đi. Khi taxi leo lên đồi, người tài xế gõ nhịp vui vẻ lên vô lăng, đồng điệu với bài hát đang phát trên điện thoại của mình. Bài hát cũ yêu thích của anh, “Klokočí”, đang phát, nhưng khi bài hát đạt đến phần solo clarinet du dương, âm nhạc ngừng đột ngột, được thay thế bằng một loạt âm sắc cao. “Chết tiệt!!” người tài xế chửi thề, bực bội vì sự gián đoạn. Cảnh sát Czech đã bắt đầu phát sóng những “thông báo công cộng” phiền phức này với hy vọng thu hút sự giúp đỡ của công chúng cho công việc của cảnh sát địa phương. Làn sóng thông báo đầu tiên luôn được gửi đến nhân viên giao thông, nhân viên sân bay, và bệnh viện địa phương. Tôi có công việc của riêng mình, anh ta lầm bầm. Tại sao tôi lại làm công việc của bạn?! Thật phiền phức khi hầu hết châu Âu đã áp dụng hệ thống “Thông báo AMBER” của Mỹ, bắt chấp nghĩa đen của chữ viết tắt: America’s Missing: Broadcast Emergency Response. Người tài xế cúi xuống để tắt thông báo và quay lại với bài hát của mình, nhưng dòng chữ nhấp nháy trên màn hình điện thoại đã khiến anh ngừng lại. Thông báo

này được mã hóa màu xanh, điều này cực kỳ hiếm gặp ở Prague. Thông thường, các thông báo được mã hóa màu hồ phách hoặc màu bạc, yêu cầu sự giúp đỡ của công chúng để tìm kiếm một đứa trẻ mất tích hoặc một người cao tuổi mất phương hướng. Mã xanh thì nghiêm trọng hơn nhiều. Nó có nghĩa là một sĩ quan thực thi pháp luật đã bị giết và một tên tội phạm vẫn còn lẩn trốn. Ai đó đã giết một sĩ quan ở Prague?! Sau đó, tài xế thấy bức ảnh của nghi phạm. Gã đó... là hành khách của tôi! Bằng hoàng, người tài xế xác nhận bằng một cái liếc nhanh vào gương chiếu hậu. Sau đó, anh ta ngay lập tức nhắc điện thoại lên và gọi đến số mà thông báo đưa ra, bình tĩnh truyền đạt thông tin bằng tiếng Séc cho sĩ quan đã bắt máy. Đại úy Pavel cảm thấy đầu mình như đang nổ tung khi anh lao ra khỏi Bastion Crucifix và nhảy vào ghế lái của chiếc sedan ÚZSI. Thông báo Xanh mà anh đã phát đi bằng điện thoại của Janáček vừa mới nhận được một cuộc gọi phản hồi, chỉ trong vòng vài phút... mà, như Pavel đã sắp xếp, quay lại trực tiếp cho điện thoại của Janáček. Không ai khác có thông tin mà tôi vừa nhận được. Robert Langdon đang trên đường đến tháp Petřín, và mặc dù Pavel không thể tưởng tượng tại sao, sẽ không có nơi nào tốt hơn để Pavel đưa người Mỹ đến. Khu vực xung quanh đồi Petřín thì tách biệt và rộng lớn. Quan trọng nhất, vào giờ sớm như vậy vào một buổi sáng mùa đông, nơi đây gần như vắng người. Tôi rất vui lòng đưa Langdon đi. Tất cả những gì tôi cần là một vũ khí. Pavel tìm thấy khẩu súng của Janáček trong ngăn đựng đồ. Khi anh trượt vũ khí vào bên hông trống không của mình, Pavel mơ mộng về việc nó sẽ đúng kiểu như thế nào khi nổ súng vào chiếc súng của đội trưởng và giết người đã giết Janáček một cách lạnh lùng. Mất đèn mắt.

CHƯƠNG 47 Năm 1889, sau khi các quan chức thành phố Prague thăm Triển lãm Thế giới ở Paris và thấy chiếc tháp nổi bật của Gustave Eiffel, họ đã quyết định ngay sau đó xây dựng một “chiếc tháp nhỏ” của riêng mình ở Prague. Nằm trên đỉnh đồi Petřín và hoàn thành vào năm 1891, tháp này không hề là nhỏ, cao hai trăm feet trên một ngọn đồi đã cao hơn một ngàn feet. Giống như nguồn cảm hứng từ Paris, tháp Petřín được xây dựng theo cấu trúc lưới mở bằng các thanh thép hàn lại và các trụ đỡ. Ngoại trừ chiều cao khác nhau, các tháp ở Paris và Prague trông rất tương tự nhau về hình dáng, với ngoại lệ rõ ràng duy nhất là chân vuông của tháp Eiffel và chân bát giác của tháp Petřín. Khi taxi của Langdon cuối cùng đến bãi đậu xe rậm rạp ở chân tháp Petřín, ông lo lắng quét mắt tìm kiếm dấu hiệu của sự sống. Tôi có Katherine. Hãy đến với

Tháp Petřín. Langdon nhanh chóng thanh toán tiền cước, bao gồm một khoản tiền boa hào phóng, và yêu cầu tài xế đợi mình. Tài xế lăm băm điều gì đó bằng tiếng Séc căng thẳng và phóng đi ngay khi Langdon bước ra và đóng cửa, để lại anh một mình trong bãi đỗ xe gió lộng. Cảm ơn rất nhiều. Tháp Petřín cao hơn rất nhiều so với những gì Langdon nhớ, và hôm nay nó có vẻ như đang lung lay trước bầu trời xám. Khu rừng phủ tuyết xung quanh tháp trông yên tĩnh và hùng vĩ, chỉ có một vài người làm vườn và nhân viên bắt đầu ngày làm việc. Langdon không nhìn thấy dấu hiệu nào của Katherine, cũng như bất kỳ ai khả nghi. Cố gắng quên đi lịch sử của ngọn đồi này về sự hy sinh con người, Langdon nhanh chóng tiến về phía tháp, trong lòng anh đầy lo lắng rằng Katherine sẽ có mặt ở đây... và an toàn. Dưới chân tháp Petřín là trung tâm khách tham quan, một tòa nhà bát diện thấp nằm gọn gàng giữa tám chân đỡ khổng lồ của tháp. Tòa nhà có mái dốc nhẹ từ đó một trục thang nâng lên đến đỉnh tháp. Thang máy nhỏ, Langdon biết. Không may, phương án thứ hai là một cầu thang xoắn mở rộng chật chội, vòng quanh trục thang lên tận đỉnh. Cả hai phương thức leo lên đều không mấy hấp dẫn. Khi tiến gần đến tháp, Langdon nghe thấy tiếng răng rắc của bánh răng thang máy và tiếng ma sát của kim loại lên kim loại khi cabin di chuyển lên trên. Ai đó đang lên đỉnh, anh nghĩ một cách hào hứng. Katherine? Anh lao vào sảnh khách tham quan, một căn phòng bát diện được trang trí bằng những bức ảnh lịch sử về sự xây dựng của tháp. Sảnh hoàn toàn vắng vẻ ngoại trừ một nữ tiếp viên trẻ đang mở hộp đồ lưu niệm của Prague. “Dobré ráno!” cô ấy nói vui vẻ. “Chào buổi sáng!” “Chào buổi sáng,” Langdon đáp. “Tháp có mở không?” “Mới vừa mở,” cô ấy trả lời. “Chỉ có hai người ở trên đỉnh. Anh có muốn mua vé không?” Langdon cảm thấy nhịp tim mình gia tăng. Hai người. Anh không thể không tự hỏi liệu đó có phải là Katherine và kẻ bắt cóc cô ấy hay không. Liệu mình có nên lên không? Lời nhắn không rõ ràng, nhưng Langdon không định liều với cơ hội đó. Ý nghĩ về việc Katherine ở trong tay một kẻ điên, hàng trăm feet trên một bề quan sát mở, khiến anh cảm thấy lo lắng. Langdon mua vé và đợi bên ngoài cửa thang máy. Ở đâu đó trên đỉnh đầu anh, cabin lạo xạo quay trở lại từ đỉnh. Khi cửa cuối cùng rung lên mở ra, Langdon nhận ra mình đang nhìn vào một cabin nhỏ, có hình dạng awkward mà trông như chưa được

tân trang từ thế kỷ 19. Tự nhiên, anh quay mắt về phía cầu thang xoắn gần đó, nơi bị rào lại bằng một băng rôn và một băng hiệu: ZAVŘENO / ĐÓNG CỬA. Một biển báo khác cảnh báo rằng 299 bậc thang rất dốc. “Cầu thang có mở không?” Langdon hỏi, hy vọng rằng tiếp viên vừa mới mở cửa và chưa gỡ biển báo cho ngày hôm đó. “Đóng cửa vì mùa đông,” cô ấy nói. “Quá nhiều gió... và tuyết và băng hôm nay!” Thật tuyệt. Anh nhìn vào ngăn nhỏ của thang máy một cách miễn cưỡng, và ba từ vang vọng trong đầu anh. Tôi có Katherine. Hít một hơi thật sâu, Langdon bước vào thang máy. Anh ấn nút, và cửa bắt ngờ đóng lại. Khi cabin rung lắc tiến lên, anh tập trung vào hình khắc kim loại trên tường, nơi một loạt đèn đỏ nhấp nháy lặp đi lặp lại để chỉ ra sự tiến bộ của mình. Khi thang máy lên, Langdon cảm thấy ngày càng không chuẩn bị cho bất kỳ ai hoặc bất kỳ điều gì anh có thể gặp ở đây. Anh tự hỏi liệu mình có đại dột khi không lấy súng từ Sasha không. Thế nếu kẻ bắt cóc cô ấy có vũ khí thì sao? Càng lên cao, các bức tường của thang máy càng như muốn ép chặt quanh anh. Langdon nhắm mắt lại và ngân nga bài hát đồng quê “Wide Open Spaces.” Khi thang máy cuối cùng chậm lại và dừng lại, Langdon chuẩn bị tinh thần và mở mắt. Cửa thang máy rầm rộ mở ra, và Langdon cảm thấy một cơn dâng trào của sự nhẹ nhõm khi thấy không khí trong lành, nhưng cảm xúc đó ngay lập tức bị dập tắt bởi sự thất vọng. Cặp đôi trên đỉnh tháp đều ở độ tuổi hai mươi, có nguồn gốc Ấn Độ, và đang vui vẻ chụp ảnh Prague. Katherine không có ở đây. Langdon tự nhắc mình phải kiên nhẫn; rốt cuộc, anh đã rời khỏi căn hộ của Sasha ngay sau khi nhận được tin nhắn và đã đến đây nhanh chóng. Tôi đến sớm, anh kết luận, điều này có thể tốt hơn theo một số cách. Tôi có thể thấy họ đến, anh nghĩ, đi bộ đến lan can và nhìn xuống bãi đỗ xe xa bên dưới. Gió giờ đây đang thổi mạnh hơn, và tháp lung lay chỉ càng làm nổi bật tâm trạng không ổn định của Langdon. Khi anh đi qua nền tảng quan sát chật hẹp bao quanh thang máy, anh đã đi qua cầu thang xoắn đi xuống, lối vào của nó bị rào lại bằng một biển báo và biểu tượng đáng sợ của một người bị cuốn khỏi tháp. Không, cảm ơn. Langdon tìm thấy một

một vị trí khá kín đáo để chờ, nhìn ra cánh rừng của Công viên Petřín. Địa điểm du lịch nổi tiếng này cung cấp nhiều điểm thu hút cho trẻ em, bao gồm một khu vườn bí mật, một sân chơi bằng dây thừng, xích đu và một vòng đu quay, đang được đưa ra ánh sáng cho ngày mới. Ánh mắt của Langdon rơi xuống Nhà thờ Thánh Lawrence ở xa dưới, nơi mà bàn thờ hiến tế cổ xưa đã từng tồn tại, và Langdon lại nghĩ về những tin đồn về các hồn ma lang thang và những cô trinh nữ bị giết. Không thực sự thân thiện với gia đình, anh tự nhủ và nâng ánh nhìn lên cao hơn, dõi theo cảnh quan điển hình của Praha... hệ thống tháp đôi của Vyšehrad, Tháp Bốt, Cầu Charles, và Nhà thờ St. Vitus đồ sộ, bao quanh bởi hệ thống phòng thủ rộng lớn của Lâu đài Praha. Katherine đã giảng bài ở lâu đài đó ngay đêm qua, và giờ đây Langdon tự hỏi liệu việc cô ấy bị bắt có thể liên quan đến điều gì đó cô đã nói trong bài giảng... hoặc trong nghiên cứu khoa học của cô. Nếu đúng như vậy, anh không biết đó có thể là gì. Một khả năng khác cũng hiện ra trong đầu Langdon. Anh bắt đầu nghi ngờ về tính xác thực của bức thư chuộc tiền của Katherine. Có điều gì đó trong thông điệp có vẻ không đúng. Bạn là ai? Tại sao lại là tháp Petřín? Chẳng có điều nào có nhiều ý nghĩa hợp lý, và có vẻ như bức thư có thể là một phần của một mưu đồ kỳ lạ nào đó. “Thưa ông?” một giọng nói nói từ phía sau anh. Langdon quay lại và thấy cặp đôi Ấn Độ trẻ tuổi. Người phụ nữ đang mỉm cười và chìa điện thoại ra cho Langdon. “Ông có thể chụp ảnh cho chúng tôi được không? Tôi để cây selfie ở khách sạn.” Người đàn ông trẻ trông có vẻ áy náy. “Xin lỗi. Tuần trắng mặt Instagram.” Langdon tự nén lại. “Được chứ.” Người phụ nữ sắp xếp chồng mình ở lan can, cùng đứng vào chỗ và ra hiệu cho Langdon. Sau khi chụp vài bức ảnh, Langdon sắp trả lại điện thoại, nhưng người phụ nữ nhờ anh tiếp tục chụp trong khi họ thử nhiều tư thế và biểu cảm khác nhau. “Cô ấy có rất nhiều người theo dõi,” người đàn ông nói, rõ ràng là ngại ngùng. Sự bất tử thông qua danh tiếng, Langdon suy nghĩ trong khi chụp ảnh, nhớ rằng Shakespeare, Homer, và Horace đều đã nói rằng khao khát nổi tiếng, một khát vọng riêng của con người, thực ra chính là biểu hiện của một đặc điểm khác của con người—nỗi sợ cái chết. Được nổi tiếng có nghĩa là bạn sẽ được nhớ đến lâu sau khi bạn chết... danh tiếng là một kiểu cuộc sống vĩnh cửu. “Như vậy là đủ rồi!” người phụ nữ nói, với tay lấy điện thoại của mình. “Để tôi kiểm tra chúng!” Langdon trả lại thiết bị của cô, nhận thấy hàng loạt thông báo đỏ trên tất cả các ứng dụng truyền thông xã hội của cô. Thước đo độ phổ biến mới của thế giới. Tiếng vỗ tay kỹ thuật số. Cô lướt qua các bức ảnh, gật đầu. “Chúng trông hoàn hảo!” cô phấn khích. “Cảm ơn ông!” Langdon nén một nụ cười. “Chúc mừng.” Cặp vợ chồng mới cưới quay trở lại thang máy, chỉ ở đây đủ lâu để chụp ảnh trước khi di chuyển đến, có lẽ, cơ hội chụp ảnh tiếp theo. Langdon đôi khi cảm thấy lý do duy nhất để

làm bất kỳ điều gì bây giờ là để đăng nó lên cho thế giới thấy. Khi cửa thang máy đồ rầm mở ra, một suy nghĩ đột ngột xuất hiện trong đầu Langdon. “Xin lỗi,” anh gọi với cặp đôi. “Tôi có thể nhờ một điều nhỏ không?” Họ dừng lại ở cửa, giữ cửa mở và nhìn lại anh. “Tôi lẽ ra phải gặp ai đó ở đây,” Langdon nói. “Nhưng cô ấy không bao giờ đến. Tôi đã mất điện thoại sáng nay, và tôi tự hỏi liệu tôi có thể dùng điện thoại của bạn để gọi cho cô ấy nhanh không?” Người phụ nữ nhìn anh như thể Langdon đã yêu cầu giữ em bé mới sinh, nhưng sau một cú đẩy từ chồng cô, cô miễn cưỡng đưa điện thoại cho anh. Với cặp đôi trẻ tuổi đang quan sát anh kỹ lưỡng, Langdon nhanh chóng bấm số mà anh đã thấy nhiều lần tại bàn đăng ký của Four Seasons, và giọng nói quen thuộc của quản lý khách sạn trả lời ngay ở hồi chuông đầu tiên. “Cảm ơn ông đã gọi đến Four—” “Chào buổi sáng, thưa ông,” Langdon ngắt lời. “Tôi là Robert Langdon. Tôi cần gặp Katherine Solomon ngay lập tức. Điều này quan trọng.” “Ồ, chào giáo sư.” Sự nhiệt tình của quản lý đột ngột nguội lạnh. “Tôi không nghĩ Tiến sĩ Solomon ở đây. Cô ấy đã rời khách sạn sáng nay khi ông...bơi.” “Cô ấy không quay lại?” “Tôi chưa thấy cô ấy, thưa ông. Tôi sẽ thử phòng của ông.” Khi đường dây đến biệt thự của họ bắt đầu đổ chuông mà không có ai trả lời, Langdon phải chấp nhận thực tế đáng sợ rằng Katherine có thể không trở lại khách sạn sáng nay. Vậy cô ấy đã đi đâu?! Khi anh cố gắng hình dung cô ấy có thể ở đâu, một ý nghĩ kỳ lạ đột ngột xuất hiện. Tôi không thể tin là tôi đã không nghĩ đến điều này sớm hơn... Đường dây vẫn đang đổ chuông, và cặp đôi Ấn Độ càng trở nên bất an khi họ giữ cửa thang máy mở và chờ đợi xuống. “Em yêu!” Langdon đột ngột thốt lên, giả vờ như có ai đó đã trả lời. “Em ở đâu?! Anh đang ở tháp Petřín và—” Anh im lặng, như thể đang lắng nghe, rồi thở hắt ra một cách kịch tính. “Chờ một chút, cái gì?! Chậm lại. Chỉ cần nói với anh...” Langdon chỉ ra rằng anh cần một chút riêng tư, và mà không cần chờ sự đồng ý, anh quay người.

quay trở lại với cặp đôi và đi vòng quanh nền tảng, khuất tầm nhìn sau trục, lập tức khởi động một trình duyệt web. Katherine có thể đã cố gắng liên lạc với anh sáng nay... Anh đã bị cuốn vào hỗn loạn của buổi sáng đến mức không nghĩ ngợi gì rõ ràng, nhưng những biểu tượng thông báo màu đỏ trên ứng dụng của người phụ nữ giờ đang nhắc nhở anh về những thông báo tương tự trên chiếc laptop của mình. Email. Trong nhiều năm trước chuyến đi này, Katherine và Langdon đã luôn giao tiếp theo cách đó. Katherine gọi đó là cách cũ, nhưng Langdon ghét cảm giác cấp bách được ngụ ý trong việc nhắn tin, vì vậy họ đã mặc định sử dụng email. Nếu Katherine đã cố gắng liên lạc với anh sáng nay qua điện thoại hoặc tin nhắn mà không có phản hồi, anh nhận ra, cô ấy có lẽ đã gửi cho anh một email mà anh có thể đọc trên chiếc laptop của mình. Tôi đã không kiểm tra nó sáng nay! Langdon nhanh chóng truy cập vào gmail.com và đăng nhập vào tài khoản của mình. Hộp thư đến bắt đầu tải, hiển thị rất chậm. Nhanh lên đi! Cửa thang máy đang rung rinh, dường như phản đối việc bị giữ mở quá lâu. Cuối cùng, màn hình đã làm mới, và hộp thư đến của Langdon hiện ra. □□□ □□□ 31 □□□□ □□□□ □□□. Anh mẫn mọ hộp thư đến đầy ắp và nhanh chóng quét qua danh sách các tin nhắn đến từ đồng nghiệp, bạn bè và các loại thư rác. Khi gần đến cuối danh sách, anh bắt đầu mất hy vọng. Rồi anh thấy nó. Có rồi! □□□□: □□□□□□□□ □□□□□□’ Dấu thời gian là 7:42 sáng nay—sau khi Katherine rời khách sạn nhưng trước khi cô ấy gặp Gessner. Lạ thay, dòng tiêu đề trống không. Cả trái tim đập nhanh, Langdon chạm vào để mở tin nhắn, nhưng khi nó hiện ra, nó cũng trống không. Chẳng có gì ở đây sao? Chỉ một giây sau, anh nhận ra biểu tượng cho biết có một hình ảnh đính kèm tin nhắn. Cô ấy gửi một bức ảnh sao? Anh nhấn vào biểu tượng, và con trỏ bắt đầu xoay vòng một lần nữa khi hình ảnh tải lên. Điện thoại chỉ hiển thị một vạch dịch vụ. “Thưa ngài?” một giọng nói yêu cầu gần đó. Langdon ngẩng lên và thấy một người đàn ông trẻ tuổi đi vòng qua trục thang máy. “Bạn đang làm gì?!” người đàn ông yêu cầu. “Bạn đã nói rằng bạn phải thực hiện một cuộc gọi! Bạn đang xem xét cô ấy—” “Không!” Langdon nói. “Tôi cần kiểm tra một tin nhắn đến. Tôi xin lỗi. Điều này rất quan trọng.” Anh giờ màn hình trống lên. “Nó chỉ đang tải. Tôi sẽ trả lại ngay.” “Tôi muốn lấy lại ngay bây giờ, thưa ngài,” người đàn ông nói, tiến đến gần anh. Thang máy vẫn tiếp tục rung rinh. Tải đi, khốn kiếp! Gió thổi mạnh hơn, và người phụ nữ bắt đầu gọi chồng mình. “Thưa ngài!” Người đàn ông chia tay ra đòi điện thoại. “Xin hãy... một giây thôi,” Langdon nói khi con trỏ quay. “Tôi thực sự cần xem—” “Bây giờ!” người đàn ông trẻ tuổi yêu cầu. “Bạn không có quyền—” “Đây rồi!” Langdon kêu lên khi hình ảnh cuối cùng hiện lên trước mắt anh. Không biết gió vừa làm di chuyển tháp hay chân anh đã trở nên yếu ớt, Langdon không chắc chắn, nhưng anh cảm thấy bỗng chốc không vững vàng. Hình ảnh trên màn hình thật bất ngờ như bất kỳ điều gì mà anh có thể tưởng tượng Katherine gửi cho anh. Langdon chăm chăm nhìn vào “tin nhắn” kỳ quặc

trong một thời gian dài, để cho trí nhớ eidetic của anh thực hiện một bức ảnh tâm trí về nó. Sau đó, anh thoát khỏi trình duyệt và đưa điện thoại lại cho người đàn ông trẻ tuổi, người đã cầm lấy và giận dữ bỏ đi. Vài giây sau, Langdon nghe thấy thang máy bắt đầu hạ xuống. M CHUÔNG 48 Michael Harris đến trước cửa căn hộ của Sasha Vesna, tự hỏi bao nhiêu lần anh đã đứng ngay đây, cảm thấy xấu hổ, tự nhủ rằng đây sẽ là lần thăm cuối cùng của mình. Cố gắng lấy can đảm, anh gõ mạnh. Không có tiếng đáp lại. Anh thử mở cửa và thấy nó không bị khóa. Không có gì ngạc nhiên. Cô ấy đang mong đợi tôi. “Sasha?” anh gọi, bước vào căn hộ. “Tôi đây!” Duy nhất dấu hiệu của sự sống là Harry và Sally đang đi về phía anh từ cuối hành lang. Harris bước vào và đóng cửa lại để những con mèo không thể ra ngoài. “Sasha? Giáo sư Langdon?” Im lặng. Bối rối, Harris bước xuống hành lang và vào nhà bếp. Anh thấy ba cốc đã được chuẩn bị cho trà, hơi nóng bốc lên từ ấm đun nước. Lại. Họ đã rời đi sao? Khi anh bắt đầu quay lại về hướng hành lang, một thanh gỗ sần kêu lên sau lưng anh, và một luồng điện mạnh mẽ đột ngột xé toạc qua giữa lưng anh. Ngay lập tức bị tê liệt, Harris quỳ xuống và lao về phía trước, đổ nhào xuống sàn. Trong vài giây, tâm trí anh trống rỗng, tai vang lên, cơ bắp bị khóa chặt. Khi anh từ từ lấy lại sự tỉnh táo, tất cả những gì Harris có thể tưởng tượng là có ai đó vừa bước ra từ cái tủ bếp nhỏ và dùng súng điện tê liệt anh. Chuyện gì đã xảy ra với Sasha và Langdon?! “Sasha!” Harris cố gắng gọi cô, âm thanh chỉ vừa đủ nghe. “Sasha không thể nghe bạn,” một giọng nói trầm và rỗng nói từ trên cao. “Không phải nơi cô ấy đang ở bây giờ.” Không. Trước khi Harris có thể lặn người lại và nhìn thấy kẻ tấn công của mình, anh cảm nhận được những đầu nhọn của khẩu súng điện.

ép vào gáy của anh ta. Có một cơn sóng nóng rực... và thế giới của anh ta tối om hoàn toàn. The Gollem đứng ở trên xác của Michael Harris, người đang nằm úp mặt trên sàn gỗ. Cú sốc từ súng điện Vipertek đã khiến anh ta ngất xỉu. Ngồi chồm hồm trên người đàn ông mạnh mẽ, The Gollem cúi người xuống, lấy ra một chiếc túi nhựa nặng mà hắn đã tìm thấy trong tủ quần áo, và kéo nó qua đầu Harris. Vặn chặt quanh cổ, The Gollem đã cắt đứt nguồn cung cấp ôxy của người đàn ông. Ba phút sau, The Gollem buông tay. Hắn chịu đựng rất ít. Sasha sẽ đánh giá cao điều đó. The Gollem đã nhốt Sasha lại và dự định giữ cô ấy ở đó cho đến khi hắn sẵn sàng cho bước cuối cùng. Bây giờ, khi hắn đứng dậy, The Gollem có thể cảm thấy Ether đang tụ lại, như thường lệ trong những khoảnh khắc exertion. Hắn nhanh chóng lấy ra cây gậy kim loại mà hắn luôn mang theo bên mình. “Ne seychas,” hắn thì thầm, xoa gậy lên đầu. Không phải bây giờ. Ether sẽ phải chờ. Còn nhiều việc phải hoàn thành trong thế giới này. Bỏ mặc xác chết trên sàn, The Gollem đã vứt túi nhựa vào thùng rác trong bếp và đi tới một chiếc bàn nhỏ ở hành lang, nơi hắn ngồi xuống để viết. Giấy duy nhất mà hắn tìm thấy là một tờ giấy ghi chú của Sasha, được trang trí bằng những con mèo. Tuy nhiên, hắn đã viết một bức thư ngắn và cho vào một phong bì tương tự. Hắn dán phong bì bằng những chữ cái in đậm gửi đến cấp trên của Michael Harris. □.□. □□ □□ □□□□ □ □□□. Trước khi ra ngoài, The Gollem đã thả phong bì lên xác của attaché. Sau đó, để cửa của Sasha không khóa, hắn đã trở về nhà.

CHUÔNG 49

Langdon giờ đang đứng một mình trên tháp Petřín, tựa vào lan can quan sát khi gió thổi mạnh qua nền tảng. Trong khi mất anh hướng ra phía thành phố được phủ tuyết, hình ảnh trong tâm trí anh không phải là Prague; đó là một bức ảnh chụp mà Katherine đã gửi cho anh vào sáng nay. Đối với Langdon, hiệu ứng “nhớ eidetic” là không khác gì so với việc nhìn thấy đối tượng trực tiếp. Ký ức eidetic của anh cho phép anh hồi tưởng chính xác, hoàn toàn một hình ảnh và có nguồn gốc từ từ eidon trong tiếng Hy Lạp, nghĩa là “hình thức hữu hình.” Langdon suy nghĩ về hình ảnh mà cô đã gửi, dường như là một ảnh chụp màn hình từ điện thoại của chính cô. Trên màn hình của cô là một chuỗi nhân vật glowing gồm bảy ký tự. Langdon ngay lập tức nhận ra ngôn ngữ cổ đại, nhưng không thể tưởng tượng nổi nó đang ở trên điện thoại của Katherine để làm gì. Cô ấy đã gửi cho tôi cái gì đó bằng... Enochian? Thường được gọi là “Ngôn ngữ Thiên thần,” Enochian là một ngôn ngữ được “khám phá” ở đây, tại Prague, vào năm 1583 bởi hai nhà huyền bí tự xưng người Anh, John Dee và người bạn của ông, Edward Kelley. Được cho là ngôn ngữ mà các nhà trung gian có thể nói chuyện với các linh hồn và có được “sự khôn ngoan từ cõi khác.” Lý do duy nhất mà Katherine biết rằng Enochian tồn tại là vì Langdon đã kể cho cô ấy cách đây chỉ một ngày. Khi đi dạo trên phố, họ đã thấy một áp phích quảng cáo một triển lãm có tên Là Vàng và Đồi Vợ, mà ngoài văn bản thu hút, còn được trang trí bằng các ký tự Enochian. Katherine đã hỏi Langdon ký tự ấy là gì, và anh đã kể cho cô ấy câu chuyện kỳ kỳ về niềm đam mê lịch sử của Dee và Kelley với

giả kim thuật, đổi vợ, và nói chuyện với các thiên thần bằng ngôn ngữ đặc biệt của họ—Enochian—ngôn ngữ huyền bí của thế giới linh hồn. “Họ gần như chắc chắn là một cặp bằng hữu mạo danh,” Langdon đã nói với cô, “nhưng họ rất được cầu xin trong thời của họ, thậm chí được Hoàng đế Rudolf II thuê để hỏi các thiên thần giúp ông đưa ra các quyết định chính trị khôn ngoan.” “Các chính trị gia hiện tại của chúng ta có thử điều đó không?” cô hỏi với một nụ cười. “Không khó để thực hiện,” Langdon trả lời. “Thậm chí còn có một ứng dụng Enochian cho điện thoại của bạn.” “Một ứng dụng Phục hưng để nói chuyện với các linh hồn?” Katherine kêu lên, cười ha hả. Langdon đã lấy điện thoại của cô và nhanh chóng tải về ứng dụng miễn phí. “Ồ đó, giờ thì bạn cũng có thể giao tiếp với một chiều không gian khác.” “Điều đó hoàn toàn nực cười.” “Nực cười?” Langdon hỏi, mỉm cười. “Chúng ta cuối cùng đã tìm thấy một ý tưởng huyền bí mà bạn không tin?” “Rất hài hước, Giáo sư.” Langdon đã hôn cô lên má. “Bạn dễ thương khi bạn bi quan.” Bây giờ, khi đứng run rẩy trên tháp Petřín, Langdon phỏng đoán rằng Katherine có lẽ đã sử dụng ứng dụng dịch Enochian để tạo ra một thông điệp, rồi gửi một ảnh chụp màn hình cho anh. Nhưng tại sao? Cô ấy đang chơi đùa sao? Langdon không thấy điều gì là trò chơi khi đọc ngôn ngữ của các linh hồn trong khi đứng trên một ngọn đồi đầy ma quái đang tìm kiếm một người phụ nữ đã biến mất. Khó có thể tưởng tượng rằng Katherine không hề chơi đùa chút nào, mà thực tế đã mã hóa thông điệp của mình để giữ bí mật. Vấn đề là bất kỳ ai có từ điển hoặc ứng dụng Enochian đều có thể dễ dàng giải mã nó. Langdon giữ hình ảnh trong tâm trí. Việc dịch Enochian sang tiếng Anh thực sự là một phương thức thay thế vô cùng đơn giản. Langdon luôn thấy

thật đáng nghi khi ngôn ngữ huyền bí được phát hiện bởi một nhà tiên tri người Anh lại hóa ra là một bản phiên âm từng chữ cái sang tiếng Anh. Langdon đã từ lâu ghi nhớ “chìa khóa” Enochian, và anh chỉ cần vài giây để thực hiện bản phiên âm, chuyển đổi các ký hiệu trong thông điệp của Katherine thành những chữ cái tiếng Anh. Tuy nhiên, bản giải mã xuất hiện lại có vẻ như không có nghĩa. □□□□□□□□ Langdon bối rối trước chuỗi chữ cái lộn xộn, trông có vẻ như một số La Mã, ngoại trừ chữ E và O không tồn tại trong hệ thống đánh số đó, và các chữ cái khác không theo đúng thứ tự. Bất cứ điều gì Katherine muốn nói với tôi... điều này không phải. Thật không may, nếu cô ấy đã mắc lỗi trong quá trình dịch, cô sẽ không bao giờ nghi ngờ rằng thông điệp của mình không đúng vì tất cả những gì cô nhìn thấy chỉ là các ký hiệu mà cô đã gửi cho anh. Bực bội, Langdon nhìn ra cảnh quan rừng cây và cố gắng tìm ra bước đi tiếp theo của mình. Khi anh làm vậy, một đàn chim khổng lồ bay lên từ những tán cây, bay lên hàng loạt, tất cả đều quay cùng một lúc chính xác, hợp thành một khối. Vũ trụ đang chế nhạo tôi, Langdon quyết định khi anh ngẩng nhìn đám mây chim biến hình lượn lờ trên bầu trời. Katherine đã nghiên cứu những con lữ đồng bộ của chim sáo và tuyên bố hiện tượng này là bằng chứng khoa học cho một kết nối vô hình giữa các sinh vật sống. “Sự tách biệt là một ảo tưởng,” cô đã nói với Jonas trong bữa trưa của họ năm trước và kéo lên một video mê hoặc về những chú sáo di chuyển như một. “Hiện tượng này được gọi là đồng bộ hành vi, và nó xảy ra khắp nơi trong tự nhiên.” Cô đã cuộn qua một số đoạn video—một đàn cá bluefish dài một dặm tất cả đều quay sang trái và phải một cách hoàn hảo; một đàn linh dương di cư vô hạn, tất cả nhảy và bật lên đồng thanh; một đàn đom đóm, tất cả đều phát sáng và nhấp nháy đồng thời; một tổ có hàng trăm quả trứng rùa biển, tất cả đều nở trong vòng vài giây của nhau. “Thật tuyệt vời,” Faulkman nói. “Không bao giờ ngừng khiến tôi kinh ngạc,” Katherine nói. “Một số nhà khoa học truyền thống tuyên bố đồng bộ hành vi thực ra chỉ là một ảo tưởng... rằng những sinh vật này chỉ đơn giản là phản ứng với nhau quá nhanh đến mức độ trễ là không thể nhận thấy.” Katherine nhún vai. “Thật không may, một cặp camera video tốc độ cao liên kết với đồng hồ nguyên tử ở phía trước và phía sau một bầy cá đã chỉ ra rằng thời gian phản ứng tuyên bố của chúng là nhanh hơn tốc độ ánh sáng.” “Ồi,” Langdon nói. “Chính xác,” Katherine nói với nụ cười. “Đó là một điều cấm kỵ trong mô hình vật lý và thực tế hiện tại của chúng ta. Thay vào đó, tôi cho rằng tồn tại một quan điểm mà từ đó những sự đồng bộ này không hề kỳ diệu. Nếu bạn xem một con lữ sáo không phải là nhiều con chim riêng biệt—mà là một sinh vật hoàn chỉnh—thì sự đồng bộ hóa là điều có thể xảy ra. Những con sáo đang di chuyển như một vì chúng là một... một hệ thống kết nối. Không có sự tách biệt. Giống như các tế bào đơn lẻ trong cơ thể bạn, tạo thành toàn bộ tích hợp chính là bạn.” Faulkman trông rất thích thú. “Tôi tin rằng điều tương tự cũng đúng cho từng người trong chúng ta như những sinh vật nhân loại,” Katherine nói, nghe có vẻ phần khích. “Chúng ta nhầm tưởng hình dung mình như những cá nhân bị cô lập khi thực tế chúng ta là một phần của một sinh vật lớn hơn nhiều. Nỗi cô đơn mà chúng ta cảm thấy là bởi vì chúng ta không thể nhìn

thấy sự thật—chúng ta thực tế đã được tích hợp vào toàn bộ hoàn chỉnh. Sự tách biệt là ảo tưởng chung của chúng ta.” Cô chạm vào máy tính bảng. “Nhưng đừng chỉ tin lời tôi. Đây là một trong những tâm trí vĩ đại nhất trong lịch sử.” Một màn hình mới xuất hiện—một câu trích dẫn từ Albert Einstein. Một con người là một phần của toàn bộ mà chúng ta gọi là “vũ trụ”... Anh ta trải nghiệm chính mình, những ý nghĩ và cảm xúc của mình như một cái gì đó tách biệt với phần còn lại, một loại ảo tưởng quang học của ý thức của anh ta. Ảo tưởng này là một loại nhà tù đối với chúng ta. “Ngay cả nhà khoa học vĩ đại nhất từng sống,” Katherine nói, “đã tuyên bố rằng ý thức của chúng ta lừa dối chúng ta và khiến chúng ta nhìn thấy sự tách biệt nơi chỉ có sự thống nhất.” Leonardo da Vinci cũng đã nói điều tương tự, Langdon nhớ lại. Nhận ra rằng mọi thứ kết nối với mọi thứ khác. “Và những tuyên bố tương tự đã được thực hiện bởi các nhà tiên tri tâm linh trong suốt thời gian,” Katherine tiếp tục, “nhưng ngày nay, một số lượng ngày càng tăng các nhà vật lý lượng tử đang phản ánh một niềm tin vào sự kết nối của tất cả mọi thứ... và tất cả mọi người.” Katherine mỉm cười với Faukman. “Tôi thừa nhận thật khó để hình dung sự kết nối của chúng ta với một thế giới mà chúng ta không thể thấy, nhưng hãy tin tôi, các thế hệ tương lai sẽ hiểu. Một ngày nào đó chúng ta sẽ thấy rằng nhận thức của chúng ta về việc cô đơn trong thế giới từng là ảo tưởng chung lớn nhất của nhân loại.” “Còn các thí nghiệm của bạn?” Faukman thúc ép. “Những thí nghiệm bạn không nói với chúng tôi? Chúng có phản ánh sự kết nối này không?” Katherine mỉm cười, đôi mắt lấp lánh phấn khích. “Quý ông, những kết quả của các thí nghiệm này không chỉ gợi nhớ cho chúng ta rằng tất cả chúng ta đều được kết nối. Chúng sẽ soi sáng con đường hướng tới một sự hiểu biết hoàn toàn mới về thực tại và tiềm năng của con người.” Ngay lúc đó, một tiếng thét sắc bén đã đưa Langdon trở lại cơn gió lạnh ở đỉnh của

Tháp Petřín. Trong một khoảnh khắc, anh nghĩ đó là âm thanh từ thang máy, nhưng thay vào đó, anh nhìn xuống và thấy một chiếc xe vừa trượt nhanh và dừng lại âm ỉ ở chân tháp. Chiếc sedan màu đen trông đáng sợ quen thuộc. Những biểu tượng trên cửa xác nhận điều đó. ÚZSI. Langdon không thể nhận ra khuôn mặt của người đàn ông mặc đồng phục vừa nhảy ra khỏi ghế lái bên dưới và giờ đang chạy vụt qua bãi đậu xe hướng về phía tháp. Nhưng không thể nhầm lẫn với thân hình cơ bắp của anh ta. Hay khẩu súng lớn đang nắm chặt trong tay.

“Ông Mỹ đâu?!” anh ta la lên bằng tiếng Séc với nhân viên phía sau quầy. Người phụ nữ sợ hãi lùi lại, làm rơi chồng tờ rơi mà cô đang xếp trong quầy. Cô chỉ lên trên khi Pavel miêu tả về Langdon. “Anh ấy đã đi lên!” cô thốt lên, co rúm lại. Pavel có thể nghe thấy âm thanh thang máy di chuyển trong ống thang, âm thanh ngày càng to hơn. Đang xuống. Cầu thang đã bị phong tỏa và đóng cửa. Thật tuyệt vời. Thang máy kêu “ping”, và Pavel đặt chân rộng ra và nâng vũ khí lên. Khi cánh cửa trượt mở, anh thấy mình đang chĩa súng vào một cặp đôi người Ấn Độ trẻ tuổi, cả hai đều nhảy lùi lại khi thấy khẩu súng của Pavel. “Ra ngoài!” Pavel ra lệnh. Khi cặp đôi hốt hoảng bỏ chạy, Pavel lao vào thang máy và ấn nút cho tùy chọn duy nhất của mình - lên trên. Trong tay anh, vũ khí của trung úy đã được nạp và sẵn sàng bắn.

Lên cao, Pavel đi đi lại lại trong chiếc thang máy nhỏ như một con thú hoang cho đến khi cuối cùng thang máy dừng lại đột ngột và cánh cửa mở ra, phóng anh ra ngoài. Anh xông ra khỏi thang máy với khẩu gun nâng cao. Ngón tay đặt trên cò, anh quay trái và phải, quét nhìn nền tảng để tìm mục tiêu của mình. Không có ai cả. Biết rằng chỉ có một nơi duy nhất Langdon có thể ở, Pavel chạy theo chiều kim đồng hồ quanh ống thang máy sang phía bên kia của tháp. Thật lạ, anh cũng không tìm thấy ai ở đó. Tiếp tục, Pavel chạy vòng quanh nền tảng nhỏ và trở lại đúng vị trí mà anh đã bắt đầu. Thang máy đứng mở. Và trống rỗng. Anh ta biến đi đâu rồi?! Pavel dừng lại, hạ thấp súng. Nền tảng vắng tanh. Con đầu nhúc nhích trong đầu Pavel đột ngột tăng lên do sự nỗ lực, và cùng với nó là cơn giận dữ mới. Gió thổi mạnh, rít lên âm ầm, nhưng trên cái tiếng rên rỉ đau đớn đó, Pavel nghe thấy điều gì khác - những tiếng đập liên tục ở đâu đó bên dưới nền tảng. Trong một khoảnh khắc, anh nghĩ rằng một công nhân đang đóng kim loại, nhưng nhịp độ quá điên cuồng và nhanh chóng. Rồi Pavel thấy nó. Ở đỉnh cầu thang xoắn ốc đang xuống, cái swag nằm dưới đất... cùng với dấu chân mới trên những bậc thang kim loại. Sai lầm lớn, Giáo sư. Pavel nhảy vào thang máy ngay khi cánh cửa bắt đầu đóng lại. Ngay cả khi Langdon cố gắng hạ xuống nguy hiểm mà không bị ngã qua lan can, thì cũng không có chỗ nào để chạy khi anh đến dưới. Sáu mươi feet dưới đài quan sát, Langdon lo sợ rằng mình đã mắc phải một sai lầm khủng khiếp. Anh đang lao xuống cầu thang xoắn chặt chẽ và mở, với tốc độ phi thường mà không có nhiều độ bám từ đôi

giày đế cứng của mình, đang kêu vang âm ỉ trên những bậc kim loại lạnh giá. Ở đâu đó trên cao, thang máy đã quay trở lại chuyển động, kêu to qua ống thang mà Langdon đang xoắn. Nhanh lên, Robert. Đôi tay Langdon lạnh buốt khi chúng trượt qua những tay vịn kim loại ở hai bên cầu thang đầy nguy hiểm, đó là cách duy nhất để ổn định sự xuống dốc của mình trên một mặt phẳng nguy hiểm như vậy. Ở trên, thang máy nghe như đang lao về phía anh, và Langdon tự hỏi liệu mình có thể thắng cuộc đua đến đáy không. Nếu hòa, sẽ nghiêng về phía Pavel; trung úy đang mang súng, và Langdon không có lý do gì để nghi ngờ rằng cú đánh vào đầu Pavel không mang lại cho anh ta thêm sự kiềm chế. Tôi sẽ chạy đi đâu? Anh ấy rõ ràng sẽ không ngần ngại bắn tôi. Cách duy nhất mà Langdon nhìn thấy là công viên Petřín phía sau trung tâm đón tiếp. Và cách duy nhất để đến đó là chạy qua trung tâm khách viếng thăm và ra khỏi tòa nhà trước khi cánh cửa thang máy mở ra. Một chút sau, tuy nhiên, anh nhận ra rằng mình đã quá muộn. Khi anh xoắn xuống cầu thang, ống thang bên cạnh bắt đầu rung lắc với một âm thanh không thể nhầm lẫn - tiếng kêu lạo xạo của thang máy đi ngang qua anh. Trung úy Pavel bùng nổ vào trung tâm tiếp khách như một con bò lao vào đầu trường. Nhân viên và cặp đôi người Ấn Độ đang co lại một bên. “Ông ở đâu?!” Pavel la lên. “Người Mỹ! Ở đâu?” Nhân viên sợ hãi lắc đầu và nhún vai. Tốt, Pavel nghĩ. Bạn vẫn ở trên tôi. Anh di chuyển đến đáy cầu thang xoắn ốc và chĩa vũ khí lên không trung, chờ đợi sự xuất hiện của Langdon.

Sau mười giây trôi qua, tuy nhiên, anh nhanh chóng nhận ra rằng ở trên đầu mình quá yên tĩnh. Âm thanh đập chân của Langdon đã ngừng lại. Im phăng phất. Và rồi... anh nghe thấy một tiếng thỉnh thích nặng nề ngay phía trên đầu. Langdon hạ cánh nặng hơn dự kiến trên mái nhà của trung tâm khách tham quan. Ngừng lại ở chỗ bậc thang vào mái, anh bám vào tay vịn và vung chân lên bên trái, phóng người qua lan can thấp và đáp xuống mái nhà dốc nhẹ một cách vụng về. Anh lăn ra bụng, trượt xuống mép và hạ mình hai chân xuống qua rãnh nước, rơi xuống khoảng cách ngắn đến mặt đất ở phía sau tòa nhà. Langdon giả định rằng những màn nhào lộn nghiệp dư của anh đã không bị phát hiện bên trong, và anh không lãng phí thời gian chạy vào rừng, rời xa tháp càng nhanh càng tốt. Chưa được ba mươi yard từ cấu trúc, Langdon nghe thấy tiếng Pavel hét lên và lao qua khu rừng tuyết phía sau anh. Thật nhanh chóng. Langdon đã hy vọng có một khoảng thời gian khởi hành lâu hơn. Anh cũng ước chân giày của mình được làm bởi Nike thay vì Tod's. Khi chạy qua những hàng cây, Langdon có cảm giác bất an rằng Tháp Petřín có thể chỉ là một cái bẫy. Chỉ trong vài phút sau khi Langdon đến, ÚZSI đã xuất hiện. Anh tự hỏi có phải bức thư đã được Pavel để lại không? Liệu anh ta đang cố gắng cách ly tôi để có thể bắn tôi? Có ai đó thực sự muốn tôi chết?! Tôi có Katherine. Đến với Tháp Petřín. Rõ ràng, Katherine không có ở đây, và có vẻ khó khăn khi cô ấy đã từng ở đây. Không có gì có vẻ hợp lý—bao gồm cả email Enochian của Katherine. LXXEDOC? Cô ấy đang cố gắng nói với tôi điều gì?! Không xa phía trước, Langdon thấy một khoảng trống với một số điểm tham quan của công viên—bánh xe đu quay, chuồng ngựa, vườn hồng, nhà nguyện. Thoát khỏi khu rừng, anh lao vào sân đá cuội, cảm thấy biết ơn vì mặt đất vững chắc hơn, mặc dù anh có thể nghe thấy những bước chân nặng nề của kẻ đuổi theo phía sau. Langdon đuổi qua chuồng ngựa và vườn đến nhà nguyện, nơi mái nhà có một belvedere vốn là biểu tượng của “nơi trú ẩn,” dù cái khóa trên cửa gửi đi một thông điệp khác. Không ngừng lại, anh hãy nhìn quanh quảng trường để tìm chỗ trú ẩn khác. Anh thấy ba tòa nhà phía trước và quyết định ngay lập tức. Hai cấu trúc đầu tiên rất có thể đã bị khóa vào thời điểm này—nhà nguyện Calvary và nhà thờ St. Lawrence—cả hai thuộc một chương trình nhằm Kitô hóa ngọn đồi ngoại giáo này. Cấu trúc thứ ba là một lâu đài nhiều màu sắc, tươi sáng, kì diệu, với những tháp giả bay những lá cờ biểu tượng đầy màu sắc trên tường lâu đài. Qua cây cầu treo giả, một người đàn ông trong trang phục trung cổ vừa mới nâng cổng sắt lên, rõ ràng là mở cửa lâu đài cho một ngày mới. Trên lối vào treo một băng rôn có ghi: □í□□□□□ / □□□□□□□. Đôi khi vũ trụ chỉ đường, Langdon nghĩ. Dù cho dấu hiệu có phải là một dây từ vũ trụ theo hướng đúng hay không, Langdon không thấy lựa chọn nào khác cho chỗ trú. Một cái nhìn nhanh qua vai xác nhận rằng Pavel đã xuất hiện từ khu rừng ở cuối quảng trường, và có vẻ như anh ta đang tiến gần. Đào tẩu, Langdon chạy qua cây cầu giả, vượt qua người nhân viên đứng ngỡ ngàng, lao vào một phòng đợi nhỏ mà quầy bán vé không có người đứng làm nhân viên mang biển hiệu: ZRCADLOVÉ BLUDIŠTĚ Langdon không biết những từ đó có nghĩa gì, nhưng không quan trọng; phòng đợi chứa một cổng quay đơn độc chặn lối vào có vẻ như là lối duy nhất vào lâu đài—một cổng vòm hẹp vào một hành lang tối tăm. Xin lỗi tôi, Cinderella, Langdon nghĩ, nhảy qua cổng quay và lao qua lối mở. Anh chạy xuống một hành lang

đá, rẽ trái một cách mạnh mẽ, và lao vào một phòng sáu mặt lấp lánh. Langdon dừng lại đột ngột, kinh ngạc bởi những gì xung quanh mình. Cái quái gì...?! Sáu người đàn ông đứng thành vòng tròn, đều đặn xung quanh Langdon, tất cả đều đang nhìn thẳng vào anh. Kỳ lạ hơn nữa, tất cả sáu người đều là Robert Langdon. Langdon giờ đã hiểu ý nghĩa của ZRCADLOVÉ BLUDIŠTĚ, và anh ước rằng mình đã đưa ra một quyết định khác. T CHUÔNG 51 ánh sáng tím từ căn hộ của The Gollem cảm thấy nhẹ nhàng sau sự cố bạo lực của cái chết của Michael Harris. Sau khi tắm nhanh và mặc áo choàng, The Gollem bây giờ quỳ lặng lẽ trong nơi trú ẩn tối tăm của mình dành cho svatyně—căn phòng thiêng liêng nơi mà anh giữ bàn thờ mà anh đã dựng lên cho cô. Một sự tri ân đến người phụ nữ mà tôi được sinh ra để bảo vệ. Quỳ trong bóng tối, anh châm một que diêm và thắp ba ngọn nến thờ mà được sắp xếp giữa những bông hoa khô trên bàn. Khi ánh sáng lấp lánh trở nên sáng hơn, anh ngược mắt lên bức ảnh treo trên bàn thờ. The Gollem mỉm cười yêu thương với khuôn mặt của cô. Tôi ở đây để che chở cho bạn... và yet bạn thậm chí không biết tôi. Các chi tiết về khuôn mặt của người phụ nữ là

không phải đẹp theo cách cổ điển. Cô có những nét đẹp Slavic mạnh mẽ, tóc vàng ngang vai, và một chiếc mũi gãy... nhưng Sasha Vesna là cả thế giới của The Gollem. Tôi là người bảo vệ của em, Sasha. Mặc dù cô không biết, nhưng linh hồn của Sasha đã va chạm với của anh nhiều năm trước tại một bệnh viện tâm thần ở Nga... trong một khoảnh khắc bạo lực kinh hoàng. Sasha đã cô độc và không được bảo vệ, phải chịu đựng những cú đâm tàn bạo từ y tá đêm độc ác, một người phụ nữ tên là Malvina, khi The Gollem xuất hiện trong phòng, không thể chịu đựng sự lạm dụng thêm nữa. Được thúc đẩy bởi một cơn phản nộ dâng trào, The Gollem đã can thiệp, ra tay bằng sức mạnh tàn bạo và gãy cổ y tá. Một cách nhân từ, Sasha đã bất tỉnh và không bao giờ biết điều gì thực sự đã xảy ra đêm đó. The Gollem đã lặng lẽ trở lại vào bóng tối mà không ai hay biết... nhưng trong khoảnh khắc đó, hai linh hồn của họ đã vĩnh viễn gắn bó, và anh đã thề bảo vệ cô. Đêm tôi cứu mạng cô... là đêm tôi trở thành người bảo vệ của cô. Trước hành động thiện chí của mình, anh đã là một vật không hồn, một linh hồn mờ ảo. Nhưng trong khoảnh khắc đó, như thể bị đánh bởi một chùm năng lượng từ một cõi khác, anh cảm thấy cuộc đời mình bắt đầu, ngay lập tức hiểu ai mình là và bản chất của sự kết nối huyền bí của mình với Sasha Vesna. Tôi là thiên thần hộ mệnh của cô. Cô là lý do duy nhất tôi sống, tôi chịu đựng, tôi tồn tại. Và thế nhưng... cô không bao giờ được biết. Đến hôm nay, Sasha Vesna không hề biết rằng The Gollem thậm chí còn tồn tại... huống chi là anh có liên quan đến cuộc sống của cô, theo dõi từ bóng tối, bảo vệ linh hồn ngây thơ của cô khỏi những horro lớn của thế giới. Cơ thể và tâm trí của Sasha đã bị Brigita Gessner lạm dụng. Michael Harris, mặt khác, đã phản bội trái tim của Sasha—sự lừa dối tàn nhẫn nhất trong tất cả. “Michael...” The Gollem đã thì thầm chỉ hai mươi phút trước, siết chặt cổ người đàn ông bất tỉnh để bảo đảm túi nhựa chặt quanh mặt anh ta. “Sự phản bội của anh là tàn nhẫn nhất trong tất cả. Tôi đã thấy anh sẵn mỗi trên sự cô đơn của Sasha. Tôi đã thấy anh nằm trên giường, quần trong vòng tay cô, giả vờ yêu cô.” The Gollem đã siết chặt hơn nữa mà không hề hối tiếc, cảm thấy các đầu ngón tay của mình chạm vào thịt của Harris. “Sasha sẽ tan nát cõi lòng khi biết về cái chết của anh,” anh thì thầm, “nhưng điều đó sẽ không là gì so với việc cô ấy biết sự thật... rằng người đàn ông duy nhất cô ấy từng yêu đang lợi dụng cô... lừa dối cô... theo dõi cô.” Khi mạch đập ở cổ Michael Harris trở nên yếu ớt, The Gollem biết, từ những cái chết của chính mình, rằng người đàn ông đang rời khỏi cơ thể của mình ngay bây giờ, lơ lửng trong phòng này, chứng kiến sự ra đi của chính mình. The Gollem đã nhìn lên trần nhà, trực tiếp đối diện với Harris. “Cô ấy là một đứa trẻ, Michael... Bị bỏ rơi bởi cha mẹ... Bị nhốt trong một nhà thương... Bị cám dỗ đến Prague bởi một con quái vật. Mọi người trong cuộc đời cô ấy đã phản bội cô... ngoại trừ tôi!” Khi dấu hiệu cuối cùng của sự sống đã bị rút cạn khỏi cơ thể của Harris, The Gollem cúi xuống và lạnh lùng thì thầm những lời mà anh đã nghe Sasha thì thầm với Harris khi anh chìm vào giấc ngủ trong vòng tay cô. “Spokoynoy nochí, milyy. Good night, sweetheart.” Phần kế hoạch này của The Gollem đã thành công. Michael Harris đã bị dồn vào thế cô đơn. Sasha đã được khóa an toàn. Và giáo sư người Mỹ, Robert Langdon, đã bị gửi đi. Langdon không đáng phải chết, nhưng sự hiện diện của người đàn ông ở căn hộ của Sasha sẽ khiến The Gollem không thể thực hiện được Harris. Và vì vậy The Gollem đã ứng biến, để lại một mảnh ghi chú ở cửa của Sasha khiến Langdon phải vội vàng tìm kiếm Katherine Solomon. Chắc chắn Langdon sẽ không tìm thấy cô tại tháp Petřín. Có khả năng cao là anh ta sẽ không bao giờ tìm thấy cô, The Gollem nghĩ, nhớ lại những gì Gessner đã thú nhận đêm qua khi nước muối lạnh giá chảy qua cơ thể cô. “Katherine không biết rằng cô ấy đang gặp nguy hiểm...” Gessner đã thốt ra giữa

con đau. “Những người mà tôi làm việc... họ sẽ không dừng lại trước bất kỳ điều gì để bịt miệng cô ấy.”

M CHAPTER 52 etLife Stadium nằm cách sân bay Teterboro vài dặm về phía nam, ở East Rutherford, New Jersey, và là một trong những sân vận động có doanh thu cao nhất trên thế giới. Là nơi mà cả đội bóng New York Giants và New York Jets chơi bóng, sân vận động được xây dựng với ý tưởng biến hình, thường xuyên thay đổi banner, logo sân, và các sơ đồ ánh sáng từ Xanh Giants sang Xanh Jets mỗi tuần để phục vụ đội bóng nhà. Tối nay, khi sân vận động hoang vắng hiện ra bên phải Faukman, nó trông lạ lẫm với anh—giống như một loại tàu mẹ tối tăm bị bỏ rơi giữa một bãi đậu xe trải dài. Anh kiểm tra gương chiếu hậu để tìm dấu hiệu của sự truy đuổi, và khi không thấy ai, Faukman đã kéo chiếc SUV bị đánh cắp ra khỏi Đường 17, quay lại sau sân vận động, và đậu ở một trong gần ba mươi ngàn chỗ trống. Hãy dành một phút, Jonas. Nghĩ xem. Anh đã nắm chặt vô lăng SUV với tốc độ chín mươi dặm một giờ, và thần kinh của anh đã rối loạn. Khoảnh khắc bình yên này

là một sự nghỉ ngơi chào đón, đặc biệt khi cảm giác ám áp từ ghế sưởi cuối cùng bắt đầu thấm thấu vào cơ thể anh. Một mình trong bãi đậu xe vắng vẻ, Faukman kiểm tra điện thoại, lo lắng vì Langdon chưa gọi lại. Anh ấy phải tỉnh dậy rồi... bây giờ là chín giờ sáng ở Prague. Lịch sử cuộc gọi của Faukman không hiển thị cuộc gọi bị lỡ nào ngoài một số cuộc gọi từ một số máy nhánh IT của Penguin Random House, mà vào giờ này Faukman tưởng tượng có thể chỉ là kỹ thuật viên an ninh, Alex. Faukman nhấn nút gọi lại cho kỹ thuật viên, hy vọng rằng anh ta có thông tin nào đó có thể giúp làm sáng tỏ điều gì đang diễn ra ở đây. Giọng nói quen thuộc của Alex Conan đã trả lời ngay ở lần đổ chuông đầu tiên. “Ông Faukman! Ông đã ở đâu? Ông ổn chứ?!” Tôi không ổn chút nào, thằng bé ạ. “Tôi cần cảnh báo ông,” Alex tiếp tục thở hổn hển. “Những kẻ tin tặc đã xóa bản thảo của ông... tôi nghĩ chúng có thể rất nguy hiểm.” Không cần đoán, Faukman nghĩ thầm, vô thức chạm vào bụng đau nơi anh bị đâm. “Tôi đã đi đến cùng một kết luận, Alex.” “Và... tốt... tôi thật xin lỗi khi phải nói với ông điều này, nhưng...” Giọng của kỹ thuật viên bị vỡ, và Faukman cảm thấy một mối lo ngại đang gia tăng. Nói tôi biết điều gì? “Tôi... tôi nghĩ chúng có thể đã giết một trong những tác giả của ông.” Biên tập viên hy vọng rằng mình đã nghe nhầm. Khi kỹ thuật viên trẻ chia sẻ những gì anh ta đã biết, Faukman lắng nghe trong sự sốc, nghĩ rằng mình sắp nôn mửa. Cách một dặm, những kẻ hoạt động – Auger và Chinburg – đang đậu xe trên một con phố dân cư yên tĩnh ở East Rutherford, New Jersey, gần MetLife Stadium. Họ đang nghe cuộc gọi qua iPad của mình. Những gì họ nghe được cũng làm họ lo lắng. Một trong những tác giả người Mỹ đã bị giết ở Prague? Có phải Langdon hay Solomon? Rõ ràng, có điều gì đó đã sai lệch. Nhưng mặt khác, ông Finch đã làm rõ rằng việc khôi phục bản thảo của Katherine Solomon là vô cùng quan trọng. Và Finch luôn hoàn thành nhiệm vụ của mình, bất kể giá nào.

CHƯƠNG 53

Zrcadlové Bludiště — Mê cung Gương — lịch sử của Prague được xây dựng năm 1891 cho Triển lãm Kỷ niệm Prague, và cho đến ngày nay nó vẫn là một địa điểm phổ biến cho khách du lịch và trẻ em. Mặc dù là một mê cung ngắn theo tiêu chuẩn hiện đại, nhưng nó vẫn có thể khó điều hướng do tính chất rối rắm của thiết kế và các bức tường phản chiếu nghiêng. Robert Langdon đã dừng lại trong phòng đầu tiên... bao quanh bởi những hình ảnh hoang loạn của chính mình. Pavel ở ngay sau lưng bạn. Langdon mất một chút thời gian để nhận ra rằng một trong những hình ảnh phản chiếu nhỏ hơn một chút so với những hình ảnh khác, và anh chạy về phía đó, phát hiện ra gương được khoét sâu vào vài feet, giấu kín một lối vào được ngụy trang khéo léo, ngoài đó là một hành lang gương kéo dài ở cả hai hướng. Trái hay phải, Langdon tự hỏi, vì anh luôn không thích trò chơi đoán ngẫu nhiên của các mê cung. Theo thống kê, trong một thế giới thiên về bên phải, khi được đưa ra một sự lựa chọn giữa bên phải và bên trái, phần lớn mọi người sẽ rẽ phải, có nghĩa là những người thiết kế mê cung thường đảm bảo rằng lần rẽ bên phải đầu tiên là một sai lầm vòng. Langdon lao nhanh về phía bên trái. Khi làm vậy, anh đặt tay phải lên tường, để ngón tay chạy dọc theo các tấm gương. Không bao giờ được mất liên lạc với bức tường. Anh đã học được tuyệt chiêu này từ khi còn nhỏ, nhờ niềm đam mê với thần thoại Hy Lạp và huyền thoại về Labyrinth nổi tiếng của Minotaur ở Crete. Lưỡi rìu labrys là một biểu tượng của sự lựa chọn, và thực sự đó là sự lựa chọn đã làm cho Labyrinth trở nên khó khăn. Nhưng những người Minoan khôn khéo đã loại bỏ gánh nặng của sự lựa chọn với chiến lược tay trên tường; mà không cần phải suy nghĩ, một người đi qua mê cung chỉ cần làm theo hướng mà tay trên tường dẫn dắt. Nó không đảm bảo đường ra ngắn nhất, nhưng nó đảm bảo không bao giờ phải đưa ra cùng một sự lựa chọn hai lần, dẫn đến việc thoát nhanh hơn... và,

trong trường hợp của họ, tránh cái chết dưới tay của Minotaur. Khi Langdon đến ngã ba tiếp theo, thay vì chân chùy để đưa ra một lựa chọn, anh giữ tay trên gương khi chạy, xoay ngay sang bên trái, quyết tâm đi theo hướng mà nó hướng dẫn anh. Lặp đi lặp lại, Langdon rẽ lại, tay trên tường, di chuyển sâu hơn vào trong mê cung. Anh có thể nghe thấy Pavel lách bạch qua các hành lang ở đâu đó gần đó, hơi thở lớn của anh đôi khi chỉ cách một tấm gương mỏng manh. Langdon chạy càng nhẹ nhàng càng tốt, biết rằng nếu anh đã đưa ra quyết định sai ngay từ đầu bằng cách rẽ trái, thì chiến lược tay trên tường này sẽ cuối cùng dẫn anh trở lại con hành lang này theo hướng ngược lại... có khả năng trực tiếp vào con đường của Pavel. Langdon lao vào một phòng lớn hơn có những tấm gương bị vụn vỡ và méo mó như những bức tranh trong ngôi nhà vui vẻ ở hội chợ. Một vài tấm gương ở đây là tự do đứng, phá vỡ chiến lược tường của Langdon. Anh có thể nghe thấy đại lý ÚZSI đang ở rất gần rồi, và khi anh quét qua không gian mới, Langdon phát hiện ra một ánh sáng xám không thể nhầm lẫn ở cuối một hành lang.

Ánh sáng ban ngày! Anh rút tay khỏi tường và lao về phía ánh sáng. Nhưng anh chưa bao giờ đến được nơi đó. Hình dạng đồ sộ của Thiếu úy Pavel hiện ra trước mặt anh bên phải. Khi ánh mắt họ giao nhau, Pavel nâng vũ khí lên và nhắm thẳng vào ngực Langdon. “Chờ đã!” Langdon kêu lên, lập tức dừng lại, hai tay giơ lên trời. Nhưng Pavel đã bóp cò. Viên đạn nổ vang, Langdon lùi lại, mong đợi cú va chạm, nhưng thay vào đó, chỉ có âm thanh vỡ vụn của kính. Hình ảnh của Pavel tan biến trước mắt Langdon. Ở đâu đó gần đó, Pavel gào thét trong tức giận. Không chờ để tìm hiểu liên tục những phản chiếu tạo ra ảo giác rằng anh và Pavel đang đứng đối mặt, Langdon đã lao đi. Anh chạy về phía lối ra xám xịt lần nữa, suýt va vào một cái gương khác. Giờ đây, anh có thể thấy rằng lối ra thực sự ngay phía bên trái, và anh xô đẩy qua đó ra ánh sáng. Với những bước đi dài ra, anh lao xuống con đường lát đá xa khỏi lâu đài. Phía sau anh, tiếng súng và âm thanh vỡ kính tràn ngập không khí. Ba phát súng. Thiếu úy dường như đang tạo ra lối thoát cho riêng mình. Con đường uốn cong sâu hơn vào khu rừng, và Langdon chạy qua vài du khách cao tuổi đang leo lên con đường. Trong một khoảnh khắc, anh nghĩ rằng họ đã leo lên đồi Petrín, nhưng rồi anh thấy họ đã đến từ đâu. Phía trước, một tòa nhà nhỏ bằng thạch cao nằm cạnh một đường ray xe lửa dốc đứng, trên đó có một toa tàu đơn độc nghiêng xuống với độ dốc đáng báo động. Hệ thống cáp Petrín. Langdon chưa bao giờ đi xe cáp, nhưng lúc này dường như là lúc thích hợp cho chuyến đi đầu tiên của anh. Cửa vừa khép lại khi anh đến nơi, thở hổn hển và trượt vào trong. Chiếc xe bắt đầu đi xuống, và Langdon nhận ra rằng quyết định bước vào Mê cung Gương có thể đã cứu sống anh. Có lẽ vũ trụ đã đứng sau tất cả. Gollem kéo cái mũ cao su xuống đầu và lấy cái xô chứa đất sét Vltava ướt mà anh giữ dưới bồn rửa trong nhà tắm. Nhúng tay anh vào một lớp nước, anh lấy ra một nắm đất nhão, mịn màng. Với sự cẩn thận như nghi thức, anh bắt đầu bôi một lớp dày lên mũi của mình và cuối cùng lên mặt, che lại mọi thứ ngoại trừ đôi mắt. Khi anh đã hoàn toàn được che mặt, chỉ sau đó anh mới chọc tay vào ngăn kéo và lấy ra mảnh kính phản chiếu—chiếc gương duy nhất trong nhà anh. Sử dụng mảnh kính và một con dao phết màu, anh cẩn thận khắc ba chữ cái thiêng liêng lên trán mình. אמת. Sự thật. Sự thật là điều mà Gollem đã trải qua dồi dào gần đây. Anh đã lâu nghi ngờ rằng Brigita Gessner không phải là linh hồn vị tha, tốt bụng như Sasha vẫn xem cô. Để tìm hiểu thêm về Gessner, Gollem đã sắp xếp nhiều cách để giám sát nhà nghiên cứu thần kinh và hiểu rõ hơn về điều gì đã thúc đẩy sự hào phóng của cô đối với Sasha. Sự thật mà anh khám phá ra lại đáng lo ngại ngoài sức tưởng tượng. Anh xem xét việc truyền đạt mọi thứ cho Sasha, nhưng tổn thương sẽ quá lớn đối với cô. Sasha cần thiết phải có một người hướng dẫn... ai đó để tin tưởng. Sự thật về Michael Harris thì còn tệ hơn nữa. Gollem đã theo dõi những bước tiến tính toán của người Mỹ điển trai đối với Sasha và nhìn thấu chúng chỉ trong chớp mắt. Nhưng Sasha thì quá ngây thơ để nhận ra rằng một người như Harris sẽ không bao giờ chọn cô. Giờ đây, sự phản bội của họ đã được trả thù. Khi anh cẩn thận kiểm tra lớp đất sét quanh miệng và lỗ mũi, Gollem thích thú với trải nghiệm của mình với Gessner đêm trước. Anh đã theo dõi cô đến bài giảng của Katherine Solomon, rồi đến quán bar tại Four Seasons, và cuối cùng trở lại phòng thí nghiệm của cô... nơi anh đã tấn công mạnh bạo nhà nghiên cứu thần kinh và áp dụng một kỹ thuật thẩm vấn vô cùng hiệu quả. Lời thú tội bị ép buộc của Gessner đã lấp đầy những khoảng trống trong hiểu biết của anh... và những sự phản bội còn tệ hơn cả những gì Gollem đã từng nghi ngờ. Cô đã tiết lộ danh tính của những đối tác có ảnh hưởng của mình, cũng như những chi tiết lạnh lẽo về những gì họ đã xây dựng dưới lòng Prague. Ngưỡng cửa. Gollem tức giận. Sau khi rời khỏi phòng thí nghiệm của cô, anh ngay lập tức bắt đầu lên kế hoạch. Đầu rấn là một người đàn ông Mỹ tên là Finch, người mà Gessner báo cáo trực tiếp. Finch hoạt động từ một

văn phòng an toàn ở London và di chuyển khắp thế giới. Tôi sẽ trước tiên phá hủy sáng tạo của bạn ở Prague... và sau đó tôi sẽ hưởng thụ việc săn lùng bạn, bất cứ nơi nào bạn có thể ở. Gessner đã tiết lộ vị trí của cơ sở ngầm, nhưng rất tiếc, thể cá nhân của cô đã chứng tỏ không đủ thẩm quyền để vào. Tôi cần một cái gì đó nhiều hơn. Anh đã từng thực hiện một cuộc thử nghiệm thất bại để lấy nó từ Bastion Crucifix, nhưng trong chuyến thăm này, anh sẽ chuẩn bị tốt hơn cho bất cứ điều gì mà mình có thể gặp phải. Khi Golem bước ra lối đi gió bên ngoài nhà, anh có thể cảm thấy lớp đất sét ướt trên mặt mình đang khô nhanh, kéo căng làn da.

bụng. Đôi giày platform của anh vẫn còn ẩm ướt từ đêm qua, nhưng anh phớt lờ sự khó chịu. Kẻ thù của anh có thể đang theo dõi... và anh không thể liều lĩnh để bị nhận diện. Tôi chuyển động bây giờ như chính bản thân mình. Tôi cảm nhận sức mạnh của sự thật đó. Anh biết nhiệm vụ hôm nay sẽ cần một sự tập trung phi thường. Vì lý do này, trước tiên anh cần phải bổ sung năng lượng bằng cách đến nơi mà anh cảm nhận được nhịp đập của sức mạnh huyền bí nhất ở Prague. Tại đó, trong một cánh đồng linh thiêng của người chết, The Golem sẽ quỳ trên mặt đất lạnh và rút sức mạnh từ người mang tên mình và nguồn cảm hứng... golem đã xuất hiện trước đó.

CHƯƠNG 54

Khi Dana Daněš leo lên cầu thang đến văn phòng đại sứ Mỹ, cô có cảm giác rằng cuộc gọi này sẽ là cuộc gọi cuối cùng. Đại sứ đã quay gót và biến mất sau khi tức giận đối mặt với Dana về chuyến thăm của cô đến Four Seasons và mối quan hệ cá nhân của cô với Michael Harris. Tôi sắp bị sa thải, cô cảm nhận, gõ nhẹ. “Vào đi,” đại sứ nói. “Và đóng cửa lại.” Dana tuân theo và quay mặt đối diện với sếp của mình. Như mọi khi, thái độ của đại sứ Nagel khớp với trang phục không cầu kỳ của bà—tất cả đều là công việc. Dana thấy Nagel đáng sợ ngay cả khi không ở trong văn phòng của bà, nhưng ngay lúc này, ngồi sau bàn làm việc bằng gỗ mahogany, được bao quanh bởi cờ của cả Mỹ và Cộng hòa Séc, đại sứ Heide Nagel trông như một con sư tử sắp tiêu diệt con mồi của mình. Đại sứ nhìn chằm chằm vào Dana qua cặp kính đọc sách mà bà luôn giữ thấp trên mũi. “Tắt điện thoại của bạn đi. Đặt nó lên bàn tôi.” “Tôi có bị sa thải không?” “Lẽ ra bạn phải bị như vậy,” đại sứ nói. “Hãy xem điều gì sẽ xảy ra.” Dana tắt điện thoại và đặt nó lên bàn của đại sứ. “Bạn sẽ cần phải ký cái này,” đại sứ nói, đẩy một tài liệu qua bàn. Dana xem xét tài liệu. “Tôi không hiểu.” “Đó là một thỏa thuận không tiết lộ thông tin. Nó có nghĩa là bạn không thể thảo luận về những gì tôi sắp nói với bạn.” “Dĩ nhiên, thưa bà, tôi chỉ không chắc rằng tôi nên ký cái gì đó mà không—” “Bạn muốn Michael xem qua nó cho bạn không?” Chết tiệt. Đại sứ có cách chỉ vào điểm chính. Dana cầm bút và ký vào NDA. “Thưa cô Daněš,” bà bắt đầu, “chuyến thăm của bạn đến Four Seasons thật liều lĩnh... và không may. Bạn không nên chứng kiến những gì bạn đã thấy.” Tôi hiểu được điều đó khi khẩu súng của người phụ nữ ấy chĩa vào mặt tôi. “Vâng, thưa bà. Tôi sẽ rất vui lòng quên đi những gì tôi đã thấy và chỉ tiếp tục—” “Hãy thành thật, bạn sẽ không quên những gì bạn đã thấy. Và bây giờ bạn đã không để tôi có lựa chọn nào khác ngoài việc đảm bảo bạn hiểu những gì bạn đã thấy.”

CHƯƠNG 55

Langdon ngồi ở phía sau tàu cáp Petřín khi chiếc tàu gần như trống rỗng hạ dần xuống sườn dốc dốc đứng. Tin rằng anh đã lẩn tránh Pavel, ít nhất là trong thời điểm này, Langdon nhắm mắt và hít một hơi thật sâu, cố gắng hiểu những gì vừa xảy ra. Ai đó đã dụ anh đến Tháp Petřín rõ ràng biết rằng Katherine đang mất tích. Tôi có Katherine. Dù cho câu nói đó có đúng hay không, giờ đây có vẻ hoàn toàn có thể rằng mảnh giấy đó là phương tiện để cách ly Langdon... hoặc có thể để cách ly Sasha. Langdon cảm thấy có lỗi vì đã bỏ lại người phụ nữ Nga trẻ tuổi một mình và không được bảo vệ, mặc dù dựa trên cuộc gặp gỡ của cô với Pavel, Sasha Vesna rõ ràng có thể tự chăm sóc bản thân. Và cô ấy đang được trang bị khẩu súng của Pavel, Langdon nhắc nhở bản thân, hy vọng rằng Michael Harris đã đến căn hộ của cô ấy bây giờ. Anh cũng hy vọng Harris sẽ có một số thông tin về nơi ở của Katherine. Langdon lại tập trung vào một mảnh thông tin mà anh có—email mã hóa kỳ lạ mà Katherine đã gửi cho anh sáng nay. Nhưng ngay cả điều đó cũng dường như không có ích gì. Vô nghĩa. Hình ảnh hiện lên trong tâm trí anh. Chỉ để chắc chắn rằng anh đã không mắc sai lầm, Langdon lại thực hiện việc phiên âm Enochian một lần nữa nhưng kết quả vẫn là chuỗi chữ cái vô nghĩa như trước. Có thể cô ấy nhầm recto và verso? anh nghĩ, cố gắng hình dung lý do tại sao thông điệp của cô ấy gửi cho anh có vẻ vô lý. Recto và verso—mặt trước và mặt sau—là những thuật ngữ được các nghệ sĩ biểu tượng sử dụng để chỉ ra trang nào của một cuốn sách

mở nên được đọc trước tiên... nói cách khác, hướng mà một ngôn ngữ nên được đọc. Enochian là một ngôn ngữ viết từ phải sang trái—giống như Hebrew, Ả Rập, hoặc Farsi—đổi lập với tiếng Anh. Liệu có thể ứng dụng đã không thành công trong việc đảo ngược hướng văn bản trong quá trình mã hóa? Hay có thể Katherine đã vô tình đảo ngược nó, qua đó gây ra việc mã hóa sai? Langdon lại phiên âm các chữ cái một lần nữa, nhưng lần này là từ phía sau, và trong khoảnh khắc anh biết rằng trực giác của anh đã đúng. Một từ mới xuất hiện trong tâm trí anh. Code XXL—gần với tiếng Anh hơn rất nhiều. Tuy nhiên, Langdon không có ý tưởng gì về Code XXL đang đề cập đến điều gì. Tôi đang bỏ lỡ điều gì ở đây? Anh nhắm mắt lại, lần nữa hình dung dòng chữ.

Đột nhiên, hắn nhận ra, và hắn hiểu sai lầm của mình. Tôi đã đặt khoảng trắng ở sai chỗ... Katherine không nói CODE XXL... cô ấy đang nói CODEX XL. Đó là một ám chỉ mà Langdon hiểu rõ—như Katherine sẽ hiểu. “Codex XL” là một tham chiếu rõ ràng đến một hiện vật bí ẩn nằm ngay tại trung tâm của Prague. Họ thực sự đã tham quan nó ngay hôm qua. Kinh thánh của Quý! Được biết đến chính thức là Codex Gigas, “Kinh thánh của Quỷ” là một vật thể bí ẩn với một lịch sử kỳ quái—một số người cho rằng bị ma ám. Đó là cuốn sách lớn nhất trên thế giới, dài ba feet và gần hai feet rộng, và nặng đến 165 pounds. Thông thường được lưu giữ tại Thư viện Quốc gia Thụy Điển, nó hiện đang được cho mượn tại Klementinum ở Prague. Trong khi tham quan triển lãm với Katherine ngày hôm qua, Langdon đã đề cập rằng cuốn codex mang hơn một chục tiêu đề lịch sử khác nhau—nhiều đến nỗi, một trong những sinh viên của anh đã đặt cho nó biệt danh hài hước và đơn giản “Codex XL,” nhằm ám chỉ kích thước siêu lớn của nó. Khi chuyển tàu lăn bánh xuống núi, Langdon nhận ra rằng thông điệp được mã hóa thông minh của Katherine lẽ ra nên cung cấp cho anh một sự rõ ràng nào đó, nhưng thay vào đó lại đặt ra một danh sách câu hỏi mới. Cô ấy có sợ ai đó đang đọc email của cô ấy không? Cô ấy đang cố nhắc tôi về điều gì trong cuốn sách... hoặc có thể về điều gì đã xảy ra ở đó hôm qua? Langdon hình dung ra triển lãm mà họ đã thăm. Kinh thánh của Quý quý giá được khóa trong một chiếc tủ triển lãm khổng lồ, chống đạn và chống cháy tại Klementinum, cách nơi anh đang đứng bây giờ khoảng một dặm. Langdon đã lần đầu tiên nhìn thấy cuốn codex nhiều năm trước ở Thụy Điển tại Kungliga Biblioteket, nhưng khi phát hiện ra rằng nó đang lưu diễn ở Prague, anh đã nhất quyết muốn cùng Katherine đi xem. “Codex Gigas có nghĩa là ‘cuốn sách khổng lồ,’” anh nói với cô một cách háo hức khi họ đứng trước vật thể đồ sộ. Anh chỉ vào sống sách dày cộp. “Nó có bìa gỗ chứa hơn ba trăm trang da dê được gọt mỏng thủ công, làm từ da của một trăm sáu mươi con lừa. Những trang sách được viết tay một cách tỉ mỉ và không chỉ bao gồm toàn bộ Kinh thánh bằng tiếng Latinh mà còn rất nhiều văn bản y học, lịch sử, công thức ma thuật, bầy hồn và thần chú. Nó thậm chí còn bao gồm một nghi lễ trừ tà phức tạp—” “Dừng lại, Robert,” cô nói, mỉm cười và âu yếm nắm tay anh. “Anh đã khiến tôi thích thú với một trăm sáu mươi con lừa.” Anh mỉm cười lại với cô. “Như cô thấy...tôi thích dạy môn học đó.” Chỉ cách đây một tháng—trong một khóa học có tên Illuminations: Nghệ thuật của Các bản thảo trung cổ—anh đã trình bày một số slide về cuốn codex, bắt đầu với trang nổi tiếng nhất của bản thảo. “Đây là Folio 290,” anh nói, hiện lên hình minh họa kỳ quái của một con quỷ có sừng ngồi xổm một cách vụng về, hoàn toàn trần trụi ngoại trừ một chiếc khố trắng quấn quanh bộ phận riêng tư của nó. “Và đây là trang từ đó cuốn sách này có được biệt danh cũ nhất.” “Quý Lót?” một trong những ngôi sao bóng lacrosse của Harvard tham gia vào, khiến các bạn học của anh cười ồ lên. “Thứ hay đấy, Bruiser,” Langdon nói một cách kiên nhẫn. “Nó được gọi là Kinh thánh của Quỷ. Hình ảnh này mô tả Satan mặc một chiếc khố làm từ nhung—một biểu tượng của hoàng gia.” “Chờ đã...vậy hình ảnh này mô tả Satan như một vị vua?” một cô gái trẻ bình luận. “Trong các trang của một cuốn Kinh thánh?” “Chính xác—cảm ơn vì đã nhận ra,” Langdon nói. “Đây là hình ảnh biểu tượng khá bất thường. Nhưng có một câu chuyện lớn hơn về tài liệu này, và sự xuất hiện của Satan cũng quan trọng trong đó. Theo truyền thuyết, người viết đã tạo ra bức tranh này như một cách để cảm ơn Satan vì một ân huệ. Tin đồn cho rằng cuốn codex khổng lồ này được viết trong một đêm, bởi một thầy tu duy nhất, người đã có thể hoàn thành nhiệm vụ khó tin này chỉ vì Satan tự mình đã can thiệp để giúp đỡ.” “Satan có giúp tôi trong kỳ thi giữa kỳ không?” chàng trai bóng lacrosse lên tiếng. “Tôi chuẩn bị bị bịt miệng cậu theo cách giống như cách mà thầy tu này đã bị bịt miệng,” Langdon nói. “Giám giữ.” Từ ánh mắt ngây ngẩn của cậu bé, Langdon nhận ra rằng cậu không biết thuật ngữ này. “Giám giữ? Ai biết không?” Anh quét mắt qua phòng. “Không? Các hệ thống tư pháp hiện đại không còn dùng giam giữ như một hình phạt nữa vì nó quá tàn nhẫn. Nó bắt nguồn từ tiếng Latinh—in murus—có nghĩa là...”

Langdon chờ đợi. “Ai biết không?” Bueller? “Bị chôn sống trong tường?” một người đề xuất. “Đúng. Giam giữ thực sự có nghĩa là bị bịt kín sống trong một bức tường.” “Ghê quá,” một người nói. “Như trong *The Cask of Amontillado*.” “Chính xác.” Langdon gật đầu, vui mừng biết rằng sinh viên Harvard vẫn đang đọc Edgar Allan Poe. Một sinh viên khác hỏi, “Họ có bịt ông ấy vào tường vì đã đặt Satan vào Kinh thánh không?” “Không,” Langdon nói, “trên thực tế, họ bịt ông ấy vào tường vì đã phá vỡ lời hứa về sự độc thân. Nhưng theo câu chuyện, trước khi viên gạch cuối cùng được đặt xuống, thầy tu đã cầu xin lòng thương xót và được cho một cơ hội chuộc lỗi. Trụ trì của tu viện đã không đặt viên gạch cuối cùng và nói với ông rằng ông sẽ được tự do chỉ khi ông có thể tạo ra, trong một đêm, một cuốn sách chứa...

“Tất cả kiến thức của thế giới.” “Chà, đó là một lời đề nghị hào phóng,” ai đó lầm bầm. “Vâng, nhưng vào buổi sáng,” Langdon tiếp tục, “khi thầy tu trở về và nhìn vào lỗ hổng, thì tù nhân đang ngồi trên một cuốn mã không lồ, giải thích rằng anh ta đã bán linh hồn cho quỷ để đổi lấy cuốn sách đó. Thầy tu lập tức được thả, chủ yếu vì sợ hãi, và Cuốn Kinh của Quỷ ngay lập tức trở thành một hiện vật vô giá. Trong lịch sử đầu tiên của nó, nó đã bị đánh cắp, lấy lại, và cầm đồ nhiều lần, cuối cùng trở thành tài sản của các thầy tu Cistercian ở Sedlec. Có lẽ bạn đã nghe nói về họ? Họ nổi tiếng vì đã xây dựng... cái này.” Langdon tiến lên với băng hình, và như thường lệ, mọi người trong phòng đều co rúm lại. “Cái gì... đồ quái quỷ...?” ai đó thốt lên. Hình ảnh trước mắt họ là một bàn thờ làm bằng xương người, phía trên là một chiếc đèn chùm cũng được làm từ xương người, hai bên là bốn kim tự tháp không lồ từ sọ và xương đùi người, tất cả được đặt trong một nhà nguyện mà các bức tường và trần đều được trang trí hoàn toàn bằng xương người. “Ossuary Sedlec,” Langdon nói. “Nhà Nguyện Xương. Nó chứa bộ xương của khoảng bảy mươi ngàn người, chủ yếu là nạn nhân của Cái Chết Đen. Nếu bạn từng đến Cộng hòa Czech, thì đây là một chuyến đi đáng giá—khoảng năm mươi dặm bên ngoài Prague. Đây là một địa điểm đáng kinh ngạc.” “Thật ghê tởm,” ai đó lầm bầm. “Memento mori,” Langdon nói. “Nhớ rằng cái chết đang đến... và sống thật tốt.” Langdon tiếp tục giải thích cách Cuốn Kinh của Quỷ bị lấy đi từ Sedlec và cuối cùng đã đến Prague vào năm 1594, nơi nó được đặt trong thư viện của Hoàng đế Rudolf II cho đến năm 1648, khi nó bị Thụy Điển thu giữ làm chiến lợi phẩm và chuyển vĩnh viễn đến Thư viện Hoàng gia Thụy Điển ở Stockholm. “Trong ba trăm năm rưỡi,” Langdon kết luận, “người Thụy đã trưng bày cuốn mã dưới sự bảo vệ vũ trang. Sau đó, vào năm 2007, sau áp lực từ chính phủ Czech, cuốn sách đã được tạm thời trả lại Prague cho một triển lãm kéo dài bốn tháng tại Thư viện Quốc gia Czech, trong suốt thời gian đó có hơn một trăm ngàn người đến xem ‘cuốn sách được đồng viết bởi quỷ.’” “Đó là một đám người cả tin,” chàng trai chơi lacrosse lầm bầm. Langdon quyết định không nhắc đến hàng triệu người đã vượt qua các châu lục và đại dương để xem những điều kỳ diệu như Chiếc Khăn Liệm ở Turin, Lourdes, hoặc bất kỳ bức tượng “nữ thần Maria khóc” nào trên thế giới. Những điều kỳ diệu và huyền bí luôn là yếu tố thúc đẩy hy vọng—“các chất làm mềm thực tại,” như Langdon thường gọi chúng. “Nhưng cho dù bạn có tin vào nguồn gốc thần thánh của nó hay không,” Langdon nói, “vẫn có những bí ẩn quan trọng khác bên trong cuốn sách này. Một trong những điểm bí ẩn nhất của Codex Gigas là chất lượng phi thường của kiểu chữ. Hơn một tá chuyên gia về chữ viết đã kiểm tra cuốn mã trong suốt thế kỷ qua—và mọi chuyên gia đều khẳng định rằng toàn bộ bản thảo được viết bởi một bàn tay duy nhất. Một người chép.” Langdon chờ đợi điều này ngấm vào, nhưng câu nói kết của anh đã rơi xuống vô nghĩa. “Mọi người!” anh thúc giục. “Một cuốn sách có kích thước, chiều dài, và độ phức tạp như vậy sẽ mất khoảng bốn mươi năm để hoàn thành.” “À,” ai đó nói, “thì điều đó hợp lý hơn là làm trong một đêm.” “Tôi đồng ý,” Langdon nói, “nhưng có một vấn đề lớn với logic này. Vào thế kỷ mười ba, tuổi thọ trung bình khoảng ba mươi năm—và ít nhất phải mất một nửa số năm đó để thành thạo kỹ năng nghệ thuật được thể hiện trong kiểu chữ và minh họa này. Điều kỳ lạ hơn, các chuyên gia xác nhận rằng chữ viết tay rất nhất quán trên toàn bộ cuốn sách. Không có sự suy giảm về chữ cái từ đầu đến cuối... không có dấu hiệu mệt mỏi, suy giảm thị lực, giảm khả năng di chuyển, lão hóa, hay sự già yếu. Không có thay đổi nào trong phong cách cả. Bạn kết hợp tất cả những yếu tố đó lại, thì đây là một câu đố mà về mặt kỹ thuật là không thể.” Im lặng. “Vâng, Giáo sư... có điều gì bạn nghĩ đã xảy ra?” cuối cùng ai đó hỏi. Langdon suy nghĩ một lúc lâu. “Tôi không biết,” anh nói một cách thành thật. “Lịch sử chứa nhiều dị thường không thể giải thích, và đây là một trong số đó.” “Đó là lý do tại sao tôi học vật lý,” một sinh viên im lặng ở hàng ghế đầu nói. “Xin lỗi đã làm vỡ bong bóng của bạn,” Langdon nói với một nụ cười, “nhưng khoa học cũng chẳng làm tốt hơn với những dị thường. Có lẽ bạn có thể giải thích cho chúng tôi thí nghiệm khe đôi? Hay vấn đề chân

trời? Hay Schrödinger's—"Tôi rút lại!" cậu bé vui vẻ đầu hàng. "Dấu hiệu của sự sống thông minh, sau tất cả," Langdon nói cùng tiếng cười. "Trong mọi trường hợp, vào năm 2007, khi cuốn mã bị đánh cắp được cho mượn đến Prague, người Thụy sợ rằng chính phủ Czech có thể không trả lại, nhưng thật sự hiện vật được trả lại đúng như hứa hẹn, và cử chỉ thiện chí đó hiện có nghĩa là Cuốn Kinh của Quỷ sẽ đến thăm Prague trong sáu tháng một lần mỗi mười năm, với điều kiện nó không bao giờ được mang ra khỏi hộp bảo quản kín." Với một cú sốc nhẹ, chiếc funicular dừng lại ở chân đồi Petřín. Langdon nhìn lên, vẫn đang suy nghĩ về cuốn mã và thông điệp của Katherine. Cô rõ ràng đang thúc giục anh trở lại với Cuốn Kinh của Quỷ, và mặc dù vậy, Langdon không thấy lý do hợp lý nào cho cô phải làm vậy.

nhà cầu. Không có lý do nào... ngoài một lý do. Katherine có ở đó... đang chờ tôi không? T

CHƯƠNG 56 cây cầu George Washington là cầu đường bận rộn nhất thế giới. Kết nối các vách đá dốc của New Jersey với bờ biển của New York, mười bốn làn xe của nó cung cấp lối đi an toàn cho hơn một trăm triệu phương tiện mỗi năm. Hôm nay, tuy nhiên, trong bóng tối trước bình minh, Jonas Faulkman gần như ở một mình trên cầu khi ông lao về Manhattan trong chiếc SUV bị đánh cắp. Đôi mắt ông liên tục dán vào gương chiếu hậu, tìm kiếm bất kỳ dấu hiệu nào cho thấy ông đang bị theo dõi. Ông hy vọng có thể đến được an toàn tương đối của Tháp Random House trước khi có ai đó báo cáo chiếc xe này bị mất tích. Alex, kỹ thuật viên PRH, vừa thông báo tin đáng sợ từ Prague. Tất cả những gì Faulkman có thể làm là cầu nguyện rằng có một sự nhầm lẫn trong những gì kỹ thuật viên IT đã phát hiện. Phát hiện trong cuốn sách của Katherine có thực sự đáng để giết người không? Ông nhớ lại lý thuyết về ý thức mà Katherine đã đề xuất với ông trong bữa trưa ở New York. Đó chắc chắn là một bước tiến táo bạo so với mô hình hiện tại, nhưng dường như không hề nguy hiểm. "Lý thuyết," Katherine đã nói, "được gọi là ý thức phi địa phương. Và nó dựa trên giả thuyết rằng ý thức không bị gò bó trong não của bạn... mà thực ra nó có ở khắp nơi. Nói cách khác, ý thức thấm nhuần vũ trụ. Ý thức thực sự là một trong những khối xây dựng cơ bản của thế giới chúng ta." "Được rồi," Faulkman nói, đã gặp khó khăn trong việc theo kịp. "Trong mô hình phi địa phương," cô tiếp tục, "não của bạn không tạo ra ý thức, mà não của bạn trải nghiệm những gì đã tồn tại xung quanh nó." Cô liếc nhìn từ Faulkman sang Langdon và trở lại. "Nói một cách đơn giản, não của chúng ta tương tác với một ma trận ý thức sẵn có." "Đó là tiếng Anh đơn giản à?" Faulkman nhìn có vẻ bối rối. "Hãy biết ơn đi," Langdon nói. "Cô ấy có thể làm bữa trưa trở thành một thảm họa nếu cố gắng giải thích mô hình vòng tròn ba chiều." "Thật chứ, Robert?" cô giáo dục. "Một người có năng lực trí tuệ như bạn nên có thể hiểu một thực tại định lượng chín chiều, nằm trong một sự liên tục vô hạn." Langdon nhướn mày. "Thấy chưa?" "Làm ơn." Faulkman giơ tay lên. "Đừng bắt tôi phải dừng xe." Langdon rót đầy ly rượu cho họ khi Katherine tiếp tục. "Đây là cách dễ nhất để suy nghĩ về nó," cô nói. "Nhìn vào cái loa đó." Cô chỉ vào một kệ gần đó, nơi một chiếc loa không dây mini đang phát nhạc cổ điển. "Giả sử Mozart du hành về phía trước trong thời gian và tham gia ngay lúc này tại bàn ăn này—ông sẽ rất ngạc nhiên khi nghe nhạc phát ra từ cái hộp bé xíu đó. Trong thế giới của ông, không có bản ghi âm. Khi ông nghe nhạc, luôn có một dàn nhạc hiện diện. Thấy cái loa này, ông có thể nhầm lẫn kết luận rằng có một dàn nhạc được giấu sau bức tường—hoặc thậm chí một dàn nhạc miniature bên trong chính cái loa đó. Sẽ không có lựa chọn nào khác trong khả năng hiểu biết của ông. Ông sẽ không bao giờ kết luận rằng nhạc thực sự đang lơ lửng im lặng xung quanh chúng ta dưới dạng sóng radio và đang được cái loa này nhận." Faulkman nhìn xung quanh phòng và tưởng tượng nó đầy những sóng radio vô hình. "Chúng ta có thể cố gắng giải thích thực tại của mình cho Mozart," cô tiếp tục, "nhưng ông sẽ không có khung tham chiếu nào để hiểu được nó. Ngay cả kỹ thuật ghi âm thô sơ đầu tiên cũng sẽ không được phát minh ra cho đến tận một trăm năm sau cái chết của ông. Ý tôi là, ở đây chúng ta đang ngồi tại bàn này ở Manhattan hiện đại, và việc giải thích ý thức phi địa phương cho bạn thật giống như cố gắng mô tả sóng radio cho Mozart. Trong thực tại của ông, nhạc chỉ xuất phát từ những nhạc công biểu diễn trực tiếp chơi nhạc cụ theo thời gian thực, và không có khả năng nào khác tồn tại." Một khoảng lặng phủ quanh bàn khi những ý tưởng ngấm vào. "Nhưng trong thực tại của chúng ta... mọi thứ thì khác." Katherine lean về phía họ. "Trong thế giới của ý thức phi địa phương... nhạc tồn tại khắp xung quanh chúng ta. Não của chúng ta chỉ đơn giản là 'bắt sóng' để nghe thấy nó." Faulkman suy nghĩ trong một thời gian dài. "Bạn đang nói rằng ý thức giống như một dịch vụ streaming mà não của chúng ta đăng ký?" "Rất gần... giống như một nút radio không lò vô hạn. Hãy nghĩ về ý thức như một đám mây vô hạn của sóng radio trong phòng này. Não của bạn là một bộ thu... được lên kênh đến

đài riêng của mình. Trong trường hợp của bạn, nó được lên kênh đến đài Jonas Faukman.” Biên tập viên nhú mảy. “Không muốn âm thanh giống như Mozart, nhưng có vẻ... không thể.” “Tôi không phản đối,” Langdon nói với Faukman. “Nhưng công bằng mà nói, nhiều phát hiện khoa học ban đầu được coi là vô lý hoặc không thể—thuyết nhật tâm, trái đất hình cầu, phóng xạ, vũ trụ đang mở rộng, thuyết vi sinh, di truyền biểu hiện và vô số khác. Theo lịch sử, những chân lý quan trọng thường bắt đầu cuộc sống của chúng như những điều không thể hoàn toàn. Và chỉ vì chúng ta không thể tưởng tượng ra rằng một điều gì đó có thể đúng, không có nghĩa là chúng ta không thể quan sát nó là đúng. Các Hy Lạp cổ đại đã tuyên bố rằng trái đất hình tròn gần hai thiên niên kỷ trước khi Newton giải thích chính xác cách mà các đại dương đứng im nhờ vào lực hấp dẫn.” “Touché.”

Faukman mỉm cười. “Tôi nên biết rằng không nên tranh luận với một giáo sư Harvard.” “Tôi nghĩ những gì Robert đang cố gắng nói,” Katherine nói thêm, “là trong khi chúng ta vẫn đang học cách mà ý thức không địa phương hoạt động... chúng ta chắc chắn đã chỉ ra rằng lý thuyết này đưa ra những câu trả lời rõ ràng cho một loạt hiện tượng dường như không thể hiểu được trong mô hình hiện tại.” “Được rồi...” “Hơn nữa,” Katherine nói, “khác với Mozart, bạn có lợi thế sống trong một thế giới mà bạn tương tác hàng ngày với một mô hình rất tương tự.” “Tương tự như ý thức không địa phương?” Faukman không thấy sự tương đồng nào trong thế giới của mình. “Nếu tôi nói với bạn,” Katherine nói, “rằng tôi có thể chứa tất cả thông tin trên thế giới vào trong một cái hộp có kích thước của một bộ bài? Đúng hay sai?” “Không thể. Sai.” Katherine giờ điện thoại của mình lên. “Tất cả nằm ở đây. Bạn muốn biết gì?” “Thông minh...” Faukman nói, mỉm cười. “Nhưng thông tin đó không nằm trong điện thoại. Điện thoại đang truy cập dữ liệu từ vô số ngân hàng dữ liệu trên toàn cầu.” “Chính xác,” cô nói, mặc dù anh cảm thấy cô đang dẫn dắt anh... đến một nơi nào đó. “Bạn đã nêu một điểm rất xuất sắc. Bây giờ, nếu tôi nói với bạn rằng tôi có thể lưu trữ hàng triệu gigabyte dữ liệu trong một khối mô người có kích thước khoảng... vâng, hãy nói...khối não người?” Faukman nhú mảy. Điều đó thật nhanh. Chiều hết trong ba nước đi. “Đó là khái niệm tương tự,” cô tuyên bố. “Sự khả năng lưu trữ không thể tưởng tượng của não người là một điều không thể về mặt vật lý. Nó giống như cố nhét mọi bài hát trên thế giới vào điện thoại của bạn. Thật là vô lý. Trừ khi...” “Trừ khi,” Faukman thừa nhận, “não đang truy cập dữ liệu... từ một nơi nào khác.” “Không địa phương,” Langdon thêm vào, trông ấn tượng. “Chính xác.” Katherine mỉm cười. “Não của bạn chỉ là một bộ thu—một bộ thu phức tạp không tưởng, tinh vi đến mức tuyệt vời—mà chọn các tín hiệu cụ thể mà nó muốn nhận từ đám mây ý thức toàn cầu hiện có. Giống như tín hiệu Wi-Fi, ý thức toàn cầu luôn luôn lơ lửng ở đó, hoàn toàn nguyên vẹn, bất kể bạn có truy cập nó hay không.” “Các cổ đại chắc chắn cảm thấy như vậy,” Langdon tham gia, giờ đã thấy vô số sự tương đồng trong lịch sử. “Hầu hết tất cả các truyền thống tâm linh trên thế giới đã từ lâu vang vọng một niềm tin vào một ý thức phổ quát—Trường Akashic, Tâm lý Kinh điển, Ý thức Vũ trụ, và Vương quốc của Chúa, chỉ để kể tên một vài.” “Thật vậy!” Katherine nói. “Lý thuyết ‘mới’ này thực sự song song với một số niềm tin tôn giáo cổ xưa nhất của chúng ta.” Cô tiếp tục mô tả cách mà ý thức không địa phương đang ngày càng được ủng hộ bởi những phát hiện trong các lĩnh vực đa dạng như vật lý plasma, toán học phi tuyến, và nhân chủng học ý thức. Những khái niệm mới như siêu định và entanglement đang tiết lộ một vũ trụ mà trong đó mọi thứ tồn tại ở mọi thời điểm tại mọi vị trí. Nói cách khác, bản chất của vũ trụ chúng ta là thống nhất, hoặc, như tiêu đề của một bộ phim đoạt giải Oscar gần đây đã mô tả một cách khéo léo—Mọi thứ ở Mọi nơi Tất cả cùng một lúc. “Điều thực sự khiến mọi người phải chú ý,” Katherine tiếp tục, “là mô hình mới này cung cấp những giải thích hợp lý cho tất cả các ‘hiện tượng siêu nhiên’ đã ám ảnh mô hình truyền thống trong thời gian dài—ESP, hội chứng thiên tài đột ngột, tiên đoán, thị lực mù, trải nghiệm ra khỏi cơ thể... danh sách còn kéo dài nữa.” “Nhưng làm thế nào mà bất kỳ mô hình nào,” Faukman thách thức, “có thể giải thích một đứa trẻ trung bình bị đánh vào đầu bằng một quả bóng chày và bỗng trở thành một nghệ sĩ vĩ cầm virtuoso?” “Chà, điều đó có xảy ra. Hội chứng thiên tài đột ngột đã được ghi nhận về y học vô số lần.” “Vâng, tôi đã đọc về điều đó,” anh nói, cười, “và tôi chọn cách phớt lờ nó!” “Chính xác...” Katherine nói. “Đó là cách mà chúng ta, con người, luôn đối phó với những hiện tượng không phù hợp với thực tế của chúng ta. Chúng ta bỏ qua sự kỳ lạ thỉnh thoảng thay vì thừa nhận rằng cả mô hình của chúng ta là sai.” “Và bạn tin rằng ý thức không địa phương giải thích tất cả điều này? Bị tai nạn và bỗng nhiên có khả năng nói tiếng Trung Quốc lưu loát?” Katherine gật đầu. “Tôi tin thế. Nếu não của bạn là một bộ thu, hãy nghĩ về nó như một chiếc radio xe cổ điển với một núm vặn vật lý. Nó được

điều chỉnh đến đài phát thanh rock cổ điển bình thường của bạn—một tín hiệu rõ ràng của nội dung quen thuộc. Một ngày nào đó, bạn đâm vào một ổ gà và có một cú sốc đến radio. Bỗng nhiên, bộ điều chỉnh nhảy một chút trên núm vặn, và ngoài việc nghe rock cổ điển, giờ bạn cũng đang nghe một phát thanh viên Tây Ban Nha từ một đài hoàn toàn khác hòa vào đó.” Faulkman trông không chắc chắn. “Hãy nhìn nhận theo cách này,” Katherine nói. “Cần gì để trở thành một nghệ sĩ vĩ cầm virtuoso?” “Thực hành,” Faulkman trả lời. “Và để trở thành một golfer tuyệt vời?” “Thực hành.” “Và tại sao thực hành làm bạn trở thành một golfer tốt hơn?” “Nó giúp bạn phát triển trí nhớ cơ bắp. Ổn định cú đánh của bạn.” “Sai,” Katherine nói. “Không có thứ gọi là trí nhớ cơ bắp. Đó là một mâu thuẫn. Các cơ không có trí nhớ. Thực tế, khi bạn thực hành, bạn đang tinh chỉnh não của mình... dần dần đổi dây nó để nhận thông tin rõ ràng và nhất quán hơn từ ý thức vũ trụ để nó có thể ra lệnh cho cơ bắp của bạn co lại theo một mẫu hoàn hảo để thực hiện một nhiệm vụ theo một cách nhất định.” Faulkman nhướn mày. “Bạn đang nói rằng có một kênh golf trong ý thức vũ trụ?” “Tôi đang nói rằng mọi thứ đã tồn tại ở đó... và thực hành

giúp làm rõ tín hiệu mà bộ não của bạn đang nhận. Đây là cách chúng ta trở nên khéo léo hơn—chúng ta từ từ tiếp thu một tín hiệu cụ thể mới. Một số bộ não được sinh ra đã được lập trình sẵn để nhận một tín hiệu nhất định, đó là lý do chúng ta có những vận động viên tài năng, những nghệ sĩ vĩ đại, và những thiên tài.” “Được rồi...” “Và điều này cũng đúng với nhiều người mắc chứng Asperger hoặc tự kỷ,” cô ấy bổ sung. “Họ có thể có những thiết bị thu nhận chuyên biệt giúp họ tiếp cận những kỹ năng và hiểu biết đáng kinh ngạc, nhưng đồng thời cũng khiến cho việc thực hiện các nhiệm vụ hàng ngày trở nên khó khăn. Nó giống như việc đeo ống nhòm thay vì kính; bạn có thể nhìn thấy xa hơn nhiều người khác... và ngay cả những gì xung quanh bạn thì lại mờ ảo.” Một góc nhìn độc đáo, anh tự nhủ. “Và bạn cho rằng mô hình này cũng giải thích hiện tượng ESP?” “Hoàn toàn,” Katherine nói. “‘Cảm giác thứ sáu’ mà chúng ta gán cho ESP thực chất chỉ là bộ não đang tiếp nhận thông tin mà thường thì bị lọc ra. Theo lý thuyết mới này, khi bạn có một trực giác hay linh cảm, đó chính xác giống như đài radio bắt được một làn sóng mỏng manh của một đài khác mà nó không thường xuyên nhận. Và trong một số trường hợp, nếu bộ não nhận được nhiều đài quá rõ ràng, trải nghiệm có thể trở nên vô cùng khó hiểu, thậm chí gây cản trở—chứng tâm thần phân liệt, rối loạn danh tính phân liệt, tiếng nói trong đầu bạn, nhiều nhân cách—tất cả những điều này đều có thể được giải thích trong mô hình này.” “Thú vị,” Langdon xen vào. “Và một trải nghiệm như dự cảm?” “Đôi khi các sóng radio phản xạ trong bầu khí quyển,” cô đáp, “tạo ra các tiếng vang và độ trễ thời gian. Trong mô hình này, những điều đó thể hiện trong tâm trí chúng ta như déjà vu hoặc, ngược lại, là dự cảm.” Faulkman ngồi im một lúc, liếc nhìn qua lại giữa Langdon và Katherine. “Các bạn của tôi,” cuối cùng ông nói, mỉm cười, “tôi dám nói rằng điều này đòi hỏi thêm một chai rượu nữa.” Giờ đây, một năm sau, ý thức của Jonas Faulkman—dù sao đi nữa—trở lại với con đường phía trước. Khi ông lao đi trên tầng cao của cầu George Washington, Faulkman không chắc mình đang vô tình nghe phải kênh nào tối nay, nhưng rõ ràng đó là một kênh kỳ lạ. Ông tiến lại giữa cầu, và hạ cửa sổ xuống để thực hiện nhiệm vụ mà kỹ thuật viên PRH đã thúc giục ông hoàn thành. “Hãy vứt bỏ điện thoại của bạn,” Alex đã nói. “Có khả năng cao nó đang bị theo dõi.” Một cách miễn cưỡng, Faulkman ném điện thoại ra ngoài vào ban đêm. Nó bay qua các thanh chắn và bắt đầu một cú rơi tự do dài 212 feet về phía sông Hudson. Khi điện thoại rơi xuống, Faulkman nhớ lại những lời cuối cùng mà kỹ thuật viên đã nói. “Cố gắng trở lại đây nhanh nhất có thể... tôi đã tìm ra ai đã hack chúng ta.” T CHƯƠNG 57 cánh cửa của tàu điện mở ra dưới chân đồi Petřín, và Langdon bước ra, thấy mình ở ga Újezd, một giao lộ nhộn nhịp bất ngờ cho taxi, xe buýt, và xe điện. Hầm hờ tạo khoảng cách càng xa càng tốt giữa bản thân và Trung úy Pavel, Langdon xem xét các lựa chọn của mình. Hai lần đi taxi trước đó của ông đã kết thúc không tốt, và ông quyết định rằng an toàn nhất là đi xe điện và hòa mình vào đám đông. Xe điện số 22 là chiếc duy nhất có hàng người chờ để lên, và theo biển báo trên kính chắn gió, nó đi về trung tâm Prague. Về phía Klementinum... Langdon rất muốn tin rằng thông điệp của Katherine là một lời kêu gọi mã hóa để gặp cô tại Kinh Thánh của Quỷ, nhưng ông đã nhận ra có một vấn đề nhỏ; cô đã gửi email của mình hơn hai giờ trước—lâu trước khi bảo tàng mở cửa. Thời gian mở cửa tiêu chuẩn cho các bảo tàng ở Prague là 10 giờ sáng, còn vài phút nữa mới tới. Liệu cô có thể đã chờ bên ngoài cả thời gian này không? Mặc dù bị ám ảnh bởi sự không chắc chắn, Langdon đã lên xe điện số 22 và hướng tới bảo tàng nơi chứa Kinh Thánh của Quỷ. Khi ông vượt sông, ông hy vọng sẽ tìm thấy điều mình đang tìm kiếm—như ông đã nhiều lần trong cuộc đời—with sự giúp đỡ của một cuốn sách cổ. Đến khi Trung úy

Pavel quay trở lại chiếc xe sedan của mình ở chân Tháp Petřín, đầu óc ông như nhói đến mức tầm nhìn của ông mờ đi. Ông lách vào ghế lái, nhắm mắt lại, và suy nghĩ về hướng đi tiếp theo của mình. Ông cảm thấy mình cần một bệnh viện, nhưng cuộc truy đuổi Langdon là cấp thiết, và ông không muốn từ bỏ nó—hay từ bỏ cả đội trưởng của mình. Mặc dù danh tiếng của giáo sư là một học giả điềm đạm, nhưng ông đang trở thành một kẻ tội phạm nguy hiểm và rất tài năng. Dù vậy, vẫn có giới hạn cho khoảng cách mà ông có thể chạy. Người Mỹ đang ở bên ngoài, và những thông tin từ Cảnh báo Xanh của Pavel sẽ tiếp tục chảy trực tiếp vào điện thoại của đội trưởng trong túi của ông. Thật không may, sẽ không mất nhiều thời gian cho những tổ chức khác—ÚZSI, đại sứ quán Mỹ, cảnh sát địa phương—phát hiện ra Langdon là một người bị truy nã. Tất cả họ sẽ sớm tham gia, và những tổ chức đó sẽ xử lý Langdon nhẹ nhàng hơn so với những gì ông xứng đáng.

Pavel biết rằng khoảng thời gian để đòi lại công bằng của anh đang nhanh chóng khép lại... và chỉ có một cách duy nhất để anh có thể tồn vinh trí nhớ của người thuyền trưởng. Tìm Langdon trước khi có ai đó đến được với anh ta trước. Người điều khiển tàu điện Prague tuyến số 22 đã chứng kiến nhiều điều kỳ lạ trong sự nghiệp của cô. Thông thường, cô sẽ không để ý lần thứ hai đến một du khách liêu lĩnh chỉ mặc một đôi giày lười và một chiếc áo len giữa mùa đông. Tuy nhiên, người đàn ông này vừa mới bước ra khỏi tàu điện và băng ngang đứng trước cửa sổ của cô. Cô nhận thấy gương mặt điển trai của anh và không còn nghi ngờ gì nữa. Đây chính là gương mặt đã được phát trên điện thoại của cô như một “Cảnh báo xanh” chưa đầy một giờ trước.

CHƯƠNG 58

Người gác đêm Mark S. Dole rất hài lòng với công việc của mình tại Random House Tower. Trong suốt hai năm qua, anh đã bảo vệ tòa nhà này, cảm thấy tự hào mỗi khi mặc chiếc áo khoác xanh và đội mũ an ninh, đứng sau quầy an ninh đồ sộ ở sảnh. Anh hai mươi tám tuổi và đã hứa với vợ rằng anh sẽ được thăng chức lên ca ngay khi anh ba mươi. Một trong những lợi ích mà anh yêu thích nhất khi làm việc ở đây là thư viện nhân viên miễn phí — một kho chứa ở tầng hầm đầy ắp mọi thứ từ những tác phẩm cổ điển đến những tiểu thuyết hiện đại. Kể từ khi nhận công việc, Dole đã đọc hơn ba chục cuốn sách, và tối nay anh đang tư duy qua cuốn *The Grapes of Wrath* của Steinbeck và cảm thấy thật may mắn khi có công việc hỗ trợ gia đình mà không phụ thuộc vào thời tiết. Dole ngược lên khỏi cuốn sách khi một chiếc SUV màu đen trượt dừng lại đột ngột trước cửa chính. Anh chưa bao giờ thấy điều gì như vậy, đặc biệt là vào lúc 3:48 sáng. Càng bất ngờ hơn, người đàn ông nhảy từ ghế lái xuống là biên tập viên Jonas Faulkman. Dole không thể nhớ lần nào thấy Faulkman lái xe đi làm, và với cách đỗ xe của người này, có lẽ đó là điều tốt. Faulkman bây giờ đứng bên ngoài cửa điện tử, tìm kiếm trong túi của mình một cách điên cuồng. Dole đã thấy điệu nhảy này nhiều lần trước đây. Anh quên thẻ nhân viên của mình. Người gác đêm nhấn một nút dưới quầy của mình, và cánh cửa bật mở. Faulkman vội vàng bước vào sảnh, trông có phần điên cuồng. “Mọi thứ ổn không, thưa ông?” Dole hỏi. “Ồn, ồn thôi,” biên tập viên khẳng định, mặc dù trông anh ta hoàn toàn không ồn. Tóc anh rối bời và vẻ mặt mệt mỏi khiến anh trông giống như vừa trải qua một đêm đi tàu lượn ở Coney Island. “Tôi đã làm mất ba lô. Thẻ nhân viên của tôi ở trong đó.” “Xin lỗi vì điều đó. Tôi sẽ làm cho ông một thẻ tạm thời.” Anh lấy ra một thẻ nhựa mới và đưa vào máy làm từ. Faulkman chờ đợi, dựa nặng lên quầy, nhắm mắt lại, hít thở sâu. “Ông Faulkman?” Dole hỏi. “Ông chắc chắn ổn không?” Faulkman mở mắt. “Ừ, tôi xin lỗi, Mark. Chỉ là... một đêm dài.” “Làm việc trên một bản thảo khó khăn?” Dole hỏi, đưa cho anh ta thẻ vào mới. Biên tập viên gật đầu một cách chậm biếm và đi về phía thang máy. “Cái này phức tạp hơn tôi nghĩ.”

Với việc theo dõi tín hiệu từ điện thoại của Faulkman, các đặc vụ Auger và Chinburg đã theo kịp chiếc SUV bị đánh cắp của anh ta ngay trước khi anh vớt điện thoại ra ngoài cửa sổ. Từ đó, họ đã lén lút theo dõi chiếc SUV đến góc phố Fifty-Sixth và Broadway, nơi nó hiện đang đỗ theo một góc nghiêng ở phía trước Random House Tower. Câu hỏi là làm thế nào để tiến hành. Họ đã đỗ xe ở phía bên kia của Broadway, và Auger đã thực hiện một cuộc gọi báo mật khác cho Finch, người trả lời bằng một câu ngắn gọn “Đi.” “Thưa ngài,” Auger nói, “chúng tôi đã mất tín hiệu âm thanh từ biên tập viên, nhưng chúng tôi đã nghe thấy một số thông tin đáng ngạc nhiên. Kỹ thuật viên PRH dường như đã biết rằng một trong những người Mỹ ở Prague đã chết.” Finch im lặng một nhịp. “Anh ta lấy thông tin từ đâu?” anh hỏi, giọng điệu không tiết lộ gì. Auger chia sẻ những gì họ đã nghe lén trong cuộc gọi giữa kỹ thuật viên và Faulkman. “Đó không phải là mối quan tâm của bạn,” Finch nói, kết thúc cuộc điều tra. “Có gì khác

không?” “Vâng, thưa ngài,” Auger nói, đã để lại điều tồi tệ nhất cho cuối cùng. “Kỹ thuật viên cũng tuyên bố biết ai là người chịu trách nhiệm cho vụ hack trên máy chủ của họ.” Finch hít một hơi sắc. “Gọi Chinburg cho tôi.” Auger để điện thoại lên loa và đưa cho đối tác của mình. “Thưa ngài,” Chinburg nói, “chúng tôi tin rằng thông tin của kỹ thuật viên là sai. Anh ta không chia sẻ bất kỳ chi tiết cụ thể nào, vì vậy chúng tôi không biết liệu anh ta có đang đi đúng hướng hay không.” “Các anh đã nói chuyện với đội ngũ xâm nhập của mình chưa?” Finch yêu cầu. “Vâng, thưa ngài. Vừa mới. Họ khẳng định rằng vụ hack đã sạch sẽ.” Chinburg do dự. “Tuy nhiên, họ có đề cập rằng vì hoạt động này được thực hiện dưới những áp lực thời gian chặt chẽ, họ đã phải ưu tiên tốc độ và hiệu quả hơn là các biện pháp ẩn danh thừa thãi.” “Xin lỗi? Họ đã cắt ngắn quy trình?” “Không, thưa ngài, họ đã thực hiện hoạt động tốt nhất có thể trong khoảng thời gian đã cho.”

“Chúng bảo đảm với tôi rằng sự tự tin là rất cao.” “Sự tự tin là rất cao?” Finch quát, giọng điệu lạnh như băng. “Trong kinh nghiệm của tôi, cụm từ đó chỉ được sử dụng bởi những người thiếu tự tin.” Có một khoảng im lặng ba giây trên đường dây. “Hãy tìm hiểu xem công nghệ này biết gì... và ngay lập tức kiểm soát nó. Bằng bất cứ cách nào mà bạn cho là cần thiết.” Cuộc gọi kết thúc. Chinburg trông có vẻ chán động. “Chết tiệt.” Auger trông hơi thú vị. “Sự tự tin là rất cao?” “Đừng có mà thô lỗ.” Auger liếc nhìn qua đường vào hành lang của tòa nhà chọc trời. “Nếu Finch muốn thông tin tình báo, chúng ta sẽ phải vào trong.” Việc xác định xem công nghệ đó biết bao nhiêu lẽ ra nên dễ dàng như việc kích hoạt từ xa micrô trên điện thoại của Faulkman và nghe cuộc trò chuyện mà anh ta sắp có với công nghệ. Thật không may, biên tập viên đã thực hiện động thái an ninh đầu tiên của anh ta trong buổi tối, và điện thoại của anh bây giờ đang nằm ở đáy sông Hudson dưới cầu George Washington. Không thấy lựa chọn nào khác, Auger đã đóng gói một số vật dụng vào các ngăn của chiếc áo khoác tác chiến đen và ba lô của mình. Phần công nghệ trong buổi tối vừa mới kết thúc, có nghĩa là đã đến lúc họ phải bắt tay vào công việc bản thủ.

CHƯƠNG 59

Tại Prague, Đại sứ Hoa Kỳ Heide Nagel đứng ở cửa sổ văn phòng và nhìn mệt mỏi về phía Khách sạn Alchymist bên kia Đường Tržiště. Sau khi vừa hoàn thành việc báo cáo cho Dana Daněk về chiến dịch bí mật mà cô đã vô tình phát hiện sáng nay, đại sứ đã gửi người phát ngôn truyền thông trở lại văn phòng của cô để chờ lệnh tiếp theo. Không có gì ngạc nhiên khi Dana đã sợ hãi trước những gì cô đã học được. Tốt, Nagel nghĩ. Nỗi sợ có thể là cách duy nhất để kiểm soát cô ta. Một tiếng gõ nhẹ nơi cửa thu hút sự chú ý của Nagel. Cô quay lại thấy một lính thủy quân lục chiến Hoa Kỳ đứng thẳng hàng trong bộ đồng phục xanh trắng truyền thống. Một nhóm an ninh đại sứ quán thủy quân lục chiến tám người là một phần của đội bảo vệ các đại sứ quán Hoa Kỳ và các nhà ngoại giao quan trọng trên toàn thế giới. “Thưa Đại sứ,” người lính nói. “Chúng tôi có một tình huống.” Càng nhiều người càng vui... Tôi đã có một tình huống chết tiệt rồi, cô nghĩ, nhưng vẫn ra hiệu cho anh vào. Người đàn ông bước vào văn phòng của cô. “Thưa bà, Đại úy Janáček của ÚZSI đã phát đi một thông báo công khai tìm kiếm một công dân Mỹ.” Anh kiểm tra một thẻ ghi chú. “Tên ông ta là Robert Langdon.” Nagel nhắm mắt lại, không thể tin rằng lời đe dọa tiết lộ Janáček của cô đã không ngăn được đại úy đó. Janáček đang toàn tâm toàn ý với Robert Langdon? Chết tiệt. Rõ ràng, cô đã không thuyết phục hoặc đe dọa như cô đã tưởng. “Và APB là một Thông báo Xanh,” người lính thêm vào, “có nghĩa là ÚZSI đang tuyên bố Langdon đã giết một người của họ.” “Cái gì!” cô bùng nổ. “Đó là một lời nói dối chết tiệt!” “Nếu chúng tôi không tìm thấy Langdon ngay lập tức...” người lính nói nhỏ, “ai đó sẽ hạ gục ông ta.” Nagel hít sâu vài lần và gạt đầu cảm ơn anh. “Tôi sẽ có lệnh cho bạn sớm thôi. Xin hãy đóng cửa khi ra ngoài.” Người lính quay người và rời đi. Nagel lập tức gọi điện tín hiệu đến Mr. Finch. “Tiếp tục,” ông nói, trả lời ngay từ tiếng chuông đầu tiên. Nagel cung cấp cho ông tóm tắt về tình hình xấu đi ở Prague: ÚZSI đang truy đuổi Robert Langdon với lực lượng sát thương. Katherine Solomon đang mất tích. Tùy viên Harris đã đến Pháo đài Crucifix nhưng không còn trả lời điện thoại. Finch, như đã dự đoán, rất tức giận. “Tôi tưởng bạn đã xử lý ÚZSI! Bạn đang điều hành một chiến dịch hời hợt gì vậy?!” “Đây là chiến dịch của ông!” Nagel phản công. “Và tình huống này chính là lỗi chết tiệt của ông!” Ngay cả khi cô nói ra những lời đó, Nagel biết mình đã vượt quá giới hạn. Giọng Finch trở nên bất thường yên lặng. “Heide,” ông thì thầm, bỏ qua danh hiệu trang trọng của cô như để nhắc nhở cô rằng cô chỉ là một quân cờ trong thế giới của ông. “Tôi khuyên bạn nên nhớ ai đã đặt bạn vào vị trí này... và tại sao.” Nhân viên hiện trường

Housemore đã ngủ chưa đầy một giờ. Bây giờ cô đang đứng tại bồn rửa mặt, vừa mới bị đánh thức bởi một cuộc gọi mới từ Mr. Finch phát đi các lệnh cập nhật. Đi ngay đến Pháo đài Crucifix. Bảo vệ phòng thí nghiệm của Gessner. Kiến thức của Housemore về chiến dịch ở Prague là “tách biệt.” Trong khi cô biết Gessner là phần không thể thiếu đối với Threshold, cô cũng biết cơ sở ngầm mà Finch đã xây dựng nằm ở một nơi khác trong thành phố. Vậy tại sao lại bảo vệ phòng thí nghiệm của Gessner? Ngoài chỉ thị mới này, Finch đã cho cô tin tức chần chừ rằng ông sẽ đến Prague trực tiếp. Nếu chính thống lĩnh đang trên đường đến Prague, thì Housemore biết rằng nhiệm vụ này chắc chắn đã rối loạn. Khi The Gollem băng qua Quảng trường Cổ, hắn đã đi qua gần một đám đông khách du lịch tụ tập quanh một bức tượng đồng và uống svařák nóng trong những cốc nhựa. Giọng của hướng dẫn viên du lịch âm ỉ vang lên qua một chiếc loa cầm tay. “Kiệt tác Art Nouveau này,” người dẫn chương trình tuyên bố, “khắc họa nhà lãnh đạo phong trào cải cách Czech—Jan Hus—người đã bị thiêu sống vào năm 1415 vì từ chối...”

“để tuân theo lệnh của Giáo hoàng.” Người hướng dẫn vừa định tiếp tục, thì ông nhìn thấy hình dáng đen tối của The Gollem đi ngang qua. Dù Praha đang bị tràn ngập bởi các diễn viên ăn mặc theo kiểu hóa trang chụp ảnh nhận tiền tips, người hướng dẫn dường như quyết định nắm lấy khoảnh khắc để tạo ra một chút kịch tính cho khách hàng của mình. “Thưa quý ông và quý bà,” ông ta hân hoan thông báo. “Hôm nay chúng ta có một vị khách bất ngờ! Một trong những người nổi tiếng nhất của Praha!” Các vị khách du lịch quay lại như thể đang mong chờ nhìn thấy Ivan Lendl hoặc Martina Navratilova. Thay vào đó, họ thấy một hình bóng cloaked với khuôn mặt bết đất sét. “Quái vật golem!” một cậu bé kêu lên. “Bạn vừa nói về anh ta trong buổi lễ!” “Xuất sắc,” người hướng dẫn nói, quay về phía cậu bé. “Và bạn có nhớ ý nghĩa của các chữ cái Hebrew trên đầu anh ta không?” “Chân lý!” cậu bé đáp. “Cho đến khi rabbi xóa một chữ và giết anh ta!” “Xuất sắc,” người hướng dẫn nói khi The Gollem đi qua. “Vậy hôm nay có vẻ như không có cơ hội chụp ảnh với golem, nhưng ai có thể kể tên quái vật nổi tiếng thứ hai ở Praha?” Không ai trả lời. “Con gián!” người hướng dẫn nói một cách kịch tính. “Franz Kafka đã viết một tiểu thuyết tại chính thành phố này có tên là Biến Hình—trong đó một chàng trai tỉnh dậy vào một buổi sáng và phát hiện ra mình đã biến thành... một con gián không lồ!” The Gollem nhanh chóng rời nhóm phía sau, rời khỏi quảng trường và đi về phía bắc. Khi đi bộ, anh thấy mình đang nghĩ về Franz Kafka và nhớ lại lần đầu tiên anh nhìn thấy bức tượng nổi tiếng kỳ quái của tác giả—một người khổng lồ mặc áo choàng không có đầu... gánh trên vai một người nhỏ hơn rất nhiều. Một sinh vật không có mặt gánh nặng của một linh hồn yếu hơn. The Gollem cảm thấy sự đồng cảm ngay lập tức với bức tượng. Người đàn ông nhỏ bé hỗ trợ đại diện cho Kafka, người mà trong câu chuyện Miêu Tả Một Cuộc Đấu Tranh, đã được một người bạn bảo vệ gọi là “người quen” hỗ trợ. Người quen đã nâng đỡ Kafka, The Gollem đã nhận ra, cũng như golem nâng đỡ nhân dân Do Thái. Cũng như tôi nâng đỡ Sasha. Những suy nghĩ về Sasha kéo tâm trí của anh về với nhiệm vụ đang chờ phía trước. Hôm nay tôi sẽ thâm nhập vào Threshold. Sasha không phải là nạn nhân đầu tiên của họ... cũng không phải cô là người cuối cùng. Tất cả đều phải bị tiêu diệt. Mãi mãi.

L CHƯƠNG 60

Langdon vội vã đi dọc vỉa hè về phía Klementinum, đôi mắt anh quét qua đám đông thừa thớt để tìm bất kỳ dấu hiệu nào của Katherine. Một cơn gió lạnh lại cuốn quanh anh khi anh nhắm đến tháp thiên văn của bảo tàng, cái tháp có thể nhìn thấy bên trên các tòa nhà khác cách đó chưa tới một cây số. Anh đi qua khách sạn sang trọng Mozart Prague, nơi Wolfgang từng biểu diễn nhiều buổi hòa nhạc riêng tư, và anh nhớ lại đã từng chứng kiến mặt tiền nhạt màu của nó được biến đổi một cách kỳ diệu thành những dòng nhạc cổ điển cao vút mà cuộn lại theo nhịp với một bản thu âm được khuếch đại của Eine kleine Nachtmusik. Mỗi tháng Mười, Praha tổ chức Lễ Hội Tín Hiệu, một tuần trong đó các công trình kiến trúc được biến thành những bức tranh bằng cách sử dụng ánh sáng chiếu và lập bản đồ video. Thứ mà Langdon yêu thích nhất là một hình chiếu bay bổng trên Cung điện tổng giám mục mô tả nguồn gốc và sự tiến hóa của loài—một sự trở trêu phản ánh sự quý mến của Praha đối với nghệ thuật tiên phong. Khi đi qua khách sạn, bước đi của Langdon ngay lập tức chậm lại, đôi mắt anh bị thu hút bởi một ki-ốt quảng cáo trong một công viên nhỏ. Áp phích mô tả một đội quân tương lai của những người lính đang diễu hành qua một hành tinh hoang vắng. Phía trên các chiến binh vũ trang là một từ duy nhất xuất hiện ngay tại khoảnh khắc này cảm thấy kỳ lạ và trùng hợp. □ □ □. Vũ trụ đang trêu chọc tôi chăng? Áp phích đáng sợ này, dĩ nhiên, không đề cập đến một biểu tượng rục rờ của tâm trí khai sáng mà là một series

trò chơi máy tính cực kỳ phổ biến, mà theo các sinh viên của Langdon, đã khéo léo chiếm đoạt sự cộng hưởng văn hóa của Kitô giáo bằng cách tích hợp các thuật ngữ tôn giáo như giao ước, chiếc hộp, các vị tiên tri và cơn lũ, cùng với một bức tranh thâm của các tham chiếu tôn giáo uyên thâm. “Nghe có vẻ như tôi có thể thích nó,” Langdon đã nói với lớp học của mình. “Bạn sẽ không thích,” một sinh viên chế nhạo. “Những kẻ thô bạo với máy nghiền sẽ giết bạn ngay lập tức.” Langdon không biết anh ta có ý gì nhưng quyết định tiếp tục với trò chơi cờ trực tuyến. Dẫu vậy, vào lúc này, ở Praha, sự xuất hiện của từ halo cảm thấy giống như một ám chỉ có thời điểm kỳ quái đến Katherine. Anh không chắc có nên xem đây là một điềm tốt hay một điềm xấu, vì họ vừa bàn luận về chủ đề này hai ngày trước. “Những vòng hào quang thường bị hiểu lầm hoàn toàn,” cô đã nói. “Chúng luôn được tưởng tượng như những tia sáng rực rỡ bao quanh đầu và mô tả năng lượng chảy ra từ một tâm trí khai sáng. Nhưng tôi tin rằng chúng ta đang giải thích các vòng hào quang theo cách ngược lại. Những tia sáng đó đại diện cho những chùm ý thức...chảy vào...chứ không phải ra ngoài. Nói rằng ai đó có một ‘tâm trí khai sáng’ chỉ đơn giản là một cách khác để nói rằng họ có một ‘bộ thu tốt hơn.’ ” Langdon đã nghiên cứu vòng hào quang như những biểu tượng tôn giáo nổi bật trong nhiều năm, và anh chưa bao giờ xem xét chúng theo cách mà Katherine vừa thể hiện. Giống như hầu hết mọi người, anh đã luôn...

nhìn thấy những hào quang tỏa ra. Cách giải thích ngược lại cảm thấy khó chịu. Tuy nhiên, anh phải thừa nhận rằng Kinh Thánh thường mô tả các vị tiên tri như những người nhận được trí tuệ thần thánh từ Thiên Chúa...chứ không phải là người sáng tạo hay phát tán nó. Trong sách Công vụ 9, sự chuyển đổi của Tông đồ Phaolô trên con đường đến Damas được mô tả như là kết quả của một luồng năng lượng nhận được từ thiên đường. Trong sách Công vụ 2, Thánh Thần đã chảy vào các tông đồ và ban cho họ sức mạnh tức thì để nói được nhiều ngôn ngữ khác nhau nhằm truyền giảng phúc âm. Hội chứng thiên tài bất ngờ? Biểu tượng của hào quang thường được liên kết với Kitô giáo, nhưng Langdon biết rằng có nhiều phiên bản trước đó—from Mithraism, Phật giáo, và Zoroastrianism—miêu tả các tia năng lượng xung quanh các đối tượng của họ. Khi Kitô giáo tiếp nhận biểu tượng hào quang, các tia dần dần bị loại bỏ để thay vào đó là một đĩa đơn giản treo trên đầu. Do đó, một yếu tố biểu tượng quan trọng của hào quang đã bị lịch sử lãng quên, và Katherine tin rằng phiên bản bị mất có thể xác nhận một sự hiểu biết đã bị quên lãng và trí tuệ cổ xưa...sự hiểu biết đã mất về thứ đã trở thành lý thuyết ý thức không định vị. Não bộ là một bộ thu...và ý thức chảy vào, chứ không phải ra ngoài. “Bạn vẫn không thể tin vào khái niệm đó, đúng không?” cô đã thách thức một cách tinh nghịch. “Bạn đang chờ đợi một kiểu chứng minh nào đó rằng não của bạn là một bộ thu.” Langdon suy nghĩ. Các mô hình khoa học chưa bao giờ được chứng minh theo một nghĩa tuyệt đối nào. Chúng được chấp nhận bằng cách nhất quán giải thích và dự đoán các quan sát tốt hơn so với các mô hình thay thế. Khái niệm của Katherine thật thuyết phục và cũng có thể giải thích nhiều hiện tượng bất thường như ESP, trải nghiệm ra khỏi thân xác, và hội chứng thiên tài bất ngờ. “Nếu bạn hỏi tôi,” Katherine nói, “bộ nhớ eidetic của bạn nên là chứng minh đủ, Robert. Tôi biết bạn tin rằng não của bạn đã lưu trữ mọi hình ảnh bạn từng thấy. Nhưng việc nhớ lại toàn bộ hình ảnh là điều không thể về mặt vật lý. Dữ liệu hình ảnh sống động mà bạn có trong suốt cuộc đời sẽ đầy cả một nhà kho, ngay cả khi sử dụng các phương pháp lưu trữ kỹ thuật số tiên tiến nhất, và bạn vẫn có thể nhớ lại dữ liệu đó một cách hoàn hảo. Sự thật là, não bộ con người—ngay cả não của bạn—về mặt vật lý quá nhỏ để chứa quá nhiều thông tin.” Sự chú ý của Langdon đã được khơi dậy. “Bạn đang nói rằng ký ức của chúng ta hoạt động như điện toán đám mây? Tất cả dữ liệu ký ức của chúng ta đang ở nơi khác...đợi chúng ta truy cập.” “Chính xác. Não bộ eidetic của bạn đơn giản có một cơ chế vượt trội để tiếp cận và nắm bắt dữ liệu. Bộ thu của bạn rất tinh vi và được điều chỉnh cao để truy cập hình ảnh.” Cô mỉm cười. “Nhưng có lẽ ít được điều chỉnh hơn để tiếp cận đức tin và sự tin tưởng.” Langdon cười. “Chà, tôi có niềm tin vào bạn, và tôi tin rằng sớm thôi bạn sẽ chia sẻ các thí nghiệm khoa học của mình...và giải thích cho tôi chính xác những gì bạn đã phát hiện ra.” “Cố gắng hay đấy, Giáo sư,” cô nói. “Nhưng bạn sẽ phải chờ và đọc cuốn sách.”

CHƯƠNG 61

Klementinum—giống như nhiều tòa nhà tuyệt đẹp khác của châu Âu—được xây dựng để tôn vinh vinh quang của Thiên Chúa Kitô giáo. Hoàng đế Ferdinand I, trong nỗ lực gia tăng sự hiện diện của Giáo hội Công giáo tại Bohemia vào thế kỷ 1500, đã mời đến Praha các thành viên của Hội dòng Chúa Giê-su—các tu sĩ Dòng Tên—và đã đề nghị cho họ tài sản đất đai tốt nhất của thành phố để xây dựng một

trường đại học Dòng Tên. Vào cuối thế kỷ, “Klementinum” của Dòng Tên—được đặt theo tên Thánh Clement—đã trở thành một trong những tổ hợp tòa nhà lớn nhất trong vùng, chỉ đứng sau lâu đài Praha. Nổi tiếng vì sự cống hiến cho khoa học, trường đại học Klementinum cuối cùng đã bao gồm một Tháp Thiên văn cao tới bảy mươi tám mét, một thư viện khoa học với hàng ngàn cuốn sách, và một Phòng Kinh tuyến sáng tạo, sử dụng hình học và ánh sáng mặt trời để chỉ ra thời gian chính xác của buổi trưa mỗi ngày, vào lúc đó đồng hồ chính thức sẽ bắn một khẩu cannon để báo hiệu giờ trưa cho tất cả mọi người trong thị trấn. Trong thời hiện đại, Klementinum chủ yếu hoạt động như trụ sở của Thư viện Quốc gia Séc và là một bảo tàng lịch sử. Những du khách thông minh muốn tìm những góc nhìn đẹp nhất của Praha đã trèo lên Tháp Thiên văn Klementinum, cú leo 172 bậc thang của họ được đền đáp bằng những cảnh đẹp ngoạn mục cũng như một triển lãm hấp dẫn về các dụng cụ thiên văn của thế kỷ mười tám. Vội vàng chạy lên con đường menuju bảo tàng, Robert Langdon không nghĩ đến hàng triệu kho báu bên trong, mà chỉ tập trung vào Katherine và thông điệp bí ẩn đã dẫn anh đến đây. Khi anh đi qua cổng đồng của Cầu Charles, Langdon nhận ra mình đang đi trên vỉa hè giống hệt mà anh đã chạy cách đây chỉ vài giờ. Tôi đang đi lòng vòng, anh nghĩ. Giống như cá vàng của Katherine. Đã 9:55 sáng khi Langdon đến bên ngoài cửa chính của Klementinum và bắt đầu quét khu vực để tìm Katherine. Cô không ở đây, nhưng điều bất ngờ là anh thấy một gia đình đang bước vào qua cửa chính. Bảo tàng đã mở cửa rồi sao? Cảm thấy một luồng hy vọng rằng Katherine có thể đang chờ bên trong, Langdon vội vã bước qua cánh cửa vào sự ấm áp chào đón của sảnh. Anh dự đoán sẽ tìm thấy bảo tàng gần như không người vào giờ sớm này, nhưng thay vào đó, sảnh đang nhộn nhịp với du khách, nhiều người trong số họ đang ngồi...

Trên những chiếc vali trong khi nhâm nhi cà phê và ăn bánh donut. Cảnh tượng trông giống như một phòng chờ sân bay hơn là phòng khách của một tu viện Dòng Tên thế kỷ mười sáu. Chuyện quái gì vậy?! Một nhân viên bảo tàng vui vẻ đi tới bên Langdon với nụ cười. “Cà phê không?” Cô ấy giơ ra một khay cà phê. Bối rối, Langdon cảm kích nhận lấy thức uống nóng, quàng tay quanh chiếc cốc giấy ấm áp. “Cảm ơn, nhưng... chuyện gì đang xảy ra ở đây?” Người phụ nữ gật đầu về phía một biển ngữ trên tường. □□□□□□□□□□ □□□ □□□□ □ 7.□.! “Sáng kiến tiếp thị mới,” cô nói với giọng vui vẻ. “Hầu hết các chuyến bay từ Mỹ đều đến vào lúc sáu giờ sáng, vì vậy khách du lịch có hàng giờ để giết thì trước khi họ có thể nhận phòng khách sạn. Chúng tôi cung cấp xe buýt miễn phí tại sân bay, gửi hành lý, cà phê và bánh donut... et voilà!” Cô chỉ vào hành lang đầy người. “Bất cứ điều gì để đưa các bạn người Mỹ vào bảo tàng, đúng không?!” Cô rời đi. Nhận xét này sẽ chẳng khiến Langdon cảm thấy bị xúc phạm nếu không nghe thấy rằng một trong những điểm tham quan du lịch nổi tiếng nhất ở Prague giờ đã trở thành một trường bắn ngầm nơi người Mỹ có thể hợp pháp bắn một loạt vũ khí tự động kỳ lạ. Tuy nhiên, bây giờ ông cảm thấy một mảnh ghép của câu đố dần dần được lắp vào. Khi Katherine gửi email, bảo tàng đang mở cửa! Thêm vào đó, cô ấy chắc chắn đã phải đi thẳng qua lối vào trên đường đến phòng thí nghiệm của Gessner. Liệu cô ấy đã bước vào... và cố gắng triệu hồi tôi? Codex XL... Được khích lệ bởi ý tưởng rằng Katherine vẫn có thể đang ở đâu đó trong tổ hợp các tòa nhà này, Langdon quét nhìn hành lang đông đúc để tìm tóc nâu dày của cô. Ông không thấy cô và vội vàng tiến đến quầy vé để mua một vé vào cửa đầy đủ. Nhân viên thu ngân có vẻ nghi ngờ ông một chút, gần như nghi ngờ, nhưng cô đã cấp thẻ của ông mà không hỏi gì thêm. Langdon dán thẻ vào áo len của mình và vội vàng đi qua một loạt hành lang trang trí bắt mắt về phía đích đến. □□□□□ □ □□□□□□□□□□ □□□□□ □□□ □ (□□□ □□□□□’□ □□□□□) Khi ông tới lối vào lớn của thư viện, một nhân viên đã ngăn ông lại. Sau khi xem xét thẻ của Langdon, ông ta dán một nhãn đồ lên đó. “Ngài có một một giờ đồng hồ, thưa ngài,” nhân viên nói. “Chúc ngài vui vẻ.” Langdon đã quên rằng quyền truy cập vào Thư viện Baroque bị giới hạn theo từng khoảng thời gian một giờ, có nghĩa là nếu Katherine đã gửi email từ bên trong... thời gian được cấp của cô chắc chắn đã hết từ lâu. Mong rằng cô vẫn còn ở đây... ở đâu đó. Langdon nhanh chóng bước qua cửa, vào cái mà nhà văn Jorge Luis Borges từng gọi là “thư viện tuyệt vời nhất ở châu Âu.” Ngay cả trong tâm trạng lo âu hiện tại, ông vẫn thấy căn phòng hoàn toàn mê hoặc. Đó là một phòng dài, hẹp với bức tranh trần là một không gian xanh nhạt thiên đường đầy ánh sáng mặt trời, cùng với những thiên thần dường như treo lơ lửng trên đầu. Kỹ thuật trompe l’oeil đã tạo ra ấn tượng rằng ánh sáng mặt trời đang đổ xuống từ chính cấu trúc. Nâng đỡ bức tranh trên trần là những kệ sách cao ba mươi feet, chứa hơn hai mươi ngàn bản in có từ nhiều thế kỷ trước. Hương thơm không thể nhầm lẫn của da thuộc lan tỏa xuống từ những ấn bản cổ nhất của thư viện trên tầng hai—những cuốn có bìa

màu trắng và dấu hiệu đỏ—chỉ có thể được tiếp cận bằng cách leo lên một cầu thang bí mật dẫn đến ban công vòng quanh của thư viện. Sàn nhà là một loại gỗ chạm khắc với sự tinh xảo không thua kém bất kỳ thứ gì mà Langdon từng thấy, kể cả sảnh lớn của Louvre. Langdon dừng lại vài bước vào không gian yên tĩnh, tìm kiếm đám đông đông đảo để tìm dấu hiệu nào đó của Katherine. Không có gì. Ông tiến sâu hơn vào căn phòng hoa mỹ, di chuyển dọc theo hàng loạt quả cầu cổ lớn trải dài giữa sàn, tất cả đều đến tận cuối hành lang. Những quả cầu được xen kẽ với các biển hiệu mang một biểu tượng rõ ràng như bất cứ thứ gì Langdon có thể tưởng tượng. Ai lại đốt một que diêm trong một phòng đầy sách cổ?! Khi ông tiến sâu hơn vào thư viện, tâm điểm chính đã hiện ra rõ ràng, bao quanh bởi những du khách. Kinh Thánh của Quỷ. Cuốn sách khổng lồ được đặt trong một hộp kính Plexiglas hình khối vuông to đến mức trông giống như một phòng hút thuốc ở sân bay hơn là một phòng bảo vệ. Nó được bao quanh bởi một đám đông du khách đang thì thào nhẹ nhàng và lấy ảnh, ngắm nhìn cuốn mã hóa bí ẩn, mà nằm mở ra ở trang tranh sáng chói của một con quỷ trong chiếc quần da nhung. Khi Langdon đến nơi, ông chỉ lướt qua cuốn sách, thay vào đó lục tìm những gương mặt trong đám đông. Bạn có ở đây không, Katherine? Nhiều du khách vẫn đang quần áo ấm, một vài người thổi hơi vào tay. Thư viện Klementinum giữ cho nơi này cực kỳ lạnh—hầu hết mọi người sẽ nói rằng không thoải mái—như Katherine đã nhận xét hôm qua. Langdon đã giải thích rằng các quản lý thường làm nguội những hội trường trưng bày đông đúc nhất để giữ cho khách du lịch di chuyển nhanh chóng, tạo sự chuyển đổi nhanh hơn—một chiến thuật quản lý đám đông, ông lưu ý, mà sau đó đã được áp dụng bởi các nhà hàng thức ăn nhanh. Vào và ra. “Katherine?” Langdon gọi với giọng dè dặt vào đám đông yên tĩnh. Một vài du khách quay lại và nhìn ông với ánh mắt tò mò. Một vài người trong số họ có vẻ nhận ra ông.

Ngược lại... không có phản hồi nào. Có lẽ cô ấy đã đến rồi đi? Anh quét mắt nhìn đám đông và rồi nhìn lên ban công trên cao vắng vẻ. “Katherine Solomon?” anh gọi lần nữa, to hơn bây giờ. Một nhân viên hướng dẫn đi đến và ra hiệu Langdon im lặng với một ngón tay giơ lên môi. Dù sao thì đây cũng là một thư viện. Langdon gật đầu thấu hiểu và tiếp tục quét mắt khắp phòng trang trí công phu theo mọi hướng. Sau hai vòng hoàn chỉnh, anh không thấy dấu hiệu nào của Katherine ở đâu cả. Trái tim anh chìm xuống khi nghĩ về kích thước lớn của thành phố và hướng đi ít ỏi mà anh có. Nếu bạn không ở đây, thì bạn đang ở đâu? Không có tiếng còi hụ, Pavel nghĩ khi anh dừng chân bên ngoài Klementinum. Cảnh báo Xanh cho Langdon của anh đã tạo ra bốn gợi ý riêng biệt. Một nhân viên tàu điện gần Nhà hát Quốc gia báo cáo rằng Langdon đang di chuyển về phía bắc dọc theo con sông. Một tài xế taxi gần Quảng trường Đức Mẹ đồng trinh nhìn thấy anh bước vào Klementinum. Nơi ẩn náu khéo léo, Pavel nghĩ thầm, ghi nhớ rằng nhà sử học chắc chắn quen thuộc với khu phức hợp tòa nhà này. Nó sẽ không quan trọng. Tôi có đôi mắt khắp nơi. Pavel vội vàng vào bảo tàng và cho người phụ nữ ở quầy vé xem ảnh Langdon, người đã không chỉ nói rằng người đàn ông này đã mua một vé... mà còn là căn phòng chính xác mà anh ta gần như chắc chắn đang đứng ở đó. Anh ta là của tôi, Pavel nghĩ, kiểm tra một cách kín đáo rằng vũ khí của mình đã được nạp đạn và lao vào bảo tàng. “Thư viện Baroque!” anh ta la lên với một nhân viên hướng dẫn trong hành lang chính. “Thư viện Baroque! Nó ở đâu?!”

Người gác đêm Mark Dole quen thuộc với gần như tất cả những ai đã được cấp thẻ khóa để vào Tòa nhà Random House, nhưng hai người đàn ông vừa sử dụng thẻ khóa để bấm chuông vào sảnh cao tầng thì hoàn toàn lạ mặt với anh. Sự xuất hiện của cặp đôi này, giữa đêm khuya và ngay sau sự xuất hiện đầy kịch tính của Faukman, đã rất kỳ lạ, nhưng việc họ đều mặc bộ quân phục màu đen đã khiến Dole cảm thấy có sự báo động. “Các ngài!” Dole thốt lên, nhảy lên đứng dậy. “Tôi có thể giúp gì cho các ngài?” Và làm thế nào mà các ngài mở được cửa của tôi?! “Các ông có một trường hợp khẩn cấp,” người đàn ông lực lưỡng gọi bằng giọng dứt khoát, vội vã bước về phía bàn an ninh. Anh ta đang mang một chiếc ba lô công kênh. “Hệ thống giảm chấn khối lượng đã kích hoạt báo động với thành phố - tòa nhà của các ông có nguy cơ gặp phải sự cố cấu trúc.” Dole cần một chút thời gian để hiểu những gì người đàn ông vừa nói. Thật vậy, hầu hết các tòa nhà chọc trời ở Manhattan đều được xây dựng với một “hệ thống giảm chấn khối lượng”, một thiết bị nặng được gắn trên một tầng cao để hoạt động như một đối trọng ổn định ngăn tòa nhà bị dao động trong gió mạnh hoặc động đất. Trong trường hợp của Tòa nhà Random House, hệ thống giảm chấn khối lượng của nó là một bể nước tám trăm tấn treo trên tầng năm mươi. Một sự cố cấu trúc? Tại sao không có báo động nào ở bàn? “Ông cần phải sơ tán, và tôi cần lên trên,” người đàn ông thúc giục, đến quầy. “Nhưng tôi không hiểu—” Có một cú chuyển động thoáng qua, và một cú đâm

để hack vào ứng dụng FindMy của ông ấy và xác định vị trí của ông ấy.” Người kỹ thuật viên gõ thêm vài phím, và một bản đồ của Prague xuất hiện. “Theo iCloud,” anh tiếp tục, “điện thoại của Langdon hoàn toàn offline, điều này rất không bình thường. Và nếu chúng ta kiểm tra vị trí cuối cùng đã biết của ông ấy... chúng ta có được hình ảnh đáng lo ngại này.” Conan làm mới màn hình, phóng to lên. “Điều này nói vị trí cuối cùng của ông Langdon là sáng nay lúc 7:02 sáng theo giờ địa phương, và ông ấy chính xác... ở đây.” Anh chỉ vào một chấm xanh nhỏ trên bản đồ. “Và sau đó là không gì cả.” Faulkman nheo mắt nhìn chấm đó trên bản đồ. “Xin lỗi? Điều này nói rằng ông ấy đang ở giữa sông Vltava?” “Đúng! Xét rằng chúng ta đã bị tấn công bởi những hacker quân sự,” Alex nói, “và bạn đã biến mất, và Langdon không trả lời...” “Bạn nghĩ ông ấy đã bị chết đuối? Langdon là một vận động viên bơi lội hàng đầu thế giới! Có thể ông ấy chỉ ném điện thoại đi.” “Tôi muốn tin như vậy, nhưng nếu Langdon ném điện thoại đi, việc theo dõi vị trí của điện thoại sẽ tạo ra một đường thẳng. Nhưng dấu vết của ông ấy di chuyển lòng vòng và thậm chí quay trở lại trước khi biến mất! Nó trông như thể Langdon đã bị đưa ra giữa sông, bị ném xuống nước, và rồi cố bơi trở lại bờ, trước khi ông ấy chết đuối và mang theo điện thoại xuống đáy.” Faulkman có thể thấy đây là một kịch bản đáng lo ngại, nhưng sự nhảy vọt mong manh của Alex từ “vị trí cuối cùng đã biết” của một chiếc điện thoại đến việc Langdon bị giết còn thiếu một vài bước trong logic. Rồi thì, điều đó có lẽ không ít logic hơn so với sự trùng hợp siêu thực của cả điện thoại của Langdon và của Faulkman nằm dưới đáy những con sông ở hai bên của hành tinh. “Tôi biết bạn nghĩ tôi đã phản ứng thái quá,” Alex nói,

“Nhưng xét về người đã hack chúng ta... tôi có lý do để lo lắng. Tôi vẫn vậy.” “Vậy ai đã hack chúng ta?” Faulkman yêu cầu, gác người về phía trước. “Đó là lý do tôi muốn nói chuyện với Katherine—để tìm hiểu xem cô ấy có thể nghĩ ra ai có thể đang nhắm vào cô ấy để tôi có thể xây dựng một thuật toán độc quyền và tìm kiếm các vật phẩm kỹ thuật số cụ thể.” Chúa ơi, thằng nhóc này cần một biên tập viên. Chỉ cần nói cho tôi biết ai là người đã làm! “Nhưng trước khi tôi có thể xây dựng thuật toán, quét FTK của tôi đã trả về một tín hiệu. Một trong các IoCs từ vụ hack này có một sự trùng khớp trên MISP liên quan đến những người đã biết—” “Alex, tôi không có ý nghĩ—” “Tất cả những gì bạn cần biết là những người đã hack PRH đang rất vội vàng! Họ đã tiết kiệm thời gian bằng cách sử dụng một đoạn mã tái chế của chính họ—các chuỗi bị trùng mà các hacker gọi là copy pasta! Điều này tiết kiệm thời gian, nhưng cũng có nguy cơ tiết lộ—” Kỹ thuật viên bất ngờ đứng bật dậy và quay lại, nhìn chăm chăm vào các hàng thiết bị được gắn trên giá theo hướng cửa ra vào. “Allison?!” anh ta gọi lớn. Faulkman đã rất căng thẳng. “Allison là ai?” “Sếp của tôi. Hoặc là cô ấy đến sớm, hoặc là tôi đang nghe nhầm.” Alex đứng dậy, kiểm tra đồng hồ của mình. “Bạn có nghe thấy cửa mở không?” Faulkman lắc đầu. Tôi đã không nghe thấy gì kể từ ngày 5 tháng 10 năm 1987. Hàng thứ tư, Pink Floyd, Madison Square Garden. Gilmour thật tuyệt vời. “Chờ một chút,” Alex nói, biến mất vào mê cung của các máy tính. Thật khó tin, Faulkman nghĩ, chờ đợi một cách sốt ruột. Mười giây sau, kỹ thuật viên trở lại với một cái nhún vai. “Xin lỗi, tôi đã hoàn toàn hoang tưởng tối nay.” Anh ta trông bị sốc khi ngồi xuống. “Những người mà chúng ta đang đối đầu không phải là kiểu mà bạn có thể đùa giỡn.” Alex kéo ghế đến một trạm máy tính gần đó và ra hiệu cho Faulkman tham gia cùng, và anh đã làm theo. “Để tôi chỉ cho bạn,” cậu thanh niên nói, mở trình duyệt web. “Bạn sẽ không tin—” Faulkman đột ngột vươn tay ra và nắm lấy cánh tay của kỹ thuật viên, ra hiệu cho anh ta ngừng nói. Không thêm một từ nữa! “Cái quái gì vậy?!” Alex nói, giật mình. “Xin lỗi,” Faulkman nói lớn nhưng bình tĩnh. “Tôi chỉ muốn kiểm tra một cái gì đó nhanh trên mạng.” Faulkman nâng một ngón tay lên môi, nhìn chăm chăm vào kỹ thuật viên trẻ, thúc giục anh ta im lặng. Khi Alex gật đầu hiểu, Faulkman chiếm lấy bàn phím máy tính. Trình duyệt đã mở ra một trang tìm kiếm tiêu chuẩn, và Faulkman nhanh chóng gõ vào chuỗi tìm kiếm của mình toàn bộ bằng chữ in hoa: □□□ □□ □ □□ □□□ □□□□□□□□□□...□□□□□□ □□ □□ □. Kỹ thuật viên quay về phía Faulkman với ánh mắt hoang mang. Vâng, tôi cũng đang sợ, Faulkman nghĩ, vừa nhận ra rằng âm thanh beep mà Alex nghe thấy không phải là một sự tưởng tượng hoang tưởng; ai đó thực sự đã vào phòng điều khiển này và hiện đang ẩn nấp đâu đó trong các giá thiết bị phía sau họ. Và giờ họ đang lắng nghe chúng ta. Một khoảnh khắc trước đó, Faulkman đã nhận thấy một chấm ánh sáng xanh mờ mờ phản chiếu trong kính của bức mình họa gần đó. Việc biên tập các tiểu thuyết gián điệp đã được đền đáp. Một số người có thể cho rằng chấm đó là một điểm ngắm laser từ một khẩu súng, nhưng chấm này là xanh, không phải đỏ, và nó đang nhắm vào một tấm kính. “Trang web này thú vị,” Faulkman nói, bình tĩnh xóa tin nhắn đầu tiên và gõ một cái

khác. □□□ □□ □□□□□□□□□□ □□□ □ □□? Khuôn mặt của Alex trở nên tái nhợt khi Faukman đẩy bàn phím về phía anh ta. Hít một hơi sâu, kỹ thuật viên chăm chỉ gõ ra câu trả lời của mình. Faukman chăm chú nhìn vào từ kỳ lạ, có dấu gạch nối mà Alex đã gõ. Nó khiến anh không quen thuộc. Anh đưa cho kỹ thuật viên một cái nhún vai bối rối và lo lắng phát âm, “Ai... là... người đó?” Alex bắt đầu gõ tiếp—lần này là một từ viết tắt ngắn. Faukman nhìn nó trong sự sốc âm thầm. Không. Ở bất kỳ buổi sáng nào khác, Faukman sẽ không bao giờ tin vào những gì vừa xuất hiện trên màn hình, nhưng xét về tất cả những gì đã xảy ra tối nay, thông tin đó chắc chắn đã giải đáp nhiều câu hỏi. Chết tiệt. Câu hỏi now là Faukman sẽ làm gì về tình huống hiện tại của mình. Câu trả lời, anh nghi ngờ, nằm ở khả năng của mình trong việc đối thoại... và cũng ở việc hiểu sự khác biệt tinh tế giữa hai từ rất giống nhau. Thông tin sai lệch và thông tin sai lệch. I CHAPTER 63 bên trong Thư viện Baroque, Langdon đã quét và quét lại những gương mặt của đám đông du khách, cuối cùng chấp nhận rằng anh đã đến đây quá muộn. Cô ấy đã rời đi. Hai giờ đã trôi qua kể từ khi Katherine gửi cho anh email mã hóa bảo anh đến nơi này; ngay cả khi cô ấy đã ở đây trước đó, vé của cô ấy cũng đã hết hạn, và những người hướng dẫn đã yêu cầu cô rời đi. Khi Langdon nhìn xuống Codex Gigas, mở ra trong chiếc hộp kính bảo vệ, hình minh họa của “Devil Diaper” dường như đang nhìn lại anh với vẻ chế nhạo. Chỉ ngày hôm qua, anh và Katherine đã đứng ở đúng vị trí này, tay trong tay, vui vẻ thảo luận về những bí ẩn của cuốn sách tuyệt vời này. Katherine đã rất thích thú với huyền thoại về

cuốn Kinh Thánh của Quỷ, nhưng chính kiến trúc của thư viện xanh tươi mới là điều làm cô mê mẩn. Bị cuốn hút bởi vẻ đẹp của nó, cô hỏi anh về sàn gỗ, những bức tranh fresco, và điều mà cô gọi là “ban công giả.” “Ý bạn là gì khi nói là giả?” Langdon hỏi, ngạc nhiên. “Nó chỉ mang tính trang trí, đúng không?” Cô chỉ lên ban công bao quanh cả căn phòng. “Nhìn xem... không có cách nào để lên đó—không có thang hay cửa nào từ trên xuống.” Langdon phải cười. Cứ để một nhà khoa học chỉ ra sự không nhất quán. Hầu hết du khách chiêm ngưỡng lối đi treo quanh phòng không bao giờ nhận ra câu đố hiển nhiên: không có cách nào để tiếp cận nó. “Đi theo tôi,” Langdon thì thầm, gật đầu một cách kín đáo về phía bên phải. Anh dẫn cô vào góc thư viện, rồi kiểm tra hai lần để chắc chắn rằng những người khác đang chú ý vào cuốn Kinh Thánh, anh nhẹ nhàng nắm lấy một phần của giá sách và kéo về phía mình. Giá sách bật ra một cách im lặng, để lộ ra một góc tối, trong đó có một cầu thang xoắn ốc lên tới một lỗ hổng ở sàn ban công. “Và dĩ nhiên là bạn biết điều đó,” cô nói, lẩn tránh. Những kỷ niệm ám áp của Langdon về ngày hôm qua tan biến khi một giọng nói đầy thẩm quyền đột ngột phá vỡ sự im lặng và bắt đầu la hét vào cửa thư viện. “Dám y a pánové!” một người đàn ông hét lên. “Rời khỏi triển lãm! Cháy nổ!” Nhiều du khách Czech trao đổi ánh nhìn hoảng hốt và bắt đầu di chuyển ngay lập tức về phía lối ra. Một số du khách nước ngoài nhìn họ và cũng theo chân. “Cháy khẩn cấp!” giọng nói đó lại la lên. “Đi đến lối ra! Ngay bây giờ!” Cháy à? Langdon không nghĩ thấy gì. Thực sự à? Anh nhìn về phía đám đông du khách giờ đang chen chúc qua lối ra duy nhất của thư viện. Bên kia đám đông, trong hành lang, một người đàn ông cơ bắp trong đồng phục màu xanh ÚZSI đang giám sát việc sơ tán thư viện... đang nghiên cứu kỹ từng người ra ngoài, thậm chí còn dừng lại một hay hai người để scrutinize khuôn mặt họ một cách gần hơn. Langdon nhận ra anh ta ngay lập tức. Trung úy Pavel. Anh không biết làm thế nào mà người đàn ông đã tìm thấy anh nhanh chóng đến vậy—hay chính xác đến vậy—nhưng anh vẫn đó, đang sàng lọc đám đông. Đây là một tình huống khẩn cấp giả, Langdon cảm thấy. Để anh ta có thể bắt tôi. Xét rằng Pavel đã từng bắn pháo vào Langdon trong L Labirinth Gương, không có gì đảm bảo rằng anh ta không đơn giản bắn anh ngay khi người cuối cùng rời khỏi thư viện. Quét qua phòng để tìm nơi nào để ẩn nấp, Langdon chỉ thấy hàng globes và chiếc hộp trưng bày trong suốt của codex. Không cái nào giúp được nhiều. Trong tuyệt vọng, anh quay mắt về phía ban công phía trên và rồi nhìn xuống giá sách có bản lề ở góc phòng. Ngay cả khi Langdon lên đến ban công, không có lối ra nào ở đó. Giá sách là một ngõ cụt. Nhưng ẩn nấp trên cầu thang bí mật có thể giúp anh có vài phút quý giá. Đội ngũ an ninh bảo tàng chắc chắn sẽ tìm ra anh sau, nhưng bất cứ điều gì cũng tốt hơn là ở một mình với một nhân viên ÚZSI không ổn định, sẵn sàng bắn. Trước khi Pavel có cơ hội nhìn thấy anh, Langdon lẩn tránh đám đông khách mời đang rời đi và quay lại về phía giá sách. Khi đến nơi, anh nắm lấy cánh cửa và kéo nó về phía mình. Cánh cửa không nhúc nhích. Bối rối, anh kéo lại lần nữa. Họ đã khóa nó sao? Lắp đặt một ổ khóa trên giá sách này thật không có ý nghĩa gì cả, và hơn nữa, cánh cửa đã mở hôm qua khi anh và Kath— Một suy nghĩ bất ngờ hiện ra. Không thể giải thích... và vẫn... Bị giật mình bởi khả năng,

Langdon đưa miệng gần tới vách ngăn và thì thầm, “Katherine?” Langdon nghe thấy tiếng xào xạc bên trong, như thể ai đó đang mở li đóng giữ cánh cửa lại. Một giây sau, giá sách mở ra. Langdon thấy mình nhìn vào đôi mắt đầy nước của Katherine Solomon. Không chút ngần ngại, anh lao vào vòng tay cô, để giá sách tự đóng lại phía sau họ. Khi họ ôm nhau trong bóng tối của góc nhỏ, Langdon có thể nghe thấy âm thanh cô đang khóc thầm. “Cảm ơn Chúa,” cô nói, “Tôi cứ tưởng bạn đã chết.” “Tôi vẫn ở đây,” anh thì thầm.

CHƯƠNG 64 trong bóng tối của góc khuất, Katherine ép cơ thể mình vào Langdon, nắm chặt, cả hai không nói một từ nào. Dù cho sự hỗn loạn hiện tại bên ngoài không gian nhỏ này, họ đã hoàn toàn một mình trong thế giới, ít nhất là trong khoảnh khắc ngắn ngủi này, an toàn và bên nhau. Tôi đã nghĩ rằng có thể sẽ không bao giờ nhìn thấy anh lần nữa, Katherine nghĩ. Cô cảm thấy như đã qua hàng thế kỷ kể từ khi bản thân phải trốn ở đây, hoảng sợ vì mạng sống của mình và cũng đau khổ vì có thể đã mất người đàn ông mà cô đang yêu. Không có anh sẽ là một sự xoay chuyển tàn nhẫn nhất; nhiều năm qua, Katherine đã cảm thấy bị cuốn hút mạnh mẽ bởi sức quyến rũ tự nhiên của Langdon, nhưng không hiểu sao, cô luôn kháng cự lại việc để nó trở thành tình yêu lãng mạn. Có thể đó là nỗi sợ hãi mất anh như một người bạn, nhưng ngay cả vậy, mỗi lần họ gặp nhau, cô luôn cảm thấy

cô tự hỏi liệu một ngày nào đó, sau nhiều thập kỷ bạn bè, thời điểm có thể đã đến. Và bây giờ... cuối cùng, đã đến. Ngập tràn cảm xúc, Katherine ôm Langdon chặt hơn, thưởng thức sự vừa vặn hoàn hảo của vòng tay ôm và nhiệt độ cơ thể của anh. “Em thấy lạnh,” Langdon thì thầm. “Em có ổn không? Áo khoác của em đâu?” “Em đã dùng nó để buộc cửa lại,” cô nói, đã gắn một tay áo vào lan can xoắn ốc và tay kia vào tay nắm cửa để không ai có thể kéo mở kệ sách. “Cái chỗ này là nơi duy nhất em có thể nghĩ đến để ẩn nấp.” “Nhưng tại sao em phải ẩn nấp?!” anh hỏi, có vẻ hoàn toàn bối rối. Katherine giải thích rằng sáng nay cô đã nhận được một tin nhắn thoại hoảng loạn từ một kỹ thuật viên hệ thống PRH tên là Alex. Cô đã gọi lại cho anh ta, và anh ta đã cảnh báo cô một cách hoảng hốt rằng ai đó đã hack vào máy chủ PRH... và đã xóa mọi dấu vết của bản thảo của cô. “Cái gì?!” Langdon nghe có vẻ kinh hoàng. “Bản thảo của em đã biến mất?” “Hình như vậy,” cô nói. “Và kỹ thuật viên thì rất sợ hãi. Anh ta nói với em...” Katherine dừng lại, giọng cô nghẹn ngào vì cảm xúc. “Robert... anh ấy nói anh ấy nghĩ là anh đã chết đuối.” Langdon rút lại, cố gắng nhìn thấy khuôn mặt cô trong bóng tối. “Anh ấy nói anh đã chết?!” “Anh ấy lo lắng như vậy, đúng,” Katherine trả lời, giọng cô yếu ớt và đầy cảm xúc. “Anh ấy nói đã theo dõi điện thoại của anh đến giữa dòng sông Vltava... và tín hiệu đã biến mất. Em đã quá bất an để hỏi thêm, và anh ấy bảo em hãy vứt điện thoại ngay lập tức, rời khỏi đường phố, và ẩn nấp ở đâu đó an toàn cho đến khi có thêm thông tin. Vấn đề là anh ấy không thể liên lạc được với chúng ta ở đâu cả, và có vẻ như người đã xóa bản thảo của em đã nhắm đến cả ba chúng ta! Anh ấy cũng bảo em rằng Jonas hoàn toàn biến mất!” Langdon gần như không thể nắm bắt những gì anh đang nghe. Jonas mất tích? “Nhưng tại sao ai đó lại nhắm vào bản thảo của em? Hoặc bất kỳ ai trong số chúng ta?!” “Em không biết,” cô nói, kéo anh lại gần hơn, hương thơm ngọt ngào của tóc cô chạm vào má anh. “Em chỉ mừng là anh an toàn.” “Katherine,” anh nói thì thầm. “Anh không có ý tưởng gì về những gì đang xảy ra ở đây... nhưng anh rất tiếc vì em phải trải qua nó.” Anh biết mình cần chia sẻ chi tiết về buổi sáng hỗn loạn của mình, nhưng trong lúc này anh vẫn đang cố gắng tìm ra điều gì nên làm tiếp theo. “Và em chắc chắn bản thảo của em là... đã biến mất?” “Theo như Alex thì có,” cô nói. “Đã bị xóa từ tất cả các máy chủ. Tin tốt duy nhất là sáng nay, khi ra khỏi khách sạn, em nhận thấy văn phòng kinh doanh vắng vẻ, và em quyết định tận dụng khoảnh khắc riêng tư để in một bản cứng của bản thảo cho anh đọc.” Trong vài ngày qua, Katherine đã nói rằng cô gần như sẵn sàng đưa cho anh một bản sao để đọc, nhưng quy tắc xuất bản yêu cầu rằng biên tập viên của cô phải nhận được bản thảo trước... mà giờ thì ông ta đã có. “Em đã in bản sao của anh, nhưng khi em chuẩn bị lên tầng và khóa nó vào két an toàn trong phòng suite của chúng ta, một báo động hỏa hoạn đã vang lên tại khách sạn, và em phải sơ tán khỏi tòa nhà!” Ngạc nhiên, Langdon nhận ra rằng Katherine chỉ cách đó một góc ở trung tâm kinh doanh khi anh chạy qua sảnh và kéo chuông báo động. Chúa ơi, anh chỉ vừa mới lỡ cô ấy. “Bản cứng mà em đã in,” Langdon hỏi, không thể nhìn thấy gì trong bóng tối. “Em có kịp để nó ở đâu an toàn không?” “Em có nó ngay đây trong túi!” cô nói. “Khi em nói với Alex rằng em đang mang theo nó, anh ấy nói có thể nó sẽ là bản sao duy nhất còn lại, và anh ấy khuyên em mang nó đến một nơi an toàn cho đến khi chúng ta có thể tìm hiểu điều gì đang diễn ra. Em lúc đó đang ở gần đường, vì vậy em đã đến đây.” Langdon ôm cô chặt hơn. “Anh tin rằng em còn

sống, Robert—anh có thể cảm nhận được, bất kể Alex đã nói gì về việc em chết đuối. Anh muốn gọi và bảo em nơi nào anh sẽ chờ em. Vấn đề là, anh ấy đã cảnh báo em rằng có lẽ ai đó đang theo dõi các cuộc liên lạc của chúng ta.” “Vậy là em đã gửi cho anh một email được mã hóa trước khi em vứt điện thoại của mình,” Langdon nói, cảm thấy những mảnh ghép giờ đã bắt đầu hợp lại. “Đúng. Enochian và Codex XL. Đó là một thông điệp khó hiểu nhất mà em có thể nghĩ đến, nhưng em biết anh sẽ hiểu.” Langdon không thể không mỉm cười. “Thật ra khá thông minh đấy, Katherine Solomon.” “Nó không quá khó.” Cô cười và hôn nhẹ lên má anh. “Em chỉ tự hỏi: Điều gì anh sẽ làm?” Ở hành lang bên ngoài Thư viện Baroque, Trung úy Pavel nhìn từng du khách cuối cùng ra ngoài. Robert Langdon ở đâu thế? Năm phút trước, Pavel đã cho người kiểm tra vé tại lối vào thư viện xem bức ảnh của Langdon. Người đàn ông đã xác nhận rằng người Mỹ cao lớn thực sự đã vào thư viện này.

trước khi Pavel đến và, theo những gì người ghi chép biết, vẫn chưa ra ngoài. Vậy anh ta ở đâu?! “Có lối ra nào khác không?” Pavel yêu cầu. “Jiný východ?!” Người ghi chép sợ hãi lắc đầu. “Žádný tu není.” Pavel bước qua ngưỡng cửa và quét mắt nhìn căn phòng hình chữ nhật dài. Nó thực chất là một hành lang rộng, với những kệ sách cao chót vót làm tường, chẳng có chỗ nào để trốn. Một hàng dài những quả địa cầu cổ chạy dọc trung tâm phòng về phía một tủ trưng bày trong suốt to lớn—cả hai đều không cung cấp nơi che giấu nào. Lúc đó, Pavel nhận thấy ban công. Thật thông minh, Giáo sư. Loggia của thư viện đủ cao để Langdon có thể nằm phẳng trên sàn cao mà vẫn khỏi bị phát hiện. Pavel nhìn quanh căn phòng và không thấy cầu thang, cửa ra vào hay lối lên tầng trên. Anh gọi người ghi chép và chỉ vào ban công. “Làm thế nào để lên đó?” anh nói khẽ, đứng chễm chệ trên người thanh niên gầy gò. Người ghi chép chỉ một cách lo lắng về phía góc thư viện bên trái lối vào. “Có một cánh cửa trong kệ sách... và một cầu thang xoắn phía sau nó.” Pavel cân nhắc các lựa chọn của mình. “Niêm phong thư viện!” anh ra lệnh. “Ra ngoài và giữ cho các cánh cửa được khóa. Người đàn ông bị mắc kẹt bên trong cực kỳ nguy hiểm. Đừng mở những cánh cửa này vì bất cứ lý do gì—dù bạn nghe thấy điều gì! Bao gồm cả tiếng súng. Có rõ không?!” Người ghi chép tái nhợt mặt và gật đầu, không lãng phí thời gian vội vã trở lại hành lang và đóng sập cánh cửa sau lưng. Tiếng sập vang vọng khắp căn phòng trống rỗng, và Pavel nghe thấy nhiều ổ khóa bật vào vị trí. Giờ đây một mình, Pavel quay lại đối diện với căn phòng im lặng. Chỉ có bạn và tôi, Giáo sư...trong chiếc hộp giết chóc xinh đẹp này. T CHƯƠNG 65 Đại giáo đường cổ Old-New nằm gọn trong khu phố Josefov—từng là khu ghetto Do Thái có tường bao quanh nguyên bản của Prague. Là đại giáo đường hoạt động lâu đời nhất ở châu Âu, nó đã là một nhân chứng im lặng trước những cơn sóng lịch sử thay đổi kể từ cuối thế kỷ mười ba. Mặc dù thời gian và những sự kiện rối ren mà Prague đã trải qua, đại giáo đường vẫn không hề bị tổn thương—một minh chứng cho sức sống của đức tin và truyền thống. Theo truyền thuyết, những viên đá cho ngôi đền này đã được các thiên thần mang từ Jerusalem “với điều kiện” rằng những viên đá sẽ được trả lại Jerusalem khi Đấng Cứu Thế xuất hiện. Nhiều học giả tin rằng món quà “với điều kiện”—trong tiếng Hebrew, al tnay—đã bị nhầm lẫn với tiếng Yiddish alt-nay, có nghĩa là Cổ-Mới, do đó ngôi nhà có tên gọi bất thường. Một ốc đảo tâm linh...trong sa mạc của vật chất, Golem nghĩ, ngắm nhìn bức tường đá nghiêm khắc của đại giáo đường, bên cạnh là các cửa hiệu của Hermès, Montblanc, và Valentino. Thế giới hiện đại đã xâm lấn vào mọi ngóc ngách của khu ghetto cổ này, nuốt chửng những ngôi nhà u ám cho đến khi không còn lại dấu vết nào về những con đường hiểm nguy đã từng được tuần tra bởi golem huyền thoại nguyên bản, người đã được tạo ra ngay tại nơi này hàng thế kỷ trước. Theo nhiều cách, đại giáo đường cũng là nơi Golem đã được sinh ra. Ngay sau khi đến Prague, hắn đã đi lang thang vô định qua tòa nhà này thì nghe một hướng dẫn viên kể về truyền thuyết về người bảo vệ vĩ đại của khu ghetto Do Thái—một linh hồn bảo vệ được đưa vào cơ thể của một quái vật đất sét. Câu chuyện nghe quen thuộc và gần gũi. Như thể bị thu hút bởi một lực hấp dẫn vô hình, Golem đã bước vào ngôi đền. Bên trong, không khí tĩnh lặng chết chóc, tràn ngập một năng lượng gần như huyền bí. Phía sau bàn thờ, chiếc hòm thánh đứng canh giữ, ẩn chứa những cuộn Torah cổ đại được gọi cảm hứng từ cuộc đối thoại vĩnh cửu giữa trần gian và thần thánh. Golem cảm thấy an ủi bởi sự tĩnh lặng và ánh sáng mờ ảo. Hắn ngồi xuống một băng ghế gỗ có bề mặt mòn nhẵn do nhiều thế hệ tín đồ, và chính ở đó, dưới ánh sáng yếu ớt của những chiếc đèn chùm trung cổ, hắn đã nhặt một cuốn tờ rơi thông tin...và bắt đầu đọc. Hắn bị cuốn hút bởi truyền thuyết về golem và người sáng tạo của nó, một rabbi quyền lực tên là Judah Loew ben Bezalel, cũng được tôn kính với danh xưng Maharal của Prague. Ngoài việc là một học giả về thần bí Do Thái và Talmud, Rabbi Loew còn là một

nhà toán học, nhà thiên văn học, triết gia và Kabbalist đã viết rất nhiều, bao gồm một văn bản quan trọng có tên là Gur Aryeh al HaTorah. Đêm đó, Golêm đã lặng lẽ đọc văn bản của rabbi, mà hắn đã mua ở cửa hàng quà tặng bên cạnh đại giáo đường. Khi hắn tiêu thụ những từ ngữ cổ đại, Golêm rất choáng váng khi nhận ra mình có mặt trên từng trang... sự thật như hắn đã hiểu! Thực tại có nhiều cấp độ khác nhau. Guf, nefesh, sechel... Một linh hồn cô độc có thể hòa nhập với một linh hồn khác để tạo thành một thực thể mới. Yesodot, taarovot, tarkovot. Linh hồn được tái sinh một lần nữa và lần nữa. Gilgul neshamot... Đêm định mệnh đó, khi hắn nghiên cứu chu kỳ của các linh hồn, hắn đã bị đánh động bởi nhận thức rằng hắn, cũng giống như nguyên bản.

golem, đã hiện ra một cách rõ ràng và không cần báo trước vào thế giới này, một linh hồn trống rỗng thức dậy trong một hình dáng thể chất mà cảm thấy thật xa lạ đến mức ghê tởm. Hắn nhớ lại khoảnh khắc đầu tiên trong bệnh viện tâm thần ẩm ướt, khi, được khơi gợi bởi một hành động tàn bạo không thể diễn tả, The Golêm đã đột nhiên nhận thức được bản thân và cảm thấy có mục đích... vươn lên từ hư không... nhìn thấy một người phụ nữ helpless bị một y tá đem đánh ngất. Hắn đã lao tới và đánh y tá ngã xuống đất, xiết cổ cô ta không ngừng cho đến khi sự sống rời khỏi người. Rồi hắn đứng ngang qua nạn nhân và tận hưởng chiến thắng của mình, được tăng cường bởi hành động phục vụ đầu tiên trong thế giới này. Người phụ nữ mà hắn cứu đã không tỉnh táo để chứng kiến hành động dũng cảm của hắn. Cô cũng không cảm nhận được hắn đã vận chuyển cơ thể bị đánh của cô về lại giường, nơi hắn chăm sóc vết thương của cô và rồi trở lại bóng tối... bắt đầu hiểu ai hắn là và tại sao hắn được triệu hồi. Tôi là người bảo vệ cô ấy. Kể từ đó, hắn phục vụ như một người bảo vệ im lặng trong những bức tường nhà tù, quan sát từ trong bóng tối, xác nhận rằng cô an toàn. Chỉ đến đêm đó ở Prague, khi đọc những từ của Rabbi Loew, The Golêm mới nhận ra tại sao truyền thuyết Do Thái lại cảm thấy quen thuộc đến vậy... và lý do thật sự tại sao hắn được đưa đến Prague. Tôi là The Golêm. Hắn hình dung ra con quái vật đất sét thức dậy mà không cảnh báo, chỉ biết rằng hắn đến đây để bảo vệ. Câu chuyện của tôi là câu chuyện của hắn. Giống như con quái vật đất sét cổ xưa, The Golêm thường cảm thấy như một kẻ bị xã hội ruồng bỏ, bị kết án cô đơn. Hắn cũng vật lộn với trí tuệ của mình. Đôi khi The Golêm khao khát được công nhận cho hy sinh của mình, nhưng đó không phải là vị trí của hắn. Và thế là hắn tiếp tục di chuyển trong thế giới của cô, không ai thấy. Hôm nay mang đến một thử thách hoàn toàn khác. Hắn đã giết người thầy của cô và cũng là tình yêu của cô—hai quái thú đã lạm dụng lòng tin của cô—nhưng thật quan trọng là Sasha không phát hiện hành động của hắn vì cô. Cô sẽ không bao giờ tha thứ cho tôi... không bao giờ hiểu. Vì lý do này, The Golêm đã quyết định điều cần phải làm. Hắn đã nhẹ nhàng nhốt Sasha trong bóng tối, nơi cô sẽ không hề hay biết về tất cả những gì đang diễn ra... và tất cả những gì hắn sắp làm. Khi hắn đến gần nhà thờ Do Thái, hắn cảm thấy bị đè nặng, và yet gánh nặng mà hắn mang không chỉ mang tính thể chất. Các túi áo choàng của hắn đầy—một súng điện Vipertek, một lưỡi dao có thể thu gọn, và một cây gậy kim loại để điều khiển Ether. The Golêm nghi ngờ rằng hắn sẽ cần tất cả chúng. Trước khi đến đền thờ, The Golêm đột ngột rẽ trái trên phố Široká, hôm nay không hướng đến nhà thờ Do Thái, mà là đến khu đất bên cạnh—ba mẫu đất được bao quanh bởi một bức tường đá cao. Cả hai đều được tôn kính và sợ hãi, những gì nằm trong những bức tường này đã được biết đến trên toàn thế giới... như nơi ma quái nhất trên trái đất. U CHAPTER 66 trong các hoàn cảnh khác, Trung úy Pavel có thể đã cố gắng thưởng thức sự thanh bình của thư viện cổ xưa này, nhưng hôm nay hắn không có chỗ cho sự yên tĩnh trong cuộc sống của mình. Con thịnh nộ đang lớn lên trong hắn là điều không giống bất kỳ thứ gì hắn từng cảm nhận. Thuyền trưởng của tôi, chú của tôi... bị giết. “Giáo sư!” hắn gầm lên vào khoảng không gian trống rỗng, rút súng ra và quét một cái nhìn lên ban công phía trên. “Tôi biết bạn đang ở trên đó! Đứng lên!” Không có động tĩnh. Im lặng. “Lộ diện ngay bây giờ!” Pavel từ từ quay người, để cho vũ khí của mình về một đường chậm quanh toàn bộ chu vi lối đi. Không có gì. Quay về góc phòng nơi người hướng dẫn đã chỉ ra có một cầu thang ẩn giấu, Pavel di chuyển một cách bí mật trên sàn và tìm thấy một phần của kệ sách bị cất xén một cách khéo léo thành một cánh cửa. Hắn nắm lấy tay cầm bằng đồng nhỏ và kéo, nhưng cánh cửa chỉ di chuyển một chút trước khi dừng lại. Hắn cố gắng một lần nữa. Cánh cửa dường như bị khóa từ bên trong. Cố gắng tự trấn an, Pavel đã kéo mạnh lên tay cầm với tất cả sức lực của mình, nhưng cánh cửa chỉ dịch chuyển một inch miễn cưỡng trước khi tay cầm bằng đồng tuột khỏi kệ sách cổ, khiến Pavel ngã nhào ra phía sau xuống sàn gỗ cứng. Sự va chạm với sàn nhà đã gây ra cơn đau dữ dội xuyên qua đầu hắn đang nhức nhối. Nỗi giận, trung úy đã bật dậy, nhắm vào cánh cửa kệ sách và bóp cò. Với

một tiếng nổ vang, một viên đạn đã xuyên qua kệ sách và va vào một thứ kim loại ở phía bên kia, có thể là cầu thang xoắn mà người hướng dẫn đã nói với hắn dẫn lên tầng hai. Pavel không nghe thấy có cơ thể nào rơi xuống sàn. Hắn cân nhắc việc xả hết cả súng vào kệ sách, nhưng hắn biết rõ hơn. Trpělivost, hồn ma của thuyền trưởng hắn thì thầm. Kiên nhẫn là một vũ khí. Pavel hạ thấp khẩu súng của mình. Nếu tiếng súng không khiến những người hướng dẫn phải chạy đến, thì sẽ không có gì cả. Thời gian đang ở bên cạnh Pavel, và hắn đã hình thành một ý tưởng. Tại

Phía cuối phòng là một cái thang cổ leaning against một giá sách. Được thiết kế để lấy sách từ những kệ cao nhất ở tầng một, chiếc thang không đủ dài để với tới ban công. Đôi mắt của anh di chuyển đến cái tủ trưng bày trong suốt ở phía xa của căn phòng. Chiếc khối Plexiglas nặng nề gần như cao bằng chính Pavel và trông có vẻ như chống đạn—một bệ hoàn hảo cho một cái thang. Nếu Pavel có thể đưa cái thang lên với đến ban công, anh có thể trèo qua, vòng ra đỉnh của cầu thang xoắn...và tấn công từ trên cao. Trpělivost, anh nghĩ. Kiên nhẫn, thuyền trưởng của tôi. Trong góc gác, Katherine và Langdon co rúc trong nỗi sợ hãi, vừa nghe thấy một viên đạn xé gió lao vào không gian chật hẹp và va chạm vào cầu thang kim loại phía dưới họ. Nó đã nổ tung với một tia sáng rực rỡ và âm thanh vang dội. Một phút trước, khi nghe thấy giọng nói của Pavel và tiếng rầm rộ của cánh cửa bên ngoài bị khóa, Langdon nhanh chóng buộc lại áo khoác dài Canada Goose của Katherine quanh tay vịn cầu thang thật chặt. Sau đó họ đã trèo lên nửa cầu thang xoắn, chờ đợi trên bệ giữa các tầng để có thể nhanh chóng trón lên hoặc xuống. Pavel vừa mới làm rõ rằng hắn sẽ bắn trước và hỏi câu hỏi sau. Chúng ta bị nhốt trong thư viện này với một kẻ điên. Langdon tự hỏi liệu chấn thương đầu của Pavel có khiến hắn hoàn toàn mất đi sự bình thường, hay liệu thiếu úy đã nhận được sự cho phép chính thức để sử dụng vũ lực chết người. Giấy phép từ ai? Xét tất cả những gì Langdon đã học được, có một khái niệm khó chịu rằng Pavel đã được giao nhiệm vụ bởi ai đó để truy tìm bản thảo của Katherine và tiêu diệt nó. Và tiêu diệt cả chúng ta nữa. Langdon cảm thấy hy vọng duy nhất của họ là ngay lập tức báo động cho đại sứ quán hoặc cảnh sát địa phương. Vấn đề là họ không có điện thoại, và nếu họ la hét cầu cứu, Pavel sẽ là người duy nhất nghe thấy họ. “Bạn ổn chứ?” Langdon thì thầm vào bóng tối. “Không hề chút nào,” giọng Katherine đáp lại. “Còn bạn?” Langdon tìm được tay của cô và nắm chặt. “Đừng di chuyển. Ở lại bệ này. Tôi sẽ lên xem có đường nào khác ra khỏi đây không.” Trong bóng tối hoàn toàn, Langdon dò dẫm đường lên phần còn lại của cầu thang nhỏ cho đến khi anh cảm thấy nắp bẫy ở trên đầu. Anh nhẹ nhàng đẩy lên, và chiếc bảng gỗ nhỏ đã mở ra một khe hở. Ánh sáng tràn qua mở, và Langdon nheo mắt khi anh nâng tấm panel lên, từ từ đưa đầu lên cho đến khi đôi mắt anh ở ngang mức sàn. Nhìn ra từ dưới nắp bẫy, anh quan sát ban công để tìm bất kỳ lối thoát nào có thể—ngay cả một cửa sổ ra mái nhà. Không có gì. Chỉ có những bức tường đầy sách cổ chạy lên trần nhà với bức tranh điểm xuyết tuyệt đẹp vắt ngang trên đầu. Langdon từ từ mở hoàn toàn nắp bẫy và nhẹ nhàng đặt nó xuống sàn ban công. Anh trèo thêm một bậc nữa cho đến khi có thể nhìn xuống qua lan can ban công. Phía dưới, ở cuối thư viện, Pavel có thể nhìn thấy với lưng quay về phía Langdon, mặt hắn dán vào tủ trưng bày cho Kinh thánh của Quý...như thể đang chăm chú xem xét hiện vật. Pavel không để lại ấn tượng cho Langdon là một người sẽ quan tâm đến một quyển mã cổ, đặc biệt là vào lúc này, nhưng sau đó Langdon nghe thấy một tiếng kêu chói tai và thấy cái tủ di chuyển vài inch. Thiếu úy mạnh mẽ, anh nhận ra, không phải đang chiêm ngưỡng quyển mã, mà là đang cố gắng đẩy chiếc tủ trưng bày khổng lồ của nó qua sàn nhà. Tại sao? Chiếc khối này chắc nặng đến cả ngàn bảng! Langdon rất lo lắng khi thấy những vết xước sâu đang được khắc lên sàn ván tuyệt đẹp, mặc dù anh còn lo lắng hơn khi thấy chiếc thang cổ nằm trên sàn gần tủ trưng bày. Trong chớp mắt, ý định của Pavel trở nên rõ ràng. Hắn đang lên đây. Chiếc khối trong suốt chắc chắn trông có vẻ đủ kiên cố để hỗ trợ cho bệ của một cái thang, và Pavel có vẻ đủ sức để di chuyển nó. Cái tủ dịch chuyển vài inch với mỗi cú giật, lùi lại gần phía bên của phòng. Di chuyển nó đủ gần sẽ cần thời gian và kiên nhẫn, nhưng có vẻ như Pavel có đủ cả hai. Nếu hắn khiến chúng tôi phải ra ngoài, sẽ không còn nơi nào để ẩn nấp. Không có lối thoát nào từ căn phòng khóa kín này. Langdon tìm kiếm một giải pháp một cách chăm chú, và đôi mắt anh hướng lên trời, như thường lệ khi anh hy vọng tìm được cảm hứng. Nhìn vào bầu không khí màu sắc của bức tranh điểm xuyết vắt ngang trên đầu, anh thấy mình hoàn toàn bị cuốn hút bởi vẻ đẹp của tác phẩm—một hình ảnh các vị thánh Dòng Tên đang say mê đọc và viết giữa những đám mây, nhấn mạnh tầm quan trọng của tri thức. Nghĩ đi, Robert. Khi anh nhìn vào hình ảnh cao vời vợi của thiên đường, con mắt anh bất ngờ dừng lại ở một vật thể không tương xứng được nguy trang giữa những đám

mây bông bành trong bức tranh. Đó là một đĩa kim loại nhỏ. A

vàng hào quang lấp lánh... Đĩa kim loại này, Langdon biết, chắc chắn không phải do nghệ sĩ đặt ở đó, và mặc dù rất khó chịu khi nhận thấy sự xâm nhập của nó vào bức tranh tường, nhưng khi ánh mắt Langdon nhìn thấy nó, anh cảm thấy như thiên đường vừa mới mở ra... và cung cấp một con đường tới sự cứu rỗi.

CHƯƠNG 67

Sĩ quan Housemore đã đến Crucifix Bastion và phát hiện không có xe nào đậu ở bên ngoài, không có dấu hiệu của sự sống, và cánh cửa chính bị phá hủy. Chuyện gì đã xảy ra ở đây? Với súng bên hông, cô bước vào lối vào đầy mảnh kính, đôi giày của cô kêu lạo xạo trên những mảnh vụn rải rác. Housemore đã thở phào nhẹ nhõm khi thấy cánh cửa thép đánh dấu □ □ vẫn còn nguyên vẹn và đã khóa. Cô đi chuyển xuống hành lang vào khu vực tiếp khách và văn phòng của Gessner. Mọi người đâu cả rồi? Cô gọi tín hiệu cho ông Finch, truyền đạt những gì cô đã tìm thấy. “Máy bay của tôi vừa cất cánh từ London,” Finch đáp, với giọng nói có sự căng thẳng bất thường. “Bảo đảm an ninh cho tòa nhà—không ai vào hay ra. Sử dụng vũ lực nếu cần thiết.” Nói xong, anh ta biến mất.

Tầng bốn của Tháp Random House, ẩn mình trong khu vực đầy ồn ào của các cụm máy tính đang hoạt động, đặc vụ Chinburg điều chỉnh tai nghe và lắng nghe cuộc trò chuyện diễn ra cách đó khoảng bốn mươi feet giữa Jonas Faulkman và Alex Conan. Tia của microphone laser của anh hướng vào bề mặt mịn nhất mà anh có thể tìm thấy—một tấm kính che phủ một hình minh họa của một con tàu đang chìm. Một cách tiện lợi, hình minh họa đó bao gồm một đại dương màu xanh, nơi chấm sáng màu xanh gần như bị ngụy trang hoàn toàn. Quan trọng hơn, hình minh họa đó được treo rất gần nơi mà Faulkman và chiếc công nghệ của anh ta đang nói chuyện, gần đến mức âm thanh của những giọng nói của họ gây ra những rung động nhỏ trên bề mặt của tấm kính, từ đó tạo ra những biến động nhỏ trong tia laser. Một thiết bị giao thoa sau đó phân tích các mẫu giao thoa trong tia sáng và “dịch” những rung động trở lại thành âm thanh. Chinburg có thể nghe rõ từng từ một. Và tôi không phải là người duy nhất đang lắng nghe. Ở đâu đó trên chiếc máy bay riêng của mình trên bầu trời châu Âu, ông Finch đang được kết nối qua vệ tinh và Voice-Over-Wi-Fi, đang nghe trong thời gian thực. Chinburg chắc chắn rằng ông chủ của họ sẽ hài lòng. Cho đến chỉ một vài phút trước, toàn bộ đội ngũ đã lo lắng rằng công nghệ PRH có thể đã tìm ra cách để xác định Q là nguồn gốc của cuộc tấn công. Không gần như vậy. Chinburg mỉm cười, lắng nghe tai nghe của mình với sự thích thú khi biên tập viên đang bùng nổ cơn thịnh nộ với kỹ thuật viên trẻ tuổi. “Thư viện Genesis!” Faulkman phát ra. “Chúng ta đã bị tấn công bởi Thư viện-Mẹ-Cái-Chữa-Genesis! Một trong những tổ chức chuyên sao chép hung hãn nhất thế giới! Làm thế nào mà anh có thể để họ vào máy chủ của chúng ta, Alex!” Chinburg chắc chắn đã nghe về tổ chức bí ẩn này, được biết đến trong giới hacker với cái tên LibGen. Được thành lập cách đây hơn một thập kỷ bởi các nhà khoa học Nga, LibGen là “thư viện bóng tối” lớn nhất trên Internet chứa đựng các tác phẩm học thuật và văn chương bị vi phạm bản quyền. Mặc dù đã phải đối mặt với nhiều thách thức pháp lý và kiện tụng từ các nhà xuất bản lớn, LibGen vẫn tiếp tục tồn tại nhờ vào một cấu trúc phân cấp khéo léo từ các trang gương và miền dự phòng.

Công nghệ đã hiểu sai. Chúng ta đã sạch sẽ. Chinburg thở phào nhẹ nhõm, cảm thấy rằng tình hình có thể đã diễn biến theo chiều hướng khác. Đội ngũ của anh đã gia tốc cuộc tấn công bằng cách tái sử dụng mã hiện có mà, trong kỷ nguyên mới của việc tìm kiếm trên web được cải tiến bằng trí tuệ nhân tạo, có thể đã dẫn trở lại bộ phận hoạt động của Q. May mắn thay, công nghệ đã không nhận ra điều đó. Dự đoán tốt nhất của Chinburg là LibGen đã cố gắng xâm nhập vào PRH vào một thời điểm nào đó trong quá khứ gần đây, và tối nay công nghệ đã phát hiện một chứng cứ kỹ thuật số từ cuộc tấn công cũ đó. Faulkman tiếp tục công kích nhóm sao chép nổi tiếng trong khi kỹ thuật viên đang gõ một cách điên cuồng, có lẽ đang tìm kiếm thêm thông tin... hoặc có thể đang soạn thư từ chức của mình. Tiếp tục tìm kiếm, Chinburg nghĩ. Anh đang tìm nhầm. Ngay lúc ấy, Chinburg cảm thấy một tín hiệu trên điện thoại, và anh kiểm tra màn hình. Đó là một tin nhắn bảo mật từ ông Finch, người mà có vẻ như đã nghe đủ.

Ở dưới sảnh, nằm ngã trên sàn sau quầy, nhân viên bảo vệ Mark Dole vẫn đang tự trách mình vì không xử lý tình huống này tốt hơn. Tất cả diễn ra quá nhanh... tôi đã thất bại khi điều đó quan trọng nhất. Gã còn đồ cơ bắp đã chiếm lấy chỗ ngồi và mũ bảo vệ của Dole giờ đang lục lợi điện thoại và ví của Dole, ghi chép lại. Dole ước gì anh đã có cái nhìn xa hơn để gọi 911 khi những gã này đến. Đồn cảnh sát Midtown North chỉ cách vài dãy phố, và các sĩ quan có thể đã đến nơi trong vài phút. Thang máy kêu,

và Dole nghe thấy gã thứ hai trở lại sảnh. “Tất cả đã sẵn sàng,” người đàn ông vừa đến nói. “Họ tin rằng chúng ta là bọn cướp sách—chúng ta an toàn.” “Thú vị thật.” Gã to lớn quay đầu lại và quì xuống bên cạnh Dole. “Sếp của anh thật sự không hiểu, Mark. Tôi hy vọng anh thông minh hơn... đủ thông minh để không bao giờ nhắc đến việc chúng ta đã ở đây.” Dole nhìn thẳng vào đôi mắt lạnh lùng của gã đàn ông. “Nhân tiện,” gã còn đồ thêm vào, “bọn trẻ của anh thật dễ thương. Tôi thấy anh...”

Sống ở Sunset Park. Di chuyển từ Brooklyn không phải là một điều tồi tệ, và ngôi nhà của bạn trên đường Forty-Sixth trông gần công viên cho bọn trẻ. Bạn có một cuộc sống yên tĩnh.” Dole hiểu ý nghĩa của anh ta. Người đàn ông kéo Dole đứng dậy, vặn lại nắp bảo mật lên đầu, cắt đứt dây zip, và để ví cùng điện thoại của Dole trên bàn lễ tân. “Không có gì nghiêm trọng. Giờ trở lại làm việc đi.” Dole nhìn hai người đàn ông bước đi thong thả qua sảnh về phía bốn cửa thoát hiểm—hai cửa mở và hai cửa xoay. Họ đang tiến đến cửa mở mà họ đã vào, nhưng trước khi tới nơi, Dole chạm vào một trong hai nút dưới quầy, im lặng kích hoạt tất cả các khóa tự động. Người đàn ông cơ bắp đến cửa mở và thấy nó đã bị khóa. “Này, mở chúng tôi ra!” “Không thể làm vậy,” Dole nói dối. Người đàn ông quay lại, vẻ mặt không thể tin được. “Bạn thực sự muốn khóa chúng tôi ở đây với bạn?” “Không,” Dole nói. “Ý tôi là tôi thật sự không thể. Tôi không kiểm soát được các cửa. Chúng là tự động. Tòa nhà xanh và tất cả những thứ đó. Tiết kiệm nhiệt trong sảnh. Trong những tháng mùa đông, chỉ có cửa xoay—” “Chúng tôi vừa mới đi qua cái cửa khốn kiếp này!” “Ra vào với thể nhân viên. Ra ngoài, tất cả nhân viên phải sử dụng cửa xoay. Ngay cả lũ khốn.” “Bạn thật may mắn vì chúng tôi đang vội,” người đàn ông nói, di chuyển cùng đối tác về phía một trong các cửa xoay. Dole nhanh chóng ấn nút dưới quầy lần nữa, giờ đây im lặng mở khóa tất cả bốn cửa. Các cửa xoay tại Random House Tower có kích thước lớn, có nghĩa là hầu hết các nhóm nhỏ chia sẻ cùng một ngăn. Dole hài lòng thấy hai tên giang hồ không phải là ngoại lệ. Khi họ bước vào một ngăn duy nhất và đẩy ra ngoài, cửa bắt đầu quay ngược chiều kim đồng hồ. Dole bình tĩnh quan sát, ngón tay hovering trên nút khóa. Khi cửa đã quay một góc một phần tư hoàn hảo, Dole ấn nút lần thứ ba, kích hoạt lại tất cả các khóa. Cửa xoay đột ngột dừng lại, giữa chừng, đóng chặt hai kẻ tấn công của anh ta trong một nhà tù kính nhỏ. Khi Dole gọi 911, một chuỗi chữ thể bị nén vọt lại khắp sảnh. Chữ bao nhiêu cũng được, Dole nghĩ. Không ai dám đe dọa bọn trẻ của tôi. Trong hai phút đầy đủ sau khi chấm laser đã biến mất và cửa đã đóng lại, Jonas Faulkman vẫn tiếp tục bài phát biểu kịch tính của mình chống lại những kẻ cướp sách LibGen, chỉ để đảm bảo rằng người nghe lên thực sự đã biến mất. Rõ ràng rằng việc cướp sách không liên quan đến vụ hack PRH, nhưng sự thật thì lại đáng lo ngại hơn vô vàn. Faulkman vẫn còn choáng váng trước việc thấy từ viết tắt mà Alex đã gõ, tự hỏi tại sao nhóm này lại tổ chức một chiến dịch quốc tế phối hợp chống lại Katherine Solomon và cuốn sách chưa được xuất bản của cô ấy. Họ chắc chắn có đủ tài nguyên và ảnh hưởng để làm như vậy. Với một cú sốc dâng trào, Faulkman nhận ra rằng nỗi hoảng sợ của Alex về Robert Langdon và Katherine Solomon bỗng nhiên có vẻ hợp lý hơn nhiều. Anh ta cũng nghĩ rằng bất cứ ai đã đột nhập vào Random House Tower sẽ phải vượt qua người bảo vệ đêm tốt bụng, Mark Dole. Faulkman lập tức gọi điện xuống quầy bảo vệ để kiểm tra về anh ta. Không có câu trả lời. Chết tiệt. Lo lắng điều tồi tệ nhất, Faulkman chạy đến thang máy. Khi anh đến tầng một, anh lao ra góc vào sảnh, chuẩn bị sẵn sàng cho điều tồi tệ nhất. Nhưng cảnh tượng trước mắt anh thì hoàn toàn bình yên, và không như anh mong đợi. Người bảo vệ đêm Mark Dole sống khỏe mạnh, bình tĩnh đưa một tuyên bố cho một cặp sĩ quan cảnh sát metro. Cảnh sát đang ở đây? Faulkman cảm thấy nhẹ nhõm khi thấy Dole không bị thương, và sự chú ý của biên tập viên ngay lập tức chuyển sang hai người đàn ông bị còng tay nằm trên sàn gần cửa xoay, cả hai đều trông rất tức giận. Chúa ơi...đó có phải là...? Faulkman không thể bắt đầu tưởng tượng chuyện gì đã xảy ra ở đây, nhưng anh không nỗ lực giấu giếm sự vui mừng khi bước đi qua sảnh về phía hai kẻ bị bắt, đang bị trói và nằm bên sườn. “Này! Chào mừng đến với Random House!” Faulkman hớn hở. “Tôi không biết các bạn là những người yêu sách.” “Bạn không muốn làm điều này,” Buzzcut h hissed, nhìn lên với vẻ giận dữ. “Bạn không biết chúng tôi làm việc cho ai.” “Cho ai bạn làm việc,” Faulkman sửa lại, nhả mặt. “Tôi nghĩ là chúng ta đã qua chuyện này rồi.” “Cút đi!” anh ta hét, mắt xanh rực lửa với cơn giận. Faulkman cúi xuống và mỉm cười. “Bạn biết không, Buzz, nếu bạn đến thư viện thường xuyên như đến phòng gym, bạn sẽ nhận ra rằng mọi câu chuyện hay đều có cùng một kết thúc.” Anh nháy mắt. “Những kẻ xấu luôn thua.”

K CHƯƠNG 68 Katherine cảm thấy nhẹ nhõm khi thấy Langdon xuống từ ban công, hình dáng của anh được ánh sáng mờ từ cửa trapdoor mà anh đã mở ở trên chiếu sáng. “Chúng ta cần lửa,” anh nói gấp gáp

khi anh gia nhập cô trên bậc thang. “Nói cho tôi biết bạn có bật lửa hoặc diêm không.” “Xin lỗi, cái gì?” “Khói. Chúng ta cần khói nếu...”

“Chúng ta sẽ phải rời khỏi đây.” Sự khẩn trương trong mắt Langdon đã gửi một thông điệp rất rõ ràng: những gì anh đã thấy từ ban công đã khiến anh lo lắng... và cũng có lẽ đưa ra một giải pháp. “Katherine, chúng ta có khoảng hai phút trước khi một tay súng điên cuồng lao xuống cầu thang này.” “Tôi... tôi không chắc mình có gì. Túi của tôi ở dưới đây—” “Hãy lấy nó—bây giờ!” Với Langdon sát bên, Katherine đã xuống cầu thang, giờ thì đã hiểu được suy luận của Langdon. Nếu tiếng súng không thu hút được nhân viên bảo tàng, thì không còn gì khác... ngoại trừ, có lẽ, mối đe dọa về hỏa hoạn trong một thư viện cổ. Hôm qua, khi cô ở đây với Langdon, anh đã chỉ ra bức fresco tỉ mỉ của Jan Hiebl trên trần nhà, phản nản về sự hiện diện của ba đĩa kim loại xấu xí đã được lắp đặt vào những năm 1970, được phân bố rải rác khắp bức tranh. Katherine nghi ngờ rằng Langdon giờ đây đang hài lòng vì những cái đĩa nhỏ này đã được lắp đặt, mặc dù chúng rất chúng mắt. Thiết bị phát hiện khói. Đến dưới bậc thang, Katherine tìm thấy túi đeo vai của mình và kéo nó lên bậc đầu tiên. Túi hôm nay nặng một cách bất thường, vì nó chứa bản thảo của cô—một chồng hơn bốn trăm trang—cùng với một chai nước lớn. Đưa tay vào đáy túi, cô bắt đầu lục lọi một cách mờ mịt qua các vật dụng bên trong để tìm một cách nào đó để tạo ra lửa. Katherine biết cô không có diêm hay bật lửa trong túi, mặc dù như hàng loạt chương trình “sống sót” trên truyền hình đã chứng minh, lửa có thể được tạo ra bằng tất cả các loại vật dụng hàng ngày—điện thoại di động, kính phóng đại, pin, bông thép. Nhưng khi cô tìm kiếm trong túi, Katherine nhận ra rằng đây là một ngõ cụt. “Tôi không có gì cả,” cô thì thầm với Langdon, người đang đứng ngay trên cô trên cầu thang. “Không có diêm. Không có bật lửa. Điện thoại di động của tôi ở trong thùng rác. Tôi có gắng tay, son môi, một tập tờ rơi cho bảo tàng, một thanh granola, một chai nước—” “Thanh granola? Từ khách sạn?” “Vâng. Từ minibar.” “Như vậy là đủ.” Granola dễ cháy? “Pin?” Langdon hỏi tiếp. “Có thứ gì điện tử không? Đèn pin, móc khóa, tai nghe, bất cứ thứ gì?” “Không, Robert, tôi xin lỗi.” Cô dừng lại. “Mặc dù... túi của tôi có một Clutch trong lớp lót. Tôi không biết—” “Clutch? Đó là gì?” “Là một bộ sạc điện thoại cho túi xách,” cô nói, mở túi ra. Cô kéo sang một bên bản thảo cồng kềnh và chỉ cho Langdon phần đầu của một dây sạc điện thoại đang thò ra từ lớp lót bên trong. “Hơi giống một chiêu trò của Cuyana, nhưng nó hữu ích. Tôi đã sạc nó trước chuyến đi, nhưng tôi không biết còn bao nhiêu—” “Ồ lại đây,” Langdon nói, cầm túi. “Tôi sẽ nói cho bạn biết phải làm gì trong một phút.” Không nói thêm lời nào, anh lao lên cầu thang xoắn ốc. Hy vọng cô sẽ tha thứ cho tôi vì điều này, Langdon nghĩ với sự lo lắng. Sáu mươi giây đã trôi qua kể từ khi anh rời cô ở dưới lầu, và giờ đây anh đang cúi mình trên bậc giữa cầu thang. Anh đã tìm thấy thanh granola và đặt nó cùng với chồng các trang bản thảo mà anh đã để sang một bên. Giờ anh đang lần mò quanh lớp lót lụa của túi, cuối cùng cảm thấy một hình chữ nhật cứng trong một túi Velcro. Anh đã lấy ra. Đây là một bộ sạc? Clutch siêu mỏng của Katherine trông giống như một thẻ tín dụng màu hồng có đuôi. Hy vọng nó vẫn còn năng lượng. Đưa Clutch lên miệng, anh đặt dây cáp nguồn giữa hai hàm răng, kéo mạnh, và bẻ gãy đầu cắm. Sau đó anh tách hai dây ra, dùng răng lột mỗi dây, và chạm hai dây trần lại với nhau trong chốc lát. Một tia lửa sáng bùng lên trong không gian tối tăm. Anh hy vọng điều đó sẽ đủ. Langdon đặt bộ sạc phẳng lên các trang bản thảo và cầm thanh granola, mà như dự đoán, có một lớp bọc thiếc mỏng. Anh xé lớp thiếc ra và bóc một dải hẹp, cuộn nó giữa hai ngón tay để tạo thành một loại sợi thiếc. Sau đó, anh gắn một đầu của sợi thiếc vào một trong những dây trần của Clutch, để đầu kia thông xuống. Về lý thuyết, khi anh kết nối đầu rời và hoàn tất mạch điện, điện sẽ chạy qua sợi thiếc. Là một chất dẫn kém, sợi thiếc sẽ tạo ra sự kháng cự, dẫn đến sự tích tụ nhiệt... mà cuối cùng sẽ đốt cháy sợi thiếc. Ngăn ngui. Thật không may, chất liệu siêu mỏng sẽ chỉ cháy trong một khoảnh khắc—không đủ để đốt cháy một tờ rời laminate hay thậm chí là một trang giấy bản thảo mỏng. Nếu Langdon muốn có bất kỳ cơ hội nào để bắt đầu ngọn lửa này, anh sẽ cần thứ gì đó dễ cháy. Rất dễ cháy. Ở dưới bậc thang, Katherine cảm thấy ngày càng lo lắng khi cô chờ đợi trong im lặng những chỉ dẫn tiếp theo từ Langdon. Ở lại đây... tôi sẽ nói cho bạn biết phải làm gì trong một phút, anh đã nói với cô. Anh đã di chuyển xung quanh trên cầu thang và cuối cùng định vị mình giữa bậc giữa nơi họ...

đã đứng ở đó trước đó. Ngoài âm thanh từ Langdon ở trên, Katherine đã nghe thấy những tiếng ồn từ thư viện—một loạt tiếng kêu chói tai, lặp lại và mạnh mẽ—mà Langdon nói là do chiếc tủ trưng bày đang được di chuyển. Âm thanh đó đã ngừng lại, Katherine nhận ra, cảm thấy rằng họ gần hết thời gian.

Với nỗi sợ hãi gia tăng, cô lại nhìn lên phía lưới kim loại mà Langdon đang làm việc. Thật bất ngờ, ánh sáng giờ len lỏi qua lưới trông khác hẳn. Nó không còn chỉ là những tia sáng nhọn nhọt từ cái cửa sập trên đầu họ... mà giờ là một ánh sáng nhấp nháy. Lửa? Anh ấy đã làm điều đó?! Ngờ ngàng, cô nín thở, chờ đợi... Chỉ trong vài giây, ánh sáng bắt đầu trở nên rực rỡ hơn, và Katherine cuối cùng thở ra với một làn sóng hy vọng. Cô không biết Langdon đã dùng ma thuật của Boy Scout nào để bắt đầu đám lửa này, nhưng khi ngọn lửa bùng lên, cô có thể thấy rằng lưới kim loại xốp mà anh ấy đã tạo ra đám lửa đang cung cấp thông gió hoàn hảo từ bên dưới. Tuy nhiên, sự ngạc nhiên của cô nhanh chóng chuyển thành lo lắng. Đó là quá nhiều lửa... Ngọn lửa nhanh chóng lan rộng và hiện dường như đã che phủ một phần lớn của bậc thang. Trong ánh sáng bùng cháy, cô có thể thấy Langdon đã rời khỏi nền tảng và giờ đang quỳ ở vài bậc phía dưới, cho lửa thêm nhiên liệu từ bên cạnh. Khi ngọn lửa lan rộng, Katherine bắt đầu cảm thấy không khí lùa vào dưới cánh cửa kệ sách, trào lên cầu thang như một chiếc ống khói, cung cấp thêm nhiên liệu cho ngọn lửa. Katherine biết mỗi quan tâm đầu tiên của cô lẽ ra phải là: Liệu điều này có an toàn không? Nhưng không phải. Mỗi quan tâm đầu tiên của cô hoàn toàn khác. Anh ấy đang đốt gì?! Những ngọn lửa này đã trở nên quá mãnh liệt để chỉ là một tờ quảng cáo bảo tàng, một gói giấy ăn, hay bất cứ thứ gì khác mà anh đã tìm thấy trong túi cô. Anh ấy đang dùng gì làm nhiên liệu?! Câu trả lời của cô hiện ra một khoảnh khắc sau khi một mẩu giấy bị cháy xém trôi xuống từ trên cao, rơi xuống cầu thang ngay trước mặt cô. Mảnh giấy trắng bị cháy có in chữ đen, một số vẫn còn dễ đọc. Katherine chỉ cần một khoảnh khắc để nhận ra những từ đó. Robert, không! Cô lao lên cầu thang, gọi anh dừng lại. Khi cô leo lên về phía Langdon, cô bỗng nghi ngờ rằng anh đã bảo cô ở lại bên dưới vì anh biết cô sẽ không bao giờ đồng ý với kế hoạch của anh. Anh ấy đang đốt bản thảo của tôi! Cô có thể cảm nhận được sức nóng khi đến dưới bậc thang. Trên đầu cô, qua lưới kim loại, cô thấy mặt dưới của một chồng các trang bản thảo mà Langdon đang cho vào lửa. Các trang giấy cháy rất nhanh và sáng rực. “Dừng lại!” cô thở hổn hển. “Đó là bản sao duy nhất của chúng ta! Chúng ta không thể mất nó!” Langdon nhìn xuống, ánh mắt anh sắc sảo trong ánh lửa. “Chúng ta đã mất nó rồi, Katherine—tôi rất xin lỗi. Bản sao cứng này sẽ bị tịch thu ngay khi chúng ta bước ra khỏi cái vòm này. Và sau đó thì hết. Chúng ta thà dùng nó để cứu mạng mình.” “Nhưng không còn cách nào khác—” “Xin hãy lắng nghe,” anh nói, vẫn tiếp tục cho các trang vào lửa. “Có những điều tôi chưa nói với bạn, nhưng hôm nay đã có người bị giết vì cuốn sách này. Miễn là chúng ta còn giữ bản thảo này, chúng ta là mục tiêu. Viên đạn đầu tiên đã suýt trúng chúng ta. Viên tiếp theo sẽ không.” “Lạy Chúa, đã có người bị giết?!” cô lặp lại. “Vì bản thảo của tôi?!” “Katherine, các chuyên gia đã xóa bản thảo của bạn khỏi một máy chủ công ty an toàn! Đại úy ÚZSI đã thẩm vấn tôi sáng nay cáo buộc chúng ta đã tổ chức một trò quảng cáo khủng bố cho cuốn sách này. Brigita Gessner đã yêu cầu một bản sao trước, và cô ấy đã bị tra tấn và giết chết tối qua. Jonas dường như đã biến mất. ÚZSI đã truy lùng tôi kể từ khi—” “Brigita Gessner đã chết?!” Langdon gật đầu nghiêm nghị. “Tôi không dám nói biết điều gì đang diễn ra, nhưng không có gì quan trọng hơn mạng sống của chúng ta. Và của nhau. Đây là bước đi đúng đắn. Tôi cần bạn tin tôi.” Có hơi trễ để đặt niềm tin, cô nghĩ, khi nhìn vào chồng giấy còn lại ít ỏi. Bạn đã đốt hầu hết rồi. Thiếu tá Pavel đau đầu vì quá sức. Anh đã hoàn thành việc di chuyển chiếc tủ trưng bày lớn qua sân thư viện, cuối cùng thành công trong việc đặt nó dưới cái ban công. Chiếc hộp trong suốt nặng nề hơn nhiều so với nó trông, phần lớn trọng lượng chắc chắn đến từ vật thể khổng lồ bên trong. Pavel đã dành một phút để điều chỉnh hơi thở, nhìn qua lớp Plexiglas dày về cuốn sách lớn đến mức vô lý bên trong hộp. Nó đủ nổi tiếng để thu hút một đám đông, nhưng cuốn sách đang mở ở một trang mô tả một con quỷ nửa khỏa thân, ngồi xổm trong một chiếc khố. Mọi người bỏ tiền ra để xem cái này sao? Hào hứng muốn lên ban công, Pavel lấy cái thang và đặt nó lên đỉnh chiếc tủ trưng bày, vui mừng nhận thấy nó giờ đã với tới ban công. Trước khi

Leo lên trên tủ trưng bày, Pavel quay lại để quét một lần cuối cùng ban công xem Langdon đã hồi tỉnh và bộc lộ bản thân chưa. Khi ánh mắt của anh ta dọc theo viền trên của căn phòng, di chuyển dọc theo ban công, ánh nhìn của anh ta dừng lại đột ngột. Pavel hy vọng rằng mình đang ảo tưởng. Ở góc xa của ban công, trên khung alcove bị khóa, một cột khói đen dường như đang bay lên từ hư không... lơ lửng đến điểm cao nhất của trần vòm... đã bắt đầu tụ lại thành một đám mây tối đang creep ra ngoài phía trên bức bích họa vô giá. Không... Nhưng đã quá muộn. Chỉ một khoảnh khắc sau, các còi báo cháy bắt đầu vang lên.

CHƯƠNG 69

Chỉ trong vài giây khi còi báo cháy vang lên, Trung úy Pavel có thể nghe thấy người phụ trách thư viện đang điên cuồng mở chốt cửa của Thư viện Baroque. Tôi đã ra lệnh cho bạn! Pavel tức giận suy nghĩ. Tránh ra! Nhưng hóa ra mối đe dọa về cháy trong một thư viện cổ xưa còn vượt lên cả mệnh lệnh của cục ÚZSI, và người phụ trách lao vào, quay cuồng và tìm kiếm nguồn khói. Pavel đứng ở đầu phòng xa nhất, ngồi trên tủ trưng bày, chuẩn bị leo lên thang đến ban công. Người phụ trách thậm chí cũng không nhận thấy anh ta, mà chỉ dán mắt vào cột khói đang bốc lên từ ban công. Người phụ trách chạy tới giá sách ẩn giấu, cố gắng mở nó trong vô vọng. Tôi vẫn có thể giết được Langdon, Pavel biết, bắt đầu leo lên thang. Một mắt cho một mắt. Hai nhân viên bảo tàng khác cầm bình chữa cháy chạy vào phía sau người phụ trách, la hét với nhau và cố gắng mở cửa ẩn mà không làm gãy nó. Không có may mắn. Nhưng khói từ cửa hầm giờ dường như đã giảm nhanh chóng như khi nó bắt đầu. Pavel đang giữa chừng leo lên thang khi một người phụ trách khác phát hiện ra anh ta. Lão ông hỏi hã lại, trông kinh hoàng khi thấy ai đó trên một cái thang tạm bợ ở trên triển lãm vô giá của thư viện. “Co to sakra děláš?!” người phụ trách hét lên, đến dưới anh ta. Cái quái gì mà đang làm vậy?! Pavel phớt lờ, vẫn tiếp tục leo lên. Khi anh ta gần tới đỉnh, anh ta có thể cảm nhận được khói trong phổi. Đám mây mờ đục đã tụ lại ngay phía trên anh ta, dọc theo đỉnh của trần vòm, mặc dù những chiếc quạt thông gió lớn vừa được bật lên và có vẻ như đang làm trong sạch không khí một cách nhanh chóng. Pavel đến đỉnh thang và nhìn qua lan can ban công hướng về cửa hầm ở cuối xa. Nó vẫn rộng mở. Kế hoạch khói của người Mỹ thật thông minh, nhưng nó sắp trở thành bùng nổ. Langdon sẽ không bao giờ thấy tôi đến. Ngay cả khi anh ta mở khóa cửa và lao ra ngoài thư viện, Pavel nắm giữ địa điểm cao—một góc nhìn hoàn hảo cho cú bắn giết. Kiên nhẫn, thuyền trưởng của anh ta đã thúc giục, và kiên nhẫn đã mang lại thành quả. Giờ tay ra, anh ta nắm lấy lan can sắt của ban công và chuẩn bị kéo mình qua. “Trung úy Pavel!” một giọng nữ quyền lực hét lên từ cửa thư viện. “Dừng lại ngay đó!” Ngồi trên thanh từng bậc thang, Pavel quay lại và quét mắt qua thư viện, chớp mắt vài lần, cố gắng hiểu những gì anh ta đang thấy. Ảo ảnh tiến tới gần anh ta thật bất ngờ và kỳ quái đến mức anh ta tự hỏi liệu có phải khói và chấn thương ở đầu đang kích thích một ảo giác. Người phụ nữ tiến lại là một vẻ đẹp thanh lịch, tóc nâu—dễ dàng là một trong những người phụ nữ khiến Pavel ngỡ ngàng nhất mà anh từng thấy trong đời. Cô ta di chuyển trên những đôi chân mảnh mai, mang đến cho cô ta cường độ của một người mẫu thời trang trên sàn diễn. Cô có thể là một trong những giấc mơ của Pavel... ngoại trừ một vấn đề nhỏ: cô được hai lính thủy quân lục chiến Mỹ trong bộ đồng phục đại sứ quán và mang theo vũ khí đi kèm.

Trong cầu thang, ở bậc nổi của xoáy ốc, Langdon đứng trên đồng tro tàn đang bốc khói, muốn đảm bảo rằng mọi mẫu than cuối cùng đều đã được dập tắt. Ngọn lửa này do Procter & Gamble tạo ra, anh suy nghĩ, cảm ơn chai nhỏ dung dịch rửa tay mà anh đã tìm thấy ở đáy túi của Katherine. Gel bảo vệ chứa 80% cồn, và Langdon đã thoa nó lên trang bìa của bản thảo của Katherine trước khi cuộn tờ lại thành một ống để tập trung khói. Sau khi đặt ống vào lưới để giữ nó ở vị trí thẳng đứng, Langdon đã sử dụng Clutch để đốt foil ngay trên miệng ống. Như đã dự đoán, foil đã bùng cháy gần như ngay lập tức, nhưng nồng độ hơi còn đã cháy bật, và ống được thấm gel đã bốc cháy. Tất cả đã diễn ra rất nhanh. Giấy in Czech nhẹ nhàng cháy nhanh hơn Langdon đã dự đoán; trong một khoảnh khắc, anh đã lo lắng rằng mình đã phạm một sai lầm khủng khiếp và đặt toàn bộ thư viện vào nguy hiểm. Ngọn lửa đã bùng phát chỉ trong vài giây. Trong khi tiếp tục cho thêm các trang, Langdon cũng đã uống cạn phần nước còn lại của Katherine và ném chai nhựa lên các trang bản thảo,

tạo ra những đám mây khói đen cuộn cuộn khi nó tan chảy. Thật hiếm khi Langdon nhắc đến Shakespeare, nhưng gần như thẩm họa này dường như xứng đáng với Bard. Mọi chuyện đều tốt đẹp nếu kết thúc tốt đẹp, anh tự nhủ, đồng thời nghĩ rằng anh có thể đã thiêu rụi một thư viện quý giá hoặc bị bắn chết. Bây giờ, sau khi xác nhận không để lại gì sau lưng, Langdon nâng chiếc túi của Katherine lên, nó nhẹ hơn nhiều khi không có bản thảo và nước của cô. Cô đã lặng lẽ xuống cầu thang, đầy lo lắng vì chứng kiến các trang bản thảo của cô bị thiêu rụi. Langdon cảm thấy tự tin rằng cuối cùng cô sẽ hiểu rằng anh đã chơi bài của họ một cách tốt nhất có thể. Chúng ta còn sống. Khi Langdon đi xuống các bậc thang, anh có thể nghe thấy nhiều cuộc trò chuyện bên ngoài cánh cửa giá sách, và anh hy vọng đám đông bao gồm cả an ninh bảo tàng. “Ông Langdon?!” một giọng trầm gọi từ phía sau cánh cửa. Giọng nói mang âm hưởng Mỹ. “Tôi là Morgan Dudley, lính bảo vệ đại sứ quán.” Langdon và Katherine trao cho nhau

một cái nhìn sững sờ. Thật nhanh chóng. “Ông có thể ra ngoài an toàn,” người đàn ông thông báo. “Tôi có thể xác nhận rằng thiếu tá ÚZSI đã đe dọa ông đã từ bỏ vũ khí của mình, và Cảnh báo Xanh đã bị hủy bỏ.” Langdon không biết Cảnh báo Xanh là gì, nhưng sự hiện diện của đại sứ quán chắc chắn nghe có vẻ tốt hơn so với ÚZSI. “Mở cửa ra, thưa ngài.” Giọng nói lịch sự nhưng đã mạnh mẽ hơn. Katherine ngay lập tức bắt đầu tháo ống tay áo của chiếc áo khoác dài của mình khỏi tay nắm cửa. “Chờ chút!” Langdon thì thào, cảm thấy lo lắng. “Anh ta có thể là một sĩ quan ÚZSI giả mạo thành người Mỹ.” Không biết người đàn ông bên ngoài có phải là người tâm linh hay đã nghe thấy bình luận đó không, nhưng ngay sau đó một thẻ nhựa được đóng dấu lăn trượt vào dưới cánh cửa. Trong ánh sáng mờ, Langdon không thể đọc được văn bản nhỏ, nhưng thật phù hợp, nỗi sợ hãi của anh đã giảm bớt bởi biểu tượng được đóng dấu của thẻ—một con đại bàng hói với một lá chắn ngôi sao và sọc. Bên ngoài giá sách, Dana Daněk đang lo lắng chờ đợi cánh cửa giấu mở ra. Chưa đầy mười phút trôi qua kể từ khi Đại sứ Nagel lao vào văn phòng của Dana với một mệnh lệnh khẩn cấp—đi cùng một lính thủy đánh bộ đến Klementinum và cứu một người Mỹ. Nhiệm vụ đã hoàn thành, cô nghĩ. Mặc dù rất khó khăn. Thiếu tá Pavel đã được đưa ra khỏi thư viện và vào một phòng giữ, và cấp trên của anh ta đã được báo động. ÚZSI rất tức giận khi biết về sự can thiệp của đại sứ quán Mỹ trong một Cảnh báo Xanh chính thức—bất kể nguồn gốc của nó—mặc dù họ không còn sự lựa chọn nào khác ngoài việc phát hành ngay lập tức một “Rút Đơn Cảnh báo”. Khi giá sách cuối cùng mở ra, Robert Langdon bước ra, nheo mắt từ trong góc tối. Dana Daněk cảm thấy nhẹ nhõm khi thấy anh an toàn, nhưng cô đã sốc khi thấy anh xuất hiện cùng với một người phụ nữ. Dana nhận ra khuôn mặt thanh lịch ngay lập tức. Katherine Solomon. CHƯƠNG 70 vẫn còn rừng mình vì thời gian của cô trong hành lang lạnh giá, Katherine cảm thấy ám áp tương đối của các hành lang Klementinum khi người phụ nữ truyền thông PR ấn tượng của đại sứ quán, cô Daněk, dẫn họ ra lối thoát của bảo tàng. Lính thủy đánh bộ Mỹ đã tìm kiếm trong góc alcove, chụp ảnh đồng tro tàn trên bậc và thu thập những mảnh vụn bản thảo bị cháy từ sàn. Sự quan tâm của họ đối với những gì còn lại bị thiếu rui của cuốn sách cô, dù không thể tưởng tượng được, dường như hỗ trợ cho tuyên bố của Langdon rằng bản thảo của cô thực sự là trung tâm của những gì đã xảy ra ở đây hôm nay. Nhưng tại sao? Càng lúc càng rõ ràng rằng Langdon có thể đã đưa ra quyết định đúng; bản thảo đã khiến họ trở thành mục tiêu, và việc loại bỏ nó đã cứu mạng sống của họ. Ý tưởng viết lại cuốn sách của mình khiến Katherine cảm thấy một nỗi kinh hoàng mà cô không thể bắt đầu xử lý tại thời điểm đó. Langdon đã gợi ý rằng PRH có thể bằng cách nào đó lấy lại một bản sao kỹ thuật số từ máy chủ bị hack, hoặc có thể những kẻ hack sẽ yêu cầu một khoản tiền chuộc hợp lý. Cô hy vọng anh nói đúng. Hoặc có thể vũ trụ sẽ mang đến một phép màu không thể ngờ tới. Chúng ta còn sống, cô nghĩ. Hãy bắt đầu từ đây. Cô không thể tưởng tượng rằng Brigita Gessner đã chết, và rõ ràng Langdon vẫn còn nhiều điều để chia sẻ về buổi sáng của mình; anh vừa thông báo với Dana Daněk rằng anh đang rất lo lắng về sự an toàn của hai cá nhân. Michael Harris? Sasha Vesna? Katherine không nhận ra cái tên nào. Ngoài ra, khá kỳ lạ, khi Langdon hỏi cô Daněk mượn một chiếc điện thoại để kiểm tra Jonas Faulkman, cô đã từ chối, nói rằng đại sứ nhấn mạnh không có liên lạc bên ngoài cho đến khi Katherine và Langdon được đưa đến nơi an toàn và được tóm tắt đầy đủ... vì sự bảo vệ của họ. Sự bảo vệ của chúng ta?! Langdon đang đi bên cạnh Katherine bây giờ, và cô với tay nắm tay anh. Nhóm, do các lính thủy đánh bộ Mỹ vũ trang dẫn dắt, đã rời bảo tàng qua một loạt các sân và cổng vào sự nhộn nhịp của Quảng trường Marian. Phía trước, lá cờ của Tòa Thị chính Mới bay phấp phới trong cơn gió lạnh, và Katherine nghe thấy âm thanh của các tiếng còi ngày càng lớn hơn ở xa. Lính thủy đánh bộ của họ

Các nhân viên bảo vệ, dường như cũng nghe thấy những tiếng còi xe cứu thương, giờ đây thúc giục họ di chuyển nhanh hơn. Langdon nắm chặt tay Katherine hơn và họ nhanh chóng theo chân các lính thủy đánh bộ vào quảng trường, đến chiếc xe đang chờ. Chiếc xe của chúng ta à? Katherine nghĩ, hoảng hốt. Không chính xác là kín đáo. Một trong những lính thủy đánh bộ đang giữ cửa của một chiếc limousine màu đen dài với logo của đại sứ quán Hoa Kỳ ở bên hông và hai băng rôn nhỏ trên nắp capo—một cái của Czech và một cái của Mỹ—cả hai đều có màu đỏ, trắng và xanh. Chiếc limousine đã thu hút sự chú ý đáng kể trong quảng trường. “Xin hãy bỏ qua hình thức,” bà Daněk nói. “Các phương tiện ngoại giao cung cấp một mức độ bảo vệ nhất định khỏi các cơ quan địa phương. Đại sứ cho rằng điều đó là khôn ngoan. Xin hãy vào trong.” Nghe thấy tiếng còi xe cứu thương tiến lại gần, Katherine nhận ra rằng quyền miễn trừ ngoại giao có thể là một điều tốt. Tuy nhiên, khi Katherine bước đến chiếc xe, Langdon đã kín

đảo giữ cô lại bằng một cái nắm chặt tay. Những tiếng còi xe nghe ngày càng gần. “Thưa bà?” người lính thủy đánh bộ nói. “Chúng tôi cần cả hai người vào xe ngay bây giờ.” Tay Langdon vẫn giữ vững và không cử động, ánh mắt của anh khóa chặt vào lá cờ Mỹ đang bay phấp phới trên nắp capo của limousine. Katherine không biết anh đang nghĩ gì, nhưng vì một lý do nào đó, Robert có vẻ như đang do dự về việc lên xe. “Lên xe đi, thưa ông!” người lính thủy đánh bộ đột ngột hét lên khi một hàng sedan màu đen có đèn nhấp nháy rẽ vào một góc phố và xuất hiện trong tầm nhìn. “Bây giờ!” Ánh mắt Langdon chuyển từ lá cờ sang bên trong xe limousine rồi đến những ánh đèn nhấp nháy của các cơ quan chức năng đang tiến lại gần. Cuối cùng, với sự do dự của một người đang chọn lựa giữa hai tai hoạ, anh đã giúp Katherine lên xe limousine và leo vào theo sau. Người lính thủy đánh bộ đóng sập cửa xe ngay khi một đoàn xe của ÚZSI đến nơi, tiếng còi xe làm rách không khí lạnh buổi sáng. Dana Daněk đứng trên vỉa hè và nhìn chiếc limousine của đại sứ quán lao đi. Cô không chắc sự do dự của Langdon là gì, nhưng giờ không còn quan trọng nữa. Với cả hai người đều an toàn dưới sự kiểm soát của đại sứ, Dana đã hoàn thành nhiệm vụ của mình. Cô đã gọi điện cho Đại sứ Nagel, người nghe có vẻ vô cùng nhẹ nhõm vì Langdon và Solomon đều đã được tìm thấy còn sống. Giờ đây, tuy nhiên, Dana có thêm thông tin—thông tin gây lo ngại sâu sắc—và cô tìm một chỗ kín đáo phía sau một bức tượng ở góc tòa thị chính để gọi lại cho đại sứ. “Còn một điều nữa cần báo cáo, thưa bà,” Dana nói khi cuộc gọi được chuyển cho đại sứ. “Tôi vừa nói chuyện với Giáo sư Langdon, người nói rằng ông có lý do để rất lo ngại về sự an toàn của Sasha Vesna...” Cô ngừng lại, cảm xúc nghẹt lại trong cổ họng. “Và cũng như đối với... Michael Harris.” “Harris?” Nagel có vẻ ngạc nhiên. “Langdon có nói với bạn lý do tại sao ông ta lo lắng không?” Dana giờ đã được thông báo về bản chất thật sự của “mối quan hệ” giữa Michael với Sasha Vesna, và trong khi Dana cảm thấy nhẹ nhõm vì những mối quan hệ này không phải là lựa chọn của Michael, cô cũng tức giận bên trong vì đại sứ lại đặt anh vào trong tình huống như vậy. Anh ấy là một phụ tá pháp lý, lạy Chúa, chứ không phải là một nhân viên hoạt động thực địa được đào tạo! “Chúng tôi không có thời gian để nói chuyện,” Dana trả lời, “nhưng ông ấy nói rằng ông và Sasha đã dự định gặp Michael ở căn hộ của cô ấy, nhưng đã xảy ra một điều gì đó. Langdon đã thúc giục tôi gửi ai đó đến để kiểm tra cả hai người họ. Ông ấy đã đưa cho tôi chìa khóa căn hộ của Sasha.” “Langdon có chìa khóa của Sasha?” Dana nhìn xuống chùm chìa khóa Krazy Kitten tồi tàn mà Langdon vừa đưa cô. “Cô ấy đã khẳng khái bắt ông ấy nhận lấy—để phòng trường hợp ông ấy cần một nơi an toàn để đi.” Đại sứ im lặng trong một khoảng thời gian dài một cách bất thường. “Được rồi,” cuối cùng cô ấy nói. “Tôi sẽ gửi Scott Kerble xuống lập tức để đón bạn. Anh ấy có thể đi cùng bạn đến căn hộ của Sasha.” Tôi?! Dana đã không mong được cử đi bản thân mình và tự hỏi liệu đó có phải là hình phạt hay là sự tín nhiệm. Dù sao đi nữa, Nagel đang gửi người lính thủy đánh bộ bảo vệ an ninh đáng tin cậy và lành nghề nhất của cô. Có vẻ như đại sứ muốn chắc chắn rằng không điều gì khác sẽ xảy ra sai sót hôm nay. Mặc dù không khí ám áp tràn ra từ các lỗ thông hơi của chiếc limousine, sự lạnh lẽo của Katherine Solomon chỉ càng thêm sâu sắc khi cô lắng nghe câu chuyện của Robert về các sự kiện trong buổi sáng của anh. “Chúa ơi, Robert. Tôi không biết phải nói gì...” Tường thuật của Langdon về người phụ nữ trên cây cầu, tái hiện cơn ác mộng của Katherine, đã khiến cô không nói nên lời. Khi chiếc xe lao nhanh dọc theo dòng sông hướng về đại sứ quán, Langdon đã chia sẻ một thông tin đáng lo ngại khác—lý do mà anh do dự trước khi lên chiếc limousine. Đó là biểu tượng của đại sứ quán Hoa Kỳ ở hai bên xe. Khi Langdon giải thích về mình, Katherine nhận ra rằng anh vừa trải qua cái mà các nhà nghiên cứu noetic gọi là “xử lý hình ảnh chậm trễ,” điều này là phổ biến ở những người có trí nhớ eidetic. Bởi vì trí nhớ eidetic ghi lại một lượng lớn thông tin hình ảnh, bộ não không xử lý hết tất cả trong thời gian thực. Thực tế, hầu hết thông tin hình ảnh mà trí nhớ eidetic ghi giữ chưa bao giờ được truy cập, không bao giờ được nhớ lại trừ khi...

cá nhân đang cố gắng nhớ lại những gì đã thấy. Hoặc... trừ khi có một yếu tố kích thích. Con dấu của đại sứ quán Mỹ trên cửa xe limousine đã kích hoạt một trong những ký ức của Langdon từ sáng nay—một tấm thiệp có con dấu đại sứ quán giống hệt, đi kèm với bó hoa tulip đỏ, trắng và xanh, đã được gửi đến khách sạn của họ bởi đại sứ quán Mỹ. “Khi tôi trở về phòng chúng ta sáng nay,” Langdon giải thích, “cửa sổ vịnh vẫn rộng mở, và tôi nhận thấy tấm thiệp đại sứ quán ở trên sàn. Căn phòng lạnh buốt—và gió đã bắt đầu làm héo hắt hoa trên bệ cửa. Nhưng khi tôi đóng cửa sổ lại, tôi thấy một thanh kim loại mảnh với một chóp nhựa trong suốt ở trên—nó nằm giữa những thân hoa.” Langdon vuốt tay qua mái tóc đen và dường như đang hồi tưởng lại những chi tiết của ký ức. “Chiếc thiết bị gần như không gây chú

ý vào thời điểm đó—tôi nghĩ đó là một máy đo độ ẩm hoặc điều gì đó tầm thường—nhưng với mọi thứ đang diễn ra bây giờ, tôi vừa nhận ra tôi đã thấy một thiết bị tương tự ở Boston Symphony Hall... một microphone parabol bay trên dàn nhạc để bắt từng nét tinh tế của âm nhạc. “Chờ đã...” Katherine lấp bắp. “Bạn nghĩ rằng hoa của chúng ta bị gắn thiết bị nghe lén?!” Langdon gật đầu. “Bạn và tôi đã ngồi ngay gần bó hoa khi chúng ta nói về cơn ác mộng của bạn tối qua. Đó là lời giải thích duy nhất. Nếu có ai đó đã nghe bạn mô tả—” “Nhưng điều đó thật sự không có lý!” cô kêu lên, lắc đầu. “Tại sao lại có đại sứ quán của chúng ta theo dõi chúng ta? Và ngay cả khi họ đã nghe và nghe lén giấc mơ của tôi, tại sao họ lại muốn... tái tạo nó?” “Tôi không biết. Nhưng tôi nhất định sẽ hỏi đại sứ khi chúng ta đến đại sứ quán.” “Chúng ta không đến đại sứ quán,” Katherine nói. “Tôi nghe Dana bảo tài xế đưa chúng ta đến nhà đại sứ.” Langdon nhìn ngạc nhiên. “Tại sao?” Katherine nhún vai. “Có lẽ cô ấy nghĩ sẽ đón tiếp nồng hậu hơn?” Từ vẻ mặt lo lắng của Langdon, cô có thể thấy anh thấy sự thay đổi này hoàn toàn ngược lại với sự chào đón. “Các biện pháp bảo vệ đặc biệt cho công dân Mỹ chỉ có hiệu lực bên trong đại sứ quán,” anh thì thầm. “Đại sứ biết điều đó. Gặp gỡ tại nhà của cô ấy có nghĩa là bạn và tôi vẫn... không được bảo vệ. Bị lộ.” Katherine cảm thấy một cơn hoảng loạn. Họ có thể muốn gì từ chúng ta? Cô ước gì mình chưa bao giờ chấp nhận yêu cầu của Gessner để phát biểu ở Prague. “Vì lý do nào đó, tất cả điều này đều xoay quanh cuốn sách của bạn, Katherine.” Langdon nghiêng người về phía trước, ánh mắt anh gắn chặt vào cô. “Bạn cần nói chuyện với tôi. Chúng ta chỉ còn vài phút riêng tư, và bạn cần cho tôi biết mọi thứ. Nội dung trong bản thảo là gì? Bạn đã phát hiện ra điều gì?” Katherine đã muốn Langdon đọc về các thí nghiệm và kết luận của cô một cách chi tiết, nhưng điều đó giờ không còn là lựa chọn. Không có bản thảo nào... và không có thời gian. “Được rồi,” cô thì thầm, tiến lại gần anh hơn. “Tôi sẽ nói cho bạn.”

CHƯƠNG 71

Giữa khu thương mại sang trọng của Prague, một mảnh đất nhỏ vẫn chưa bị xâm phạm, được bao quanh bởi một bức tường đá. Trong năm thế kỷ qua, vùng đất thiêng này đã là một biên niên sử u ám cho sự không khoan dung của nhân loại. Nghĩa trang Do Thái Cổ, The Golem nghĩ khi anh bước qua cánh cổng vào khu bảo tồn có rêu xanh và cây cối. Cảnh vật ma quái trước mặt anh tràn ngập bia mộ—hơn mười hai nghìn tấm trong không gian nhỏ bé này. Những tấm bia mộ cổ đã được nhồi nhét rất chặt chẽ đến nỗi nhiều tấm chạm vào nhau... nghiêng về mọi hướng. Cảnh tượng trông giống như một kho chứa bia mộ hơn là một khu nghĩa trang thiêng liêng. Đáng kinh ngạc, có hơn một trăm nghìn thi thể được chôn ở khu đất ba mẫu này. Người Do Thái ở Prague vào thế kỷ 15 bị relegated đến rìa sự chấp nhận trong xã hội và bị cô lập trong ghetto riêng của họ. Khi họ cần chôn cất người đã chết của mình, theo phong tục Do Thái, những người cầm quyền chỉ cấp cho họ một phần đất rất nhỏ để thực hiện điều đó. Bởi vì phong tục Do Thái cấm khai quật thi thể đã chôn, khi không còn chỗ trong nghĩa trang, các lãnh đạo Do Thái chỉ đơn giản mang đến một lớp đất mới, xây dựng lên trên nghĩa địa nguyên gốc và di chuyển các bia mộ hiện có lên mức đất mới. Quá trình này đã được lặp lại nhiều lần trong suốt các thế kỷ, mỗi lần tạo ra một lớp thi thể mới và một nhóm bia mộ mới. Ở một số nơi, thi thể được chôn sâu đến mười hai tầng, và nếu không có các bức tường giữ, người ta nói rằng Nghĩa trang Cổ đã sớm tràn ra các con phố xung quanh, rải rác năm thế kỷ xương cốt ra mọi phía. Khi anh đi vào nghĩa trang, The Golem dừng lại ở chiếc hộp gỗ lớn và chọn một chiếc kippa—“mũ” Do Thái truyền thống hoặc mũ chóp đội đầu mà người đến nghĩa trang thường đeo như một biểu tượng của sự khiêm tốn và tôn kính. Anh hạ mũ xuống.

của chiếc áo choàng và đặt chiếc kippa lên đầu mình, mặc kệ những ánh nhìn và tiếng thì thầm của vài du khách gần đó. Ông có thể hiểu rằng sự có mặt của mình ở đây với trang phục như vậy có thể bị coi là thiếu tôn trọng, nhưng thực tế ông chỉ cảm thấy sự tôn trọng đối với nơi linh thiêng này... và đối với vị rabbi đã tạo ra người golem đầu tiên. Tiến tới một cách có chủ ý, The Golem đã điều hướng qua sự lộn xộn hỗn độn của những ngôi mộ, cẩn thận không trượt chân trên lối đi bằng đá rêu phong. Hướng đến rìa của nghĩa trang và bức tường phía tây, The Golem tiến về ngôi mộ của Rabbi Loew. Bia mộ của rabbi cao gần hai mét và được trang trí tinh xảo với biểu tượng của một con sư tử, xác nhận họ của Rabbi Loew—“Löw” hay “Sư tử.” Lề hẹp phía trên của đài tưởng niệm bị rải đầy những mảnh giấy nhỏ gấp lại mà trên đó những lời cầu nguyện đã được viết và để lại bởi các du khách. Những ai không có giấy đã để lại những viên sỏi, theo đúng với truyền thống Do Thái. Một mình trước ngôi mộ thanh lịch, The Golem đã trang nghiêm quỳ xuống trên mặt đất lạnh và mở lòng mình ra với những kết nối vô hình của vũ trụ...

sự thống nhất của các linh hồn mà nhiều người đã không nhận ra... và từ chối tin tưởng. Chúng ta là một. Sự tách biệt là một ảo tưởng. Thời gian trôi qua, và The Golem cảm thấy mình đang hấp thụ sức mạnh từ nơi huyền bí này. Chậm rãi, ông bắt đầu cảm nhận được một sự hiện diện ngày càng lớn mạnh, và sức mạnh của người golem nguyên thủy dâng lên qua mặt đất và tràn đầy linh hồn ông.

CHƯƠNG 72

Khi chiếc limousine của đại sứ quán rẽ trái vào cầu Mánesův, Katherine mở một chai Kofola cola từ quầy bar của limousine và uống một ngụm dài. Langdon chờ đợi khi cô nhìn ra những tháp của Lâu đài Prague. Cô có vẻ đang sắp xếp lại những suy nghĩ cho những gì cô sắp nói. Tôi muốn nghe mọi thứ, ông nghĩ, vẫn không thể tưởng tượng nổi Katherine đã phát hiện ra điều gì để kích thích ai đó phá hủy bản thảo của cô. Hoặc giết người...

“Được rồi,” Katherine nói, hạ chai xuống và quay về phía ông. “Có một hiện tượng khoa học gọi là cuộc khủng hoảng tái tạo. Ông có quen thuộc với nó không?” Langdon đã nghe thuật ngữ này được nói tới bởi các đồng nghiệp trong bộ phận khoa học. “Nếu tôi không nhầm, nó đề cập đến bất kỳ kết quả thí nghiệm nào chỉ xảy ra một lần và không thể được tái tạo.”

“Chính xác,” cô nói. “Và trong suốt năm mươi năm qua, hàng chục nhà khoa học được kính trọng đã sản xuất một loạt kết quả trong phòng thí nghiệm mạnh mẽ hỗ trợ cho ý thức phi địa phương. Một số thí nghiệm này đã thu được những kết quả thực sự đáng kinh ngạc... và vẫn những nỗ lực để lặp lại chúng đều thất bại hoặc tạo ra những kết quả không rõ ràng.” Như phản ứng lạnh, Langdon nghĩ.

“Thực ra, điều này thật điên rồ,” Katherine nói, giọng có phần bức bối. “Hầu hết các kết quả không thể lặp lại này đến từ những thí nghiệm được thực hiện cẩn thận, được đánh giá ngang hàng, do các nhà khoa học có tay nghề, uy tín thực hiện.”

“Dù vậy, kết quả của họ vẫn bị không công nhận?”

“Hoàn toàn. Có một cuộc chiến trí tuệ đang diễn ra trong lĩnh vực của tôi giữa các mô hình ý thức cục bộ và phi địa phương. Sự không thể tái tạo nhất định của các nhà nghiên cứu noetic đã trở thành khẩu hiệu của những người theo chủ nghĩa duy vật ở khắp mọi nơi—những nhà hoài nghi như Gessner sẽ lên án thí nghiệm của ông là lừa dối và gán cho ông cái mác là một gã lừa đảo hoặc kẻ mạo danh đầy hăng hái.” Langdon không bất ngờ. Trong lĩnh vực lịch sử tôn giáo của ông, những tuyên bố được công bố thường bị bác bỏ một cách tàn nhẫn như một phần của cuộc chiến giữa những người tin và không tin. Gian lận là điều thường thấy. Chiếc khăn liệm Turin—vật liệu được cho là vải chôn cất của Chúa—nay đã được định tuổi bằng carbon vào 1.200 năm sau Chúa. Chữ khắc “James Ossuary” nổi tiếng năm 2002 đã được tiết lộ là hàng giả. Sắc lệnh hoàng gia có ảnh hưởng được biết đến là Donation of Constantine đã được tiết lộ là một món đồ giả mạo khéo léo được sản xuất bởi Giáo hội để củng cố quyền lực. Chúng ta tuyên bố Sự Thật mà phục vụ nhu cầu của chúng ta.

“Có một thí nghiệm PSI đặc biệt,” Katherine nói, “đã trở thành một mục tiêu nóng trong cơn bão này. Nó lần đầu tiên được thực hiện vào đầu những năm 1980 bởi một nhóm khoa học có uy tín rất cao, những người đã làm việc với sự cẩn trọng nghiêm ngặt và tạo ra những kết quả không thể tưởng tượng nổi. Đáng tiếc, những kết quả đó đã chứng minh là không thể tái tạo, bất chấp vô số nỗ lực theo sau.”

“Thí nghiệm Ganzfeld,” Langdon gợi ý. Katherine trông có vẻ ấn tượng. “Ông biết về điều đó à?”

“Chỉ mới gần đây,” ông thú nhận. “Sau cái đề xuất sách khiến tôi ngạc nhiên về ý thức phi địa phương, tôi đã quyết định học thêm về lĩnh vực này.”

“Tôi cảm thấy mình có chút được vinh dự,” cô nói, “nhưng tôi đoán ông đang kiểm tra xem tôi có điên hay không.” Langdon cười. “Không hề. Tôi thật sự rất quan tâm.” Thí nghiệm Ganzfeld, ông đã học được, bao gồm việc đặt một đối tượng vào một buồng tách biệt cảm giác và yêu cầu một đối tượng thứ hai “truyền tải” hình ảnh đến anh ta bằng tâm trí. Thí nghiệm này đã được thực hiện qua nhiều phiên, và kết quả phần lớn cho thấy sự tồn tại của tâm linh từ xa. Kỳ lạ thay, mức độ thành công thống kê đáng kinh ngạc được thể hiện trong chuỗi nỗ lực đầu tiên chưa bao giờ được tái tạo, ngay cả bởi cùng một nhóm, dẫn đến một cơn bão chỉ trích và các cáo buộc về sự lừa dối. “Và

“Nếu bạn đã đọc về Ganzfeld,” cô ấy nói, “thì bạn có lẽ cũng đã đọc về nhà khoa học xã hội Daryl Bem—một trong những người bảo vệ sôi nổi nhất của thí nghiệm Ganzfeld và là tác giả của مقال gây tranh cãi năm 2011 ‘Cảm nhận Tương lai.’”

“Tôi cũng đã đọc cái đó,” Langdon thú nhận, nhớ lại tiêu đề phụ thú vị: “Bằng chứng Thí nghiệm

cho Các ảnh hưởng Tương lai bắt thường lên Nhận thức và Cảm xúc.” Bài báo của Bem mô tả một thí nghiệm trong đó ông đã cho các tham gia viên xem một danh sách các từ ngẫu nhiên và sau đó, sau khi loại bỏ nó, đã yêu cầu họ nhớ lại càng nhiều từ có thể từ danh sách đó. Ngày hôm sau, ông đã cho các tham gia viên một lựa chọn ngắn gọn các từ được chọn hoàn toàn ngẫu nhiên từ danh sách ban đầu và bảo họ ghi nhớ những từ đó. Thật đáng kinh ngạc, kết quả thí nghiệm từ ngày đầu tiên đã chỉ ra rằng các tham gia viên có khả năng nhớ lại các từ mà họ sẽ thấy lại vào ngày thứ hai—sau khi thí nghiệm! Chờ một chút! Langdon nhớ lại đã nghĩ, bối rối. Bạn có thể học sau một bài kiểm tra? Tương lai ảnh hưởng đến quá khứ? Bị lo lắng, ông đã mang kết quả của Bem đến một đồng nghiệp trong bộ phận vật lý—một người có nơ-ron Oxford mang tên Townley Chisholm—người dường như không mấy hoảng hốt trước dữ liệu. Chisholm đảm bảo với Langdon rằng “nguyên lý thoái nguyên” thực sự là có thật và đã được quan sát trong nhiều thí nghiệm, bao gồm một thí nghiệm được gọi là “máy xóa lượng tử tri hoãn.” Chisholm mô tả nó như “một phiên bản cải tiến của thí nghiệm khe đôi cổ điển.” Langdon biết rằng thí nghiệm gốc đã gây chấn động thế giới bằng cách chứng minh rằng ánh sáng di chuyển qua một rào cản khe đôi có thể hoạt động như một hạt hoặc như một sóng... và, khó tin, nó dường như “quyết định” cách hành xử mỗi lần dựa trên việc một ai đó có chọn quan sát nó hay không. “Sự thay đổi khả năng chọn lựa tri hoãn,” Chisholm giải thích, đã kết hợp việc sử dụng các photon liên kết và gương để “tri hoãn” lựa chọn thời gian thực của người quan sát về việc có quan sát hay không... cho đến khi ánh sáng đã tiết lộ cách nó sẽ hành xử. Nói cách khác, các nhà khoa học đã buộc ánh sáng phản ứng với một quyết định chưa được đưa ra. Kết quả đáng kinh ngạc là ánh sáng không bị lừa dối chút nào. Nó bằng cách nào đó đã dự đoán lựa chọn mà người quan sát sẽ đưa ra trong tương lai... như thể vũ trụ đã biết điều gì sẽ xảy ra trước khi nó xảy ra. Sau này, sau khi tìm kiếm thí nghiệm trên Google, Langdon đã có thể hiểu đủ để chấp nhận rằng một số tâm trí rất thông minh tin rằng các sự kiện tương lai thực sự ảnh hưởng đến các sự kiện quá khứ... và thời gian có khả năng chảy ngược lại.

“Tôi phải thừa nhận,” Langdon nói, nhả mắt nhìn Katherine, “chỉ riêng ý tưởng về nguyên lý thoái nguyên đã khiến tôi mâu thuẫn nhận thức.”

“Bạn không đơn độc,” cô đáp. “Bạn nên xem cách mà những người đến thăm tôi phản ứng với bảng tên trên bàn làm việc của tôi. Nó viết: ‘Những trải nghiệm hôm nay là kết quả của những quyết định ngày mai.’”

Dù Langdon cố gắng mở rộng tâm trí của mình để chấp nhận nguyên lý thoái nguyên, ông thấy thật khó khăn để chấp nhận. “Nhưng thời gian chảy ngược lại thì không hợp lý! Phải có một giải thích nào khác.”

“Có đấy, nhưng bạn sẽ không thích nó hơn,” Katherine nói. “Khả năng khác là tất cả những người ‘ý thức phổ quát’ điên rồ đều đúng... và vũ trụ đã biết tất cả mọi thứ. Trong quan điểm này, vũ trụ không bị ràng buộc bởi thời gian tuyến tính như con người cảm nhận. Thay vào đó, nó hoạt động như một toàn thể không có thời gian, nơi quá khứ, hiện tại và tương lai đồng thời tồn tại.”

Đầu Langdon bắt đầu đau. “Còn sách của bạn thì sao? Bạn đang nói về cuộc khủng hoảng tái hiện... và cách nó đeo bám PSI và lý thuyết nhận thức?”

“Đúng, nó như không lĩnh vực nào khác, và điều đó thật không công bằng.” Katherine nhấp một ngụm đồ uống. “Hãy xem xét lĩnh vực thể thao. Nếu một vận động viên có một kết quả Olympic xuất sắc và thiết lập một kỷ lục thế giới—một cái gì đó chưa bao giờ xảy ra trước đây, và mà không ai khác có thể tái hiện—chúng ta không quyết định rằng camera truyền hình đã chơi một trò lừa đảo, hay khán giả đang ảo giác. Chúng ta chỉ đơn giản coi đó là một kết quả đáng chú ý. Chỉ vì bạn không thể thực hiện điều đó hai lần, không có nghĩa là nó không xảy ra.”

“Điểm hợp lý... nhưng đó là thể thao. Đây là khoa học. Tính lặp lại là một phần quan trọng của quy trình khoa học.”

“Đúng, và tôi đồng ý rằng tính lặp lại là một gánh nặng bằng chứng hợp lý ở mức độ vĩ mô. Nhưng ở cấp độ lượng tử, mọi thứ hoạt động khác đi, Robert. Thế giới lượng tử được hiểu là không thể dự đoán. Trên thực tế, sự không thể dự đoán là đặc điểm được đồng ý nhiều nhất!” Một điểm hợp lý nữa, ông nhận ra. “Ngôn ngữ của thế giới lượng tử,” cô nói, nói nhanh hơn bây giờ, “thực sự là ngôn ngữ của sự không thể dự đoán—các sóng xác suất, các dao động lượng tử, các nguyên tắc không chắc chắn, các đường hầm xác suất, hỗn loạn, can thiệp lượng tử, suy giảm, các trạng thái chồng chéo, các tính chất đối ngẫu. Tất

cả điều này dịch ra một cách lỏng lẻo rằng ‘Chúng tôi không biết điều gì sẽ xảy ra vì các quy tắc cổ điển của vật lý không áp dụng!’”

“Được rồi, vậy ý thức—”

“Ý thức không phải là một cơ quan trong cơ thể bạn. Ý thức tồn tại trong lĩnh vực lượng tử. Do đó, nó cực kỳ khó quan sát với bất kỳ sự dự đoán hoặc lặp lại nào. Bạn có thể sử dụng ý thức của mình để quan sát một quả bóng đang nảy, nhưng khi bạn sử dụng ý thức của mình...”

để quan sát ý thức của bạn... bạn sẽ nhận được một vòng phản hồi vô tận. Nó giống như việc cố gắng quan sát màu sắc của chính đôi mắt bạn, mà không sử dụng gương. Dù thông minh hoặc kiên trì đến đâu, bạn cũng không thể biết, vì bạn không thể quan sát đôi mắt của mình bằng chính đôi mắt—giống như bạn không thể quan sát ý thức của mình bằng chính ý thức. “Thú vị. Và bạn trình bày điều này trong cuốn sách của mình?” “Đúng vậy, cùng với lập luận rằng khả năng lặp lại, như một gánh nặng chứng minh, là một yêu cầu quá cao khi nghiên cứu ý thức. Nó đang gây hại cho lĩnh vực này và hủy hoại sự nghiệp.” Langdon không chắc phải đáp lại như thế nào. Đó là một khái niệm hấp dẫn, nhưng trong bối cảnh những gì họ đã trải qua ngày hôm nay, anh đã mong đợi điều gì đó gây tranh cãi hơn... hoặc nguy hiểm hơn... để xứng đáng với sự chú ý mà cô ấy đã thu hút. “Vậy, đây là cốt lõi của... phát hiện của bạn?” “Chúa ơi không!” Katherine cười lớn. “Tôi chỉ đang giải thích tại sao ý thức lại là một sinh vật khó nắm bắt như vậy. Phát hiện của tôi là cụ thể. Tôi đã tìm thấy điều gì đó tuyệt vời thông qua một loạt thí nghiệm.” Cô nghiêng người về phía anh và mỉm cười. “Và để nói thêm, đúng, những thí nghiệm này tôi đã có thể lặp lại.” Tại Tháp Random House, thang máy vang lên, và Jonas Faulkman bước ra trên một bức tranh ghép gạch màu sắc. Tầng bảy giống như bước vào một chiều không gian song song, một nơi mà anh biết sự căng thẳng của mình sẽ tan biến. Ở đây không có những giá sách gọn gàng, tông màu nhẹ, và các đường thẳng mà định nghĩa các tầng khác tại PRH. Tầng bảy là một mê cung uốn lượn của các “pod làm việc” sáng màu được trang trí bằng nghệ thuật hoạt hình, cây cọ có thể bơm hơi, ghế đệm, và thú nhồi bông. Sách thiếu nhi: trang trí vui nhộn. Kinh doanh nghiêm túc. Ngoài việc môi trường của bộ phận này mang lại cảm giác dễ chịu và vui tươi, Faulkman cũng đánh giá cao rằng không có gì trẻ con về máy pha cà phê của nó—một chiếc Franke A1000 với công nghệ FoamMaster—một sự khác biệt lớn so với các viên nén Nespresso ở các tầng khác. Đôi khi, vào cuối đêm, Faulkman thường lén lút vào đây với một bản thảo, pha một ly espresso đôi, và ngồi xuống ghế đệm để chỉnh sửa dưới ánh mắt theo dõi của một chú gấu Pooh khổng lồ bên một bên của phòng chờ và nụ cười tinh nghịch của một chú Mèo trong Mũ cao bảy feet ở bên kia. Tối nay, khi máy xay cà phê của anh hoạt động, Faulkman hít thở mùi hương, cố gắng giảm bớt nỗi lo âu của mình. Việc bắt giữ các điệp viên ở dưới lầu lẽ ra nên là một sự nhẹ nhõm, nhưng anh không cảm thấy thực sự hài lòng; nơi ở của Robert và Katherine vẫn chưa được biết đến, và anh cảm thấy ngày càng tuyệt vọng để biết họ được an toàn. Alex Conan đã giải quyết một câu hỏi gây khó khăn: Ai đã ăn cắp bản thảo của Katherine? Nhưng câu trả lời gây sốc giờ đây lại đặt ra một câu hỏi thứ hai. Tại sao? Jonas Faulkman đã lập một kế hoạch để giải quyết bí ẩn đó. W CHƯƠNG 73 chúng ta cần phải nhanh lên, Langdon nghĩ khi chiếc limousine leo lên những khúc cua dốc của Chotek Gardens. Khu “Prague 6” nơi có nơi ở của đại sứ chỉ cách đây vài phút, và Langdon vô cùng muốn biết mọi điều có thể về cuốn sách của Katherine và phát hiện của cô. Trước khi chúng ta đối mặt với đại sứ, anh nghĩ, vẫn không chắc ai là người đáng tin cậy. Katherine tiếp tục. “Trong mô hình ý thức không địa phương, não của bạn là một loại radio nhận ý thức, và giống như tất cả các radio, nó có vô số kênh tần công nó mọi lúc. Vì vậy bạn có thể ngay lập tức hiểu tại sao một cái radio phải có một núm vặn chỉnh tần số—một cơ chế cho phép nó chọn tần số đơn lẻ nào đó mà nó muốn nhận. Cái radio tự nó có khả năng nhận tất cả các kênh, nhưng nếu không có cách nào để lọc các tần số chảy vào, nó sẽ phát tất cả những tần số đó cùng một lúc. Não người hoạt động theo cách giống như vậy; nó có một loạt các bộ lọc phức tạp để ngăn tâm trí không bị quá tải với quá nhiều kích thích cảm giác... vì vậy nó có thể tập trung vào chỉ một phần nhỏ của ý thức vũ trụ.” Điều đó hợp lý hoàn hảo, anh nghĩ. Sự cảm nhận của chúng ta về ánh sáng và âm thanh được lọc. Langdon biết rằng hầu hết con người không nhận ra rằng họ trải nghiệm chỉ một phần nhỏ của dải tần số thực tế và quang phổ điện từ; phần còn lại trôi qua phía trên chúng ta, ngoài các núm vặn chỉnh của chúng ta. “Chú ý có chọn lọc là một ví dụ điển hình về việc lọc của não,” Katherine nói. “Được gọi là ‘hiệu ứng tiệc cocktail.’ Hãy tưởng tượng bạn đang ở một bữa tiệc đông người với não của bạn chỉ tập trung vào những lời nói từ người đang nói với bạn—và rồi bạn cảm thấy chán, và sự chú ý

của bạn chuyển một cách dễ dàng sang một cuộc trò chuyện thú vị hơn ở cách nửa phòng. Đó là cách mà bạn có thể lọc ra tiếng ồn xung quanh và không bị choáng ngợp bởi mọi giọng nói trong tầm nghe.” Các cuộc họp của giảng viên, Langdon nghĩ, thường bắt gặp mình tập trung vào âm nhạc ở ngoài sân trong khi các đồng nghiệp tranh luận về chương trình giảng dạy hoặc lịch trình. “Sự quen thuộc là một loại lọc khác,” Katherine nói. “Đầu vào cảm giác lặp đi lặp lại bị não của bạn chặn lại một cách hiệu quả đến mức bạn thực sự không thể nghe.

tiếng ồn liên tục của máy điều hòa không khí hoặc cảm giác cặp kính đang ngồi trên mũi bạn. Chiếc bộ lọc đó mạnh đến nỗi chúng ta có thể tìm kiếm trong nhà những chiếc kính mà thực sự ở ngay trước mắt chúng ta, hoặc một chiếc điện thoại đang nằm trong tay.” Langdon gật đầu. Anh chưa cảm thấy chiếc đồng hồ Mickey Mouse trên cổ tay mình trong nhiều thập kỷ. Khái niệm “thực tại đã lọc,” anh biết, là một chủ đề lặp đi lặp lại trong các bản thánh ca cổ xưa. Vedanta Hindu, đã truyền cảm hứng cho những nhà vật lý lượng tử vĩ đại như Niels Bohr và Erwin Schrödinger, mô tả tâm lý vật lý như một “yếu tố giới hạn” chỉ có thể nhận thức một phần nhỏ của ý thức vũ trụ được gọi là Brahman. Các Sufi định nghĩa “tâm trí” như một tấm màn che giấu ánh sáng của ý thức thiêng liêng. Các Kabbalists mô tả klipot của tâm trí như làm che mờ hầu hết ánh sáng của Thiên Chúa. Và các Phật tử cảnh báo rằng cái tôi là một ống kính giới hạn làm cho chúng ta cảm thấy tách biệt khỏi vũ trụ—uni-versum—đúng nghĩa là “mọi thứ như một.” “Và khoa học thần kinh hiện đại,” Katherine tiếp tục, “nay đã xác định cơ chế sinh học thực tế mà qua đó não bộ lọc dữ liệu đầu vào.” Một nụ cười nhẹ nhàng hiện lên môi cô. “Nó gọi là GABA. Axít gamma-aminobutyric.” “Được rồi.” Langdon nhớ rằng hầu hết công trình học hậu đại học của Katherine đã tập trung vào hóa sinh thần kinh của não bộ. “GABA là một hợp chất đáng kinh ngạc—một chất truyền tin hóa học trong não bạn, đóng vai trò rất quan trọng trong việc điều chỉnh hoạt động của não bộ. Nhưng có lẽ không theo cách mà bạn nghĩ. Cụ thể, GABA là một tác nhân ức chế.” “Có nghĩa là, nó cản trở hoạt động của não?” “Đúng vậy. Nó thực sự làm giảm sự hoạt động của tế bào thần kinh và hạn chế tổng thể hoạt động của các tế bào thần kinh. Nói cách khác, GABA ngắt hoạt động của một số phần của não trong nỗ lực để lọc ra những thông tin quá mức. Theo hiểu biết cơ bản của chúng ta, việc lọc GABA đảm bảo não bộ không bị quá tải với quá nhiều thông tin. Trong phép so sánh với radio, GABA giống như bộ điều chỉnh chỉ cho phép tiếp nhận một tần số duy nhất trong khi chặn lại hàng chục tần số khác.” “Cảm giác quá hợp lý cho đến giờ...” “GABA thật sự gây ấn tượng với tôi vài năm trước,” Katherine tiếp tục đầy hào hứng. “Tôi đã đọc rằng não của một em bé mới sinh có mức GABA cực kỳ cao, lọc bỏ mọi thứ ngoại trừ những gì ngay trước mặt nó. Do đó, trẻ sơ sinh gần như không nhận thức được chi tiết nào ở đầu bên kia của phòng. Các bộ lọc hoạt động như một bộ bánh xe tập đi, bảo vệ tâm trí của đứa trẻ khỏi quá nhiều kích thích khi nó phát triển. Khi chúng ta trưởng thành, mức GABA của chúng ta từ từ giảm và chúng ta tiếp nhận nhiều hơn từ thế giới và có được hiểu biết rộng hơn.” Thú vị, Langdon suy nghĩ. Anh luôn tưởng tượng rằng lĩnh vực nhận thức nhỏ bé của một đứa trẻ mới sinh là vì nó không thể nhìn tốt. “Vì vậy, tôi bắt đầu nghiên cứu thêm,” Katherine nói, “và phát hiện rằng các nhà sư Tây Tạng cũng thể hiện mức GABA cực kỳ cao trong khi thiền. Trạng thái thiền dường như gây ra sự gia tăng của chất dẫn truyền thần kinh ức chế, điều này làm ngừng hầu như tất cả sự hoạt động của các tế bào thần kinh, về cơ bản ngăn chặn hầu hết thế giới bên ngoài xâm nhập vào não của họ trong suốt quá trình thiền sâu.” Tâm trí trống rỗng khó nắm bắt, Langdon nghĩ, quen thuộc với mục tiêu của thiền nhưng chưa bao giờ biết đến quá trình hóa học mà qua đó nó đạt được. Nghĩa là làm chặn thế giới...trở về với sự thuần khiết của tâm trí đứa trẻ mới sinh. “Tôi cho rằng kết quả không quá gây sốc,” Katherine nói, “nhưng nó đã cho tôi một ý tưởng—khái niệm về ý thức con người như một tín hiệu...chảy vào não qua một loạt các cổng.” “Cổng mà quyết định lượng thông tin thế giới nào được cho vào.” “Đúng vậy, và khoảng mười tám tháng trước, trong quá trình nghiên cứu thêm về GABA, tôi đã tình cờ phát hiện một bài báo về thần kinh học...do Brigita Gessner viết.” Ah đúng rồi, Langdon nghĩ, điều này đã thúc đẩy lời mời của Katherine để nói chuyện ở Prague. “Bài báo của Gessner,” Katherine tiết lộ, “nói về một chip điều trị động kinh mà cô ấy đã phát minh ra, có thể ngăn chặn một cơn co giật sắp xảy ra bằng cách kích hoạt phản ứng GABA tự nhiên của não, thực sự ‘làm dịu’ các dây thần kinh. Nó thật kỳ diệu. Hóa ra, động kinh là một tình trạng thường liên quan đến mức GABA thấp một cách nguy hiểm, mà đó là cơ chế phanh của não bộ. Khi có quá ít, não của bạn trở nên quá tải, có sự bùng nổ hoạt động tế bào thần kinh, và cuối cùng—” “Một cơn co giật.” “Vâng,” cô nói, nhấp một ngụm Kofola nhanh. “Con bão điện có tính hỗn loạn của một cơn co

giật động kinh hoàn toàn trái ngược với tâm trí trống rỗng tập trung của một nhà sư thiền; những cơn co giật này thường liên quan đến sự thiếu hụt GABA... và thiền thì liên quan đến sự thừa thãi. Tôi đã quen thuộc với tất cả điều này trước đó, nhưng bài báo của cô ấy nhắc nhở tôi rằng các cơn co giật động kinh thường đi kèm với một giai đoạn phục hồi dễ chịu được gọi là hạnh phúc sau cơn co giật—a trạng thái ý thức hòa bình, mở rộng, đi kèm với những cơn bùng nổ của sự kết nối, sáng tạo, khai sáng tâm linh, và trải nghiệm ngoài cơ thể.” Langdon nhớ lại trải nghiệm trước đó của mình với Sasha, cũng như các mô tả được cung cấp bởi vô số những người có tầm nhìn nhận qua lịch sử. “Và đột nhiên tôi thấy mình tự hỏi,” Katherine nói, “làm thế nào mà một bộ não động kinh có thể nhanh chóng chuyển đổi từ cơn bão của một cơn co giật... đến sự bình yên của trạng thái sau cơn co giật.”

“hạnh phúc.” Langdon nhún vai. “Tôi đoán là nồng độ GABA tự nhiên tăng lên... làm dịu cơn bão?” “Đoán hay—cũng là suy nghĩ của tôi—nó được gọi là sự ức chế hồi phục, và quả thực nó xảy ra, nhưng không ngay lập tức. Hóa ra, có điều gì khác xảy ra trước tiên. Não bộ khởi động lại. Toàn bộ hệ thống tắt ngúm. Và khi nó hoạt động trở lại, nó diễn ra từ từ... mua thời gian cho não bộ phục hồi nồng độ GABA, tái kích hoạt các bộ lọc của nó, và bảo vệ bộ não tinh tảo khỏi quá nhiều thông tin đầu vào.” “Nghe giống cách mà chúng ta tỉnh dậy vào buổi sáng... từ từ mở mắt để cho đồng tử có thời gian co lại và lọc ra chút ánh sáng buổi sáng.” “Chính xác! Ngoài trừ trong kịch bản này, chúng ta không bao giờ thấy ánh sáng buổi sáng thực sự, vì khi chúng ta tỉnh dậy, có ai đó đồng thời kéo rèm dày trước cửa sổ của chúng ta để chúng ta không thể thấy điều gì thực sự bên ngoài.” “Và người đó, tôi đoán, là GABA?” “Chính xác. GABA thường đóng rèm kịp thời, trước khi mắt chúng ta mở. Nhưng nếu thời gian bị sai lệch, và rèm không đóng kịp—” “Chúng ta sẽ nhìn thấy một phần thế giới bên ngoài.” “Đúng vậy,” cô nói với nụ cười. “Và rõ ràng điều đó thật đẹp. Thực tại không được lọc. Hạnh phúc sau cơn giật. Tâm thức thuần khiết.” Thật đáng kinh ngạc, anh suy nghĩ, tự hỏi liệu một số “phú quý lóe lên” nổi tiếng trong lịch sử có thể được quy cho một sự cố thời gian... một khoảnh khắc ngăn ngui khi cánh cửa đến thực tại vô tình để hở. “Càng nghĩ về GABA,” Katherine nói, “tôi càng nhận ra rằng GABA là chìa khóa mà tôi đã tìm kiếm...” “Chìa khóa để...” “Chìa khóa để hiểu tâm thức!” cô exclamé. “Con người có những bộ óc cực kỳ mạnh mẽ, nhưng chúng ta cũng có những bộ lọc cực kỳ hiệu quả để ngăn ngừa quá tải thông tin. GABA là chiếc màn bảo vệ ngăn não bộ của chúng ta trải nghiệm những gì mà chúng ta không thể xử lý. Nó hạn chế mức độ mở rộng của tâm thức bạn. Hóa chất duy nhất này có thể là lý do tại sao con người không thể nhận thức thực tại như nó thực sự là.” Langdon ngả người lại trên ghế limousine mềm mại, hấp thụ ý tưởng kích thích. “Bạn đang gợi ý rằng có một thực tại xung quanh chúng ta... mà chúng ta không thể nhận thức?” “Đó chính xác là điều tôi đang gợi ý, Robert.” Đôi mắt cô lấp lánh với sự phấn khích. “Nhưng đó chưa phải là một nửa.” Tại Nghĩa trang Do Thái Cổ, âm thanh của những con phố nhộn nhịp gần đó đã phai nhạt khỏi nhận thức của The Golem... tâm trí anh giờ đây được tắm trong một sự im lặng chào đón. Quý gối, anh hấp thụ sức mạnh của vùng đất thiêng này... lắng nghe tiếng nói của người tiền nhiệm. Với không có quê hương thực sự, The Golem coi nơi này là nhà, ghé thăm từ thời gian này qua thời gian khác khi anh cần sức mạnh. Golem đầu tiên đã điên loạn... nhưng tôi thì mạnh mẽ hơn thế. Những chuyến thăm nơi này luôn làm anh tập trung và bổ sung năng lượng cho bản thân, nhưng hôm nay, anh cảm thấy đặc biệt được gia cố. Khi anh mở mắt và đứng dậy đối mặt với nhiệm vụ trước mắt, một cơn gió nhẹ thì thầm qua nghĩa trang. The Golem nghe thấy tiếng nói của golem nguyên bản... một từ đơn lẻ rì rào trong những cành cây trụi lá trên cao. Sự thật... Anh hình dung những ký tự cổ đại trên trán mình. Sự thật về mục đích của anh trong cõi này là bảo vệ một linh hồn xinh đẹp chưa đủ sức mạnh để tự bảo vệ bản thân. Sự thật là cô sẽ không được an toàn cho đến khi The Golem thực hiện các hành động báo thù của mình. “Chỉ có hai con đường,” cơn gió thì thầm trong những tán cây. “Sự thật hoặc cái chết.” The Golem đã đưa ra lựa chọn của mình rồi. Tôi chọn cả hai. CHƯƠNG 74 Limousine đang tiến gần đến khu phố sang trọng của Bubeneč, và Langdon biết rằng nơi ở của đại sứ không còn xa. Bị mê hoặc bởi những phát hiện của Katherine, anh háo hức muốn nghe tiếp. Có một thực tại xung quanh chúng ta mà chúng ta không thể nhận thức? “Ý tưởng này lần đầu tiên lóe lên trong đầu tôi,” Katherine tiếp tục, “khi tôi nghiên cứu những trải nghiệm sau cơn giật được mô tả bởi những người bị động kinh,” cô giải thích. “Tôi đột nhiên nhận ra rằng những trải nghiệm hạnh phúc của họ rất giống với những báo cáo của một nhóm khác.” Cô tạm dừng, đôi mắt sáng ngời. “Những người đã chết... và trở về.” Trải nghiệm cận tử, Langdon nghĩ, nhận ra rằng cô đúng. Sau chấn thương gần cái chết hoặc một cơn co giật, cả hai nhóm

đều báo cáo cảm giác thoát khỏi cơ thể, một kết nối sâu sắc với mọi thứ, và cảm giác bình yên sâu sắc. “Vì vậy, tôi đã phát triển ý tưởng đó... và tôi đã thiết kế một thử nghiệm bất thường.” Katherine dành cho anh một nụ cười nhẹ nhàng. “Và đây là nơi mọi thứ thực sự trở nên thú vị. Đầu tiên, tôi tìm một bệnh nhân ung thư giai đoạn cuối không xa phòng thí nghiệm của mình—một bác sĩ thần kinh đã nghỉ hưu—người đã đồng ý trải qua quá trình chết của mình trong một loại máy chụp hình mới—một thiết bị cộng hưởng từ quang phổ thời gian thực. Tôi giải thích rằng tôi sẽ có khả năng theo dõi hóa học não của ông từng khoảnh khắc trong khi ông chết. Ông cảm thấy hài lòng với cơ hội cung cấp dữ liệu chính xác mà chúng ta chưa bao giờ có thể đo lường trước đây. Với gia đình ông và nhân viên chăm sóc xung quanh trong một buổi chiều dễ chịu, ông đã qua đời trong khi được quét bên trong chiếc máy không lồ.

“Trong suốt quá trình chết,” Katherine tiếp tục, “tôi thấy mức độ của các chất dẫn truyền thần kinh chính đang tăng nhanh—bao gồm adrenaline và endorphins, hoạt động để giảm đau và giúp cơ thể vượt qua căng thẳng của quá trình chết. Nói cách khác, là sự ngừng hoạt động của các hệ thống cảm giác. Lẽ tự nhiên rằng mức GABA cũng sẽ tăng lên—để lọc bỏ trải nghiệm cái chết khi não bộ ngừng hoạt động.” Katherine mỉm cười. “Nhưng đó không phải là điều đã xảy ra.” “Không sao?” “Điều xảy ra là hoàn toàn ngược lại! Khi anh ấy chết, mức GABA giảm một cách nghiêm trọng! Trong những giây phút cuối cùng, mức GABA gần bằng không, có nghĩa là tất cả các bộ lọc của não bộ đã biến mất. Toàn bộ trải nghiệm cái chết đang chảy vào—với không có gì bị chặn lại!” “Điều đó có... tốt hay xấu không?” “Robert, tôi sẽ nói rằng điều đó thật tuyệt vời! Nó có nghĩa rằng trong quá trình chết, các bộ lọc của não bộ mở ra, và chúng ta trở thành một chiếc radio giúp nghe thấy toàn bộ quang phổ. Ý thức của chúng ta chứng kiến tất cả thực tại!” Katherine nắm lấy tay anh và giữ chặt. “Đó chính là lý do tại sao những người có trải nghiệm cận kề cái chết mô tả cảm giác kết nối toàn vẹn, của hạnh phúc vĩ đại. Hóa học chứng minh điều đó! Khi chúng ta chết, cơ thể chúng ta ngừng hoạt động... và bộ não của chúng ta thức dậy!” Langdon nhớ đến câu mở đầu của một trong những cuốn tiểu thuyết yêu thích của anh. Người ta nói rằng trong cái chết, tất cả mọi điều trở nên rõ ràng. “Hơn nữa,” cô tiếp tục, “trong sáu mươi giây trước khi trái tim của bệnh nhân ngừng đập, não của anh ấy đã ngập tràn những dao động tần số cao mà bao gồm sóng gamma! Những điều này liên quan đến việc hồi phục trí nhớ mạnh mẽ, và mức độ của anh ấy đã cao đến mức không thể tin được.” “Vậy là anh ấy đã... nhớ lại điều gì đó?” “Không, ở những mức độ này, anh ấy đã nhớ lại mọi thứ. Các số liệu gamma chắc chắn gợi ý rằng có sự thật trong huyền thoại tồn tại rằng cuộc sống của bạn diễn ra trước mắt bạn trước khi bạn chết.” Khái niệm về “hồi tưởng toàn bộ cuộc đời,” Langdon biết, xuất hiện trong nhiều tôn giáo; Thiên Thần Từ Thần cho thấy linh hồn tất cả những lựa chọn trong cuộc sống của nó như một hình thức giác ngộ và bài học nghiệp chướng. “Một lúc nào đó,” Katherine nói, “bộ não tự chết, và bộ nhận của chúng ta biến mất. Và niềm tin của tôi, dựa trên các thí nghiệm của mình, là quá trình chết báo trước về những gì nằm phía trước—một loại preview của những điều sắp đến—khả năng nhận thức nhiều hơn những gì chúng ta thường có thể.” “Vậy, khi bộ não cuối cùng chết và không còn có thể nhận thức bất cứ điều gì... có phải đó không phải là sự kết thúc?” Katherine mỉm cười một cách trầm tư. “Chúng ta đã biết từ các trải nghiệm cận kề cái chết rằng cái chết liên quan đến việc giải phóng khỏi hình dạng vật lý của chúng ta... cùng với một cảm giác mãnh liệt về niềm vui và kết nối với tất cả mọi thứ. Nếu chúng ta biết rằng ý thức cá nhân của chúng ta đến từ bên ngoài bộ não—như rất nhiều nghiên cứu về nhận thức hiện nay đã chỉ ra—thì trong tai tôi, điều đó giống như ý thức đơn giản từ bỏ lĩnh vực vật lý vào thời điểm cái chết... và hòa nhập trở lại vào toàn thể. Bạn không còn cần cơ thể của mình để nhận được tín hiệu... bạn chính là tín hiệu.” Langdon cảm thấy rung mình. Linh hồn trở về nhà. Khái niệm này là một khái niệm cổ xưa. Bụi đất về với mặt đất mà nó đã ra đi... và linh hồn trở về với Đức Chúa Trời, Đấng đã cho nó.—Giăng viên 12:7. Mặc dù còn nghi ngờ rằng ý thức có tiếp tục sau cái chết hay không, Langdon không nghi ngờ rằng nếu Katherine đúng về các bộ lọc não bộ hạn chế sự nhận thức của chúng ta về thực tại, phát hiện của cô ấy sẽ thay đổi cuộc sống. Về cơ bản, cô ấy đang cho rằng tất cả con người đều được trang bị phần cứng cần thiết để nhận thấy bản chất thực sự của vũ trụ... và tuy nhiên chúng ta đã được bảo vệ hóa học khỏi việc sử dụng nó... cho đến thời điểm cái chết. “Tất cả điều này thật tuyệt vời,” anh nói. “Ngay cả khi nó tạo ra một trò chơi khốc liệt, vũ trụ.” “Làm sao vậy?” “Chúng ta phải chết để thấy Sự Thật... và khi chúng ta làm điều đó, đã quá muộn để nói cho ai biết những gì chúng ta đã thấy.” Katherine mỉm cười. “Robert, cái chết không phải là con đường duy nhất đến sự giác ngộ. Lịch sử đầy rẫy những bộ não vĩ đại đã tận hưởng những khoảnh

khắc lướt qua một ánh sáng thần thánh mà không ai khác có thể thấy. Hãy xem xét Newton, Einstein, và Galileo, các tiên tri tôn giáo... Những bộ não tuyệt vời này đã có những khoảnh khắc chứng ngộ khoa học và những tiết lộ tinh thần mà, như đã được chứng minh, có thể được giải thích bằng các thuật ngữ khoa học.” “Bạn có nghĩa là bộ lọc của họ đã được hạ xuống?” “Tạm thời, đúng vậy. Và trong khoảnh khắc đó, họ nhận được nhiều thông tin hơn về vũ trụ so với những gì chúng ta có thể thấy.” Langdon nghĩ về nhà khoa học Nikola Tesla, câu nói mà Katherine đã gửi cho anh sau cuộc thảo luận đầu tiên của họ về ý thức không địa phương: Bộ não của tôi chỉ là một bộ nhận. Trong Vũ trụ có một lỗi từ đó chúng ta nhận được tri thức. “Bạn đã bao giờ dùng ma túy chưa, Robert?” Câu hỏi không liên quan làm anh giật mình. “Bạn có coi gin là một loại ma túy không?” Cô cười. “Không, tôi đang nói về các loại thuốc psychedelic—các chất gây ảo giác tạo ra cảm xúc mạnh mẽ và hình ảnh sống động.” Hiển nhiên bạn chưa bao giờ uống đủ gin. “Không.” “Các chất psychedelic như mescaline, LSD, psilocybin—bạn có biết những loại thuốc đó khiến bạn trải nghiệm tất cả những điều đó không?” Langdon chưa bao giờ thực sự nghĩ về điều đó. “Tôi đoán chúng kích thích trí tưởng tượng của bạn?” “Đó là một phỏng đoán hợp lý,” cô nói, “và đó là điều mà hầu hết mọi người nghĩ, nhưng lại không ai nghĩ.”

để sử dụng quang phổ cộng hưởng từ tính thời gian thực nhằm quan sát một tâm trí trong lúc trải nghiệm thuốc gây ảo giác.” “Bạn đã làm điều đó?” Anh hình dung một người đang phê thuốc LSD, bị trói trong ống MRI, với Katherine đứng nhìn. “Tất nhiên là tôi đã làm... đó là bước tiếp theo hợp lý trong nghiên cứu của tôi. Nhiều cơn ảo giác bao gồm trải nghiệm ngoài cơ thể, và tôi đã tự hỏi phản ứng GABA trông như thế nào khi điều đó xảy ra.” “Và?” Katherine giờ đang tỏa sáng. “Như nó đã cho thấy... giống như hào quang thường bị hiểu sai của chúng ta, chúng ta đã nhìn nhận tất cả theo cách ngược lại. Thuốc ảo giác không kích thích các tế bào thần kinh của bạn, như bạn đã đoán - chúng thực hiện điều ngược lại. Những loại thuốc đó, thông qua một loạt các tương tác phức tạp trong mạng lưới chế độ mặc định của não, làm giảm đáng kể mức GABA của bạn. Nói cách khác, chúng hạ thấp các bộ lọc của bạn và cho phép một phổ thực tại rộng hơn chảy vào. Điều đó có nghĩa là bạn không đang ảo giác, bạn thực sự đang nhìn thấy nhiều thực tại hơn. Những cảm giác về sự kết nối, tình yêu và sự khai sáng... là có thật.” Đó là một khẳng định tuyệt vời và Langdon đã cân nhắc điều đó - rằng não bộ có tiềm năng không giới hạn để tiếp nhận ý thức... ngoại trừ việc nó bị khóa trong một cái lồng bảo vệ chỉ có thể thoát ra thông qua cái chết... hoặc, ở mức độ thấp hơn, một cơn động kinh hoặc một số chất kích thích ảo giác nhất định. Chủ đề về các chất ảo giác dường như đang ở khắp mọi nơi những ngày này; các chuyên gia sức khỏe trên khắp phương tiện truyền thông bỗng dưng ca ngợi những phẩm chất của “liều nhỏ” nấm ảo giác, tuyên bố rằng psilocybin là một phương thuốc cho lo âu, trầm cảm và sự phân tâm. Một trong những đồng nghiệp của Langdon tại Harvard, tác giả Michael Pollan, đã thu hút sự chú ý không lâu trước đó với cuốn sách bán chạy số một và bộ phim tài liệu trên Netflix về sức mạnh tích cực của các chất ảo giác, *How to Change Your Mind*. Một ngôi sao khác từ Boston trong lĩnh vực này, Rick Doblin, đã thành lập MAPS - Hiệp hội Đa ngành cho Nghiên cứu Ảo giác - đã quyên góp hơn 130 triệu đô la cho nghiên cứu ảo giác với thành công ấn tượng trong việc điều trị trầm cảm và PTSD. Thế giới mới dũng cảm, Langdon nghĩ, nhớ lại rằng tầm nhìn của Huxley về tương lai đã bao gồm việc tiêm thuốc hạnh phúc có tên là SOMA cho toàn bộ dân số. “Hóa học của ý thức,” Katherine nói, “không chỉ là một bài tập thú vị trong việc tự khám phá... nó có thể là sự chuyển biến mà nhân loại cần để tồn tại. Hãy nghĩ đến sự hỗn loạn và bất đồng của thế giới hôm nay. Hãy tưởng tượng một tương lai mà con người bắt đầu hạ thấp các bộ lọc não của chúng ta và bắt đầu tồn tại với một hiểu biết lớn hơn về thực tại... một cảm giác lớn hơn về sự bao gồm và đoàn kết. Chúng ta có thể thực sự bắt đầu tin rằng chúng ta là một loài thống nhất!” Langdon bị cuốn hút bởi những suy nghĩ phi thường của cô. “Hãy nghĩ về tất cả những trạng thái giác ngộ khó nắm bắt mà chúng ta khao khát,” Katherine nói. “Ý thức mở rộng, kết nối phổ quát, tình yêu vô hạn, khai sáng tinh thần, thiên tài sáng tạo. Tất cả chúng đều dường như ngoài tầm với - là sản phẩm của những tâm trí rất đặc biệt hoặc những trải nghiệm hiếm có. Không đúng! Chúng ta đều có khả năng đó - mọi lúc. Chúng ta chỉ bị chặn hóa học khỏi việc trải nghiệm nó...” Langdon cảm thấy một cơn sóng tình yêu và tôn trọng đối với cô. Katherine có thể đã cách mạng hóa hiểu biết của chúng ta về ý thức con người... và phát hiện ra một bản đồ để mở rộng nó. “Tôi bị sốc, Katherine - công việc của bạn sẽ có tác động sâu rộng,” anh nói, để mọi thứ lắng xuống và cố không bị kéo trở lại thực tế bởi câu hỏi hiển nhiên mà vẫn ám ảnh trong đầu anh. “Tôi biết,” Katherine nói với vẻ mặt nhăn nhó, dự đoán suy nghĩ của anh. “Nó

vẫn không giải thích được tại sao tất cả những điều này xảy ra... tại sao ai đó lại muốn phá hủy bản thảo của tôi.” Chính xác. Câu trả lời cho câu hỏi đó, Langdon nhận ra, sẽ phải chờ đợi. Chiếc limousine vừa rẽ trái và giảm tốc độ tại một cổng đá và một cánh cổng sắt nặng trước tòa đại sứ. Một biển hiệu ghi, □□ □□□□□□ □□□□ □□□□□□ □□□□□□□□ □□□□. Quy trình an ninh rõ ràng không mở rộng đến những người trong chiếc limousine đại sứ, vì cánh cổng đã mở ra và lính Marine ở ngôi nhà gác đá đã dẫn họ vào mà không do dự. Langdon nhìn ra những bức tường bảo vệ xung quanh khuôn viên của tòa nhà và tự hỏi những câu trả lời nào có thể nằm bên trong. Khi chiếc limo uốn lượn theo con đường có hàng cây, anh nhận thấy rằng cánh cổng đã đóng chặt phía sau họ. Một suy nghĩ khó chịu bám chặt lấy anh. Chúng ta đang bước vào một thánh địa... hay một hang sư tử? T CHUÔNG 75 nơi cư trú của đại sứ Mỹ ở Prague - được biết đến với tên gọi Biệt thự Petschek - là một lâu đài Beaux Arts xa hoa mà sự vĩ đại trong kiến trúc Pháp đã truyền cảm hứng cho cái tên địa phương của nó, Le Petit Versailles. Được xây dựng cho Otto Petschek, một nhà công nghiệp Do Thái giàu có đã bị gia đình ông đuổi khỏi Prague bởi sự chiếm đóng của Đức Quốc xã, Biệt thự Petschek đã bị quân đội của cả Đức Quốc xã và Nga xâm chiếm và sinh sống. Là một dấu mốc của lịch sử, biệt thự hiện nay là một điểm nổi bật biểu tượng cho lịch sử đen tối của khu vực này về sự chiếm đóng, áp bức và diệt chủng. Sau khi Hitler tuyên bố ý định biến Prague thành một “bảo tàng của một chủng tộc đã tuyệt chủng,” Biệt thự Petschek đã được chọn làm một “hộp chiến lợi phẩm” cho chiến thắng của Đức Quốc xã. Ông đã ra lệnh rằng tất cả các tác phẩm nghệ thuật và đồ nội thất tốt nhất của Petschek phải được đánh dấu bằng biểu tượng câu chéo, được lập danh mục và cẩn thận lưu trữ trong tầng hầm để trưng bày khi Đức đã chiến thắng.

chiến tranh. Ý nghĩ đó khiến Langdon cảm thấy buồn nôn. Anh nhìn ra ngoài cửa sổ khi chiếc limousine uốn lượn vào lối đi lên một khu vườn rộng lớn, được bao quanh bởi hàng rào sắt cao với các thanh thẳng sắc nhọn và những camera an ninh. Pháo đài này, anh ghi chú, sẽ khó khăn để thoát ra cũng như dễ vào. “Ôi trời ơi,” Katherine thì thầm khi ngôi nhà cao quý hiện ra. “Đây là nhà của đại sứ Mỹ sao?” Được xây dựng trên một đường cong chậm dần, mặt tiền cột thành sang trọng của nó kéo dài gần một trăm yard và cao ba tầng với mái mansard đồng và các cửa sổ có mũi — một cung điện châu Âu, theo đúng nghĩa đen. “Giờ tôi biết tại sao thuế của tôi lại cao như vậy,” Katherine trêu chọc. “Chúng ta nuôi dưỡng các nhân viên chính phủ trong các cung điện tư nhân...” Không đơn giản như vậy, Langdon biết, khi đã đọc cuốn sách của cựu đại sứ Norm Eisen, *The Last Palace*, một chân dung lịch sử chi tiết về ngôi nhà đáng kinh ngạc này. Trên thực tế, nước Mỹ đã chi một khoản tiền khổng lồ để mua lại và phục hồi biệt thự về vẻ đẹp nguyên bản của nó sau chiến tranh, và duy trì nó đã gần một thế kỷ với chi phí lớn. Cách mà nước Mỹ giúp gìn giữ di sản của Praha. Langdon đã gặp Eisen một lần và nhớ lại ông đã chia sẻ một câu chuyện truyền cảm hứng về mẹ của ông, Frieda, một người sống sót sau Auschwitz, người thường nói, “Người Đức đã đưa chúng tôi ra khỏi Tiệp Khắc bằng xe bò, và con trai tôi đã bay trở lại trên Air Force One.” “Tất cả trong một thế hệ,” Eisen đã chỉ ra. Giờ đây, khi chiếc limousine trượt dừng lại dưới cổng cột của biệt thự, người lính thủy quân lục chiến Mỹ ở ghế trước nhảy ra, quanh chiếc xe và mở cửa cho họ. “Xin hãy cẩn thận,” anh ta nói. “Những viên gạch này trơn trượt khi có tuyết.” Một cơn gió lạnh thổi qua khi Langdon và Katherine theo chân người lính vào một phòng chờ nhỏ hình elip, nơi thảm trải có các biểu tượng màu sắc của một con đại bàng Mỹ và lá cờ Mỹ. Ở trên đầu, một chiếc đèn chùm hình trụ tạo ra một mô hình tia mặt trời trên trần nhà và tường, chiếu sáng một bức chân dung nghiêm khắc của đại sứ Mỹ Heide Nagel. Langdon ngay lập tức nhận ra Nagel từ những bức ảnh. Khoảng sáu mươi tuổi, bà là một người phụ nữ trông nghiêm khắc, làn da nhợt nhạt của bà được nhấn mạnh bởi mái tóc đen bóng bẩy, mà bà cắt tỉa thành các tóc mái thẳng tắp. Những bước chân tiến lại gần, và một người đàn ông lớn tuổi, vui vẻ trong bộ vét herringbone đã qua sử dụng bước vào và chào đón họ. Sau khi đã cho người lính ra về, người đàn ông ra hiệu cho Langdon và Katherine theo ông vào trong nhà. Khi họ di chuyển xuống một hành lang rộng, Langdon có thể ngửi thấy mùi thơm của lửa wood, nhưng anh cũng phát hiện ra mùi hương thứ hai lơ lửng trong không khí — mùi bánh quy chocolate chip vừa mới nướng. Tinh tế, Langdon nghĩ, luôn thích thú khi các khách sạn sang trọng làm điều tương tự. Chiến thuật tiếp đãi này đã được phát minh bởi một nhà môi giới bất động sản vào những năm 1950 và bây giờ được triển khai rộng rãi để tạo ra cảm giác thoải mái và “nhà.” Langdon và Katherine theo người đàn ông vào một phòng khách rộng lớn, nơi ông đã ghế cho họ ngồi trước một ngọn lửa vừa được thắp lên. Bàn trước mặt họ có một bàn tiệc nhỏ — các loại bánh ngọt khác nhau, một giỏ trái cây, một ấm cà phê, một chai nước

lớn, hai chai Coca-Cola, và một đĩa bánh quy chocolate chip tự làm mới. “Tôi xin lỗi vì có chút lộn xộn,” người đàn ông nói. “Bà đại sứ vừa nói với tôi rằng bà có khách đến. Bà ấy đang có cuộc gọi và sẽ gặp các bạn trong khoảng mười phút. Bánh quy vừa mới ra lò, nên hãy cẩn thận — chúng nóng.” Nói xong, người đàn ông già rời đi, để lại Langdon và Katherine một mình trước ngọn lửa với một bàn đầy thức ăn. “Chà,” Langdon thăm thì, “chúng ta có thể đang nhảy múa với quý, nhưng ít nhất bà ấy là một chủ nhà tuyệt vời.” Ở trên tầng tại Biệt thự Petschek, đại sứ Nagel cúp máy và nhìn ra cửa sổ bay dài của văn phòng home của bà trong một thời gian dài. Tài sản phủ tuyết nhìn lạ lẫm với bà hôm nay, có vẻ cô đơn. Gần ba năm nay, cung điện này đã là nhà của bà, và khi bà nghĩ về những tháng đầu tiên với tư cách là đại sứ — sự ngây thơ và lạc quan của bà — bà biết cả hai đã tan biến từ lâu trong ánh sáng khắc nghiệt của thực tế. Sự bẽ bối với ÚZSI và Langdon giờ đã là một chương khép lại. Câu chuyện chính thức là Đại úy Janáček đã bịa ra chứng cứ chống lại hai người Mỹ nổi tiếng và, khi biết rằng tội ác của mình đã bị phát hiện, đã nhảy xuống tự vẫn tại Pháo đài Crucifix. Nagel đã đe dọa một cuộc điều tra công khai nếu ÚZSI không tuân thủ yêu cầu của bà để ở xa Pháo đài Crucifix và chỉ thu hồi thi thể của Janáček bằng cách vào dưới đáy thung lũng qua Công viên Folimanka. ÚZSI không có lựa chọn nào khác ngoài việc tuân thủ. Giờ đây, khi quay đi từ cửa sổ, Nagel lại tập trung vào vấn đề chưa được giải quyết tại tay — Robert Langdon và Katherine Solomon. Trên bàn của bà, máy in đang kêu lên, in ra hai tài liệu mà ông Finch vừa gửi cho bà. Hy vọng điều này sẽ hiệu quả. Nagel

lấy lại các trang, vò lấy một cây bút son đen “Đại sứ quán Hoa Kỳ” từ chiếc bàn, và đi xuống để gặp các vị khách. Trong phòng khách, sau khi thưởng thức hai chiếc bánh quy và một tách cà phê mạnh, Langdon cảm thấy phần nào được phục hồi và chấp nhận bất cứ điều gì đang chờ đón họ với đại sứ. Anh đã thông báo cho Katherine rằng họ không nên thảo luận thêm về những suy nghĩ riêng tư của mình một khi họ bước vào nơi ở của đại sứ. Tường có tai. Đáng tiếc, Langdon lo sợ rằng mình có thể đã nói quá nhiều trong chiếc limo, tự hỏi liệu chiếc xe hoa mỹ có một hệ thống liên lạc và nếu có ai đang lắng nghe. Anh chỉ nghĩ đến sự cầu thả của mình khi họ đã đến nơi, khi đã nói chuyện công khai về những ý tưởng ẩn tượng trong cuốn sách của Katherine... và tất nhiên, về thiết bị nghe lén trong chậu hoa tulip ở phòng suite của họ... và sự nghi ngờ ngày càng lớn của Langdon đối với đại sứ quán. Không có gì có thể làm về điều đó bây giờ. Chúng ta sẽ tìm ra chuyện gì đang xảy ra khi gặp đại sứ. Khi họ chờ đợi, Langdon nhìn thấy phòng ăn chính ở phía bên kia hành lang. Anh nhớ lại bộ phim tài liệu mà mình đã xem về ngôi nhà này và một câu chuyện bất thường mà anh đã nghe về những chiếc ghế ăn. Tội tò mò, anh nghĩ, ra hiệu cho Katherine đi theo anh vào căn phòng tiếp theo đến bàn satinwood dài bao quanh bởi những chiếc ghế da cổ điển được trang trí bằng tay. Anh cầm một chiếc, lật ngược nó lại, và lập tức nhận ra mình đang cầm một mảnh lịch sử đen tối. Ở đáy ghế có một chiếc nhãn vàng phai nhạt gắn liền với một sổ danh mục đã được đóng dấu là 206 cùng với các ký hiệu phát xít của Reichsadler Imperial Eagle và swastika. Katherine hít một hơi kinh ngạc khi nhìn thấy điều đó. “Cái quái gì lại ở đây?!” Langdon nâng chiếc ghế lên, xem xét chiếc nhãn kỹ hơn. “Rõ ràng, khi phát xít chiếm lấy Prague và chiếm đóng ngôi villa này, họ đã lập danh sách tất cả các đồ nội thất để chiếm lấy chúng cho việc sử dụng sau này làm các tác phẩm bảo tàng. Những chiếc nhãn này là các sổ danh mục gốc của phát xít. Đại sứ quán đã quyết định giữ chúng lại như một lời nhắc nhở về những t horrors của cuộc chiến.” Một giọng nói cất lên từ phía sau họ. “Tôi thấy ông là một giáo sư về đồ nội thất.” Langdon và Katherine quay lại, nhận ra mình đang đứng trước mặt Đại sứ Hoa Kỳ, Heide Nagel. Mái tóc cắt ngang của cô được nhận ra ngay lập tức từ chân dung trong hành lang. Cô mặc một bộ vest đen quyền lực và một sợi dây chuyền bằng các viên ngọc màu sắc. Đại sứ Nagel chắc chắn không mỉm cười. Langdon lúng túng cố gắng lật chiếc ghế cổ điển. “Xin lỗi vì điều đó,” anh nói, cẩn thận đặt ghế xuống và trượt nó lại vào chỗ cũ bên bàn. “Giáo sư,” đại sứ nói một cách căng thẳng, “nếu có lời xin lỗi nào, thì đó là của tôi. Theo như tôi biết, chính phủ Hoa Kỳ nợ các bạn một lời giải thích vì một chuyện hết sức nghiêm trọng.” Chương 76 chính phủ Hoa Kỳ nợ chúng ta một lời giải thích? Langdon cảm thấy mất phương hướng khi anh và Katherine theo chân đại sứ dọc theo một hành lang cong thanh lịch chạy dọc theo cánh phía nam của Villa Petschek. Lời giới thiệu mang tính xin lỗi của đại sứ đã làm Langdon giật mình, người đã đến đây với tinh thần cao và trong tâm trạng không muốn tin tưởng ai cả. Tuy nhiên, lúc này, khoảnh khắc ám áp đã qua đi. Đại sứ Nagel bước đi với một mục đích đầy cường độ mà cảm thấy khẩn cấp, chính thức, và kỳ lạ không hợp với chính ngôi nhà riêng của mình. Cô không đưa ra bất kỳ bình luận nào khi họ đi qua một phòng nhạc,

một phòng ngồi theo chủ đề vàng, và một phòng kính với tầm nhìn ra sân thượng và vườn mùa đông. Khi họ đến cuối hành lang, cô đã đẩy qua một bộ cửa đôi gương vào một thư viện nhỏ. “Đây là không gian riêng tư nhất trong ngôi nhà,” cô nói, lần đầu tiên cất tiếng nói kể từ khi rời khỏi phòng ăn. “Đây là nơi tôi thực hiện tất cả các cuộc gọi riêng tư của mình. Tôi nghĩ chúng ta sẽ nói chuyện ở đây.” Thư viện âm cúng với tường bằng gỗ có mùi da và cigar. Được bao quanh bởi các kệ sách chất đầy sách cổ điển, căn phòng tập trung vào một đôi ghế sofa màu xanh đối mặt nhau dưới một chiếc đèn chùm mạ vàng. Ở góc, một chiếc ghế câu lạc bộ đã qua sử dụng với một bàn bên hình bát giác được đặt bên cửa sổ để đọc sách. Lò sưởi bằng đá cẩm thạch của thư viện không có lửa và được đặt với những khúc gỗ birch trắng tinh khiết. Theo bước đại sứ, Langdon và Katherine chiếm chỗ ngồi trên một trong những chiếc sofa, với đại sứ đối diện họ ở bên kia. Cô đã mang theo một số tài liệu, mà bây giờ cô đặt xuống mặt bàn cà phê giữa họ. Cô đặt một cây bút chính thức của đại sứ quán lên giấy tờ, ngồi lại, đan tay vào lòng, và thở ra. “Tôi sẽ bỏ qua những lời xã giao,” cô bắt đầu. “Trước tiên, tôi sẽ nói với các bạn rằng tôi rất nhẹ nhõm khi thấy các bạn đều an toàn. Tình huống của quý vị với ÚZSI, ông Langdon, là vô cùng nguy hiểm, và tôi rất vui vì đã có thể bảo vệ các bạn.” Cảm ơn bạn... tôi nghĩ vậy? Langdon không hoàn toàn chắc chắn rằng anh đã an toàn hơn. Đại sứ nhìn họ.

cả một khoảnh khắc, như thể để chắc chắn rằng họ đã chú ý đầy đủ. “Tôi đã mang các bạn đến nhà tôi hôm nay để nói, trực tiếp, những điều cần phải nói. Đơn giản mà nói... tôi xin lỗi. Thay mặt cho chính phủ Hoa Kỳ, tôi muốn xin lỗi. Các đại sứ quán của chúng tôi được thành lập để bảo vệ công dân và lợi ích của Mỹ ở nước ngoài. Là đại sứ, tôi đã tuyên thệ để làm điều đó, và tôi rất nghiêm túc với lời thệ. Tôi rất tiếc phải thông báo với các bạn rằng vài ngày trước, trong nghĩa vụ thi hành lời thệ đó để bảo vệ lợi ích của Mỹ, tôi đã được chỉ thị sắp đặt một thiết bị giám sát âm thanh trong phòng khách sạn của các bạn.” Thề là đã rõ, Langdon nghĩ, choáng váng khi hình dung về những bông tulip và tấm thiệp viết tay từ đại sứ. Nghi ngờ của tôi là đúng. Người phụ nữ trên cầu Charles không phải là một điệp báo, mà là một kiểu biểu diễn kỳ quái nào đó nhằm phản hồi lại việc ai đó nghe lén giấc mơ của Katherine. Nhưng tại sao?! “Mệnh lệnh giám sát đến từ cấp trên của tôi,” đại sứ nói, “và tôi đã tuân theo. Tôi cho rằng đó là vì sự bảo vệ của các bạn, và tôi không hề biết rằng thông tin thu được sẽ được sử dụng theo cách khiến cả hai bạn gặp nguy hiểm. Điều đó là không thể chấp nhận, và tôi nhận trách nhiệm hoàn toàn.” Katherine nhìn Langdon, sự phẫn nộ hiện rõ trên mặt cô. “Vậy là các người đã gắn thiết bị nghe lén trong phòng khách sạn của chúng tôi?” Katherine yêu cầu, không ngăn ngại che giấu cơn giận. “Trước khi bạn quá phẫn nộ,” đại sứ đáp, giọng điệu trở nên cứng rắn, “thời gian hiện tại đầy nguy hiểm trên thế giới. Tôi có thể đảm bảo với bạn rằng không ai quan tâm đến thói quen trên giường của các bạn hay những cuộc trò chuyện riêng tư. Thiết bị giám sát được đặt ở đó vì lý do an ninh quốc gia.” “Thưa đại sứ, với tất cả sự tôn trọng,” Langdon nói càng điềm tĩnh càng tốt, “có vẻ chúng tôi không giống một mối đe dọa an ninh quốc gia?” “Thưa Giáo sư, với tất cả sự tôn trọng,” cô phản bác, “nếu bạn nghĩ rằng các mối đe dọa an ninh quốc gia có một hình dạng cụ thể, thì bạn ngây thơ hơn những gì hồ sơ của bạn gợi ý. Tôi đang đề nghị một lời xin lỗi và một số thông tin minh bạch về những gì đã xảy ra với bạn sáng nay, và tôi khuyên bạn nên làm việc với tôi. Thời gian của chúng ta không nhiều, và có những khía cạnh trong tình huống của bạn mà cả hai bạn cần phải hiểu rõ.” Langdon không nhớ đã từng bị khiển trách một cách súc tích như vậy. “Đã hiểu. Xin mời... tiếp tục.” “Đầu tiên,” Nagel nói, “tôi biết, Tiến sĩ Solomon, rằng bạn đã viết một cuốn sách sẽ được xuất bản sớm. Điều bạn cần hiểu là có những thực thể quyền lực tin rằng cuốn sách này, nếu được xuất bản, sẽ gây ra một rủi ro lớn cho an ninh quốc gia.” “Như thế nào?” Katherine hỏi. “Đó là một cuốn sách về ý thức con người!” Đại sứ nhún vai. “Đó không phải là thông tin mà tôi đã nhận được. Tuy nhiên, người biết thông tin đó đang đến Prague sớm để nói chuyện với cả hai bạn.” Langdon ngạc nhiên. “Nói chuyện với chúng tôi—hay thậm chí chúng tôi?” “Tôi đoán là một chút của cả hai,” Nagel trả lời, ánh mắt cô vẫn giữ vững. “Tôi cam kết bảo vệ các bạn, nhưng quyền lực của tôi có hạn.” “Hạn chế đến mức nào?” Katherine hỏi. “Cô là đại sứ của Mỹ.” Heide Nagel cười mệt mỏi. “Các nhà ngoại giao đến và đi, Tiến sĩ Solomon. Các lực lượng thường trực trong chính phủ là những người đưa ra quyết định thực sự, và tôi rất tiếc phải thông báo rằng đó chính là những lực lượng mà các bạn đang phải đối mặt.” Vài suy đoán hiện lên trong đầu, và Langdon cảm thấy ngày càng lo lắng. “Tôi đã bị cấm thảo luận về bất cứ điều gì cụ thể hơn mà không trình bày những điều này.” Cô cúi xuống và lật sang hai trang giấy mà cô đã đặt trên bàn cà phê, trượt một trang trước mặt mỗi người cùng với cây bút.

“Thỏa thuận giữ bí mật tiêu chuẩn—một lời hứa để giữ bí mật cuộc trò chuyện mà bạn sẽ có với người đàn ông đến sớm. Khi bạn ký những điều này, tôi có thể tóm tắt cho bạn biết mọi thứ tôi biết.” Một thỏa thuận NDA một trang? Langdon nghĩ. Kể từ khi nào mà các luật sư hoàn thành điều gì đó trong một trang? Langdon không phải là luật sư, nhưng anh nghi ngờ rằng một NDA ngắn gọn như vậy sẽ phải có một sự loại trừ tổng thể cho tất cả các chủ đề được bàn thảo. Tối hoàn toàn. Cũng có sự trùng hợp kỳ lạ khi Gessner cũng đã yêu cầu họ ký một NDA. Katherine định lấy tài liệu, nhưng Langdon, không rời mắt khỏi đại sứ, nhẹ nhàng đặt tay lên cổ tay Katherine, ngăn cô lại. “Thưa đại sứ, vì tình huống này rõ ràng liên quan đến cuốn sách của Katherine, cô ấy không thể ký những điều này mà không nói chuyện với một luật sư, hoặc ít nhất là với biên tập viên của cô ấy. Nếu chúng ta có thể nhanh chóng sử dụng điện thoại, có thể—” “Đó là một yêu cầu hợp lý,” cô ngắt lời, “nhưng tôi không thể đáp ứng. Người đến nói chuyện với các bạn đã đưa cho tôi một chỉ thị rõ ràng cấm bất kỳ liên lạc bên ngoài nào cho đến khi các NDA được ký và ông ấy nói chuyện với các bạn.” “Người này là ai?” Katherine hỏi. “Ông ta được gọi là Mr. Finch, và đây là các NDA của ông ấy. Bạn có thể đọc chúng, tất nhiên.” “Không cần đâu,” Langdon nói. “Tôi đoán là nó ghi rằng bất cứ điều gì chúng tôi

“Các thông tin mà chúng ta thảo luận trong cuộc họp này không bao giờ được tiết lộ ra ngoài căn phòng này.” Nagel gật đầu, bắt đầu có vẻ sốt ruột. “Đó thường là mục đích của một thỏa thuận không tiết lộ.” “Người đàn ông nào đó tên Finch,” Langdon nói, “nếu anh ta đến mức không thể cho phép chúng ta sử dụng điện thoại, thì tôi hy vọng cô có thể hiểu tại sao chúng tôi khó có thể mù quáng tin tưởng vào yêu cầu này. Tôi nghĩ tốt nhất là Katherine và tôi nên trở về khách sạn ngay bây giờ.” Katherine trông ngạc nhiên bởi nhận xét đó, giống như Đại sứ Nagel, người mà lớp vỏ ngoại giao của cô bắt đầu nứt vỡ. “Nếu cô thực sự muốn rời đi,” Nagel tuyên bố một cách sắc bén, “tôi không có thẩm quyền hoặc mong muốn giữ cô lại trái với ý muốn, nhưng tôi không nghĩ là việc rời đi là lợi ích tốt nhất cho cô.” Cô dừng lại, khóa đôi mắt vào Langdon. “Nói thẳng ra, tôi không chắc là ngoài kia có an toàn cho cô.” “Nói một cách công bằng,” Langdon đối đáp, “tôi không chắc rằng chúng tôi cảm thấy hoàn toàn an toàn ở đây.” Biểu cảm của Nagel giờ đây là sự pha trộn giữa bối rối và phẫn nộ. “Giáo sư, tôi đã hy vọng rằng việc tôi thừa nhận về việc nghe lén phòng khách sạn của cô có thể mang lại cho tôi một chút thiện cảm và lòng tin, nhưng trong bối cảnh—” Một tiếng ping trống rỗng từ điện thoại của Nagel cắt ngang không khí. Bực bội, cô rút thiết bị ra và đọc tin nhắn đến. Biểu cảm của cô biến chuyển từ khó chịu sang hoảng hốt rõ ràng. Cô thở hổn hển và che miệng, đứng bật dậy, đôi mắt mở to tràn đầy cảm xúc. “Tôi...xin lỗi,” cô lắp bắp, tự giữ thăng bằng bên cạnh chiếc bàn. “Tôi cần mười phút. Tin nhắn này...tôi xin lỗi.” Nói xong, đại sứ vội vã rời khỏi cửa, tiếng bước chân nhanh chóng vang vọng trong hành lang đá cẩm thạch khi cô rời đi. Katherine trông hoảng hốt. “Tôi không nghĩ đó là một hành động giả vờ.” Langdon cũng có ấn tượng giống vậy, mặc dù chính trị và diễn xuất thường gần gũi hơn bất kỳ ai muốn thừa nhận. “Cô đã rất ngắn gọn với cô ấy, Robert,” Katherine trách móc, rõ ràng ngạc nhiên trước sự kháng cự của Langdon đối với việc ký các tài liệu. “Cuối cùng, cô ấy đã đưa ra một điểm hợp lý—cô ấy đã nói cho chúng ta biết về việc có thiết bị nghe lén.” “Cái thiết bị mà tôi đã nói với cô trong khi chúng ta ở trong chiếc limousine của đại sứ. Tôi nghi ngờ rằng đại sứ, hoặc có thể là ông Finch, đã nghe lén cuộc trò chuyện đó và nhận ra rằng họ không còn cách nào khác ngoài việc nói cho chúng ta những gì chúng ta đã biết. Tôi phải thừa nhận, đó là một cố gắng thông minh để lấy lòng tin của chúng ta.” Môi của Katherine căng lại thành một nụ mỉm không vui. “Ồi Chúa ơi, cô thực sự nghĩ rằng cô ấy đã nghe lén cả chiếc limo của mình sao? Cô và tôi đã nói về...rất nhiều điều.” “Tất cả những gì tôi biết,” Langdon trả lời, nhặt một trong các tài liệu lên, “là những bản NDA này là một cái bẫy.” Anh quét văn bản, xác nhận những nghi ngờ của mình. “Cái này cơ bản nói rằng bất cứ điều gì chúng ta thảo luận với ông Finch đều ngay lập tức bị phân loại. Tất cả những gì anh ta phải làm là đề cập đến các chủ đề trong cuốn sách của cô mà anh ta quan tâm, và cô không bao giờ có thể nói hay viết về chúng nữa. Cô sẽ bị cấm hợp pháp không được xuất bản cuốn sách này. Mãi mãi.” “Họ có thể làm điều đó sao?!” “Chắc chắn rồi, nếu cô ký vào tờ giấy này.” Langdon có một người bạn đã viết một tiểu thuyết kịch tính về một công ty công nghệ lớn, chỉ để bị chặn xuất bản vì anh ta đã ký một “NDA tiêu chuẩn” trước khi tham quan các văn phòng của công ty đó. “Chà...” Katherine nói, nhìn vào khoảng không. “Bản NDA này đã trả lời một câu hỏi mà tôi đã có trong cả ngày.” “Câu hỏi nào vậy?” Cô quay lại nhìn anh. “Robert, khi tôi biết ai đó đang cố gắng tiêu hủy tất cả các bản sao của bản thảo của tôi, tôi cứ tự hỏi tại sao họ không lo lắng rằng tôi sẽ chỉ

viết lại cuốn sách. Bây giờ chúng ta đã biết. Họ nghĩ tôi sẽ không được phép làm điều đó.” “Đúng vậy,” Langdon nói. “Và tôi không thích thực tế là chúng ta đang ở một nơi ở riêng tư thay vì đại sứ quán Hoa Kỳ.” Anh chỉ tay ra ngoài cửa sổ về phía những hàng rào bảo vệ cao bao quanh bất động sản. “Hãy nghĩ về nó. Không có lối thoát, chúng ta không thể sử dụng điện thoại, và một người lạ kỳ lạ đang đến để nói chuyện với chúng ta. Ở đây? Trong một ngôi nhà riêng? Người mà có thể ra lệnh cho một đại sứ Hoa Kỳ đặt thiết bị nghe lén?” Đôi mắt nâu diễn cảm của Katherine hiếm khi lấp lánh sự sợ hãi, nhưng rõ ràng giờ đây có sự lo lắng trong đó. “Điều làm tôi lo lắng,” cô nói, “là không ai biết chúng ta đang ở đây. Và chúng ta thậm chí không biết liệu Jonas có an toàn hay không.” Langdon đứng dậy. “Đó là lý do tại sao tôi sẽ giết hai con chim bằng một viên đá.” Cô nhìn anh với ánh mắt kỳ lạ. “Ý cô là ‘viên đá’?” Không, tôi nói điện thoại. Langdon đi về phía chiếc ghế bành cổ điển, mà anh đã nhận thấy phần đệm da của nó đã bị lõm sâu vì sử dụng. “Cô ấy nói thư viện này là căn phòng riêng tư nhất trong ngôi nhà... và nơi cô ấy thực hiện tất cả các cuộc gọi. Vậy điện thoại của cô ấy ở đâu?” “Cô ấy có một cái di động,” Katherine nói. Langdon lắc đầu. “Cô ấy đã nói với tôi rằng các đường dây cố định là yêu cầu cho tất cả các công việc chính thức.” Ngồi xuống chiếc ghế da đã cũ, Langdon nhìn xung quanh, mắt dừng lại ở chiếc bàn bên kỳ lạ—một hình trụ bát giác với kiểu dáng Beaux d’art.

Thiết kế nghệ thuật rất phổ biến vào cuối thế kỷ 19 trong thời kỳ cấm rượu. Nằm chặt mép bàn, anh nâng lên. Mặt bàn mở ra để lộ ra khoang bên trong. Như Langdon đã tưởng tượng, cái tủ này không chứa rượu giấu kín, mà thực ra là điện thoại cố định của đại sứ. Anh với tay vào, nâng nó lên và đặt chiếc điện thoại lên đùi mình. “Bạn thật ngớ ngẩn,” Katherine nói. “Đoán may.” Langdon nâng ống nghe lên tai, nghe thấy tiếng tín hiệu. “Bạn có thật sự nghĩ rằng bạn nên sử dụng chiếc điện thoại này không?” Katherine nhìn có vẻ lo lắng. “Tại sao không?” anh trả lời, vừa quay số. “Nó có thể là đường dây an toàn nhất trong nước.”

CHƯƠNG 77

Nhờ vào ly espresso double, Jonas Faulkman giờ đã rời khỏi tầng xuất bản dành cho trẻ em và quay lại văn phòng với một nhiệm vụ rõ ràng—tìm ra chính xác lý do tại sao bản thảo của Katherine lại bị tấn công, đặc biệt là bởi một thực thể mạnh mẽ như vậy. Alex Conan đã gia nhập cùng anh, hào hứng giúp đỡ—ít nhất cho đến khi sếp của anh triệu tập anh cho cuộc thẩm vấn không thể tránh khỏi. Faulkman ngồi ở máy tính bàn, còn kỹ thuật viên ngồi đối diện với một chiếc laptop mới. Họ vừa mới bắt đầu làm việc thì tiếng chuông vang lên dồn dập từ điện thoại văn phòng của Faulkman phá tan sự im lặng. Một cuộc gọi công việc lúc 5:15 sáng? Faulkman tự hỏi. Khi thấy ID người gọi là một sàn giao dịch châu Âu, anh lao đến điện thoại và nhấn nút loa. “Alo?!”

“Jonas!” Giọng nam trầm quen thuộc của Robert Langdon vang lên trong phòng. “Cảm ơn Chúa, bạn an toàn! Tôi đã thử điện thoại di động và số nhà của bạn. Bạn đang làm gì ở văn phòng sớm vậy?!”

“Chúa ơi, Robert...” Trái tim Faulkman đập mạnh. “Chúng tôi tưởng bạn...”

“Tôi biết những gì bạn nghe,” Langdon nói, “Katherine đã nói với tôi, nhưng chỉ có điện thoại của tôi là bị dìm, không phải tôi.”

“Katherine đang ở với bạn?”

“Cô ấy ở đây, và chúng tôi đều vui mừng khi nghe thấy giọng bạn. Lần cuối cùng chúng tôi nghe, bạn đã mất tích.”

“Đó là một câu chuyện dài kể bên ly martinis,” Faulkman nói. “Như bạn có thể biết, bản thảo của Katherine đã mất. Chúng tôi bị tấn công mạng, và nó đã bị xóa ngay khỏi hệ thống PRH.”

“Tôi nghe rồi. Có khả năng nào phục hồi bản sao lưu từ máy chủ không?” Faulkman nhìn Alex, người đang lắc đầu. “Nó đã bị xóa sạch,” Faulkman trả lời chán nản. “Tôi không biết nói gì.” Langdon thờ dãi. “Giá mà họ không xóa cuốn sách cuối cùng của tôi thay vào đó.” Khắc nghiệt nhưng đúng, Faulkman nghĩ. Cuốn sách cuối cùng của Langdon—*Symbols, Semiotics, and the Evolution of Language*—đã nhận được nhiều phản hồi tích cực nhưng không bao giờ tìm được khán giả bên ngoài học thuật. “Tôi được biết Katherine đã in một bản sao cứng của bản thảo. Điều đó có đúng không?”

“Có... nhưng chiếc đó cũng đã mất.” Faulkman hít một hơi sâu. “Được rồi, hãy tập trung vào những gì quan trọng—các bạn đều an toàn. Chúng ta có thể giải quyết sách sau.”

“Thực ra, đó là lý do tôi gọi,” Langdon nói. “Tôi thực sự không chắc rằng chúng tôi an toàn. Chúng tôi đang ở với đại sứ Mỹ tại nơi ở riêng của cô ấy, nhưng đây là một tình huống đặc biệt. Tôi thậm chí

không nên gọi—”

“Chờ đã! Bạn đang ở với đại sứ Mỹ?!” Faukman cố gắng không để âm thanh của mình có vẻ hoảng loạn. “Robert, tôi sẽ rất cẩn thận trong việc tin tưởng bất kỳ ai trong chính phủ của chúng ta. Kỹ thuật của chúng tôi ở đây đã lần ra những hacker PRH quay trở lại một tổ chức cực kỳ mạnh mẽ.” Anh nhớ lại cái tên lạ mà Alex đã gõ trước đó tại Trung tâm An ninh PRH. “Tổ chức này được gọi là In-Q-Tel.”

“Chưa từng nghe về họ.”

“Tôi cũng vậy. Từ tất cả những gì tôi biết, họ là một công ty đầu tư mạo hiểm cực kỳ có tiềm lực tài chính phát triển các công nghệ tiên tiến, chủ yếu hoạt động bên ngoài tầm nhìn, vì vậy không có gì ngạc nhiên khi bạn không biết họ là ai.”

“Nhưng điều đó thật vô lý,” Langdon lập luận. “Các công ty đầu tư mạo hiểm không thuê hacker và nhân viên tác chiến.”

“Tôi tin rằng cái này thì có. Bạn có thể chưa nghe về In-Q-Tel, nhưng bạn chắc chắn đã nghe về tổ chức mẹ của họ.”

“Tổ chức đó là ai?” Faukman thở dài nặng nề. “Một nhóm nhỏ gọi là CIA.”

Dòng điện thoại trở nên im lặng. Tôi biết, Faukman nghĩ, hồi tưởng lại phản ứng choáng váng của chính mình. “Đây là tất cả những gì tôi biết,” Faukman tiếp tục. “CIA sở hữu và điều hành In-Q-Tel như một công ty đầu tư mạo hiểm tư nhân để âm thầm đầu tư vào các công nghệ liên quan đến an ninh quốc gia. Họ kiểm soát hàng trăm bằng sáng chế công nghệ cao, cũng như sở hữu phần lớn một số công ty công nghệ mới táo bạo nhất.” Biên tập viên đã quay lại máy tính của mình, kéo lên màn hình mà anh vừa mới đọc. “Các nhà phê bình của họ—hầu hết là trong các công ty đầu tư đối thủ—thường phàn nàn rằng việc In-Q-Tel liên kết với cỗ máy tình báo Mỹ đã mang lại cho họ, và tôi trích dẫn, ‘một sự linh hoạt đáng lo ngại trong cách họ theo đuổi mục tiêu của mình.’ Có điều gì đó khiến tôi nghĩ rằng chúng tôi đã chứng kiến một số sự linh hoạt đó tối nay.”

“Đáng kinh ngạc,” Langdon thì thầm, có vẻ bị chấn động. “Ai biết tại sao CIA lại nhắm đến cuốn sách của Katherine, nhưng xem xét tất cả những gì đã xảy ra, dấu ấn của họ dường như có mặt ở khắp nơi trong chuyện này—”

“Bạn đang đùa tôi!” Alex kêu lên, vẩy tay loạn xạ và xoay chiếc laptop của mình để Faukman có thể thấy màn hình. “Nhìn cái này đi!”

Chiếc laptop hiển thị một trang Wikipedia, mà dường như Alex đã mở.

sau khi nghe Langdon nhắc đến đại sứ. Wikipedia: Heide Nagel: Đại sứ Mỹ tại Cộng hòa Séc: Trích dẫn dài nhiều trang và được đánh dấu bằng một loạt những điểm nhấn gạch dưới, làm nổi bật kết quả của cuộc tìm kiếm tài liệu mà Alex vừa tiến hành. ...Nagel được CIA tuyển dụng ngay sau khi ra trường từ NYU Law... ...giám sát cố vấn chính sách của CIA... ...được thăng chức lên cố vấn pháp lý của CIA tư vấn cho giám đốc cơ quan... ...nghỉ hưu khỏi CIA để làm đại sứ... “Ôi trời ơi, Robert...” Faukman thì thầm vào điện thoại. “Ra khỏi ngôi nhà đó! Ngay bây giờ!” U CHƯƠNG 78 trên lầu trong phòng tắm lớn của mình, Đại sứ Nagel nắm chặt hai bên bồn rửa đá cẩm thạch và nôn. Tin nhắn mà Dana vừa gửi đến chỉ có bốn từ. □□□□ □□ □ □□□□ □□ □□ □. Trong lòng hoảng sợ, đại sứ ngay lập tức xin phép rời đi và gọi cho Dana, người đã lúng túng qua một bản cập nhật nước mắt, hoảng loạn. Rõ ràng, Dana và vệ sĩ Thủy quân Lục chiến của cô đã tìm thấy căn hộ của Sasha không bị khóa. Kerble đã vào để đảm bảo mọi thứ an toàn và ngay lập tức bị đối mặt với một xác trên sàn hành lang. Xác chết bị siết cổ của Michael Harris. Không có dấu vết của Sasha Vesna hay bất kỳ ai khác. Bất chấp những cơn sóng cảm xúc mà Nagel cảm thấy, cô vẫn giữ bình tĩnh đủ lâu để ra lệnh cho Kerble giữ an toàn căn hộ và gọi một đội khám nghiệm hiện trường để thu hồi thi thể. Và hãy giữ im lặng về chuyện này! Điều cuối cùng mà Nagel cần là báo chí bùng nổ với những tiêu đề về vụ sát hại một viên chức lãnh sự trên đất nước khác. Không phải hôm nay. Dù bất cứ điều gì đã xảy ra trong căn hộ đó, lệnh đầu tiên của cô là nhân viên của mình. Michael. Nagel cảm thấy ốm. Máu của anh ta đang ở trên tay tôi. Cô nhìn vào gương nhà tắm của mình lúc này, tràn ngập guilt và hối tiếc... không chỉ vì Michael, mà vì tất cả mọi thứ đã xảy ra trong ba năm qua kể từ khi đến Prague... Không giống như nhiều đại sứ đã đạt được sự bổ nhiệm mà họ mong muốn bằng cách quyên góp một khoản tiền nhỏ cho ứng cử viên tổng thống chiến thắng, Heide Nagel đơn giản chỉ là ở đúng nơi đúng thời điểm. Hoặc là sai vị trí, như đã xảy ra. Vài năm trước, trong thời gian làm cố vấn pháp lý cho CIA, một hồ sơ quan trọng của các tài liệu mật đã bị thất lạc cho

đến khi một đội tác chiến của cơ quan đột nhập vào nhà cô và tìm thấy hồ sơ đó bị chôn vùi trong ngăn kéo bàn. Không ngạc nhiên, Nagel đã được đưa lên tầng cao nhất của Langley để họp với thủ lĩnh của cơ quan. Giám đốc CIA Gregory Judd là một cựu thượng nghị sĩ Mỹ có thái độ trầm lặng và suy nghĩ, mặc dù nổi tiếng với việc không tha thứ cho bất cứ điều gì dưới tiêu chuẩn hoàn hảo. Những người trong CIA nói Judd biết nơi nào có những xác chết bị chôn, vì ông đã chôn nhiều trong số đó. “Sự thiếu trách nhiệm nghiêm trọng hay phản bội?” giám đốc yêu cầu khi cô bước vào văn phòng của ông. “Đó là một sai lầm cầu thả, thưa ngài,” cô trả lời một cách trung thực. “Hồ sơ đó chắc chắn đã bị nhầm lẫn với các tài liệu công việc của tôi. Tôi không hề biết nó còn nằm trong tay mình.” Giám đốc quan sát cô trong một khoảnh khắc dài. “Tôi có xu hướng tin bạn, nhưng rõ ràng bạn không thể tiếp tục làm cố vấn pháp lý cho đến khi chúng tôi làm rõ chuyện này có thể xảy ra như thế nào. Tôi đang cho bạn nghỉ việc không xác định và chuyển chuyện này cho IG để điều tra.” “Thưa ngài, tôi thực sự—” “Có hiệu lực ngay lập tức,” ông công bố, ánh mắt không nhượng bộ. “Đây là một món quà, cô Nagel, và tôi rất khuyên bạn nên chấp nhận nó trước khi tôi thay đổi ý định.” Một tuần sau, Heide Nagel vẫn ở nhà, ngột ngạt trong sự buồn chán và tình trạng nghề nghiệp lập lờng. Những đứa trẻ của cô đã lớn, và căn hộ “sang trọng” sau khi ly hôn của cô thì trống vắng và chán nản, mặc dù cô chưa bao giờ nhận ra điều này cho đến giờ vì cô đã dành hầu hết thời gian thức của mình cho công việc. Cuộc sống của tôi đã kết thúc, cô nhận ra. Tôi là hàng hóa bị hư hỏng. Ở tuổi sáu mươi ba, Nagel vẫn còn quá trẻ và đầy tham vọng để nghỉ hưu, nhưng cũng đã quá già để treo băng hiệu và bắt đầu một văn phòng luật sư. Cô tự hỏi mình sẽ làm gì với cuộc đời này. Nhóm đọc sách? Hẹn hò trực tuyến? Tất cả đều nghe như địa ngục. Rồi đến một cuộc gọi mà cô chưa từng mong đợi. Giám đốc đã gọi hai tuần sau trong một biểu hiện hiếm hoi của lòng chân thành. “Tôi cảm thấy tồi tệ về cách mà chuyện này diễn ra, Heide, và tôi hy vọng sẽ làm điều đúng.” Điều đó là không thể, cô nghĩ. “Như bạn có thể biết,” Judd nói với cô, “tổng thống đắc cử và tôi là những người bạn cũ từ trường cấp ba. Ông ấy đã gọi cho tôi sáng nay để hỏi ý kiến về việc bổ nhiệm một số vị trí quan trọng— bao gồm cả đại sứ Mỹ tại Cộng hòa Séc. Tôi đã nói với ông ấy rằng xét đến tình hình bất ổn ngày càng gia tăng trong khu vực, ông ấy cần một đại sứ có kiến thức vững vàng về luật pháp quốc tế cũng như kinh nghiệm trong cộng đồng tình báo. Nói một cách khác— bạn.” Nagel bị sốc. Mạng lưới cũ bây giờ đang tuyển dụng những cô gái cũ? Quyết định này là điều không cần phải suy nghĩ. Bốn tháng sau, thông cáo báo chí đã được gửi đi, và Heide Nagel thấy mình sống trong khu nhà đại sứ đẹp mắt ở Prague, giám sát một đội ngũ nhân viên tài năng của đại sứ quán.

và làm việc có ý nghĩa. Tốt nhất là mỗi lần nhìn thấy lâu dài, cô lại cảm thấy như mình đang sống trong một câu chuyện cổ tích. Rồi, trong một đêm, mọi thứ đã thay đổi. Một tháng sau khi nhận chức, Giám đốc Judd đã gọi điện để hỏi thăm, và sau một vài cuộc nói chuyện xã giao, ông đã đưa ra một yêu cầu không bình thường. “Heide, tôi muốn bạn ăn tối với một đồng nghiệp của tôi đang làm việc ở châu Âu.” “Dĩ nhiên rồi, thưa ngài,” cô đáp, cảm thấy đó là điều tối thiểu mình có thể làm cho người đã cứu sống mình. “Người đó là ai?” “Một nhân viên mới của văn phòng châu Âu của In-Q-Tel.” Q? cô nghĩ, cảm thấy một chút lo lắng. Cô không phải là người lạ gì với In-Q-Tel — hay “Q”, như những người trong cơ quan gọi — nhánh đầu tư bí mật của CIA. Nhóm tài chính bóng tối của họ đã thực hiện các khoản đầu tư lớn vào những công nghệ mà họ cho là liên quan đến lợi ích của CIA và an ninh quốc gia — từ các cơ chế sinh học không nước của Biomatrica đến điện tử vi mô của Nanosys đến tính toán lượng tử D-Wave. Hơn một lần, với tư cách là cố vấn của CIA, Nagel đã tư vấn cho giám đốc về các vấn đề pháp lý liên quan đến “các kỹ thuật đầu tư sáng tạo” và “phương pháp bảo vệ tài sản” của In-Q-Tel, nhưng thật hiếm khi nhóm này bị kiểm chế. Tại sao có người từ Q lại đến Prague? Nagel cảm thấy bối rối khi một công ty đầu tư công nghệ cao lại quan tâm đến Prague cổ kính. Khu vực sản phẩm bình thường của họ là Silicon Valley. Vào đêm diễn ra cuộc họp, Đại sứ Nagel đã đến sớm tại nhà hàng mà cô chọn — CODA — một cơ sở địa phương kín đáo với âm thực Séc tuyệt vời. Đến ngạc nhiên, người liên lạc của cô đã ngồi sẵn. Ông là một người đàn ông mảnh khảnh, ăn mặc trang trọng, có lẽ ở độ tuổi bảy mươi, với một mái tóc bạc dày. Ông đang lau kính khi cô tiến gần đến bàn. Người tính toán, cô quyết định. Nagel không thể đoán sai hơn. Người đàn ông này hóa ra là Everett Finch — giám đốc huyền thoại lâu năm của Cục Khoa học và Công nghệ của CIA. Nhóm của Finch tại DS&T, cùng với nhóm của ba cục khác — Hành chính, Hoạt động và Tình báo — tạo thành bốn trụ cột của Cơ quan Tình báo Trung ương. Họ chuyển Finch đến In-Q-Tel? Tại châu Âu? Giải thích hợp lý duy nhất mà Nagel có thể hình dung là Giám đốc Judd

muốn có sự chuyên môn của Finch ở châu Âu vì một lý do bí mật nào đó... và đã lặng lẽ bố trí ông ở đây mà không ai hay biết. Nhân viên phục vụ đến, đưa cho cả hai chiếc amuse-bouche — hai tách trà nhỏ của một món súp nấm Séc tinh tế gọi là kulajda. Ông Finch đã uống cạn tách của mình, chạm một chiếc khăn giấy vào môi, và rồi lean qua bàn. “Heide...” ông nói, phớt lờ danh hiệu chính thức của cô. “Tôi tin rằng bạn đang tận hưởng chức đại sứ của mình ở đây?” “Tôi thì có,” cô trả lời, thận trọng. “Tuyệt vời.” Ông tặng cô một nụ cười gương gao. “Tôi tin rằng đã đến lúc bạn biết lý do thực sự mà bạn được đặt ở Prague.” Đêm hôm đó đã đánh dấu cái chết của sự ngây thơ trong trắng của Nagel liên quan đến những sự kiện ngẫu nhiên đã mang cô đến Prague. Sự hiện diện của tôi đã được sắp xếp. Mạng lưới người cũ đã đặt một con tốt nữ vào vị trí quyền lực mà họ cần cô, và Nagel đã bị mắc kẹt kể từ đó. Cuối cùng cô đã nhận ra điều lẽ ra nên rõ ràng ngay từ đầu — rằng Finch đã dàn xếp cho sự sa thải của cô khỏi CIA, cài đặt tài liệu ở nhà cô. Khi Nagel nổi giận đối mặt với ông về chuyện này, câu trả lời của ông thật lạnh lùng. Không có chút cảm xúc nào, Finch đã đưa ra bản sao chép của các tài liệu mật mà cô đã bị cáo buộc giữ ở nhà riêng, thông báo cho cô rằng nếu những bản sao này lọt vào tay những tay điệp viên nước ngoài, các tuyên bố của cô về “một sai lầm vô tội” sẽ ngay lập tức bị coi là phản quốc. Nagel đã đe dọa gọi cho Giám đốc CIA Judd, nhưng ông Finch chỉ khuyến khích điều đó, nói với cô rằng cả Judd và tổng thống đều được thông báo về kế hoạch, và một cuộc gọi đến họ chỉ xác nhận rằng cô đang tham gia vào những trò chơi lớn mà không có đồng minh. Tôi là một con rối. Finch có thể đã bluff, nhưng Nagel không thể mạo hiểm gọi bluff của những người như tổng thống Mỹ và giám đốc CIA, đặc biệt khi một cáo buộc phản quốc đang lơ lửng... chưa kể đến một dự án tình báo tuyệt mật. Đó là cách mà người ta biến mất. Từ khoảnh khắc đó trở đi, Nagel đã căm ghét Finch... và phải tuân theo ông. Bây giờ, đứng một mình trước bồn rửa mặt trong phòng tắm, Đại sứ Nagel đã súc miệng và nhìn vào đôi mắt mệt mỏi của chính mình. Michael Harris đã chết. “Không nữa,” cô nói to. Finch đã ép quá mức... quá xa. Trong hơn hai năm, Nagel đã tìm kiếm bất kỳ lối thoát nào khỏi nhà tù của mình, nhưng Finch chưa bao giờ cung cấp ngay cả một cơ hội nhỏ nhất. Cho đến bây giờ. T CHƯƠNG 79 Golem cảm thấy sống động với sự hồi hộp khi anh tiếp cận Pháo đài Crucifix. Theo mọi dấu hiệu, phòng thí nghiệm trên đỉnh đồi của Gessner giờ đã vắng vẻ, nghĩa là anh cuối cùng sẽ có thể lấy lại những gì anh đã không thể giành được sáng nay. Lần này, tôi sẽ không mất đi.

từ chối. Thẻ RFID của Gessner được cất kỹ trong túi, và anh ước tính mình chỉ cần chưa đến ba phút để lấy được yếu tố duy nhất còn lại mà mình cần. Sau đó, anh sẽ rời phòng thí nghiệm đến đích cuối cùng của mình. Ngưỡng. Mà tôi sẽ biến thành tro bụi. Khi anh bước về phía cánh cửa bị phá hủy của pháo đài, anh nhớ lại lời của người tiền nhiệm huyền thoại của mình—golem của Prague. Chỉ có hai con đường... Sự thật hoặc cái chết. Golem đã chọn cả hai. Khai mở sự thật. Chấp nhận cái chết. Golem đã chết vô số lần, nhưng cái chết không bao giờ là vĩnh viễn. Không giống như golem cổ xưa, cái chết của người đó đã là cuối cùng, Golem đã chuyển động vào và ra khỏi hình thức này theo ý muốn. Tôi là người sáng tạo của chính mình. Tôi sẽ luôn là chủ nhân của chính mình. Mỗi khi anh xóa chữ cái Hebrew aleph khỏi trán—biến sự thật thành cái chết—Golem đã chết... nhưng chỉ từ cái nhìn. Anh trở nên vô hình. Vô bọc không lồ của anh bay hơi, biến một con quái vật thành... một trong số họ. Không có gì nổi bật. Không dễ thấy. Sức mạnh bên trong của anh bị giấu kín. Bạn không thể thấy tôi, nhưng tôi vẫn còn đây... theo dõi cô ấy. Mặc dù đã có những trở ngại bất ngờ vào sáng nay, Golem đã ứng biến tốt, bảo vệ những người vô tội... và tiêu diệt những kẻ có tội. Giờ là lúc để hoàn thành những gì anh đã bắt đầu. Khi anh bước qua cánh cửa vào phòng thí nghiệm của Gessner, anh rất vui mừng khi thấy hành lang thanh lịch vắng người. Cầu thang truy cập phía trước anh được bảo vệ bằng một băng bảo mật sinh trắc học, nhưng dấu vân tay sẽ không phải là vấn đề; Sasha đã vô tình cung cấp cho anh quyền truy cập từ rất lâu trước đó. Golem bước qua sảnh về phía băng điều khiển, những đôi giày cao su của anh kêu rắc rắc trên những mảnh kính vỡ trên sàn. Âm thanh vang vọng qua không gian bằng đá cẩm thạch. Chỉ một khoảnh khắc sau, Golem nghe thấy một âm thanh thứ hai, từ đầu hành lang. Đó là tiếng click đặc trưng của một khẩu súng đang được lên đạn. Cán bộ hiện trường Housemore, đang mê man vì thiếu ngủ, đã tự giúp mình một ly cà phê và ngồi tại cửa sổ pháo đài để chiêm ngưỡng quang cảnh toàn cảnh của lâu đài Prague, đang ngồi một cách thanh bình ở phía xa. Cô đã đang mơ mộng bình yên khi một âm thanh bất ngờ trong hành lang khiến cô tỉnh lại, khiến cô phải nhảy lên và phản xạ chuẩn bị vũ khí. Giờ đây trong tình trạng cảnh giác cao độ, Housemore di chuyển về phía cánh cửa, súng đã sẵn sàng. Finch đã ra lệnh cho cô bảo vệ

tòa nhà này, và mặc dù anh đã hứa hỗ trợ, cô biết rằng quá sớm để sự hỗ trợ đến. Chắc chắn, bất kỳ sự hỗ trợ quân đội được đào tạo nào cũng sẽ thông báo trước khi vào. Ai đó còn ở đây... Khi Housemore lên lút di chuyển quanh góc vào hành lang, cô thấy một hình bóng mặc áo choàng đen và có mũ trùm. Anh ta đang mở cánh cửa kim loại đến cầu thang của phòng thí nghiệm. “Stůj!” Housemore hét lên, chạy về phía anh ta. “Dừng lại!” Người đàn ông phớt lờ cô, nhanh chóng lên qua cánh cửa khi Housemore nổ súng. Viên đạn va vào cánh cửa an ninh, suýt nữa thì đánh trúng anh ta. Cô lao về phía trước, nhưng cô đến ngay khi cánh cửa đóng lại, khóa lại khiến cô không thể vào. Housemore áp mặt vào cửa sổ nhỏ gia cố và nhìn vào cầu thang. Ngay lập tức, cô đứng im lặng. Hình bóng mặc áo choàng đang nhìn lại cô... chỉ cách bên kia lớp kính vài inch. Khuôn mặt anh ta như bề mặt của mặt trăng, và anh ta có những ký hiệu được khắc trên trán. Đôi mắt lạnh lẽo của anh ta nhìn cô một lúc, như thể đang ghi nhớ khuôn mặt của cô, rồi anh ta quay đi và lao xuống cầu thang, áo choàng vung vẩy theo sau khi anh ta dần khuất tầm mắt. Housemore lùi lại, tập hợp bản thân. Ai... hoặc cái gì là vậy?! Cô không biết kẻ xâm nhập này đã mở khóa cánh cửa sinh trắc học như thế nào, nhưng cô cần cảnh báo Finch ngay lập tức. Housemore biết đây không phải là vị trí của cơ sở bí mật của cơ quan, mặc dù phòng thí nghiệm của Gessner rõ ràng chứa đựng điều gì đó quan trọng, và Finch đã ra lệnh cho cô bảo vệ nó bằng mọi giá. Và ai đó vừa mới lên qua cô. Người đàn ông đã vào, Housemore đoán, là người Nga. Đôi mắt lạnh như thép của anh ta có cảm giác Slavic, và lớp trang điểm dày của anh ta khiến Housemore nghĩ rằng đó là một ví dụ hoàn hảo về sự sáng tạo của người Nga; bằng cách đón nhận truyền thống “cosplay” của Prague, kẻ xâm nhập đã dễ dàng vượt qua các camera bảo mật nhận diện khuôn mặt của thành phố. Hơn nữa, người Nga hiện nay là bậc thầy trong việc đánh bại sinh trắc học với những đầu ngón tay giả được tạo ra trên các máy in 3D dựa trên nhựa UV. Housemore giữ một mắt nhìn về phía cánh cửa phòng thí nghiệm khi cô cất súng vào bao và miễn cưỡng rút điện thoại ra. Finch sẽ không thích tin này. Tay cô hơi run, và cô quyết định rằng sẽ là khôn ngoan nếu dành một chút thời gian trước cuộc đối đầu. Chậm lại. Tổ chức lại suy nghĩ của bạn. Mà không rời mắt khỏi cửa phòng thí nghiệm, Housemore từ từ lùi ra khỏi cánh cửa, di chuyển ngược về phía hành lang đến phòng tiếp tân. Ở đó, trong nơi trú ẩn tương đối của hành lang, vẫn đối mặt...

cánh cửa cầu thang, cô hít một hơi thật sâu và lấy lại bình tĩnh. Cô bắt đầu quay số cho Finch. Housemore chưa có cơ hội nào. Đột nhiên, có ai đó đứng sau lưng cô. Một vụ nổ điện sử dụng điện cực mạnh xé sâu vào lưng cô. Mỗi cơ bắp trong cơ thể cô co giật, và cô trở nên cứng đờ, ngã nhào về phía trước xuống sàn gạch, chiếc điện thoại trượt ra xa. Kẻ tấn công nắm lấy cô và lật cô lại, giữ cô xuống đất. Thật không thể tin được, Housemore thấy mình nhìn lên đôi mắt nhợt nhạt của sinh vật đất mà cô vừa thấy bước vào cầu thang. Hắn ta từ đâu đến?! Sao... Hệt như quái vật này đã xuất hiện từ không khí ngay sau lưng cô! Hắn ta đang đè lên người cô bây giờ, trên sàn gạch cứng, với hai tay siết chặt quanh cổ cô. Khi hắn cắt đứt nguồn khí của cô, Housemore cố gắng kháng cự, nhưng các cơ bắp bị liệt của cô từ chối đáp lại. Bất lực, Housemore chỉ có thể chờ đợi, cố gắng giữ mình tỉnh táo. Sau gần hai mươi giây nằm ngửa với khí quản bị chặn, cô cảm thấy sự kiểm soát cơ bắp của mình từ từ bắt đầu trở lại. Cô cần nhiều thời gian hơn, nhưng thật không may, tầm nhìn của cô đã bắt đầu nhòe đi. Còn lại một cơ hội. Trong một nỗ lực cuối cùng, cô gọi toàn bộ sức mạnh mà mình có, giơ tay lên, và dồn sức vào ngực hắn, cố gắng đẩy hắn ra khỏi mình. Nhưng kẻ tấn công của cô hầu như không động đậy. Cảm giác về cơ thể đất sét này thật kỳ lạ—hoàn toàn bất ngờ. “Tôi không như bạn nghĩ đâu,” quái vật thì thầm, nhìn xuống mắt Housemore khi hắn siết chặt tay hơn. “Tôi là The Gollem.”

CHƯƠNG 80

bể bơi dài mười tám mét dưới biệt thự Petschek được xây dựng theo phong cách của một nhà tắm La Mã truyền thống. Được bao quanh bởi một vòng đôi gồm bốn mươi tám cột đá cẩm thạch đỏ, bể bơi màu xanh lam và trắng được sưởi ấm bằng hai lò than và được coi là sự sang trọng nhất của biệt thự. Theo truyền thuyết, bể bơi chỉ được sử dụng trong một mùa trước khi con gái Otto Petschek bị viêm phổi và suýt chết. Petschek ngay lập tức đã tháo nước bể và tuyên bố nó mãi mãi không được phép sử dụng. Robert Langdon đứng ở chân của bể bơi trống rỗng và bị lãng quên, quét mắt nhìn không gian dưới lòng đất để tìm bất kỳ lối thoát nào ngoài cầu thang hẹp mà anh và Katherine vừa xuống trong một nỗ lực cuống cuống để tìm cách thoát khỏi ngôi nhà. “Tất nhiên bạn lại tìm thấy một bể bơi,” Katherine thì thầm trong không gian vang vọng. “Thật tiếc là nó trống, bằng không bạn có thể bơi lần thứ hai trong ngày.” Lần thứ ba, Langdon nghĩ. Nếu tính cả Vltava. Langdon hy vọng cầu thang có thể dẫn xuống một lối

thoát hầm để họ có thể trốn khỏi nơi cư trú của đại sứ, nhưng phòng bể bơi không có lối thoát nào. Ngõ cụt. Phía trên, tiếng bước chân cuồng cuồng của đại sứ vang vọng xuống qua các lỗ thông khí bà chạy quanh cánh phía nam, chắc chắn đang tìm kiếm những vị khách mất tích của mình. Rõ ràng, bà đã biết khá rõ nhà của mình để tính toán các lựa chọn hạn chế cho việc trốn thoát, và chỉ mất chưa đầy ba mươi giây để xuất hiện trên cầu thang, xuống hướng bể bơi. Langdon nửa mong chờ Đại sứ Nagel sẽ tới cùng với một lính thủy đánh bộ Mỹ bên cạnh, nhưng khi bà xuống cầu thang, bà lại một mình. Không nói một lời, bà bước tới nơi họ đang đứng và giơ lên hai tài liệu NDA mà Langdon và Katherine đã để lại không ký trên bàn cả phê. Sau đó bà xé tài liệu thành những mảnh nhỏ, để chúng bay xuống sàn bể bơi trống rỗng. Langdon nhìn theo đầy bối rối. Bà ấy đang làm gì vậy? Khi đã xé nát các giấy tờ, đại sứ nhìn chăm chăm vào họ với ánh mắt nghiêm nghị và giơ một ngón tay lên môi, ra hiệu cho họ không được nói một lời nào. Sau đó bà rút điện thoại di động ra, chạm vào một vài phím, và thực hiện một cuộc gọi ra... ở chế độ loa ngoài. “Finch,” một giọng nói nam giới trả lời, vang lên từ loa. “Mọi thứ đều trong tầm kiểm soát chứ?” Giọng của ông ta có chút giọng Mỹ với âm điệu miền Nam. “Vâng, chúng tôi chỉ đang chờ,” đại sứ nói. “Bạn còn cách bao xa?” “Chỉ vừa mới hạ cánh. Tôi sẽ ở đó trong vòng một giờ.” “Làm ơn hãy cho tôi biết bạn có tin gì về Michael Harris không,” Nagel nói với sự khẩn trương. “Tôi lo lắng về sự an toàn của anh ấy.” “Nếu Harris bị phát hiện,” người đàn ông trả lời, “thì giờ đây chẳng có gì chúng ta có thể làm. Có lẽ anh ấy đã không còn quan trọng nữa ngược lại. Anh ấy đã xác nhận với chúng ta rằng Sasha không nói, và đó là—” “Không quan trọng?!” Nagel yêu cầu. “Michael có liên quan đến việc này... theo chỉ huy của bạn.” “Quên đi Harris. Chỉ cần tập trung vào nhiệm vụ cầm trong tay. By the way, bạn ở đâu? Giọng của bạn đang vang vọng.” “Trong nhà tắm của tôi. Tôi cần chút riêng tư để gọi.” “Langdon và Solomon đang ở đâu?” “Tôi để họ lại trong thư viện,” bà nói, “và đã bảo họ thư giãn cho đến khi bạn đến.” Langdon liếc nhìn Katherine một cách ngạc nhiên. “Bạn có thừa nhận giám sát khách sạn không?” Finch hỏi. “Tôi đã làm,” Nagel trả lời.

“Như bạn đã đề xuất.” “Và đã hiệu quả?” người đàn ông hỏi. “Như một phép thuật.” “Họ đều đã ký NDA?” “Họ đã,” đại sứ nói mà không do dự. “Các hợp đồng không tiết lộ của bạn đã được ký, được niêm phong và cất giữ trong két cá nhân của tôi.” “Tuyệt vời,” Finch nói, nghe có vẻ nhẹ nhõm. “Sẽ tốt khi có sức ép đối với Langdon.” Langdon và Katherine giờ đang nhìn nhau trong sự hoang mang tột độ. “Và chỉ để xác nhận,” người đàn ông nói, “bạn có bằng chứng vật lý rằng bản thảo dạng giấy có vấn đề đã bị thiêu hủy?” “Có, đội ngũ của tôi đã thu thập được những mảnh vụn duy nhất—có một vài mảnh đã cháy.” “Và bạn nói rằng tác giả đã tự tay thiêu hủy nó?” “Theo hiểu biết của tôi, cả Langdon và Solomon đã thiêu hủy bản thảo vì họ cảm thấy họ đang gặp nguy hiểm từ một đặc vụ ÚZSI tách rời... và cũng, rõ ràng, từ bạn.” “Đó là một quyết định dũng cảm,” người đàn ông suy ngẫm. “Tôi sẽ tin khi nhìn họ vào mắt. Nếu bản thảo đó thực sự đã mất... và họ đều đã ký NDA... thì chúng ta có thể rất gần với việc kết thúc chuyện này.” “Tôi hy vọng như vậy.” “Còn Crucifix Bastion?” người đàn ông hỏi. “Bạn tự tin rằng ÚZSI đã đồng ý đứng bên ngoài? Tôi không muốn ai đó gần phòng thí nghiệm của Gessner hoặc công việc của cô ấy.” “Đã xác nhận. Không có ai ở đó bây giờ.” “Tốt,” ông nói, nghe có vẻ nhẹ nhõm. “Tôi muốn bạn gửi ngay một nhóm nhân viên bảo vệ Hải quân lên đó. Rõ ràng, mối quan tâm chính của tôi là cơ sở chính của chúng ta—nhưng chúng ta cũng không thể để xảy ra bất kỳ rò rỉ nào tại bastion. Hãy cho đội ngũ của bạn đảm bảo an ninh, và tôi sẽ lên đó để đánh giá sau cuộc họp của chúng ta tại nơi ở của bạn.” “Hiểu rồi,” Nagel trả lời. “Tôi sẽ cho một nhóm lên ngay lập tức.” “Gặp lại bạn sớm,” ông nói. Cuộc gọi đã kết thúc. Trong im lặng, đại sứ kiểm tra lại rằng cuộc gọi thực sự đã kết thúc, và sau đó bà ngược mắt lên Langdon và Katherine rồi thở dài một hơi. “Chuyện quái quỷ gì vừa xảy ra?!” Katherine yêu cầu. Đại sứ nhìn lên các ống thông gió và, rõ ràng không muốn mạo hiểm bị nghe thấy, đã dẫn Langdon và Katherine vào phòng tiện ích của bể bơi, nơi một bóng đèn đơn ánh sáng chiếu sáng hai bình nước bằng sắt đúc cổ, mà, mặc dù gần một thế kỷ không sử dụng, vẫn mang mùi than. “Điều đầu tiên bạn nên biết,” đại sứ nói nhỏ, đóng cửa lại sau lưng họ, “là người đàn ông tôi vừa nói chuyện làm việc cho Cơ quan Tình báo Trung ương.” Langdon lùi lại, giả vờ ngạc nhiên mặc dù đã được Jonas cảnh báo. “Tôi xin lỗi?” Nagel gật đầu. “Tên ông ấy là Everett Finch, và trước đây ông ta từng điều hành Cục Khoa học và Công nghệ của cơ quan.” Bà dừng lại. “Tôi cũng nên thêm rằng tôi từng làm việc cho CIA. Tôi là một luật sư.” Và đây là điều mà Langdon nghĩ, không chắc liệu anh có nhẹ nhõm hay lo lắng rằng đại sứ đã đơn giản trình bày sự thật. Nagel bây giờ đã xác nhận điều mà Faukman đã nói với

Langdon qua điện thoại—CIA lặng lẽ điều hành một công ty đầu tư mạo hiểm mang tên In-Q-Tel, gọi tắt là Q, công ty này đầu tư vào các công nghệ an ninh quốc gia và bảo vệ các khoản đầu tư của họ một cách quyết liệt. “CIA điều hành một ngân hàng đầu tư?” Katherine hỏi. “Hơn là vì lợi nhuận, mà là vì lòng yêu nước,” Nagel giải thích. “Ngân sách tình báo của Mỹ đã bị cắt giảm trong những năm gần đây, và CIA hoạt động dưới một lời tuyên thệ để bảo vệ quốc gia khỏi tất cả kẻ thù—bao gồm cả sự thiên cận của những chính trị gia lạc quan hết sức—vì vậy cơ quan này cảm thấy có quyền về mặt đạo đức, nếu không muốn nói là nghĩa vụ, để tìm nguồn tài trợ bên ngoài nhằm hỗ trợ các chương trình quan trọng của CIA mà nếu không có thể không tồn tại.” Khi Langdon lắng nghe, anh nhận ra rằng một dự án được tài trợ bằng tiền Q sẽ bỏ qua tất cả sự giám sát truyền thống của Quốc hội liên quan đến một khoản phân bổ ngân sách đen, có nghĩa là CIA có thể làm bất cứ điều gì họ muốn và không phải báo cáo cho ai. “Vài năm trước, giám đốc CIA đã chuyển Everett Finch đến London và giao cho ông một vị trí không chính thức tại trụ sở châu Âu của Q. Nhiệm vụ của ông là bí mật, nhưng có vẻ như ông đã được cấp quyền tự quyết, và như bạn đã hiểu, Finch rất lo ngại về bản thảo của Katherine.” “Tại sao?” Katherine hỏi. “Tất cả những gì tôi biết,” Nagel trả lời, “là Finch coi bản thảo của bạn là một mối đe dọa đối với một trong những khoản đầu tư quan trọng nhất của Q. Vì lý do này, nó được coi là một vấn đề an ninh quốc gia, điều này cho Finch một sự tự do nguy hiểm trong cách ông chọn để xử lý bạn.” Langdon cảm thấy ngày càng bị mắc kẹt ở đây trong tầng hầm không có cửa sổ. “Nhưng tại sao nó lại là một mối đe dọa?!” Katherine hỏi. “Tôi đã cố gắng tưởng tượng ra rằng bất cứ điều gì tôi đã viết—” “Tôi không biết. Tôi không có thông tin cụ thể. Chỉ có lệnh—đề buộc bạn ký một NDA.” “Nhưng nếu CIA nghĩ rằng cuốn sách của tôi là một rủi ro an ninh quốc gia,” Katherine nói, “thì tại sao không trực tiếp gọi cho nhà xuất bản của tôi, viện dẫn lý do an ninh quốc gia, và yêu cầu tôi gỡ bỏ các nội dung nguy hiểm?” “Với tư cách là cố vấn cựu CIA,” Nagel trả lời, “tôi có thể cho bạn biết rằng việc cách ly những đoạn cụ thể tiết lộ quá nhiều về những mối quan tâm của CIA. Nó sẽ làm sáng tỏ chính xác những gì họ đang cố gắng giữ bí mật. Hơn nữa, nhà xuất bản của bạn có thể đơn giản...”

từ chối đề nghị của CIA và công bố toàn bộ văn bản dưới tiêu đề: “Đọc cuốn sách mà CIA không muốn bạn đọc...” Langdon biết cô ấy nói đúng. Vatican thường xuyên xuyên mặc phải sai lầm này, làm tăng doanh số bán sách phổ biến bằng cách khẳng định chúng “chống lại Công giáo” và cố gắng cấm người Công giáo đọc chúng. “Bạn đã đọc những NDA này chưa?” Langdon hỏi. “Lời nói chung,” Nagel nói, gật đầu. “Quá nhiều rủi ro. Nó cơ bản có nghĩa là bạn sẽ có một cuộc trò chuyện ghi âm với Finch, và bất kỳ điều gì được đề cập trong đó sẽ ngay lập tức được coi là ‘thông tin được bảo vệ.’ Tùy thuộc vào những gì Finch nói với bạn, NDA đó sẽ có đủ sức mạnh pháp lý để ngăn chặn cuốn sách của Katherine ngay lập tức và vĩnh viễn.” Những suy nghĩ của Langdon lại quay cuồng qua tất cả những gì Katherine đã kể cho anh về bản thảo của cô và những phát hiện của cô—các bộ lọc não, GABA, ý thức phi địa phương. Tại sao CIA lại quan tâm đến bất kỳ điều nào trong số đó? “Bạn vừa nói với chúng tôi,” Langdon thúc ép, “rằng ông Finch tin rằng cuốn sách của Katherine gây ra mối đe dọa cho một trong những khoản đầu tư quan trọng nhất của Q... điều đó đặt ra một câu hỏi rõ ràng: Bạn có biết khoản đầu tư đó là gì không?” “Tôi biết nó liên quan đến một cơ sở CIA tối mật ở đây, tại Prague.” “Tại Prague?” Langdon ngạc nhiên. “Bạn đang đùa à. Họ làm gì ở đó?” Nagel lắc đầu với sự bức tức. “Tôi không biết. Mọi thứ tôi có thể nói là cơ sở này có một mã bí mật. Họ gọi nó là ‘Ngưỡng.’” “TÔI CHƯƠNG 81 đã được cung cấp rất ít chi tiết,” Nagel nói khi ba người họ quây quần trong phòng lò hơi tối tăm dưới villa. “Cơ quan khẳng định tôi được bảo vệ vì sự an toàn của chính mình. Tất cả những gì tôi biết là giám đốc CIA tự coi Ngưỡng là nỗ lực quan trọng nhất của cơ quan... hoàn toàn cần thiết cho sự an toàn trong tương lai.” Tuyên bố táo bạo đó lơ lửng trong không khí. “Và bạn không liên quan gì không?” Langdon hỏi. “Chỉ với tư cách là một người hỗ trợ chính trị,” cô nói. “Ba năm trước, sau lưng tôi, CIA đã sắp xếp việc tôi được bổ nhiệm tại đại sứ quán ở đây để tôi có thể trở thành quân cờ ngoại giao của họ—một người nội bộ của cơ quan sẽ trả lời cho Finch và giúp vượt qua các thủ tục pháp lý liên quan đến việc xây dựng bí mật cơ sở Ngưỡng.” “Và bạn vẫn không biết đó là loại hoạt động nào?” anh hỏi. Nagel lắc đầu. “Tôi biết đó là một cơ sở nghiên cứu khoa học. Từ những gì ít ỏi Finch đã nói và đánh giá từ sự tham gia nổi bật của Brigita Gessner, tôi khá chắc chắn họ đang thực hiện nghiên cứu về não... có thể trong ý thức con người—nhưng sự an ninh quân sự nghiêm ngặt có nghĩa là có rất nhiều việc khác đang diễn ra ở đó hơn là chỉ tò mò về khoa học.” Katherine hình như bị cuốn hút. “Cơ sở đó đã hoạt động chưa?” “Cấu trúc đã

hoàn chỉnh nhưng chưa hoạt động hoàn toàn. Tôi biết họ đã thực hiện một số thử nghiệm riêng lẻ... mà tôi tổng hợp là thành công vì họ hiện đang chuẩn bị bắt đầu khẩn trương; họ hiện đang đào tạo nhân viên ngoài vị trí ở Mỹ và dự kiến cơ sở sẽ hoạt động trong vài tuần tới.” “Và cơ sở này ở đây, tại Prague?” cô hỏi. Nagel dừng lại, như thể đang cân nhắc một lần nữa liệu có nên tiết lộ thông tin hay không. “Về mặt kỹ thuật thì ở dưới Prague,” cô nói. “Tất cả đều nằm dưới mặt đất.” Trong một khoảnh khắc, Langdon hiện lên hình ảnh tầng dưới của phòng thí nghiệm nhỏ của Gessner. “Không phải Crucifix Bastion, tôi giả định?” “Không,” đại sứ trả lời. “Đó là phòng thí nghiệm nghiên cứu riêng của Brigita Gessner. CIA đã đầu tư vào công nghệ của cô ấy, nhưng cơ sở Ngưỡng nằm ở nơi khác. Nó thực sự không xa bastion, nhưng có diện tích hơn mười nghìn bộ vuông.” Mười nghìn bộ vuông? Tất cả đều nằm dưới lòng đất?! “Làm thế nào có thể ai đó có thể xây dựng một thứ lớn như vậy trong sự bí mật hoàn toàn dưới một thành phố như thế này?” Nagel nhún vai. “Thực ra thì khá đơn giản—cấu trúc cơ bản đã ở đó rồi. CIA đã tiếp quản và xây dựng lại nó.” Cô ngừng lại. “Mặc dù, công khai, là Quân đội Hoa Kỳ đã tiếp quản việc này.” Langdon chỉ cần một khoảnh khắc để ghép lại các mảnh ghép. Vào những năm 1950, một trong những nơi trú ẩn chống bom lớn nhất thời Liên Xô ở châu Âu đã được xây dựng ở Prague. Mạng lưới rộng lớn các phòng dưới lòng đất ẩm ướt được cho là có chỗ cho khoảng 1.500 người cùng với trạm phát điện, hệ thống lọc không khí, vòi tắm, nhà vệ sinh, hội trường, và thậm chí cả nhà xác riêng. Hàm đã bị bỏ hoang từ lâu, mặc dù một phần của nó vẫn mở cửa hôm nay như một điểm thu hút khách du lịch. “Folimanka Shelter...” Langdon thì thầm, kinh ngạc nhận ra rằng anh đã thực sự đi qua những phần của hàm trước đó trong ngày; nó được chôn vùi dưới bãi đất rộng lớn của Công viên Folimanka. Langdon chưa bao giờ vào bên trong, nhưng anh đã thấy lối vào cho khách du lịch—một đường hầm bê tông trang trí bằng những bức tranh graffiti kỳ lạ mô tả các vụ nổ bom nguyên tử và những từ □□□□ □□□□□□ □□, mà Langdon đã lầm tưởng là có nghĩa là Folimanka Crypt nhưng được thông báo là có nghĩa là Folimanka Shelter. Phần nổi tiếng dành cho khách du lịch của hàm—được đặt tại rìa phía đông nhất của Công viên Folimanka—thì khá nông, trong tình trạng khá tốt, và hoàn toàn an toàn để tham quan. Tuy nhiên, phần lớn hơn của hàm thì sâu hơn và kéo dài xa ra ngoài Công viên Folimanka. Qua nhiều thập kỷ, mạng lưới rộng lớn của nó

các đường hầm và buồng đã ngập nước, rơi vào tình trạng hư hỏng và bị niêm phong và lãng quên. Đại sứ nhanh chóng mô tả cách mà CIA đã kiểm soát phần bỏ hoang của hàm trú ẩn. Là một thành viên của NATO, chính phủ Hoa Kỳ thường xuyên hợp tác về các vấn đề quân sự và chính trị tại đây. Thỉnh thoảng, điều này cũng có nghĩa là hỗ trợ dân sự cho hạ tầng—trong trường hợp của Công viên Folimanka, tìm cách cứu diện tích rộng lớn, mà các quan chức thành phố đã thông báo có dấu hiệu bắt đầu sụt lún và họ lo sợ rằng nó có thể sụp đổ vào những khoảng trống bỏ hoang của các hàm trú ẩn đang xuống cấp bên dưới. Kỵ binh đã đến dưới hình thức của Quân đoàn Kỹ sư Hoa Kỳ, những người đã đào một đường hầm vào phía tây của công viên và bắt đầu dự án nhiều năm về việc cắt cạn, niêm phong, và gia cố hệ thống hầm trú ẩn rộng lớn. Dự án hiện đã gần hoàn thành, và cái cách mà đại sứ nói rằng những lý thuyết âm mưu chống lại Hoa Kỳ vẫn tiếp tục bùng phát: Công viên Folimanka không hề sụt lún... Nó đang được xây dựng lại như một nhà tù quân sự bí mật... hoặc một hầm chứa vũ khí hóa học. Một lý thuyết khác cho rằng các hang động sâu hơn thậm chí không tồn tại, và Hoa Kỳ thực sự đang đào chúng—một nghi ngờ được thúc đẩy bởi sự thiếu vắng bất kỳ bản vẽ nào từ thời Liên Xô mô tả toàn bộ hàm trú ẩn, mà hoặc chưa bao giờ tồn tại hoặc đã bị xóa sạch khỏi lịch sử. Dù sự thật là gì, Langdon cũng phải tán phục mưu kế đơn giản nhưng quý quyết ấy, ngoại trừ một câu hỏi nổi bật. “Tại sao lại xây dựng ở đây?” anh hỏi. “Tại sao không đặt Threshold trong một kho hàng ở sa mạc Arizona?” “Rất đơn giản,” Nagel trả lời. “Những khu vực đô thị đông đúc tạo ra một mức độ nguy trang khỏi sự giám sát vệ tinh, điều mà bạn không nhận được khi vận chuyển vật liệu và nhân sự lớn đến một địa điểm sa mạc cô lập. Nhiều cơ sở tình báo đang được chuyển đến các trung tâm đô thị bây giờ, và việc chọn một thành phố bên ngoài Hoa Kỳ giúp giữ cho sự giám sát của quốc hội và các hạn chế pháp lý trong nước ở mức tối thiểu.” Câu nói cuối cùng của Nagel khiến Langdon cảm thấy không yên. “Tại sao bạn lại nói cho chúng tôi tất cả những điều này?” anh hỏi, ngạc nhiên trước sự thẳng thắn của đại sứ. “Vâng,” Katherine đồng ý. “Có vẻ như—” “Phản bội?” Ánh mắt của đại sứ trở nên xa xăm. “Lý do của tôi là cá nhân, nhưng bất kể điều gì xảy ra với tôi, xin hãy tin tôi khi tôi nói rằng tôi sẽ làm điều đầu tiên để giữ an toàn cho cả hai bạn.” Langdon biết có nhiều câu hỏi chưa được trả lời, nhưng anh có xu hướng tin tưởng cô. “Tôi cần phải

cảnh báo bạn, tuy nhiên,” Nagel nói, “bạn đang đối phó với những thế lực mạnh mẽ. Trong quỹ đạo của CIA và Threshold, mức độ nguy hiểm là không tưởng—và thành thật mà nói, người ta có thể chết.” Cô thở dài và nhìn Langdon cùng Katherine; trong một khoảnh khắc thoáng qua, có vẻ như cô có thể khóc. “Tiền sĩ Gessner đã bị giết tối qua, nhưng cô ấy không phải là nạn nhân duy nhất. Tôi vừa nhận được tin rằng trợ lý pháp lý của tôi, Michael Harris, đã được tìm thấy đã chết cách đây nửa giờ.” Langdon cảm thấy buồn nôn khi nhớ lại sự tương tác của mình với Harris ở khách sạn chỉ vài giờ trước. “Tôi rất tiếc.” Nagel từ từ giải thích rằng thi thể của Harris đã được tìm thấy ở căn hộ của Sasha Vesna, với người mà Harris đang có một mối quan hệ “không chân thành” theo dạng giám sát được ông Finch ra lệnh, người mà muốn theo dõi sát sao trợ lý Nga của Gessner. Nơi ở của Sasha vẫn chưa được biết, nhưng Nagel không lạc quan mấy. Langdon cảm thấy lo ngại ngay lập tức về sự an toàn của Sasha. Đại sứ tiếp tục, môi thả lỏng và thở sâu. “Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về cái chết của Michael Harris... và tôi sẽ mang theo điều đó mãi mãi.” Cô nâng ánh mắt để gặp gỡ cả hai, cố gắng đứng thẳng hơn. “Tôi không biết phải bắt đầu từ đâu để bù đắp cho Michael, và vì đã mù quáng tuân theo mệnh lệnh của Finch... ngoại trừ lúc này tôi biết tôi cần phải làm bất kỳ điều gì cần thiết để sửa chữa điều này và bảo vệ cả hai bạn.” “Bạn dự định sẽ làm điều đó như thế nào?” Katherine hỏi. “Chúng ta có ba lựa chọn khả thi,” Nagel nói. “Thật không may, bạn sẽ không thích bất kỳ lựa chọn nào trong số đó. Lựa chọn đầu tiên sẽ là an toàn nhất. Tôi sẽ in lại các thỏa thuận không tiết lộ, bạn sẽ ký chúng, và bạn sẽ có cuộc gặp với ông Finch theo kế hoạch, cung cấp cho ông ấy sự đảm bảo về sự im lặng mà ông ấy mong muốn. Điều này sẽ về cơ bản loại bạn ra khỏi tầm ngắm của ông ấy, nhưng có thể có nghĩa là bạn sẽ không bao giờ có thể xuất bản cuốn sách của mình, và thừa cô Solomon, có thể sẽ có những lĩnh vực nghiên cứu mà bạn sẽ không còn hoàn toàn tự do theo đuổi nữa.” “Đó không phải là một lựa chọn chút nào,” Katherine nói thẳng thừng. “Đồng ý,” Langdon nói. “Lựa chọn thứ hai?” “Lựa chọn số hai...” Nagel nói, nhìn từ người này sang người kia. “Chúng ta còn khoảng một giờ cho đến khi Finch đến đây. Chúng ta có thể rời đi ngay bây giờ. Tôi sẽ lái bạn cả hai ngay lập tức đến sân bay và đưa bạn ra khỏi đất nước. Sẽ có những hậu quả, tất nhiên—cho cả ba chúng ta—nhưng ít nhất chúng ta sẽ mua thêm chút thời gian để phát triển những ý tưởng khác.”

“Giải pháp.” “Giải pháp nào?” Langdon hỏi. “Trước hết, cô Solomon có thể xuất bản cuốn sách của mình ngay lập tức. Việc xuất bản sẽ cung cấp một mức độ miễn dịch—” “Cuốn sách của tôi đã biến mất,” Katherine cắt ngang. “Sẽ mất rất nhiều thời gian để tái tạo.” “Và ngay cả khi cô ấy có một bản sao,” Langdon nhận xét, “thì việc sản xuất và xuất bản một cuốn sách mất nhiều tháng. Chưa kể, việc đó chẳng phải sẽ khiến cô trở thành mục tiêu của CIA mãi mãi sao?” “Ở một mức độ nào đó, đúng.” “Không cảm ơn,” Katherine nói. “Tôi không muốn phải nhìn qua vai mình suốt phần đời còn lại. Vậy lựa chọn thứ ba là gì?” Nagel im lặng một lúc, dường như đang hình dung các chi tiết trong đầu. Khi lên tiếng, giọng nói của cô là giọng điệu thực tế, như một luật sư đang tư vấn cho khách hàng. “Trong ngành tình báo, chỉ có một nguồn sức mạnh thực sự. Thông tin. Đó là sức ép duy nhất mà bất kỳ ai cũng hiểu... và hiện tại cô đang ở vị trí nhận được một khối lượng lớn thông tin đó. Nhớ rằng, ông Finch tin rằng cô đã ký các NDA, và ông ấy đang đến đây để tổ chức một cuộc trò chuyện sử dụng những NDA đó chống lại cô. Ông ta sẽ nói với cô nhiều nhất có thể—để đảm bảo mọi chủ đề ông ta đề cập đều không được phép với cô từ giờ trở đi. Càng nhiều thông tin ông ta cung cấp, cô sẽ có càng nhiều thông tin... và do đó, cô sẽ có nhiều quyền lực hơn.” Langdon nhận ra rằng họ đang chơi với một tay chuyên nghiệp. Và đang chơi với lửa. Dù vậy, kế hoạch của Nagel không có vẻ đơn giản như cách cô ấy nói. “Tôi hiểu cách chúng ta có được thông tin,” anh nói. “Nhưng sau đó thì sao?” “Tôi sẽ giúp cô,” cô nói. “Chúng ta sẽ giao toàn bộ dữ liệu cho bên thứ ba—một luật sư bên ngoài, chẳng hạn—người sẽ tạo ra một cơ chế mà nếu có chuyện gì xảy ra với bất kỳ ai trong số chúng ta, hoặc nếu chúng ta không liên lạc với ông ta thường xuyên, thông tin sẽ được gửi ngay lập tức đến báo chí. Các luật sư gọi điều đó là ‘điều khoản tử vong không kịp thời.’” “Tôi tin rằng từ đó là ‘tổng tiền,’” Langdon nói. “Về cơ bản là đúng. Tuy nhiên, điều này hoàn toàn hợp pháp.” Katherine lùi lại một bước. “Cô đang gợi ý rằng chúng ta sẽ tống tiền CIA...” “Hãy coi đó là sức ép thông tin, cô Solomon. Những mối đe dọa tình báo là một ngôn ngữ mà những người này nói và hiểu. Nếu họ tấn công cô, họ biết họ sẽ phải chịu thiệt hại. Và vì vậy họ sẽ để cô yên.” “Và ngược lại,” Langdon nói. “Cô bảo vệ bí mật của họ để đổi lấy sự miễn dịch.” “Hủy diệt đảm bảo lẫn nhau,” Nagel nói. “Đó là một mô hình đã được chứng minh. Nếu nó không hiệu quả, các cường quốc thế giới đã có thể phóng vũ khí hạt nhân vào nhau vào những năm 1960. Thay vào đó, tự bảo toàn tạo ra

một tình huống bế tắc; chúng ta chỉ đồng ý không đồng tình.” Katherine vẫn có vẻ hoài nghi. “Có quyền lực sẽ ngay lập tức làm giảm căng thẳng cuộc khủng hoảng này,” Nagel nói. “Cơ quan sẽ phải lùi lại, tập hợp lại, cho mọi người một cơ hội để hít thở và thương thuyết; có thể họ thậm chí sẽ nói cho cô biết điều gì họ không thích về cuốn sách của cô, và cô sẽ đề nghị gỡ bỏ nó. Con đường này ít nhất sẽ cho cô những lựa chọn.” Nagel bắt gặp ánh mắt của Katherine và giữ nó. “Và tôi hy vọng cô biết rằng tôi đang mạo hiểm cá nhân rất lớn ở đây khi giúp đỡ cô, cô Solomon, điều đó khiến tôi trở thành một đồng minh mạnh mẽ cho cô.” “Cảm ơn,” Katherine nói, có vẻ ngày càng thuyết phục. Langdon thích khái niệm này về nguyên tắc, nhưng việc thực thi lại là chuyện khác. “Không phải để làm hỏng bầu không khí ở đây,” anh nói, “nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu ông Finch yêu cầu xem những NDA đã ký trước khi chúng ta nói chuyện với ông ta?” “Ông ta có thể sẽ làm vậy,” đại sứ trả lời. “Tôi sẽ chỉ nói với ông ta rằng tôi biết các tài liệu là rất quan trọng đối với kế hoạch của ông, vì vậy tôi đã có một đội lính thủy đánh bộ vận chuyển chúng dưới con dấu ngoại giao đến đại sứ quán và khóa chúng trong két cá nhân của tôi. Ông ta sẽ phải tin tôi... hoặc chuyển cuộc họp này đến đại sứ quán, điều mà ông ta chắc chắn sẽ không muốn làm.” Langdon cân nhắc kế hoạch, vẫn cảm thấy lo lắng. Thật khó để giả định rằng anh và Katherine có thể học đủ từ cuộc trò chuyện này với Finch để có bất kỳ quyền lực nào cả. Chúng ta sẽ nói chuyện với một cựu chiến binh CIA được đào tạo bài bản. Và ngay cả khi người đàn ông này tin rằng Langdon và Katherine đã ký các NDA hạn chế, liệu ông ta có thực sự tiết lộ dữ liệu nào sẽ gây hại cho cơ quan hay một dự án tối mật không? “Cô có vẻ không chắc chắn,” Katherine nói. Anh nhìn lên cô, vẫn đang suy nghĩ. “Xin lỗi, tôi không nghĩ điều đó sẽ hiệu quả.” “Đó là ba lựa chọn duy nhất,” Nagel nói. “Thực ra, còn một lựa chọn thứ tư,” Langdon tuyên bố, đã tạo ra một kết nối bất ngờ. “Nó nguy hiểm... nhưng tôi tin đó có thể là nước đi tốt nhất của chúng ta.” O CHƯƠNG 82 hạ cánh cuối cùng vào Sân bay Václav Havel, chiếc Citation Latitude của ông Finch lao về phía ngọn núi Bílá Hora. Bản đồ tương tác của chiếc máy bay ghi chú rằng đỉnh đồi là chiến trường nơi các tín đồ Công giáo đã dập tắt cuộc nổi dậy Bohemian năm 1620. Thật phù hợp, ông Finch nghĩ, vì vừa dập tắt cuộc nổi dậy nhỏ của chính mình với đại sứ Nagel. Vì lý do rõ ràng, đại sứ luôn ghê tởm Finch.

Điều đó không phải là mối quan tâm của anh. Cô ấy là một người phụ nữ thông minh... dù thông minh để biết vị trí của mình trong hoạt động này. Khi máy bay hạ cánh, Finch thất dậy an toàn, cảm thấy thoải mái hơn nhiều khi tiếp cận so với khi khởi hành. Chỉ một giờ trước, toàn bộ hoạt động này đã ở trong tình trạng hỗn loạn. Giờ đây, gần như một cách kỳ diệu, tất cả sự lộn xộn dường như đã biến mất. Một nhóm cướp sách nổi tiếng đang chịu trách nhiệm cho vụ hack tại PRH; Robert Langdon và Katherine Solomon đã được tìm thấy và bảo vệ tại Prague; các NDA đã được ký; tất cả các bản sao của bản thảo hiện đã được giam giữ; và hai đặc vụ tại New York đã nhận lệnh rút lui và duy trì im lặng vô tuyến mà không có liên lạc thêm. Nhiệm vụ hoàn thành, anh nghĩ, nhìn qua cửa sổ hình bầu dục của chiếc máy bay riêng. Khi nhìn vào phong cảnh yên bình của Séc, Finch tự nhắc nhở rằng toàn bộ hoạt động phức tạp này chỉ đơn giản xuất phát từ một sự thật duy nhất có nhiều hệ quả và biện minh cho hành động của mình. Tâm trí con người là chiến trường tiếp theo của thế giới. Các cuộc chiến tranh của tương lai sẽ được chiến đấu theo cách khác, và Finch đã được chọn để dẫn dắt cuộc tấn công. Trung tâm thần kinh của chỉ đạo đó chính là Threshold... và các cấp trên của Finch đã trao quyền cho anh làm bất cứ điều gì cần thiết để bảo vệ công nghệ đang được phát triển ở đó. Threshold sẽ luôn gặp rủi ro. Nhưng một trong những mối đe dọa thực sự đầu tiên của nó đã xuất hiện từ một nguồn không thể ngờ tới, thậm chí trước khi cơ sở này hoàn toàn hoạt động. Katherine Solomon. Trong nhiều năm, nhà khoa học noetic tài năng đã nằm trong danh sách theo dõi của CIA. Trong số những điều khác, tính chất công việc của cô chồng chéo với các dự án đang được cơ quan khám phá. Vài năm trước, đội ngũ giám sát cô đã đánh dấu một bản sao của một podcast mà trong đó cô được hỏi cảm giác thế nào về những nhà nghiên cứu noetic đã rời khỏi học viện để làm việc với quân đội Mỹ về các nghiên cứu liên quan đến não. Câu trả lời của cô đã rõ ràng. “Làm việc với quân đội là điều trái ngược với mọi điều tôi tin tưởng. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, tôi sẽ không xem xét điều đó. Nghiên cứu noetic là dành cho mọi người... Nó không bao giờ nên bị vũ khí hóa.” Thật đáng tiếc, Finch nhớ lại đã nghĩ. DARPA có thể đã sử dụng cô trong các dự án N3 hoặc subnets. Chỉ với một câu nói, Katherine Solomon đã đánh dấu mình là người mà CIA không bao giờ có thể tiếp cận, thậm chí một cách kín đáo, mà không gặp rủi ro xảy ra hậu quả. Khi cơ quan biết rằng Solomon đang viết một cuốn sách về ý thức con người và đã ký được một hợp đồng xuất bản lớn, Finch đã ra lệnh cho đội ngũ

của mình theo dõi dự án chặt chẽ và bảo vệ một bản thảo của tác phẩm chưa xuất bản của cô như một biện pháp phòng ngừa. Thật bất ngờ, các đặc vụ của Finch báo cáo rằng bản thảo của Solomon đang được soạn thảo theo cách không thông thường—hoàn toàn trên máy chủ riêng của nhà xuất bản, được bảo vệ bởi một mức độ an ninh cao. Thực tế này, kết hợp với những yếu tố đáng lo ngại khác trong quá khứ của Solomon, đã khiến Finch lo lắng, và anh đã nghĩ ra một kế hoạch B. Anh đã chỉ định Brigita Gessner thuyết phục nhà khoa học noetic đến Prague với một lời mời giảng dạy danh giá. Gessner sẽ đánh giá bài giảng, sau đó ngồi lại mặt đối mặt bên ly rượu và xem cô có thể thu thập được điều gì từ Solomon về bản thảo của cô. Cô cũng sẽ đưa ra một lời đề nghị hiếm hoi cho tác giả lần đầu—một “lời giới thiệu của người nổi tiếng” mà cô cần một bản sao đọc trước của cuốn sách của Solomon. Và cuối cùng, Gessner sẽ mời Solomon tham quan phòng thí nghiệm, điều này yêu cầu ký một NDA ngắn... với một vài dòng kín đáo cho phép Finch kiểm soát toàn bộ tình huống nếu cần thiết. Thật không may... kế hoạch B đã nổ tung trước mặt tôi. Sau khi uống rượu tại Four Seasons, Gessner đã gửi một tin nhắn gây lo ngại rõ ràng đến Finch: □□□□□□ □□□□□□ □□□□. □□ □□ □□ □□□□. □□□ □□□□□□ □□ . □□□□□ □□□□□□—□□□ □□□□ □□ □□. □□□□ □ □□□□30 □□□□□□□. Solomon đã nói dối? Tin nhắn của Gessner ám chỉ rằng Solomon tinh quái hơn nhiều so với những gì Finch đã tin và có thể đang giấu một điều gì đó to lớn về bản thảo của cô. Finch đã chờ đợi một cách lo lắng đêm đó cho cuộc gọi của Gessner. Nó không bao giờ đến. Ba mươi phút đã trôi qua, và rồi một giờ đã qua. Finch gọi cho cô nhưng không nhận được câu trả lời. Hai giờ sau, khi điện thoại của anh cuối cùng cũng rung, đó không phải là Gessner mà là đội ngũ giám sát điện tử của anh với một thông tin cập nhật khẩn cấp: Katherine Solomon vừa kêu cứu trong phòng khách sạn của cô. Finch ngay lập tức nhảy vào luồng âm thanh từ microphone mà anh đã đặt trong suite của cô, mà cho đến nay, đã không tạo ra thông tin tình báo giá trị nào. Những gì anh nghe được là Langdon an ủi Solomon sau một cơn ác mộng nào đó, bàn luận về những chi tiết của giấc mơ đã khiến cô tỉnh dậy. Sau đó, Finch nghe thấy điều gì đó bất ngờ và cực kỳ đáng lo ngại—Langdon chỉ ra rằng những yếu tố kỳ lạ trong giấc mơ của cô hoàn toàn hợp lý... bao gồm sự xuất hiện của một “mũi thương.” “Nhớ biểu tượng của mũi thương Vel trên thẻ truy cập của Brigita không?” Langdon hỏi. “Chúng ta vừa thảo luận về nó với cô ấy vài giờ trước.” Finch không thể tin vào tai mình. Thẻ mà Langdon đang đề cập là một thẻ khóa all-access an toàn cao.

đến Threshold. Hiện tại, chỉ có hai thẻ như vậy tồn tại — của Gessner và của hân — và không có cách nào Gessner có thể tiết lộ điều đó cho họ. Cô ta giữ nó trong một túi bảo vệ...trong một chiếc cặp được khóa lại. Bối rối, Finch rút thẻ của mình ra và nghiên cứu nó. Đây là công nghệ truy cập RFID an toàn nhất trên trái đất. Một cách thông minh, toàn bộ bề mặt của thẻ là một thiết bị đọc sinh trắc — có khả năng đọc bất kỳ dấu vân tay nào của người sử dụng, ở bất kỳ định hướng nào — có nghĩa là thẻ này không thể được sử dụng nếu không được cầm bởi người dùng được ủy quyền. Nếu bị đánh cắp, thẻ sẽ trở nên vô dụng. Và nếu bị mất, dấu hiệu duy nhất trên thẻ không cung cấp manh mối nào về mối liên kết của nó. Từ đó là hoàn toàn chung chung. Nhưng trên thực tế, nó là một mã mã hóa. Prague, theo nghĩa đen, có nghĩa là “ngưỡng”—và những thẻ công nghệ cao này là cấp độ bảo mật đầu tiên để truy cập vào cơ sở hạ tầng ngầm của Threshold. Việc đưa biểu tượng mũi giáo Vel lịch sử một cách tinh tế vào chữ A là dấu ấn của Finch—một cái gậy đầu biểu tượng về vũ khí của giá trị, sức mạnh, và sự khai sáng đang được tạo ra dưới mặt đất. Tại sao Gessner lại cho người ngoài thấy thẻ này—đặc biệt là Katherine Solomon?! Giải thích duy nhất mà Finch có thể tưởng tượng ra lại vô cùng đáng lo ngại. Có lẽ hân đã đánh giá sai khả năng giữ bí mật của Gessner. Chắc chắn cô ta bị thúc đẩy bởi tiền bạc, điều này khiến Finch dễ dàng kiểm soát cô, nhưng cô cũng có một cái tôi khổng lồ. Hân tự hỏi liệu có thể hai người Mỹ kia đã khéo léo lật ngược tình thế với cô, tận dụng nhu cầu khoe khoang của nhà thần kinh học, và đã thuyết phục Gessner nói thay vì Katherine. Có thể họ đã làm cô say rượu hoặc thậm chí bắt cóc cô, điều này có thể giải thích tại sao Gessner không trả lời điện thoại. Finch cảm thấy thái dương của mình đập thình thịch với sự lo lắng ngày càng tăng khi hân phân tích các sự kiện: Solomon từ chối chia sẻ bản thảo... Nhà xuất bản của cô ấy đang thực hiện bảo mật cực kỳ chặt chẽ... Cô ấy biết về thẻ RFID của Gessner... Khi Finch ngồi một mình ở London trong cái lạnh của đêm khuya, hân hy vọng rằng mình đang bị hoang tưởng. Nhưng một khả năng khó chịu giờ đây đập vào hân: Có thể Solomon biết về Threshold...và đang viết một bài phê bình bùng nổ để tiết lộ công việc của CIA trong ý thức con người. Chỉ một khoảnh khắc sau, khi Finch tiếp tục theo dõi âm thanh, Solomon thú nhận một điều gì đó đã trở thành bước ngoặt. “Tôi đặc

biệt lo lắng ngay bây giờ, Robert,” cô nói, vẫn còn nước mắt. “Cuối cùng tôi đã cho Jonas đèn xanh để bắt đầu chỉnh sửa hôm nay. Anh ấy dự định in bản thảo và bắt đầu đọc tối nay, nên tôi cảm thấy lo lắng.” Tin tức khiến Finch bất ngờ. Katherine đã gửi cuốn sách của cô cho biên tập viên? Ngay khi bản thảo của cô ấy bước vào giai đoạn “chỉnh sửa”, các bản sao sẽ được phân phát khắp nhà xuất bản—những người chỉnh sửa, kiểm tra sự thật, thiết kế sách, thậm chí cả đội ngũ tiếp thị và quảng bá sớm. Việc kiểm soát, nếu cần thiết, sẽ trở nên không thể. Finch nhận ra mình đã hết thời gian và lựa chọn. Hắn không muốn tạo ra những sóng gió không cần thiết bằng cách hack vào nhà xuất bản, nhưng giờ hắn cần biết điều gì trong cuốn sách này... ngay lập tức. Không do dự, hắn đã ra lệnh cho nhóm công nghệ của mình xâm nhập vào máy chủ bảo mật của Penguin Random House và đánh cắp một bản sao của bản thảo Solomon. Khi hắn đã thấy nội dung bên trong nó, hắn sẽ thờ phào... hoặc ra lệnh xóa sạch mỗi mảnh công việc của cô. Finch cũng nhận ra rằng một trách nhiệm khác đã xuất hiện—đối tác của Katherine Solomon—Robert Langdon. Giáo sư Harvard này có danh tiếng trong việc khám phá những bí mật mà không ai muốn bị khám phá. Tôi cũng sẽ cần một sức ép lên Langdon, hắn quyết định. Finch nhanh chóng hình thành một kế hoạch, sử dụng những thông tin ít ỏi mà hắn vừa theo dõi từ Royal Suite. Từ lâu hắn đã học được rằng ngay cả thông tin vô hại nhất, nếu được trình bày đúng cách, có thể được nhào nặn thành một vũ khí gây nhầm lẫn mạnh mẽ. Nhà chiến lược quân sự cổ đại Tôn Tử đã đề ra toàn bộ kế hoạch quân sự xoay quanh câu châm ngôn nổi tiếng của ông: Nhầm lẫn tạo ra hỗn loạn... và hỗn loạn tạo ra cơ hội. Thời gian đang gấp rút, nhưng hắn đã xây dựng sự nghiệp của mình dựa trên việc chuẩn bị cho mọi tình huống và hành động một cách quyết đoán. Hắn nhPicking up the phone and making several calls, including one to Field Officer Housemore, with clear logistical instructions and orders to remain on standby. Just before 6 a.m., Prague local time, Finch’s hackers finally transmitted an encrypted version of Solomon’s complete manuscript to him. He had no intention of reading the entire document and began by just scrolling through the table of contents. He was relieved to find that the manuscript, at first glance, appeared to be precisely what the prepublication chatter suggested—an exploration of a new theory of consciousness. To be certain, Finch searched electronically for the keywords “CIA” and “Threshold,” relieved to see that neither turned up any matches. So far so good... Lastly, he entered a very specific search string—looking for one single piece of information. It will either be here...or it won’t. Finch held his breath and touched the return key to initiate the search. A full two seconds passed.

với không có kết quả nào, và Finch bắt đầu thư giãn. Và rồi máy tính của anh ping. Chết tiệt... Cuộc tìm kiếm đã xác định được một kết quả gần cuối của bản thảo. Khi trang xuất hiện, Finch cúi người vào gần, đôi mắt anh lướt qua văn bản. Chỉ trong vài khoảnh khắc, anh nhận ra đây là một kịch bản thảm khốc. Dù có chủ ý hay không, Katherine Solomon đã bước vào một tổ ong vô vẽ. Quyền sách của cô ta đang đặt ra một vấn đề nghiêm trọng. Trong khi Finch cân nhắc các tùy chọn hạn chế của mình để quản lý khủng hoảng, điện thoại anh lại ping với một tin xấu khác—một thông báo rằng Solomon vừa truy cập máy chủ PRH từ Trung tâm Kinh doanh Four Seasons, nơi cô ta đang in bản thảo của mình. Cô ấy đang làm các bản sao cứng vào lúc 6:45 sáng... trên một máy in của khách sạn?! Hành động này dường như đi ngược lại với các quy trình an ninh của nhà xuất bản, và Finch đột nhiên lo sợ rằng Solomon đã biết bản thảo của cô ta đã bị hack... và cô ta đã đang thực hiện các hành động để bảo vệ nó. Trong sự lo lắng, Finch đã thực hiện một nỗ lực cuối cùng để liên lạc với Brigita Gessner, mặc dù cuộc gọi của anh chỉ dẫn thẳng đến hộp thư thoại. Gessner đã mất tích cả đêm... kể từ khi cô ta gặp Solomon và Langdon. Một điều mà anh biết chắc chắn. Nơi có khói, nơi có lửa. Finch đã chuẩn bị những biện pháp đối phó mạnh mẽ ở cả Prague và New York, mà có thể được triển khai với một lệnh chỉ bằng một từ. Đánh giá toàn bộ tình hình, anh kết luận đã đến lúc. Anh đã gửi những tin nhắn Signal đồng thời đến các điệp viên của mình trên mặt đất tại cả hai thành phố: □□□□□□. T CHƯƠNG 83 Golem quỳ trên sàn đá cẩm thạch hồng, đã rất kiệt sức sau cuộc vật lộn. Tập hợp sức mạnh để di chuyển và giấu xác, anh vui mừng khi thấy xác chết của nạn nhân nhẹ hơn nhiều so với của Harris. Anh kéo người phụ nữ với ít nỗ lực, vút cô khỏi tầm nhìn phía sau một chiếc ghế sofa gần bức tường bên. Anh đã cân nhắc việc ăn cắp khẩu súng ngắn của người phụ nữ, nhưng anh chưa bao giờ có cơ hội để học cách bắn một cái, và anh thích sự đơn giản và yên tĩnh của khẩu súng điện hơn. Golem giờ chuyển đến bức tượng nghệ thuật trên tường và nhẹ nhàng trượt tác phẩm nặng sang một bên, để lộ thang máy mà anh đã đi lên cách đây vài phút để bắt bất ngờ người phụ nữ. Bảng điều khiển an ninh của thang máy phát sáng trước mặt anh, và anh cần

thận nhập mã bảy ký tự của Gessner, nhớ lại nỗi sợ hãi của cô ta vào đêm qua. Cô ấy đã nói cho tôi mọi thứ... như bất kỳ ai trong vị trí của cô ấy. Khi thang máy hạ xuống một tầng, Golêm nhắm mắt, nhớ lại với sự hài lòng phương pháp thẩm vấn của mình, sử dụng một máy móc mà chính nạn nhân của anh đã phát minh ra. Pod EPR của Gessner được thiết kế cho những bệnh nhân hoàn toàn được gây mê, bất tỉnh phối hợp với fentanyl tĩnh mạch—thuốc giảm đau mạnh nhất trên thế gian—sẽ chặn cảm giác đau đớn khủng khiếp khi hệ tuần hoàn của bạn bị rửa bằng dung dịch muối lạnh như băng. Tuy nhiên, Golêm chỉ đã cột chặt cô ta vào đó, bỏ qua gây mê và cố định cổ tay và mắt cá chân của cô ta bằng các dây Velcro nặng của pod. Các IV của máy được thiết kế cho động mạch và tĩnh mạch đùi, nhưng anh đã cắm các ống thông vào tay cô thay thế, mà anh hình dung sẽ cung cấp đủ dòng chảy để giữ cho cô tỉnh táo trải nghiệm sự hành hạ. Thang máy tự động mở ra phòng thí nghiệm của Gessner, và Golêm đi qua ánh sáng mờ, áo choàng của anh bay phất phơ phía sau, tạo ra những bóng ma trên các bức tường đá. Lần này, anh ở một mình trong pháo đài, và anh sẽ không bị gián đoạn. Tôi chỉ cần một phút để lấy những gì tôi đến đây. Sau đó anh sẽ hướng tới cơ sở bí mật được gọi là Threshold. Chấn thương vì bị bắt cóc vẫn chưa phai nhòa đối với Jonas Faulkman, và khi giờ đây biết rằng Robert và Katherine đã bị dẫn dụ vào căn cứ của một cựu luật sư CIA, anh chỉ có thể hy vọng họ đã nghe theo lời khuyên của anh và rời khỏi đó. Gọi cho tôi, Robert. Hãy cho tôi biết bạn ổn nhé... Alex Conan đã đang gõ trên chiếc laptop của mình, thực hiện một cuộc khám phá sâu về In-QTel. Faulkman rất quan tâm muốn biết tại sao công ty đầu tư lại phản đối mạnh mẽ bất kỳ điều gì có trong bản thảo của Katherine. “Hãy nhìn vào điều này,” Alex cuối cùng nói. “Đây là một danh sách một phần về các khoản đầu tư tư nhân của Q.” Faulkman lao đến và nhìn vào màn hình qua vai của kỹ thuật viên, nhìn catalog của công ty trong sự không thể tin nổi. Có hơn ba trăm mục, chủ yếu bằng ngôn ngữ mà anh không thể hiểu. MemSQL—phân tích đồng bộ Boundless Spatial Xanadu—giải pháp lượng tử quang học Keyhole—hình ảnh địa lý zSpace—điều khắc 3D bằng hologram Danh sách còn dài vô tận. “Điều này trông giống như những gì tôi mong đợi,” Alex nói, nhanh chóng quét qua danh sách. “Những gì tôi nhận ra chủ yếu là an ninh mạng, phân tích dữ liệu, hình ảnh, điện toán...” “Còn về khoa học thần kinh hoặc ý thức—các thứ tương tự ấy thì sao?” “Có thể, tôi không biết. Chúng ta cần ném danh sách này vào một đống—” Điện thoại của Alex rung, và anh liếc nhìn ID người gọi, hít một hơi thở tiếp thêm sức mạnh trước khi trả lời. “Allison, chào buổi sáng. Tôi vừa—” Faulkman có thể nghe thấy giám đốc bảo mật dữ liệu đang la hét.

“Cảnh sát, tôi hiểu rồi,” Alex nói một cách bình tĩnh. “Tôi sẽ đến ngay.” Anh kết thúc cuộc gọi và đứng dậy. “Xin lỗi, giờ thì tôi phải thẩm vấn.” Faulkman cảm thấy cho cậu bé. Xét rằng PRH đã bị một cơ quan tình báo toàn cầu hack, đây không phải là một cuộc chiến công bằng, và Alex đã xử lý cuộc khủng hoảng cực kỳ đáng khen. “Tôi sẽ về khi có thể,” nhân viên công nghệ nói, trước khi có vẻ như lại nghĩ ra một điều gì khác và gõ nhanh trên máy tính xách tay của mình. “Tôi vừa sao chép và gửi cho bạn danh sách đó; hãy đưa nó vào DAP và tìm kiếm bất kỳ sự giao thoa nào.” “Chờ đã! DAP là gì! Tôi không có cái đó!” “Có chứ, bạn có,” Alex nói một cách kiên nhẫn, đi về phía cửa. “Có cả một bộ nền tảng phân tích dữ liệu trên máy chủ của PRH để bạn sử dụng.” Faulkman thậm chí không biết nơi nào để tìm. “Thôi bỏ đi,” Alex nói, “chỉ cần sử dụng một công cụ trực tuyến—ChatGPT hoặc Bard hay một cái gì đó. Nói với nó phân tích các khoản đầu tư của Q và đối chiếu chúng với bất kỳ chủ đề nào bạn nghĩ là có liên quan đến cuốn sách của Tiên sĩ Solomon. Tôi sẽ về khi có thể.” Nói xong, Alex vội vã ra đi. Faulkman đứng một mình trong văn phòng, nhìn về phía máy tính của mình với ánh mắt hoài nghi. Anh đã thấy các ứng dụng trí thông minh nhân tạo, tất nhiên, nhưng anh đã công khai thề rằng không bao giờ sử dụng chúng. Một mối đe dọa tồn tại đối với nghề viết văn cao quý! PRH đã bắt đầu nhận các bài gửi mà rõ ràng là đã được viết bởi robot, nhưng chúng ngày càng khó phát hiện hơn. Faulkman đã có một lập trường kiên quyết—khuyến các biên tập viên đồng nghiệp tẩy chay tất cả các sản phẩm AI trước thảm họa văn học sắp đến. Bây giờ, tuy nhiên, Faulkman thấy mình đứng trước ngã ba đường. Khi anh mở email mà Alex đã gửi cho mình và nhìn vào danh sách các khoản đầu tư của Q, anh hình dung ra những lạm dụng ghê gớm mà tổ chức bí ẩn đã áp đặt lên Katherine... lên Robert... và lên chính Faulkman. Hãy quên đi phẩm hạnh đạo đức, anh quyết định, ngồi xuống bên máy tính của mình. Đây là chiến tranh.

CHƯƠNG 84

Xe SUV “sử dụng cá nhân” được trang bị cho nơi ở của đại sứ là một chiếc Hyundai Tucson màu kem không có gì đặc biệt, với biển số Cộng hòa Séc, mà Heide Nagel thỉnh thoảng sử dụng vào cuối tuần để

trốn khỏi thành phố. Chuyến đi gần đây nhất của cô là đến Labyrinth Tisa Rocks ở Thụy Sĩ Bohemian, một mê cung của các con đường đi bộ qua những tảng đá sa thạch tuyệt đẹp đến nỗi đã xuất hiện trong bộ phim giả tưởng The Chronicles of Narnia. Tôi ước gì tôi đang ở đó ngay bây giờ, Nagel nghĩ, vẫn cảm thấy buồn nôn về cái chết của Michael Harris. Khi cô rời khỏi nơi ở, một mình trong chiếc SUV, cô cảm thấy gánh nặng của sự phản bội mà cô đang gây ra bằng cách giúp đỡ hai người Mỹ này. Cô thực sự hy vọng Langdon biết mình đang làm gì. Nếu điều này không thành công, Finch sẽ chôn sống tôi... có lẽ theo nghĩa đen. Nagel tiếp cận cổng an ninh và bấm còi hai lần. Đứa lính thủy quân lục chiến trong buồng gác nhảy lên khỏi dây màn hình an ninh và vội vã chạy đến cửa sổ, trông có vẻ ngạc nhiên. Đại sứ hiếm khi rời đi mà không báo trước, hiếm khi trong chiếc xe của riêng mình, và cô chưa bao giờ bấm còi. “Xin lỗi, Carlton,” cô nói, hạ kính xuống. “Tôi chỉ quay lại đại sứ quán thôi. Quên mũi tiêm Enbrel của mình. Tuyệt làm hỏng khớp của tôi.” “Thưa bà, tôi rất vui lòng gửi—” “Dễ hơn nếu tôi tự làm. Thuốc thì locked trong ngăn kéo bàn của tôi, và tôi cũng phải lấy một sổ giấy tờ nữa. Tôi sẽ quay lại ngay.” “Tất nhiên, thưa bà.” Người lính gác bấm nút, và cổng mở ra. Anh ta quay lại nhìn các màn hình an ninh che phủ khuôn viên, nhưng Nagel gọi anh ta lại. “Một điều nữa, Carlton,” cô nói. “Xin lỗi—tôi có hai vị khách Mỹ đang chờ ở thư viện, và tôi đang mong chờ một vị khách khác sớm thôi, một ông Finch. Tôi sẽ quay lại trước khi ông ấy đến, nhưng nếu vì lý do nào đó ông ấy đến trước, tôi đã nhờ nhân viên của tôi làm cho ông ấy thoải mái trong phòng khách cho đến khi tôi trở lại để giới thiệu. Tôi chỉ muốn chắc chắn rằng bạn biết ông ấy sẽ đến.” “Bây giờ tôi biết, thưa bà,” anh ấy nói, mỉm cười. “Cảm ơn bà. Tôi sẽ gặp bà sớm.” Nagel cảm ơn người lính thủy quân và chuẩn bị tiến lên, nhưng như cô đã dự tính, cổng đã hết thời gian và bắt đầu đóng lại. “Xin lỗi,” cô nói, lắc đầu. “Espresso luôn làm tôi trở nên nhiều chuyện!” Người lính gác mỉm cười. “Không có gì đâu, thưa bà.” Anh ấy bấm nút để mở lại cổng. Khi cô chuẩn bị đi qua, cô bấm còi và làm chết máy chiếc Hyundai. “Ôi trời ơi, thật xấu hổ. Tôi hiếm khi lái xe nữa!” Cô khởi động lại xe, nhưng không trước khi cổng đóng lại lần hai. Họ lặp lại quá trình, và lần này Nagel đã đi qua. Cô rẽ ra đường Ronald Reagan và ngay lập tức rẽ trái vào Bubenečská, hy vọng rằng những hành động của mình đã giữ mắt của người lính gác khỏi các luồng an ninh đủ lâu để Langdon và Solomon, khi nghe tiếng còi xe của cô, có thể vội vàng ra ngoài.

của nhà kính và qua bãi cỏ đến phía xa của khu đất, nơi mà, nếu ai đó có thể tìm thấy cái chốt ẩn, một cánh cổng sắt đi bộ mở từ bên trong ra đường československé armády. Quả thật, khi cô vòng quanh khu vực, Langdon và Solomon có thể nhìn thấy ở góc phố, cả hai đều ăn mặc không phù hợp với thời tiết. Đại sứ ngừng xe bên cạnh họ, và họ nhảy vào xe, Katherine ra hiệu cho Langdon ngồi ở phía trước bên cạnh Nagel. Khi họ tăng tốc rời khỏi nơi ở, không ai nói một lời. Tất cả họ, dường như, đều bắt đầu nhận ra những nguy hiểm của kế hoạch mà Langdon đã đề xuất. Tùy chọn thứ tư. “Có khả năng cao,” Langdon đã nói với họ vài phút trước trong phòng nôi hơi tăng hầm, “rằng ngay cả khi chúng ta gặp Finch, và ông ta tin rằng chúng ta đã ký những NDAs đó, ông ta cũng sẽ không bao giờ chia sẻ điều gì đang thực sự xảy ra tại Threshold. Chỉ có một cách để chắc chắn rằng chúng ta có thông tin và bằng chứng cần thiết để bảo vệ mình—và đó là tài liệu và ảnh.” Anh dừng lại, nhìn họ một cách chờ đợi. “Bằng cách nào đó, chúng ta cần vào được Threshold.” “Không thể,” Nagel nói. “Tìm kiếm Threshold là điều không thể.” “Tại sao?” Solomon hỏi. “Bạn nói rằng cơ sở này hiện không có người, và mọi người đều đang luyện tập ngoài địa điểm. Nó sẽ vắng vẻ.” “Điều đó đúng,” Nagel trả lời. “Nhưng tôi chưa giải thích cho bạn biết cơ sở này an toàn như thế nào. Lối vào của Threshold cơ bản là một đường hầm được gia cố, được bảo vệ bởi các rào chắn thép, camera an ninh, lính canh vũ trang và các biện pháp sinh trắc học tinh vi.” “Như tôi mong đợi,” Langdon nói. “Nhưng tôi có một kế hoạch để đưa chúng ta vào.” Giờ đây, Đại sứ Nagel thấy mình đang lái chiếc SUV xa khỏi nơi ở, định hướng về phía nam của Prague. Không có đường quay lại, cô nghĩ. Tôi chính thức là một đồng phạm. Để đảm bảo rằng hành trình không được theo dõi bởi Finch, Nagel đã để lại điện thoại di động ngoại giao của mình tại nơi ở, kết nối với mạng gia đình của mình. Thay vào đó, cô đã đào ra chiếc Samsung cũ, mà cô không bao giờ bật lên trừ khi để xem phim giải trí sau giờ làm việc tại nhà. Không cần đại sứ quán biết tôi nghe Taylor Swift và xem các tập lại của Ted Lasso. Pin của chiếc Samsung đã hết nhưng giờ đang được sạc lại trên bảng điều khiển. Nagel hy vọng nó sẽ sạc đủ nhanh để chụp ảnh bất kỳ điều gì xảy ra bên trong Threshold. Nếu Langdon thực sự có thể cho chúng ta vào. Langdon vẫn chưa chia sẻ chi tiết về kế hoạch của mình, nhưng càng nghĩ về rào cản kiên cố chặn lối vào, cô càng cảm thấy ít lạc quan hơn. Trên mặt đường rải tuyết tại Sân

bay Václav Havel, chiếc Citation của ông Finch đang lăn bánh về phía nhà ga riêng, nơi một chiếc Town Car đang chờ đón ông vào Prague. Finch vui mừng khi đã có mặt trên mặt đất, nhưng ông không thể gạt bỏ cảm giác khó chịu rằng có điều gì đó trong cuộc gọi của ông với đại sứ đã... sai. Ông và Nagel luôn có mâu thuẫn, nhưng có điều gì đó trong cách cư xử của cô trên điện thoại trước đó khiến ông cảm thấy không yên tâm. Ông quyết định gọi cho cô một cuộc gọi nhanh nữa, chỉ để xoa tan lo lắng và xác nhận rằng cô thực sự đã gửi một nhóm lính thủy quân đánh bộ để bảo vệ Crucifix Bastion. Tuy nhiên, khi ông gọi điện thoại di động của cô, đại sứ không trả lời. Kỳ lạ. Ông lập tức gửi cho cô một tin nhắn an toàn, nhưng thông điệp này cũng không được trả lời. Khi chiếc máy bay hiện đại dừng lại và động cơ ngừng hoạt động, ông Finch cảm thấy cái nút thắt trong dạ dày mình càng siết chặt hơn. Ở tầng dưới của Crucifix Bastion, The Gollem kéo mũ trùm chặt quanh đầu mình cứng như đất sét và chuẩn bị tinh thần cho những gì sắp diễn ra. Hắn đã trở lại phòng làm việc lộn xộn nơi hắn đã giết chết Brigita Gessner tối qua, và xác cô ta vẫn nằm đó, máu me và khùng khiếp trong cái pod EPR mở. Gessner và trợ lý của cô ta là hai người duy nhất làm việc ở đây, và cho đến nay, đại sứ quán và các cơ quan địa phương chưa có phương tiện nào để tiếp cận. Trên một bàn làm việc gần đó, The Gollem thấy cặp da của Gessner, mà hắn đã mở ra tối qua bằng một cái tua vít phẳng, lấy chiếc thẻ RFID màu đen mà cô ta đã bảo vệ trong một cái vỏ đặc biệt bên trong nắp. Nhưng thẻ đó chưa đủ; Gessner đã giấu chi tiết đó tối qua. Để truy cập vào Threshold, The Gollem cần có một đồ vật cuối cùng. Kéo ra một cặp cắt dây nặng từ dãy công cụ, hắn đi đến EPR pod và quỳ xuống bên xác Gessner. “Cho Sasha,” hắn thì thầm khi nhẹ nhàng lấy tay vô hồn của bác sĩ trong tay hắn. Sáu mươi giây sau, The Gollem đã trở lại hành lang, chuẩn bị rời khỏi bastion. Hắn giờ đã mang theo mọi thứ hắn cần để tiếp cận Threshold... và biến cơ sở bí mật thành một đồng đồ nát. K CHƯƠNG 85 Katherine Solomon đã dành phần lớn buổi sáng của mình

ngồi một mình trong bóng tối của Thư viện Baroque Klementinum, cố gắng tìm ra ai đang nhắm vào bản thảo của cô — và tại sao. Bây giờ, ngồi thoải mái ở ghế sau của chiếc SUV của Nagel, Katherine thấy suy nghĩ của mình chuyển sang một câu hỏi cấp bách hơn. Làm thế nào Robert có thể đưa chúng ta vào bên trong Threshold... mà không khiến chúng ta bị giết? Tất cả họ đã đồng ý với mục tiêu mà Langdon đề xuất — để vào bên trong cơ sở thực tế và thu thập thông tin đã được phân loại để bảo vệ bản thân — nhưng theo Nagel, lối vào hầm ngầm là một con đường bị che chắn nặng nề, dẫn xuống một trạm kiểm soát với sự giám sát bằng video, nhân viên quân đội vũ trang, và an ninh sinh trắc học. Katherine bắt đầu tự hỏi liệu đây có phải là một mảnh khõe thông minh của Robert để thoát khỏi cơ xá của đại sứ hay không. Nhưng nếu điều đó là thật... giờ thì sao? “Trước khi chúng ta đi xa hơn,” Nagel nói, giảm tốc độ lại bên lề một con phố yên tĩnh trong khu dân cư của cô, “tôi cần biết kế hoạch của bạn để vào cơ sở.” Cô ấy cho xe vào số đỗ và quay sang đối diện Langdon ở ghế trước. “Công bằng thôi,” Langdon nói. “Nó thực sự nên rất đơn giản.” Anh ngừng lại, một nụ cười lúng túng tách ra từ môi anh. “Miễn là suy luận của tôi là đúng.” Nagel thì không cười. “Tiếp tục đi.” Trong sáu mươi giây tiếp theo, Langdon đã phác thảo chính xác cách mà anh tin rằng họ có thể vào được Threshold. Khi anh kết thúc, ánh nhìn tò mò trên gương mặt của Nagel đã chuyển thành một vẻ kinh ngạc, khớp với cảm giác ngạc nhiên của Katherine. Giải thích của Langdon, theo cách riêng của anh, hoàn toàn bất ngờ... hợp lý một cách hoàn hảo... và bất ngờ đơn giản. “Tôi không biết tôi nghĩ bạn sẽ nói gì,” Nagel nói, “nhưng không phải điều đó.” Cô ấy có vẻ đột ngột hy vọng. “Tôi phải thừa nhận, ý tưởng đó chưa bao giờ xuất hiện trong đầu tôi.” Langdon gật đầu. “Tôi hình dung họ hy vọng điều đó sẽ không xuất hiện trong đầu bất kỳ ai.” Nagel cho chiếc SUV vào số và chạy nhanh hơn, hướng về phía nam tới dòng sông. Không ai nói thêm lời nào. Ở ghế sau, Katherine cảm thấy hồi hộp khi nghĩ rằng cô có thể cuối cùng học được cách công việc của mình có thể trở thành một mối đe dọa đối với một dự án của CIA đã được phân loại. Họ đang làm gì ở Threshold mà liên quan đến bản thảo của tôi? Tên mã Threshold nghe có vẻ chung chung và không có gì nổi bật, không tiết lộ điều gì về bản chất của dự án CIA. Đây dường như là một thực tế tiêu chuẩn, Katherine kết luận, liệt kê một danh sách các tên mã đã được giải mật của CIA được nhắc đến bởi báo chí từ thời gian này sang thời gian khác: Bluebook, Artichoke, Mongoose, Phoenix, Stargate... Trong khoảnh khắc đó, Katherine cảm thấy một mối liên hệ bất ngờ xuất hiện. “Psychotronics,” cô tuyên bố. Nagel liếc nhìn qua vai. “Xin lỗi?” Langdon quay lại, nhìn cũng đầy nghi hoặc. “Psychotronics,” cô lặp lại. “Đó là thuật ngữ mà người Nga đã sử dụng cho nghiên cứu ban đầu của họ về các hiện tượng huyền bí — đọc tâm trí, ESP, điều khiển suy nghĩ, trạng thái ý thức thay đổi. Psychotronics được coi là tiền thân của khoa học noetic

hiện đại.” “À đúng rồi, tôi đã quên tên đó,” Nagel nói. “Nga đã đầu tư một tỷ đô la vào psychotronics trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh — sáng kiến ‘quân đội thần kinh’ đầu tiên của thế giới — điều khiển tâm trí, giám sát tâm lý, các chiến thuật liên quan đến não, và những thứ như vậy. CIA, dĩ nhiên, đã phát hiện ra chương trình, hoảng loạn, nhảy vào, và khởi xướng một loạt các chương trình nghiên cứu quân đội thần kinh cực kỳ bí mật của riêng chúng ta.” “Và một trong những dự án đó,” Katherine nói, “được gọi là Stargate.” “Đúng vậy,” Nagel đáp, tăng tốc SUV để kịp đèn giao thông tại một ngã tư tấp nập sáu hướng. “Nhưng như bạn có lẽ biết, Stargate là một thất bại — một trong những thất bại công khai đáng xấu hổ nhất của cơ quan. Khi Stargate bị phát hiện, cơ quan đã bị chế nhạo không thương tiếc vì đã tiêu tốn hàng triệu đô la vào khoa học giả, thủ thuật trên sân khấu, và các nỗ lực để đào tạo ‘những điệp viên ma thuật.’ Cuối cùng, hóa ra CIA đã bị lừa bởi thông tin sai lệch của Nga và bị đánh lừa để theo đuổi các khoa học rìa mà vốn không bao giờ có thể hoạt động.” Không thực sự là rìa, Katherine bức bối, nhưng cô giữ im lặng. Mặc dù những thất bại và lịch sử đáng xấu hổ của nó, những nỗ lực của Stargate nhằm khám phá các hiện tượng não siêu nhiên rơi vào điều mà các nhà khoa học hiện nay sẽ gọi là siêu hình học hoặc sinh lý học tâm lý. “Tại sao bạn lại đề cập đến Stargate?” Langdon hỏi. “Bạn đã viết về nó trong bản thảo của bạn?” “Không,” Katherine nói. “Nhưng tôi chợt nhận ra rằng Stargate là một trong những nỗ lực đầu tiên để thử nghiệm khả năng của ý thức phi địa phương.” “Ô?” Langdon quay lại, nhìn ngạc nhiên. “Vậy nên CIA đã làm việc về ý thức phi địa phương?” “Theo một nghĩa nào đó, thì có,” Katherine nói. “Stargate đã cố gắng phát triển một kỹ thuật giám sát chưa từng được tưởng tượng trước đây gọi là ‘nhìn từ xa.’ Nó bao gồm một ‘người xem’ ngồi ở một nơi yên tĩnh, thiền định cho đến khi anh ta rơi vào trạng thái hôn mê, và sau đó chiếu ý thức của anh ấy ra khỏi cơ thể... giải phóng nó khỏi những ràng buộc địa phương... và để nó hiện ra một cách dễ dàng ở bất kỳ đâu trên thế giới để ý thức có thể ‘nhìn’ những gì đang xảy ra ở những địa điểm xa.” Langdon nhướn mày, nhìn cực kỳ hoài nghi. Cảm ơn, Robert, cô nghĩ, xem xét việc nhìn từ xa thực sự định nghĩa lý thuyết về ý thức phi địa phương của cô. Một tâm trí không bị ràng buộc bởi địa phương. “Mục tiêu cuối cùng của Stargate,” Nagel thêm vào, “từ góc độ quân sự, là

để đào tạo một điệp viên tâm linh có thể lơ lửng trong tâm trí Kremlin, quan sát một cuộc họp, cuộc trò chuyện riêng tư, hoặc một phiên họp chiến lược quân sự, và sau đó “quay trở lại” nhà để báo cáo những gì đã xảy ra.” “Thật khó để tưởng tượng rằng điều đó không hiệu quả,” Langdon nói một cách mỉa mai. Katherine nghiêng người về phía trước trong ghế của mình, giờ đây nói một cách quyết liệt. “Để ghi rõ, Robert, anh đã viết về việc nhìn xa và ý thức không địa phương trước khi tôi làm.” “Gì cơ? Tôi chưa bao giờ viết về cả hai—” “Anh gọi chúng là ‘hình chiếu tinh thần’ và ‘KA không ràng buộc.’” Langdon do dự, nghiêng đầu. “Ồ...Kiến trúc Tâm linh? Anh đã đọc cuốn sách đó?” “Chà, anh đã gửi cho tôi...” Hành động hình chiếu tinh thần, Langdon đã viết, có nguồn gốc từ Ai Cập cổ đại, nơi mà các kim tự tháp bao gồm những đường hầm được tạo ra một cách cẩn thận để cho linh hồn của pharaoh, hay Ka, có thể di chuyển vào và ra khỏi các vì sao. Từ “Ka,” Langdon đã lưu ý trong cuốn sách của mình, thường bị dịch sai thành “linh hồn,” khi thực tế nó có nghĩa là “phương tiện”...một cách dễ vận chuyển ý thức đến những vị trí khác. Sự khôn ngoan mà các pharaoh thu được trong cuộc hành trình của linh hồn mình đến các vì sao chỉ có thể xảy ra vì sự hiểu biết của họ về Ka không ràng buộc...nói cách khác, ý thức không địa phương. Khái niệm về “một linh hồn vĩnh cửu, phi vật chất,” Langdon viết, là một hằng số phổ quát trong tất cả các tôn giáo. Anh ấy luôn nói về ý thức không địa phương. Anh chỉ không nhận ra điều đó. “Được rồi,” Langdon nói, trông có vẻ xấu hổ, “nhưng tôi viết về những tín ngưỡng lịch sử—không phải khoa học khó khăn. Chỉ vì một nền văn hóa tin rằng điều gì đó là đúng...điều đó không biến nó thành một sự thật khoa học. Tôi chỉ đang nói rằng tôi thấy khó mà tưởng tượng rằng việc nhìn xa là khả thi về mặt khoa học.” Thông thường, Katherine đánh giá cao sự hoài nghi của Langdon vì nó thách thức cô, nhưng hôm nay cô cảm thấy anh không mở rộng tâm trí đủ để thấy một sự thật mà cô cho là rõ ràng. Cha đẻ của tâm lý học Mỹ, William James, đã nổi tiếng nói: Để bác bỏ khẳng định rằng tất cả quạ đều đen, chỉ cần một con quạ trắng là đủ. Như Katherine đã mô tả trong bản thảo của mình, một cả bầy quạ trắng giờ đã được giải phóng...bởi khoa học noetic, bởi vật lý lượng tử, và bởi công việc của một nhóm học giả ẩn tượng những người ủng hộ tích cực cho ý thức không địa phương. Những trí tuệ được kính trọng như Harold Puthoff, Russell Targ, Edwin May, Dean Radin, Brenda Dunne, Robert Morris, Julia Mossbridge, Robert Jahn, và nhiều người khác đã có những phát hiện kinh ngạc trong các lĩnh vực đa dạng như vật

lý plasma, toán học phi tuyến tính, và nhân học ý thức, tất cả đều ủng hộ khái niệm về ý thức không địa phương. Những cuốn sách phổ biến của họ mang tên như Tâm trí Vô Hạn, Nhận thức Từ Xa, Giác Quan Thứ Bảy, Nhận thức Bất Thường, và Ma Thuật Thực Sự. Katherine chưa từng nghe về bất kỳ tiêu đề nào khác bị phản đối từ CIA. Và tại sao họ lại phải như vậy? Khái niệm về “tâm trí tách rời khỏi cơ thể” không hề kỳ lạ như hầu hết mọi người tưởng tượng. Hàng triệu người thực hành thiền thực sự đã đang chơi đùa với các rìa của thế giới này, tập trung tâm trí của họ cho đến khi cơ thể vật lý của họ dường như bốc hơi và họ nhận thức mình chỉ là tâm trí—một ý thức không còn ở trong cơ thể. Từ đó, một tỷ lệ nhỏ người thiền có kỹ năng đạt được “hình chiếu,” một trạng thái mà ý thức được nhận thức là di chuyển ra xa khỏi vị trí vật lý của mình. Đây là cảm giác tách rời mà nhiều người mắc bệnh động kinh và những người từng trải qua trải nghiệm cận tử mô tả. Điểm gần nhất mà Katherine từng đạt được để hình chiếu là những “giấc mơ rõ ràng” thỉnh thoảng—một trải nghiệm kỳ lạ mà trong đó cô “tỉnh dậy” bên trong giấc mơ của mình, nhận ra rằng mình đang mơ, và có khả năng làm bất cứ điều gì mình muốn trong giấc mơ đó. Một sân chơi ảo tối thượng. Một cây cầu có thể tiếp cận giữa ý thức và tưởng tượng, giấc mơ rõ ràng cung cấp một cửa sổ độc đáo vào việc thao túng thực tế chủ quan của chính mình. Không có gì ngạc nhiên, giấc mơ rõ ràng đã trở thành một ngành công nghiệp trị giá hàng triệu đô la về “sự rõ ràng”—các cảm nang hướng dẫn giấc mơ, kính ngủ, và cả cocktail thuốc galantamine được thiết kế để giúp những người mơ “đi vào trạng thái rõ ràng!” Katherine biết rằng giấc mơ rõ ràng đã được công nhận qua nhiều nền văn hóa trong nhiều thế kỷ, nhưng phải đến thập niên 1970, các phương pháp khoa học, đặc biệt bởi nhà tâm lý học sinh lý Stephen LaBerge, mới thực sự xác thực sự tồn tại của nó. LaBerge đã chứng minh rằng những người mơ rõ ràng, trong khi ngủ, có thể giao tiếp “nhận thức có ý thức” của họ với các nhà nghiên cứu bằng cách thực hiện một loạt các chuyển động mắt đã được thỏa thuận trước... tất cả trong khi tâm trí của người mơ đang trải qua một trải nghiệm xa rời cơ thể đang ngủ của mình. Tỉnh dậy bên trong một giấc mơ là một kỹ năng có thể học được cho những ai quan tâm, nhưng đối với những người không quan tâm, vẫn có tin tốt. Katherine tin rằng mọi người sẽ có ít nhất một trải nghiệm ra khỏi cơ thể trong suốt cuộc đời của họ. Khoảnh khắc của cái chết. Dữ liệu cho thấy một cách áp đảo rằng cái chết thường được kèm theo một sự chuyển tiếp qua một trải nghiệm ra khỏi cơ thể có ý thức, thường được cảm nhận là tâm trí của bạn tách khỏi cơ thể, lơ lửng trên chính hình dạng vật lý của bạn trên bàn mổ, địa điểm tai nạn, giường bệnh... quan sát những người đang cố gắng hồi sinh bạn hoặc nói lời tạm biệt đầy nước mắt. Hàng nghìn bệnh nhân được hồi sinh đã làm các bác sĩ phẫu thuật sững sờ khi thuật lại các hành động và cuộc trò chuyện chính xác đang diễn ra trong bệnh viện trong khi họ được coi là đã chết về mặt lâm sàng và thậm chí đã có những...

mất được băng lại để phẫu thuật. Vẫn chưa có sự đồng thuận về nguyên nhân gây ra những trải nghiệm ngoài cơ thể này. Áo giấc may mắn do tình trạng thiếu oxy? Bằng chứng về linh hồn rời khỏi cơ thể? Một cái nhìn thoáng qua vào kiếp sống tiếp theo của chúng ta? Bản chất thật sự của cái chết, Katherine biết, là bí mật mà tất cả chúng ta khao khát hiểu biết...qua mọi nền văn hóa, mọi thể hệ và mọi thời đại. Khác với hầu hết những bí ẩn không thể biết của cuộc sống, tuy nhiên, đây là một bí mật mà được đảm bảo sẽ được tiết lộ cho tất cả chúng ta...nhưng chỉ vào cuối cùng. Những khoảnh khắc cuối cùng trong đời...trở thành những khoảnh khắc đầu tiên của sự thật.

CHƯƠNG 86

Đại sứ Nagel đang cẩn thận đi qua khúc ngoặt gấp trên Chotkova thì điện thoại di động riêng của cô kêu bíp bên cạnh sọc. Trong một khoảnh khắc, cô tưởng rằng âm thanh lạ lẫm đó có thể là một loại thông báo để xác nhận rằng điện thoại không còn hoàn toàn chết. Nhưng điện thoại cứ tiếp tục kêu bíp. Nagel liếc xuống, ngạc nhiên khi thấy một cuộc gọi đến—cuộc gọi đầu tiên của cô trên chiếc điện thoại này, có vẻ như được cài đặt chuông “côn trùng.” Không ai biết rằng số này thậm chí tồn tại... Tuy nhiên, ID người gọi của cô hiện lên một cái tên quen thuộc—□□□□□ □□ □□□□□ □□□□□□—sĩ quan trưởng trong đội bảo vệ an ninh Thủy quân lục chiến của cô. Nagel tin tưởng Kerble như mạng sống của mình, nhưng cô ngạc nhiên khi thấy anh có số này. Không còn sự lựa chọn nào khác ngoài việc trả lời, cô nghe máy. “Scott?” “Thưa Đại sứ!” viên cảnh vệ exclam, âm thanh có vẻ nhẹ nhõm. “Tôi xin lỗi vì đã sử dụng đường dây riêng của bà. Tôi đã thử tất cả các số khác của bà, nhưng—” “Không sao—tôi chỉ không biết có ai biết đến điện thoại này. Có vấn đề gì không?” “Nhà của bà thông báo cho tôi,” người lính Thủy quân cho biết, “rằng bà đang đến đại sứ quán để lấy thuốc. Thời gian đến nơi của bà là khi

nào?” Nagel ngả người về phía vô lăng. Chết tiệt. “Thực ra, Scott, đây không phải là thời điểm thuận tiện. Có chuyện gì không?” Cô có thể thấy lỗi vào cầu Mánesuv đang tiếp cận phía trước. “Tôi đang chờ bà tại đại sứ quán, thưa bà, với một đồ vật mà tôi tin rằng bà cần —” “Chờ đã, tôi nghĩ rằng anh đang cùng Dana giám sát việc hồi phục của ông Harris!” “Tôi đã, thưa bà, nhưng tôi đã để Dana phụ trách để tôi trở lại đại sứ quán và đưa cho bà...” Kerble ngáp ngừng, âm thanh có vẻ không bình thường. “Thưa bà, khi tôi vào căn hộ, có một phong bì niêm phong nằm trên cơ thể ông Harris.” Nagel bị bất ngờ. “Tôi xin lỗi? Một phong bì?” “Vâng, thưa bà. Dựa trên mọi dấu hiệu, nó đã được để lại bởi người đã giết ông Harris.” Trời ơi. “Trong đó có gì?” “Tôi chưa mở nó. Tôi quyết định lấy nó một cách kín đáo và mang đến cho bà ngay lập tức.” Kerble lại ngừng lại, hạ thấp giọng. “Phong bì được gửi trực tiếp... đến bà.” “Tôi?!” Nagel để điện thoại rơi vào lòng, nắm tay lái bằng cả hai tay, và quay nó sang trái, nhưng lại lách khỏi con đường chỉ vài khoảnh khắc trước khi cô sẽ vào cầu. SUV dừng lại bất ngờ trên lề đường Klárov ngay phía bên kia Đài tưởng niệm Sư tử có cánh. Nagel cầm điện thoại lên lần nữa. “Scott, cho tôi một giây.” Langdon và Katherine đều có vẻ hoảng hốt, và Nagel ra dấu cho họ biết cô cần một chút thời gian. Cô tắt máy, ra khỏi xe, và đi về phía bờ sông với điện thoại áp vào tai. “Nói đi,” Nagel quát, có phần tức giận hơn dự định, “tại sao, quái, kẻ giết Michael Harris lại để lại một phong bì gửi đến tôi?” “Tôi không biết, nhưng rõ ràng là nó được để ở đó nhằm được tìm thấy và giao đến. Phong bì đó có ghi ‘Riêng và Cá nhân.’” Một cơn gió từ Vltava thổi đến khiến Nagel cảm thấy lạnh buốt khắp người khi cô cố gắng hiểu tình hình ngày càng xấu đi. “Thưa bà?” Kerble thúc giục. “Tôi hoàn toàn biết rằng bà đã rời khỏi nhà mà không có bảo vệ. Trước bức thư này, tôi sẽ phải yêu cầu bà quay trở lại ngay lập tức.” Nagel lưỡng lự muốn yêu cầu người lính mở bức thư và cho cô biết nội dung, nhưng cô biết anh sẽ từ chối. Cũng đúng thôi. Cô đang trên điện thoại di động, và chỉ Chúa mới biết nội dung của bức thư. Cô có thể nghe thấy sự lo lắng trong giọng nói của Trung sỹ Kerble và không nghi ngờ rằng nếu cô không quay trở lại ngay, anh sẽ buộc phải chỉ đạo toàn bộ đội bảo vệ Thủy quân lục chiến để cố gắng tìm kiếm cô. Nagel liếc nhìn lại chiếc SUV. Langdon và Katherine đều đã bước ra và đang nhìn cô với sự lo lắng. Giọng nói của Kerble lại vang trong tai cô. “Thưa bà?” người lính thúc giục. “Tôi có thể nghe thấy bà đang ở bên ngoài. Bà có ra ngoài để làm một vài việc không?” Câu hỏi của Trung sỹ Kerble về “công việc” là một dấu hiệu rằng—như những đứa trẻ vẫn thích nói—“một điều gì đó nghiêm trọng đã xảy ra.” Tham khảo này là một cuộc gọi khẩn cấp đã được chuẩn bị trong trường hợp cô gặp rắc rối. Tất cả những gì cô cần làm là nói, “Vâng, tôi đang ra ngoài để làm việc,” và mọi chuyện sẽ trở nên hỗn loạn. “Scott,” cô nói. “Anh biết tôi không đi làm việc. Mang lá thư

đến văn phòng của tôi. Tôi sẽ có mặt trong mười phút nữa.” “Cảm ơn, thưa bà.” Người lính Thủy quân lục chiến có vẻ nhẹ nhõm. Nagel ngắt máy và hướng về chiếc SUV. Đường Letenská gần đó, chỉ cách đại sứ quán một cuộc đi bộ tám phút. Rõ ràng, cô không thể đưa Langdon và Katherine đến gần đó. “Vừa xảy ra chuyện gì vậy?” Langdon hỏi khi cô đến nơi. “Khi trời mưa, nó sẽ đổ ào ạt,” Nagel nói, kể cho họ nghe về phong bì. “Tôi không biết nội dung bên trong, nhưng nếu tôi không quay lại đại sứ quán trong mười phút nữa, toàn bộ nhóm bảo vệ của tôi sẽ lùng sục khắp Prague—và họ không chơi đùa đâu.” Cô đưa cho Langdon chìa khóa xe của mình. “Bạn sẽ an toàn hơn khi không có tôi.” “Có tin gì về Sasha không?” “Không, anh ấy sẽ đề cập đến chuyện đó. Tôi sẽ nhờ sĩ quan công nghệ của mình chạy một quét nhận diện khuôn mặt từ các camera giám sát trong thành phố.” “Còn chiếc điện thoại thì sao?” Katherine hỏi, chỉ vào chiếc Samsung cũ trong tay. “Đề chụp ảnh?” Nagel thở dài. “Rõ ràng, nó đã bị đánh cắp. Tôi không chắc nó có thể bị theo dõi hay không, nhưng bạn không nên đánh cược với nó. Tôi cũng nghĩ rằng nếu bạn chụp ảnh, CIA sẽ chỉ đơn giản tuyên bố rằng đó là hàng giả từ AI. Bạn sẽ làm tốt hơn rất nhiều nếu tìm kiếm tài liệu và bằng chứng cụ thể nếu có thể.” “Được rồi,” Langdon nói. “Có một vấn đề khác. Tôi đã hứa với Jonas Faulkman rằng tôi sẽ gọi cho anh ta sau khi rời khỏi nhà của bạn. Nếu anh ấy không nhận được tin từ tôi, anh ấy sẽ liên lạc với các cơ quan chức năng ở Prague ngay thôi. Tôi đã định gọi cho anh ta khi điện thoại của bạn được sạc, nhưng giờ thì chúng ta biết rằng nó đã bị đánh cắp...” “Số điện thoại trực tiếp của biên tập viên của bạn là gì?” Nagel hỏi, vừa vờ tay vào chiếc SUV lấy bút và một mảnh giấy. “Tôi sẽ gọi cho anh ấy từ đường dây bảo mật của đại sứ quán. Hoặc tôi có thể gửi một email—” “Anh ấy sẽ không tin bạn,” Langdon nói. “Anh ấy biết bạn là CIA. Anh ấy sẽ muốn nghe từ tôi trực tiếp.” Chết tiệt, cô nghĩ. Anh ấy đúng. “Thực ra...” trán Langdon nhăn lại khi anh suy nghĩ một chút. “Đưa cho tôi cái đó.” Anh lấy bút và giấy và bắt đầu viết. “Đây là địa chỉ email của

Faukman.” Giáo sư ngừng lại, nhắm mắt trong một khoảnh khắc dài, như thể đang soạn một tin nhắn trong tâm trí. “Được rồi, gửi cho anh ấy cái này.” Langdon nhanh chóng viết ra một tin nhắn trông kỳ lạ và đưa cho cô. Nagel nhìn vào đoạn văn vô nghĩa. “Đây là gì vậy?” “Chỉ cần gửi đi,” Langdon đáp. “Anh ấy sẽ hiểu.” “S CHƯƠNG 87 những thay đổi giờ nên bị coi là bất hợp pháp,” Langdon cần nhắc, vật lộn với hộp số tay của chiếc SUV khi xe lắc lư vụng về về phía nam đến công viên Folimanka. “Hoặc có lẽ chỉ những người đàn ông giả vờ lái nó?” Katherine đề nghị. Langdon không thể không mỉm cười, cảm ơn sự vui vẻ của cô giữa mọi căng thẳng. Tâm trí của anh đã ở nơi khác, suy nghĩ về sự ra đi đột ngột của đại sứ. Nagel đã đặt mình vào rủi ro nghề nghiệp lớn vì họ, điều mà Langdon rất trân trọng. Nhưng mối quan tâm chính của anh là sự an toàn của họ... và tìm ra lý do tại sao cuốn sách của Katherine lại nằm trong tầm ngắm của CIA. Những câu trả lời đó nằm bên trong Threshold. Hy vọng, cái cảm giác lạc quan của anh về việc tiếp cận cơ sở bí mật sẽ không trở thành sự tự tin ảo tưởng. Chúng ta sẽ biết trong vòng vài phút nữa. Trong khi đó, những nghi ngờ của Katherine rằng Stargate liên quan đến tình cảnh của họ có vẻ khó xảy ra với Langdon. Anh không biết nhiều về chương trình bị bác bỏ đó, nhưng anh biết rằng ngay cả Hollywood cũng đã có những giây phút hài hước về chi phí của CIA, cho ra mắt một bộ phim của George Clooney mang tên châm biếm Những Người Đàn Ông Nhìn Chằm Chằm Vào Dê. Nó dựa trên một thí nghiệm được cho là của Stargate, trong đó các đối tượng cố gắng giết dê bằng cách nhìn chằm chằm vào chúng. Dù Langdon có hoài nghi về khả năng nhìn từ xa, nhưng khái niệm cơ bản đó đã có hơn bảy ngàn năm tuổi. Các người Sumer cổ đại đã viết về những “chuyến hành trình ngôi sao” huyền bí—những trải nghiệm ngoài cơ thể mà tâm trí họ du hành đến các vì sao để xem những thế giới xa xôi. Rõ ràng, có rất nhiều thuốc phiện liên quan, Langdon biết, tự hỏi liệu có thể là Threshold đang khám phá các trạng thái thay đổi do ma túy gây ra... có thể liên quan đến ý thức phi địa phương. Katherine đã đề cập trước đó về một loại thuốc mới được gọi là thuốc ly tâm, mà rõ ràng đi kèm với cảm giác bị tách rời khỏi cơ thể mình. Và chắc chắn CIA đã có một lịch sử dài về việc tiến hành các thí nghiệm ma túy bí mật. Bao gồm cả trong khuôn viên Harvard... Một trong những dự án CIA nổi tiếng nhất từng được công khai có tên mã là MKULTRA, dự án này bí mật cho LSD vào người sinh viên đại học không nghi ngờ để nghiên cứu ảnh hưởng của thuốc lên tâm trí thanh niên. Đáng sợ, một trong những đối tượng thử nghiệm đã là sinh viên năm nhất Harvard Ted Kaczynski—người mà sau này trở nên nổi tiếng với danh xưng Unabomber—và trong khi CIA khai rằng Kaczynski chưa bao giờ được cho thuốc, họ đã thừa nhận đã đưa anh ta vào “các kỹ thuật thẩm vấn thử nghiệm,” điều này rất có thể đã khiến tâm trí anh ta bị mất ổn định. Truyền thuyết về thuốc ở Harvard không dừng lại ở đó. Cùng với MKULTRA, nhà tâm lý học trong khoa Timothy Leary đã khởi xướng Dự Án Psilocybin Harvard nổi tiếng, khuyến khích sinh viên khám phá những lợi ích mở rộng tâm trí của các chất gây ảo giác: Bắt lên; chú ý vào; từ bỏ. Nhiều người hiện nay nghi ngờ rằng Leary có thể

“Chị đã làm việc với CIA một cách bí mật à?” “Tôi tò mò,” Langdon nói, quay sang Katherine, người đang nhìn ra cửa sổ. “Trong cuốn sách của chị... chị có viết về các trạng thái biến đổi do hóa chất gây ra không?” “Tất nhiên rồi,” cô trả lời, “như tôi đã đề cập trước đó, một số loại thuốc gây ảo giác sẽ giảm mức GABA trong não, từ đó làm giảm cơ chế lọc của não. Điều này hàm ý, theo ý kiến của tôi, rằng những cảm giác ra ngoài cơ thể liên quan đến thuốc gây ảo giác là một phản ánh của thực tại không được lọc, thay vì là ảo giác.” Điều đó có lý, và hiển nhiên có tiền lệ lịch sử cho việc sử dụng thuốc như một con đường dẫn đến sự giác ngộ. Từ các văn bản cổ xưa của The Rigveda và các Bí ẩn Eleusinian đến cuốn kinh điển năm 1954 của Huxley, The Doors of Perception, những nhà văn vĩ đại đã lâu đề xuất rằng các chất gây ảo giác là một cách để mở rộng ý thức con người và cảm nhận “thực tại không bị lọc.” “Tôi chưa bao giờ hỏi chị, Katherine,” Langdon nói một cách bình thản, “nghiên cứu ý thức của chị có liên quan đến việc sử dụng thuốc không?” Cô quay lại và nhìn anh, tỏ vẻ thích thú vì anh lại hỏi câu đó. “Robert, thật sao?! Não bộ là một cơ chế cực kỳ nhạy cảm, và cố gắng thay đổi nó bằng cách sử dụng thuốc gây ảo giác giống như cố gắng điều chỉnh một chiếc đồng hồ Rolex quý giá bằng một cái búa lớn! Các loại thuốc sẽ tạo ra các trạng thái biến đổi bằng cách tạo ra một chuỗi phản ứng dây chuyền của các rối loạn thần kinh có thể có tác động lâu dài. Dù trải nghiệm ngắn ngủi đó có thể làm cho bạn cảm thấy khai sáng đến đâu, bạn đang mạo hiểm làm suy yếu tính toàn vẹn synapse lâu dài và sự cân bằng của chất dẫn truyền thần kinh. Đối với hầu hết các loại thuốc gây ảo giác, cơ chế chủ yếu mà chúng gây ra tác động của chúng là sự rối loạn serotonin—một ý tưởng rất tồi—vì nó có thể dễ dàng dẫn đến các khiếm khuyết

nhận thức, sự không ổn định cảm xúc, và thậm chí là các trạng thái loạn thần kéo dài.” Langdon gật đầu với nụ cười. “Tôi sẽ coi đó là một câu trả lời không.” “Xin lỗi,” cô nói với vẻ hối lỗi. “Tôi có những đồng nghiệp thử nghiệm một cách có trách nhiệm với các loại thuốc gây ảo giác khác nhau, và chắc chắn có chỗ cho điều đó. Tôi chỉ cảm thấy lo lắng khi những người trẻ tuổi cho rằng mọi thứ đều an toàn. Điều đó không đúng.” Langdon giảm tốc độ một cách nhẹ nhàng để tránh va chạm với một chiếc xe điện. “Tôi giả định chị đang hỏi,” Katherine nói, “vì chị nghĩ rằng thuốc có thể liên quan đến Threshold?” “Đó có vẻ là một khả năng,” Langdon nói. “Chị đã đề cập trong bài nói chuyện tối qua về một loạt các loại thuốc mới có vẻ tăng cường khả năng tâm linh. Nếu bạn xem xét hàng trăm trường hợp đã được tài liệu hóa về việc tội phạm được giải quyết bởi những người có khả năng tâm linh, không có gì là quá xa vời khi tưởng tượng rằng CIA đang cố gắng phát triển các loại thuốc để nâng cao khả năng tâm linh. Các ứng dụng sẽ là vô tận.” “Tôi nghĩ...” cô nói. “Nhưng đó không hẳn là một ý tưởng tiên tiến.” Đúng vậy, CIA sẽ hơi muộn để tham gia vào bữa tiệc đó. Oracles của Delphi thường xuyên thấy được những tâm nhìn về tương lai trong khi hít thở các khí thoát ra từ một vết nứt trên núi Parnassus; các Aztecs đã nói chuyện với các linh hồn tương lai trong khi sử dụng peyote; và các cuộc chiến trong lịch sử đã từng thấy các sự kiện ngày mai trong khi tiêu thụ mandrake và hoa sen xanh. Những “nhà tiên phong” hiện đại của chúng ta—như Castaneda, Burroughs, McKenna, Huxley, Leary—thực sự đã theo đuổi hàng thế kỷ những linh hồn đã cố gắng mở rộng tâm trí của họ bằng các hóa chất. “Tôi thực sự không nghĩ rằng Threshold có liên quan đến thuốc,” Katherine nói. “Có rất ít điều về chúng trong bản thảo của tôi.” “Vậy dự đoán tốt nhất của chị là gì?” Langdon hỏi, điều khiển chiếc SUV về phía nam dọc theo dòng sông hướng đến Công viên Folimanka. Katherine tựa đầu ra phía sau ghế tựa. “Tôi nghĩ mối quan tâm của họ nằm ở những thí nghiệm của tôi về tiên tri.” Langdon nhớ lại những bài kiểm tra tiên tri của Katherine—một não bộ của một chủ thể phản ứng với một hình ảnh trước khi thực sự “nhìn thấy” nó. Hình ảnh được chọn ngẫu nhiên, như ma thuật, xuất hiện trong ý thức của chủ thể trước khi máy tính thậm chí đã chọn hình ảnh nào để hiển thị. “Thật lòng mà nói,” anh nói, “tôi không chắc tôi hiểu thí nghiệm tiên tri của chị. Nếu não bộ ghi nhận hình ảnh trước khi máy tính thậm chí đã chọn hình ảnh... thì giống như não của chị đang đưa ra lựa chọn... và sau đó nói cho máy tính biết chọn hình ảnh nào.” “Các ý thức tạo ra thực tại. Đó là một khả năng, đúng.” “Đó có phải là điều chị tin?” “Không chính xác. Trong mô hình của tôi, não của chị không đang đưa ra lựa chọn... mà là nhận lựa chọn.” Langdon liếc sang. “Nhận lựa chọn... từ đâu?” “Từ trường ý thức bao quanh chị. Mặc dù chị cảm thấy như mình đang tích cực đưa ra các lựa chọn, thực tế những lựa chọn đó đã được thực hiện rồi và đang tràn vào não bộ của chị.” “Đó là nơi chị làm tôi hoang mang... Nếu tôi chỉ tưởng tượng ra rằng tôi đang đưa ra các lựa chọn của mình, thì không có sự tự do ý chí!” “Đúng. Nhưng có thể sự tự do ý chí là một điều được đánh giá quá cao.” “Làm sao chị có thể—” Katherine nghiêng người về phía ghế lái và hôn anh trên môi. Sau đó, cô ngồi thẳng lại và mỉm cười. “Tôi không biết quyết định đó đến từ đâu... nhưng liệu điều đó có quan trọng không? Phải chăng ảo tưởng về tự do ý chí đã đủ?” Langdon ngẫm nghĩ một hồi và đặt tay lên đùi cô. “Tôi tin rằng cần phải có thêm nghiên cứu.” Cô cười. “Thêm muốn một trải nghiệm ra ngoài cơ thể, Giáo sư?” “Thực ra, tôi nghĩ tôi sẽ thích ở trong cơ thể mình cho hoạt động đó hơn.” “Đừng chắc chắn như vậy,” cô nói. “Như đã trở thành,

“Sex có liên quan rất chặt chẽ đến cái nhìn noetic về những trải nghiệm ra khỏi cơ thể.” Langdon rên rỉ. “Mọi thứ với bạn đều liên quan đến công việc sao?” “Trong trường hợp này, đúng là như vậy. Như bạn đã biết, trong đỉnh cao tình dục, tâm trí trải qua một khoảnh khắc hạnh phúc của oblivion trong đó toàn bộ thế giới hữu hình tan biến. Đỉnh điểm được coi là trải nghiệm thú vị nhất mà một người có thể có, một sự tách rời khỏi bản thân, một sự từ bỏ tạm thời tất cả những lo lắng, nỗi đau và nỗi sợ hãi. Bạn có biết người Pháp gọi nó là gì không?” “Oui,” anh nói. “La petite mort.” “Vâng—cái chết nhỏ. Đó là vì sự tách rời bản thân mà cảm nhận được ở cực khoái chính xác là cảm giác mà những người đã trải qua gần cái chết miêu tả.” “Nghe có vẻ bệnh hoạn mà hấp dẫn.” “Đó là khoa học não bộ, Robert. Tất nhiên, vấn đề với cực khoái tình dục là nó quá thoáng qua. Chỉ trong vài giây sau khi được giải phóng một cách hân hoan khỏi mọi thứ, tâm trí của bạn lại vội vã quay về cơ thể, kết nối lại với thế giới vật chất và tất cả những cơn đau, áp lực, và tội lỗi đi kèm.” Cô mỉm cười. “Đó cũng là một lý do khác khiến chúng ta muốn làm điều đó liên tục. Trải nghiệm cực khoái làm quá tải hệ thần kinh... và giải phóng tâm trí. Giống như một cơn co giật động kinh.” Langdon chưa bao giờ liên kết cực khoái với cái chết hay cơn

co giật, và anh nghi ngờ rằng mối liên hệ này sẽ mãi mãi xuất hiện trong tâm trí anh vào những khoảnh khắc không phù hợp nhất. Cảm ơn một triệu lần. “Thực ra...” Katherine nói, nghiêng đầu. “Tôi vừa có một suy nghĩ kỳ lạ.” Có vẻ như bạn có khá nhiều điều đó... “Trợ lý phòng thí nghiệm của Gessner,” cô nói, liếc qua. “Bạn đã nói cô gái trẻ này là một bệnh nhân động kinh? Và cô ta đã từng ở trong một cơ sở?” “Cô ấy đã.” Trán Katherine nhăn lại. “Bạn không thấy điều kỳ lạ là CIA lại cho phép Gessner thuê một bệnh nhân tâm thần người Nga không có kỹ năng sao? Ý tôi là, tôi biết Sasha chỉ làm việc ở Crucifix Bastion trong một vai trò tầm thường, nhưng dường như đó là một rủi ro an ninh khi có một người Nga có vấn đề về não ở quá gần công việc của Gessner... mà tôi nghe nói là khá quan trọng đối với Threshold.” “Tôi không thấy có rủi ro,” Langdon phản bác. “Sasha có vẻ khá ổn định, và chắc chắn cô ấy không phải là một người hâm mộ quê hương của mình. Tôi nghĩ Gessner có lẽ đã thuê cô ấy vì lòng thương xót.” Katherine cười lớn. “Robert, bạn thật đáng yêu. Ngay thơ nhưng đáng yêu. Brigita Gessner—không có sự thiếu tôn trọng nào dành cho người đã khuất—là một kẻ tự phụ và một nữ doanh nhân tàn nhẫn. Nếu cô ấy thuê một bệnh nhân tâm thần người Nga không có học vấn vào vòng trong, thì là bởi Sasha có điều gì đó mà Gessner cần.” “Ừ, thì tôi không có ý niệm gì về điều đó.” “Tôi có thể,” Katherine nói, nghe có vẻ đột nhiên phần chân hơn. Đôi mắt cô rực sáng. “Mới vừa nghĩ ra, và đó là điều tôi đã viết trong bản thảo của mình.” “Điều gì thế?” “Tôi biết bạn rất hoài nghi về khả năng nhìn xa,” cô nói, giờ thì quay hoàn toàn về phía anh, “nhưng nếu Threshold liên quan đến việc nhìn xa... thì chứng động kinh của Sasha làm cho cô ấy trở nên giá trị.” “Như thế nào?” “Hãy nghĩ về nó! Kỹ năng cơ bản mà một người nhìn xa có được là khả năng triệu hồi một trải nghiệm ra khỏi cơ thể. Thách thức là những trải nghiệm OBE tự nhiên thì rất hiếm, và rất ít người thực sự có thể trải nghiệm chúng.” Langdon bỗng nhận ra Katherine đang đi đến đâu với điều này. Con động kinh được mô tả như một sự “tách rời” nhẹ nhàng khỏi cơ thể vật lý—trong thực tế, một khoảng thời gian ngắn không thuộc về không gian. “Trải nghiệm ra khỏi cơ thể,” Katherine tiếp tục, “là điều mà những người động kinh trải nghiệm khá tự nhiên. Não của người động kinh đã được kết nối sẵn cho OBE... nghĩa là một người động kinh sẽ có khả năng nhìn xa cao hơn nhiều.” “Bạn thực sự không thể tin rằng Sasha Vesna là một điệp viên tâm linh cho CIA...” “Tại sao không?” “Bởi vì tôi đã dành thời gian với cô ấy. Cô ấy có một chiếc móc khóa Mèo Điên! Cô ấy là một tâm hồn mỏng manh, nhẹ nhàng.” “Nhẹ nhàng?!” Katherine thách thức. “Bạn đã nói cô ấy đánh một người đàn ông vào đầu bằng một bình chữa cháy!” “Cái đó thì đúng... nhưng đó là để bảo vệ—” “Robert, tôi sẽ thừa nhận rằng có thể Sasha không phải là một người nhìn xa, nhưng Gessner có thể đã nghiên cứu não của những người động kinh để tìm ra điều gì khiến họ dễ dàng trải qua những trải nghiệm ra khỏi cơ thể. Nhận thông tin thần kinh chi tiết về não của một người động kinh có thể vô cùng giá trị cho một chương trình cố gắng tách biệt tâm trí và cơ thể.” Một ý tưởng thú vị, Langdon nghĩ, đặc biệt là trong ánh sáng của điều gì đó mà Sasha đã chia sẻ trước đó hôm nay. “Tôi quên không đề cập rằng Gessner đã mang đến một bệnh nhân động kinh khác từ cơ sở đó đến Praha—trước Sasha—một người Nga tên là Dmitri. Anh ấy đã nhận cùng một ca phẫu thuật như Sasha và cũng đã được chữa khỏi.” “Tôi nghĩ đó là điều đáng kể,” Katherine nói. “Thật khó để tin rằng Brigita Gessner đã chọn những người động kinh từ bệnh viện tâm thần và chữa khỏi họ bằng chi phí riêng, chỉ vì lòng tốt.” Langdon phải đồng ý rằng điều đó có vẻ trái ngược với tính cách của cô. Hơn nữa, giờ anh nhận ra rằng một đối tượng thử nghiệm đến từ Nga—có lẽ với sự giúp đỡ của CIA—sẽ hoàn toàn không nằm trong tầm ngắm ở Châu Âu. Một bóng ma ở Praha. “Hãy giả sử trong một khoảnh khắc,” Katherine nói, “rằng Gessner đã tuyển dụng những người động kinh này như những đối tượng nghiên cứu.

“Để theo dõi cô ấy.”

“Đúng. Cho cô ấy một công việc nhỏ, một căn hộ, một ít tiền. Dễ thôi.”

“Tôi giả sử...”

“Còn Dmitri thì sao?” Katherine hỏi khi họ đến gần công viên Folimanka. “Anh ấy hiện giờ ở đâu — vẫn ở Praha à?”

“Sasha nói anh ấy về Nga sau khi Gessner chữa trị cho anh ấy.”

“Tôi nghi ngờ điều đó. Có thể đó là những gì Gessner nói với Sasha, nhưng nếu CIA rút một đối tượng thử nghiệm từ một cơ sở, đầu tư vào anh ta, biến anh ta thành một đối tượng nghiên cứu trong một chương trình tuyệt mật... họ thật sự chỉ để anh ta về nhà à? Về Nga?”

Điều này rất hợp lý, Langdon nghĩ, gia tăng tốc độ trên đoạn đường phía trước. Anh hơi ngoái cổ để nhìn

xa hơn xuống con đường. Hy vọng chúng ta sẽ có câu trả lời sớm thôi. Lối vào Threshold đang ở ngay phía trước.

O

CHƯƠNG 88

Ngoài đại sứ quán Mỹ, Trung sĩ Kerble đứng trên vỉa hè, lạnh cóng trong bộ đồng phục của mình khi anh quét mắt tìm kiếm một chiếc xe đang tiếp cận. Khi cuối cùng anh thấy đại sứ, anh rất ngạc nhiên khi thấy cô chỉ cách đó mườiyard. Cô ấy đi bộ?! Một mình?! “Tôi biết, Scott, tôi xin lỗi,” cô nói, đến gần và đi nhanh qua anh. “Tôi chỉ cần hít thở không khí một chút.”

“Xe của cô đâu?!”

“Mọi thứ đều ổn. Thật đấy. Đi theo tôi.”

Kerble đã là người phụ trách an ninh hàng đầu của Đại sứ Nagel được hai năm, và anh chưa bao giờ biết cô có thể bất cẩn hay khó khăn — hoặc thất thường. Cái chết của Michael Harris rõ ràng đã làm cô bị chấn động sâu sắc. Sau khi leo lên cầu thang đến văn phòng của đại sứ, Kerble chờ đợi khi Nagel bỏ chiếc áo khoác, lấy một chai nước, và sau đó, khiến anh ngạc nhiên, bắt đầu gõ trên máy tính của cô, cẩn thận tham khảo một tờ giấy mà cô đã lấy ra từ túi áo khoác. Cuối cùng, máy tính phát ra âm thanh của một email đi.

“Tham nghị viên của cô đã chết, và cô đang gửi email?”

“Được rồi, Scott,” cô nói, hướng toàn bộ sự chú ý về phía anh. “Tôi tin rằng phong bì là sạch?”

“Quét toàn bộ,” anh đảm bảo với cô, đã chạy nó qua quy trình an toàn của đại sứ quán cho thư gửi đến.

“Không có chất lạ.”

Anh lấy phong bì từ túi áo ngực và đặt nó trước mặt cô. Nagel cầm lấy. “Một giỏ mèo con?”

“Thưa cô?”

“Kẻ giết người đã viết cho tôi trên giấy mèo con?!” Cô chỉ vào logo của một giỏ mèo con trên phong bì.

“Vâng, thưa cô. Anh ta đã lấy giấy từ căn hộ của cô Vesna. Cô ấy hình như thích mèo.”

Nagel lấy dao mở thư và cẩn thận chạy lưỡi dao dưới đường may của phong bì. Sau đó, cô kéo ra một tờ giấy stationery tương ứng, đã được gấp lại một lần. Trung sĩ Kerble không thể nhìn thấy điều gì trong thư, cũng không thể đọc được phản ứng của đại sứ, nhưng rõ ràng là thông điệp rất ngắn. Vài giây sau khi nhìn vào bức thư, cô đã đặt nó úp mặt xuống bàn làm việc và đi tới cửa sổ. Sau mười giây im lặng, cô quay lại và đối diện với Kerble. “Cảm ơn. Tôi sẽ cần một chút riêng tư.”

T

CHƯƠNG 89

Lối vào “dự án cải tạo” của Nơi trú ẩn Folimanka chính xác như Đại sứ Nagel đã nói — được bố trí kín đáo ở một khu vực công nghiệp của thành phố, giáp ranh với đường ray tàu điện, một con phố nhộn nhịp, và góc tây nam của công viên Folimanka. Bao quanh bởi một hàng rào kim loại, mảnh đất hình tam giác nhỏ nơi lối vào nằm được gọi là Quảng trường Ostrčilovo. “Quảng trường” hình tam giác đã phục vụ nhiều mục đích trong suốt nhiều năm — một sân chơi không thành công, một công viên trượt patin tạm thời, và, gần đây nhất, một trung tâm thả rác tái chế. Tuy nhiên, trong vài năm qua, nó đã được sử dụng làm khu vực tập kết của Quân đội Kỹ sư cho một “đợt sửa chữa” nơi trú ẩn bomb của Folimanka từ những năm 1950 sắp sập. Katherine cảm thấy lo lắng khi Langdon lái xe bên cạnh hàng rào cao — một bức tường vững chắc cao tám feet trên đó có biển báo cảnh báo: VSTUP ZAKÁZÁN / ZUTRITT VERBOTEN / ENTRY FORBIDDEN. Ở cuối bức tường, Langdon rẽ trái và đi chậm dọc theo nhánh thứ hai của hình tam giác, nơi một bảng thông tin lớn đã được dựng lên với các sơ đồ và văn bản phác thảo những gì đang xảy ra bên trong các bức tường: □□□□□□ □□□□□□ □□□□ □□□□□□ □□ / □□□□□□ □□ □□□□□□□□□□ □□□□□□□□. Một cánh cổng vào kiên cố dọc theo bức tường đã đóng, chỉ để một phần nhỏ của tấm cổng cho phép nhìn thấy những gì nằm bên kia. Hai lính súng trong trang phục đen đang tuần tra một con đường vào vừa được trải nhựa dẫn xuống một đường hầm rộng lớn, cong queo lặn sâu dưới công viên Folimanka. Cửa hầm bị chặn bởi những cọc thép có thể thu vào.

“Đó là một hệ thống an ninh vững chắc cho một dự án cải tiến,” Langdon nói, ngoái cổ khi họ lái xe qua. Một dự án chính phủ bí mật... đang ẩn mình giữa thanh thiên bạch nhật. Katherine lén nhìn lần cuối vào lối vào đường hầm khi họ đi qua. Ngoài những người bảo vệ không có đặc điểm ở bên ngoài lối vào, cô không thấy xe tải, không có nhân viên, không gì cả. Có vẻ như đại sứ đã nói đúng rằng Threshold hiện

đang không hoạt động. Langdon rẽ trái và lái xe tiếp.

đoạn thứ ba và cuối cùng của việc bao vây, chạy song song với rìa phía tây của Công viên Folimanka. “Chúng ta sắp tới rồi,” Katherine nghĩ, vẫn kinh ngạc trước kế hoạch vào cửa đáng kinh ngạc mà Langdon đã phác thảo trước đó. Kế hoạch của anh đã được xây dựng trên một ý tưởng đơn giản nhưng gây sốc. Threshold có một lối vào bí mật. Sử dụng một chuỗi logic không thể chối cãi, Langdon đã thuyết phục đại sứ rằng “lối vào xây dựng” ở mũi tây của Công viên Folimanka, sẽ phục vụ như lối vào chính khi dự án hoàn thành, không phải là cách duy nhất để vào. Threshold có một điểm truy cập thứ hai... được ngụy trang một cách xuất sắc. Quan trọng hơn, Langdon đã xác định chính xác vị trí của nó... cũng như cách vào. Gollem đứng đơn độc trong một căn phòng khác lạ mà anh chưa bao giờ thấy hoặc tưởng tượng. Sau khi đã làm theo những chỉ dẫn chi tiết mà anh đã ép Gessner cung cấp đêm qua, cuộc hành trình của anh cuối cùng đã dẫn anh đến nơi kỳ quái này. Threshold. Gessner đã thú nhận tất cả các chi tiết... và giờ nhìn thấy nó bằng xương bằng thịt khiến anh cảm thấy mất phương hướng, gần như buồn nôn. Họ đã xây dựng căn phòng này bằng máu của Sasha. Sasha không phải là nạn nhân đầu tiên của dự án... cũng không phải là người cuối cùng. Và vì lý do đó, Threshold sẽ kết thúc hôm nay. Con đường dài của Gollem đến khoảnh khắc báo thù này đã phải trả giá rất đắt, và anh có thể cảm thấy cảm xúc sâu sắc dâng lên trong lòng. Anh cũng cảm thấy một sự tê tê nhẹ nhưng không thể nhầm lẫn trong cơ thể—một cảnh báo trước. Một sương mù mờ ảo bắt đầu bao trùm căn phòng. Ether đang tập hợp. “Ne seychas,” anh thì thầm. Không phải bây giờ. Bản năng mách bảo, Gollem lướt tay vào túi áo choàng để lấy cây dũa kim loại.

CHƯƠNG 90

Jonas Faukman nhìn mặt nhìn vào kết quả tìm kiếm gần đây của ChatGPT. Mặc dù đã sử dụng nhiều gợi ý và cách tiếp cận khác nhau, nhưng những nỗ lực của anh để tìm bất kỳ liên kết nào giữa công việc của Katherine và các khoản đầu tư của In-Q-Tel chỉ mang lại những sản phẩm rời rạc mà cảm thấy giống như một trò chơi Mad Libs rời rạc hơn là bất kỳ điều gì thông minh—nhân tạo hay khác. Thất vọng, anh bỏ máy tính và đi đến cửa sổ, nhìn về phía bắc lên Broadway hướng về Công viên Trung tâm. Trong ánh sáng bình minh, trên đường chân trời phía sau những “tòa tháp bút chì” ở Billionaires’ Row, những đám mây bão đang tích tụ. Anh đã đứng đó một lúc, chìm trong suy tư, và cuối cùng quay lại máy tính để tiếp tục tìm kiếm. Khi ngồi xuống, anh nhận thấy mình có một email mới. Dòng tiêu đề khiến anh hoảng hốt và phấn khích. □□□□ □□ □□□□ □□□□□□ □ □□□□□ Faukman đã phải chờ hơn một giờ cho một cuộc gọi điện thoại và cảm thấy ngày càng lo lắng rằng có điều gì đó đã xảy ra sai sót tại nơi ở của đại sứ. Tuy nhiên, niềm vui khi nhìn thấy email lại lấn át nỗi lo. Dù cho dòng tiêu đề như vậy, Faukman giờ thấy rằng địa chỉ người gửi là của Đại sứ Hoa Kỳ Heide Nagel... cựu cố vấn pháp lý của CIA. Bà đã gửi một tin nhắn cho anh? Faukman không thể nghĩ ra ai ở Prague mà anh tin tưởng hơn vào lúc này. Nếu Robert thực sự an toàn, thì đại sứ nên đơn giản để anh gọi cho đi. Cho đến khi tôi nghe được giọng nói của Robert, tôi sẽ không tin một chữ nào trong email này. Anh tranh luận xem có nên mở tin nhắn hay không, hình dung ra một virus hoặc một vụ hack nữa, nhưng ở thời điểm này, anh nghĩ mình không còn gì để mất. Một cách thận trọng, anh nhấp mở tin nhắn, bối rối khi thấy những gì dường như là một chuỗi chữ cái vô nghĩa. ROT13EY&XFETHQ Anh mất một lúc để nhận ra rằng năm ký tự đầu tiên thực sự có nghĩa. ROT13 là tên của một mã hóa quay mà trong đó mỗi chữ cái được thay thế bằng chữ cái xảy ra mười ba vị trí từ nó trong bảng chữ cái. Faukman biết điều này chỉ vì cách đây vài năm, trong khi biên tập một cuốn sách về các kỹ thuật mã hóa cổ xưa, tác giả của cuốn sách đã thường xuyên gửi cho anh những văn bản được mã hóa vui vẻ bằng ROT13. Tác giả đó chính là Robert Langdon. Với cảm giác lạc quan dâng trào, Faukman lấy một cái bút chì và áp dụng phương pháp giải mã đơn giản. Sau đó, anh kiểm tra kết quả. RL&KSRGUD Sự bối rối của anh chỉ kéo dài một khoảnh khắc trước khi anh bật cười lớn, một nửa vì vui vẻ và một nửa vì nhẹ nhõm. Chỉ có Robert mới có thể viết tin nhắn này. Langdon và Faukman thường xuyên thông cảm với nhau về sự suy giảm của ngôn ngữ viết do sự phát triển của “ngôn ngữ viết tắt” và các biểu tượng cảm xúc. Xu hướng này khiến Faukman thực sự lo lắng đến mức anh đã viết một bài về nó cho The New Yorker, bao gồm một câu đặc biệt quá mức mà Langdon đã chế nhạo một cách tàn nhẫn. Faukman đã viết: Để tiết kiệm một ký tự đơn bằng cách đánh “gud” thay vì “good” không chỉ là không đúng đắn, mà còn là một sự kiêu ngạo của sự lười biếng. Vẫn còn cười về tin nhắn của Langdon, Faukman thậm chí còn muốn đáp lại: Tin nhắn của bạn không chỉ tinh tế, mà còn mang lại

sự an ủi thuận lợi.

CHƯƠNG 91

Langdon đã dừng xe SUV lại và kéo phanh khẩn cấp. Anh tự trấn an trước khi trèo ra khỏi xe cùng với Katherine, rất ý thức rằng anh sẽ biết ngay lập tức liệu kế hoạch của mình có dẫn họ đến ...

thành công—hoặc thảm họa. Con gió trên sườn đồi cao đã nổi lên, xào xạc qua những cánh rừng bên dưới họ. Langdon dừng lại một chút. Anh nhìn xuống vùng đất phủ đầy tuyết nằm bên ngoài những cây cổ thụ—Công viên Folimanka—mở rộng về phía đông ra khỏi đỉnh đồi. Toàn bộ nơi này cảm thấy khác biệt bây giờ, anh nghĩ, khi chuyển sự chú ý sang tòa nhà trước mặt họ. Pháo đài Crucifix trông thật ma quái. Cấu trúc đứng như một hình bóng rõ nét trước bầu trời chiều đang tối dần. Khi bước đi cùng Katherine hướng đến lối vào chính, Langdon cảm thấy một chút nghi ngờ, và anh nhanh chóng nhắc nhở bản thân điều gì đã dẫn anh trở lại đây. Lý trí. Sự thật đã hiện ra với anh tại bể bơi bỏ hoang trong nơi ở của đại sứ. Đại sứ đã xé bỏ các thỏa thuận không tiết lộ, gọi Finch trên điện thoại loa ngoài, và đối trá một cách thuyết phục rằng những mong muốn của Finch đã được thực hiện. Sau đó, khiến Langdon bất ngờ, Finch đã ra lệnh cho Nagel gửi một đội bảo vệ thủy quân lên Pháo đài Crucifix để đảm bảo an ninh cho khu vực xung quanh. Ưu tiên của Finch là đảm bảo một phòng thí nghiệm riêng ở Czech? Tại sao? Khi Langdon suy nghĩ, một ý tưởng thứ hai nảy ra. Hôm nay, Janáček đã nói với Langdon rằng hệ thống giám sát của Prague không thể xác nhận rằng Katherine đã đến pháo đài, vì—rất đáng tiếc cho viên đại úy—hệ thống camera toàn cảnh dường như bị cản trở bởi một điểm mù chưa từng thấy, khiến khu vực xung quanh phòng thí nghiệm của Gessner trở nên mờ tối. Hệ thống camera của Prague là mạng lưới giám sát Echelon... được điều hành bởi CIA. Giờ đây, các bánh xe đang quay, và Langdon nhận thấy mình đang đặt câu hỏi về sự không khả thi thống kê của việc phòng thí nghiệm riêng của Gessner lại nằm chênh vênh trên một sườn đồi nhìn thẳng xuống Threshold—dự án bí mật đã tuyển dụng cô. Trừ khi họ có sự liên kết nào đó... Lý do của việc giấu một cơ sở tình báo bí mật dưới Công viên Folimanka thật hợp lý đối với Langdon—ngụy trang tự nhiên, tiếp cận với các nguồn cung cấp, cơ sở hạ tầng hiện có—và tuy vậy anh lại gặp khó khăn trong việc chấp nhận rằng Threshold được xây dựng với chỉ một lối vào... chỉ một con đường ra vào. Thiết kế này sẽ trở thành một cái bẫy chết người trong một vụ hỏa hoạn hoặc khẩn cấp, điều này dường như là một rủi ro vô lý cho một cơ quan được xây dựng dựa trên chiến lược, sự dự phòng, và kế hoạch trước. Ngay cả Vatican cũng có những lối thoát bí mật! Chính lúc đó, đại sứ tiết lộ một tình huống bất ngờ: Thực thể đã âm thầm mua lại pháo đài thay mặt Gessner không ai khác ngoài Q. Công ty đầu tư đã đề nghị Gessner tòa nhà như một phần trong gói tuyển dụng của nhà khoa học thần kinh cho CIA, thu hút cô bằng sức hấp dẫn không thể cưỡng lại của việc điều hành viện của mình từ một địa điểm độc đáo và lịch sử như vậy. Đó không phải là lý do thực sự, Langdon suy đoán, chia sẻ sự nghi ngờ ngày càng lớn rằng Finch đã bảo đảm pháo đài không phải như một sự hấp dẫn cho Gessner... mà thực ra là vì một điều gì đó có giá trị hơn. Một lối vào khác cho Threshold. Hầu hết các pháo đài trung cổ đều có một đặc điểm kiến trúc độc đáo được gọi là poterne. Từ “posterior” trong tiếng Latinh—một poterne thực sự là một “cửa sau”—một lối đi bí mật dùng để thoát hiểm khẩn cấp. Pháo đài cổ ở Estonia tại Tallinn, anh nói với họ, có một poterne được chạm khắc sâu bốn tầng dưới lòng đất kéo dài hơn một dặm đến tầng hầm của một tu viện gần đó. Lâu đài trên đỉnh núi Slovenia là Predjama được cho là có một trục thẳng đứng cao sáu tầng với một hệ thống pully thô sơ “thang máy” để tiếp tế nguồn cung, gia súc và quân đội. Pháo đài Crucifix, Langdon nghĩ, rất có thể cũng có một poterne. Và xét đến việc xây dựng gần đây trong Công viên Folimanka và quy mô lớn của dự án Threshold, điều này hợp lý rằng có thể có một trục thẳng đứng tồn tại dưới pháo đài. Trước đó, trong xe SUV, Langdon đã nhanh chóng chỉ cho Katherine và Nagel trên một bản đồ rằng một poterne hiện đại—dù nó có tồn tại trước đó hay vừa mới được khoan bởi các nhóm xây dựng—sẽ xuống thẳng đến các rìa của Công viên Folimanka và có thể mở rộng đến những bức tường của nơi trú ẩn bom hiện có. Vị trí của pháo đài không thể hoàn hảo hơn. Xa xôi và kín đáo, phòng thí nghiệm của Gessner đã cung cấp một câu chuyện ngụy trang hoàn hảo—khả năng phủ nhận hợp lý cho bất kỳ nhân viên nào ra vào: họ chỉ đơn giản là làm việc tại Viện Gessner. Hy vọng rằng mình đúng, Langdon giờ đây nghĩ khi anh dẫn Katherine về phía lối vào nút võ của pháo đài. Đây là một phòng thí nghiệm khoa học? Katherine Solomon gần như không thể tin vào mắt mình khi theo Langdon xuống hành lang marble hồng sang trọng vào một không gian rộng lớn với những chiếc ghế sofa sang trọng, nghệ thuật nổi bật, và những cửa sổ từ sàn đến trần nhìn ra đường chân

trời của Prague. Có lẽ tôi nên làm việc cho CIA, cô nghĩ, ước lượng rằng “phòng chờ” của Gessner có thể chứa toàn bộ nhân viên IONS. Dù vậy, Katherine cảm thấy một bầu không khí đe dọa xung quanh không gian này. Nếu nghi ngờ của Langdon là đúng, thì cái “Viện Gessner” xa hoa này thực ra đang nguy trang cho một mục đích tối tăm hơn—một lối vào bí mật cho Threshold. Langdon bước đến cuối không gian và tiến ngay đến một tác phẩm điêu khắc tường nặng nề được làm từ các khối kim loại hàn, chỉ dừng lại cách nó vài inch. Anh ấy đang làm gì vậy? Để sự ngạc nhiên của Katherine, Langdon đã nắm lấy tác phẩm điêu khắc, đẩy nó sang một bên, và

bức tường lướt êm ái dọc theo bức tường để lộ ra một hốc lớn phía sau nó. Trong ánh sáng mờ mịt phía bên trong, cô có thể thấy một cánh cửa thang máy. Tại sao tôi lại không thấy bất ngờ? cô tự hỏi, vội vã tiến qua phòng về phía Langdon, người đang giữ tác phẩm nghệ thuật trượt sang bên cho cô. Khi cô đến bên cạnh anh, tuy nhiên, cô nhận thấy Langdon đang nhìn chăm chăm vào một cái gì đó phía sau cô. “Chuyện gì vậy?” cô hỏi, liếc lại qua vai. “Chiếc ghế sofa trên bức tường xa... nó lệch một bên.” Katherine nhìn chiếc ghế sofa. Thật sự, Robert? Một cạnh của chiếc ghế sofa dài màu trắng bị kéo lệch một góc so với bức tường. “Nó thẳng vào sáng nay khi tôi ngồi lên,” anh nói, vẫn nhìn vào chiếc ghế sofa. “Tôi không biết liệu tôi đã bỏ lỡ điều đó, hay nó đã bị di chuyển, hay—” “Hay là bạn quên thuốc OCD của mình?” Langdon lại quay sự chú ý về phía cô. “Xin lỗi,” anh nói, lắc đầu. “Những ký ức eidetic có thể làm bạn phân tâm.” “Rõ ràng,” cô nói với một nụ cười. “Chúng ta sẽ sửa chữa tình huống feng shui khẩn cấp này, hay chúng ta sẽ cố gắng tìm cơ sở này và cứu mạng sống của mình?” “Đúng.” Langdon dẫn cô vào hốc sáng mờ. Bên trong, Katherine nhìn thấy một bàn phím cảm ứng phát sáng bên cạnh cánh cửa thang máy. “Bàn phím này chỉ dành cho Brigita sử dụng,” Langdon nói. “Đây là cách cô ấy có thể truy cập vào phòng lab riêng của mình ở một tầng dưới chúng ta.” “Nhưng bạn nghĩ có một lối vào riêng cho Threshold ẩn ở đâu đó quanh đây?” Katherine hỏi. “Đúng, thực tế, tôi nghĩ nó nằm ngay trước mặt chúng ta.” Anh ra hiệu về phía thang máy. “Nếu tôi đúng, thì hẻm thang máy này đi sâu hơn nhiều—nhưng để xuống tận Threshold, bạn sẽ cần một thẻ RFID như chúng ta đã thấy trong cặp của Gessner.” Anh chỉ vào một tấm kính đen tròn, bóng bẩy gắn trên tường ngay phía trên bàn phím. Katherine chưa thấy nó. Một đầu đọc RFID. “Tôi đã nhận thấy cái đầu đọc này vào sáng nay, nhưng khi chúng ta ở dinh thự của đại sứ, tôi đã nhận ra nó là gì. Tôi chợt hiểu tại sao Gessner có thể có hai phương pháp ủy quyền cho cùng một thang máy. Nếu tôi đúng, thì tất cả những gì chúng ta cần là thẻ truy cập từ cặp của cô ấy, mà tôi đã thấy trước đó trong lab của cô ấy ở tầng dưới.” Langdon đã bắt đầu nhập mã truy cập vào bàn phím. “Vậy bạn thật sự đã giải quyết được mã?” Katherine hỏi. “Một sự tri ân Ả Rập đối với một người Hy Lạp cổ đại... có thêm một chút chanh?” “Một chút Latin,” anh sửa lại với một nụ cười. “Bạn đã say.” Anh hoàn thành việc gõ mã truy cập, và thang máy vang lên sống động. Ấn tượng, Katherine nghĩ. Anh có thể giải thích cho tôi sau. Thang máy dường như mất một thời gian dài để đến, nhưng khi nó đến, Katherine nhận thấy rằng khoang thang máy khá lớn, bất ngờ rộng rãi cho việc sử dụng riêng của Gessner. Có lẽ nó phù hợp hơn để vận chuyển nhân sự và thiết bị. Cho đến nay, logic của Langdon dường như hợp lý. Họ bước vào bên trong và xuống một tầng. Khi thang máy mở, Katherine đang nhìn xuống một hành lang dài với những bức tường đá, sàn nhà lát đá bóng loáng, và ánh sáng điểm hiện đại. Nó tạo ra ấn tượng rằng Thế Giới Cũ và Thế Giới Mới đã đạt được một thỏa hiệp kỳ lạ nào đó. Khi họ bước ra thang máy, Langdon chỉ ra một đầu đọc RFID khác trên tường, và Katherine gật đầu công nhận. Họ bắt đầu đi bộ. Cô không muốn nhìn thấy cảnh tượng macabre phía trước—mà Langdon đã mô tả cho cô một cách chi tiết—nhưng cô cảm thấy ngày càng tự tin rằng lý thuyết của Langdon có thể đúng. Nếu vậy, kế hoạch rất đơn giản: ngay khi họ có thẻ truy cập của Gessner, họ sẽ xuống Threshold. Họ tiến bước dọc theo hành lang, đi qua một văn phòng nhỏ dành cho Gessner và Sasha, một phòng lab chụp MRI, và một cánh cửa với một biểu tượng của một người đeo kính VR. Phòng lab thực tế ảo của cô ấy, Katherine nghĩ, nhớ lại việc Gessner đề cập đến VR tối qua trong bữa tối. Vào thời điểm đó, Katherine không nghĩ nhiều về nó, nhưng bây giờ, sau cuộc trò chuyện về chứng động kinh của Sasha và những trải nghiệm ra khỏi cơ thể, cô tự hỏi liệu thực tế ảo có thể có liên quan theo một cách đặc biệt nào không. Như một trải nghiệm ra khỏi cơ thể nhân tạo... “Cặp của Brigita...” Langdon nói, giọng nói có phần chần chừ. “Nằm trong phòng cuối hành lang. Cùng với... thi thể của cô ấy.” Katherine liếc nhìn Langdon, người bỗng nhiên có vẻ xanh xao. “Bạn ổn chứ?” Anh gật đầu một cách ảm đạm. “Cảm ơn. Tôi chỉ không muốn nhìn thấy xác cô ấy một lần nữa. Sáng nay, khi tôi thấy lần đầu, tôi đã nghĩ đó là bạn.” Katherine quàng tay quanh eo anh

khi họ đi, nhớ lại những nỗi sợ hãi hùng của mình trước đó rằng Langdon đã chết đuối. Cô đã chứng kiến nhiều cái chết trong nghiên cứu của mình, nhưng chúng luôn là bình yên, được chờ đợi và tách biệt về mặt lâm sàng. Đây là một điều gì đó khác—bạo lực và đáng lo ngại. “Tôi cố gắng nghĩ về một thi thể như một cái vỏ trống,” Katherine nói. “Không còn là một con người nữa. Một hình nộm vô hồn.” “Cảm ơn, tôi sẽ ghi nhớ điều đó,” anh trả lời, nhìn không kém phần lo lắng. “Nếu bạn suy nghĩ về điều đó, khi một loài mà chúng ta thường hoàn toàn không hợp lý với xác chết. Ngay cả khi không còn dấu vết nào của người thân yêu trong cơ thể, chúng ta vẫn ướp xác, ăn mặc và an táng nó, rồi sau đó thường xuyên thăm viếng! Nhiều người trong chúng ta thậm chí còn mua những quan tài sang trọng, có đệm để đảm bảo rằng cơ thể sẽ được ‘thoải mái.’ ” Langdon cố nặn ra một nụ cười yếu ớt. “Tôi sẽ dám nói rằng thực hành này chủ yếu là vì những người sống hơn là cho những người đã chết.” “Đúng vậy, nhưng thực tế, các tài liệu về những trải nghiệm cận tử rõ ràng cho thấy rằng con người khi chết cảm thấy nhẹ nhõm khi từ bỏ những cơ thể già nua, bị thương, hoặc ốm đau. Theo tất cả các tài liệu, những người đã khuất quan tâm đến những gì xảy ra với xác chết của họ sau khi qua đời cũng như họ quan tâm đến những chiếc xe cũ mà họ từng lái. Hoàn toàn không.” Tôi yêu một người phụ nữ có thể giải thích về sự sống và cái chết bằng một phép so sánh ô tô cũ, Langdon nghĩ khi họ đến phòng làm việc lộn xộn nơi anh đã phát hiện ra xác của Gessner trong pod EPR ngày hôm nay. “Có thể chờ ở đây?” anh đề nghị, hy vọng bảo vệ Katherine khỏi cú sốc khi nhìn thấy xác chết. “Tôi sẽ trở lại ngay.” Rồi Katherine ở cửa, Langdon vội vàng bước vào trong, cố ý tránh ánh mắt khỏi pod và thay vào đó hướng đến bàn làm việc ở phía xa của phòng. Chiếc cặp da của Gessner, như dự đoán, nằm đúng chỗ anh đã thấy nó trước đó. Anh đã cho rằng cái cặp có lẽ đã bị khóa và cần sức mạnh để mở, nhưng khi đến nơi và kiểm tra, anh đã tìm thấy điều hoàn toàn bất ngờ. Các chốt của chiếc cặp đã được mở sẵn... ổ khóa đã bị phá hủy. Ôi không... Langdon nắm lấy chiếc cặp và kéo nắp mở ra, thấy tất cả các vật phẩm từ tối qua—tài liệu, tập hồ sơ, điện thoại, bút. Toàn bộ nội dung có vẻ nguyên vẹn... ngoại trừ một vật mà họ cần. Thẻ RFID của Gessner đã không còn trong vỏ bảo vệ. Lo lắng, Langdon moi ngón tay vào trong vỏ, hy vọng rằng thẻ đã trượt xuống, nhưng không có gì ở đó. Sau khi đồ hết đồ trong cặp ra và tìm kiếm qua các nội dung hai lần, anh chấp nhận sự thật tàn khốc. Quyền truy cập của chúng ta vào Threshold đã mất. “Không sao cả,” Katherine nói một cách âm trầm, giọng cô gần hơn kỳ vọng. Langdon quay lại và thấy rằng Katherine không còn ở cửa nữa. Cô đã vào trong phòng và đang khụy bên cạnh pod EPR, nhìn xuống xác của Gessner. “Thẻ của Brigita sẽ không giúp được chúng ta,” Katherine thì thầm, ngẩng mắt nhìn anh. “Nó là sinh trắc học.” “Xin lỗi?” Langdon tiến về phía cô. “Thẻ của cô ấy không hoạt động trừ khi nó phát hiện dấu vân tay của cô ấy.” “Tại sao bạn lại nói như vậy?” Katherine chỉ vào một vật nằm trên sàn gần pod—một chiếc cắt dây với dao bị bôi máu. “Bởi vì ai đó đã lấy thẻ của Brigita... cũng đã lấy cả ngón tay cái của cô ấy.”

MỘT CHUỖNG 92 một mình trong văn phòng của mình, nữ đại sứ nhìn xuống tờ ghi chú đã được để lại trên xác của Michael Harris. Đến: Đại sứ Mỹ Heide Nagel Riêng tư và Cá nhân Bức thư được viết tay, không ký tên, và chỉ chứa hai dòng. Nagel đã đọc nó vài lần bây giờ, lâm vào tình trạng không ổn định bởi nội dung của nó. Cô đã hoàn toàn mong đợi bức thư của kẻ giết người sẽ tối tăm và đe dọa, và cô đã chuẩn bị tâm lý. Nhưng ghi chú này ngắn gọn và kỳ lạ một cách bị kiểm chế. Hầu như lịch sự. Xin hãy giúp Sasha. <https://youtu.be/pnAFQtzAwMM> Chỉ có vậy? Anh ta muốn tôi giúp Sasha? Bối rối, nữ đại sứ với tay tới bàn phím máy tính và bắt đầu gõ URL mà kẻ giết người đã gửi. Nếu tệp đó ở trên USB hoặc đính kèm vào một email, Nagel chắc chắn đã biết tốt hơn khi mở nó trên máy tính của đại sứ quán, nhưng một liên kết công khai thì đủ an toàn. Khi cửa sổ YouTube mở ra, Nagel thấy một video dường như do nghiệp dư thực hiện từ một chiếc điện thoại di động được chặn bên cạnh một cái thùng dài, thấp mà khiến cô nhớ đến những “quan tài vận chuyển” cứng used by quân đội để đưa xác về quê. Cơ thể bên trong cái thùng này, tuy nhiên, rất sống động, đang vật lộn chống lại những dây Velcro giữ cô lại. Người phụ nữ này nhỏ nhắn, ăn mặc phong cách, với làn da nhợt nhạt và mái tóc đen níu chặt lại. Ôi trời... Tiến sĩ Brigita Gessner, nữ đại sứ biết ngay lập tức, lùi lại khi cô nhớ lại mô tả của Langdon về việc tìm thấy xác của Gessner. Cô đột nhiên lo sợ rằng mình sắp chứng kiến những giây phút cuối cùng của Gessner trong cuộc đời. Đây có phải là một bộ phim giết người không?! Câu hỏi này được trả lời một khoảnh khắc sau khi kẻ tấn công của Gessner bước vào khung hình. Hình dáng bị che mặt mặc đồ đen, và khi khuôn mặt anh ta hiện ra, Nagel đã lùi lại khỏi màn hình. Người đàn ông có một lớp đất sét dày trên mặt, và trên trán anh ta được khắc ba chữ cái Hebrew. Nagel khá quen thuộc với lịch sử của Prague, và cô

không nghi ngờ gì rằng đây là điều gì. Anh ta hóa trang như golem? Càng lúc cô càng thấy kinh hoàng, cô theo dõi những gì tiếp theo — một cuộc thăm vấn tàn bạo liên quan đến các đường truyền IV và một cái gì đó kiểu như

quá trình y tế mà Nagel chưa từng thấy trước đây. Cảm giác đau đớn thật khủng khiếp, nhưng thông tin được tiết lộ —lời thú tội chi tiết của Gessner—để lại Nagel choáng váng. Khi video đi đến kết thúc ghê rợn của nó, Đại sứ Nagel nhắm mắt lại. Cô hít một hơi thật sâu, cố gắng hấp thụ tất cả những gì cô vừa mới học được. Có nhiều khía cạnh trong lời thú tội của Gessner mà Nagel không hiểu, nhưng có một điều thì rõ ràng đáng báo động. Dự án tối mật mà Nagel đã mù quáng giúp đỡ giờ đây đang có nguy cơ bị công khai, và hậu quả sẽ thảm khốc. Những gì cô vừa nghe về chương trình đã làm cô kinh tởm, và cô chỉ có thể tưởng tượng thế giới còn lại sẽ phản ứng ra sao. Lo lắng, Nagel với tay lấy điện thoại của mình. Thời điểm đã đến để thực hiện một cuộc gọi rất nguy hiểm. Một cuộc gọi mà lẽ ra tôi nên thực hiện từ nhiều năm trước. Bị chìm ngộp, ở một nơi nào đó trong khoảng không vô tận của bóng tối, Sasha Vesna cố gắng định vị lại bản thân. Thế giới này thật xa lạ với cô. Mình ở đâu vậy?! Sasha không phải là người lạ lẫm với cảm giác mất phương hướng và cảm giác không còn kết nối với cơ thể, nhưng những khoảng thời gian đó luôn đi kèm với bóng tối hoàn toàn. Không có ánh sáng, không có bóng đổ, không có bất kỳ kích thích thị giác nào. Nhưng tôi thấy ánh sáng... Chắc chắn là ánh sáng. Mờ, nhẹ, xa xăm. Ai đã đưa tôi đến đây? Trong trạng thái mơ màng, cô không thể nhớ gì về cách mà cô đến được nơi này. Cô cảm thấy mình đang nằm ngửa, và cô cố gắng ngồi dậy, nhưng cô cảm thấy bị kẹt bởi một trọng lượng không thể di chuyển. Tôi bị ràng buộc? Hay là bị liệt? Với nỗi hoảng loạn đang dâng lên, Sasha cố gắng định vị lại bản thân... nhưng nỗ lực chỉ khiến cô thêm mệt mỏi, và ánh sáng bắt đầu mờ đi. Một dòng chảy ngầm đã bắt đầu cuộn lên bên dưới cô, eroding cái thế giới vật chất đang kìm hãm cô. Rồi, với một sức mạnh áp đảo, dòng thủy triều ào ạt dâng lên, tràn qua cô như một làn sóng, và nhấn cô trở lại vào bóng tối hoàn toàn.

CHƯƠNG 93

Sâu bên trong Threshold, The Gollem cảm thấy như một bóng ma của chính mình. Cơ thể anh vẫn đang sốc. Theo nghĩa đen. Vài phút trước, khi đến được buồng sâu nhất của cơ sở ngầm này, anh đã bị choáng ngợp bởi cảm xúc. Anh cảm thấy một cơn tê quện thuộc ở thái dương. Hơi Ether bắt đầu quy tụ...di chuyển nhanh chóng...đe dọa nuốt chửng anh whole. Theo bản năng, The Gollem đã cho tay vào túi áo choàng của mình để lấy chiếc chìa kim loại, nhưng anh nhận ra trong một khoảnh khắc hoảng loạn rằng chiếc chìa đã biến mất. Anh đổ hết đồ trong túi xuống sàn, sắp xếp qua tất cả những vật phẩm rơi ra. Chiếc chìa không ở đây...Tôi đã đánh mất nó trong lúc đấu tranh với người phụ nữ ở trên lầu. The Gollem biết giờ mình đang là nạn nhân của tình trạng này, không còn lựa chọn nào khác ngoài việc chấp nhận cơn co giật sắp xảy ra. Anh đã chuẩn bị tốt nhất có thể, thực hiện những biện pháp phòng ngừa vội vàng, tìm một chỗ an toàn để nằm xuống tránh té ngã. Những cơn co giật ập đến mạnh mẽ, khiến anh bất tỉnh. Khi The Gollem lấy lại ý thức, anh không chắc đã trôi qua bao nhiêu thời gian. Anh cần vài phút để lấy lại thăng bằng. Cuối cùng, tập hợp sức lực, anh đứng dậy ở chiều cao tối đa của mình và lại nhìn vào không gian ngoằn ngoèo xung quanh. Để thiết kế một thứ như thế này trong sự bí mật hoàn toàn dường như là một feat gần như không thể, nhưng giờ đây anh đã hiểu ai là người đứng sau tất cả. Họ có ảnh hưởng — và tài nguyên — gần như không giới hạn. Khi tái tham gia, The Gollem đã xua tan sự mơ màng hậu co giật của mình và quay trở lại chỗ mà anh đã đổ hết đồ trong túi áo choàng để tìm chiếc chìa. Ngồi xổm xuống bốn chân, anh thu thập từng món đồ một, trả chúng lại vào túi—chiếc súng điện Vipertek và một hộp nhựa mà anh đã lấy từ một bề mặt làm việc gần đó, hộp đã từng chứa đinh và bu lông, nhưng giờ đây chứa thẻ RFID màu đen của Brigita Gessner... và ngón tay cái bị cắt đứt của cô. Quyền truy cập của tôi vào Threshold. Như đã dự kiến, dấu vân tay của Brigita đã ngay lập tức ủy quyền cho thẻ mỗi khi anh nhấn chúng lại với nhau. Và đã dẫn tôi đến nơi thánh đường này. Gessner đã thừa nhận sự tồn tại của căn phòng này, và giờ đây khi The Gollem đã tự mình thấy nó, anh cảm thấy được tiếp thêm sức mạnh bởi nhu cầu phá hủy nó. Quyết tâm hơn, anh di chuyển đến những nơi sâu nhất của buồng, đi qua một cánh cửa kính, và tìm thấy điều mình đang tìm kiếm—một ô được rào chắn bởi một công an toàn. Bên kia công, sàn nhà là một nền kim loại, được in dấu với những chữ: □□□□□□ / □□□□□□□□ The Gollem bước lên nền và, dùng đầu giày của mình, đè xuống một nút đỏ quá khổ trên sàn. Một tiếng xì mềm mại của không khí thoát ra ở đâu đó bên dưới anh, và nền bắt đầu hạ xuống, kéo anh qua sàn.

Việc hạ xuống là ngắn—có lẽ chỉ mười hai bộ. Khi nền dừng lại, đèn huỳnh quang nhấp nháy sáng lên để hiện ra một đường hầm có trần thấp kéo dài ngược lại con đường anh đã đến, bên dưới trái tim của cơ sở. Khi The Gollem di chuyển dọc theo đường hầm bê tông chật hẹp, anh đi qua những hầm kiên cố chứa máy phát điện, bom, và các thiết bị xử lý không khí,

và các bảng điều khiển, cùng với hàng dặm ống đồng, hệ thống thông gió và dây điện cách nhiệt dày. Tất cả đều được kết nối như một hệ sinh thái đang rít lên, thờ ra, và nhấp ánh sáng. Dù không có nhân viên tại Threshold, nhịp tim của cơ sở này vẫn rất sống động. Chỉ còn một thời gian ngắn nữa thôi, The Gollem tự nhủ, tiến về hướng đích cuối cùng của mình.

CHƯƠNG 94

Katherine đứng bên trên pod EPR và nhìn xuống cái ngón tay cái bị cắt cụt mang đầy máu của Brigita, nơi đó đã bị snipped ngay dưới khớp. Trong một khoảnh khắc, tất cả suy nghĩ về việc bước vào Threshold tan biến... bị ghi đè bởi sự kinh hoàng của cảnh tượng trước mắt cô. Ôi, Brigita...tôi thật sự xin lỗi. Sự ghê tởm của cái ngón tay cái bị cắt đứt gần như không có ý nghĩa gì so với bối cảnh u ám của cảnh vật xung quanh. Bên trong pod, khuôn mặt của nhà thần kinh học đang bị méo mó vì đau đớn, đôi mắt cô nhìn vào khoảng không, đôi môi kéo ra thành một cái nhăn mặt. Da cô đã mất hết màu sắc. Cổ tay và cổ chân của Gessner bị rít vì chống cự lại các đai Velcro, và cả hai cánh tay đã bị đâm thô bạo bởi các catheter IV. Một catheter đã vỡ ra từ thịt, phủ lên cánh tay cô bằng máu đã đông lại, đã chuyển sang màu đỏ thẫm. Một IV ngoại vi? Katherine tự hỏi. Không lạ gì khi IV thất bại. Gessner đã mô tả thiết bị EPR nguyên mẫu này như là một “máy bắc cầu đã được chỉnh sửa,” mà cô đã sử dụng để thay thế dung dịch muối siêu lạnh bằng máu nhằm làm chậm quá trình chết. Loại bắc cầu đó rõ ràng cần tối thiểu hai catheter IV ở động mạch đùi. Đây chắc chắn không phải cách bạn kết nối một ECMO. Quan sát cách thiết lập, Katherine kết luận rằng bất cứ ai đã thực hiện điều này với Brigita hoặc là đã hoàn toàn không đủ năng lực, hoặc có thể, đã biết quy trình này sẽ giết cô và đã chọn việc áp dụng muối lạnh từ từ để gây đau đớn. Katherine rùng mình khi tưởng tượng nỗi đau đớn mà Gessner đã phải chịu đựng nếu cô không được an thần trước đó. Hơn nữa, cái máy này trông như một nguyên mẫu thô kệch, được chế tạo nhanh chóng...chắc chắn không sẵn sàng cho thử nghiệm trên người. Khi Langdon đến bên cô, Katherine giật mình thấy một chiếc điện thoại thông minh trong tay anh. “Đó có phải là của Brigita không?” cô hỏi. Anh gật đầu. “Nó vẫn hoạt động, nhưng gần hết pin. Mã truy cập thang máy của cô không mở được nó, nhưng...” Anh quỳ xuống bên cạnh pod, trông nghiêm trọng khi giờ chiếc điện thoại lên trên mặt Brigita. “Tôi tự hỏi liệu nhận diện khuôn mặt có thể phân biệt giữa người sống và—” Chiếc điện thoại phát ra tiếng kêu. Langdon đứng dậy và bắt đầu vuốt qua điện thoại. “Chờ đã, anh đang làm gì vậy?!” Katherine hỏi. “Đại sứ cần biết rằng chúng tôi đã thất bại,” anh nói nhỏ. “Kế hoạch của tôi để vào Threshold phụ thuộc vào việc thế đó—” “Đưa điện thoại cho tôi!” Katherine kêu lên, giờ tay ra. “Tôi có một ý tưởng...” Langdon nhìn khi Katherine nhanh chóng lướt qua thiết bị của Gessner. Cô ấy đang tìm gì vậy? “Brigita thông minh...và hiệu quả,” Katherine lẩm bẩm với bản thân, lướt qua các màn hình. “Chắc chắn nó phải ở đây!” “Cái gì phải ở đó?” “Một bản sao NFC...” “Tôi không biết—” “Giao tiếp gần,” Katherine làm rõ, vẫn đang lướt qua. “Đó là công nghệ cho phép bạn vẫy điện thoại thông minh hoặc đồng hồ của mình trước máy quét RFID để tương tác không chạm—Apple Pay, cửa phòng khách sạn, vé máy bay sân bay.” Katherine tiếp tục lướt. “Hầu hết mọi người giờ đây cài đặt các bản sao thẻ tín dụng của họ vào ví điện tử vì việc mang theo điện thoại tiện lợi hơn rất nhiều so với mang theo tất cả thẻ của họ.” Cô nói có lý, nhưng Langdon nghi ngờ mạnh mẽ rằng cô sẽ tìm thấy điều mình đang tìm kiếm. “Cô thật sự không nghĩ Brigita đã tải một bản sao thẻ Threshold vào điện thoại của cô ấy, phải không? Ý tôi là...đó là một rủi ro lớn về an ninh.” “Ngược lại,” Katherine nói mà không ngẩng lên khỏi màn hình. “Các bản sao kỹ thuật số an toàn hơn nhiều so với thẻ vật lý vì sự tương tác được mã hóa, và người dùng có thể lập trình xác thực sinh trắc học đa yếu tố—nhận diện khuôn mặt, vân tay, quét võng, bất kỳ thứ gì bạn thích, cùng với một mã truy cập. Thực sự nó an toàn hơn nhiều so với một thẻ sinh trắc học. Và tốt nhất là, không ai thấy bạn lấy thẻ ra và bỏ vào cặp của bạn mỗi khi bạn đến một cánh cửa.” Điềm rất thú vị. Giải thích của Katherine mang đến một tia hy vọng, và tuy nhiên, càng lướt lâu cô càng trông ít hy vọng hơn. “Tôi không biết,” cô nói, cau có nhìn vào màn hình. “Ví điện tử của cô có rất nhiều thẻ, nhưng không có gì trông có ích. Tôi thấy thẻ tín dụng...thẻ ghi nợ...thẻ thương...ID...truy cập gara...giao thông công cộng...câu lạc bộ sức khỏe...bảo hiểm...thẻ khách hàng hãng hàng không—” “Câu lạc bộ sức khỏe,”

Langdon ngắt lời. Katherine ngược lên. “Hãy nhớ lại đêm qua?!” anh thúc ép. “Khi tôi hỏi Brigita về cái thẻ đen với mũi giáo Vel? Cô ấy nói đó là thẻ câu lạc bộ sức khỏe của cô ấy. Nghe như một lời nói dối... vậy có thể đó là cách cô ấy ngụy trang cho nó?” Katherine quay trở lại màn hình và chạm vào phần nhập liệu đó. Một khoảnh khắc sau, nụ cười mờ nhạt xuất hiện trên môi cô. “Cái này có thể quen thuộc,” cô nói, đưa điện thoại cho anh. Hình ảnh của thẻ đã sao chép thì không thể nhầm lẫn. Langdon cảm thấy một cơn phản kích ập đến nhưng ngay lập tức bị dập tắt bởi văn bản bên dưới thẻ.

Yêu cầu về xác thực ba yếu tố

CẦN CÓ CÁC YÊU CẦU CRITICAL 1)

MÃ KÍNH “Mã duy nhất mà tôi biết là mã thang máy của cô ấy,” anh nói, “nhưng nó không hoạt động để mở khóa điện thoại.” “Nhưng nó có thể hoạt động ở đây,” Katherine thúc giục. “Thẻ này cung cấp quyền truy cập vào Threshold—giống như thang máy đã làm—vì vậy có thể hợp lý khi cô ấy sử dụng cùng một chuỗi.” Gessner là không gì khác ngoài sự hiệu quả, Langdon đồng ý, cẩn thận gõ mã. 314S159 Điện thoại phát ra âm thanh vui vẻ và chuyển sang màn hình tiếp theo. “Thực hiện tốt!” Langdon kêu lên. Xác thực thứ hai thì đơn giản hơn nhiều. 2) NHẬN DIỆN KHUÔN MẶT Một lần nữa, Langdon đưa điện thoại đến mặt Brigita, và thiết bị phát ra âm thanh, hiển thị màn hình cuối cùng. 3) QUÉT VÂN TAY Langdon nhìn xuống bàn tay bị quai dìm của Brigita và do dự. Katherine bước vào, nhẹ nhàng lấy điện thoại từ tay anh. Dường như không hề nao núng khi chạm vào cơ thể, Katherine đã khéo léo đặt ngón tay trở của Gessner lên điện thoại. Khi điện thoại phát ra âm thanh lần thứ ba và cuối cùng, Langdon cho rằng họ có thể sử dụng điện thoại để đi thang máy đến Threshold. Tuy nhiên, Katherine không mỉm cười khi cô ấy nghiên cứu màn hình. “Tin xấu,” cô rên rỉ. “Nó có một tính năng bảo mật khác.” Cô giơ điện thoại lên. “Xác thực chỉ kéo dài mười giây.” Trên màn hình, Langdon theo dõi đồng hồ đếm ngược giảm xuống không. Thẻ đã bị vô hiệu hóa và quay trở lại màn hình mặt khẩu ban đầu, yêu cầu thực hiện lại toàn bộ quy trình xác thực ba bước. Chết tiệt. “Và pin của cô ấy sắp hết,” Katherine thêm vào. “Thực sự là bất cứ lúc nào.” Nghĩ đi, Robert. Anh chưa thấy bộ sạc nào trong cặp của Gessner, và giờ anh đang cảm thấy gánh nặng tội lỗi ngày càng lớn khi đã thuyết phục Katherine và đại sứ mạo hiểm tất cả vì kế hoạch của mình. Trong một khoảnh khắc, Langdon tự hỏi liệu họ có thể tháo IV của Gessner, nâng cơ thể cô ấy ra khỏi buồng và bằng cách nào đó vận chuyển cô ấy đến thang máy. Không có thời gian. Hơn nữa, việc tháo thẻ xác của người chết và làm ô nhiễm thêm hiện trường vụ án chỉ khiến họ bị buộc tội nhiều hơn. “Chúng ta phải tìm cách vào Threshold, Robert... Chúng ta gần lắm rồi!” Bình luận của Katherine, dĩ nhiên, là hình tượng... và vẫn, vì lý do nào đó, lời nói của cô ấy được nhận thức một cách cụ thể. Chúng ta gần lắm rồi. Cụ thể là gần bao nhiêu? anh tự hỏi, hình dung hành lang dài được lắp đặt bên ngoài căn phòng này... và thang máy cùng đầu đọc RFID ở đầu xa. Gần mười giây? Usain Bolt đã lập kỷ lục thế giới bằng cách chạy một trăm mét trong 9.58 giây. Hành lang phải ngắn hơn một nửa vậy... tối đa bốn mươi yard. Katherine quay lại, lắc đầu, và Langdon ngay lập tức kể cho cô về kế hoạch của mình. “Chạy nước rút?” cô thách thức. “Tôi không thấy—” “Mười giây lâu hơn những gì có vẻ,” anh nói. “Tôi biết bạn thường chạy, Robert, nhưng đi giày lười trên sàn gỗ bóng?” “Đáng thử,” Langdon tranh luận. “Tôi nghĩ tôi có thể làm được.” Katherine kiểm tra pin của điện thoại, đôi mắt rộng mở. “Thì bạn nên làm được ngay từ lần đầu tiên.” Cô ngay lập tức bắt đầu quy trình xác thực ba bước khi Langdon đứng bên cạnh cô, tay duỗi ra như thể sẵn sàng nhận lấy một chiếc gậy tiếp sức. Khi điện thoại phát ra âm thanh lần thứ ba, Katherine đã tạt nó vào lòng bàn tay anh, và ngay lập tức anh lao mình qua căn phòng, nắm chặt điện thoại. Khi anh đến cửa, anh nắm lấy khung cửa và bật mình ra phía góc, bùng nổ vào một cú chạy nước rút đầy đủ xuống hành lang, đôi giày lười của anh tìm kiếm sự bám víu cẩn thận trên sàn gỗ mịn. Langdon bay qua nhà vệ sinh, phòng thí nghiệm VR, phòng thí nghiệm hình ảnh và rồi văn phòng, giờ đã thấy vòng tròn đen của đầu đọc RFID trên tường bên cạnh thang máy. Hai mươi yard nữa... Nhanh hơn! Khi anh gần đến thang máy, anh giơ điện thoại ra phía trước... và thấy màn hình đang đếm ngược. Ba... hai... Tôi sẽ không kịp. Katherine quay góc vào hành lang ngay khi Langdon va chạm với tốc độ tối đa vào cửa thang máy và đập điện thoại vào đầu đọc. Anh khụy xuống, hạ thiết bị, đặt tay lên đầu gối khi anh lấy lại sức. Anh đã không đến kịp... Nhưng ngay khi cô tiến về phía anh, dáng hình gục xuống của Langdon đột nhiên biến thành một bóng tối khi cửa thang máy mở ra, và ánh sáng từ bên trong đổ ra. “Bạn đã làm được!” cô gọi, chạy dọc hành lang đến Langdon, người đang giữ cửa thang máy mở, vẫn thở hổn hển. “Được rồi, Giáo sư,” cô nói. “Tôi ấn tượng.” “Mừng là nó

đã hoạt động... Một lần thử thứ hai sẽ là điều không thể.” “Điện thoại đã chết chưa?” “Không... Tôi thì có.” Cô mỉm cười và hôn anh lên má khi họ cùng nhau bước vào thang máy. Cửa đóng lại. Trong một khoảnh khắc dài, không có gì xảy ra. Và rồi Katherine cảm nhận được nó... cảm giác nhẹ nhàng trong cơ thể vật lý của cô. Họ đang hạ xuống. I CHUÔNG 95 ở một góc ẩm ướt trong tầng hầm của mình, Giám đốc CIA Gregory Judd toát mồ hôi rất nhiều. Còn sáu phút để hoàn thành bài tập thể dục buổi sáng trên chiếc xe đạp Stationary Airdyne mà ông đã sở hữu kể từ những ngày đầu làm thượng nghị sĩ. Vợ ông, Muffy, đã đặt một chiếc Peloton mới trong phòng khách cho ông, nhưng Judd thích

bóng tối và sự cô đơn. Những buổi sáng là khoảng thời gian riêng tư của anh để suy nghĩ—thường là về cách ngăn chặn thế giới nổ tung. Khi điện thoại di động trong giá để cốc kêu lên, anh ngạc nhiên khi thấy một số gọi không quen. Rất ít người có số này, và càng ít người dám gọi trước bình minh. Anh dừng đạp xe, lấy lại nhịp thở, và trả lời. “Có chuyện gì?” “Chào buổi sáng, Giám đốc,” giọng một phụ nữ vang lên với một nốt khẩn cấp. “Tôi là Heide Nagel ở Prague.” “Heide?” Cuộc gọi từ cự cổ vấn cấp cao của anh hoàn toàn bất ngờ. “Bây giờ chị là đại sứ—gọi tôi là Greg.” “Không bao giờ xảy ra, thưa ngài.” Anh mỉm cười. “Vậy thì, tôi có thể giúp gì cho chị?” Và ai đã cho chị số này? “Tôi cần hỏi anh một câu hỏi trực tiếp,” cô bắt đầu. “Và tôi rất mong nhận được một câu trả lời trung thực.” Bị làm phiền bởi giọng điệu lo lắng của cô, Judd đã xuống xe đạp. “Thực ra, tôi đang dùng điện thoại di động, và tôi thấy chị không sử dụng nền tảng an toàn, vì vậy một đường dây cố định sẽ—” “Tôi đã giải thích với nhân viên của anh rằng tôi là một đại sứ Mỹ, và đây là tình huống khẩn cấp về an ninh quốc gia. Đây là đường dây họ đã cung cấp cho tôi.” “Khẩn cấp về an ninh? Heide, tùy thuộc vào những gì chị muốn thảo luận, chúng ta có thể—” “Lẽ ra tôi nên hỏi anh điều này cách đây hai năm,” cô nói. “Nhưng tôi đang hỏi anh bây giờ.” Trước khi Judd có thể can thiệp, Nagel nói, “Các tài liệu mật mà tôi bị cáo buộc là đã lấy đi từ Langley—anh có biết Q đã gài bẫy tôi không? Anh có biết tôi đã bị giăng bẫy như một con rối ở Prague không?” Judd thở dài, không phải là người xa lạ với việc giữ bình tĩnh trong những khoảnh khắc căng thẳng. Anh chọn sự thật. “Vâng, Heide, tôi biết điều đó.” Sự im lặng theo sau cảm giác như một cơn bão đang dần hình thành. “Tuy nhiên,” Judd nhanh chóng thêm vào, “tôi đã phát hiện ra điều đó sau khi sự việc xảy ra. Vào thời điểm đó, tôi không hề hay biết. Chị là cố vấn pháp lý hàng đầu của tôi, và tôi đã rất ghét khi mất chị.” “Finch đã làm điều này sau lưng anh?!” “Ông ta có quyền tự chủ hoàn toàn để thực hiện nghĩa vụ của mình theo cách mà ông ta thấy hợp lý,” Judd nói, đi qua lại trong tầng hầm. “Tôi rất tức giận khi phát hiện ra, nhưng chị đã được thiết lập ở Prague, và cũng có những cân nhắc an ninh quốc gia trong khu vực. Việc làm nổ tung mọi thứ dường như là điều phản tác dụng. Chị biết rõ giá trị của việc có một người của mình ở bên ngoại giao để giúp điều hướng sự phức tạp của công việc tình báo nước ngoài.” “Vâng, tôi đã rất có giá trị đối với Finch và dự án này—thể hiện sức mạnh ngoại giao khi được yêu cầu—cắt giảm giấy tờ, vượt qua lực lượng thực thi pháp luật địa phương, nghe lén qua các phòng khách sạn... ép buộc Michael Harris theo dõi Sasha Vesna.” Chết tiệt. “Tôi không muốn sử dụng tên trên một đường dây mờ—” “Anh có biết tôi đã ép Michael vào tình huống đó dựa trên tuyên bố của Finch rằng Sasha là người có liên quan. Nhưng anh ta từ chối nói cho tôi biết lý do tại sao chị ấy lại quan trọng. Anh có biết không, Greg?” “Thế là đủ rồi. Tôi đang cúp máy—” “Nó có liên quan gì đến cơ sở mật mà anh sắp mở dưới Công viên Folimanka không?” Giám đốc Judd dừng bước và đứng khựng lại. “Đại sứ Nagel,” anh trả lời với tất cả sự bình tĩnh mà anh có thể có được. “Khi mà tôi không biết chị đang nói gì, tôi đề nghị chị cho tôi mười lăm phút—” “Tôi đã gửi cho anh một liên kết video,” cô nói, giọng như đá. “Anh sẽ nhận được tại văn phòng. Và khi anh xem nó, anh sẽ thực hiện một việc gì đó cho tôi.” “Thật vậy sao?” anh thách thức. “Gọi tôi khi anh đã xem video. Tôi nghĩ anh sẽ thấy yêu cầu của tôi là hợp lý.” “Yêu cầu của chị... Và nếu tôi không thể đáp ứng chúng?” “Anh là giám đốc CIA. Có rất ít điều anh không thể làm.” Anh sẽ khôn ngoan nếu không quên điều đó. “Và nếu tôi chọn không làm?” “Thì video này sẽ trở thành công khai,” cô nói phẳng phiu. “Nó chứa thông tin chi tiết về dự án của anh, và nội dung cực kỳ đáng lo ngại. Anh sẽ muốn nhanh lên. Đây là một liên kết công khai, và ai đó sẽ tình cờ phát hiện ra nó, có lẽ trong vài giờ tới.” Heide Nagel đã rơi vào tình thế sâu hơn rất nhiều so với khả năng của cô. “Heide, chị biết rằng nhân viên của tôi có thể đơn giản xóa—” “Tôi đã tải xuống tệp và làm nhiều bản sao. Rất nhiều bản. Chúng nằm trong tay an toàn.” “Chị đã mất trí não?!” Judd hỏi. “Tôi hiểu cơn giận của anh, nhưng tại sao chị lại dám đe dọa—” “Bởi vì, Greg,” Nagel bùng nổ, “tôi đã là tổn thất phụ lâu quá rồi! Tôi đã chỉ là một đồng nghiệp trung thành, và tôi xứng đáng nhận được một chút trung

thành từ mọi người. Vì vậy hãy đứng lên và làm điều đúng đắn, chết tiệt!” Judd chưa bao giờ nghe thấy Nagel mất bình tĩnh, và thực sự, điều đó làm anh sợ hãi. Heide Nagel là một người mạnh mẽ. Và những người không ổn định thường đưa ra những quyết định cực kỳ tồi tệ. “Tôi sẽ gọi cho chị trong vòng một giờ,” Nagel quát. “Và nếu tôi biến mất, hãy tin tôi, chị sẽ thấy video này trên mọi kênh tin tức trên trái đất.” “Đại sứ, tôi khuyên chị—” Cô đã cúp máy.

Nagel hiếm khi uống rượu, đặc biệt là vào giữa trưa, nhưng ly Becherovka mà cô vừa rót từ quầy bar trong văn phòng cảm giác là rất cần thiết. Bàn tay cô vẫn hơi run rẩy khi cô ngồi xuống sau máy tính và tải về một bản sao của video vào máy tính để bàn. Chỉ để đề phòng, cô tải về một bản sao thứ hai, đổi tên nó thành “Công thức”, và chôn nó sâu trong hệ thống thư mục của mình. Tiếp theo, cô tìm kiếm trong ngăn bàn và tìm thấy một chiếc USB đơn độc—một bài thuyết trình PowerPoint cũ mà cô đã thực hiện cho Hiệp hội Phụ nữ Quốc tế tại Prague. Sau khi xóa bài thuyết trình, cô sao chép video thú tội của Gessner vào USB và đặt nó vào một túi ngoại giao kích thước thư có con dấu của đại sứ quán. Cô kéo khóa túi lại và lồng khóa an ninh bằng nhựa vào khóa kéo, ghim chặt nó cho đến khi khóa lại một cách vĩnh viễn. Rồi cô ghi địa chỉ cho các trường thông tin trong túi, trực tiếp gửi nó đến... chính mình. Theo Điều 27.3 của Công ước Vienna về Quan hệ Ngoại giao, bất kỳ ai khác mở túi này đều phạm tội bị xử phạt. Khi Nagel bắt đầu tìm kiếm trong văn phòng của mình một nơi an toàn để lưu trữ túi niêm phong, cô nhận ra rằng không có nơi nào thực sự an toàn trong văn phòng này. Cô muốn tin rằng Giám đốc Judd sẽ đưa ra quyết định đúng đắn, nhưng nếu ông ta quyết định phản bội cô, văn phòng này sẽ là nơi đầu tiên mà ông ta nhắm tới. “Scott!” cô hét lên, mang túi về phía cửa. Người canh gác của cô đang đợi bên ngoài và lập tức bước vào. “Tôi cần giao phó cái này cho bạn,” cô nói. “Dĩ nhiên, thưa bà,” anh ta đáp, nhìn vào bàn tay của cô. “Túi hay là cocktail?” Cô nhìn xuống. Ugh. “Túi, Scott.” Cô đưa nó cho anh ta. “Giữ nó an toàn. Đừng tiết lộ với ai cả. Và tôi có nghĩa là không ai. Tôi có thể tin tưởng bạn về điều đó không?” “Dĩ nhiên, thưa bà.” Anh ta cho túi vào ngực áo đồng phục và nhìn cô với vẻ lo lắng. “Mọi thứ ổn chứ, thưa bà?” “Mọi thứ đều ổn, cảm ơn. Cái chết của ông Harris đã khiến tôi cảm thấy hơi...” Giọng cô ngắt quãng. “Có tin tức gì từ cơ quan pháp y chưa?” “Chưa, thưa bà.” “Bạn có thể liên lạc với cô Daněk và yêu cầu cô ấy quay lại ngay được không?” “Dĩ nhiên, thưa bà.” Người lính Thủy quân lục chiến do dự. “Mặc dù... tôi nên cảnh báo bà rằng cô Daněk đã rất khó chịu khi chúng tôi tìm thấy thi thể của ông Harris. Có vẻ như họ đã rất thân thiết.” Vâng, Nagel nghĩ, xấu hổ vì đã lợi dụng tình cảm của họ để ép buộc. “Cảm ơn vì đã báo cho tôi. Tôi có một tình huống cấp bách ở đây cần đến kỹ năng của cô ấy.” Tôi hy vọng cô ấy sẽ chuyên nghiệp. Trung sĩ Kerble rời đi, và Nagel quay lại bàn làm việc của mình. Cô uống một ngụm dài từ ly. Thư từ kẻ giết người của Harris đang nhìn chăm chăm vào cô. Làm ơn hãy giúp Sasha. Tôi không thể giúp cô ấy nếu tôi không thể tìm thấy cô ấy, Nagel nghĩ khi cho bức thư vào ngăn kéo. May mắn thay, Prague có một hệ thống giám sát vô song. Thách thức không phải là tìm Sasha—mà là thuyết phục Dana Daněk giúp đỡ trong nhiệm vụ này. Golêm đã đi qua một lối đi cơ khí chật hẹp kéo dài gần một trăm mét, kéo dài như một cái xương sống kéo dài bên dưới lõi của Threshold. Sau khi đến cuối, anh đang đứng trước một cánh cổng khác thường. Cánh cửa bằng thép, hình bầu dục và không có cửa sổ, với một bánh xe nặng để niêm phong và mở nó ra. Nó trông giống như một nắp tàu ngầm kín. Biển báo viết: □□□□ □□□□□□□□ □□□□□□□□ □□□□ Đêm qua, Gessner đã tiết lộ cho anh về công nghệ bắt ngờ được chứa trong căn phòng độc đáo này. Cuộc nghiên cứu web của Golêm sáng nay đã cung cấp phần còn lại của thông tin mà anh cần, bao gồm xác nhận lý do khoa học mà máy ở vị trí chính xác này. Ngay phía dưới một đặc điểm nổi tiếng trong Công viên Folimanka. Cấu trúc bên trên họ là một trong những di tích hiếm hoi còn lại của hầm tránh bom thập niên 1950, và khách du lịch thường chụp ảnh tự sướng bên cạnh nó. Tất nhiên, không ai nghi ngờ, rằng Golêm đã học được gần đây—rằng đặc điểm này đã được tái sử dụng một cách thông minh để phục vụ nhu cầu của Threshold. Nó bây giờ là một ống thông gió cho căn phòng kín ở phía sau cánh cửa này. Golêm dừng lại một chút để lấy lại hơi thở trước khi cố gắng quay bánh xe. Thiếu đũa phép của mình, anh cần phải cẩn thận; một cơn co giật khác ở đây có thể nguy hiểm, đặc biệt là xung quanh nhiều bề mặt cứng và cạnh sắc. Khi cảm thấy mình đã ổn định, Golêm đặt chân vững, nắm chặt bánh xe, và xoay nó ngược chiều kim đồng hồ. Bánh xe chỉ nhúc nhích, xoay chỉ vài centimet. Anh hình dung khuôn mặt của Sasha, và sự ngây thơ của cô mang lại cho anh sức mạnh. Tôi làm điều này cho tất cả những ai đã bị lạm dụng ở đây. Cho bạn... cho tôi... và cho tất cả những người sẽ đến. Nghiến chặt răng, anh lại cố xoay bánh xe một lần nữa. MỘT CHƯƠNG

96 khi thang máy tiếp tục rơi sâu hơn vào sườn dưới Bastion Crucifix, Robert Langdon.

Ông tìm thấy mình đang chiến đấu với một làn sóng lo âu. Anh đã tập trung quá nhiều vào nhiệm vụ tiếp cận cơ sở đến nỗi không tưởng tượng đầy đủ về lộ trình mà anh sẽ cần phải đi để đến đó. *Mình đang bị nhốt trong một cái ống hẹp, xung quanh là hàng triệu tấn đá.* Anh cũng không biết mong đợi điều gì khi cửa thang máy mở ra. Đại sứ đã nói với họ rằng Threshold chưa hoạt động, và vì thế, bà nghi ngờ họ sẽ gặp bất kỳ nhân viên an ninh nào khi vào bên trong. Nhưng không có cách nào để biết chắc chắn. Langdon cũng thấy mình đang cân nhắc về tình huống đã phát sinh vài phút trước. Ai đó đã lấy thẻ truy cập của Gessner... và gỡ bỏ ngón tay cái của cô. Rõ ràng, tội ác rùng rợn này đã được thực hiện để có được quyền truy cập vào Threshold, nhưng câu hỏi là, khi nào thì điều này đã xảy ra? Liệu kẻ đột nhập đã đến và đi từ nhiều giờ trước... hay vẫn còn ở trong cơ sở? Và nếu họ vẫn đang ở đây... họ nguy hiểm đến mức nào? Katherine di chuyển trọng lượng trong thang máy rộng rãi. “Dưới đó xa lắm,” cô nói trong sự im lặng, bắt đầu có vẻ lo lắng vì sự đi xuống dài đằng đặc. Langdon đang cố gắng không nghĩ đến điều đó. “Điện thoại hết pin,” anh nói một cách hờ hững, nhận thấy màn hình giờ đã tối đen. Katherine lấy thiết bị từ tay anh và bỏ nó vào túi đeo vai. Cuối cùng, thang máy bắt đầu giảm tốc. Họ ép vào góc của chiếc thang, ra ngoài tầm nhìn của cửa, khi chiếc thang từ từ trượt đến một chỗ dừng. Cả hai không thở. Cửa trượt mở. Có mình trong góc, Langdon và Katherine chờ đợi âm thanh hoặc dấu hiệu di chuyển từ bên ngoài, nhưng không có gì cả. Langdon cẩn thận nghiêng người sang một bên và nhìn ra ngoài. Không gian bên ngoài tối đen. Bên ngoài tia sáng nhỏ lấp lánh từ thang máy, Langdon không thấy gì cả. Anh chưa bao giờ nghĩ rằng vì Threshold chưa hoạt động, có thể không có điện trong lúc này. *Chúng ta đang sâu dưới lòng đất. Không có đèn. Không có cửa sổ. Chúng ta có thể đang ở trong một cái hang động khổng lồ, với tất cả những gì chúng ta biết.* Anh cảm thấy nhịp tim của mình tăng lên khi chậm chậm bước ra khỏi thang máy, một bước không chắc chắn vào bóng tối. Trước khi chân anh chạm đất, một loạt đèn chiếu sáng bùng lên trên đầu, nhất thời làm anh chói mắt. Anh che mắt lại, hy vọng rằng đèn đã được kích hoạt tự động bởi một cảm biến chuyển động... và không phải bởi một đội thám vãn hay một đội xử án. Từ từ, anh hạ tay xuống, nheo mắt nhìn vào cảnh tượng trước mặt. Khi hình ảnh trở nên rõ nét, anh nhìn chăm chú trong sự không thể tin nổi. *Bạn đang đùa à...* Họ rõ ràng đã rời Crucifix Bastion. Mọi nét cổ xưa, hữu cơ giờ đây đã biến mất. Thế giới mới mà Langdon vừa bước vào thật bóng bẩy, hiện đại, và thuần công nghệ. “Không thể tin được,” Katherine thì thầm, xuất hiện phía sau anh. “Cái này có vẻ đắt tiền.” Langdon đoán rằng cơ sở này có thể được tài trợ thông qua các khoản đầu tư của In-Q-Tel, bên ngoài ngân sách đen, mà không có sự giám sát của quốc hội. Katherine bước lên nền tảng kim loại hẹp bên ngoài thang máy, ngạc nhiên trước những gì xung quanh. “Nó giống như... một ga tàu điện ngầm nhỏ.” Một loại monorail tương lai nào đó, Langdon nghĩ, nhìn xuống cái kênh bê tông bên dưới họ, nơi một đường ray hẹp kéo dài ra từ nền tảng vào một đường hầm tròn và biến mất trong bóng tối. Lối vào của đường hầm trông rất chật chội, không đủ rộng để chứa một toa tàu điện ngầm bình thường, nhưng khi Langdon nhìn thấy chiếc xe chạy trên đường ray này, anh nhận ra lối vào vẫn đủ lớn. Chiếc xe là một nền tảng mở dài, mảnh mai - hơn là một toa xe - với hai băng ghế dài đối diện nhau ở hai bên. Ở phía sau, có một phần trông như được sử dụng để vận chuyển hàng hóa, hiện đang bao gồm hai chiếc xe lăn được cố định chỗ. Langdon nhớ rằng có một hệ thống ngầm tương tự nối các tòa nhà trên Capitol Hill. Khác với những chiếc xe điện ngầm cũ kỹ, hình hộp ở D.C., tuy nhiên, hệ thống này trông tối giản, bóng bẩy và hiệu quả. “Mình mừng vì nó ở cuối đường này,” Katherine nói, bước về phía chiếc xe. “Có vẻ như đó là một điềm tốt.” Langdon ngay lập tức hiểu ý nghĩa của cô. Nếu phương tiện giao thông ở đây, thì có nghĩa là người đã lấy thẻ của Brigita chắc hẳn đã từng đến Threshold và quay trở lại theo lối này để ra ngoài. “Điềm hay,” anh nói, thả lỏng một chút. “Hơn nữa, đèn cảm biến chuyển động đã tắt, nên có vẻ như chúng ta đang ở một mình.” Katherine bước lên nền tảng, và Langdon theo cô. Khi họ lên xe, một âm thanh điện thấp vang lên dưới chân họ, và nền tảng có vẻ nhô lên một đến hai inch. *Có ai đó hoặc cái gì đó biết chúng ta đang ở đây,* Langdon nghĩ, hy vọng rằng chuyến tàu này hoàn toàn tự động... và không phải là ai đó đang theo dõi họ và vừa bật hệ thống lên. “Maglev,” Katherine nói. “Chúng ta có một cái ở California.”

Khi còn là một đứa trẻ mê nam châm, Langdon đã quen với hiệu ứng đẩy mạnh mà các cực từ giống nhau tác động lên nhau—một lực đủ mạnh, trong trường hợp này, để nâng một nền tảng lên và làm cho nó “lơ lửng” một cách thực sự không có ma sát. “Tôi không thấy bất kỳ điều khiển nào,” Katherine nói.

“Có lẽ chúng ta chỉ cần ngồi xuống?” Đó là một dự đoán tốt như bất kỳ dự đoán nào, và Langdon ngồi cạnh cô, cả hai đều quay mặt về phía bên phải của xe. Chỉ trong vài giây, ba tiếng chuông nhẹ vang lên trong ga, và nền tảng bắt đầu di chuyển về phía trước, tăng tốc. Ngoài trừ tiếng ồn điện, chuyển động là yên lặng. Sự gia tốc nhanh chóng thật sự mượt mà, và chỉ sau vài giây họ đã lao vào miệng hầm, vọt qua bóng tối một cách hoàn hảo yên tĩnh ngoài âm thanh của không khí xô qua họ. Đèn pha của xe chỉ chiếu sáng một phần nhỏ của một đoạn ray duy nhất ngay trước mặt xe. Trong bóng tối, cảm giác như họ đã tăng tốc đến một tốc độ đáng báo động, và thật khó để đánh giá họ đã di chuyển bao xa. Đột nhiên, Katherine nắm tay Langdon và thở hổn hển, chỉ xuống hầm phía trước họ. Langdon cũng vừa mới phát hiện ra điều đó. Đằng trước, trên đoạn đường một làn, một chiếc đèn pha đang tiến gần—một phương tiện khác lao tới họ trong một đường đua va chạm. Rõ ràng, Langdon và Katherine không nên đi chiếc xe điện này. “Chắc chắn phải có phanh khẩn cấp!” Katherine kêu lên, quay lại trên ghế và quét mắt xung quanh. Langdon quay bên này bên kia trong tuyệt vọng, tìm kiếm bất kỳ nơi nào để họ có thể nhảy ra, nhưng những bức tường bê tông bao quanh họ chặt chẽ ở cả hai bên. Đèn pha chói mắt đang lao tới, giờ chỉ còn vài giây nữa là va chạm trực diện. Langdon và Katherine nắm tay nhau và chuẩn bị cho cú va chạm, nhưng đột nhiên xe điện của họ chuyển hướng mượt mà sang trái, trong khi chiếc tram đang đến chuyển sang hướng ngược lại, và các xe lao qua nhau một cách vô hại trong một đoạn hầm rộng hơn một chút. Ngay lập tức, xe của họ quay lại giữa và hầm lại hẹp một lần nữa thành một làn. Langdon thở phào, trái tim anh vẫn đập mạnh trong lồng ngực. “Đó là một vòng luân chuyển,” anh nói, giọng run rẩy. “Được tính toán bằng máy tính.” Katherine thở dài nhẹ nhõm và nắm chặt tay anh. Trong khi vòng luân chuyển là một cách hiệu quả để tránh đâm một hầm hai làn, nó vừa đưa Langdon đến gần một trải nghiệm cận kề cái chết hơn những gì anh từng muốn. Xe điện tiếp tục lao đi thêm mười giây nữa rồi bắt đầu giảm tốc, trượt dần đến một điểm dừng thoải mái tại một ga tương tự, một nền tảng kim loại hoang vắng không có bất kỳ biển hiệu nào. Khi họ bước xuống, tiếng ồn điện biến mất, và phương tiện đã trở lại vị trí ngủ của nó một inch hoặc hai. “Hệ thống hai xe điện,” Katherine nói, “có nghĩa là chúng ta không thể chắc chắn rằng người nào đã vào trước chúng ta... đã ra ngoài rồi.” Langdon gật đầu. Luôn có một chiếc xe ở đầu mỗi bên. Dự đoán tốt nhất của anh là họ hiện đang ở đâu đó bên dưới rìa phía bắc của Công viên Folimanka, gần đến những phần sâu nhất của nơi trú ẩn bom rộng lớn từ những năm 1950. Không giống như một cửa thang máy, nền tảng này có một lối vào vòm mà không có cửa. Langdon và Katherine bước qua và thấy con đường của họ bị chặn lại bởi một trạm kiểm soát an ninh to lớn—băng chuyền X-quang, máy quét cơ thể, nhiều sinh trắc học, hai bàn kiểm tra—tất cả đều hiện đang không có người. Nơi này sẽ là một pháo đài khi nó được đưa vào hoạt động, Langdon nhận ra khi họ lách qua máy quét cơ thể và ra khỏi trạm kiểm soát vào một hành lang chính. Cho đến lúc này, Langdon chưa thấy bất kỳ biển hiệu nào để chỉ ra rằng đây là một cơ sở của CIA. Nhưng khi họ đến một bộ cửa kính đôi, anh thấy một từ đơn, bằng phông chữ nhỏ, được khắc vào kính. Xác nhận. Langdon với tay tới cửa, nhưng chúng mở tự động, hành lang phía bên kia ngay lập tức được chiếu sáng. Ánh sáng trong hành lang này giống như ánh sáng dịu nhẹ hơn là ánh sáng chói từ những đèn spot trước đó. Hai dải ánh sáng sàn mờ chạy dọc theo đáy của các bức tường hành lang, kéo dài ra khỏi họ trong hai đường song song, giống như một đường băng sân bay. Sàn nhà hoàn hảo là gạch terrazzo đen và giống như một dải basalt được đánh bóng. Các bức tường ở đây là kim loại bạc, rất có thể là veneer chrome, và lấp lánh dưới ánh sáng tán. Không khí mang mùi sơn tươi, bê tông, và chất tẩy rửa. Đi nhanh chóng, Langdon và Katherine đi xuống hành lang, tiếng bước chân của họ vọng lại từ nội thất cứng. Sau khoảng hai mươi thước, họ dừng lại ở một ngã tư nơi một hành lang phụ phân nhánh sang bên phải họ. Lát gạch màu xanh nhạt, hành lang này hoàn toàn tối, và Langdon chỉ có thể nhìn thấy một vài cánh cửa văn phòng trước khi mọi thứ trở nên tối đen. Một biển hiệu ghi: □□□□□□. Dạ dày của Langdon mách bảo rằng việc sắp xếp các văn phòng và hồ sơ sẽ là một sự lãng phí.

thời gian quý giá. Họ cần bằng chứng xác thực cho thấy điều gì đang diễn ra tại Threshold, và thực sự chỉ có một cách để làm điều đó. Chúng ta cần tìm trung tâm của cơ sở đó. Tiện lợi, phía trước họ trên sàn gạch đen, Langdon thấy một từ duy nhất được in đậm: “TRUNG TÂM”. Khi họ di chuyển xuống hành lang dài và thẳng, ánh sáng trên sàn tự động bật lên phía trước. Họ đến một góc khuất, nơi có một cánh cửa kim loại lớn mang một biểu tượng quen thuộc. Biểu tượng Caduceus? Langdon cảm thấy ngạc nhiên khi thấy một biểu tượng y tế trong một cơ sở của CIA, nhưng nó nằm ở đó, được trưng bày nổi bật.

Về mặt biểu tượng, anh biết rằng biểu tượng này thường bị sử dụng sai, như ở đây. Biểu tượng Caduceus thực ra là biểu tượng cổ xưa của Hermes, vị thần Hy Lạp của du lịch và thương mại. Biểu tượng chính xác hơn sẽ là Gậy của Asclepius—gậy của vị thần Hy Lạp về sự chữa lành—một biểu tượng tương tự không có cánh và chỉ có một con rắn, thay vì hai con rắn của Caduceus. Thật đáng xấu hổ, vào năm 1902, Quân đội Hoa Kỳ đã cố tình thêm biểu tượng Caduceus lên đồng phục của họ, và cho đến nay biểu tượng này vẫn bị trưng bày sai bởi các bác sĩ và bệnh viện Hoa Kỳ. Katherine bước đến và mở cửa. Langdon theo sau cô vào một dãy phòng có vẻ như là một bệnh viện nhỏ. Một phòng xét nghiệm y tế được trang bị các thiết bị chẩn đoán và hình ảnh tiên tiến. Một tủ chứa đồ hẹp chứa đầy giá với các vật tư y tế chưa mở. Một phòng riêng chứa hai cái giường được bao quanh bởi nhiều thiết bị y tế hơn cả những gì Langdon đã thấy ngay cả trong một đơn vị chăm sóc đặc biệt. Đáng sợ, căn phòng đó được đánh dấu “PHỤC HỒI”. Phục hồi từ cái gì? Khi họ đẩy sâu vào dãy phòng, họ gặp một chiếc xe nâng nhỏ với một thùng lớn trong kẹp của nó. Katherine khom người xuống để đọc nhãn trên thùng. “NIRS,” cô nói. “Quang phổ hồng ngoại gần. Hình ảnh thời gian thực tiên tiến.” “Trong một cơ sở y tế?” Langdon liên tưởng NIRS với thiên văn học. “Các nhà nghiên cứu thần kinh sử dụng nó để phân tích hoạt động não bằng cách đánh giá độ bão hòa oxy.” Katherine đứng dậy, một vẻ lo lắng trong mắt cô. “Tôi không hiểu... Tại sao CIA lại xây dựng một bệnh viện bí mật dưới Công viên Folimanka?” Langdon cũng đang tự hỏi điều tương tự khi anh tiến về phía một bộ cửa xoay và cẩn thận đẩy chúng mở một khe. Chỉ có bóng tối bên trong. Anh đẩy thêm một chút nữa, và đèn bên trong bùng sáng. Khi anh bước qua cửa, anh thấy mình ở trong một phòng thẩm phẫu thuật. Trên bức tường xa, một cửa sổ kính cho thấy tầm nhìn vào phòng liền kề—một phòng phẫu thuật trắng sáng. Ở đó, treo lơ lửng đáng sợ trên một cái bàn phẫu thuật bóng bẩy, là một thiết bị không giống bất cứ thứ gì mà Langdon từng thấy. “Tôi không biết cái máy đó là gì...” anh thì thầm khi Katherine đến sau lưng anh. “Nhưng nó trông thật đáng sợ.”

CHƯƠNG 97

Giao thông trên đường Evropská đang ở tốc độ chậm, và Finch ước tính còn khoảng ba mươi phút nữa trước khi ông đến dinh thự của đại sứ. Ông hy vọng Nagel đang làm cho Langdon và Solomon cảm thấy thoải mái nhất có thể. Mời họ một ly cocktail vào buổi chiều, Finch nghĩ. Hoặc hai ly. Nagel đã là một nguồn tài sản hiệu quả ở Prague, và mặc dù cô ta có sự cay đắng về cách mà cô ta được tuyển dụng, cô đã thực hiện hiệu quả các chỉ thị của Finch và linh hoạt sức mạnh ngoại giao khi cần thiết. Tất nhiên, cô đã phản đối lệnh của ông về việc sử dụng Michael Harris để gần gũi với Sasha Vesna. “Tại sao phải giám sát Sasha?” Nagel đã hỏi ông. “Có phải cô ta đang do thám không?” “Sasha không phải là một gián điệp,” Finch khẳng định với Nagel một cách trung thực. “Cũng không phải cô ta nguy hiểm.” Sasha Vesna còn quý giá hơn một gián điệp. Cô là một khoản đầu tư... một công trình đang tiến triển... một tài sản ngầm của CIA. “Cô ta cần được theo dõi... chỉ như một biện pháp phòng ngừa,” ông giải thích. Cô hoàn toàn không biết... Điện thoại của Finch bíp lên với một cuộc gọi Signal đến, mà ông đoán là Housemore với một bản cập nhật từ pháo đài. Tuy nhiên, khi ông kiểm tra ID người gọi, Finch đã ngồi thẳng lên, thấy sếp của mình ở đầu dây. “Greg,” ông trả lời một cách bình tĩnh, bỏ qua các nghi thức thường có dành cho một giám đốc CIA. “Đây là một bất ngờ.” “Nó sẽ không phải là một bất ngờ dễ chịu,” Judd đáp lại, rõ ràng không có tâm trạng cho những câu chuyện tào lao. “Đó là về Nagel. Cô ấy biết rằng bạn đã giải cô ấy cho những tài liệu đó.” “Cô ấy đã biết điều đó từ lâu. Cũng như bạn.” “Dù sao đi nữa, tôi vẫn bị sốc bởi cách bạn tuyển dụng cô ấy.” Bị sốc? Thật sao? Finch không có kiên nhẫn với những lời bình luận tự mãn của người đàn ông. Giám đốc đã thuê Finch để giám sát Prague chỉ vì một lý do duy nhất—kỷ lục của ông về việc làm bất kỳ điều gì cần thiết để chiến thắng một cuộc chiến, ngay cả khi điều đó có nghĩa là vượt qua chính sách. “Tôi cố tình để bạn ra khỏi vòng lặp, Greg—vì sự bảo vệ của bạn,” Finch nói. “Để bảo vệ bạn khỏi trách nhiệm.” Bạn được chào đón. “Tôi đánh giá cao điều đó, nhưng Nagel xứng đáng nhận được điều tốt hơn.” “Tốt hơn một ghé đại sứ? Cô ấy giờ đã là một nhà ngoại giao của Hoa Kỳ! Và cô ấy...”

“Cái đó đã phục vụ chúng ta cực kỳ tốt ở Prague. Win-win.”

“Có thể không phải là một chiến thắng như bạn nghĩ đâu. Cô ấy đang đe dọa sẽ công khai mọi thứ cô ấy biết về dự án.”

Finch chắc chắn mình đã nghe nhầm. “Bạn vừa nói gì?”

“Bạn đã nghe tôi.”

“Đe dọa công khai... Điều đó thật vô lý.”

“Cô ấy vô cùng tức giận. Và cô ấy có những yêu cầu.”

“Nhưng... cô ấy không biết gì cả!”

“Cô ấy tuyên bố có chứng cứ chi tiết. Cô ấy đã gửi cho tôi một video nào đó từ Langley. Tôi sẽ vào xem nó ngay bây giờ.”

“Một video về cái gì?!” Finch quát lên.

“Nagel thông minh quá để đưng vào cơ quan. Tôi không biết cô ấy đang chơi trò gì... nhưng cô ấy đang đánh bài liều.”

“Tôi đã làm việc với cô ấy nhiều năm,” Judd nói. “Cô ấy từng là cố vấn pháp lý của CIA—Nagel không chơi trò đánh bài.”

Finch cảm thấy dạ dày mình thắt chặt không thoải mái. Đại sứ đã phản bội tôi sao?!

“Cô ấy có những yêu cầu gì?”

“Cô ấy chưa đưa ra bất kỳ yêu cầu nào cả.”

Finch tự hỏi liệu điều đó có đúng không. “Tôi sẽ nói chuyện với cô ấy một lần nữa sớm thôi,” Judd nói. “Nhưng nếu có bất kỳ mối lo ngại nào về an ninh bạn cần xử lý, hãy làm ngay lập tức. Tôi không cần nhắc bạn rằng sẽ là thảm họa nếu chi tiết về dự án này bị rò rỉ.”

“Tôi đang tự xử lý. Tôi vừa mới đến Prague—”

Finch rung mình, nhận ra mình đã nói quá nhiều.

Judd dừng lại cẩn thận. “Nếu bạn đang ở Prague, thì rõ ràng bạn đã biết có một vấn đề đang xảy ra.”

Cùng với những thứ khác, Gessner đang mất tích.

“Vâng, có một vài điều nhỏ xảy ra tối qua, nhưng mọi thứ đang trong tầm kiểm soát. Tôi đang trên đường để giải quyết tất cả.”

“Bạn tốt hơn nên thế. Đừng để tôi hối hận vì đã giao cho bạn nhiệm vụ này—đây là một trong những hoạt động quan trọng nhất mà cơ quan này đang điều hành.”

“Ông chọn tôi, thưa ngài, vì ông biết khả năng của tôi.”

“Vâng... và về vấn đề đó,” giám đốc nói, “một lời cảnh báo. Nếu bất kỳ điều gì xảy ra với Heide Nagel, bất cứ điều gì cả, tôi sẽ đảm bảo bạn phải trả giá. Vì mọi thứ.”

“Tôi không phải là kẻ thù,” Finch nói một cách vô tư. “Tôi ở phía bạn.”

“Cẩn thận đây,” Judd nói. “Bạn không muốn thử thách tôi.”

Đường dây ngắt và tắt tiếng, và Finch ngồi trong im lặng như bị choáng váng khi xe của anh phóng về phía Prague. Cuối cùng, tức giận, anh gọi cho Đại sứ Nagel. Cuộc gọi ngay lập tức được chuyển vào hộp thư thoại mà không đổ chuông lần nào. Cô ấy đã tắt điện thoại sao?

Lo lắng, anh gọi cho Housemore tại Crucifix Bastion, và thật may mắn, đường dây của cô ấy bắt đầu đổ chuông. Tuy nhiên, sau tám tiếng đổ chuông, nó cũng vào hộp thư thoại. Thế này là sao?

Nhân viên hiện trường Housemore thường trả lời cuộc gọi của Finch ngay tiếng chuông đầu tiên, bất kể ngày hay đêm... mà không bỏ sót. Anh thử gọi lại. Không có câu trả lời. Finch cho điện thoại vào túi và nhìn ra bầu trời trong một khoảnh khắc dài, suy nghĩ. Rồi anh quyết định.

“Thay đổi kế hoạch,” anh nói với tài xế. “Bỏ qua nơi ở. Đưa tôi đến Crucifix Bastion.”

T CHƯƠNG 98

Cái máy chiếm ưu thế trong trung tâm của phòng phẫu thuật ngầm trông giống như một thiết bị tra tấn tương lai. Treo trên trần nhà trực tiếp phía trên một chiếc giường phẫu thuật cô độc, bốn cánh tay robot có khớp với các ngón giống như kim nhô ra từ một đám rối toàn dây cáp và dây điện. Những cái vuốt cơ khí dường như sẵn sàng tấn công bất kỳ ai không may nằm trên chiếc giường bằng phẳng phía dưới.

Đối với Langdon, đặc điểm đáng sợ nhất của cỗ máy này không phải là những chi robot mà chính là hệ thống trói buộc của giường. Khoảng mười chiếc dây Velcro nặng nề treo lủng lẳng từ giường, rõ ràng được thiết kế để ràng buộc tay, chân và ngực khiến bệnh nhân không thể cử động một chút nào. Hơn nữa, uốn cong qua một đầu của giường là một vành kim loại bán nguyệt từ đó năm cái đinh vít mỏng nhô ra ở các góc độ khác nhau—đinh vít cố định hộp sọ. Langdon rung mình. Anh không thể tưởng tượng được

nổi kinh hoàng khi bị trói tại đây, hộp sọ bị cố định, với cổ máy cơ khí này đang lơ lửng trên mặt mình. Chúng claustrophobia còn tồi tệ hơn.

“Không thể tin nổi... họ có một bác sĩ phẫu thuật não hỗ trợ robot,” Katherine nói. “Có lẽ bạn nhớ rằng chiếc đầu tiên được phát minh có tên là da Vinci.”

Langdon mơ hồ nhớ những bản tin. Katherine đi qua cái kẹp đầu và kiểm tra những cái đinh dài mọc ra xung quanh.

“Cái này làm tôi nhớ đến cơn ác mộng của mình.”

Một vầng hào quang có gai, Langdon nghĩ, thấy vật thể đó dưới ánh sáng mới.

“Phòng điều khiển ở đây,” Katherine nói, tiến về một cửa sổ kính và nhìn qua.

Langdon gia nhập cùng cô và có thể thấy ba chiếc ghế ergometric quay về phía một loạt màn hình phẳng được trang bị mái che LCD cho xem 3D nổi. Chúng được kèm theo một dãy các thiết bị đầu vào bằng thép không gỉ bóng loáng—chuột, ball roller, e-stylus, bộ điều khiển chỉnh sửa, bảng điều khiển, và tay cầm. Một khay được đánh dấu □□□□□□ □□□□ □□□□□□□□ chứa một cặp găng tay lưới.

“Thật tuyệt,” Katherine nói. “Tôi biết phẫu thuật robot đang tiến bộ, nhưng thiết bị này trông hơn cả những gì tôi từng nghe.”

Langdon tự hỏi liệu có thể Gessner đã thiết kế nó. Một bảng sáng chế có lẽ khác.

“Vây đây là cách cô ấy cấy ghép các chip động kinh?”

“Trời ạ, không,” Katherine nói.

“Đặt một con chip RLS thì thật sơ đẳng—về mặt kỹ thuật, thậm chí không phải là phẫu thuật não. Nó chỉ được đặt vào một lỗ rỗng kích thước ngón cái trong sọ; không có tiếp xúc thực sự với não bộ.” Cô ấy quay lại để kiểm tra thiết bị gắn trên trần một lần nữa, xem xét từ nhiều góc cạnh khác nhau. “Không... đây là một vũ trụ khác. Đây là để thực hiện các công việc sâu trong não—loại bỏ những khối u phức tạp, thắt mạch máu phình, hoặc... có thể để lấy mẫu mô tinh vi chuyên biệt cho phân tích.” Katherine quay lại nhìn anh. “Bạn nói Sasha Vesna có sẹo trên sọ cô ấy. Những vết sẹo lớn?” Langdon gật đầu khi nhớ lại việc anh đã giữ đầu Sasha trong cơn co giật của cô. “Chủ yếu được giấu dưới tóc của cô ấy, nhưng đúng. Tôi nghĩ rằng chúng là do chấn thương, nhưng sau đó cô ấy đã đề cập rằng Gessner đã gặp một số biến chứng nhỏ khi cấy chip cho cô ấy; phẫu thuật đã thành công... nhưng cũng xâm lấn hơn một chút so với dự kiến.” “Hơi xâm lấn?” Katherine liếc nhìn lên chiếc phẫu thuật robot. “Cổ máy này không còn mới; nó đã được sử dụng trước đó, và tôi rất tiếc phải nói rằng Sasha sẽ là một đối tượng thử nghiệm hoàn hảo. Ngay thơ, không có gia đình, không có khả năng chất vấn các thủ tục theo dõi được khuyến cáo bởi một bác sĩ nổi tiếng đã cứu sống cô ấy và hiện đang trả lương cho cô.” Ý nghĩ này khiến Langdon cảm thấy ghê tởm, nhưng anh buộc mình phải tập trung vào vấn đề hiện tại. “Bạn có thấy điều gì ở đây liên quan đến những gì bạn đã viết không?” Cô lắc đầu. “Chưa. Và không có gì đặc biệt có thể buộc tội ở đây để mang theo như bằng chứng về những gì họ đang làm. Tất cả những gì tôi có thể nói với bạn là họ đang thực hiện một số phẫu thuật não tiên tiến, trong nhà.” Hòn đảo của bác sĩ Moreau, Langdon nghĩ, cảm thấy khó chịu với ý tưởng về việc CIA tiến hành các cuộc phẫu thuật bí mật trong một phòng thí nghiệm ngầm trên đất nước ngoại bang. “Hãy tiếp tục tìm kiếm.” Họ nhanh chóng rời khỏi phòng khám, quay trở lại hành lang gạch đen, tiến sâu hơn vào Threshold. Họ đã đến một góc khác cũng chứa một cánh cửa, nhưng cánh cửa này được phủ một lớp mùt âm thanh dày. “Máy tính nhập vai,” Katherine nói, đọc tấm biển bên cạnh cánh cửa. “Có thể đây là một thứ gì đó.” Không chắc phải mong đợi điều gì, Langdon theo Katherine vào một căn phòng có tường, trần và sàn đều được phủ bằng thảm đen. Ánh sáng duy nhất đến từ ánh sáng nền mờ đã sáng lên khi họ bước vào. Chạy dài giữa phòng là một hàng tám chiếc ghế nằm sấp, không bình thường, được trang bị dây an toàn cổ. Mỗi chiếc được đặt trên một đồng cánh tay và van thủy lực. “Chúng đang trên các bánh lăn,” Langdon nói. “Những chiếc ghế này có thể di chuyển.” Katherine gật đầu, tiến về phía chúng. “Máy tính nhập vai về cơ bản là thực tế ảo tiên tiến. Chuyển động của những chiếc ghế này được đồng bộ với hình ảnh và âm thanh được cấp vào đây.” Cô ấy nâng một loại mũ bảo hiểm kính mờ tương lai ra khỏi ghế. “Màn hình hiển thị toàn cảnh sâu. Đây là thực tế ảo cực kỳ tiên tiến, Robert.” Thực tế ảo? Họ sẽ làm gì ở đây? Katherine đi về phía một trạm làm việc máy tính ở sau phòng. “Dữ liệu cần thiết để chạy những mô phỏng VR này là khổng lồ, và họ chắc chắn chạy từ một hệ thống lớn hơn... như cái kia.” Cô chỉ vào một cửa sổ kính có các dây máy tính ở phía sau. “Mặc dù tôi nghi ngờ rằng mọi thứ đều được truy cập từ bên ngoài, ở đây, tại trạm này.”

Katherine ngồi xuống và bật máy tính lên. Langdon tham gia cùng cô khi họ chờ đợi trạm khởi động. “Bạn có đề cập đến VR trong bản thảo của mình không?” Katherine liếc nhìn lên anh, gật đầu. “Một vài lần, đúng vậy, nhưng chỉ là những trường hợp gợi ý. Tôi từng là một đối tượng trong một thí nghiệm VR tại Princeton Engineering Anomalies Research, và kinh nghiệm của tôi đã đóng một vai trò trong quyết định của tôi để nghiên cứu về ý thức phi địa phương. Vì vậy, tôi đã viết về nó.” “Thật sao? Điều đó có vẻ có thể liên quan.” “Về nguyên tắc, có thể,” cô nói, với vẻ hoài nghi. “Nhưng không—” “Nói cho tôi nghe,” Langdon nói. “Thì... như bạn biết, mục tiêu của VR về cơ bản là đánh lừa não bộ tin vào một ảo tưởng. Càng nhiều đầu vào ảo mà bạn có thể cung cấp cho tâm trí—hình ảnh, âm thanh, chuyển động—bạn càng có khả năng thuyết phục não bộ chấp nhận một tình huống giả tạo như thật. Khoảnh khắc bạn bắt đầu tin vào ảo tưởng là một trạng thái mà các nhà tâm lý học gọi là ‘hiện diện.’” “Tôi đã thực hiện một chút leo núi ảo,” Langdon nói. “Tôi gần như bị tê liệt vì sợ hãi.” “Chính xác. Tâm trí bạn tin rằng cơ thể bạn đang ở trên một vách đá và đang gặp nguy hiểm. Ảo tưởng trở thành thực tế tạm thời của bạn. Tôi cũng đã trải nghiệm ‘hiện diện’ trong thí nghiệm VR tại Princeton, mặc dù... trải nghiệm đó thì khá khác biệt. Thật sự biến đổi.” “Nó là gì?” Cô liếc nhìn lên từ máy tính và mỉm cười. “Đơn giản mà nói... tôi đã trải nghiệm ý thức của riêng mình—và nó thì phi địa phương.” Katherine sẽ không bao giờ quên cuộc gặp gỡ kỳ diệu đầu tiên với “sự tách biệt khỏi bản thân.” Kinh nghiệm đó đã thay đổi cuộc đời cô, củng cố đam mê của cô với ý thức như một lĩnh vực nghiên cứu. Thí nghiệm bắt đầu với giáo sư tại Princeton yêu cầu Katherine đứng một mình trong một căn phòng trống. Qua...

intercom, anh ta hướng dẫn cô đeo kính VR. Khi cô làm vậy, ngay lập tức cô được đưa đến một cánh đồng rộng lớn nơi cô đứng giữa những bông hoa và cây cối. Cảnh vật thật nên thơ... với một điểm bất ngờ. Cô không còn một mình nữa. Đứng chỉ cách hai feet là một bản sao chính xác của... chính mình. Bản sao đang mỉm cười bình thản và nhìn thẳng vào mắt Katherine. Khi Katherine nhìn vào bản sao của mình, cô biết rõ rằng đó là một hình chiếu, và thể nhưng cảm giác vẫn thật khó chịu. Cô đứng như thế gần một phút trong cánh đồng, mặt đối mặt với chính mình. Tiếp theo, giọng của giáo sư từ intercom hướng dẫn Katherine giơ tay và đặt lên vai của bản sao hồn ma của cô. Điều này đã khiến Katherine bối rối. Bản sao của tôi không có thật. Không chắc chắn, Katherine nâng tay lên và hạ nhẹ xuống vai của bản sao mình. Hoàn toàn mong đợi chỉ chạm vào không khí, cô đã bị sốc khi tay mình dừng lại trên một vai thực sự. Ngạc nhiên hơn nữa, ngay vào khoảnh khắc đó, Katherine cảm thấy trọng lượng của tay mình trên vai chính mình! Cảm giác thật hoàn toàn lạc hướng, và não bộ cô đột nhiên phải tự hỏi: Cơ thể nào... là cơ thể thật của tôi?! Cảnh tượng tay cô resting trên vai của bản sao, kết hợp với cảm giác của một bàn tay trên vai thật của cô, đã đủ để thay đổi cảm nhận “bản thể vật lý” của Katherine sang cơ thể kia. Trong vài giây huyền bí, ý thức của cô lơ lửng bên ngoài chính mình. Cô là một người quan sát, một tâm trí vô hình đang nhìn xuống cơ thể vật lý của chính mình... cũng giống như một bệnh nhân gần chết lơ lửng trên xác của họ. Trong khoảnh khắc đó, Katherine được imbued với cảm giác hạnh phúc rằng ý thức của cô là tự do và không cần hình thức vật lý để tồn tại. Ngay cả sau khi cô tái định vị bản thân thật của mình, ánh hào quang của việc “tháo rời” vẫn còn sót lại trong nhiều ngày. Dù tác động mạnh mẽ, Katherine nhận ra rằng ảo giác ấy khá dễ dàng để tạo ra. Sau khi cô đeo kính VR và đứng ở vị trí, một kỹ thuật viên trong phòng thí nghiệm đã lặng lẽ vào phòng và đứng ngay trước mặt Katherine. Khi cô giơ tay lên để đặt lên “bản sao hồn ma” của mình, Katherine vô tình đặt tay lên vai của kỹ thuật viên, người đã đồng thời đặt tay lên vai Katherine. Trong khoảnh khắc đó, cảm giác bản thân của Katherine đã được dẫn dắt ra khỏi cơ thể vật lý của cô. Rõ ràng, đây không phải là một trải nghiệm thực sự ra khỏi cơ thể, nhưng cảm giác thật bình yên, an ủi, và gắn kết với thế giới phi vật lý đến mức đó đã củng cố niềm đam mê nghề nghiệp của cô về tiềm năng không địa phương của ý thức. Khi Katherine hoàn thành tóm tắt của mình, máy tính đã bật lên màn hình chào mừng. “Bảo vệ bằng mặt khẩu,” Katherine nói. “Tôi đã sợ như vậy. Trừ khi tôi biết họ đang chạy những loại mô phỏng gì, tôi không thể bắt đầu đoán xem phòng thí nghiệm VR này có liên quan gì đến cuốn sách của tôi.” Langdon ngồi xuống chiếc ghế kim loại của bàn và đưa ra vài suy đoán. Không cái nào hiệu quả, và cuối cùng anh lắc đầu, đứng dậy lần nữa. “Có thể họ đang thực hiện các mô phỏng ra khỏi cơ thể? Giống như cái mà bạn vừa mô tả? Loại điều này dường như liên quan đến động kinh và Sasha và việc nhìn từ xa—” “Đúng, nhưng...” Katherine quan sát mũ bảo hiểm và những chiếc ghế hạng thương gia. “Bụng tôi mách bảo rằng phòng này đang dành cho... một điều gì khác.” Ánh nhìn của cô giờ chuyển sang cửa kính và phòng máy tính phía bên kia. Cô đi qua và thử mở cửa kim

loại bên cạnh cửa sổ, nhưng nó đã bị khóa. Đặt mặt lên kính, Katherine khảo sát không gian bên ngoài và thấy một giá đỡ cao với những chiếc máy tính, nhiều dụng cụ điện tử khác nhau, và một tủ lạnh kính chứa đầy những ống nghiệm đầy màu sắc. Sau đó, cô rút người lại, kéo ra khỏi kính. “Cái quái gì thế này?” Langdon đến gần. “Có chuyện gì vậy?!” “Những cái đó...” Katherine chỉ vào dòng tám vật đứng dựa vào tường phía sau. “Chúng không có lý do gì để ở trong một phòng thí nghiệm VR.” Langdon nhìn chăm chú vào tám chiếc trụ IV bằng thép không gỉ trên bánh xe. “IV stands,” Katherine nói, cảm thấy lo lắng. “Và một tủ lạnh đầy dược phẩm! Cơ sở này đang kết hợp thuốc truyền tĩnh mạch với thực tế ảo.” “Được rồi... và điều đó có gì lạ?” “Có chứ! Những loại trải nghiệm đa kích thích như vậy có thể rất tổn hại đến não bộ. Việc tiếp xúc quá mức có thể làm thay đổi thực sự sinh lý não của bạn...” “Thay đổi... như thế nào?” “Tất cả phụ thuộc vào việc họ đang duy trì những loại thuốc nào,” Katherine nói, neho mắt vào tủ lạnh kính, cố gắng đọc nhãn trên các ống nghiệm một cách vô vọng. “Robert, tôi cần vào trong phòng này và xem cụ thể họ đang sử dụng loại thuốc gì. Sau đó, chúng ta có thể tìm ra điều họ đang cố gắng đạt được...” Langdon quan sát cô một lúc rồi gật đầu. “Được rồi, lùi lại.” Anh đi thẳng đến bàn và quay lại với chiếc ghế kim loại nặng, nhìn vào cửa sổ. “Chờ đã, bạn sắp...?” “Chúng ta đã quá sâu vào việc này rồi,” anh nói. “Một cái cửa sổ bị vỡ sẽ không thay đổi điều gì cả.” Nói xong, Langdon xoay...

cơ thể mình, quay chiếc ghế xung quanh như một chiếc búa. Khi anh thả nó đi, chiếc ghế bay qua không trung và đâm vào cửa sổ, làm vỡ một phần kính. Bị giật mình, Katherine chờ đợi một cái chuông báo động hay một cuộc xô đẩy nào đó, nhưng sự im lặng rùng rợn của Threshold vẫn tiếp tục. Langdon đi tới cửa sổ và, sử dụng khuỷu tay của mình, đã đập vỡ một phần kính. Sau đó, anh cẩn thận với tay ra ngoài, tìm tay nắm và mở khóa cửa từ bên trong. “Hơi vụng về nhưng hiệu quả,” anh nói với một nụ cười. “Mời bác sĩ.” “H CHUỖNG 99 cuộc điều tra diễn ra thế nào?” Faulkman hỏi khi Alex Conan xuất hiện trở lại trong văn phòng của mình. Đầu tóc rối bời của anh ta có vẻ bừa bộn hơn, và trong một khoảnh khắc, Faulkman tự hỏi liệu anh ta có thực sự già đi kể từ lần đầu xuất hiện ở cửa tối qua hay không. “Tôi ổn,” Alex nói, rõ ràng là mệt mỏi. “Sếp của tôi biết đây không phải lỗi của tôi, nhưng cô ấy muốn nói chuyện với bạn vào một thời điểm nào đó. Tôi đã nói với cô ấy là bạn đã về nhà.” “Cảm ơn.” “Có tin gì từ Robert Langdon không?” “May quá, có. Anh ấy đã gửi email. Cả hai đều ổn.” Alex trông có vẻ ngạc nhiên. “Anh ấy không gọi điện?” Faulkman lắc đầu. Ít nhất là chưa. “Và danh sách đầu tư In-Q-Tel? Có tìm thấy mối liên hệ nào với công việc của Tiến sĩ Solomon không?” “Không. AI đã cho tôi dữ liệu rác. Chắc chắn không phải là một người hâm mộ.” “Tôi có thể có một cái gì đó cho bạn,” anh nói, mở laptop mà anh đang cầm. “Tôi nhận ra rằng tìm kiếm AI của bạn sẽ chỉ ra sự trùng lặp với mọi thứ trên mạng mà Tiến sĩ Solomon đã viết, nhưng không nhất thiết là mọi thứ nói — như nội dung video — nên tôi đã chạy một cách tham chiếu sửa đổi và biết rằng cả In-Q-Tel và Tiến sĩ Solomon đều có mối quan tâm đặc biệt đến khoa học về... fractals.” Faulkman không biết gì về fractals ngoài việc chúng thường xuất hiện như những hình thiết kế xoáy với các mẫu đỉnh lên nhau vô hạn. “Trong ba năm qua,” Alex nói, rút điện thoại ra, “Q đã đầu tư mạnh vào công nghệ fractal, trong khi Katherine...” Anh bật một video và giờ màn hình lên cho Faulkman. Katherine xuất hiện, ngồi trên một bục với vài diễn giả khác và logo IONS phía sau họ. “Bạn đặt ra một câu hỏi thú vị,” Katherine nói, đối diện với một người trong khán giả. “Trùng hợp thay, trong cuốn sách tôi đang viết về ý thức con người, tôi đã viết rất nhiều về fractals.” Lỗ tai của Faulkman nhô lên. “Như bạn biết,” cô tiếp tục, “fractals sở hữu một thuộc tính đáng kinh ngạc: mỗi phần riêng lẻ, khi được phóng đại, lại trở thành một phiên bản nhỏ hơn chính xác của tổng thể — một sự lặp lại không ngừng của tính tự đồng dạng. Nói cách khác, mỗi điểm riêng lẻ chứa mọi thứ khác. Không có cá nhân... chỉ có tổng thể. Một số lượng ngày càng tăng các nhà vật lý hiện tin rằng vũ trụ của chúng ta được sắp xếp như một fractal, điều này sẽ gợi ý rằng mỗi người trong phòng này chứa mọi người khác, và không có sự tách biệt giữa chúng ta. Chúng ta là một ý thức. Thật khó để hình dung, tôi thừa nhận, nhưng nếu bạn tìm kiếm hình ảnh của bông tuyết Koch hoặc bọt biển Menger, hoặc tốt hơn, chỉ cần đọc The Holographic Universe—” “Đó là chủ đề chính,” Alex nói, dừng video. Faulkman không chắc chắn. “Alex, tôi nghi ngờ mạnh mẽ rằng mối quan tâm của CIA đối với fractals có liên quan gì đến sự liên kết của vũ trụ và nhân loại.” “Tôi đồng ý, nhưng fractals đóng một vai trò quan trọng trong các kế hoạch mã hóa, cấu trúc mạng, trực quan dữ liệu, và tất cả các loại công nghệ an ninh quốc gia khác. Katherine nói cô đã viết rất nhiều về fractals trong cuốn sách của cô ấy, vì vậy tôi nghĩ có thể cô ấy đã phát hiện ra điều gì đó đã làm tổn hại đến một trong những khoản đầu tư của Q. Đó là điều đáng để xem xét.” “Điều

hợp lý,” Faukman đồng ý. “Tôi sẽ tìm hiểu. Tôi trân trọng điều đó.” “Cho tôi biết nếu bạn tìm thấy gì. Phải đi đây.” Người kỹ thuật viên vội vã quay lại cuộc thăm vắn của mình, và Faukman trở lại với máy tính của mình. Bên ngoài, mưa rơi to hơn. T CHƯƠNG 100 đây là một hiệu thuốc thực sự của các chất psychedelic... Katherine cảm thấy ngạc nhiên khi nhìn vào tủ lạnh với vô số loại thuốc mạnh. Ngoài một số chất mà cô không nhận ra, Katherine thấy các lọ diethylamide, psilocybin và DMT — các thành phần hiệu quả trong LSD, nấm thần thánh và ayahuasca. Cô thậm chí còn phát hiện các hộp chứa chiết xuất Salvia tinh chế và MDMA — cả hai đều bất hợp pháp dưới hình thức này. Sự hiện diện của những loại thuốc này bên trong một phòng thí nghiệm VR chỉ có thể có một nghĩa. Threshold đang quản lý việc sử dụng thuốc cùng với các trải nghiệm thực tế ảo hiện đại. Liệu pháp VR/chất kích thích kép bị quản lý nghiêm ngặt trong lĩnh vực y tế vì kết quả của chúng vẫn chưa được hiểu rõ. Trong nhiều trường hợp, sự kích thích kết hợp quá mạnh mẽ đến mức thay đổi nhanh chóng và theo cách không thể đoán trước cấu trúc của não bộ. Các nhà thần kinh học đã bắt đầu thấy những thay đổi cấu trúc gây sốc trong não bộ của những người trẻ tuổi kết hợp chơi game máy tính với việc sử dụng thuốc thiết kế. Một thể hệ mới của những kẻ tìm kiếm cảm giác mạnh giờ đây đeo kính VR tiêu dùng và dành hàng giờ để hút cần sa trong khi nổi ảo qua không gian... hít cocaine trong khi cười tàu cảm giác mạnh ảo... hay “hăm lại” với các loại thuốc tình dục làm giãn thời gian trong khi xem phim khiêu dâm VR. Để không

và, vô số cảnh báo đã được đưa ra vì những trải nghiệm này gây nghiện một cách mãnh liệt. Con người không muốn nghe những điều nguy hiểm... Năm ngoái, Katherine đã bị la ó khi cô nói chuyện với một khán giả là những người đam mê công nghệ và trò chơi điện tử, giải thích rằng việc tiếp xúc lâu dài với các trò chơi bắn súng góc nhìn thứ nhất siêu thực đã được chứng minh không chỉ định hình độ nhạy cảm của con người với các vấn đề đồ họa mà còn làm thay đổi cấu trúc của não bộ, làm tắt các cơ chế đồng cảm bình thường. Tiếng la ó ngày càng trở nên lớn hơn khi cô thông báo về các nghiên cứu mới về não cho thấy việc tiêu thụ khiêu dâm trực tuyến một cách tham lam đang làm thay đổi thể chất tâm trí của giới trẻ—“về cơ bản là tạo ra một lớp chai trên libido của con người” và làm giảm độ nhạy cảm với tình dục thật. Kết quả là sự hưng phấn, ngay cả ở những người trẻ tuổi, chỉ có thể đạt được với sự hỗ trợ của một lượng và sự đa dạng kích thích đáng kinh ngạc. Langdon đứng bên cạnh cô, quét nhìn các bình và hộp trong tủ lạnh. “Các loại thuốc này dùng để làm gì?” “Cụ thể, tôi không chắc lắm, nhưng một số chất này không phải là trò đùa—chất gây ảo giác mạnh.” Cô nhìn quanh, tâm trí giờ đây đang chạy đua. “Nếu tôi phải đoán, tôi sẽ nói rằng căn phòng này được xây dựng riêng cho một mục đích—để làm thay đổi cấu trúc não bộ con người.” “Xin lỗi—làm thay đổi?” Cô gật đầu. “Nó được gọi là tính dẻo não. Não của chúng ta phát triển về mặt vật lý để đáp ứng nhu cầu của những môi trường mới. Não tạo ra các đường dẫn thần kinh mới để xử lý những trải nghiệm mới. Sử dụng các loại thuốc như thế này, kết hợp với mô phỏng VR, sẽ tạo ra một trải nghiệm mãnh liệt—tuyệt đối sống động hơn nhiều so với những gì xảy ra trong cuộc sống bình thường—loại trải nghiệm mà, nếu lặp đi lặp lại, sẽ thực sự bắt đầu thay đổi mạng lưới tế bào thần kinh của não với tốc độ đáng báo động.” “Thay đổi não... để làm gì?” Đó là câu hỏi triệu đô, cô nghĩ. Katherine biết rằng não của một thiền giả suốt đời có những đặc điểm giải phẫu độc nhất—năm tháng thiền định đã từ từ làm thay đổi nó để truy cập vào trạng thái bình tĩnh sâu sắc theo ý muốn. Về bản chất, bình tĩnh trở thành trạng thái bình thường mới của bộ não đó. “Robert, giờ tôi nhận ra rằng nếu Threshold liên tục đặt một đối tượng vào trạng thái ngoài cơ thể được tạo ra nhân tạo—tăng cường bởi các chất tâm thần—bộ não của đối tượng đó sẽ bắt đầu thay đổi để làm cho trạng thái tách rời đó cảm thấy giống như... bình thường hơn. Nói cách khác, quá trình này có thể đang cố gắng tinh chỉnh một ý thức... để có thể thoải mái hơn bên ngoài cơ thể.” Lời cô treo lơ lửng một lúc lâu trong sự im lặng của không gian ngầm này. “Không địa phương...” Langdon cuối cùng nói. “Điều đó chắc chắn sẽ liên quan đến cuốn sách của bạn.” “Đúng vậy, chắc chắn rồi.” Đừng quên Stargate, cô nghĩ. “Tôi ghét phải nói điều này, nhưng Sasha sẽ là một ứng cử viên hoàn hảo để tái cấu trúc VR. Là một người mắc chứng động kinh, tâm trí của cô ấy đã được phần nào lập trình để trải nghiệm ngoài cơ thể. Sử dụng cô ấy như một đối tượng thí nghiệm sẽ là một cách tắt.” “Sasha chưa bao giờ đề cập điều gì như vậy với tôi.” “Cô ấy có thể không nhớ, hay thậm chí không biết...” Katherine nói, giọng cô lần khuất khi chỉ vào tủ lạnh. “Thấy cái đó không? Đó là Rohypnol.” “Thuốc gây hiếp dâm?” Cô gật đầu. “Nó làm suy giảm nghiêm trọng chức năng trí nhớ và gây ra chứng mất trí nhớ anterograde—giữ cho các đối tượng của nó có thể hoạt động nhưng làm rất khó để họ nhớ bất cứ điều gì đã xảy ra.” Langdon trông hoảng sợ. “Sasha bảo

tôi rằng cô ấy có vấn đề về trí nhớ. Cô ấy nghĩ điều đó liên quan đến chứng động kinh.” “Có thể đúng như vậy,” Katherine trả lời. “Nhưng nếu Sasha đang được cho dùng Rohypnol thường xuyên, cô ấy sẽ gặp phải tình trạng suy giảm trí nhớ nghiêm trọng... có thể thậm chí không nhớ gì về việc từng đến đây.” “Có thể đó là lý do giải thích cho chiếc xe lăn trong phương tiện vận chuyển? Họ có thể đã chở Sasha qua lại?” “Có thể lắm,” Katherine nói. “Và điều đó khiến tôi nhớ đến người động kinh khác mà bạn đã đề cập—người mà Brigita đã đưa từ cùng một cơ sở? Brigita có thể đã nói với Sasha rằng anh ta trở về nhà, nhưng đây là những loại thuốc cực kỳ nguy hiểm... Bất cứ điều gì cũng có thể xảy ra. Anh ta có thể đã trở nên điên cuồng hoặc chết—ai biết? Một lợi thế của việc tuyển một bệnh nhân bị bỏ rơi trong một cơ sở của chính phủ là anh ta sẽ không thực sự bị bỏ lỡ nếu anh ta biến mất.” Langdon đã hướng về cửa. “Điều này bắt đầu trở nên có lý,” anh nói, “và nếu chúng ta đúng... và chúng ta có thể tìm thấy bằng chứng rằng CIA đang thử nghiệm trên những đối tượng thí nghiệm vô tội mà không có sự đồng ý của họ...” Điều đó sẽ chấm dứt mọi chuyện, Katherine nhận ra, hình dung mức độ phần nộ của công chúng nếu điều này là thật. Quay trở lại hành lang, Langdon háo hức muốn đi sâu vào Threshold hơn nữa. Hành lang chính rẽ sang phải một cách đột ngột, và anh có thể thấy hai hành lang nhỏ hơn tách ra bên trái. Cơ sở này đang trở thành một mê cung. Một nơi ẩn nấp trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh... Bao xa thì nó đi đến? Anh biết họ sẽ cần phải chú ý thật kỹ nếu muốn tìm đường ra khỏi đây. Tại góc, họ rẽ phải, đi theo hành lang chính. Một lần nữa, khi họ bước vào không gian tối tăm, ánh sáng trên sàn ngay lập tức sáng lên. Không xa phía trước, một đôi cửa đôi chặn lối đi. Langdon cảm thấy an tâm khi nhận thấy những ô cửa oval của cánh cửa tối, cho thấy không có đèn nào sáng trong khu vực bên ngoài. Chúng tôi đang...

vẫn một mình ở đây... ít nhất là trong khu vực này. Họ tiến qua cánh cửa đôi vào trong bóng tối hơn nữa, và một lần nữa hệ thống chiếu sáng dưới sàn bật sáng để tiết lộ một đoạn hành lang khác. Nhưng có điều gì đó khác biệt ở đây... Không khí ở đây lạnh khoảng mười độ và có mùi carbon nhẹ của không khí trong bảo tàng. Được lọc sạch nặng nề. Điều thứ hai mà Langdon nhận thấy là hành lang này là ngõ cụt. Hành lang chỉ cung cấp một góc nhỏ duy nhất bên trái, khoảng giữa đoạn đường, và từ tất cả các dấu hiệu, đó là lối vào một bộ phòng nào đó. Langdon nhận ra rằng nếu họ không tìm thấy những gì họ cần ở đó, họ sẽ phải bắt đầu mạo hiểm ra khỏi hành lang chính vào các khu vực khác. Dù có trí nhớ eidetic, anh đã bắt đầu bị lạc trong mê cung này. Khi họ tiếp tục đi, Langdon cố gắng xác định chính xác họ đang ở đâu dưới Công viên Folimanka. Anh nhìn vào bức tường ngõ cụt ở cuối hành lang, tự hỏi liệu có phải có những du khách đang đi lại ở phía bên kia nó trong khu vực công cộng của nơi trú ẩn... không hề hay biết về cơ sở đáng ngại tồn tại ngay bên cạnh họ. Họ quay vào góc nhỏ duy nhất và dừng lại. Trước mặt họ là một cánh cửa kính xoay cỡ lớn với các miếng đệm cao su dày được thiết kế để giữ chất lượng không khí. Nó trông giống như một cánh cửa phòng thí nghiệm khác, nhưng không gian bên trong thì tối đen. “RTD,” Katherine nói, đọc ba chữ cái được in bằng mẫu chữ trên cánh cửa xoay. “Nghe có vẻ hứa hẹn.” “Có thật không?” Ký ức duy nhất của Langdon về RTD là từ toán học trường tiểu học. Tốc độ x Thời gian = Khoảng cách. “Nghiên cứu và phát triển kỹ thuật—đó là tương đương châu Âu của R&D,” cô nói, liếc vào tấm kính tối. “Điều này có nghĩa là đây có thể chính xác là những gì chúng ta đang tìm kiếm.”

C HỒI 101

Giám đốc IA Gregory Judd thúc ga chiếc Jeep Grand Cherokee của vợ đi xuống Georgetown Pike hướng về trụ sở CIA ở Langley. Tài xế thường xuyên của ông đã không sẵn sàng vào giờ sớm này, và Judd không có thời gian để chờ đợi. Dù ông không ưa gì phương pháp của Finch, giám đốc vẫn có trách nhiệm với đất nước trước tiên... và hầu hết người Mỹ không thể bắt đầu hiểu được những mối đe dọa mà đất nước này phải đối mặt. Nước Mỹ và các đồng minh đang bị tấn công... mỗi lúc. Trong những năm gần đây, kẻ thù của họ chỉ cần những công cụ truyền thông xã hội thô sơ nhất để ảnh hưởng đến tâm trí và quyết định của hàng triệu, hàng triệu người. Cơ quan của ông đã theo dõi ảnh hưởng nước ngoài có thể đo lường được đối với các cuộc bầu cử, thói quen tiêu dùng, quyết định kinh tế, và các xu hướng chính trị. Nhưng những cuộc tấn công đó còn chìm ngấm so với cơn bão đang tới. Có một chiến trường mới đang nổi lên, và nó cần những loại vũ khí mới. Người Nga, Trung Quốc và Mỹ đều đang chạy đua để chiếm ưu thế trong lĩnh vực mới này, và việc giành chiến thắng trong cuộc đua đó đã là chỉ thị chính của Gregory Judd trong suốt hai mươi năm làm việc tại các cấp cao của cơ quan. Threshold, và công nghệ đáng kinh ngạc của nó, sắp mang lại cho ông một lợi thế. Bây giờ, khi ông lao về phía Langley, ông tự hỏi điều gì mà Đại sứ Nagel đã gửi đến máy chủ an toàn của ông mà cô tin rằng đủ nỗ lực để giữ CIA làm

con tin. Một trò lừa bịp? Không thể. Một nước đi quá tay? Nagel quá thông minh để làm vậy. Tất cả những gì ông có thể tưởng tượng là cô đã tìm ra những gì họ đang làm bên trong Threshold. Nếu điều đó là đúng, Judd sẽ cần phải làm mọi thứ trong khả năng của mình để giữ cho cô im lặng. Nếu Nagel công khai thông tin nhạy cảm đó, hậu quả sẽ nổ ra—và toàn cầu. Chỉ sau một đêm, cuộc đua vũ khí tâm linh sẽ leo thang không kiểm soát.

Sâu bên dưới Công viên Folimanka, The Gollem ngồi dựa lưng vào cánh cửa kim loại nặng, lấy lại hơi thở. Tôi không thể liều thêm một cơn động kinh nào nữa. Tôi cần phải thoát sống... Tôi phải giải phóng Sasha. Khi nhịp tim của anh chậm lại, anh đứng dậy một cách thận trọng và nắm chặt bánh xe dày gắn trên cánh cửa. Anh dừng lại trong mười giây để cho bất kỳ cảm giác choáng váng nào biến mất. Sau đó, với tất cả sức lực của mình, anh quay bánh xe liên tục cho đến khi anh nghe thấy chốt nặng bên trong tháo ra. The Gollem đẩy cánh cửa thép vào trong. Từ những bóng tối bên ngoài, một cơn gió lạnh lùa qua, nâng đuôi áo choàng của anh khi anh cúi đầu và bước qua lối vào kín gió. Đèn bên trong bật sáng, và anh cố gắng đóng cửa sau lưng. Ngay lập tức, gió lặng xuống. Hầm kiên cố mà anh đang đứng quả thật lạnh lẽo, nhưng anh biết rằng đây không phải là điều hòa không khí. Đây là mùa đông Prague đang tràn vào. Trần nhà có một lỗ hổng tròn to tầm hơn hai mét đường kính. Lỗ hổng vươn lên qua một ống thép thẳng đứng cao vài tầng qua lòng đất lên một lối vào được nguy trang khéo léo giữa Công viên Folimanka. The Gollem đã thấy lối vào đó nhiều lần. Mọi người đều đã thấy. Ông dẫn nhô lên từ mặt đất, cao khoảng ba mét lên không trung, và được che bằng một mái vòm bê tông có lỗ lọc. Trong nhiều thập kỷ, đối với những người đi bộ trong công viên, nó trông giống như...

một chiếc ngư lôi bằng bê tông khổng lồ nhô ra khỏi mặt đất. Các cuốn hướng dẫn chính xác xác định đây là ống thông gió nguyên bản cho nơi ẩn náu Folimanka giờ đã ngừng hoạt động, và mặc dù đã có nhiều đơn kiến nghị để loại bỏ “đầu ngư lôi” như một lời nhắc nhở khó coi về thời kỳ Chiến tranh Lạnh, các nghệ sĩ đường phố vô danh đã nghĩ ra một ý tưởng rất khác. Praha là một thành phố của nghệ thuật tiên phong, và nhiều năm trước đây, ống thông gió bằng bê tông đã được chuyển đổi một cách bí ẩn. Tấm canvas có hình dạng kỳ lạ giờ đây tôn vinh một trong những ngôi sao điện ảnh được yêu mến nhất Hollywood—một con robot có hình dáng thật sự giống hệt như đầu của một chiếc ngư lôi—mô hình R2-D2 từ Star Wars. R2-D2 đã trở thành một điểm nổi bật tại Công viên Folimanka, đứng vươn cao hơn tất cả những ai tạo dáng chụp ảnh bên cạnh cơ thể bạc, xanh và trắng biểu tượng của nó. Chính quyền thành phố đồng ý rằng việc giữ tác phẩm nghệ thuật vô danh này lại là hợp lý về mặt lịch sử, vì thực tế, một nhà văn người Séc—Karel Čapek—là người đã đặt ra thuật ngữ “robot” lần đầu tiên trong một vở kịch mà ông viết vào năm 1920. Tất nhiên, từ bên ngoài không ai có thể biết rằng ống thông gió đã ngừng hoạt động này đã hoàn toàn bị tái sử dụng. Nó không còn được sử dụng để hút không khí vào. Thay vào đó, giờ đây nó là một hệ thống an toàn khẩn cấp—được thiết kế để thả một thứ gì đó ra ngoài. Âm thanh đều đặn của cơn mưa trên các ô cửa sổ của Faukman dường như là một nhạc nền thích hợp cho tình trạng bế tắc mới nhất của ông. Sau khi nghiên cứu tất cả các khoản đầu tư dựa trên hình fractal của In-Q-Tel, ông đã không tìm thấy điều gì có vẻ như có thể bị tổn hại bởi những gì Katherine đã viết. Kinh viễn vọng hình fractal? Các thành phần làm mất hình fractal? Hình học tàng hình hình fractal? Faukman lắc đầu trong sự thất vọng khi cơn kiệt sức của đêm đã ngấm sâu vào xương cốt của ông. Ông không thể biết chắc, nhưng ông nghi ngờ rằng bất cứ điều gì trong bản thảo của Katherine đã gây ra cuộc tấn công này... có ý nghĩa lớn hơn nhiều so với hình fractal.

CHƯƠNG 102

Khi Langdon và Katherine đẩy cửa xoay vào cơ sở RTD, họ thấy mình trong một phòng chờ nhỏ—một buồng kính hoàn hảo với giá để giày, các giá đựng đồ, và một loạt móc treo bộ quần áo trắng sạch sẽ. Ngoài ra, còn có hai “buồng tắm không khí”—các buồng kín với các tia không khí lọc tốc độ cao để thổi các hạt và chất ô nhiễm ra khỏi quần áo và da. Giống như narthex của một nhà thờ, Langdon suy ngẫm. Một căn phòng để thanh tẩy những người không sạch sẽ... trước khi họ vào thánh điện. Trong trường hợp này, thánh điện dường như là bất kỳ thứ gì nằm ngoài bức tường kính ngay phía trước họ, lối vào được phân định bằng một cửa xoay kín khí thứ hai chứ không phải là một cổng Gothic. Katherine đã đẩy qua cánh cửa thứ hai, và Langdon theo sau. Ánh sáng halogen bùng sáng phía trên sáng chói như bất kỳ điều gì Langdon từng thấy. Sự rực rỡ của nó càng được tăng cường bởi nội thất của phòng; gần như mọi thứ trong không gian rộng lớn này đều màu trắng tinh—tường, sàn, bàn, ghế, quầy làm việc,

ngay cả vỏ nhựa trên tất cả các thiết bị. “Đây là một phòng sạch,” Katherine nói. Các hàng quầy chứa đầy những công cụ được tổ chức hoàn hảo, cùng với các thiết bị điện tử và máy móc dưới lớp bảo vệ nhựa. Các hệ thống máy tính có vẻ phức tạp, nhưng tất cả các màn hình đều tối. Katherine đi vào trung tâm của phòng trong khi Langdon di chuyển dọc theo một bức tường bên, dừng lại để nhìn qua một cửa sổ vào một không gian liền kề. Phía bên kia bức kính là một loại phòng thí nghiệm sinh học—kính hiển vi, bình flask, đĩa petri—nhiều trong số chúng đã được mở. Dựa vào bức tường phía sau—trong buồng cách ly bằng kính của nó—đứng một thiết bị mà Langdon chưa từng thấy. Thiết bị trông mỏng manh này bao gồm hàng trăm ống nghiệm bằng kính dài treo thẳng đứng qua một nền tảng có lỗ. Mỗi cái dường như được cấp bằng ống siêu mỏng của nó từ thân trên của máy. Nó khiến Langdon nhớ đến một hệ thống nhỏ giọt thủy canh chính xác mà ông từng thấy tại một triển lãm chăm. Họ có đang trồng thứ gì đó ở đó không? “Ồ đây này,” Katherine nói, đứng bên cạnh một cỗ máy lớn khoảng ba feet cao và trông giống như một loại phát minh Rube Goldberg tiên đoán. Langdon tiến về phía cô và xem xét thiết bị. “Đây là một photolithograph,” cô nói. Langdon cảm thấy kiến thức về tiếng Hy Lạp của mình sắp thất bại. “Vây, nó viết... trên đá... bằng ánh sáng?” “Đúng vậy,” cô nói. “Miễn là ánh sáng là tia cực tím sâu... và đá là một tấm silicon.” Cô chỉ vào một chồng đĩa kim loại bóng bẩy nằm bên cạnh máy. “Phòng thí nghiệm này có đủ mọi thứ cần thiết để thiết kế và chế tạo các chip máy tính tùy chỉnh.” Chip máy tính? Khái niệm này dường như không liên quan gì đến ý thức con người hoặc đến bất cứ điều gì mà Katherine có thể đã viết trong bản thảo của mình. “Tại sao họ lại thiết kế chip máy tính ở đây?” “Dự đoán tốt nhất của tôi,” Katherine nói, “là các cấy ghép não.” Ý tưởng khiến ông giật mình, nhưng ông nhanh chóng liên kết. “Bác sĩ phẫu thuật não robot...” “Đúng vậy. Tôi nghĩ tôi đã sai khi đoán rằng nó đang lấy mẫu não. Có vẻ rất rõ ràng rằng robot này được sử dụng để cấy ghép chip não.” Một sự im lặng bất an lập tức bao trùm.

trong căn phòng sáng sủa. “Anh không nói rằng việc cấy ghép não là phẫu thuật cơ bản sao?” Langdon hỏi. “Chip điều trị động kinh, đúng vậy. Chúng là những máy sốc điện nhỏ được nhúng vào hộp sọ. Nhưng một cấy ghép tiên tiến sẽ được đặt sâu hơn và chắc chắn sẽ được hưởng lợi từ phẫu thuật robot để triển khai.” Langdon suy nghĩ về Sasha và cảm thấy một chút sợ hãi. Anh tự hỏi liệu cô có thể đã bị cấy một chip prototype—có lẽ dưới danh nghĩa một thủ tục điều trị động kinh. Cô sẽ không biết điều gì thực sự nằm trong đầu mình... hay rằng Threshold thậm chí còn tồn tại, nhân tiện. “Nếu Gessner đã nói dối,” Langdon nói, “và cấy ghép mà cô ấy đã đặt vào Sasha thực chất là một chip subcranial tiên tiến hơn...” “Thì cấy ghép đó có thể dễ dàng hoạt động như thiết bị kích thích RLS để kiểm soát các cơn động kinh của Sasha, và đồng thời... nó có thể có vô vàn chức năng khác.” “Tôi ngần ngại hỏi... như cái gì?” Katherine gõ ngón tay trỏ của mình lên đỉnh máy photolithograph, suy nghĩ. “Không có cách nào để biết mà không kiểm tra chip,” cô nói. “Nhưng có vẻ như họ đang bắt đầu xây dựng chúng ở đây. Tôi đoán Sasha và đối tượng nam khác là bệnh nhân đầu tiên của họ... một nghiên cứu xác nhận ban đầu và bằng chứng về khái niệm trước khi tăng tốc cơ sở này lên.” Langdon cảm thấy rất khó chịu với những gì mình đang nghe. “Dù họ đã làm gì,” Katherine nói, “thì hẳn là họ đã thành công, bởi vì Threshold rõ ràng đang chuẩn bị cho một hoạt động quy mô lớn hơn.” Cô liếc nhìn xung quanh căn phòng và nhắm mắt. “Không may, ở đây không có gì cụ thể để buộc tội. Tất cả những gì nó chứng minh là CIA dường như đang phát triển một loại cấy ghép não—một dự án mà sẽ không ai ngạc nhiên.” Đúng vậy, Langdon nhận ra. Cấy ghép não là tương lai. Langdon đã đọc đủ các cột khoa học để biết rằng các chip não cấy ghép, mặc dù gọi hình ảnh về những người máy và khoa học viễn tưởng, đã hoạt động và tiến bộ một cách đáng ngạc nhiên. Những công ty như Neuralink của Elon Musk đã làm việc từ năm 2016 để phát triển cái gọi là giao diện H2M—từ người sang máy—một thiết bị có thể chuyển đổi dữ liệu thu được từ não thành mã nhị phân dễ hiểu. Một trong những cột mốc đầu tiên của Musk là cấy một con khỉ với chip Neuralink và dạy nó chơi trò chơi máy tính Pong chỉ bằng các xung não để di chuyển chiếc vợt. Khi Neuralink cuối cùng nhận được sự chấp thuận của FDA để thử nghiệm trên người, họ đã cấy Noland Arbaugh, một người tê liệt bốn chi ba mươi tuổi, với một thiết bị gọi là PRIME và kỳ diệu khôi phục được một phần đáng kể các kỹ năng vận động của bệnh nhân. Không may, chỉ sau một trăm ngày, các sợi điện tử của chip—các cảm biến kim loại mà chip giao tiếp với các neuron não—đã rút ra từ não, dường như bị từ chối bởi các neuron sinh học mà chúng phải theo dõi. Tuy nhiên, đó là một bước nhảy vọt đáng kể. Các nhà lãnh đạo trong ngành khác như Bill Gates và Synchron của Jeff Bezos, cùng với Neurotech của BlackRock, đang thiết

kể những chip ít xâm lấn hơn, chuyên biệt hơn mà họ tuyên bố sẽ đạt được những kết quả đáng kinh ngạc như vượt qua sự mù, chữa lành tê liệt, vượt qua các rối loạn thần kinh như Parkinson, và thậm chí cung cấp khả năng “gõ bằng tâm trí của bạn.” Mặc dù Langdon vẫn chưa rõ liên kết của công nghệ này với ý thức con người và công việc của Katherine, anh không nghi ngờ gì rằng các chip não sẽ có những tác động quan trọng đối với tình báo quân sự—máy bay không người lái được điều khiển bởi tâm trí, giao tiếp trên chiến trường bằng thần giao cách cảm, vô số ứng dụng cho phân tích dữ liệu—vì vậy điều đó hoàn toàn hợp lý khi CIA sẽ đầu tư mạnh mẽ. Giao diện người với máy là tương lai. Langdon nhớ lại những gì anh đã chứng kiến tại Trung tâm Siêu máy tính Barcelona, nơi phần mềm mô hình hóa đang dự đoán sự tiến hóa tương lai của loài người: □□□ □□ □□□□ □□□□□ □□□□ □□□□□□ □□□□□□□ □□□□□□□□ □□□□□□□□... □□□□□□□□□□. “Được rồi, câu hỏi chính là, điều này giao thoa với bản thảo của bạn ở đâu?” Langdon nhấn mạnh, háo hức tìm kiếm mối liên hệ. “Bạn đã viết về chip máy tính chưa?” “Một chút,” cô nói, rõ ràng đang bực bội, “nhưng đó không phải là điều gì có thể gây hứng thú hay đe dọa đối với chương trình này.” “Bạn có chắc không?” “Có. Sự đề cập duy nhất của tôi về cây ghép não là trong chương cuối cùng, và đó chỉ là một suy ngẫm lý thuyết về tương lai của khoa học noetic.” Noetics Ngày mai, Langdon nghĩ, đã thoáng nhìn thấy chỉ mục chương của cô trước khi thêm nó vào lửa trong thư viện. “Và cây ghép não đã đóng một vai trò trong chương đó?” anh thúc giục, cảm thấy họ có thể gần gũi. “Cây ghép giả thuyết, đúng,” cô nói. “Cây ghép mà chúng ta sẽ không có trong vài thập kỷ...nếu có.” Langdon đã từng nghe rằng công nghệ mà cộng đồng tình báo có sẵn đã sớm hơn nhiều so với những gì được biết đến công khai. “Katherine, có khả năng nào CIA đang tiến bộ hơn bạn tưởng không?” “Có khả năng, nhưng không quá nhiều,” cô nói. “Những gì tôi viết về là một thí nghiệm tư duy hơn là một công nghệ khả thi. Hãy nghĩ đến ác quỷ Maxwell hoặc nghịch lý cặp song sinh—rõ ràng là bạn không thể tạo ra một ác quỷ phân loại phân tử hoặc đẩy cặp song sinh đến tốc độ ánh sáng, nhưng việc hình dung nó là hữu ích trong việc hiểu bức tranh lớn hơn.” Tôi sẽ tin lời bạn, anh nghĩ.

“Cứ nói cho tôi biết bạn đã viết gì.” Katherine thở dài. “Đó là một điều tưởng tượng liên quan đến những phát hiện của tôi về GABA. Nhớ là chúng ta đã nói về việc não bộ giống như một chiếc máy thu... một loại radio nhận tín hiệu từ khắp xung quanh chúng ta — từ vũ trụ?” Langdon gật đầu. “Và hóa chất não GABA hoạt động như nút vặn radio... lọc ra những tần số không mong muốn và hạn chế lượng thông tin cũng như ý thức mà chảy vào.” “Chính xác,” cô nói. “Vì vậy, tôi giả thuyết rằng một ngày nào đó, trong tương lai xa xôi, chúng ta sẽ tìm ra cách xây dựng một thiết bị cây ghép có thể điều chỉnh mức độ GABA trong não — về cơ bản là giảm bớt bộ lọc của chúng ta theo nhu cầu... để chúng ta có thể trải nghiệm nhiều hơn về thực tại.” “Thật không thể tin được,” Langdon nói. Chỉ nghĩ đến điều đó đã khiến anh cảm thấy hồi hộp. “Và điều đó thì không thể sao?” “Chúa ơi, không!” cô nói, lắc đầu. “Khoa học noetic tiên tiến nhất thậm chí còn chưa ở mức đó. Trước hết, chúng ta phải đúng về lý thuyết noetic của một Ý thức Vũ Trụ hay Trường Akashic hay Anima Mundi — hoặc bất cứ điều gì bạn muốn gọi là trường ý thức được cho là bao quanh mọi thứ.” “Mà bạn tin.” “Tôi tin. Chúng ta vẫn chưa chứng minh được rằng lĩnh vực vũ trụ này tồn tại, nhưng dường như nó thường xuyên được tâm trí trong trạng thái biến đổi nhìn thấy. Không may, những trải nghiệm này thường thoáng qua, không kiểm soát, chủ quan, và thường không thể lặp lại — khiến chúng trở thành đối tượng bị nghi ngờ về mặt khoa học.” “Và là mục tiêu dễ dàng cho những kẻ hoài nghi.” “Đúng vậy. Chúng ta không có phương pháp, máy móc, hay công nghệ nào có thể nhận tín hiệu từ lĩnh vực vũ trụ. Chỉ có não mới có thể làm được điều đó.” Cô nhẹ nhàng nhún vai. “Và vì vậy, tôi đã đề xuất một con chip giả thuyết có thể gắn vào một bộ não, hạ thấp mức GABA của nó, mở rộng băng thông của nó, và biến nó thành một máy thu mạnh mẽ hơn rất nhiều.” Langdon nhìn cô đầy ngưỡng mộ. Không chỉ ý tưởng của Katherine không thể phủ nhận được là xuất sắc, nó còn có thể giải thích chính xác tại sao CIA lại hoảng sợ về bản thảo của cô. Liệu có phải Katherine sắp xuất bản một cuốn sách mô tả một con chip siêu bí mật mà CIA đang xây dựng?! “Katherine,” anh nói, “Threshold đang đưa nghiên cứu ý thức lên một chiều không gian mới, và cuốn sách của bạn có thể sắp đến mức làm lộ diện tâm điểm của công nghệ bí mật của họ.” “Không có cơ hội nào điều đó xảy ra,” cô nói. “Như tôi đã nói, con chip mà tôi mô tả không thể xây dựng được. Nó thú vị về mặt khái niệm, nhưng hoàn toàn là giả thuyết. Các rào cản kỹ thuật cho việc xây dựng nó là không thể di chuyển — cụ thể là điều này: việc điều chỉnh mức độ toàn hệ thống của một chất dẫn truyền thần kinh sẽ yêu cầu tích hợp hoàn toàn về mặt vật lý với mạng thần kinh của não... và não có hơn một trăm trillion synapse để

theo dõi.” “Nhưng tiến bộ khoa học đang gia tốc—” “Robert, hãy tin tôi, việc tích hợp hoàn toàn về mặt vật lý là không thể đạt được. Nó sẽ tương đương với việc nối dây trực tiếp từng bóng đèn trên trái đất vào một công tắc, một triệu lần. Thì thực sự là không thể.” “Vậy thì chia tách nguyên tử cũng vậy...” Langdon phản bác. “Nhưng khoa học có cách để tìm ra mọi thứ, đặc biệt là với ngân sách không giới hạn. Nhớ Dự án Manhattan không?” “Có sự khác biệt lớn... Công nghệ hạt nhân đã tồn tại vào năm 1940. Uranium đã tồn tại. Các nhà khoa học chỉ cần tổng hợp tất cả lại. Con chip mà tôi đề xuất yêu cầu công nghệ và vật liệu thậm chí không tồn tại trên trái đất. Trước khi chúng ta có thể thảo luận về việc tích hợp với cây nhánh của não, ai đó phải phát minh ra một nanoelectric biofilament.” “Một cái gì đó nanoelectric?” “Đúng vậy — nó thậm chí không phải là một thứ thực sự. Tôi đã phát minh ra nó trong cuốn sách của mình như một cách để nói về một công nghệ chưa tồn tại. Nó sẽ là một filamen siêu mỏng, linh hoạt làm từ vật liệu tương thích sinh học có thể mang cả tín hiệu điện và ion. Về cơ bản, là một tế bào thần kinh nhân tạo.” “Và tế bào thần kinh nhân tạo thì không thể tạo ra?” “Không, chúng ta thậm chí chưa gần tới. Năm ngoái, hai người ở Thụy Điển đã tạo ra tiêu đề quốc tế bằng cách thuyết phục một cây bắt ruồi Venus mở và đóng bằng cách kích thích hóa học một neuron. Chỉ một xung nhị phân — và điều đó đã gửi sóng chấn động khoa học trên toàn cầu. Đó là trình độ kỹ thuật hiện tại, Robert, và còn cách xa nhiều thế hệ để có một tế bào thần kinh nhân tạo.” Langdon đã đang di chuyển qua phòng về phía cửa sổ của phòng thí nghiệm sinh học mà anh đã thấy vài phút trước. “Nói lý thuyết,” anh nói, “bạn sẽ xây dựng tế bào thần kinh nhân tạo... hay phát triển chúng?” Cô suy nghĩ một lúc. “Một nanoelectric biofilament? Vâng, nó sẽ là một filamen sinh học, vì vậy bạn sẽ phải phát triển chúng.” Langdon dừng lại ở cửa sổ và nhìn chằm chằm vào cái máy với hàng trăm lọ thủy tinh dài và ống. “Trong một dung dịch lỏng, tôi tưởng tượng?” “Đúng. Các cấu trúc vi mạch mong manh luôn được nuôi cấy trong dung dịch.” “Vậy thì tôi nghĩ bạn nên đến đây,” anh nói, vẫy cô lại gần cửa sổ. “Hình như Threshold đang phát triển cái gì đó... và tôi đoán không phải là arugula.”

thang máy. Khi anh băng qua căn phòng, các cảm biến sinh trắc học trên thẻ khóa đã được kích hoạt trong đầu ngón tay của anh, nhưng anh dừng lại, nhớ rằng không có cách nào cho Housemore — hoặc bất cứ ai — có thể truy cập thang máy xuống Threshold. Chắc chắn cô ấy phải ở trên tầng trên... hoặc cô ấy đã rời khỏi nơi này vì một lý do nào đó? Anh gọi cho số của Housemore một lần cuối. Ngay khi Finch thực hiện cuộc gọi, một chiếc điện thoại bắt đầu kêu từ gần đó. Là thật. Âm thanh có vẻ đang phát ra từ một chiếc ghế sofa ở bức tường phía xa. Liệu Housemore có làm rơi điện thoại của cô ấy không? Ít nhất điều đó có thể giải thích tại sao cô ấy không trả lời trước đó. Finch tiến bước tới chiếc ghế sofa nhưng không thấy điện thoại nào. Tiếng chuông đã dừng lại, và anh gọi thêm một lần nữa. Một lần nữa, một chiếc điện thoại bắt đầu kêu. Có phải nó ở dưới ghế sofa không? Finch khom người xuống để kiểm tra dưới chiếc đồ nội thất phong cách. Khi anh nhìn vào không gian tối tăm, anh biết ngay rằng Threshold đang bị tấn công. Nhìn lại vào anh là hai đôi mắt đã chết — cái nhìn không còn sức sống của sĩ quan hiện trường của anh, Susan Housemore. Trong kho lạnh, The Gollem nhìn vào chiếc máy mạnh mẽ đang ngự trước mặt. Thân máy bằng kim loại sáng bóng như một chiếc nhẫn bulbous làm từ nhôm đã được đánh bóng, chiếm gần như toàn bộ phòng bê tông. Năm mét ngang và một mét cao, máy móc giống như một chiếc bánh donut kim loại khổng lồ. Hình dạng donut không bình thường — chính xác là “toroidal”, theo nghiên cứu của The Gollem sáng nay — rõ ràng là hình dạng hiệu quả nhất để quán các cuộn siêu dẫn nếu ta muốn tạo ra một trường từ có khả năng lưu trữ một lượng lớn năng lượng. SMES, anh nghĩ. Lưu trữ năng lượng từ tính siêu dẫn. Đây là nguồn sức mạnh bí mật của Threshold. The Gollem đã biết sáng nay rằng năng lượng được đưa vào trường từ hình toroidal sẽ chạy theo các vòng vòng vô hạn mà không bị suy giảm và có thể được rút ra khi cần. Điều kiện tiên quyết duy nhất là giữ cho các cuộn siêu dẫn lạnh. Cực kỳ lạnh. Nhiệt độ quan trọng cho các cuộn của nó là dưới -260 độ C, và nếu các cuộn tăng lên ngay cả một chút trên nhiệt độ này, chúng sẽ mất đi tính siêu dẫn và bắt đầu kháng lại dòng điện. Sự kháng cự đó gây ra sự gia nhiệt nhanh chóng của các cuộn, dẫn đến nhiều sự kháng cự hơn, và chỉ trong vài giây, vòng phản hồi phát triển vượt ngoài tầm kiểm soát... và dẫn đến một sự kiện nguy hiểm được gọi là quenching. Để ngăn chặn việc quenching, các cuộn được liên tục rửa trong một bể chứa đầy chất lỏng lạnh nhất trên trái đất. Helium lỏng. Anh nhìn qua SMES ra căn phòng liền kề, nơi, bị nhốt trong một lồng lưới Mumetal, có mười hai bể bằng thép không gỉ austenitic chứa helium lỏng. Mỗi bình Cryofab năm trăm gallon đều cao như The Gollem và được trang bị một lưỡi dao cryogenic và ống dẫn chân không

chuyển chất lỏng lạnh vào SMES để giữ cho các siêu dẫn lạnh. Helium lỏng, theo nhiều thông số đo lường, là vô hại — không nổ, không cháy, và không độc. Chất nguy hiểm duy nhất của nó là có nhiệt độ sôi thấp nhất của mọi chất mà con người biết đến... một -270 độ C lạnh giá. Điều này có nghĩa là nếu helium được phép “ấm lên” trên -270 độ C — đã gần như bằng không tuyệt đối — nó sẽ ngay lập tức sôi và chuyển thành khí helium. Khí này cũng vô hại, nhưng mỗi nguy hiểm nằm trong vật lý của quá trình chuyển đổi. Việc chuyển đổi helium lỏng thành khí diễn ra nhanh chóng và bạo lực... và, hóa ra, đây là lý do mà Threshold đã chiếm quyền sử dụng lỗ thông hơi R2-D2 trong Công viên Folimanka. Khi helium lỏng chuyển thành khí, thể tích của nó tăng lên với tỷ lệ kỳ diệu là 1 đến 750. Điều này có nghĩa là helium lỏng trong kho này, nếu được giải phóng, sẽ nhanh chóng chuyển đổi thành đủ khí để lấp đầy bảy bể bơi Olympic. Trong một không gian không thông thoáng, thể tích mới sẽ không có chỗ nào để thoát ra, và áp lực tích tụ sẽ xảy ra nhanh đến mức tạo ra một “bom áp suất” — một lực bạo lực gần như tức thời lan tỏa ra mọi hướng. Trong một nỗ lực tuyệt vọng để tạo không gian cho chính nó, khí sẽ phá vỡ bất cứ thứ gì đã kìm hãm nó, dẫn đến một cú sóng xung giống như của một vũ khí hạt nhân tác chiến, xé toạc mọi thứ trong một bán kính nhất định. Để giảm thiểu rủi ro, tất cả các cơ sở sử dụng helium lỏng, bao gồm cả bệnh viện có máy MRI, đều phải lắp đặt một “lỗ thông hơi quenching” — một ống thông gió bốc lên qua mái của tòa nhà — để đảm bảo rằng, trong trường hợp có rò rỉ helium không mong muốn, khí đang mở rộng nhanh chóng sẽ có một lộ trình an toàn để thoát ra... thay vì làm nổ tung tòa nhà. Lỗ thông hơi quenching của Threshold thì cực kỳ lớn, nhưng mặt khác, số lượng helium lỏng được lưu trữ ở đây cũng vậy. The Gollem lại nhìn qua SMES về mười hai bình Cryofab. Hơn hai mươi nghìn lít helium, anh đã tính toán. Tiềm năng mở rộng gần như không thể tính toán. Những vụ nổ thảm khốc với helium lỏng, anh đã học được trên mạng, là khá phổ biến — bao gồm tên lửa Falcon 9 của SpaceX, Máy gia tốc Hadron lớn của CERN, và ngay cả một phòng khám thú y ở New Jersey mà máy MRI của họ có một rò rỉ nhỏ và đã phát nổ.

Gollem biết rằng nếu SMES này ngưng đột ngột, thì helium lỏng được nạp vào hệ thống sẽ lập tức sôi lên thành một cơn bão khí đang mở rộng, lao lên ống dẫn và phun lên trời ở Prague trong một geyser helium lạnh giá. Có khả năng cao sẽ làm nổ tung đầu R2-D2 trong quá trình này. Helium lỏng được nạp vào máy SMES vào bất kỳ thời điểm nào đại diện cho một phần rất nhỏ của tổng thể tích chứa trong các bình. Gollem không thể bắt đầu tưởng tượng điều gì sẽ xảy ra nếu tất cả helium trong cơ sở này được giải phóng cùng một lúc... chuyển từ lỏng sang khí chỉ trong nháy mắt. Một sự kiện như vậy chưa bao giờ xảy ra. Từng. Ở bất cứ đâu. Có quá nhiều biện pháp an toàn. Các bình helium cực kỳ chắc chắn với nhiều tính năng an toàn. Được xây dựng như những chiếc bình Thermos khổng lồ, thiết kế hai lớp “Dewar” của chúng sử dụng cách nhiệt hiệu quả nhất của thiên nhiên—một chân không thuần khiết—để đảm bảo chất lỏng bên trong giữ đủ lạnh để không bao giờ chuyển thành khí. Để đảm bảo an toàn hơn, mỗi bình lưu trữ chất lỏng của nó dưới áp suất cực kỳ cao. Điều này đã nâng cao điểm sôi của helium, cung cấp một biên độ sai số rộng hơn trước khi đạt đến nhiệt độ критический. Biện pháp an toàn cuối cùng của bình là một “đĩa phá vỡ”—một đĩa đồng nhỏ được tích hợp vào vỏ của bình. Là một điểm yếu cố ý, đĩa này được hiệu chỉnh để phá vỡ nếu áp suất bên trong tăng quá cao... do đó tránh được một vụ nổ bình chứa thảm khốc. Mặc dù các đĩa phá vỡ được thiết kế để nổ ra ngoài, chúng cũng sẽ phá vỡ vào bên trong nếu áp suất bên ngoài một bình trở nên quá lớn. Tất nhiên, điều đó chưa bao giờ xảy ra vì không ai đủ bất cẩn để lưu trữ helium lỏng trong một không gian kín. Xét ba biện pháp an toàn này, xác suất xảy ra nhiều vụ thất bại bình chứa cùng một lúc có xác suất thống kê là zero. Điều đó đơn giản không thể xảy ra. Không có sự trợ giúp. Phản ánh về những kinh hoàng mà Threshold đã gây ra cho Sasha, Gollem đã nhìn lần cuối vào thiết bị SMES đang phát ra tiếng kêu nhẹ nhàng, thương thức sự mĩa mai. Chiếc máy này là nguồn năng lượng bí mật của Threshold... và sắp trở thành tác nhân của sự hủy diệt của nó.

CHƯƠNG 104

Katherine đã bước vào phòng thí nghiệm sinh học cùng với Langdon, cô đang cẩn thận kiểm tra chiếc máy phức tạp trước mặt mình. Các neuron nhân tạo chưa tồn tại. Chưa. Đây luôn là niềm tin của Katherine... nhưng bây giờ cô không chắc chắn. Mặc dù chiếc máy thực sự trông giống như một cái ươm thủy canh phức tạp, cô không có cách nào để biết, bằng mắt trần, cái gì đang có trong các lọ chất lỏng. Thật không thể... phải không? Rất nhiều công việc sau đại học của Katherine trong khoa học não đã tập trung vào hóa sinh thần kinh, nghiên cứu các cơ chế hóa học cụ thể mà qua đó mạng nơron của não hoạt

động. Các neuron nhân tạo, về lý thuyết, lần đầu tiên được đề xuất vào năm 1943 bởi các nhà khoa học Mỹ Warren McCulloch và Walter Pitts—nhưng việc hiện thực hóa khái niệm đó luôn có vẻ như một giấc mơ xa vời. Có một câu nói chung giữa các nhà sinh học: Con người sẽ sinh sống trên sao Hỏa lâu trước khi chúng ta xây dựng được một neuron nhân tạo. “Kiểm tra những cuốn sách hướng dẫn đó?” cô nói, chỉ về phía một chiếc tủ sách bên kia phòng. “Xem có thấy gì về cái ươm này hoặc những gì đang được trồng ở đây không. Tôi sẽ kiểm tra các ngăn kéo.” Khi Langdon đi về phía tủ sách, Katherine bắt đầu lật qua một bộ ngăn kéo tài liệu được xây dựng trong bàn làm việc sáng bóng của phòng. Hầu hết các phòng thí nghiệm tí mĩ, bao gồm cả Viện Khoa học Noetic, đều tạo ra một “cuốn sách quy trình” cho mỗi dự án—một bản in cứng của các hướng dẫn quy trình để đảm bảo tính nhất quán và tái sản xuất của kết quả. Đây là điều mà Katherine hy vọng tìm thấy, nhưng cô đã không tìm thấy gì thú vị trong những ngăn kéo. Mãi cho đến khi cô phát hiện ra một ngăn kéo “khay phẳng” chìm trong bàn, cô mới tìm thấy điều gì đó hứa hẹn... bao gồm một tập bind ba vòng có màu đen nặng. Mặc dù nó dày quá mức để là cuốn sách quy trình mà cô đang tìm kiếm, cô cảm thấy một cơn lạnh khi nhìn thấy những từ được in trên bìa.

Katherine ngay lập tức đặt tập bind lên bàn và mở nó ra. Hãy cho chúng tôi biết điều gì đó... Khi cô lướt qua vài trang đầu tiên, cô bị sốc khi biết rằng các tác giả của tập bind này đến từ Phòng thí nghiệm Điện tử Hữu cơ (LOE) danh tiếng ở Thụy Điển. CIA đã tuyển dụng từ LOE?! Trong cuộc tìm kiếm sản xuất neuron nhân tạo, LOE là một trong những trung tâm tư duy hàng đầu thế giới. Katherine đã đề cập đến đột phá Venus flytrap của họ chỉ vài phút trước! Bị mê hoặc, cô lật qua các phần khác nhau của tập bind, đọc các tiêu đề. Cô thấy một số chủ đề quen thuộc, nhưng sau đó ánh mắt của cô dừng lại ở một mục làm cô lạnh người.

Điều chỉnh? Cô ngay lập tức bắt đầu quét qua phần này. Họ đã thực sự giải quyết được điều chỉnh?! Một trong những rào cản đáng sợ nhất trong cuộc tìm kiếm xây dựng một neuron nhân tạo là bất chước “điều chỉnh ion”—khả năng độc nhất của một neuron để kích hoạt và vô hiệu hóa các kênh ion natri. Và tuy nhiên nếu tiêu đề này là điều có thể tin tưởng, điều chỉnh ion bây giờ đã khả thi. Nhưng... làm thế nào?! Trái tim cô đập nhanh,

Katherine bắt đầu đọc về giải pháp của Threshold cho vấn đề điều chế. Mọi thứ về nó đều hợp lý với cô... gần như quá hoàn hảo... và càng đọc, việc thở của cô càng trở nên khó khăn hơn. Không... không... điều này không thể xảy ra! “Katherine?” Langdon lặp lại, khi gia nhập cùng cô tại bàn sau khi nghe thấy cô thở hắt ra một lúc trước. “Bạn ổn chứ?” Nhưng cô không đáp, đôi mắt dán chặt vào tập tài liệu khi cô lật từng trang, làm bầm một mình. Langdon nhìn qua vai cô, cố gắng xem điều gì khiến cô lo lắng, nhưng tiêu đề trang không có nghĩa gì đối với anh. Điều chế bằng các polyme dẫn ion-electron hỗn hợp? Khi từng giây trôi qua, Langdon cảm thấy Katherine đang trong trạng thái sốc nhẹ, và cuối cùng anh đặt một tay lên cánh tay cô. “Có chuyện gì vậy?” Cô quay ngoắt về phía anh, đôi mắt tràn đầy lửa. “Có chuyện gì? Threshold đang sử dụng BBL tổng hợp như một transistor điện hóa hữu cơ! Họ đã đổ nó thành một lớp mỏng và hòa tan trong methanesulfonic—” “Chậm lại—cái gì?” “BBL! Họ đang sử dụng nó trong các tế bào thần kinh nhân tạo! Đó là ý tưởng của tôi, Robert!” “Trước hết, BBL là cái gì?” “Benzimidazobenzophenanthroline. Đó là một loại polymer dẫn điện cao, đặc biệt bền và cũng đàn hồi.” “Được, rồi...?” “Và họ đang thực hiện polycondensation để tổng hợp BBL—đó là đề xuất của tôi. Kết quả là một chất mà dẫn điện cho electron một cách vượt trội... rất giống như một tế bào thần kinh.” Cô lật một trang của tập tài liệu. “Nhìn kia! Các giao thức hóa học trong tập tài liệu này chính xác là các giao thức tôi mô tả trong bản thảo của mình! Từng chi tiết nhỏ nhất! Tôi đã đề xuất điều chỉnh độ dẫn bằng cách thêm ba millimolar glutamine vào dung dịch điện phân—và đó chính xác là những gì họ đang làm!” Langdon không theo kịp phần lớn những điều này, nhưng rõ ràng Katherine tin rằng cô đã xác định được một điểm giao thoa trực tiếp giữa bản thảo của mình và dự án Threshold. Đó là lý do chúng tôi đến đây. “Katherine,” anh nói khẽ, “bạn có thể hít thở và giải thích cho tôi, bằng tiếng Anh đơn giản, chuyện gì đang xảy ra không?” Cô gật đầu, thở ra. “Xin lỗi, vâng,” cô nói, hạ thấp giọng. “Nói một cách đơn giản, cuốn sách của tôi đã lý thuyết hóa cách công nghệ này có thể được sản xuất vào một ngày nào đó. Tôi đã đặc biệt đề xuất việc dẹt chất liệu được chế tạo thành một ‘lưới’ thần kinh mà có thể được kéo qua não như một chiếc mũ... một lớp tế bào thần kinh trực tiếp liên hệ với não.” Cô thở dài. “Và... điều đáng kinh ngạc nhất, chính xác là điều họ đang làm ở đây. Tôi chỉ... không thể tin được.” “Vậy bạn đã viết một cách rõ ràng về các tế bào thần kinh nhân tạo?” “Tôi đã. Khi tôi đề xuất một chip não giả định

để điều chỉnh GABA, tôi biết rằng chip không thể được xây dựng mà không có các tế bào thần kinh nhân tạo, vì vậy tôi đã bao gồm dự đoán tốt nhất của tôi về cách các tế bào thần kinh có thể được chế tạo vào một ngày nào đó... trong tương lai xa.” Tương lai đó rõ ràng là bây giờ, Langdon nhận ra, liếc xuống tập tài liệu. “Và bạn nghĩ rằng Threshold thực sự đã xây dựng chip GABA mà bạn đã đề xuất?” “Không, không,” cô nói, lắc đầu. “Tôi không biết họ đã xây dựng chip gì—nhưng tôi khá chắc chắn rằng nó sẽ không phải là cái mà tôi đề xuất. Nếu họ có các tế bào thần kinh nhân tạo, thì bầu trời là giới hạn; họ có thể xây dựng bất cứ thứ gì họ mơ tưởng. Các tế bào thần kinh nhân tạo là bước nhảy vọt quan trọng cần thiết cho sự tích hợp H2M hoàn chỉnh. Bạn phải hiểu, Robert...” Cô nhìn thẳng vào mắt anh. “Công nghệ tế bào thần kinh này là chìa khóa cho tương lai. Nó thay đổi mọi thứ.” Langdon không hề nghi ngờ rằng cô đúng; anh đã đọc hơn một lần rằng các nhà tương lai học dự đoán một bước đột phá tế bào thần kinh nhân tạo sẽ mở ra một kỷ nguyên đáng kinh ngạc về giao tiếp trực tiếp giữa các bộ não, việc tăng cường trí nhớ, việc học nhanh hơn, và thậm chí khả năng ghi lại những giấc mơ của chúng ta vào ban đêm và phát lại vào buổi sáng. Điều đáng lo nhất đối với Langdon là dự báo được ca ngợi như “mạng xã hội tối thượng”—con người thực hiện ghi nhận cảm giác đầy đủ về trải nghiệm của chính họ... và chia sẻ “kênh” cá nhân của họ trực tiếp với các bộ não khác. Về cơ bản, mọi người sẽ có thể sống lại những hình ảnh, âm thanh, mùi, và cảm giác từ trải nghiệm của người khác. Tất nhiên, sẽ không mất nhiều thời gian cho những thư viện chợ đen cung cấp những ký ức đặc biệt gây sốc, kích thích, hoặc ghê tởm. Bộ phim cyberpunk những năm 1990, *Strange Days*, đã bước vào thế giới tối tăm này... giờ có vẻ như nó đã dự đoán trước. Mặc dù Langdon nhận ra đây có thể là một bước chuyển mình trong lịch sử khoa học, nhưng tác động to lớn của bước đột phá không phải là điều đầu tiên trong tâm trí anh. Anh đang tập trung nhiều hơn vào những hệ lụy từ vận rủi đáng kinh ngạc của Katherine. Cô đã đề xuất một ý tưởng cực kỳ thông minh trong cuốn sách của mình... chỉ để biết rằng CIA đã âm thầm phát triển nó từ trước. Trong khi sự trùng hợp này thật kinh ngạc, Langdon biết rằng câu cliché “Những bộ óc vĩ đại thường tương đồng” đã được chứng minh vô số lần qua các thời đại; Newton và Leibniz đã độc lập phát minh ra giải tích; Darwin và Wallace đồng thời hình dung ra sự tiến hóa; Alexander Graham Bell và Elisha Gray đều phát minh ra một thiết bị điện thoại và nộp đơn xin cấp bằng sáng chế chỉ trong vài giờ. Giờ đây, dường như, Katherine Solomon và CIA đã cùng nhau tìm ra cách chế tạo các tế bào thần kinh nhân tạo.

nơ-ron. “Tất cả điều này giờ đã rõ ràng...” Katherine thì thầm với mình, nhìn trần trời vào khoảng không. “Không có gì ngạc nhiên khi tôi bị nhắm đến...” “Đó là một sự trùng hợp cực kỳ không may,” Langdon nói một cách thông cảm. “Ít nhất bây giờ chúng ta hiểu—” “Đây không phải là sự trùng hợp, Robert!” Đôi mắt của Katherine rực lửa với sự tức giận. “CIA đã ăn cắp ý tưởng của tôi!” Cướp? Lời tuyên bố đó không có ý nghĩa gì đối với anh; rõ ràng CIA đã phát triển nơ-ron nhân tạo từ trước khi Katherine bắt đầu viết cuốn sách của cô. “Họ đã ăn cắp thiết kế của tôi!” cô lặp lại. “Tất cả mọi thứ!” Trong suốt thời gian biết Katherine Solomon, Langdon chưa bao giờ nghe cô đưa ra một tuyên bố vô lý nào, chứ đừng nói đến một sự bùng nổ hoang tưởng. “Tôi không hiểu,” anh nói, mỉm cười an ủi. “Bạn đã viết cuốn sách này được một năm, và chương trình Threshold đã hơn hai mươi—” “Tôi không diễn đạt rõ ràng,” cô nói, ngắt lời anh. Có một sự dữ dội trong mắt cô mà anh chưa bao giờ thấy trước đây. “Bản thảo của tôi bao gồm một phần nói về nơ-ron nhân tạo, phần này giải thích chi tiết về chính thiết kế này. Nhưng trong phần đó, tôi đã nói về niềm đam mê và công việc của mình khi còn là sinh viên trẻ, khi tôi đã mơ về tương lai của noetics... thiết kế những công nghệ giả thuyết mà các nhà khoa học tương lai có thể sử dụng để làm sâu sắc thêm hiểu biết của chúng ta về ý thức con người.” Ý nghĩa của cô đột nhiên rõ ràng đối với Langdon. “Chúa ơi... gì cơ?!” Cô gật đầu. “Đúng! Robert, tôi đã lần đầu tiên đề xuất—và ghi lại—thiết kế chính xác cho những nơ-ron nhân tạo này trong luận văn sau đại học của tôi... hai mươi ba năm trước.” K CHƯƠNG 105 Katherine có thể thấy từ vẻ mặt sừng sốt của Langdon rằng anh vẫn đang vật lộn để hiểu được hậu quả của những gì cô vừa nói. “Đây là thiết kế chính xác của tôi cho nơ-ron nhân tạo,” cô nói, gõ vào tập tài liệu bí mật của Threshold. “Từ hai mươi ba năm trước. Không có nhầm lẫn gì ở đây.” “Vậy bạn đã viết luận văn tiến sĩ về nơ-ron nhân tạo?” Langdon hỏi. “Không trực tiếp, không. Tôi học về thần kinh học, và luận văn của tôi có tựa đề ‘Hóa học của Ý thức’—một nghiên cứu ngớ ngẩn về chất dẫn truyền thần kinh và nhận thức, nhưng ở cuối, giống như trong bản thảo của tôi, tôi đã viết một phần về tương lai của nghiên cứu ý thức. Tôi đã mơ tưởng về những đột phá giả thuyết khác nhau, bao gồm tiến bộ quan trọng nhất có thể xảy ra trong lĩnh vực của tôi—nơ-ron nhân tạo—một

công nghệ cuối cùng sẽ làm khả thi một giao diện H2M thực sự và cho phép các nhà khoa học quan sát ý thức của não theo những cách mới... và cuối cùng để thấy tất cả hoạt động như thế nào.” “Và bạn chắc chắn...không có sự trùng hợp nào với công việc của CIA?” “Robert, các nơ-ron trong tập tài liệu này giống hệt những gì tôi đã đề xuất trong luận văn của mình, đến từng cách đặt tên! Mô tả đó thực sự đề cập đến ‘biofilament nanoelectric’ và ‘hợp nhất organo-technic hai chiều’—cả hai đều là những thuật ngữ tôi đã đặt ra!” Langdon giờ đây trông có vẻ thuyết phục. “Wow...trong khởi đầu, điều đó có nghĩa là bạn, Katherine Solomon, đã tìm ra cách chế tạo nơ-ron nhân tạo...trong khi còn học cao học?” “Tôi là một đứa trẻ với trí tưởng tượng phong phú. Ý tưởng là một sự tưởng tượng. Đừng quên rằng hai mươi ba năm trước, nơ-ron nhân tạo là khoa học viễn tưởng!” “Cũng như kỹ thuật di truyền, xe tự lái và AI,” anh phản biện. “Nhưng ở đây chúng ta đang có. Nhờ vào định luật Moore.” Đúng, cô nghĩ, tương lai đến với chúng ta nhanh hơn mỗi ngày. “Hai mươi năm trước, mọi người trong lĩnh vực này nghĩ rằng nơ-ron nhân tạo sẽ là nơ-ron silicon, điều này có lý do vì nơ-ron về cơ bản là công tắc nhị phân bật/tắt giống như trong một vi mạch. Tôi không đồng ý và đã lập luận trong luận văn của mình rằng vì mục tiêu cuối cùng của nơ-ron nhân tạo sẽ là tích hợp với não, bất kỳ giải pháp thực sự nào cũng cần phải là sinh học. Và vì vậy tôi đã đề trí tưởng tượng của mình bay xa, và tôi đã thiết kế, một cách chi tiết, dự đoán tốt nhất của tôi về cách mà một nơ-ron như vậy có thể được tạo ra trong tương lai.” “Tôi sẽ nói rằng đó là một dự đoán khá tốt,” Langdon nói, vẫn trông ẩn tượng. “CIA có lẽ đã làm việc để phát triển điều này trong nhiều thập kỷ...và cuối cùng đã thành công. Câu hỏi về quyền sở hữu hoặc tín dụng là một vấn đề khác.” “Tôi chỉ đang tự hỏi làm thế nào họ biết về ý tưởng của tôi...hoặc đã có được nó.” Langdon nhún vai. “Chà, họ là hoạt động thu thập thông tin tình báo lớn nhất trên thế giới.” “Thực ra,” Katherine nói, những kỷ niệm giờ đưa nhau trở về. “Bây giờ tôi mới nhận ra...” Cô do dự, lạc trong suy nghĩ. “Hãy nói cho tôi nghe trên đường ra,” Langdon thúc giục, nhắc tập tài liệu và đi về phía cửa. “Chúng ta cần ra khỏi đây với cái này—và đưa nó vào tay đại sứ. Hy vọng rằng điều này là đủ.” Katherine vác túi đeo vai và theo sau Langdon qua phòng thí nghiệm, những suy nghĩ của cô giờ đây đang quay cuồng. “Có điều gì đó kỳ lạ đã xảy ra với luận văn của tôi. Tôi chưa bao giờ thực sự hiểu nó, và tôi đã không nghĩ về nó trong hàng thập kỷ...nhưng có thể nó sẽ giải thích điều gì đó.” “Điều gì đã xảy ra?” Langdon hỏi khi họ vội vã băng qua phòng thí nghiệm đầy ánh sáng về phía cửa xoay. “Giáo sư hướng dẫn luận văn của tôi tại Princeton,” cô nhớ lại, “là A. J. Cosgrove, nhà hóa học huyền thoại, người đã đưa tôi vào vòng tay của ông. Ông rất thích luận văn của tôi và nói rằng ông tin rằng nó có thể giành được Giải thưởng Blavatnik—một giải thưởng quốc gia.

giải thưởng cho nghiên cứu khoa học sau tiến sĩ. Dù sao thì, tôi đã thua, điều đó cũng ổn với tôi, nhưng không hiểu vì sao điều đó lại khiến Cosgrove nổi giận, và cuối cùng ông ta đã có một cuộc bất hoà nào đó với người đứng đầu ủy ban giải thưởng, một giáo sư nổi bật từ Stanford. Khi mọi chuyện cuối cùng lắng xuống, Cosgrove nói với tôi rằng tôi xứng đáng nhận giải thưởng và rằng tôi đã bị từ chối vì ‘những lý do không hề liên quan đến giá trị thực’. Tôi cho đó là chính trị học thuật. Nhưng tôi đã nói với ông ta rằng tôi không quan tâm, vì tôi đã quyết định theo đuổi noetics. Rồi ông ta nói một điều kỳ lạ. Ông ta nói rằng trước khi tôi rời khỏi lĩnh vực thần kinh học hoàn toàn, ông ta rất khuyến khích tôi...”

Katherine dừng lại trước cửa. “Ôi...không.” Langdon quay lại. “Có chuyện gì vậy?!” Katherine nhắm mắt lại trong sự không thể tin nổi, đặt túi của mình lên một chiếc bàn làm việc. Trong mọi sự hỗn loạn, cô chưa nhận ra cho tới khoảnh khắc này. “Robert,” cô thì thầm, mở mắt ra và vuốt tóc dày của mình. “Có một lý do lớn hơn nữa mà CIA cần cuốn sách của tôi biến mất mãi mãi.” Siết chặt khẩu súng SIG Sauer mà anh đã lấy từ Giám sát viên Housemore, Finch nhảy xuống khỏi phương tiện Threshold và vội vàng chạy qua nền tảng quen thuộc, băng qua trung tâm an ninh không có người. Sau khi tìm thấy xác của sĩ quan trong hành lang, anh đã vội vã xuống phòng làm việc của Gessner, nơi mà, với sự rõ ràng tàn nhẫn, những nỗi sợ tồi tệ nhất của anh đã được xác nhận. Brigita đã bị giết. Finch đã lập tức gọi hỗ trợ từ cơ quan, nhưng với sĩ quan thực địa của anh giờ đã chết, anh biết rằng việc hỗ trợ tại chỗ sẽ mất thời gian. Tình hình này ngày càng đáng lo ngại và tẻ nhạt, và sự cần trọng quyết định rằng anh phải xử lý khủng hoảng mà không trì hoãn. Finch là một tay bắn cừ khôi và hoàn toàn có khả năng vô hiệu hóa bất kỳ ai mà anh gặp phải. Khi anh bước vào hành lang OPS, anh cảm thấy nhẹ nhõm khi thấy tất cả đèn trong khu này đều tắt. Nhưng lại lần nữa, anh đã có vai trò quan trọng trong việc thiết kế cấu trúc ngầm này, và anh biết rằng đèn sẽ tắt sau mỗi mười phút; về lý thuyết, bóng tối không đảm bảo rằng anh đang

ở một mình ở đây. Finch vẫn không thể tưởng tượng nổi Housemore và Gessner đã bị giết. Càng đáng lo ngại hơn nữa là danh tính không thể ngờ của kẻ giết người của họ. Trong khi kéo Housemore ra khỏi chiếc ghế sofa, Finch đã bị sốc khi thấy một thanh kim loại dùng cho người bị động kinh trên thảm. Rõ ràng là ai đó đã đánh rơi nó, và chỉ có hai bệnh nhân động kinh đã từng vào Crucifix Bastion—Sasha Vesna và Dmitri Sysevich—cả hai đều đến từ cùng một cơ sở. Và Dmitri, tôi được đảm bảo, không còn với chúng ta nữa. Ý tưởng rằng Sasha đã giết bất kỳ ai dường như gần như không thể tưởng tượng nổi. Gessner luôn mô tả cô ấy là nhút nhát và tốt bụng. Nhưng lại một lần nữa, Sasha được cho là đã tấn công một sĩ quan ÚZSI hôm nay, điều đó ngụ ý rằng có điều gì đó đang rất mất cân bằng với người phụ nữ này. Bộ não của cô ấy đã chịu áp lực rất lớn, và không phải là điều không thể xảy ra rằng cô đã trải qua một loại trầm cảm tâm thần nào đó. Sasha đã giết Gessner? Điều đó dường như không thể tưởng tượng nổi... và tuy nhiên, nếu Sasha phát hiện Gessner đã làm gì với cô ấy, điều đó sẽ là động lực mạnh mẽ. Dù vậy, Finch nghi ngờ rằng Sasha có khả năng thực hiện tất cả điều này... ít nhất là không phải một mình. Anh rẽ phải cứng vào BIO, nhẹ nhõm khi thấy khu vực phẫu thuật tối om. Khi đèn bật sáng, mọi thứ dường như đã ổn. Finch nhìn vào bác sĩ phẫu thuật robot đang treo trên trần nhà. Cho đến nay, Gessner mới chỉ sử dụng công nghệ này để thực hiện hai ca phẫu thuật cho con người—một ca thành công, một ca thảm khốc. Finch không muốn bắt ngờ và dự định kiểm tra cơ sở hoàn toàn, bắt đầu với một cuộc quét hệ thống khu vực y tế để xác nhận không có ai trốn dưới giường hoặc vào tủ quần áo, ẩn nấp đủ lâu để đèn cảm ứng tắt. Nếu ai đó đã thâm nhập vào Threshold, Finch sẽ không để họ thoát qua anh. Bất kỳ ai đã thấy nơi này... sẽ không được phép rời đi sống sót. Sâu trong kho SMES, The Gollem nhìn lên cái ống thông gió mở. Cao trên đầu, hần gần như có thể nhận ra ánh sáng ban ngày lốm đốm lọt xuống qua những lỗ thủng trên đầu hình cầu của bức tượng R2-D2 ở nhiều tầng trên cao trong Công viên Folimanka. Vì những lý do rõ ràng, các lỗ thông hơi như thế này luôn để mở để cho phép thông gió khẩn cấp. Chúng chỉ được niêm phong để kiểm tra áp lực kho xem có rò rỉ hay không, và chỉ trong những điều kiện rất cụ thể... cụ thể là sự vắng mặt hoàn toàn của heli lỏng. Hôm nay, sẽ có một chút thay đổi trong quy trình. Tập trung sức mạnh của mình, The Gollem leo lên trên chiếc vòng kim loại đang kêu vo vo. Phần trên cùng đã được làm tròn và rất nguy hiểm, nhưng giày của hần có độ bám tốt. Hần có thể cảm nhận được rung động nhẹ nhàng của máy khi hần với tay lên trần nhà và giữ thăng bằng bằng cách nắm lấy một tay quay nhô ra từ trần. Tay quay này điều khiển một loạt các dây ròng rọc để di chuyển một tấm kim loại dày được gắn vào

trần nhà. Nắp kiểm tra. Một tấm panel vuông làm bằng thép được hỗ trợ trong một rãnh mà các đường ray chạy ở hai bên lỗ thông gió. Tấm panel này, giống như một nắp cống khổng lồ, có thể được xoay vào vị trí và siết lại bằng các vít butterfly, niêm phong lỗ thông gió và làm cho phòng kín khí. Không có gì ngạc nhiên khi lớp thép được chạm khắc bằng chữ cái nhựa đỏ sáng. □□□□□□! □□□ □! □ □□□! □□ □□ □□□□! Bỏ qua cảnh báo được dán, The Gollem bắt đầu quay tay cầm. Trong vòng một phút, chỗ này sẽ kín khí.

Một lý do còn lớn hơn nữa? Langdon không thể tưởng tượng được động lực bổ sung nào mà CIA có thể phá hủy bản thảo của Katherine. Cuốn sách của cô tiết lộ một công nghệ cực kỳ bí mật của CIA. Trò chơi, đặt cược, trận đấu... Katherine đã dừng lại và quay sang anh, gương mặt cô như một chiếc mặt nạ của sự lo lắng trong ánh đèn halogen chói lóa. “Tôi nghĩ Giáo sư Cosgrove chắc hẳn đã biết có điều gì đó không ổn,” cô nói. “Sau cuộc tranh luận với người của Stanford, ông ấy đã giao cho tôi một nhiệm vụ cuối cùng trước khi tôi rời neuroscience để theo noetics. Đó là một yêu cầu không bình thường.”

“Ông ấy muốn bạn làm gì?”

“Ông ấy khẳng định rằng một phần của việc giáo dục bất kỳ nhà khoa học tương lai nào là phải trải qua quy trình xin cấp bằng sáng chế. Ông ấy nói rằng ông ấy yêu thích cách tiếp cận sáng tạo của tôi đối với các neuron nhân tạo, và ngay cả khi bằng sáng chế không bao giờ được cấp, quá trình xin cấp sẽ—”

“Đợi đã...” Langdon nói. “Bạn đang nói rằng bạn đã nộp đơn xin cấp bằng sáng chế cho các neuron nhân tạo này?”

“Đó là một bài tập học thuật,” cô nói, gật đầu. “Cosgrove cảnh báo tôi rằng đơn xin của tôi sẽ bị từ chối vì ‘thiếu tính thực tiễn’ vì điều đó không thể xây dựng được. Tuy nhiên, ông ấy đã thúc giục tôi suy nghĩ kỹ, càng kỹ thuật càng tốt, tưởng tượng ra các công cụ, công nghệ và vật liệu chưa tồn tại, và thực hiện quy trình nộp đơn. Và vậy là tôi đã làm! Tôi đã điền vào một đơn xin dài mười bốn trang theo khả

năng tốt nhất của mình và gửi đi. Đơn xin của tôi đã bị từ chối, như đã dự đoán, và tôi không bao giờ nghĩ thêm về nó nữa...”

Cho đến bây giờ, Langdon nhận ra, không thể tin được. Cô đang đối diện với phát minh của chính mình. “Xét lại,” Katherine nói, “tôi nhận ra rằng Giáo sư Cosgrove có thể đã bảo vệ tôi khi ông ấy bảo tôi nộp đơn xin cấp bằng sáng chế...” Cô ngừng lại, giọng nói nghẹn lại. “Như thể ông ấy biết lý do thực sự mà luận án của tôi bị từ chối.”

“Bởi vì công nghệ của bạn đang bị CIA âm thầm chiếm đoạt?”

“Bị đánh cắp, đúng.”

“Nhưng làm sao Cosgrove có thể biết rằng CIA đã làm điều đó?”

“Đó là điều bí ẩn với tôi,” Katherine nói, “nhưng bụng tôi mách bảo rằng ông ấy đã biết. Nhiều năm sau, tôi phát hiện ra rằng tôi là sinh viên duy nhất mà Cosgrove từng thúc giục nộp đơn xin cấp bằng sáng chế.”

“Điều đó thật đáng nghi.”

“Đúng, và Cosgrove đã kiên quyết. Tôi nhớ ông ấy đã nói, ‘Đừng nói về điều đó, Katherine. Hãy cứ làm đi.’ Ông ấy đã qua đời từ lâu, nếu không tôi đã gọi cho ông ấy.”

“Bạn còn giữ một bản sao đơn xin của mình không?” Langdon hỏi, tưởng tượng rằng đó có thể là một mảnh giấy khá nguy hiểm để có xung quanh.

“Tôi chắc chắn đã có... nhưng bất kỳ bản sao nào tôi có đã biến mất một cách huyền bí khỏi hồ sơ của tôi vào một thời điểm nào đó. Tôi luôn cho rằng chúng bị mất trong quá trình chuyển nhà, nhưng giờ thì...”

Có thể chúng cũng đã bị đánh cắp. Langdon rung mình khi nghĩ rằng CIA đã theo dõi Katherine trong thời gian dài như vậy, nhưng nó giải thích rất nhiều điều. “Nhưng có một điều nữa,” Katherine tiếp tục. “Tất cả những năm trước, khi tôi nhận được thông báo từ chối từ văn phòng cấp bằng sáng chế, tôi đã phải cười—đó là mười bốn trang những nỗ lực khoa học chân thành nhất của tôi được đóng dấu bằng một dấu đỏ sáng □□□□□□ trong mỗi trang. Tôi đã cho Giáo sư Cosgrove xem nó, và ông ấy không có vẻ thích thú như tôi, nhưng ông ấy đã hỏi liệu ông ấy có thể giữ một bản sao để lưu giữ và cho ‘khi tôi trở nên nổi tiếng.’ Dĩ nhiên tôi đã nói đồng ý.”

“Vậy Cosgrove có một bản sao?!”

“Đúng,” cô nói, giọng bỗng trở nên đầy cảm xúc. “Khi ông ấy qua đời khoảng mười năm trước, chị gái của ông đã xuất hiện trước cửa nhà tôi với một phong bì manila kín mít và nói rằng một phần trong những nguyện vọng cuối cùng của ông là phong bì này được giao cho tôi.” Giọng Katherine nghẹn lại. “Quả thật, nó chứa đơn xin cấp bằng sáng chế cũ của tôi—mờ nhạt nhưng vẫn còn nguyên vẹn.”

Thật khó tin. Langdon giờ đã hoàn toàn chắc chắn rằng giáo sư cũ của Katherine đã biết điều gì đó khả nghi về việc xử lý bài luận của cô và đơn xin cấp bằng sáng chế của cô. Câu hỏi về việc Cosgrove biết những gì ông ấy biết vẫn chưa được trả lời, nhưng rõ ràng là ông đã có những biện pháp để đảm bảo Katherine giữ được bằng chứng. Quyền lực, Langdon nghĩ. Đó là điều mà điều này đại diện. “Bản sao đó giờ ở đâu?” anh yêu cầu, đột nhiên lo sợ rằng CIA có thể đã tìm thấy cái đó nữa. “Trong bàn làm việc của tôi ở nhà,” cô nói. “Lần tôi biết.”

“Chúng ta cần đi thôi,” Langdon nói, chỉ về phía cửa. “Nếu CIA phát hiện —”

“Còn một điều nữa bạn nên biết.” Katherine chuyển động một cách ngượng ngùng rồi nhìn Langdon.

con mắt. “Trong khi tôi đang viết chương cuối cùng của bản thảo về tương lai của tri thức học, tôi đã miêu tả về giấc mơ đầy hồn nhiên của mình trong việc tạo ra các tế bào thần kinh nhân tạo. Bỗng dưng, tôi quyết định bao gồm một bản sao đơn xin cấp bằng sáng chế không thành công của mình—tất cả mười bốn trang có dấu đóng—vào cuốn sách, vì tôi nghĩ rằng việc chia sẻ thất bại ban đầu của mình có thể giúp truyền cảm hứng cho những nhà khoa học trẻ khác cũng phải đối mặt với sự từ chối trên con đường của họ.” Langdon không nói nên lời. Mảnh ghép cuối cùng. Đơn xin cấp bằng sáng chế của Katherine sẽ được công bố trong cuốn sách của cô ấy để thế giới thấy. Không cần động cơ nào khác để cơ quan hành động quyết liệt chống lại cô. Threshold là Dự án Manhattan của tương lai khoa học não... và Katherine sắp công bố thiết kế cho quả bom nguyên tử của họ. Langdon chỉ có thể tưởng tượng cơn ác mộng pháp lý cho CIA nếu một nhóm giám sát như Liên đoàn Các Nhà Khoa Học Mỹ phát hiện ra rằng đơn xin cấp bằng sáng chế của một nhà khoa học tri thức nổi bật đã bị từ chối... và sau đó bị CIA đánh cắp mà không

có sự đồng ý hoặc bồi thường của người nộp đơn. Đó sẽ là giấc mơ của một nhà báo điều tra. Cuốn sách bao gồm một tầm nhìn táo bạo về một công nghệ đột phá đại diện cho mảnh ghép còn thiếu trong cuộc đua toàn cầu để tạo ra một giao diện người-máy thực sự. Hiện tại, chỉ riêng CIA nắm giữ nó...nhưng nếu Katherine công bố, mọi dự đoán sẽ bị huỷ bỏ. Bất cứ mục đích cụ thể nào mà các cây ghép của CIA có thể phục vụ, rõ ràng Threshold có tiềm năng mang lại cho CIA một lợi thế công nghệ bí mật và vô song. Nhưng không chỉ có vậy, Langdon nhận ra. Threshold là một mỏ vàng tiềm năng. Nếu CIA quyết định đưa công nghệ H2M độc quyền ra thị trường, Q sẽ trở thành công ty đầu tư mạo hiểm giàu nhất thế giới, có khả năng tài trợ cho mọi hoạt động mà CIA thực hiện. Dù sao đi nữa, sự bí mật là tối quan trọng. “Hơn nữa,” Katherine nói, “điều này giải thích tại sao Brigita đã khoe khoang với tôi về các bằng sáng chế của cô ấy tới qua. Cô ấy đã đưa ra chủ đề này vì cô ấy đang thực hiện một nhiệm vụ do thám. Bạn còn nhớ cô ấy đã hỏi tôi xem tôi có bằng sáng chế nào không...hoặc nếu tôi từng nộp đơn xin cấp bằng sáng chế không?” Langdon nhớ rõ điều đó. “Và bạn đã nói rằng mình không có!” “Tôi chỉ không muốn đi vào việc đó. Hơn nữa, điều đó đã diễn ra khá lâu rồi.” “Không có gì đáng ngạc nhiên khi Finch hoảng sợ tới qua,” Langdon nói. “Gessner có thể đã nói với anh ta rằng bạn không chỉ từ chối yêu cầu ký NDA mà còn từ chối yêu cầu nhận bản sao trước của bản thảo, và cô ấy chắc hẳn đã báo cáo rằng bạn cũng đã nói dối trắng trợn về việc chưa bao giờ nộp đơn xin cấp bằng sáng chế! Finch chắc chắn sẽ nghi ngờ rằng bạn đang thao túng để thu lợi cá nhân và chuẩn bị công bố một loại điều tra gây sốc nào đó.” “Chà, giờ thì chúng ta có thể công bố nó,” Katherine nói, chỉ vào cuốn tài liệu mật trong tay anh. “Hoàn chỉnh với PALM của một bộ não đã cấy ghép. Bằng chứng rõ ràng.” “PALM là gì?” “Kính hiển vi định vị điều biến bằng ánh sáng—một kỹ thuật hình ảnh não. Threshold đã mã hóa gen các tế bào thần kinh nhân tạo của họ với các protein huỳnh quang để họ có thể, thực tế, nhìn thấy chúng...và theo dõi sự phát triển của chúng. Một ý tưởng thông minh—của họ, không phải của tôi.” “Chờ đã, có hình ảnh trong cuốn tài liệu này không?! Bạn đã không—” “Bạn đã lấy nó quá nhanh,” cô nói, đưa tay ra đón lấy cuốn tài liệu. “Tôi sẽ cho bạn xem.” Langdon đẩy cuốn tài liệu một cách háo hức trở lại tay cô. Dù có bằng chứng rằng CIA đã đánh cắp ý tưởng của Katherine và đang xây dựng các tế bào thần kinh nhân tạo, Langdon vẫn chưa thấy bằng chứng thực sự rằng Threshold đang thực hiện thử nghiệm trên người. Điều này có thể là nó... “Đây là một bức tốt,” Katherine nói, đặt cuốn tài liệu mở ra trên quầy trước mặt họ. Khi Langdon nhìn thấy hình ảnh, anh cảm thấy vừa ghê tởm...và được xác nhận. Bức ảnh màu sắc giống như một bức X-quang được tăng cường bằng máy tính của một bộ não người bên trong hộp sọ. Điều đáng sợ là những gì khác bên trong hộp sọ cùng với bộ não. Dưới lớp xương của hộp sọ, một con chip máy tính lớn không ngờ được gắn vào mô não. Gắn với con chip, một sợi dây ngoằn ngoèo nối tới một lưới sáng rực rỡ của những sợi huỳnh quang dường như được dệt thành một cái mũ giống như mạng nhện, tương tự như mũ lưới, và kéo xuống phủ trên đỉnh bộ não. “Cái lưới thần kinh đó,” Katherine nói. “Ý tưởng của tôi.” Langdon nhìn với sự kinh ngạc khi cô lật qua các hình ảnh, biểu đồ và ghi chú theo dõi tiến trình của sự cấy ghép theo thời gian. Các hồ sơ thật đáng kinh ngạc, nhưng cú sốc lớn hơn đến khi Langdon nhận thấy dòng chân nhỏ ở dưới cùng của mọi trang. BỆNH NHÂN #002 / VESNA “Sasha...” Langdon thì thầm, những nỗi lo sợ tồi tệ nhất của anh giờ đã trở thành hiện thực. Họ đã làm gì với bạn? Langdon cảm thấy buồn nôn khi nhìn thấy lớp lưới dày đặc của các tua rua lan ra trên bộ não của Sasha như một loại ký sinh trùng. Mía mai thay, anh và Katherine đã đột nhập vào Threshold để tìm bằng chứng buộc tội...chỉ để biết rằng mảnh bằng chứng buộc tội quan trọng nhất nằm bên ngoài, trong đầu Sasha Vesna. Tôi hy vọng đại sứ đã tìm thấy Sasha, anh nghĩ, lại cảm nhận rằng đã đến lúc phải đi. “Dù cho cô Vesna có trong đầu mình,” Katherine nói, “nó làm rất nhiều điều

“Hơn cả việc chữa trị bệnh động kinh.” “Có gì ở đây mô tả chức năng của chip không?” “Không có gì cụ thể,” Katherine nói, lật qua các trang. “Cuốn sổ tay này hoàn toàn về việc tích hợp thần kinh, và tôi phải thừa nhận, tôi ngạc nhiên rằng họ đạt được sự tích hợp nhanh đến vậy.” “Cô có ý gì?” “Sự tích hợp giữa chip và não,” cô nói. “Khi bạn đặt một lưới thần kinh nhân tạo lên một bộ não sống, hai yếu tố đó cần thời gian để hòa nhập thành một hệ thống. Tính dẻo dai của thần kinh là một phép màu, nhưng nó không xảy ra ngay lập tức. Để một bộ não có thể tạo synapse hoàn toàn với một cây ghép thần kinh sẽ mất ít nhất một thập kỷ—có thể là hai thập kỷ. Đó là một trong những trở ngại lớn mà tôi đã đề cập trong luận văn tốt nghiệp của mình.” “Cô đã đề xuất giải pháp gì?” “Tôi không có,” Katherine đáp. “Không có giải pháp nào ngoài việc chờ đợi. Sự tăng trưởng sinh học cần thời gian. Sự tiến hóa cần thời gian.

Và thế nhưng... ” Cô nghiên cứu một loạt các đồ thị, lắc đầu. “Họ đã tăng tốc quá trình với tốc độ đáng kinh ngạc. Trong một năm, họ đã làm được điều mà lẽ ra phải mất ít nhất một thập kỷ. Câu hỏi... là làm thế nào?” Cô tiếp tục lật trang, vượt qua một trang có hình ảnh đầu nhỏ của một Sasha Vesna trẻ tuổi với mái tóc vàng dài. “Tôi có một câu hỏi khác,” Langdon nói. “Nếu Sasha là bệnh nhân số hai...” Katherine nhìn lên. “Đúng vậy, vậy ai là bệnh nhân số một?” Cô ngay lập tức bắt đầu lật ngược lại qua sổ tay, tìm thông tin về bệnh nhân số một, người mà Langdon cho rằng có khả năng là bệnh nhân động kinh người Nga, Dmitri, từ cùng một tổ chức với Sasha. “Điều này thật kỳ lạ,” Katherine nói. “Tôi không thấy bất kỳ phần nào có dữ liệu về bất kỳ ai khác— ôi, chờ đã—đây rồi. Nó ngắn hơn nhiều. Tôi đã bỏ lỡ nó.” Phần đó bao gồm dữ liệu lật vạt, đồ thị, và một X-quang giống như ma quái của bộ não chủ thể cho thấy một chip cấy ghép và lưới thần kinh. Chân trang ghi: BỆNH NHÂN #001 / SYSEVICH Sysevich chắc chắn nghe có vẻ Nga, Langdon nghĩ. “Người đàn ông điển trai,” Katherine nói, đã quay sang một trang có hình ảnh đầu nhỏ của một người đàn ông hấp dẫn, có cằm vuông với mái tóc đen xoắn. Các đặc điểm của anh ta rõ ràng là Slavic, vững vàng và mạnh mẽ, nhưng đôi mắt anh ta có một cái nhìn vô hồn gây lo lắng. “Người này rõ ràng đã được cấy cùng một chip như Sasha,” Katherine nói, vẫn đang đọc. “Nhưng thật kỳ lạ—không có dữ liệu nào sau phẫu thuật. Không có gì cả.” “Chúng ta có thể nói khi ra ngoài,” Langdon nói, tiến về phía cửa xoay. “Chúng ta phải rời khỏi đây.” Katherine đóng cuốn sổ tay và nhét nó vào túi đeo vai. “Tôi ghét phải nói điều này, nhưng hồ sơ của anh ấy kết thúc quá đột ngột. Không có theo dõi nào. Như thể họ đã đặt chip vào, và... có điều gì đó đã sai. Có thể là anh ấy đã chết.” Suy nghĩ đó thật rùng rợn, nhưng nó cũng cung cấp thêm vũ khí cho sự áp lực mà họ sẽ có; nếu CIA đã thử nghiệm và giết một bệnh nhân động kinh người Nga không biết gì, thì những hậu quả chính trị có thể nghiêm trọng trong một thế giới đã bất ổn. Khi họ đẩy qua cửa xoay trở lại hành lang, Langdon cảm thấy yên tâm khi thấy hành lang tối om, ánh sáng đã tắt khi họ ở trong phòng thí nghiệm. Chúng ta vẫn còn một mình ở đây. Ánh sáng dưới sàn ngay lập tức bật lên, và Langdon cùng Katherine quay lại hướng cánh cửa đôi mà họ đã đến. Họ chỉ đi được vài bước thì Katherine nắm lấy cánh tay Langdon. “Nhìn kia!” cô thì thầm, chỉ thẳng về phía trước đến cánh cửa có cửa sổ hình bầu dục. Langdon cũng đã nhìn thấy. Ánh sáng bên kia cánh cửa vừa bùng lên. Sau khi hoàn thành cuộc tìm kiếm kỹ lưỡng khu vực y tế, Finch đã tiếp tục quanh góc, nơi ánh sáng dưới sàn bật lên để chiếu sáng lối đi của anh đến cánh cửa đôi ở cuối hành lang. Không hề bất kỳ rủi ro nào, anh đã dừng lại một chút để thò đầu vào phòng Máy tính Nhập vai, nơi anh cảm thấy nhẹ nhõm khi thấy tất cả các ghế VR đều trống và mũ đều gọn gàng. Rồi anh thấy chiếc ghế bàn nằm nghiêng. Và kính trong cửa sổ phòng máy tính bị nứt. Thông thường, Finch sẽ lao ngay qua để kiểm tra máy tính, nhưng anh vừa có một nhận thức đáng lo ngại hơn—một phản ứng chậm trễ với điều gì đó mà anh đã thoáng thấy chỉ vài phút trước trong hành lang... một ánh sáng nhẹ xuyên qua các cửa sổ hình bầu dục của cánh cửa đôi. Ánh sáng trong hành lang RTD đã bật lên. Ai đó đang đến! Dù là một nhóm dọn dẹp, một bảo vệ, hay tệ hơn, Langdon biết anh và Katherine không thể để bị thấy. Không may, họ đang bị mắc kẹt trong một hành lang cùng tắc với không lối thoát ngoài con đường họ đã đến. Langdon vội vàng quay ngược lại hướng phòng thí nghiệm RTD, hy vọng tìm được một nơi để trốn, nhưng khi lại gần cửa phòng sạch, anh nhận ra Katherine đã dừng lại ở giữa hành lang và đang chỉ vào sàn nhà. “Robert,” cô thì thầm. “Đây là dấu lốp xe!” Langdon đã thấy những dấu vết trước đó—một dấu vết của những vết xước đã bị mòn.

vào sàn nhà bóng loáng bởi những bánh xe của xe nâng. Trong sự bối rối của mình, Katherine lập tức chạy nhanh qua bên cạnh anh, vẫy tay ra hiệu cho anh theo chân cô hướng về phía ngõ cụt. Cô ấy đang làm gì vậy?! Không có lối thoát! Một lúc sau, Langdon phát hiện ra điều mà Katherine đã thấy: dấu vết của những bánh xe tiếp tục dọc theo hành lang và biến mất... bên dưới bức tường xa. Không thể... trừ khi... Langdon bắt đầu chạy nhanh, đuổi kịp Katherine khi còn cách cuối hành lang mười lăm thước. Anh nhìn thấy thấu kính điện và chạy về phía nó, vẫy tay để kích hoạt cảm biến. Toàn bộ bức tường bắt đầu trượt, thu vào một cách mượt mà sang bên trái, mở ra một đoạn hành lang tối tăm bên kia. Không khí thoát ra từ lỗ hồng cảm nhận được rõ ràng là lạnh hơn. Không hề chậm lại, anh và Katherine chạy qua lỗ hồng và chỉ trong vài thước, cả hai đã lao vào trong bóng tối đột ngột. Họ dừng lại bên một lan can kim loại ngay khi bức tường rút lại đóng lại phía sau. Ánh sáng nhẹ nhàng lan tỏa để hiện ra cảnh vật xung quanh. Langdon giật mình nhận ra họ đang đứng trên một đoạn dốc bê tông xoắn xuống xung quanh chu vi của một khoảng trống hẹp. Khi anh nhìn qua lan can vào trong bóng tối bên dưới, anh nhận

ra rằng Threshold thực sự lớn hơn đáng kể so với những gì họ đã thấy... và nó tiếp tục theo một hướng đáng lo ngại. Xuống.

CHƯƠNG 107

Đại sứ Nagel vội vã xuống cầu thang bằng đá cẩm thạch của đại sứ quán, cảm thấy hơi không vững, điều này không có gì bất ngờ khi cô vừa dùng sức mạnh để ép giám đốc CIA và đã uống một ly cocktail vào buổi chiều. Dana đâu rồi? Sĩ quan Scott Kerble đã hứa sẽ đưa đại diện truyền thông lên trên để gặp đại sứ, nhưng Dana thì không bao giờ xuất hiện. Kỳ lạ thay, Kerble cũng không ở đâu thấy. Khi Nagel đến văn phòng của Dana, đại diện truyền thông cao ráo đang quỳ gối, tuyệt vọng đóng gói đồ đạc cá nhân và chất chúng vào một chiếc hộp các tông. Dana ngược lên, đôi mắt sung húp nhìn cô với vẻ khinh bỉ, rồi lại tiếp tục đóng gói. Không tốt. Đại sứ mất một chút thời gian để tập trung lại trước khi nói. “Cô Daněk, có phải Scott Kerble đã bảo cô đến văn phòng của tôi?” “Có.” “Và cô đã phớt lờ anh ta?” “Tôi không làm việc cho cô nữa,” cô ta nói với vẻ cay đắng. Nagel hít một hơi sâu, bước vào và đóng cửa lại sau lưng. “Dana, tôi thấy cô đang tức giận. Tôi cũng từng rất quan tâm đến Michael Harris, nhưng—” “Đó là một lời nói dối,” cô ta lầm bầm mà không nhìn lên. “Tôi đã quan tâm đến Michael,” cô ta khẳng định, “và tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho bản thân mình vì đã đặt anh ấy vào tình huống nguy hiểm. Tôi đã bị ép bởi các cấp trên của mình. Đó là sai trái, và tôi xấu hổ. Tôi sẽ giải thích tất cả cho cô vào một thời điểm nào đó, nhưng ngay bây giờ điều quan trọng là chúng ta phải tìm Sasha Vesna, và tôi rất cần sự giúp đỡ của cô.” “Tại sao tôi phải giúp cô?” Dana đáp lại. “Cô lẽ ra phải biết rõ hơn là ép Michael vào một mối tình với một người lạ—một kẻ lạ lẫm đã giết chết anh ấy!” “Sasha không giết Michael,” Nagel đảm bảo với cô. “Sự thật là Sasha cũng đang gặp phải nguy hiểm lớn—có thể từ chính người đã giết Michael—và tôi cần cô giúp tôi tìm cô ấy càng sớm càng tốt.” “Tại sao cô lại quan tâm đến cô ta đến vậy?” Nagel tiến gần hơn và hạ giọng xuống thì thầm. “Dana, tôi xấu hổ phải nói điều này, nhưng giống như Michael... Sasha là nạn nhân của chính chính phủ tôi.” Cô ấy là một tài sản của CIA... mà thậm chí còn không biết. “Tôi cảm thấy có trách nhiệm phải giúp cô ấy.” Cô dừng lại, giữ ánh mắt của Dana. “Và tôi tin rằng Michael đã muốn cô giúp Sasha nữa.” Người phụ nữ trẻ đáng vẻ như một bức tượng bất ngờ run rẩy, quàng tay lên người và siết chặt hàm như thể đang cố gắng ngăn nước mắt rơi. Nagel nhớ rằng khi ai đó đẹp đến mức nổi bật như Dana Daněk, thì thật dễ để quên đi những yếu đuối của họ. “Tôi sẽ không bao giờ có thể tin tưởng cô nữa,” Dana nói, giọng cô ọp ẹp. “Tôi chẳng có gì để mất,” Nagel đáp lại. “Dana, tôi đang cố gắng mua lại linh hồn mình bằng mọi giá. Và biết đâu giá trị, tôi vừa đốt cầu nối cuối cùng của mình. Tôi đã gọi cho sếp cũ và đe dọa chính phủ Hoa Kỳ.” Dana nhìn cô với vẻ hoài nghi. “Sếp cũ của cô? Cô đe dọa giám đốc CIA?” “Tôi có.” Nagel gửi cho cô một nụ cười gương gào. “Như tôi đã nói, không còn gì để mất. Tôi vừa mới biết một số tin tức rất đáng lo ngại về một chương trình mà tôi đã giúp thực hiện, và hy vọng duy nhất của tôi để ngăn chặn nó và chứng minh sự vô tội của bản thân chính là một đoạn video mà tôi vừa nhận được—một lời thú tội trước lúc chết của người đứng đầu chương trình—” “Đại sứ?” một người đàn ông lên tiếng từ phía sau cô. Nagel quay lại thấy một người đàn ông là sĩ quan Scott Kerble, đang nhìn qua khe hẹp của cánh cửa mà anh vừa mở ra một cách lén lút. “Hầu hết mọi người đều gõ cửa trước,” Dana quát. “Scott?” Nagel nói. “Anh ở đâu vậy? Anh lẽ ra phải—” “Tôi xin lỗi, thưa bà.” Giọng anh nghe có phần nghiêm khắc không giống thường lệ. “Xin lỗi, tôi đã được yêu cầu phải...”

“giữ bạn lại.” Nagel nhìn người bảo vệ an ninh đáng tin cậy của mình, không nghi ngờ gì về những gì vừa xảy ra. “Có lệnh từ giám đốc CIA?” “Xin mời đi theo tôi.” “Bạn không thể bắt giữ đại sứ!” Dana nói. “Cô ấy là sếp của bạn!” Kerble lắc đầu. “Chúng tôi là lính quân đội Mỹ.” Dana nhìn vào Nagel, người đã xác nhận điều đó bằng một cái gật đầu. Thật không may, các bảo vệ an ninh Thủy quân lục chiến nhận lệnh từ những cấp bậc cao hơn rất nhiều. Đại sứ giờ đây đang hồi hận sâu sắc về quyết định giao cho Kerble chiếc túi ngoại giao. Chiếc video duy nhất của tôi... “Thưa Đại sứ?” Kerble trông thật sự không thoải mái. “Xin mời đi theo tôi.” “Tất nhiên rồi, Scott. Tôi chỉ cần một lát. Cô Daněk đã nộp đơn từ chức, và tôi muốn có một chút thời gian riêng tư để nói lời tạm biệt—” “Hai tay đưa ra phía trước!” một giọng nói trầm command khi cửa mở ra để lộ hai Thủy quân lục chiến khác đang đứng chờ phía sau Kerble. Họ dường như cảm thấy có trách nhiệm hỗ trợ cho đặc vụ chính của họ, người mà sự lịch sự đang không mang lại kết quả gì. “Còn tay là không cần thiết,” Nagel nói. “Tôi sẽ đi một cách êm thấm, nhưng tôi muốn nói chuyện nhanh với cô—” “Điều đó không thể,” người lính Thủy quân lục chiến đầu

tiên gắt gỏng, tiến vào qua cửa. “Xin cho tôi thấy cổ tay của cô, thưa bà.” Không thể tin nổi, Nagel nhìn về phía Kerble, người có biểu cảm đã trở nên lạnh lùng rõ rệt khi đứng trước các đồng nghiệp của mình. “Cho anh ta thấy cổ tay của cô,” Kerble ra lệnh. “Và không nói thêm một câu nào với cô Daněk. Chúng tôi có lệnh. Không được liên lạc thêm với bất kỳ ai. Chúng tôi đã niêm phong văn phòng của cô và sẽ tiến hành tìm kiếm nó, cùng với phần còn lại của đại sứ quán.” “Tìm kiếm?” Nagel cảm thấy sự kiểm soát duy nhất của mình đang dần tuột khỏi tay. “Tim... điều gì?” Kerble đã phớt lờ câu hỏi và quay sang Dana. “Cô Daněk, nếu cô đã nộp đơn từ chức, cô sẽ cần rời khỏi đại sứ quán ngay lập tức. Cô có hiểu không?” “Tôi hiểu... nhưng—” “Có phải những đồ vật cá nhân của cô trong chiếc hộp đó không?” Dana gật đầu. Kerble đi về phía chiếc hộp, nhìn vào bên trong, rồi liếc nhìn lại Nagel, bắt gặp ánh mắt của cô trong một khoảnh khắc khi các Thủy quân lục chiến khác tập trung vào việc trói cổ tay cô. Cô quan sát khi Kerble cúi xuống bàn làm việc của Dana và ghi điều gì đó lên một mảnh giấy dính. Sau đó, trong một động tác mượt mà, anh rút chiếc túi ngoại giao mà Nagel đã đưa cho anh từ túi ngực của bộ quân phục, dán mảnh giấy dính lên đó, và cho chiếc túi vào trong chiếc hộp, giấu nó khỏi tầm nhìn bên dưới những đồ đạc của Dana. Liệu anh ta vừa mới làm điều đó thật sao?! Với vẻ mặt lạnh như băng, Kerble bước trở lại phía Nagel, người giờ đây đã bị kềm lại bằng một bộ còng tay nylon tiêu chuẩn. “Thưa Đại sứ,” anh nói, “tôi khuyên cô nên tuân theo lệnh của những người này mà không do dự. Đó là vì sự an toàn của chính cô.” Trước khi Nagel kịp trả lời, Kerble đã quay trở lại với Dana. “Cô Daněk!” anh nói với giọng nghiêm khắc, không để lại nghi ngờ ai là người nắm quyền. “Thời gian kết thúc— thu dọn chiếc hộp đồ cá nhân của cô và rời khỏi địa điểm này ngay lập tức!” Dana trông sợ hãi khi cô cầm chiếc hộp bìa các tông và vội vàng đi qua đại sứ đang bị còng tay, hướng thẳng đến lối ra. Nagel đang gặp phải vấn đề nghiêm trọng. Scott Kerble quan sát khi các sĩ quan của anh dẫn đại sứ xuống cầu thang phục vụ hướng về tầng hầm. Đã phục vụ cho các nhà ngoại giao suốt sự nghiệp của mình, Kerble chưa bao giờ gặp ai mà anh kính trọng và tin tưởng hơn Heide Nagel. Quyết định hấp tấp của anh để phá vỡ hàng ngũ và bảo vệ cô đã trở thành một phản xạ... một bản năng trực giác... và anh đã làm điều đó với không ít rủi ro cho sự nghiệp của mình. Có điều gì đó không ổn ở đây... Giám đốc CIA Gregory Judd không cung cấp cho nhóm của Kerble bất kỳ chi tiết nào—chỉ có một lệnh trực tiếp; đại sứ sẽ bị nhốt trong phòng tình huống của đại sứ quán, dưới sự canh gác, và bị giữ cho đến khi có thông báo thêm. Rất không bình thường. Thậm chí kỳ lạ hơn, giám đốc đã ra lệnh tiến hành một cuộc tìm kiếm nghiêm ngặt trong văn phòng riêng của đại sứ để thu thập bất kỳ và tất cả phương tiện kỹ thuật số—máy tính, ổ cứng, DVD, USB, v.v.—mà chỉ có thể hợp lý trong hai kịch bản. Hoặc họ nghi ngờ Nagel là một gián điệp, điều này thật vô lý, hoặc giám đốc sợ rằng cô có thông tin có thể gây hại cho cơ quan này. Kerble cảm thấy tự tin rằng bất cứ điều gì mà giám đốc hi vọng sẽ tịch thu đã rời khỏi tòa nhà... trong một chiếc hộp bìa các tông cùng với Dana Daněk. Giữ nó an toàn, đại sứ đã nói với anh. Đừng nhắc đến với ai. Kerble không biết nội dung của chiếc túi có thể là gì, nhưng anh biết Dana sẽ không bao giờ dám mở nó. Hơn nữa, giám đốc CIA sẽ là người cuối cùng mà Dana gọi về chuyện này. Để chắc chắn, Kerble đã dán một mảnh giấy dính ẩn danh vào chiếc túi: D— Đừng cho ai biết về điều này. Ai đó sẽ liên lạc với cô. Chiếc túi đang an toàn, anh nghĩ. Ít nhất là trong thời điểm này. Kerble đã không nói gì với các đồng nghiệp của mình. Cũng như anh chưa đề cập đến hành vi khác thường của đại sứ—bao gồm cả việc cô đến đại sứ quán bằng đi bộ và không có người hộ tống. Nagel là người có đạo đức nhất mà tôi từng gặp, anh tự nhắc nhở mình. Rõ ràng cô ấy đang bị cuốn vào một điều gì đó mà tôi không hiểu. Xem xét rằng đại sứ đang...

giờ đang bị giam giữ, anh nghĩ rằng việc khôi phục chiếc SUV riêng của cô ấy, đưa nó ra khỏi đường và lưu trữ trong sân đậu của đại sứ quán cùng với phần còn lại của đội xe là điều khôn ngoan. Kerble đi đến văn phòng an ninh và lấy bộ chìa khóa khẩn cấp mà họ giữ cho tất cả các phương tiện của đại sứ quán. Sau đó, anh quay ra một trạm máy tính để lấy vị trí của thiết bị theo dõi ẩn mà tồn tại trong bất kỳ phương tiện nào có thể chở đại sứ. Kerble biết rằng chiếc SUV ở gần đây, vì đại sứ đã đi bộ về nhà, nhưng việc sử dụng tọa độ GPS sẽ giúp anh tiết kiệm thời gian quý báu lang thang trên đường phố. Anh chờ một chút khi thiết bị theo dõi được kích hoạt. Khi chấm chớp sáng xuất hiện trên bản đồ của Prague, Kerble nhìn chăm chăm trong sự bối rối. Phương tiện đó chắc chắn không đậu gần đây như mong đợi. Thay vào đó, nó đậu cách xa ba dặm... trên đỉnh đồi trên Folimanka Park. Nhiều tầng dưới lòng đất, The Golém bước đi qua kho SMES về phía mười hai bình Cryofab chứa helium lỏng. Đỉnh của mỗi bình lớn đều có một lưỡi dao điện tử và van được gia cố kết nối với một ống cách nhiệt dẫn vào SMES. Trên

tường gần các bình có một bảng điều khiển phát sáng mang một sơ đồ của tất cả mười hai bình chứa và trạng thái khác nhau của chúng. Từ mọi dấu hiệu, màn hình điều chỉnh dòng chảy của helium đến mỗi bình. The Gollem không biết cách sử dụng bảng điều khiển này, cũng không có ý định thử. Những gì anh dự định không yêu cầu sự khéo léo. Có một cách rất đơn giản để ngăn chặn dòng chảy của chất lỏng siêu lạnh vào SMES. Anh tiến lại gần bình chứa đầu tiên, một bình thép không gỉ, cao hơn anh. Khuôn mặt dính đầy đất sét của anh phản chiếu lại. Tôi không phải là quái vật, anh nhắc nhở mình, biết rằng lớp vỏ bên ngoài của anh, giống như của mọi người, là một ảo ảnh che giấu sự thật bên trong. Tôi là người bảo vệ cô ấy. Như dự kiến, ở đầu mỗi bình bên cạnh đồng các kết nối điện tử và van, có một van ngắt tay—một van có thể xoay trong trường hợp khẩn cấp để dừng dòng chảy của helium. Đơn giản như việc tắt vòi tưới. Theo tất cả những gì anh đã đọc, phản ứng dây chuyền chậm sẽ bắt đầu ngay sau khi dòng chảy của helium bị dừng lại, khiến các cuộn siêu dẫn bắt đầu nóng lên, mất một phần độ dẫn điện của chúng, kháng lại dòng điện... và khởi đầu một chu trình phản hồi chết người. Kháng nhiệt Kháng nhiệt Kháng... Khi tôi đóng van lại, anh ước lượng, tôi sẽ có khoảng hai mươi phút. Sau thời gian đó, các cuộn dây sẽ nóng lên và đạt đến nhiệt độ đỉnh—"giới hạn quench" khi tất cả helium lỏng trong hệ thống sẽ bắt đầu sôi... chuyển sang khí. The Gollem hình dung về ống thông quench ở trên đầu anh, hiện đã được niêm phong, và anh tưởng tượng về đám mây khí helium đang mở rộng nhanh chóng cố gắng thoát ra an toàn trong một cột nước phun của hơi lạnh helium. Không còn khả thi nữa, anh nghĩ. Hôm nay sẽ là một kịch bản khác. Đám mây khí đang mở rộng nhanh chóng sẽ không tìm thấy lối thoát và sẽ bắt đầu áp dụng áp lực khổng lồ lên mỗi inch vuông của buồng kín này. Bao gồm cả lên các đĩa nứt. The Gollem hít một hơi sâu và quan sát hàng loạt bình chứa. Anh có thể đã hình dung áp lực trong kho đang tăng lên... ép ra khỏi các bức tường bê tông dày... khiến các đĩa nứt trong mỗi bình bị hỏng. Rất đột ngột, sẽ có khoảng hai mươi ngàn lít helium lỏng phơi bày ra không khí. Phản ứng dây chuyền sẽ là tức thời và không thể dừng lại—một sự kiện mở rộng thảm khốc—bạo liệt và tàn phá như việc kích nổ một đầu đạn mạnh mẽ trong không gian nhỏ này. **MỘT CHƯƠNG 108** Khi anh xuống, Langdon cảm thấy mong muốn rằng cuộc trốn thoát của họ qua bức tường thu hồi sẽ đưa đến ánh sáng ban ngày, chứ không phải đến một cái ramp xoắn ốc sâu hơn vào lòng đất. Dù đó là điều hợp lý rằng một nơi trú bomb sẽ có tầng thấp hơn—sau tất cả, các trung tâm chỉ huy hạt nhân tại Cheyenne Mountain và Yamantau Mountain đều được xây dựng dưới hơn một ngàn feet đá granit rắn—Langdon đã hy vọng rằng họ sẽ mang theo chứng cứ mà họ đã thu thập lên và ra khỏi Threshold... chứ không phải sâu hơn vào nó. Với chút may mắn, ai đó đã vào Threshold phía sau họ không phải là một mối đe dọa, nhưng vẫn, Langdon và Katherine đã không lãng phí thời gian bắt đầu cuộc xuống dốc của họ và giữ khoảng cách giữa chính họ và người đang vào phía sau họ. Cuối cùng khi họ đã có được chứng cứ họ cần, giờ đây họ phải tìm cách ra ngoài. Xoắn ốc sâu hơn, họ đã đến đáy của ramp ngay khi một âm thanh đáng sợ vang vọng trên đầu họ—tiếng giày cứng trên bê tông, di chuyển với tốc độ tăng tốc. Đây không phải là một nhân viên dọn dẹp. "Chúng ta cần đi ngay!" Langdon thì thầm. Ở chân ramp, có một bức tường thu hồi khác, giống hệt như bức ở trên. Họ vội vàng đi qua nó và thấy mình trong một hành lang kỳ lạ dài khoảng ba mươi feet.

dài. Trong ánh sáng mờ ảo, các bức tường, trần, và sàn nhà màu đen mờ tạo ra một bầu không khí giống như một nhà tang lễ hơn là một cơ sở công nghệ. "Đây là một thế giới khác bên dưới này..." Katherine thì thầm. Dù họ đang ở đâu, Langdon ước tính rằng họ chỉ có chưa đầy hai mươi giây để tìm một nơi ẩn nấp. Đường ramp xoắn ốc đã khiến anh ngày càng trở nên choáng ngợp, và lối ra ở Crucifix Bastion dường như càng lúc càng xa hơn với mỗi bước đi. Bị phát hiện ở đây sâu bên dưới, Langdon bây giờ lo sợ điều đó sẽ dẫn đến việc báo động vang lên, khiến việc trốn thoát gần như không thể. Họ chạy xuống hành lang âm đạm, đi qua một cửa sổ dài bên phải, bên kia là một biển ánh sáng xanh và đỏ lấp lánh trong bóng tối. Langdon chỉ có thể mơ hồ nhận ra hình dáng của hàng chục giá máy tính khổng lồ được chứa bên trong một cái lồng lưới. "Bảo vệ Faraday..." Katherine thì thầm. "Những máy tính đó chắc chắn là máy tính lượng tử." Langdon biết rất ít về máy tính lượng tử, ngoại trừ việc chúng cần có một lớp bảo vệ khỏi các tia vũ trụ và những dạng bức xạ khác. Một lý do nữa khiến Threshold nằm dưới mặt đất? Khi họ đi ngang qua cửa vào phòng máy tính, Katherine không hề chậm lại, rõ ràng chia sẻ với trực giác của Langdon để không mắc kẹt bên trong một cái lồng kim loại thực sự. Hành lang rẽ gấp trái, và khi họ quẹo vào góc, nhiều ánh sáng dịu dàng bật lên, chiếu sáng một đoạn hành lang dài hơn tương tự như bóng tối. "Ồ đó!" Katherine thì thầm, chỉ về phía cuối của hành lang. Những gì nằm ở phía trước

thực sự mang lại một tia hy vọng, nhưng Langdon bây giờ nghe thấy âm thanh không thể nhầm lẫn của những bước chân vang lại phía sau họ một lần nữa. Chúng ta sẽ không kịp nữa. Ở xa, hành lang kết thúc tại một cánh cửa kim loại, phía trên có một thông điệp được khắc bằng ngôn ngữ hiệu quả và toàn cầu nhất trên trái đất—một biểu tượng mà toàn bộ ý nghĩa của nó được truyền tải ngay tức thì. Biểu tượng của cầu thang cuốn là một cảnh tượng chào đón, và Langdon cảm thấy tự tin rằng nếu họ có thể leo lên tầng trên, họ có thể tìm đường đến lối ra của bastion theo cách họ đã đến. Nhưng chúng ta không thể đến cầu thang mà không bị phát hiện, anh nghĩ, nghe những bước chân ngày càng gần. Hành lang phía trước có hai cửa khác, cả hai đều ở bên phải. Đáng tiếc, Langdon đã thấy rằng không cửa nào sẽ có ích. Cánh cửa đầu tiên, ngay phía trước, có đánh dấu □□□□□□ □□□□. Nếu nó giống như phòng cung cấp y tế ở trên, không gian đó là một mê cung dài của các kệ với đèn tự động và không có lối thoát. Một cái bẫy tử thần. Cánh cửa thứ hai, ngay bên cạnh, lớn hơn nhiều và được lùi lại vài feet trong một alcove xếp nếp. Bất cứ điều gì nằm bên trong cánh cửa dường như quan trọng, vì Langdon có thể nhìn thấy từ đây nó được trang bị một thiết bị bảo mật quen thuộc—một đĩa kính đen hình tròn. Một máy quét RFID... mà chúng ta không còn được ủy quyền nữa. Những bước chân phía sau họ đang trở nên lớn hơn. Khi họ tiếp cận cánh cửa phòng cung cấp, Langdon chậm lại và dừng lại khi một ý nghĩ xuất hiện. Một trong những bí ẩn lớn của ý thức là ý tưởng đến từ đâu. Katherine cho rằng tâm trí là một bộ thu phát sóng vào một lĩnh vực ý thức lớn hơn. Gessner cho rằng não bộ là một máy tính mà hàng triệu công tắc thần kinh chỉ đơn giản giải quyết vấn đề. Vào lúc này, Langdon không quan tâm ai là đúng. Nguồn gốc của ý tưởng của anh không còn quan trọng. Điều duy nhất quan trọng là anh đột nhiên biết chính xác phải làm gì. Tại sao anh lại dừng lại?! Katherine quay lại nhìn Langdon, người đang mở cánh cửa phòng cung cấp. Rõ ràng họ không thể đến cầu thang ở cuối hành lang mà không bị nhìn thấy, nhưng việc ẩn nấp trong phòng cung cấp có vẻ như là tự sát. Cô vội vàng quay lại để ngăn anh, nhưng Langdon đã bước vào trong. Những ánh sáng huỳnh quang ngay phía trên bật sáng để chiếu sáng lối vào của mê cung kệ đồ hẹp kéo dài về phía họ trong bóng tối. Không chút do dự, Langdon đã nhặt một chai chất tẩy rửa từ kệ và, như một người chơi bóng Bowling, ném chai xuống con đường giữa các kệ. Nó lăn lông lốc trên sàn và trượt đi cho đến tận cuối mà không chạm vào bên nào, kích hoạt hàng loạt đèn chuyển động vào những nơi sâu nhất của phòng cung cấp. Ngay cả trước khi chai chạm vào tường xa, Langdon đã lùi bước vào hành lang. Anh đóng cửa nhưng để hở một khe, cho phép một chút ánh sáng huỳnh quang chảy vào hành lang u ám. Sau đó, anh nắm lấy tay Katherine và kéo cô nhanh hết mức có thể theo hướng mà họ đang đi, về phía cánh cửa cầu thang vẫn còn ít nhất bốn mươi thước. Khi họ chạy, cô cảm thấy được tiếp thêm hy vọng bởi một sự lạc quan bất chợt, khi vừa nhận ra sự suy nghĩ thông minh của Langdon. Chúng ta không cần phải đến cuối hành lang ngay bây giờ... Khi cô dự đoán, khi họ gần đến alcove lùi với máy quét RFID, Langdon rẽ sang phải một cách mạnh mẽ, kéo Katherine theo sau.

anh vào trong góc. Khe hở này nông—ít hơn ba feet sâu—và họ xoay người lại, đứng dựa lưng vào chiếc cửa kim loại nặng giá lạnh, làm cho mình cao và thanh mảnh nhất có thể, hy vọng khe hở đủ sâu để che giấu họ khỏi tầm nhìn. Một lúc sau, âm thanh của những bước chân bước vào hành lang và dừng lại. Có một khoảng lặng dài. Rồi Katherine nghe thấy âm thanh không thể nhầm lẫn của một khẩu súng đang được lên đạn. Đôi mắt của Jonas Faulkman mở to ra một cách đột ngột, và ông nhận ra mình đã ngủ gật ở bàn làm việc. Ông không chắc tại sao mình lại tỉnh dậy đột ngột—có lẽ là do âm thanh của mưa đang rơi xuống vào cửa sổ của mình—nhưng khi ông đứng dậy để căng cơ, ông ngạc nhiên khi cảm thấy nỗi sợ hãi mờ nhạt trở lại. Mọi thứ đều ổn, ông tự nhủ.

CHƯƠNG 109

Langdon và Katherine đứng thẳng, sát cạnh nhau mà hầu như không thở. Lưng họ thực sự dựa vào tường, hay chính xác hơn, dựa vào một cánh cửa thép cực kỳ rộng. Mặc dù họ đã chui vào khe hở này mà không ai phát hiện, sự xuất hiện của họ kèm theo âm thanh không thể chào đón hơn của một khẩu súng đang được lên đạn. Langdon đứng yên, hy vọng rằng những ánh đèn huỳnh quang đang sáng rực trong phòng cung cấp sẽ đủ nghi ngờ để yêu cầu một cuộc tìm kiếm. Chúng ta chỉ cần một phút phân tâm. Nếu không... họ sẽ bị mắc kẹt. Những bước chân bắt đầu diễn ra chậm rãi, tiến lại gần hơn. Sau vài giây căng thẳng, Langdon đã thấy một hình ảnh chào đón—một vệt ánh sáng huỳnh quang mờ ở tường xa. Ai đó đã mở cửa phòng cung cấp! Đột nhiên, ánh sáng huỳnh quang biến mất, và Langdon nghe thấy cửa phòng cung cấp khép lại. Ông đã vào bên trong hay sao?! Langdon nín thở để lắng nghe bước chân,

nhưng chỉ có im lặng. Katherine di chuyển bên cạnh ông, và ông cảm nhận được bàn tay của cô cố gắng tìm tay ông bên hông. Trong giây lát, ông nghĩ rằng cô đang tìm kiếm sự ủng hộ về mặt cảm xúc, nhưng rồi ông cảm thấy cô ấn một vật nhỏ vào lòng bàn tay ông. Ông nhìn xuống và thấy một chiếc gương bỏ túi, mà cô vừa lấy ra từ túi. Langdon mở gương bằng ngón cái và cẩn thận kéo nó ra chỉ một inch qua mép khe hở. Trong hình ảnh nhỏ bé, ông hy vọng sẽ thấy một hành lang trống rỗng. Nhưng thay vào đó, ông thấy hình dạng không thể nhầm lẫn của một trong những người đang tiếp cận, lén lút tiến về phía họ. Người đàn ông đó đã lớn tuổi, tóc bạc, mặc bộ vest tối màu, và đeo kính. Dù người này là ai, ông ta không bị đánh lừa. Khẩu súng ngắn của ông ta đã được nâng lên, đang hướng về phía họ. Everett Finch liếc qua nòng của khẩu súng SIG Sauer đang giờ ra và quan sát hành lang phía trước. Kẻ xâm nhập đã ở gần. Ai đó đã đột nhập vào tầng dưới của Threshold không phải để trốn trong một kho cung cấp; họ đã đến để tìm kiếm điều gì đó khác. Và nếu họ đã đến được đây, họ đang gần gũi với việc khám phá ra bí mật nhạy cảm nhất của Threshold. Khi Finch tiến lên, ông giữ tâm trí tập trung vào nơi ẩn náu duy nhất trong hành lang—cánh cửa sâu vào bên phải, chỉ đủ sâu để che giấu bất kỳ ai đứng thẳng với cánh cửa kim loại nặng. Ông ôm sát vào bên trái của hành lang, di chuyển bằng những bước đi rón rén, giữ súng nhắm về phía góc. Khi góc nhìn của ông tốt hơn, nó bắt đầu tiết lộ phần bên trong của khe hở. Khi cuối cùng ông thoáng thấy mép bên trái của cánh cửa kim loại, Finch lao về phía trước với hai bước dài và khom xuống, vung tay ra và ngắm chuẩn xác. Thật bất ngờ, khe hở lại trống rỗng. Langdon và Katherine đứng đối mặt, tim đập nhanh. Điều gì vừa xảy ra?! Vài giây trước, khi lưng họ dựa vào cánh cửa thép rộng, Langdon đã rung mình trước hình ảnh của một người đàn ông tiến gần về phía họ với khẩu súng. Khi ông ép mình vào cánh cửa, ông cảm thấy bỗng nhiên như mình đang mất thăng bằng—nhưng rồi đôi mắt của Katherine mở to với sự hoài nghi, và Langdon nhận ra điều gì vừa xảy ra. Cánh cửa nặng nề phía sau họ... đã di chuyển. Langdon lại dựa mạnh vào, cùng với Katherine. Cánh cửa được lò xo và cứng, nhưng khi họ chống chân và đẩy mình ra sau, cánh cửa đã mở ra. Thật không có lý khi ở gần một bộ quét RFID, nhưng khi ông và Katherine len lỏi qua, Langdon nhận ra tấm đệm ở khung cửa đã bị nhồi bằng một loại vải xanh nào đó, rõ ràng là để giữ cho nó không bị khóa. Ai đã giữ cánh cửa này mở?! Lo sợ kẻ cầm súng trong hành lang, Langdon theo bản năng kéo vật liệu xanh ra khỏi tấm đệm và lặng lẽ để cánh cửa khép lại. Cánh cửa khép lại và khóa lại. Vật liệu trong tay ông, giờ ông nhận ra, không phải vải mà thực ra là vinyl hay cao su—một chùm lá nhân tạo có lẽ đã bị kéo ra từ cây ficus giả ngay bên trong cửa. “Đúng là vận may kỳ diệu,” Langdon thì thầm với sự kinh ngạc. Katherine trông có vẻ ít cảm thấy nhẹ nhõm hơn ông mong đợi. “Trừ khi ai đó

“Muốn chắc chắn rằng chúng ta có thể ra ngoài.” “Ý bạn là gì?” Cô chỉ vào một máy quét RFID thứ hai trên bức tường bên cạnh cây ficus. “Robert, bạn cũng cần một thẻ để ra ngoài. Ai đó đã cố gắng ch giữ cánh cửa này mở... nhưng giờ chúng ta đã khóa chặt ở đây.” Golêm nắm lấy bánh xe xoay trên bình chứa heli thứ tư và vặn nó sang bên phải, đúng như cách anh ta đã làm với ba bình đầu tiên. Cuối cùng đã đến lúc. Sau vài lần xoay chặt, van hoàn toàn bị đóng lại, và bảng điều khiển kêu beep khẩn cấp. Biểu tượng cho bình chứa số 4 chuyển sang màu đỏ. □□. Bốn đèn tín hiệu liên tiếp giờ đang phát sáng đỏ với cảnh báo, bên cạnh tám cái vẫn đang chiếu sáng màu xanh lá cây. Anh bắt đầu lại quá trình cho bình chứa số 5, làm chậm rãi khi bánh xe quay. □□. Golêm đi dọc theo hàng, tắt từng van. Mỗi lần anh đóng một bình chứa, bộ điều khiển phát ra tiếng ping và thực hiện một điều chỉnh, mở dòng heli đến bình chứa dự phòng mới. Mặc dù rất mong muốn hoàn thành công việc, Golêm di chuyển chậm và duy trì nhịp thở chậm, sâu để tránh một cơn co giật khác. Mục tiêu của anh giờ đã trong tầm nhìn, và anh buộc mình phải cẩn thận. Khi anh đóng từng van, anh nhớ lại trong đầu các bước anh sẽ thực hiện để thoát khỏi đây. Hai mươi phút sẽ là đủ thời gian... Một tiếng chuông lớn vang lên, kéo Golêm trở lại khỏi những suy nghĩ của mình. Bảng điều khiển nhấp nháy cảnh báo và phát ra những tiếng beep ngày càng khẩn cấp. Màn hình hiển thị cho thấy mười một bình chứa đã tắt. Tất cả các bình chứa trừ #12 giờ đây đã được ngắt kết nối bằng tay khỏi SMES. Quan trọng hơn, chín trong số các bình chứa đó được liệt kê là 100% đầy. Hàng nghìn ký lô heli lỏng trong không gian nhỏ bé này. Golêm hít một hơi sâu và xem lại kế hoạch của mình lần cuối, sau đó đặt tay lên bánh xe xoay của #12. Tôi làm điều này vì bạn, Sasha, anh nghĩ khi bắt đầu đóng van. Ngưỡng đã được xây dựng bằng máu của bạn. Máu của chúng ta. Van dừng lại, hoàn toàn đóng. Và giờ tôi đã phá hủy nó. Tại trụ sở CIA ở Langley, Giám đốc Judd ngồi một mình trong phòng truyền thông an ninh của mình. Ông đang cố gắng hình thành phản ứng phù hợp với video đáng sợ mà

ông vừa chứng kiến. Một nhóm kỹ thuật viên đã xóa video khỏi Internet, nhưng điều đó không mang lại chút an ủi nào; người đã thẩm vấn Gessner có thể đơn giản đăng lại bất cứ lúc nào. Nếu video này bị rò rỉ, Judd không nghi ngờ rằng nó sẽ lan truyền ngay lập tức—trên toàn cầu. Nó không chỉ có cảnh tra tấn tàn bạo một nhà khoa học nổi tiếng, mà video còn chứa một lời thú nhận tiết lộ sự tồn tại của một dự án tình báo Mỹ cực kỳ bí mật... bao gồm cả vị trí... những bước đột phá công nghệ... và việc sử dụng các đối tượng con người không tự nguyện. Hậu quả sẽ không giống bất cứ điều gì mà CIA từng trải qua.

CHƯƠNG 110

Langdon quan sát căn phòng nhỏ mà anh và Katherine vừa mới chạy thoát. Dù nơi này là gì... Tôi vừa khóa chặt chúng ta lại. Không gian cảm thấy rõ ràng mềm mại hơn so với hành lang vô trùng bên ngoài; nó có thảm, một số cây nhân tạo thực tế, và thậm chí một loạt các bức tranh trừu tượng trên tường. Có một lối mở hình vòm ở phía trước họ, và anh nhìn nó với sự lo lắng. Ở phía bên kia, một đường hầm bê tông rộng cong sang trái và khuất tầm mắt. Ba điều về lối đi ngay lập tức gây cảm giác bất an cho Langdon. Thứ nhất, đèn trong đường hầm đã bật—xanh nhạt trên những bức tường xám—gợi ý rằng có thể có ai đó khác đang ở bên trong. Thứ hai, sàn của đường hầm nghiêng xuống, và Langdon do dự khi tiến vào sâu hơn trong lòng đất. Và cuối cùng, rõ ràng từ các thẻ RFID cần thiết để vào và ra khỏi khu vực này rằng đường hầm có khả năng dẫn đến khu vực an toàn nhất của Ngưỡng—hơn là dẫn đến một lối thoát. Trong một khoảnh khắc thoáng qua, Langdon tự hỏi liệu động thái an toàn nhất có phải là đầu hàng hay không, nhưng anh có một nghi ngờ ngày càng lớn rằng người đàn ông lớn tuổi, diện mạo chinh tề đang theo sau họ có thể thực sự là ông Finch—một người mà, theo đại sứ, không tha thứ và sẽ không dừng lại trước bất cứ điều gì để bảo vệ Ngưỡng. Chúng ta cần một nơi để ẩn náu... ngay bây giờ. Langdon đuổi kịp Katherine khi họ đi xuống đường hầm, nơi họ theo đến một cổng vòm khác. Cửa vào này được khung bằng đá đen sang trọng, với một cánh cửa lớn xoay bằng kính mờ. Bề mặt trong suốt được khắc bằng một hình ảnh quen thuộc: Langdon và Katherine trao nhau một cái nhìn im lặng. Dường như mọi thứ họ đã thấy cho đến bây giờ—các bác sĩ phẫu thuật robot, phòng lab VR, nơ-ron nhân tạo, và chip máy tính—chỉ là phần mở đầu cho những gì nằm ngoài cánh cửa này. Với một cú dâng trào adrenaline, Langdon di chuyển đến cánh cửa và đẩy nó mở vừa đủ để nhìn vào bên trong. Thật ngạc nhiên, anh cảm thấy ánh mắt mình ngay lập tức chuyển hướng về một phía mà anh không hề dự đoán dưới lòng đất sâu này.

Lên. Langdon thấy mình đang nhìn lên trần nhà hình vòm cao—a một mái che lồi ra nhẹ nhàng được chiếu sáng từ phía dưới. Vòm tròn gợi cho anh nhớ đến một nhà thiên văn học, và Langdon biết nó đã từng là gì. Vòm là hình thức kiến trúc mạnh mẽ nhất. Đây là “hầm trú ẩn” của Folimanka—phòng an toàn nơi mọi người tụ tập trong một cuộc tấn công—không gian sâu nhất và an toàn nhất của nó. Langdon đã từng thấy một vòm bí mật ngầm khác—cũng thuộc sở hữu của chính phủ Mỹ—được giấu dưới sân golf của khu nghỉ dưỡng Greenbrier ở West Virginia. Hầm trú ẩn hạt nhân riêng tư của Quốc hội Mỹ, Greenbrier Bunker, đã là một trong những bí mật được giữ kín nhất của nước Mỹ trong hơn ba thập kỷ cho đến khi Washington Post công bố một bài điều tra vào năm 1992. Langdon hạ thấp ánh mắt và nhìn quanh căn phòng. Đây chắc chắn không phải là một nhà thiên văn học. Căn phòng rộng lớn và hoàn toàn tròn, và nó trông như không có gì mà Langdon từng thấy trong suốt cuộc đời. Đây là nơi nào? Bối rối, Katherine bước vào căn phòng hình vòm cùng với Langdon. Nhìn qua một lần, nó giống như một hình vẽ về cầu chỉ huy của một chiếc tàu vũ trụ tương lai. Trung tâm của căn phòng được chiếm bởi một nền tảng tròn nâng cao mà trên đó ít nhất hai mươi trạm làm việc mượt mà được sắp xếp như một vòng tròn, tất cả đều quay mặt ra ngoài. Mỗi trạm chỉ huy bao gồm một buồng lái phức tạp—tương tự như một mô phỏng bay. Khi Katherine hạ thấp ánh mắt xuống sàn chính, cô thấy mình không thể hiểu được những gì mình đang thấy. Được sắp xếp một cách chính xác trên sàn thảm sang trọng xung quanh cầu chỉ huy, một loạt các pod kim loại trơn láng, thấp đến bất ngờ, tỏa ra như những nan hoa của một chiếc bánh xe. Mỗi pod sáng bóng giống như một tác phẩm nghệ thuật hiện đại—một vỏ bọc giống như ngư lôi, màu đen bóng, dài ba mét và thẳng hàng với trạm chỉ huy của nó trên cầu. Bối rối, cô tiến về phía pod gần nhất, giờ đây thấy rằng phần trên của mỗi cái thực sự là một tấm kính lồi có màu, được chế tác hoàn hảo đến mức không có đường nối. Cô nhìn xuống qua tấm kính nhưng chỉ thấy bóng tối bên trong. “Những thứ này là gì vậy?” Katherine thì thầm khi Langdon đến bên cạnh cô. Anh nghiên cứu pod một lúc rồi chạm vào một nút ẩn mình ở bên cạnh. Có một âm thanh xì hơi, giống như tiếng xả của một chân không,

và nắp kính của pod mở lên như một cánh cửa gullwing. Ánh sáng mềm mại chiếu sáng bên trong, tiết lộ một nội thất bọc đệm giống như một pod ngủ tương lai. Hoặc một chiếc quan tài. “Nó trông như một phiên bản nâng cao,” Langdon nói, “của pod mà chúng ta đã thấy trong phòng thí nghiệm của Gessner.” Katherine gật đầu, nhìn vào những dây đai Velcro và đầu nối IV. Chiếc máy này rõ ràng là hậu duệ của nguyên mẫu thô sơ mà họ đã thấy thân thể của Gessner... chiếc máy định hình treo có khả năng giữ một bệnh nhân bị thương nghiêm trọng ở bờ vực của cái chết trong nhiều giờ. Ngoài việc lớn hơn và bóng bẩy hơn cha đẻ của nó, phiên bản này chứa một gói đầu chuyên dụng với lớp bọc da sang trọng và một lỗ kích thích sọ. Lỗ nhìn giống như “khoang cảm ứng” của một máy điện não—khu vực được trang bị các cảm biến từ tính để phát hiện hoạt động nơ-ron—mặc dù Katherine giả định rằng nếu các chip não được sử dụng, lỗ đó có thể chứa một loại công nghệ trường gần hoặc băng thông cực rộng thường được sử dụng để kết nối với các cấy ghép não. Giao tiếp không dây trực tiếp qua sọ, cô nghĩ, cảm thấy rùng mình. Nếu một đối tượng được cấy một chip não H2M tích hợp đầy đủ... và chip đó có khả năng theo dõi thời gian thực... Katherine cảm thấy chóng mặt khi nó bắt đầu đến với cô chính xác điều gì mà căn phòng này được thiết kế để làm. Thật đáng kinh ngạc, cô và Robert đã thảo luận về chủ đề này cả buổi chiều... các trạng thái ý thức thay đổi, trải nghiệm ngoài cơ thể, những chuyến đi thuốc psychedelic, hạnh phúc sau cơn động kinh. Một bức tranh tổng hợp những khái niệm hiện giờ tràn về tâm trí cô: bộ lọc não, sự kết nối phổ quát, khả năng chưa được khai thác của loài người để nhìn thấy một phổ biến thực rộng lớn hơn rất nhiều. Những chiếc sarcophagi lấp lánh này, cô giờ nhận ra, là mảnh ghép cuối cùng của một dự án nghiên cứu mà, chưa đầy một giờ trước, cô sẽ tuyên bố hoàn toàn không thể. Điều này thật sự đang xảy ra? Bên cạnh cô, Langdon ngừng đầu từ pod và nhìn ra toàn bộ vòm. “Nhưng tôi không hiểu... cái gì xảy ra trong căn phòng này?” Câu trả lời cho câu hỏi của anh, Katherine biết, đơn giản như nó khiến người ta bối rối. Nơi này được thiết kế để tiết lộ bí mật bí ẩn nhất của cuộc sống... trạng thái thay đổi cuối cùng của tâm trí... trải nghiệm con người đơn lẻ khó nắm bắt nhất. Khi trọng lượng của khoảnh khắc này đè nặng lên cô, Katherine đưa tay ra và lặng lẽ nắm lấy tay anh. “Robert,” cô thì thầm. “Họ đã xây dựng một phòng thí nghiệm cái chết.” MỘT CHƯƠNG 111 phòng thí nghiệm cái chết. Khi Langdon bắt đầu nắm bắt những hệ quả của sự tiết lộ gây sốc của Katherine, anh cảm thấy một làn sóng câu hỏi mới. Tại sao CIA lại nghiên cứu cái chết? Họ hy vọng tìm thấy điều gì? Dù Langdon thấy thú vị về triển vọng hiểu cái chết, anh lo ngại rằng căn phòng này phục vụ một mục đích tối tăm hơn nhiều so với...

chỉ đơn giản nghiên cứu về ý thức con người hoặc cái chết. Nỗi kinh hoàng khi bắt một người phải trải qua “trạng thái cái chết” vì lý do khác ngoài việc hỗ trợ sự sống dường như là điều không thể chấp nhận. Ngay cả khi bệnh nhân đã bị gây mê hoặc không thể nhớ trải nghiệm... “Tôi cần biết mọi thứ về cuộc nghiên cứu này,” Katherine nói, di chuyển sâu hơn vào dãy các buồng pod. “Chúng ta cần tiếp tục di chuyển,” Langdon thúc giục, liếc nhìn đầy lo lắng về phía lối ra. Anh nhanh chóng gia nhập với cô và chỉ về phía bên xa của mái vòm, nơi có một biển hiệu ghi □□□□□□ / □□□□□□□□. Anh nghi ngờ rằng phòng tiện ích sẽ có một lối ra, nhưng ít nhất nó có thể cung cấp một nơi khác tốt hơn để ẩn náu, và Langdon không thấy lựa chọn nào tốt hơn. Không còn lối thoát. Họ vội vã đi qua mê cung các buồng pod, và giữa mái vòm, Langdon có thể thấy khu vực tiện ích không phải được truy cập qua một cánh cửa... mà là qua một lỗ lớn hình chữ nhật trên sàn. Xa hơn dưới lòng đất? Dù lỗ mở có cầu thang, một cái thang, hoặc một kiểu thang máy nào đó, thì ý tưởng xuống sâu hơn trong lòng đất là một điều mà Langdon không hề thích thú. Hóa ra, xuống sâu không phải là một lựa chọn nào cả. Một tiếng súng vang lên chói tai từ phía sau họ. Tiếng gầm gừ của khẩu súng vang vọng trong mái vòm phía trên. Langdon và Katherine cùng quay lại, đứng như chôn chân tại chỗ, khi người đàn ông tóc bạc trong bộ vest đen tiến lại với súng chĩa vào cả hai. “Tiền sĩ Solomon và Giáo sư Langdon, tôi đoán vậy?” ông ta nói một cách bình tĩnh. Giọng nói của ông rất quen—cùng một giọng miền Nam mà Langdon đã nghe trên điện thoại với đại sứ. Finch. “Các bạn đang chơi một trò chơi nguy hiểm,” ông ta nói, tiến lại gần. “Và tôi e rằng mọi chuyện sẽ không kết thúc tốt đẹp với các bạn.” Finch biết không có gì thu hút hơn tiếng súng trong một không gian kín. Trong các bộ phim, nó khiến người ta chạy trốn, nhưng trong cuộc sống thực, nó có tác dụng làm tê liệt. Ông ta đã thấy thích thú khi nhìn Langdon và Solomon đứng yên tại chỗ, giơ tay, thể hiện dấu hiệu quy phục phổ biến. Mục tiêu của ông giờ đã ở chế độ phản ứng, và Finch nắm giữ tất cả các quân bài. “Hạ cặp túi của bạn xuống, Tiền sĩ Solomon,” ông ta ra lệnh phòng khi cô có một vũ khí trong đó. Solomon tuân theo, đặt túi bên vai của cô xuống sàn. Khi cô làm vậy, Finch thấy chiếc

túi chứa một binder đen dày... không nghi ngờ gì nữa, một trong những tài liệu mật mà họ đã thu thập trên đường đi. Bạn đang làm điều này dễ dàng cho tôi. Theo mọi tài khoản, hai kẻ xâm nhập này vừa mới đột nhập vào một dự án chính phủ bí mật và đánh cắp tài liệu tối mật. Nếu Finch bắn chết họ, sẽ không có cuộc điều tra, nhất là khi họ đã tiến được vào sâu như vậy trong cơ sở hạn chế. Trớ trêu thay, cái chết chính xác là điều mà căn phòng này được thiết kế cho. Tuy nhiên, Finch sẽ cần phải thẩm vấn họ trước tiên... và tìm ra ai khác có liên quan trong việc này, và như thế nào. Đại sứ Nagel rõ ràng là có tội, không chỉ vì đã vượt qua Finch mà còn đe dọa cơ quan. Rất tệ. Giám đốc Judd không còn nghi ngờ gì nữa sẽ đã bắt giữ đại sứ ngay bây giờ và sẽ xử lý với cô một cách thích đáng. Quân bài dờ là Sasha Vesna, ông ta nghĩ, nhớ lại chiếc đèn thần động kinh mà ông ta đã tìm thấy ở trên. Ông vẫn đang vật lộn để chấp nhận rằng Sasha đã giết hai người. Các câu hỏi dành cho sau, ông tự nhủ. Bây giờ, phải quản lý vấn đề hiện tại... hai tù nhân của tôi. Về mặt chiến lược, không có lý do gì để Finch áp chế Langdon và Solomon ra khỏi tòa nhà với vũ khí. Mặc dù đã rất khỏe mạnh ở tuổi bảy mươi, nhưng con người nhỏ thó của Finch sẽ không thể đối phó với Langdon cao sáu feet nếu có bất cứ điều gì xảy ra sai. Đường trở về pháo đài sẽ cung cấp quá nhiều cơ hội cho một cuộc tấn công bất ngờ. Điểm truy cập phụ của Threshold gần hơn, nhưng hiện tại nó đang được sử dụng để xây dựng, và có lính Mỹ canh gác. Finch thoát ra với hai người Mỹ dưới họng súng sẽ gây ra quá nhiều câu hỏi. Và vì vậy chúng ta chờ đợi, ông quyết định, đã ngay lập tức gọi lực lượng hỗ trợ khi tìm thấy thi thể của Housemore. Giúp đỡ đang trên đường đến. Cuộc thẩm vấn sẽ diễn ra tại Threshold, Finch đã tự hào quyết định. Cơ sở của ông cung cấp bí mật và hiệu quả tuyệt vời. Các pod EPR có thể được sử dụng một cách cực kỳ thuyết phục, và nhà thuốc của Threshold tràn ngập các hỗ trợ thẩm vấn, bao gồm cả thuốc làm suy giảm trí nhớ nếu cần thiết “không điều gì trong số này từng xảy ra.” Khi Finch di chuyển chậm rãi về phía hai tù nhân, ông cảm thấy tự tin rằng tình hình hoàn toàn nằm trong tầm kiểm soát của mình. Sự thiếu sót duy nhất của ông—một điều nhỏ—là không kiểm tra viên đạn trong khẩu súng của Housemore, nhưng khi không thấy dấu hiệu của một cuộc đấu súng ở trên, ông gần như chắc chắn rằng khẩu SIG Sauer P226 của cô có một băng đạn gần đầy. Finch không thích sử dụng vũ khí—ít nhất là chưa phải bây giờ—nhưng ông biết sẽ không còn lựa chọn nào khác nếu Langdon và Solomon quyết định xông vào ông. Tôi phải giữ cho họ bình tĩnh. Sự thao túng hiệu quả nhất để kiểm soát tù nhân là đánh lạc hướng họ bằng những suy nghĩ khác. Tiện lợi, Langdon và Solomon vẫn đang

rõ ràng là bị choáng váng bởi những gì họ đã phát hiện ra ở đây, và càng lúc Finch giải thích về Threshold, thì càng rõ ràng đối với cơ quan rằng Langdon và Solomon biết quá nhiều để có thể tự do. Mãi mãi. “Không cần phải bắn đâu,” Langdon tuyên bố khi Finch đến trước mặt họ, súng chĩa vào ngực. “Chúng tôi sẽ ký NDAs của anh. Chỉ cần cho chúng tôi biết anh cần gì.” “Ồ, khoảnh khắc đó đã qua rồi,” Finch trả lời một cách điềm tĩnh. “Các người đã xâm nhập vào một cơ sở tối mật, và các người đã thấy quá nhiều.” “Đúng,” Solomon tuyên bố, giọng điệu đầy phần nộ. “Tôi thấy anh đã đánh cắp bằng sáng chế của tôi.” Sự thiếu sợ hãi rõ ràng của cô khiến Finch hiểu rằng cô vẫn chưa nắm được mối nguy hiểm thực sự của tình huống. “Chúng tôi không đánh cắp gì cả, Tiến sĩ Solomon,” anh nói bình tĩnh. “Cô không có bằng sáng chế. Như cô có thể nhớ, nó đã bị từ chối.” “Nhưng tại sao lại có tất cả các động thái chiến thuật này?!” Langdon yêu cầu. “Tại sao không đơn giản liên lạc với Katherine hoặc nhà xuất bản của cô ấy và giải thích—” “Bởi vì chúng tôi không muốn tự sát,” Finch đáp lại. “Hãy hỏi Tiến sĩ Solomon cô ấy cảm thấy thế nào về việc chia sẻ nghiên cứu với quân đội Mỹ. Cô ấy đã có một cuộc phỏng vấn podcast chỉ trích về điều đó một lần. Tôi không thể mạo hiểm để cô ấy công khai và chia sẻ những mối quan ngại của cơ quan. Hơn nữa, ông Langdon, chúng tôi không có thời gian. Tất cả điều này đã xảy ra rất nhanh chóng tối qua—” “Các thí nghiệm gì đang được tiến hành ở đây?!” Katherine ngắt lời, quan sát các pod EPR với sự kinh ngạc không thể giấu diếm. “Các anh đang nghiên cứu cái chết sao?” “Cô muốn biết bao nhiêu?” Finch hỏi, gật đầu ominously về phía pod gần nhất với họ. “Bước vào và tôi sẽ cho cô xem.” “Điều đó là không cần thiết,” Langdon nói. “Mang bia tài liệu bí mật của anh về đi. Chúng tôi sẽ ký NDAs. Chúng tôi đã thấy một số cơ sở của anh, nhưng chúng tôi hầu như không hiểu gì cả.” Finch cười khẩy. “Những người thông minh giả vờ ngu ngốc? Điều đó chẳng bao giờ thuyết phục, Giáo sư ạ. Hãy để tôi khai sáng cho các người.” “Xin đừng,” Langdon nói. “Tôi nghĩ chúng tôi sẽ thích không biết các anh đang làm gì ở đây.” “Chà, điều đó có vẻ không công bằng chút nào,” Finch nói với nụ cười. “Xét cho cùng, Tiến sĩ Solomon đã giúp xây dựng nó.” Golém đã bước lên thang máy

khí nén để lên lại phòng mái vòm khi tiếng súng vang lên. Hoảng hốt, anh liền bước xuống, đứng chờ im lặng dưới cửa mở. Cuộc trò chuyện ở trên hoàn toàn có thể nghe thấy. Một người đàn ông có vũ trang vừa bắt cóc hai con tin trong mái vòm, và anh đã gọi họ là Tiến sĩ Solomon và Robert Langdon. Tại sao hai người Mỹ lại ở đây, Golêm không có ý tưởng, nhưng không ai trong số họ xứng đáng phải chết. Tuy nhiên, người đàn ông cầm súng chắc chắn xứng đáng. Golêm nhanh chóng nhận ra đó là Everett Finch, người mà theo Gessner, là bộ óc đứng sau Threshold. Đầu rắn. Ở đây trong xác thịt. Vũ trụ vừa trao cho Golêm một món quà bất ngờ—cơ hội tiêu diệt kẻ phản bội cuối cùng của Sasha...người đã tạo ra ngôi nhà kinh hoàng này. Dù có hấp dẫn thế nào để giết Finch, nhiệm vụ dường như gần như không thể. Golêm chỉ có một khẩu súng điện với một lần phóng còn lại—không thể so sánh với súng hỏa lực—và nếu anh lên thang máy khí nén, anh sẽ nổi lên ở giữa phòng mái vòm, hoàn toàn lộ liễu. Đồng hồ đang chạy, anh nhắc nhở mình, ước lượng rằng anh chỉ còn khoảng mười lăm phút trước khi căn phòng này phát nổ và trở thành một quả bom áp suất thảm khốc. Chờ ở đây lâu quá sẽ chắc chắn dẫn đến cái chết, và anh tự hỏi liệu có nên quay lại qua đường hầm tiện ích dài đến kho SMES và thử hủy bỏ vụ nổ hay không. Bánh xe xoay của cổng kín khí đã đòi hỏi nỗ lực đáng kể để niêm phong khi anh ra ngoài, và anh lo sợ rằng năng lượng cần thiết để mở nó một lần nữa có thể là quá sức với anh. Một cuộc đánh cược nguy hiểm mà không có cây đu của mình, anh nghĩ. Golêm cảm thấy sẵn sàng đánh đổi mạng sống của mình cho ông Finch, nhưng anh biết mình không thể đưa ra quyết định đó cho Sasha. Nếu anh không trốn thoát và giải phóng cô, cô sẽ không bao giờ thấy ánh sáng ban ngày nữa. I CHƯƠNG 112 Trong ánh sáng quang phổ của mái vòm, xung quanh là các pod treo hoạt hình, Robert Langdon đứng bên cạnh Katherine và nghiên cứu kẻ bắt cóc của họ. Đã định vị mình cách an toàn năm bước chân, Everett Finch đang dựa thoải mái vào một pod, khẩu súng chĩa thẳng. Xét về hoàn cảnh căng thẳng, thái độ của Finch dường như thật sự yên tĩnh đến đáng sợ. Có một sự tách biệt lạnh giá về người đàn ông này cho thấy anh ta có khả năng làm mọi điều cần thiết. “Tương lai sẽ được kiểm soát bởi những ai phát triển giao diện thực sự đầu tiên giữa con người và máy móc,” Finch bắt đầu. “Sự giao tiếp vô sức giữa con người và công nghệ. Không cần gõ, ra lệnh, xem...chỉ cần suy nghĩ. Các hậu quả tài chính đơn giản đã đủ để tạo ra một cường quốc thế giới mới, nhưng những ứng dụng thực tiễn, đặc biệt trong lĩnh vực công tác tình báo...thì không thể tưởng tượng nổi.” Langdon nghi ngờ một công nghệ H2M khả thi, trong tay kẻ xấu, có thể khiến con ác mộng Orwell tồi tệ nhất trở nên giống như một giấc mơ vui vẻ. “Vì lý do này,”

Finch tiếp tục, “CIA đã làm việc không ngừng nghỉ để theo kịp với các gã khổng lồ sinh học—Neuralink, Kernal, Synchron, và những cái tên khác—tất cả họ đều có ngân sách vô tận và cùng một mục tiêu là trở thành cây ghép não đầu tiên có khả năng giao tiếp giữa người với máy ở tốc độ cao thực sự. May mắn cho chúng ta, tất cả họ đều gặp phải cùng một trở ngại.”

“Giao diện,” Katherine nói. “Cách tạo ra tế bào thần kinh nhân tạo.” Finch gật đầu. “Neuralink đã có những thành công vừa phải, nhưng không đạt được quy mô cần thiết. Phần còn thiếu hóa ra là một thiết kế mà CIA đã may mắn phát triển trong suốt hai thập kỷ qua.”

“Lấy từ bằng sáng chế của Katherine,” Langdon nói. “Để nhắc lại, Tiến sĩ Solomon không nắm giữ bất kỳ bằng sáng chế nào. Và nếu bà ấy có, chúng tôi đã chiếm lấy nó nhân danh an ninh quốc gia. Thách thức với việc thực thi quyền tài sản cao là quy trình có thể tranh cãi và công khai, thường làm lộ rõ cái mà cơ quan quan tâm muốn giữ bí mật.”

“Bạn đang làm gì với thiết kế của tôi?” Katherine yêu cầu. “Threshold là gì?” Finch tháo kính ra bằng tay còn lại và từ từ xoay cổ mình. “Tiến sĩ Solomon, có lẽ bạn nhớ khi Caltech chế tạo một cây ghép chạm vào vỏ não thị giác và có thể ‘nhìn thấy’ những gì mà người chủ đang nhìn qua đôi mắt của họ.”

“Chắc chắn tôi nhớ,” Katherine nói. “Cây ghép đã thu thập các tín hiệu quang học đi qua dây thần kinh thị giác, dịch chúng, và phát sóng chúng ra dưới dạng video trực tiếp.” Langdon không quen thuộc với công nghệ này, nhưng nghe có vẻ giống như một camera GoPro nội bộ—một cách nhìn qua đôi mắt của người khác. Liệu Threshold có đang theo dõi những gì mà các đối tượng đang thấy không? Nếu có, thì đó là một loại giám sát hoàn toàn mới. Langdon nhìn lên các màn hình video bao quanh mái vòm và tưởng tượng những phát sóng từ góc nhìn của những người đang di chuyển trong cuộc sống hàng ngày của họ. Nhưng rồi thì sao những cái pod?

“Cơ quan đã làm việc về một thứ tương tự,” Finch nói, “phiên bản vượt trội hơn nhiều của cây ghép

đó—một cái có thể theo dõi những gì không phải do đôi mắt...mà là bởi con mắt của tâm trí.” Đối với Langdon, cụm từ “con mắt của tâm trí” gợi lên hình ảnh của dấu chấm bindi đầy màu sắc được đeo giữa hai lông mày để đại diện cho cánh cửa dẫn đến sự khôn ngoan tinh thần, còn được gọi là Con mắt thứ Ba.

“Con mắt của bạn, Giáo sư,” Finch nói, có vẻ như cảm nhận được sự không chắc chắn của Langdon, “là cơ chế mà qua đó não bạn nhìn thấy mà không cần mắt bạn. Khi bạn nhắm mắt và hình dung về ngôi nhà thời thơ ấu của mình, một hình ảnh sống động xuất hiện. Đó là con mắt của bạn. Não bạn không cần tín hiệu thị giác để conjure ra những hình ảnh chi tiết. Não bạn liên tục xem xét kỷ niệm, ảo tưởng, mơ mộng, tưởng tượng. Ngay cả khi bạn ngủ, não bạn conjure ra những hình ảnh dưới dạng giấc mơ và ác mộng.”

“Bạn không thể thực sự đã xây dựng...” Katherine nói lấp lửng, tìm kiếm từ ngữ đúng đắn. “Chúng tôi đã làm,” Finch đáp với một chút tự hào. “Threshold đã tạo ra một cây ghép có thể xem nội dung của con mắt tâm trí. Chúng tôi hiện có thể theo dõi toàn bộ phổ hình ảnh mà não conjure ra...thấy nó diễn ra trong thời gian thực, với đầy đủ chi tiết.” Từ vẻ mặt sùng sốt của Katherine, Langdon cảm thấy đây là một thành tựu đáng kinh ngạc trong lĩnh vực khoa học não bộ. Anh biết rằng một nhà khoa học tại Đại học Kyoto gần đây đã công bố một công nghệ ghi lại giấc mơ và phát lại như một bộ phim thô, mặc dù quy trình của anh nghe có vẻ sơ khai—sử dụng AI để dịch dữ liệu giấc mơ MRI thành hình ảnh gần đúng. Những gì Finch mô tả nghe giống như một bước nhảy vọt. Liệu Threshold có thể theo dõi trí tưởng tượng? Langdon tự hỏi liệu công nghệ này có liên quan đến quan niệm về não bộ như một bộ thu mà Katherine đã nêu ra không. Dù sao, nếu một cây ghép có thể thấy một hình ảnh xuất hiện trong não, có thể cây ghép cũng có thể chỉ ra nơi hình ảnh đó đến từ đâu. Nó có được lưu trữ bên trong trí nhớ vật lý, như những người theo chủ nghĩa duy vật tuyên bố? Hay nó đang chảy vào từ bên ngoài, như Katherine tin vào mô hình ý thức phi địa phương của cô ấy?

“Cây ghép này...thực sự hoạt động?” Katherine hỏi, tìm lại được giọng nói của mình. “Một công nghệ như vậy có thể có những tác động khổng lồ đối với nghiên cứu về ý thức...”

“Vâng tôi tưởng tượng,” Finch nói. “Nhưng Threshold chỉ tập trung vào an ninh quốc gia.” Langdon thấy Katherine hơi tái mặt khi cô quay lại và quan sát những cái pod EPR bóng bẩy trải rộng dưới mái vòm. “Sống lạnh...” cô thì thầm, lo sợ quay lại nhìn Finch. “Bạn đang đặt các đối tượng bên bờ vực của cái chết...và theo dõi những gì họ thấy? Bạn đang theo dõi những trải nghiệm cận tử?”

“Trong một nghĩa nào đó, đúng, tất nhiên,” Finch trả lời. “Như bạn đã biết, ‘ngưỡng’ mong manh giữa sự sống và cái chết là một nơi huyền bí.” Finch tạm dừng, như để để những từ này ngấm vào. Ngưỡng. Langdon chưa từng nghĩ về thuật ngữ này theo cách ấy cho đến giờ. “Những người đứng trên bờ vực của cái chết sẽ nhìn thấy những điều, biết những điều, hiểu những điều thường nằm ngoài tầm với của chúng ta,” Finch tiếp tục. “Cơ quan đã thực hiện nghiên cứu tâm linh trong gần nửa thế kỷ—nhắm vào việc khai thác sức mạnh chưa được khai thác của tâm trí con người nhằm mục đích...”

của việc thu thập thông tin tình báo. “Chúng tôi đã thuê những nhà tâm linh, những nhà tiên tri, những nhà chiêm tinh, những người xem từ xa, những chuyên gia tiên đoán và thậm chí cả những người mơ tỉnh. Nhưng những trí tuệ thiên tài nhất trên thế giới không thể nào đạt được gần đến những gì có thể đạt được trong trạng thái thay đổi đi kèm với cái chết.” Đây chính là điều mà Katherine đã viết về... Langdon nhận ra, nhớ lại lý thuyết của cô về hóa học của cái chết: khi chúng ta chết, mức GABA giảm mạnh, bộ lọc não của chúng ta tan rã, và chúng ta nhận được một băng thông thực tế rộng lớn hơn nhiều. Langdon không thể không cảm thấy rằng nếu sự nhận thức nâng cao thực sự là món quà huyền bí đi kèm với cái chết, thì việc khai thác nó cho công việc tình báo quân sự thật sự là... tội lỗi. “Thách thức,” Finch nói, “là những trải nghiệm gần chết rất chóng vánh và khó hiểu. Khi bạn trở lại và cố gắng nhớ lại chúng, nó giống như cố gắng nhớ lại một giấc mơ vào buổi sáng; những hình ảnh mờ nhạt và nhanh chóng tan biến.” “Và bây giờ bạn có thể ghi lại trải nghiệm đó?” Katherine nói, trông kinh ngạc. “Có, và ngoài ra chúng tôi có thể giới thiệu các hướng dẫn bên ngoài theo dõi trong thời gian thực.” Finch chỉ vào hàng loạt buồng lái và màn hình video, mỗi cái liên quan đến một chiếc pod giống quan tài của riêng nó. “Khi cơ sở này hoạt động, những bức tường này sẽ phát sóng trực tiếp từ tâm trí con người trong trạng thái thay đổi cuối cùng—bờ vực của cái chết—mà, như bạn biết, Tiến sĩ Solomon, thường dẫn đến—” “Một trải nghiệm ngoài cơ thể,” cô nói nhỏ. “Ý thức không địa phương...” Langdon nhớ đến những báo cáo thông thường của các bệnh nhân “chết” trong phòng mổ, chỉ để được hồi sinh và báo cáo rằng họ đã lo

lưng trên cơ thể của mình hoặc là bệnh viện. Trong cái chết, chúng ta bỏ lại cơ thể phía sau. “Đúng vậy,” Finch trả lời. “Khi một đối tượng trong một trong những chiếc pod này được đặt ở gần cái chết, ý thức của họ trở nên không còn ràng buộc. Tâm trí mạnh mẽ trở thành một linh hồn tách rời, nếu bạn muốn... một tâm trí ý thức bên ngoài cơ thể vật chất. Chúng tôi gọi ai đó trong trạng thái đó là “psychonaut.” Và khi điều đó xảy ra, chúng tôi có thể theo dõi chính xác những gì psychonaut cảm nhận khi anh ta bay ra khỏi pod, leo lên qua mái vòm, và di chuyển ra thế giới. Những màn hình này sẽ cho chúng ta thấy một luồng hình ảnh từ một tâm trí không còn ràng buộc... trải nghiệm đầy đủ của ý thức không địa phương, nếu bạn muốn.” Điều này không thể là thật, Langdon tự nhủ, và yet Katherine đang tiếp nhận tất cả như thể nó hoàn toàn hợp lý đối với cô. Cô trông say mê, như thể cô đã hoàn toàn quên rằng người đàn ông đang nói chuyện với cô đang cầm một khẩu súng. Đây là Chén Thánh của cô, Langdon tự nhắc mình. Trong thế giới của Katherine, những trải nghiệm ngoài cơ thể là bằng chứng tốt nhất cho ý thức không địa phương, và yet chúng rất chóng vánh, và còn xa mới là bằng chứng. Một người tuyên bố rằng mình đã lơ lửng bên ngoài cơ thể của chính mình đang mô tả một trải nghiệm chủ quan, được cảm nhận một mình và trong trạng thái tâm trí thay đổi. Không có nhân chứng... không có sự xác nhận khoa học. Và sự không thể tái tạo những hiện tượng huyền bí này trong một môi trường có kiểm soát—cuộc khủng hoảng tái làm, như Katherine đã mô tả—thường khiến người ta nghi ngờ tính xác thực của những báo cáo đó. Cơ sở này, mặt khác, có thể cuối cùng cung cấp bằng chứng rằng ý thức con người có thể tồn tại tách biệt với cơ thể con người; đó sẽ là một bước đột phá thay đổi hình thức với những hệ lụy kỳ diệu cho cái nhìn của chúng ta về cuộc sống. Và cũng là cái nhìn của chúng ta về cái chết, Langdon nghĩ, nhớ lại lý luận của Jonas Falkman khi ông chỉ một số tiền lớn cho bản thảo của Katherine: Bằng chứng về ý thức không địa phương nói lên hy vọng tối cao của nhân loại—sự tồn tại của cuộc sống sau cái chết... Đây là một chủ đề có tác động phổ quát và tiềm năng thương mại khổng lồ. “Những buồng lái đó là gì?” Katherine hỏi, chỉ vào nền tảng nâng cao. “Tin hay không thì tùy,” Finch nói, “đó là dành cho các phi công. Chúng tôi vẫn đang hoàn thiện kỹ thuật lái, nhưng như bạn có thể tưởng tượng, hai bộ não được cấy ghép giờ đây có thể giao tiếp theo những cách mà chúng tôi đang chỉ mới bắt đầu hiểu. Trạng thái ngoài cơ thể là một thế giới khó hiểu, vì vậy psychonaut được ghép cặp với một ‘tâm trí gắn bó’ để giúp điều khiển trải nghiệm. Người trong buồng lái đóng vai trò như một người hướng dẫn tinh thần.” Katherine nhìn chăm chăm vào anh, trong giây phút nhất thời mất khả năng nói. “Bạn đang nói với tôi rằng bạn đang điều hướng... một ý thức không còn ràng buộc?! Như thể... lái một chiếc drone?” Finch cười, rõ ràng thích thú với sự ngộ nhận của Katherine. “Tôi biết bạn sẽ hiểu, Tiến sĩ Solomon. Bạn đúng... Khi mái vòm này hoạt động hoàn toàn, những buồng lái này sẽ hỗ trợ một đội ngũ phi công nhỏ điều hướng những gì tương đương với một hạm đội drone vô hình, mà chúng tôi sẽ gửi đi bất cứ đâu trên thế giới để quan sát bất cứ điều gì chúng tôi muốn—các chiến trường, phòng chiến tranh, hoặc phòng họp. Không thể phát hiện. Không thể thoát khỏi.” Và hoàn toàn không thể! Langdon muốn hét lên. Đó là sự điên rồ... khoa học viễn tưởng thuần túy. Và yet ông biết rằng những tuyên bố này được hỗ trợ bởi lý thuyết ngày càng được chấp nhận về ý thức không địa phương. Dù cho niềm tin của Katherine, Langdon vẫn không thể hoàn toàn chấp nhận rằng một ý thức có thể thoát ra khỏi một cơ thể và vẫn đủ hiện diện để quan sát thế giới vật chất. Là một học giả nghiêm khắc, Langdon cảm thấy đó là trách nhiệm của mình để duy trì sự hoài nghi và lý trí trước những sự mê tín - nhưng trong trường hợp của Threshold, ông đang phải đối mặt với một nghịch lý. Ở một thời điểm nào đó... sự hoài nghi tự thân trở nên vô lý. Để có thể

để duy trì sự hoài nghi của mình về những tuyên bố của Finch, Langdon cần phải gạt bỏ logic sang một bên và phớt lờ một núi bằng chứng hợp lý đang gia tăng. Đầu tiên, có hàng ngàn trải nghiệm cận tử được ghi nhận y tế mô tả chính xác hiện tượng này. Thứ hai, thế giới vật lý lượng tử đã tiết lộ bằng chứng áp đảo rằng ý thức là phi địa phương và hoạt động theo những cách mà chúng ta vẫn chưa thể hiểu. Thứ ba, có hàng ngàn trường hợp đã được thiết lập về các hiện tượng “siêu nhiên” — thần giao cách cảm, precognition, giao tiếp với người chết, giấc mơ chung, hội chứng thiên tài bất ngờ — những hiện tượng không thể có trong mô hình đã thiết lập này, và điều đó yêu cầu Langdon hoặc phải chuyển đổi quan điểm của mình một cách kịch tính hoặc sẵn sàng phân loại những hiện tượng đó dưới tiêu đề mà anh ghét nhất: “Các phép lạ.” Dựa trên những bằng chứng, Langdon biết rằng việc từ chối tin rằng Threshold có thể hoạt động là hợp lý như việc nhìn một nhật thực kỳ trăng và khẳng định rằng mặt trăng chỉ là một huyền thoại. “Robert...” Katherine quay sang anh, giọng nói tràn đầy sự phấn khích. “Điều này thay đổi

mọi thứ! Đây là điều vượt xa lý thuyết... nó là bằng chứng rằng ý thức là phi địa phương...” Langdon gật đầu, cố gắng tưởng tượng cảm giác của cô trong khoảnh khắc này, khi đột ngột biết đến những bước đột phá theo cấp số nhân trong một lĩnh vực mà cô đã nghiên cứu trong nhiều thập kỷ. Katherine quay trở lại với Finch. “Cộng đồng khoa học cần phải biết. Khoa học noetic—” “Threshold không phải là một dự án khoa học,” Finch quát lên, giọng điệu mãnh liệt của ông ngay lập tức chiếm ưu thế trong căn phòng. “Nó là một hoạt động tình báo quân sự. Nguồn sức mạnh thực sự duy nhất là thông tin, và trong cuộc chiến để hiểu kẻ thù của chúng ta, cái mồi vờn này là kho vũ khí hạt nhân của chúng ta—công cụ giám sát tối thượng. Threshold là thể hệ kế tiếp của việc quan sát từ xa. CIA đã làm việc hướng tới cơ sở này trong nhiều thập kỷ.” Nhiều thập kỷ? Langdon kinh ngạc. “Tại sao CIA lại đầu tư nặng nề vào một dự án nghe giống như Stargate... mà đã thất bại cách đây ba mươi năm?” Ánh nhìn của Finch cực kỳ sắc bén. “Rất đơn giản, ông Langdon. Stargate chưa bao giờ thất bại.” Ông giữ chặt khẩu súng của mình khi chỉ tay xung quanh căn phòng rộng lớn. “Nó chỉ phát triển... thành một cái gì đó lớn lao hơn nhiều.”

I

CHƯƠNG 113

n phòng thông tin an ninh tại trụ sở CIA, Giám đốc Judd đi đi lại lại lo lắng, chờ đợi tin từ Prague. Lời thú nhận chi tiết qua video của Gessner là một thảm họa. Nó tiết lộ quá nhiều về cơ sở bí mật hàng đầu của họ. Ông chỉ hy vọng sẽ có thể kiềm chế nó kịp thời. Threshold, ít nhất là về khái niệm, đã là một phần trong cuộc sống của Judd suốt nhiều thập kỷ. Khi còn là một nhà phân tích trẻ của CIA, Gregory Judd đã được giao một bản vẽ thô của một công trường xây dựng, trong đó chứa một loạt các cần cầu cơ khí lạ thường. Ông được yêu cầu so sánh bản vẽ với một bức ảnh vệ tinh của cùng một địa điểm. Như người ta có thể mong đợi, các hình vẽ gần như giống hệt nhau, và Judd kết luận rằng nghệ sĩ đã nhìn thấy địa điểm này ở thực tế... hoặc ít nhất là bức ảnh. Sau đó họ đã cho tôi biết sự thật, Judd nhớ lại. Cơ sở được mô tả là một vị trí bí mật cao độ của Nga ở Siberia; bức ảnh vệ tinh được chụp sau khi bản vẽ được tạo ra; và nghệ sĩ là một chàng trai trẻ tên là Ingo Swann, người chưa bao giờ rời khỏi Mỹ. Thông tin của ông đã đến từ việc “quan sát từ xa” địa điểm đó—tức là, nhắm mắt lại và di chuyển ý thức của mình đến Siberia... góc nhìn của ông lơ lửng trên địa điểm và ghi nhớ các đặc điểm của nó. Thật nực cười, Judd nhớ đã nghĩ, cùng với nhiều người khác tại cơ quan. Tuy nhiên, câu hỏi vẫn còn... Làm thế nào mà bản vẽ này tồn tại? Câu trả lời rõ ràng đã đến vào năm 1976 khi nhà di cư Nga August Stern thú nhận đã làm việc tại một cơ sở tình báo psi Siberia đã thành công trong việc quan sát từ xa một cơ sở quân sự hàng đầu bí mật của Mỹ. Mô tả của Stern về cơ sở an ninh cực kỳ chính xác... đến từng chi tiết của mẫu gạch trên sàn. Cảm thấy như thể họ bị bắt quả tang, CIA lập tức khởi động chương trình quan sát từ xa đầu tiên của quốc gia với mục tiêu bắt kịp thành công của người Nga. Được thành lập dưới cái ô vô hại của một vườn ươm tư tưởng học thuật liên kết với Đại học Stanford, dự án bí mật đã trải qua nhiều giai đoạn và tên mã ban đầu, bao gồm Grill Flame và Center Lane, trước khi chính thức được thành lập vào năm 1977 với tên gọi Stargate. Đe ngạc nhiên cho các nhà khoa học tham gia, nhóm người quan sát lần đầu tiên của Stargate — Ingo Swann, Pat Price, Joseph McMoneagle và những người khác — đã đạt được thành công gây sốc. Mặc dù việc liên tục bước vào trạng thái ngoài cơ thể là thách thức, họ đã có thể đạt được “sự chiếu lệ” và cung cấp thông tin tình báo kinh ngạc. Bao gồm cả một số “kết quả tám ly cocktail,” Judd nhớ lại — ngôn ngữ chính thức của dự án cho một thành công quá lớn đến nỗi mọi người cần nhiều ly cocktail để hồi phục. Những kết quả đó bao gồm việc theo dõi một chiếc tàu ngầm Typhoon hai thân của Liên Xô ở Bắc Cực; tìm một chiếc máy bay ném bom Tu-95 của Liên Xô bị rơi ở châu Phi; xác định vị trí Tướng James L. Dozier bị bắt cóc ở Ý; xác định một đại tá KGB đang do thám ở Nam Phi; và hơn một chục kết quả dường như không thể khác. Vào năm 1979, Ủy ban Lựa chọn Hạ viện về Tình báo đã trình diễn một cuộc biểu diễn trực tiếp có cửa đóng kín về việc quan sát từ xa, và nhiều nhà lập pháp trong phòng đã choáng váng. Dân biểu Đảng Dân chủ Charlie Rose đã ghi nhận rằng: “Nếu người Nga có nó và chúng ta không, chúng ta đang gặp rắc rối lớn.”

Chương trình Stargate phát triển trong bí mật cho đến năm 1995, khi một loạt các vụ rò rỉ thông tin an ninh nghiêm trọng bị tiết lộ và gây ra sự phẫn nộ trong công chúng. Dường như CIA đang đào tạo một đội quân gián điệp tâm linh... hoặc đang lãng phí tiền thuế của người dân vào một công việc phi lý. Thay vì cố gắng phủ nhận rằng chương trình bí mật này là có thật, cơ quan đã công khai thừa nhận một cách ngượng ngùng rằng Stargate thật sự đã tồn tại, nhưng giờ đã ngừng hoạt động, bị đóng cửa như một thất bại hoàn toàn và lãng phí tiền thuế của Mỹ. Điều đó không đúng, nhưng cơ quan hy vọng rằng lời xin lỗi đỏ mặt của họ sẽ làm im lặng sự tò mò của công chúng về chương trình và cũng thuyết phục nhiều

đổi thủ toàn cầu của Mỹ không theo đuổi các thông tin tình báo dựa trên psi. Kế hoạch này hoạt động khá tốt, mặc dù nó làm rối loạn một số cựu người xem từ xa của Stargate, những người đã cảm thấy bị xúc phạm khi những thành công đột phá của họ bị tuyên bố là “huyền thoại.” Một số trong họ quyết định viết tiểu sử không được ủy quyền với các tiêu đề bao gồm: Chiến binh tâm linh: Câu chuyện có thật về gián điệp tâm linh hàng đầu của Mỹ và sự che đậy của chương trình bí mật hàng đầu CIA Stargate Gián điệp PSI: Câu chuyện có thật về chương trình chiến tranh tâm linh của Mỹ Người học việc của phù thủy: Chuyến hành trình của một người hoài nghi vào Dự án Stargate của CIA Dự án Stargate và Công nghệ xem từ xa: Hồ sơ của CIA về gián điệp tâm linh

Thật tiện lợi cho cơ quan, những câu chuyện được chia sẻ trong các cuốn sách này, trong khi hầu như là đúng, nghe có vẻ xa lạ đến mức gần như không ai tin rằng chúng là chính xác. Thay vì theo đuổi hành động pháp lý chống lại các tác giả và gọi sự chú ý đến những gì họ đã viết, cơ quan đơn giản đã gạt bỏ các cuốn sách như những nỗ lực không chính xác, hư cấu để kiếm tiền của những cựu nhân viên bất ổn. Nhưng vẫn còn nhiều rắc rối nghiêm trọng hơn phía trước. Vào năm 2015, tạp chí Newsweek đã đăng một bài điều tra không ngờ về Stargate. Judd sẽ không bao giờ quên việc đọc trích dẫn từ giám đốc dự án Stargate đã nghỉ hưu, Đại tá Brian Buzby, người đã phá vỡ hai thập kỷ im lặng và nói: “Tôi đã tin vào điều đó lúc đó, và tôi tin vào điều đó bây giờ. Đó là một điều có thật và nó đã hoạt động.” Đáng lo ngại, bài báo cũng mô tả một bức ảnh phác thảo từ xa bởi đặc vụ huyền thoại của Stargate—Joseph McMoneagle—miêu tả một chiếc tàu ngầm khổng lồ với hai thân tàu, ở một cứ điểm bí mật tại Nga. Theo Newsweek, các bức ảnh vệ tinh của Mỹ sau đó đã xác nhận sự tồn tại, tại xưởng đóng tàu bí mật Severodvinsk của Liên Xô, của một chiếc tàu ngầm Typhoon khổng lồ hai thân, tạo thành một mối đe dọa mới đối với an ninh quốc gia của Mỹ. Thượng nghị sĩ Mỹ và cựu Bộ trưởng Quốc phòng William Cohen, khi được hỏi ý kiến về chương trình Stargate đã ngừng hoạt động, đã trả lời: Tôi ấn tượng với khái niệm về việc xem từ xa.... Sự khám phá sức mạnh của tâm trí là, và vẫn là, một nỗ lực quan trọng.... Tôi đã ủng hộ chương trình Stargate, như Thượng nghị sĩ Robert Byrd và các thành viên khác trong ủy ban cũng vậy. Có vẻ như có một nhóm nhỏ người có khả năng kết nối vào một cấp độ nhận thức khác.

Sau bài báo đó, Giám đốc Judd thấy mình phải đối mặt với một cơn bão các tài liệu về thuyết âm mưu Stargate trên truyền hình. Một bộ phim đặc biệt đáng lo ngại có tên là Third Eye Spies, và mặc dù cơ quan đã đưa ra phản ứng từ chối theo tiêu chuẩn, Judd nhớ lại cảm thấy bất ngờ về việc nhiều tuyên bố thuyết âm mưu trong bộ phim là chính xác... bao gồm cả nghi ngờ rằng sự thất bại công khai của Stargate đã được dàn dựng một cách cẩn thận. Họ không có bằng chứng... nhưng họ không sai. Thực tế là, việc xem từ xa đã âm thầm tiếp tục bên trong những bức tường của Langley, SRI International và Fort Meade. Màn khói của sự thất bại của Stargate đã cho phép cơ quan âm thầm lên kế hoạch cho tương lai của chương trình—một phiên bản được tài trợ tốt hơn, an toàn hơn nhiều và phát triển công nghệ vô hạn... sâu dưới lòng đất, ở một thế giới xa rời quá khứ ô uế của nó, và với một mã thông báo hoàn toàn mới. Dự án Threshold đã ra đời.

“Giám đốc?” một giọng nói vỡ thành tiếng trong liên lạc. “Cô ấy đang ở đây.” Judd từ những suy nghĩ mơ màng của mình, nâng mắt lên màn hình video trước mặt. “Cảm ơn,” anh nói. “Xin hãy kết nối tôi.” Một lúc sau, con dấu của CIA trên màn hình biến mất, thay vào đó là gương mặt dứt khoát của Đại sứ Heide Nagel... được hộ tống bởi hai lính thủy đánh bộ Mỹ.

CHƯƠNG 114

Katherine nhìn vào nòng súng của Finch, cảm thấy như mình vừa được đánh thức trở lại thực tại. “Phòng thí nghiệm cái chết” của CIA không phải là một cơ sở nghiên cứu về ý thức... đó là một trung tâm chỉ huy cho một loại vũ khí hóa từ xa đáng kinh ngạc mới. Trong thế giới noetics của Katherine, Threshold sẽ là chiến thắng tối thượng. Chia khóa để hiểu về ý thức không địa phương luôn nằm ở việc hiểu các trải nghiệm ra ngoài cơ thể; nhưng sự hiểu biết đó luôn đối mặt với hai trở ngại lớn. Và Threshold đã giải quyết cả hai.

Trở ngại đầu tiên là các trạng thái ra ngoài cơ thể là hiếm, thoáng qua, và thường không thể đoán trước. Chỉ một vài cá nhân có kỹ năng đặc biệt mới có khả năng “dự đoán theo ý muốn,” và ngay cả họ cũng gặp khó khăn trong việc duy trì trạng thái ra ngoài cơ thể trong một phút. Tuy nhiên, tại Threshold, sử dụng các buồng của Gessner, bất kỳ ai cũng có thể bị ép vào một trạng thái ra ngoài cơ thể và treo ở đó trong một giờ hoặc hơn. Đáng sợ nhưng đúng. Thử thách thứ hai với OBEs là hồi tưởng. Khi trở về

cơ thể của họ từ một...

trạng thái ra ngoài cơ thể, các đối tượng đã báo cáo rằng trải nghiệm nhạt nhòa gần như ngay lập tức, giống như một giấc mơ, tạo ra những thách thức cho các nhà nghiên cứu đang tìm kiếm dữ liệu chi tiết mà họ có thể tin tưởng. Nhưng bây giờ, với implant não của Threshold, những trải nghiệm đó có thể được ghi lại và nghiên cứu. Một bước nhảy vọt tiềm năng cho nghiên cứu về ý thức, cơ sở này có khả năng tiết lộ những bí mật sâu nhất của tâm trí con người. Bao gồm cả bản chất của cái chết tự thân. Và rồi, sự thất vọng to lớn của Katherine, thay vì khám phá các bí ẩn của ý thức và cái chết, CIA đã khai thác ý thức phi địa phương để tạo ra một cuộc cách mạng giám sát với quy mô không tưởng. Katherine vẫn đang vật lộn để chấp nhận rằng một công nghệ như thế này có thể thực sự tồn tại và rằng nó có thể được vũ khí hóa một cách dễ dàng như vậy. “Có một điều tôi không hiểu,” Katherine nói. “Cái implant não... mạng nơ-ron tích hợp nhanh chóng như vậy—” “Tôi đã nghe đủ rồi,” Langdon cắt lời, mắt nhìn vào khẩu súng của Finch, vẫn chĩa vào cả hai người họ. “Thưa ngài, bản thảo của Katherine đã bị tiêu hủy. Cô ấy sẽ không xuất bản cuốn sách của mình. Chúng tôi sẵn sàng ký NDA của ngài. Ngài có thể bỏ khẩu súng xuống.” “Chưa đến lúc,” Finch nói, nhìn qua vai về phía cửa ra vào như thể mong đợi ai đó. “Tôi rất vui vì Tiến sĩ Solomon nhận ra chúng tôi đã tích hợp mạng nơ-ron của cô ấy nhanh chóng như vậy.” Hết sức nhanh chóng, Katherine ghi chú. Theo các tài liệu mà họ đã tìm thấy, tỷ lệ mà các nơ-ron hiện có của Sasha đã gắn liền với các nơ-ron nhân tạo của cô ấy nhanh gấp mười lần so với các mô hình phát triển tự nhiên, hoặc bất cứ điều gì mà Katherine đã thấy trong một môi trường phòng thí nghiệm. “Giải pháp,” Finch tự hào tuyên bố, “là một kỹ thuật mới mà chúng tôi gọi là ‘hợp tác cưỡng bức’—một loại giải quyết câu đố chung. Chúng tôi sử dụng thực tế ảo để đưa cùng một câu đố vào cả bộ não của đối tượng và cũng cả con chip được cấy ghép cùng một lúc. Như bạn biết, khi các nơ-ron không kết nối cảm thấy rằng họ có thể hiệu quả hơn bằng cách chia sẻ thông tin, họ sẽ hình thành các synapse mới.” Những giải pháp brilliant nhất luôn luôn là những giải pháp đơn giản nhất, Katherine nghĩ, và chiến lược này đúng là vậy—đơn giản trong sự thanh lịch của nó. Bằng cách trình bày một thách thức giống hệt cho hai cỗ máy xử lý riêng biệt—một bộ não con người và một con chip máy tính—họ khuyến khích hai thực thể hợp tác... thúc đẩy chúng synapse nhanh nhất có thể. Những nơ-ron bắn cùng nhau... kết nối cùng nhau. Quá trình này được gọi là học tập Hebbian, và nó đã là một phần của lĩnh vực khoa học thần kinh từ những năm 1930 khi Donald Hebb phát hiện ra rằng bộ não, khi bị thách thức nhiều lần với những nhiệm vụ cường độ cao, sẽ phát triển các đường dẫn thần kinh mới rất nhanh, tương tự như cách mà một người tập tạ phát triển cơ bắp bằng cách tập luyện. “Và các loại thuốc trong phòng thí nghiệm VR?” Katherine hỏi. “Tôi cho rằng các chất tâm thần tăng cường tính linh hoạt của nơ-ron?” “Đúng vậy,” Finch nói. “Ngoài việc kích thích sự phát triển, các loại thuốc này được sử dụng để làm cho các câu đố trở nên thách thức hơn bằng cách buộc bộ não phải tập trung qua một lớp sương mù. Nó giống như một vận động viên marathon tập luyện trong giày nặng. Gánh nặng thêm này làm tăng tốc độ thích ứng.” Katherine rất ngạc nhiên. “Ông không lấy ý tưởng này từ luận văn của tôi,” Katherine nói. “Đó có phải là ý tưởng của Brigita không?” “Nhiều phần là như vậy, vâng. Cô ấy không phải lúc nào cũng dễ dàng, và chúng tôi đã bất đồng về nhiều điều cơ bản, nhưng chúng tôi không thể xây dựng Threshold mà không có cô ấy.” “Luận văn của Katherine,” Langdon yêu cầu. “Làm thế nào mà CIA có được nó?” “Các bài nộp giải thưởng Blavatnik,” anh ấy nói. “Những bài nộp đó luôn bao gồm những ý tưởng táo bạo nhất từ những bộ óc trẻ sáng suốt nhất. Vì vậy, lúc đó CIA luôn đảm bảo rằng một trong các giám khảo là từ Viện Nghiên cứu Stanford.” SRI? Katherine thật ngạc nhiên khi mối liên hệ này không xảy ra với cô ngay lập tức sau khi biết về sự tham gia của CIA vào bản thảo bị mất của cô. Viện Nghiên cứu Stanford đã có mối quan hệ lâu dài với CIA và thậm chí còn được các nhà lý thuyết âm mưu cho rằng là nơi khởi nguồn của Stargate. Một “giáo sư” SRI trong ban giám khảo cho các giải thưởng Blavatnik có thể dễ dàng là một gián điệp ẩn nấp giữa ban ngày. “Khi luận văn của bạn không giành được kể cả một đề cử danh dự,” Finch nói, “giáo sư Princeton của bạn—Cosgrove, tôi tin vậy—đã không ngừng chất vấn ủy ban giải thưởng, đặc biệt là giám khảo từ Stanford. Ông ta đã phát hiện ra SRI có liên quan và biết đủ để rút lui và không bao giờ nói về nó nữa.” “Chúng tôi muốn rời đi,” Langdon nói. “Bây giờ.” “Bạn không có quyền yêu cầu, Giáo sư,” Finch nói. “Bạn đã đột nhập vào một cơ sở tuyệt mật và vi phạm nhiều luật. Và nếu bạn nghĩ rằng đại sứ sẽ đến cứu bạn, tôi nghi ngờ cô ấy có thể đi đâu vào lúc này.” “Nếu Katherine và tôi biến mất,” Langdon nói, giọng điệu đe dọa, “nhiều người sẽ chú ý. Nó sẽ không giống như đối tượng thử nghiệm vô danh của bạn,

Sysevich.” “Bạn không biết gì về những gì đã xảy ra với Dmitri.” “Chúng tôi biết ông đã bị sử dụng làm chuột bạch,” Katherine nói. “Cùng với Sasha Vesna.” “Họ đã sống những cuộc đời bị tra tấn,” Finch cãi lại. “Gessner đã cứu họ. Cô ấy đã chữa trị bệnh động kinh của họ và cho họ một cuộc sống.” “Đó là lý do của bạn?” Langdon thách thức. “Dmitri có cuộc sống tốt hơn bây giờ không? Chúng tôi đã thấy hồ sơ của ông. Có vẻ như ông đã chết ở đây!” “Giáo sư,” Finch nói,

điều chỉnh vị trí và chĩa khẩu súng vào Langdon. “Chắc hẳn thật xa hoa khi sống trong giới học thuật và không phải đối mặt với những vấn đề thực sự trong đất nước chúng ta... không lo lắng về những kẻ muốn tiêu diệt cách sống phương Tây. Thế giới là một nơi cực kỳ nguy hiểm, và những người như tôi là lý do duy nhất khiến thành phố Boston của bạn vẫn tồn tại. Tôi nói điều đó hoàn toàn nghiêm túc.” “Điều đó có thể đúng,” Langdon đáp lại, “nhưng điều đó không cho bạn quyền thử nghiệm trên con người mà không có sự đồng ý của họ.” Finch nhìn chăm chăm vào anh. “Bài kiểm tra cuối cùng của lương tâm một người là sự sẵn sàng hy sinh cái gì đó hôm nay cho những thế hệ tương lai mà lời cảm ơn của họ sẽ không bao giờ được nghe thấy.” “Nếu bạn định đánh cắp một câu nói,” Langdon đáp trả, “bạn nên hiểu ý nghĩa của nó. Gaylord Nelson đã đề cập đến việc cứu rỗi môi trường, không phải lạm dụng những người vô tội.” “Sasha hoàn toàn không vô tội,” Finch nói. “Cô ấy đã giết Dr. Gessner.” “Điều đó thật vô lý,” Langdon nói. “Sasha yêu Brigita. Không có—” “Cô ấy cũng đã giết sĩ quan của tôi ở trên lầu,” Finch nói. “Tôi từng mong rằng chính Sasha là người đã đột nhập vào Threshold. Tôi đã tìm thấy một cái đĩa động kinh ở trên lầu gần thi thể của sĩ quan của tôi... và chỉ có một người có thể là chủ của nó.” “Cái đĩa đó là của tôi,” một giọng nói giống như ma trong bóng tối tuyên bố. “Và tôi muốn nó trở lại.”

CHƯƠNG 115 Finch quay lại trong hoảng hốt và quét khắp phòng. Ai đã nói vậy?! Âm thanh trong mái vòm khiến hắn khó khăn để xác định chính xác lời nói đến từ đâu. Langdon và Katherine trông cũng bất ngờ không kém. “Bạn đang ở đâu?!” Finch gọi lớn, không nhận ra giọng nam trầm rỗng. Giọng nói đó chắc chắn nghe có vẻ Nga. “Xuất hiện đi!” Finch nghe thấy một tiếng rít nhẹ, âm thanh duy nhất phá vỡ sự im lặng của mái vòm. Nó phát ra từ phía sau phòng, sau lưng Langdon và Solomon. Khi những con tin của hắn quay về phía âm thanh, Finch nhìn qua họ, nhận ra âm thanh này tỏa ra từ thang máy khi nén truy cập vào khu vực tiện ích. Khi bệ nâng lên, tất cả họ chứng kiến một cảnh tượng mà Finch chưa bao giờ tưởng tượng nổi trong những giấc mơ điên rồ nhất của mình. Từ trong lòng đất... một con quái vật đang trỗi dậy. Khuôn mặt xuất hiện trước tiên—da nó xám xịt và không có đặc điểm. Đầu nó không có tóc, được che bởi một chiếc mũ trùm màu đen, và hai đôi mắt lạnh lẽo dường như đang khóa chặt vào Finch và khẩu súng đang chia ra của hắn. Khi hình dáng cloaked xuất hiện, hai cánh tay được mở rộng ngang, cho thấy những lòng bàn tay trần như một kiểu Chúa Kitô đang thăng thiên. Khi bệ nâng khí nén dừng lại, hình dáng đã bước xuống và tiến về phía họ, đôi ủng nặng nề đập xuống sàn trải thảm. Hai tay vẫn rộng mở như thể đầu hàng, hắn tiến tới qua biển các chiếc pod, chiếc áo choàng đen bay phấp phật. Finch giờ đây thấy rằng đầu và mặt của con quái vật bị bám đầy bùn hoặc đất sét, và có một số loại chữ viết được khắc trên trán hắn. Cái quái quỷ này là gì vậy?! “Dừng lại!” Finch hét lên, cuối cùng cũng tìm thấy giọng nói của mình khi sinh vật không còn cách xa hơn mười lăm yard. “Không được bước thêm một bước nữa!” Quái vật tuân theo, dừng lại, hai tay vẫn được chĩa ra. Finch bước sang bên phải để có thể chĩa súng qua Langdon và Katherine. “Bạn là ai?!” Bạn là gì?! “Bạn đã phản bội lòng tin của Sasha,” hình dáng trả lời, giọng nói của hắn vang vọng trong mái vòm. “Tôi là người bảo vệ cô ấy.” “Sasha có ở đây không?” Finch hỏi dồn dập. “Không, cô ấy đang ở một nơi an toàn. Cô ấy sẽ không bao giờ nhìn thấy bất kỳ điều gì của điều này nữa.” “Còn bạn là?” Cơ thể của con quái vật bỗng dưng co giật, điều này dường như khiến hắn bị giật mình, nhưng hắn đã lấy lại bình tĩnh. “Tôi... là—” Giọng nói của hắn khụt xuống, và lần này Finch thấy sự sợ hãi lộ lên trong đôi mắt hắn. Hai cánh tay giang ra của sinh vật bắt đầu run rẩy, và không khí kiêu ngạo của hắn tan biến. “Không...ne seychas!” hắn stammered, giọng điệu bây giờ trở thành một lời cầu xin sợ hãi hơn. “Không phải bây giờ...” Đột ngột, con quái vật sụp xuống sàn nhà, toàn thân hắn rung lên không kiểm soát. Hắn lặn lại trên lưng, nằm trên thảm, bất lực, run rẩy. Finch đã từng chứng kiến những cơn co giật động kinh trước đây, và dù hắn không biết đây là ai, sự hiện diện của người này đã giải thích cho cái đĩa động kinh mà Finch đã tìm thấy ở trên lầu. Có phải đây là một trong những bệnh nhân của Gessner? Từ bên ngoài chương trình? Con quái vật lúc này đang cố gắng tìm thứ gì đó trong túi áo choàng, rõ ràng đang cố gắng tuyệt vọng để xác định một thứ gì đó. “Có phải đây là thứ bạn đang thiếu không?” Finch khiêu khích, rút cái đĩa kim loại từ túi của mình

và tiến về phía hình dáng không thể hành động. “Cho tôi biết bạn là ai, và tôi sẽ đưa thứ này cho bạn.” “Hắn không thể nói!” Langdon hét lên. “Lạy Chúa, hãy giúp hắn!” “Bạn có muốn đưa của bạn không?” Finch hỏi, tới gần hình dáng, kẻ đang co giật bất lực, đầu hắn giờ đang rung lên chống lại sàn. “Giúp hắn!” Katherine hét lên. Khẩu súng vẫn trong tay, Finch quỳ xuống bên cạnh hình dáng đang run rẩy và giữ cái đầu trước mắt hắn. “Tại sao bạn không bắt đầu bằng việc nói cho tôi—” Finch không bao giờ hoàn thành

câu. Trong một khoảnh khắc của sự chuyển động được phối hợp hoàn hảo, hình bóng đang run rẩy ngồi thẳng dậy, và như một con rắn lao tới, một cánh tay vươn ra về phía Finch, va vào ngực anh ta. Có một tiếng xì lớn và một luồng ánh sáng xanh, và cơn đau se thắt xé qua cơ thể người đàn ông. Súng của Finch nổ vào bên cạnh một cái pod khi anh cứng lại và ngã về phía trước, kẻ tấn công xoay người khéo léo để cho phép Finch ngã xuống đất, mặt úp. Khi chạm đất, Finch cảm thấy sụn trong mũi mình hoàn toàn vỡ vụn. Cơn đau thì ngột thở, như chưa từng trải qua trong cuộc đời anh. Máu chảy rờn rờn xuống khuôn mặt, cơ thể tê liệt của anh nằm bên. Anh có thể thấy hình bóng cloaked đó dễ dàng đứng dậy, một tay vươn xuống nhặt khẩu súng và que, cả hai thứ mà Finch đã đánh rơi. Đôi ủng nặng nề tiến lại gần Finch, chỉ còn cách khuôn mặt anh vài inch. Thở hổn hển, Finch cố gắng quay đầu, ánh mắt anh chạy dọc theo cơ thể kẻ tấn công cho đến khi lên đến khuôn mặt. Khi nhìn thấy quái vật đứng trên đầu mình, Finch tự hỏi liệu có lẽ anh đã chết và xuống địa ngục. Sinh vật đang nhìn xuống anh chỉ gần như là con người. Khuôn mặt của hắn có màu đất với những vết nứt sâu chạy qua làn da như đất sét khô. Trên trán của hắn, ba ký hiệu được khắc sâu vào thịt nhem nhuốc. Đôi mắt của sinh vật không có chút nương tay nào, và cái nhìn của chúng cho Finch biết sẽ không có lòng thương xót. Robert Langdon đã quen với việc tiếp nhận thông tin phức tạp nhanh chóng. Tuy nhiên, vào lúc này, cảnh tượng trước mặt anh đã diễn ra quá nhanh để hiểu rõ những gì đang xảy ra. Finch giờ nằm trên sàn, run rẩy và kiệt sức. Hình bóng cloaked đang đối diện Langdon và Katherine mặc một bộ trang phục nào đó; đầu và khuôn mặt đã cao sạch của hắn được trát bùn dày, và trên trán của hắn có khắc một từ trong tiếng Hebrew. אמת Langdon không đọc tiếng Hebrew tốt, nhưng ba chữ cái này thì huyền thoại. Chúng viết nên EMET, và khi được khắc trên một vàng trán, ý nghĩa của chúng không bao giờ có thể bị nhầm lẫn. Sự thật... Gollem của Prague. Trước khi Langdon kịp suy nghĩ về điều này, sự im lặng của căn phòng bị phá vỡ bởi một tiếng còi chói tai. Căng thẳng và chói tai, báo động kêu lên trên cao, và những ánh sáng cảnh báo bắt đầu quay vòng quanh bên trong hình vòm. “Đi!” hình bóng trong cloaked hét lên, chỉ về hướng họ vừa đến. “BÂY GIỜ! Toàn bộ cơ sở này sắp phát nổ!” Langdon hy vọng anh đã nghe nhầm. Phát nổ?! “Chúng ta đã khóa cửa RFID!” Katherine nói. “Chúng ta không có thể để ra ngoài!” “Lại đây!” Hình bóng cloaked cúi xuống bên Finch, người vẫn còn run rẩy, bất lực. Langdon nhanh chóng tiến lại trong sự bối rối khi quái vật lục trong túi của Finch, kéo ra ví của anh ta và lấy một thẻ “PRAGUE” màu đen giống y hệt với cái mà Gessner đang mang theo. “Bạn sẽ có hai mươi giây,” hình bóng hét lên, khó khăn nghe được qua tiếng báo động khi hắn nắm lấy tay Finch và ép ngón tay cái của người đàn ông lên bề mặt thẻ cho đến khi một đèn chỉ thị nhỏ chuyển sang màu xanh. Hắn ngay lập tức đưa thẻ đã kích hoạt cho Langdon. “Hai mươi giây! Đi!” “Còn bạn thì sao?!” Langdon hỏi. “Tôi là Gollem,” hình bóng đáp. “Tôi đã chết nhiều lần.” Chúc bạn gặp nhiều may mắn, Gollem nghĩ, nhẹ nhõm khi thấy Robert Langdon và Katherine Solomon chạy ra khỏi hình vòm. Họ không đáng phải chết. Nhưng Finch, thì lại là một câu chuyện khác. Gollem đứng trên cái xác đầm máu của hắn... người điều khiển con rối đã giám sát dự án này. Trong ánh sáng quay cuồng của vòm Threshold, sinh vật quay sang cái pod EPR gần nhất, ấn nút thả và mở nắp. Rồi hắn nhắc người đàn ông nhỏ bé lên qua miệng pod và đổ anh ta vào trong như thể hắn đã là một xác chết không còn sự sống. Đôi mắt của Finch bulging, và anh bắt đầu lấy lại khả năng di chuyển, nhưng đã quá muộn. Gollem nhanh chóng gắn các dây Velcro nặng nề của pod vào tay và chân hắn, giam giữ nạn nhân trong không gian giống như quan tài. “Làm ơn... dừng lại...” người đàn ông khò khè, lấy lại giọng nói của mình. Leaning vào trong pod, Gollem đặt miệng hắn cách tai Finch một inch và thì thầm, “Tôi ước tôi có thể biến máu của bạn thành băng và để bạn cảm thấy những gì tôi đã cảm thấy bao nhiêu lần... nhưng không có thời gian cho điều đó.” “Bạn... là... ai?” người đàn ông lắp bắp. “Bạn biết tôi,” Gollem trả lời. “Bạn đã tạo ra tôi.” Finch nhìn lên, xem xét kẻ tấn công của mình, đôi mắt anh khám phá khuôn mặt quái vật với sự tuyệt vọng ngày càng tăng. Nhưng Gollem không có ý định cho hắn sự thỏa mãn của việc khám phá. Bình tĩnh, Gollem nhìn xuống nạn nhân của mình và nói những lời cuối cùng mà người

đàn ông này sẽ nghe. Rồi hắn ấn nút bên cạnh pod và nhìn với sự hài lòng khi nắp gullwing trong suốt hạ xuống, niêm phong Finch bên trong, làm cho hắn im lặng.

tiếng la hét kinh hoàng của anh, bị cuốn vào tiếng hú khẩn cấp của còi báo động. L CHUỖNG 116 angdon và Katherine chạy ào ra hành lang bên ngoài phòng khách hình vòm, vừa tóm lấy được thẻ RFID của Finch trước khi nó ngừng kích hoạt và nhấp nháy màu đỏ trong tay Langdon. Đồng thời, họ rẽ sang phải, cùng nhau chạy về phía cầu thang ở cuối hành lang. Có vẻ như cầu thang này là lối thoát nhanh hơn nhiều so với con đường vòng vo mà họ đã vào. Trong ánh đèn nhấp nháy hỗn loạn của các đèn báo động, họ đến được cánh cửa ở cuối hành lang và vội vàng bước vào một cầu thang bê tông xin màu. Bước nhanh hai bậc một, Langdon vẫn có thể nghe thấy giọng nói trống rỗng của sinh vật được phủ đất sét, người vừa giúp họ thoát khỏi. Cơ sở này sắp nổ tung. Làm thế nào hay tại sao điều đó lại xảy ra, Langdon không biết, nhưng Judging từ những tiếng còi báo động và ánh sáng khẩn cấp, rõ ràng là có điều gì đó tại Threshold đã sai hoàn toàn—rất có thể do chính tay người đàn ông đó. Một trong những sản phẩm phụ của sự sợ hãi, Langdon biết—đặc biệt là nỗi sợ cái chết—là sự rõ ràng hoàn toàn về mục đích. Bất chấp sự lộn xộn của hàng loạt câu hỏi trong đầu về những gì vừa xảy ra trong phòng hình vòm, bộ não Langdon đã tắt tiếng ồn đó và điều chỉnh nó đến một kênh duy nhất, đơn độc. Sự sống còn. Anh dẫn đường lên tầng trên, nơi anh và Katherine đến thờ hồn hèn trước một cánh cửa kim loại có ghi dấu hiệu □□□□. Không do dự, Langdon đã xô cửa ra, và họ thấy mình ở trong một hành lang trải thảm, với những tấm ốp gỗ sồi. Những cạnh lạnh lẽo, vô trùng của cơ sở hoạt động đã biến mất; nơi này trông giống như văn phòng của một công ty luật cao cấp ở Cambridge. Họ chạy dọc theo hành lang, vượt qua các phòng hội nghị, văn phòng, và vào một khu vực làm việc rộng lớn với nhiều ô cubicle. Tại đây, Katherine dừng lại, đưa tay ra và cũng ngăn Langdon lại. Ở cuối phòng, một người phụ nữ ăn mặc chuyên nghiệp đang gấp rút thu dọn đồ đạc khỏi ô cubicle của mình. Rõ ràng, hôm nay Threshold không hoàn toàn bị bỏ trống. Ngay lúc đó, hai chàng trai trẻ trong bộ vest chạy tới gia nhập cùng cô, ra hiệu cho cô đuổi theo. Họ đều chạy đi mà không nhìn lại. Theo họ, Langdon nghĩ. Họ chắc chắn biết đường ra. Khi họ đã khuất tầm nhìn, Langdon và Katherine hướng về phía họ, mà anh nghi ngờ là hướng tới lối vào chính mà họ đã thấy trước đó bên rìa công viên Folimanka. Langdon nhìn vào cái bìa tài liệu mã hóa lòi ra khỏi túi xách của Katherine và hy vọng cuộc di tản khẩn cấp sẽ tạo ra đủ hỗn loạn để họ có thể lẩn trốn mà không bị phát hiện. Nếu chúng ta kịp thoát, anh nghĩ khi những tiếng còi báo động vang lên trên đầu. “Kia kia!” Katherine hét lên, chỉ về phía một dấu hiệu sáng rực ở cuối hành lang. Họ đẩy cửa tiến vào và thấy mình trong một phòng bảo mật giống như phòng mà họ đã đi qua trước đó—with một thiết bị phát hiện kim loại, băng chuyên X-ray, và máy quét cơ thể. May mắn thay, nơi này không có người, và Langdon cùng Katherine lao qua, bước ra ngoài nơi giống như một bãi đỗ xe ngầm lớn, hầu như trống rỗng ngoại trừ vài chiếc xe xây dựng, một vài chiếc ô tô, và một số máy móc cỡ lớn trên những bệ phẳng. Năm mươi thước phía trước, Langdon đã thấy điều mà anh đã lo sợ rằng họ có thể không bao giờ thấy lại. Ánh sáng ban ngày. Ở cuối bãi đỗ xe, lối vào của hầm dẫn lên đường dốc. Ba nhân viên mà họ vừa thấy ở bên trong đang vội vã lên dốc và biến mất khỏi tầm nhìn. Langdon và Katherine lao về phía lối vào, nhưng khi họ làm vậy, ánh sáng ban ngày bắt đầu phai đi...lối vào bắt đầu thu hẹp lại. Họ đang đóng cửa! “Chờ đã!” Langdon hét lên, giọng nói của anh bị nuốt chửng bởi tiếng báo động âm ỉ. “CHỜ!” Anh có thể thấy họ sẽ không bao giờ tới nơi. Vẫn còn hai mươi thước nữa, tiêu điểm ánh sáng ban ngày thu hẹp thành một khe hẹp và sau đó hoàn toàn biến mất khi cánh cửa trượt lại với một tiếng vang lớn, khóa chặt họ bên trong. Ba tầng dưới, bị trói chặt như một bệnh nhân tâm thần bạo lực, ông Finch đã ngừng vật lộn. Ông chỉ còn biết nhìn lên với vẻ không thể tin nổi qua lớp vỏ trong suốt của pod EPR và quan sát những hình khối mờ nhạt của đèn khẩn cấp quét qua mái vòm bên trên. Chuỗi báo động toàn cơ sở này đã xác nhận với ông Finch hai thực tế không thể chối cãi. Đầu tiên, những lời cuối cùng của kẻ tấn công của ông là sự thật. Tôi đã đóng vanhelium của bạn... và niêm phong lối thoát của bạn. Và thứ hai, Threshold và tất cả những gì trong đó sắp bị phá hủy. SMES đang quá nhiệt. Việc lắp đặt hệ thống lưu trữ năng lượng từ tính siêu dẫn chính là ý tưởng của Finch—một cách để che giấu sự gia tăng tiêu thụ năng lượng của Threshold trong những hoạt động cần một lượng lớn điện. Thay vì thu hút sự chú ý của các công ty điện lực địa phương, Threshold đã rút một lượng điện nhỏ không đáng kể từ lưới điện suốt ngày đêm, tích lũy nó trong các cuộn dây siêu dẫn để sử dụng bất cứ khi nào họ cần. Điện ổn định, không bị ngắt quãng. Đó là công nghệ cực kỳ ổn định và an toàn. Điều đó là, trừ khi ai đó quyết định làm vũ khí hóa nó,

...mà không có biện pháp an toàn nào cho hoạt động gián điệp. Finch bây giờ đã hiểu rằng ông sẽ chết, và ông buộc mình phải chấp nhận sự thật đó với sự bình tĩnh tách rời mà ông đã gọi đến để xử lý mọi quyết định và ngã rẽ trong cuộc đời mình. Sau khi nhận ra danh tính thật sự của kẻ sát nhân, ông cảm thấy như mình đang bị kẹt trong một loại huyền thoại cổ điển. Một quái vật trở lại để hủy diệt người sáng tạo của nó. Sự mỉa mai của golem lịch sử của Prague không hề mất đi giá trị với ông. Khi Finch tưởng tượng đến hệ thống SMES ở phía dưới, ông biết rằng chỉ còn là vấn đề giây lát. Những gì sắp xảy ra sẽ là thảm họa. Một quả bom áp suất... đã được kích nổ sâu dưới lòng đất. Âm thanh cuối cùng mà Finch cảm nhận được trước khi màng nhĩ của ông nổ tung là tiếng nứt rời rạc và sự vỡ vụn của nắp pod ở trên đầu ông. Khi góc nhìn của ông tăng tốc hướng lên trần hình vòm, ông không chắc liệu linh hồn của mình đang vọt ra khỏi cơ thể, hay toàn bộ sàn trần đang lao lên bầu trời. Dù thế nào đi nữa, ông cảm thấy không có đau đớn... chỉ là một cảm giác xa cách mơ hồ khi cơ thể vật lý của ông bị xé vụn bởi cơn gió trắng rít gào. Cơn sóng chấn động bùng nổ từ nhà ngục ngầm với sức mạnh không thể tưởng tượng nổi. Trong chưa đầy một phần mười giây, nó xé qua sàn của phòng họp hình vòm và lan rộng theo chiều ngang qua tầng dưới của Threshold, san phẳng phòng thí nghiệm máy tính lượng tử trước khi phát nổ hướng lên phòng RTD, trung tâm y tế và không gian phẫu thuật, xóa sổ tất cả chúng. Đám mây khí cuộn cuộn, vẫn đang mở rộng, đẩy ra ở mọi hướng, tìm kiếm con đường ít cản trở nhất. Một khoảnh khắc sau, con đường đó đã được tìm thấy. Rất khó để làm cho một thủy quân lục chiến Mỹ cảm thấy mất thăng bằng. Dù vậy, Hạ sĩ Scott Kerble cảm thấy mất thăng bằng như chưa bao giờ trong sự nghiệp của mình. Cảnh tượng diễn ra trước mắt ông không giống bất cứ điều gì ông từng chứng kiến hoặc thậm chí tưởng tượng là có thể xảy ra. Sau khi phát hiện ra chiếc SUV của đại sứ đỗ một cách kín đáo giữa một số cây trên con đường vào Crucifix Bastion, Kerble đã đứng trên đỉnh đồi, bắn khẩu về tình huống, khi ông cảm thấy mặt đất rung chuyển dữ dội dưới chân. Địa chấn đã là phản xạ đầu tiên của ông, nhưng sự rung chuyển chỉ là một cơn chấn động đơn lẻ, đi kèm với một tiếng gầm sâu thẳm bên trong lòng đất. Khi Kerble nhìn xuống vùng tuyết bao la của Công viên Folimanka ở bên dưới, ông nhận ra rằng mình chứng kiến một điều khác hoàn toàn. Trong chuyển động chậm, trung tâm của công viên dường như đang dâng lên, căng lên trời trong một khối u to lớn, như thể một con quái vật ngầm khổng lồ đang cố gắng thoát ra. Tuyết trượt xuống các sườn đồi khi mặt đất tiếp tục leo cao hơn. Sau đó, với một tiếng nứt ầm ầm, một cột geyser khí trắng bạo lực bắn qua bề mặt đất, phóng hàng trăm feet lên không trung. Trong trạng thái choáng váng, Kerble lùi lại khi cột hơi nước vươn lên bầu trời trên công viên. Tiếng gào thét chói tai từ dưới lòng đất chỉ kéo dài vài giây trước khi lắng xuống... tiếp theo là tiếng va chạm của ngọn núi đất sụp xuống chính nó. Ông tiến về phía trước trong disbelief và khảo sát sự tàn phá. Một miệng hố sâu đã mở ra nơi trung tâm của Công viên Folimanka từng tồn tại. Lỗ hồng há miệng chứa một đồng đồ nát xoắn tít và bụi bốc lên. Một khoảnh khắc sau, một cơn gió lạnh lẽo từ thần thổi lên từ công viên. Và sau đó, giống như ma thuật, không khí xung quanh ông đông đặc lại và tràn ngập bông tuyết li ti như đường bột.

CHƯƠNG 117

Vài giây trước khi vụ nổ, với tiếng còi vang dội, Langdon và Katherine đã la hét cầu cứu khi cánh cửa garage kiên cố trượt đóng lại và bật kín họ bên trong. Khao khát được nghe thấy, Langdon đã mở cửa xe của một chiếc sedan gần đó và bắt đầu bấm còi, nhưng thậm chí tiếng đó còn không nghe thấy rõ giữa tiếng ồn. Điều đó giờ không còn quan trọng nữa. Langdon cảm thấy một sự thay đổi rõ rệt trong không khí... một áp lực đột ngột trong tai của mình, đi kèm với làn sóng đầu tiên của một tiếng gầm trầm, khàn khàn. Bất cứ điều gì đang xảy ra ở Threshold... đang diễn ra ngay lúc này. Langdon hy vọng rằng garage này đủ xa khỏi lõi của cơ sở để tránh được vụ nổ. “Làm ơn đứng trước!” Katherine hét lên khi cô kéo cửa sau của chiếc sedan mở ra và chui vào. Langdon nhảy lên ghế lái, cả hai cùng đóng cửa xe một cách đồng bộ. “Cúi thấp và thắt dây an toàn—” Cửa sổ xe vỡ vụn, và một cơn gió lạnh lẽo quất vào trong xe. Với sức mạnh của một chuyến tàu cao tốc, một cơn bão vùn vùn qua garage, xóa tan mọi ánh sáng và nâng chiếc sedan lên như một món đồ chơi. Trong chớp mắt, họ bị lộn ngược trong bóng tối, chiếc xe của họ lăn qua lăn lại trên sàn garage. “Katherine!” Langdon hét lên trong cơn bão lốc chói tai, nắm chặt lấy vô lăng và cố gắng giữ thăng bằng tốt nhất có thể khi chiếc xe lăn sang một bên.

Một cú lộn ngược trong một chiếc fighter jet được cho là động tác ít gây chấn động nhất vì lực ly tâm giữ bạn ở lại chỗ ngồi. Langdon giờ nhận ra điều đó là đúng... ít nhất là trong một vài khoảnh khắc. Rồi không lâu sau, cú va chạm đến. Chiếc sedan đã va vào một vật cứng và dừng lại đột ngột. Langdon bị

ném ra khỏi ghế và rơi xuống một nơi nào đó... Mờ mịt và trong bóng tối hoàn toàn, anh cảm thấy lạnh buốt. Não anh nhanh chóng kiểm tra cơ thể, đánh giá cơn đau chỉ là những vết cắt và bầm tím chứ không phải là những chi bị tổn thương. Cơn cuồng nộ của vụ nổ đã lắng xuống nhanh chóng như khi nó xuất hiện. Những tiếng còi báo động cũng đã im bật. Tại Langdon đang réo, và không có ánh sáng, anh cảm thấy hoàn toàn bị mất phương hướng. Một cơn lạnh buốt đã lan tỏa xung quanh họ, dù Langdon cảm thấy mình vẫn còn trong chiếc xe. “Katherine?” Langdon thử gọi. Giọng nói đáp lại yếu ớt nhưng rất gần. “Ồ đây.” Langdon cảm thấy một làn sóng nhẹ nhõm. “Em có ổn không?” “Em không... chắc,” cô cố gắng nói. “Anh... đang đè lên em.” Langdon giờ nhận ra mình đang nằm đè lên cô. Cẩn thận, anh dịch chuyển trọng lượng sang một bên, lăn ra khỏi cô. Vai anh đập đau xuống những mảnh kính an toàn vỡ, và anh dịch chuyển thêm lần nữa, tìm một chỗ sạch để tựa vào. Khi anh định hình lại, anh nhận ra chiếc xe mà họ đã ẩn nấp đang lật ngược, và họ giờ đang nằm dựa vào nó. Rón rén tiến lên phía trước, Langdon dò dẫm qua bóng tối cho đến khi tay anh tìm thấy khung của một cửa sổ vỡ. Lỗ hổng có vẻ quá nhỏ để anh có thể chui qua, và anh tiếp tục sờ quanh bên trong chiếc xe cho đến khi phát hiện một lỗ hổng lớn hơn—kính chắn gió hoặc cửa sổ phía sau. Nắm một bên, anh kéo mình về phía trước, trườn qua lỗ hổng lên sàn nhà gara cứng. Sàn rất trơn và lạnh với một lớp gì đó cảm giác như sương giá. Quỳ trên tay và đầu gối, Langdon quay lại và với tay ra phía sau qua lỗ hổng. “Katherine, ở đây,” anh nói một cách bình tĩnh nhất có thể, lo lắng không biết liệu cô có bị thương không. “Em có tìm được tay anh không? Em có bị thương không?” Anh có thể nghe thấy sự chuyển động của cô trong bóng tối, và anh tiếp tục nói với cô, dẫn cô về phía mình. Cuối cùng, tay họ chạm vào nhau. Những ngón tay của Katherine lạnh giá, bàn tay cô run rẩy vì sốc. Nhẹ nhàng, anh kéo cô về phía mình, giúp cô ra khỏi xe. Cô ngay lập tức đứng dậy và ôm chặt lấy anh. Khi họ ôm chặt nhau, Langdon cảm thấy một cảm giác từng trải—ôm cô một lần nữa trong bóng tối lạnh lẽo, một cảm giác nhẹ nhõm tột độ khi biết rằng cô đã an toàn. “Cặp của em...” cô thì thào. “Em đã làm mất nó... cái bìa...” “Quên nó đi,” anh nói, ôm cô chặt hơn. Chúng ta còn sống. Đó là tất cả những gì quan trọng. Langdon không biết chuyện gì vừa xảy ra hay thiệt hại lớn đến mức nào, nhưng anh nghi ngờ chính phủ Hoa Kỳ sẽ phải trả lời hàng trăm câu hỏi trong những ngày tới. Nếu may mắn, anh và Katherine có thể sẽ là mối quan tâm nhỏ nhất của CIA. Finch rất có thể đã biến mất, Langdon nghĩ, cảm thấy rất ít nỗi buồn cho sự mất mát này. Nỗi buồn và cảm giác tội lỗi mà Langdon cảm thấy là dành cho linh hồn khác bị mất—người đàn ông trong chiếc mặt nạ golem làm bằng đất sét—sinh vật đã thực sự nổi lên từ lòng đất để cứu mạng họ. Finch đã yêu cầu tiết lộ danh tính của kẻ xâm nhập, và sinh vật đó đã bình tĩnh trả lời: Bạn đã phản bội lòng tin của Sasha... Tôi là người bảo vệ cô ấy. Langdon nghĩ về Sasha Vesna, tự hỏi cô ấy đang ở đâu, và thậm chí liệu cô ấy có còn sống đâu đó trong thành phố này không. Anh đã quyết định rằng nếu anh và Katherine ra khỏi đây an toàn, họ sẽ tìm kiếm Sasha và giúp đỡ cô. Không chỉ vì Sasha xứng đáng và cần điều đó, mà Langdon và Katherine còn có một món nợ ân nghĩa với người đàn ông vừa cứu mạng họ. Người đã tự gọi mình là người bảo vệ của Sasha. Nếu anh ta đã biến mất, giúp đỡ Sasha là nhiệm vụ đạo đức của chúng ta. “Nhìn kia,” Katherine thì thào, đặt tay lên vai anh và xoay anh trong bóng tối. “Ồ đằng kia.” Langdon nheo mắt nhìn vào bóng tối, không thấy gì. “Ồ đâu?” “Thẳng phía trước,” cô nói, xoay anh một chút sang bên phải. Giờ thì anh thấy nó. Ở đằng xa, chỉ mờ ảo qua lớp bụi đang lắng xuống, một tia sáng ban ngày lấp lánh trong bóng tối. Trong một ngày bình thường, một trận động đất ở Prague sẽ đứng đầu danh sách những mối quan tâm của Đại sứ Nagel. Tuy nhiên, vào lúc này, cơn rung lắc mà cô vừa cảm nhận lại có vẻ nhỏ bé so với cuộc trò chuyện của cô với Giám đốc CIA Judd. “Gỡ còng tay cho cô ấy,” giám đốc đã ra lệnh cho những người lính thủy đánh bộ ngay khi kết nối được thiết lập. “Đứng canh bên ngoài phòng. Không ai vào hay ra.” Những người lính tuân lệnh, và khi Nagel được gỡ còng tay và ở một mình, Judd đã hạ giọng xuống...

giọng nói và nói, “Finch là một quả pháo tự do. Hãy coi đây là sự giám sát bảo vệ.” Không cần giải thích thêm, giám đốc CIA đã bắt đầu một bài độc thoại, cố gắng biện minh cho mọi điều Nagel đã nghe trong lời thú nhận kinh hoàng của Gessner. Bây giờ, sau khi đã trình bày lập luận, Judd cúi người về phía camera, biểu hiện của ông vừa cầu xin vừa nghiêm túc chết người. “Chúng ta đang trong một cuộc chạy đua vũ khí, Heide,” ông nói, “và những kẻ thù của chúng ta đang ngày càng mạnh mẽ và hung hăng hơn mỗi ngày. Các kế hoạch đang được hình thành chống lại Mỹ là rất thực và có khả năng gây thảm họa, và chúng ta cần phải biết về chúng trước khi chúng xảy ra. Threshold đại diện cho lợi thế mà cộng đồng tình

báo của chúng ta cần để giúp đất nước chúng ta sống sót qua cơn bão sắp đến. Nếu chúng ta không nắm bắt được công nghệ tâm trí con người, thì người khác sẽ... và thay vì là những người giám sát, chúng ta sẽ trở thành những người bị giám sát.” Lập luận lâu đời, Nagel nghĩ. Ai đó sẽ làm điều đó, vậy thì tốt hơn là chúng ta. Nỗ lực khoa học nguy hiểm nhất và đáng nghi ngờ về mặt đạo đức trong lịch sử—xây dựng một quả bom nguyên tử—đã được khởi động dựa trên lý do tương tự. Và ngoài lập luận đạo đức hay chính trị, điều này lại đúng rằng việc Hoa Kỳ là nước đầu tiên sở hữu bom nguyên tử đã chấm dứt một cuộc chiến tranh tàn khốc và củng cố vị thế của Hoa Kỳ như một siêu cường trong nửa thế kỷ tiếp theo... một ví dụ thuyết phục về việc mục đích biện minh cho phương tiện. Nhưng đây là một bối cảnh khác. Nagel không thể bắt đầu tưởng tượng video này sẽ diễn ra như thế nào trên sân khấu thế giới. Nó không chỉ tiết lộ sự tồn tại của một công nghệ bí mật gây sốc, mà còn vén màn cho một sự thật khủng khiếp và không thể tha thứ; CIA đã thực hiện thử nghiệm trên các bệnh nhân tâm thần Nga bị bắt cóc, một trong số họ, Dmitri Sysevich, dường như đã chết trong chương trình. CIA sẽ bị lên án từ trên xuống dưới... bắt đầu từ giám đốc. “Như bạn có thể đoán,” Judd nói, “In-Q-Tel không liên quan gì đến Threshold. Tôi đã đặt Finch vào văn phòng của họ ở London như một vỏ bọc đáng tin cậy và để hỗ trợ hoạt động, nhưng rõ ràng là anh ta đã vượt quá giới hạn.” Giám đốc trông có vẻ hối tiếc. “Tôi không nên trao cho anh ta nhiều quyền lực như vậy.” Một tiếng gõ mạnh vào cửa thu hút sự chú ý của Nagel, và một trong những vệ sĩ đại sứ quán nhìn vào. “Thưa bà Đại sứ?” anh ta nói, trông có vẻ hoảng loạn. “Tôi xin lỗi vì sự gián đoạn. Chúng tôi có một cuộc gọi khẩn cấp cho bà.” Tôi đã có một cuộc rồi! cô muốn hét lên. “Ai vậy?” “Sergeant Kerble,” người lính thủy nói. “Anh ấy nói có một vụ nổ lớn dưới lòng đất tại Công viên Folimanka.” T CHUÔNG 118 ba trăm mét từ tâm điểm của sự tàn phá, đường hầm tàu điện ngầm trở lại Pháo đài Crucifix đã tồn tại hơn hoặc kém nguyên vẹn, mặc dù không còn nguồn điện hay ánh sáng. Nền tảng nhỏ bên ngoài lối vào Threshold đầy rác rưởi và bụi bặm. Nằm ở đáy của kênh bê tông chứa đường ray, một nhân vật bắt đầu động đậy. Trong bóng tối hoàn toàn, The Gollem từ từ quỳ xuống, biết rằng mình thật may mắn khi còn sống. Cuộc chạy trốn của anh khỏi Threshold đã không diễn ra như kế hoạch, và anh vừa mới đến được tàu điện thì vụ nổ đã ném anh xuống kênh bê tông. Câu hỏi bây giờ là liệu The Gollem có thể thoát khỏi ngôi mộ ngầm này hay không. Lối đi phía sau anh chắc chắn đã bị phá hủy và bị chặn bởi đồng đồ nát. Lối đi phía trước, qua đường hầm dài tăm tối, có thể đã sụp đổ do sóng áp lực, và không có cách nào biết được nếu thang máy dẫn đến Pháo đài Crucifix vẫn còn nguyên vẹn. Bất chấp cơn kiệt sức sâu sắc của mình, The Gollem biết mình không thể phép mình chết ở đây. Tôi phải trốn thoát để tôi có thể giải thoát cho Sasha. Được thúc đẩy bởi nhận thức này, The Gollem tìm thấy bên cạnh của kênh, đặt một tay lên đó, và sau đó tự ép mình tiến vào bóng tối. Kéo tay dọc theo tường để chỉ dẫn, anh rơi vào nhịp điệu ổn định, những đôi ủng của anh đập trên bề mặt không bằng phẳng đầy những mảnh vụn nổ, đôi chân anh cảm thấy nặng nề hơn với mỗi bước đi. Một thiên thần hộ mệnh không thể ngủ. Rung chuyển và bầm dập, Langdon và Katherine từ từ tiến qua garage mờ mịt, điều hướng những cạnh sắc nhọn của các phương tiện bị phá hủy và bê tông rơi xuống, di chuyển về phía nguồn sáng duy nhất—một khe ánh sáng ban ngày ngày càng sáng hơn khi bụi tiếp tục lắng xuống. Khi họ cuối cùng đến được ánh sáng, Langdon có thể thấy cánh cửa trượt khổng lồ của garage đã bị đánh bật ra khỏi đường ray. Đáy của tấm bảng bị bẻ cong ra ngoài, tạo ra một khoảng trống thấp, hẹp. Langdon cúi xuống và nhìn qua, thấy được một vài feet của lối đi dốc bên kia. Không chắc họ sẽ tìm thấy gì phía bên kia, Langdon đi trước, nằm nghiêng và lách vào khoảng trống. Từng inch một, anh kéo mình đầu tiên qua mở. Lỗ hổng chật chội hơn tưởng tượng, và giữa chừng anh cảm thấy một làn sóng nữa của sự chật chội chiếm lấy. Tuyệt vọng, anh giẫy giụa.

cơ thể mình cho đến khi hông anh cuối cùng đã thoát ra, cho phép anh lăn trên tay và đầu gối rồi bò ra ngoài không khí trong lành. Tuy nhiên, sự nhẹ nhõm anh cảm thấy khi được tự do đã nhanh chóng bị dập tắt bởi hai người lính mặc đồ đen đứng bên trên với súng trường chĩa vào ngực anh. Thật là tuyệt. Trước khi Langdon có thể cảnh báo Katherine, cô đã bò qua lỗ hổng, kéo cơ thể mảnh mai của mình ra ngoài lối vào với ít khó khăn hơn nhiều. Khi cô ngẩng lên, người lính thứ hai đã chuyển mục tiêu nhắm vào cô. “Xác định danh tính!” anh ta hét lên. “Ngay bây giờ!” Langdon nheo mắt nhìn xung quanh, thấy chính xác những gì anh lo sợ - lối vào công trường được bảo vệ nghiêm ngặt mà họ đã thấy trước đó, được bao quanh bởi tam giác hàng rào. “Xác định danh tính!” người lính lặp lại, tiến lại gần hơn. “Tôi sẽ cho bạn đúng—” “DỪNG LẠI, LÍNH!” một giọng nói quyền lực của người Mỹ hét lên từ trên

đỉnh lối vào. Một lính thủy thuộc lực lượng Hoa Kỳ trong bộ đồng phục màu xanh đầy ấn tượng đã đi xuống con dốc. “HAI NGƯỜI ĐÓ CÙNG VỚI TÔI!” Những người lính giật mình lùi lại khỏi Langdon và Katherine để tham gia vào cuộc trò chuyện với người lính thủy, người mà rõ ràng có địa vị cao hơn họ. Cuộc nói chuyện của họ ngắn gọn, và hai người lính, rõ ràng không hài lòng vì bị đảo ngược, đã lùi lại lên dốc. Langdon cảm thấy vui vì không còn bị chĩa súng vào mình nữa, nhưng giờ đây anh lo sợ rằng anh và Katherine có thể đã rơi vào một tình huống nghiêm trọng hơn nhiều. Người lính thủy này là ai? CIA? Một trong những tay sai của Finch? Khi những người lính rời đi, vẻ nghiêm nghị của người lính thủy đã dịu lại, nụ cười thân thiện giờ không còn khớp với bộ trang phục cứng nhắc của ông. “Ông Langdon... Bà Solomon,” ông nói khi giúp họ đứng dậy. “Tôi là Scott Kerble. Tôi làm việc cho Đại sứ Nagel.” Langdon hy vọng ông ta đang nói thật. “Chúng tôi cần gặp bà ấy ngay lập tức.” Người lính thủy sắp trả lời thì một trong những lính gác đã quay lại, chụp một bức ảnh ba người họ cùng nhau, rồi quay lại con dốc, thực hiện một cuộc gọi khi đi. Kerble mắng thầm trong miệng. “Tôi phải đưa các bạn ra khỏi đây ngay lập tức.” “Tới đại sứ quán?” Langdon hỏi. “Chúng ta có thể bàn về điều đó trong xe,” ông nói, bắt đầu đi lên dốc. “Đi theo tôi.” Bàn về điều gì? Bình luận này khiến Langdon càng thêm cảnh giác. “Thực ra, trước khi chúng tôi đi đâu, chúng tôi muốn nói chuyện với Đại sứ Nagel.” “Tôi đồng ý,” Katherine nói. “Nếu chúng tôi—” “Cả hai người, lắng nghe,” người lính thủy quát, quay lại với họ và đứng gần, vẻ thân thiện biến mất. “Đại sứ đã bị giữ lại theo lệnh của chính giám đốc CIA. Và tôi khá chắc chắn rằng hai bạn là người tiếp theo trong danh sách của ông ấy.”

CHƯƠNG 119

Ngồi sau tay lái của chiếc sedan của đại sứ quán, Scott Kerble lao nhanh về phía bắc dọc theo dòng sông, quay trở lại con đường mà anh đã đến. Ở hướng ngược lại, một đoàn xe cứu hộ đang lao về phía Công viên Folimanka. Không còn gì để cứu vãn, anh nghĩ. Trong ghế sau, Langdon và Solomon đã rơi vào im lặng ngạc nhiên sau khi nhìn thấy quy mô của sự tàn phá mà họ đã sống sót. Tất cả những gì còn lại của hầm trú ẩn Folimanka là một khoảng trống lớn, sâu vài tầng, đầy những khối đá, đất, bê tông vỡ, và thép cong. Kerble không thể tưởng tượng được điều gì đã gây ra sự nổ bất thường. Theo những gì anh có thể thấy, đã không có hỏa hoạn hay nhiệt—chỉ có cái lạnh. Anh biết rằng hầm trú ẩn thời kỳ Liên Xô đã được Quân đội Hoa Kỳ Corps of Engineers sửa chữa trong vài năm qua và chắc chắn không nên chứa chất nổ. “Anh đưa chúng tôi đi đâu?” Langdon hỏi từ ghế sau. Câu hỏi hay, Kerble nghĩ. Anh chưa thật sự hình dung ra bức tranh lớn, nhưng anh biết Đại sứ Nagel và Giám đốc CIA Judd đang bị mắc kẹt trong một cuộc đấu tranh quyền lực, và nó bằng cách nào đó liên quan đến Langdon và Solomon. Sau vụ nổ, khi Kerble gấp rút xuống sườn đồi, anh đã gọi cho Nagel để xác nhận an toàn của bà. Bà đang có cuộc gọi với giám đốc. Khi Kerble giải thích rằng sự rung chuyển không phải là động đất mà là một vụ nổ dưới Công viên Folimanka, những từ đầu tiên của Nagel, thật kỳ lạ, đã hỏi về vị trí của Langdon và Solomon. Bà đã ra lệnh cho Kerble đến hiện trường và tìm kiếm họ. Bất kể điều gì đang xảy ra giữa đại sứ và giám đốc CIA, Kerble đã chọn bên một giờ trước, với quyết định nhanh chóng của mình để đưa túi ngoại giao của Nagel ra khỏi đại sứ quán. Đó là một sự ứng biến kịp thời, vì giám đốc đã ngay lập tức ra lệnh kiểm tra khu vực của đại sứ cùng với các nhân viên thân cận của bà, bao gồm cả Kerble. Nếu tôi giữ túi đó... CIA sẽ có nó rồi. Khi anh lái xe về phía đại sứ quán, phòng trường hợp chiếc sedan của anh đang bị theo dõi, trực giác của Kerble cho anh biết rằng việc giao Langdon và Solomon vào tay giám đốc CIA không phải là điều mà Nagel mong muốn. Anh cũng cảm nhận rằng còn nhiều điều anh chưa biết.

“Chúng ta cần phải ra ngoài,” Langdon tuyên bố, giọng nói của anh vang lên đầy quyền uy bất chấp hoàn cảnh. “Tôi không thể cho các bạn biết chi tiết, nhưng hãy tin tôi khi tôi nói rằng đại sứ của các bạn đang gặp nguy hiểm nghiêm trọng—đặc biệt nếu giám đốc CIA đã giữ cô ấy.” Nguy hiểm nghiêm trọng? Kerble hiểu rõ danh tiếng của Gregory Judd về việc không tha cho ai khi nói đến an ninh quốc gia. Nhưng liệu anh ta có thực sự làm hại một đại sứ? Kerble đã xem xét việc nhắc đến túi ngoại giao mà giám đốc dường như rất quyết tâm tìm kiếm, nhưng lệnh từ đại sứ về túi đó đã rất rõ ràng. Không nói với ai. “Nếu đại sứ muốn sống sót qua chuyện này—về thể chất hay chính trị,” Langdon nói, “tôi tin rằng chỉ còn một điều có thể giúp cô ấy. Tôi cũng tin rằng tôi có thể tìm ra nó.” Mặc dù tuyên bố này khá táo bạo, Kerble cảm nhận được rằng người đàn ông này ít nhất cũng tin vào những gì mình đang nói. “Bạn đang tìm kiếm điều gì?” “Đó không phải là một cái gì,” Langdon trả lời. “Đó là một ai.” Kerble liếc nhìn lên, khóa chặt ánh mắt với giáo sư qua gương chiếu hậu. “Ai vậy?” “Cô ấy tên là Sasha Vesna,” Langdon nói, “và mọi

thứ mà đại sứ cần để vượt qua cơn bão này nằm trong đầu Sasha.” Robert biết cách tìm Sasha? Trong khoảnh khắc, Katherine lo sợ rằng Langdon có thể đang bị mất, nhưng cái gật đầu của anh như một lời đảm bảo cho cô biết anh đang nói thật. Tìm Sasha là chìa khóa cho tất cả... Cũng toàn diện hơn nhiều so với tập hồ sơ mà Katherine đã mất trong vụ nổ, chính Sasha là bằng chứng không thể chối cãi rằng Threshold đã từng tồn tại. Một lần quét não duy nhất sẽ chứng minh rằng cấy ghép tiên tiến này không chỉ là thật, mà còn rằng CIA đã lừa một bệnh nhân tâm thần trẻ tuổi người Nga trở thành một đối tượng thử nghiệm y khoa. Việc định vị Sasha thậm chí còn quan trọng hơn bây giờ, vì việc tàn phá Threshold đã làm tình thế mong manh của họ trở nên nguy hiểm hơn. CIA sẽ vào chế độ kiểm soát thiết hại, và với tất cả chứng cứ về những sai trái bị chôn vùi một cách thuận lợi dưới công viên Folimanka, cơ quan sẽ hành động nhanh chóng để dọn dẹp mọi chi tiết còn lại. Robert và tôi chắc chắn đủ tiêu chuẩn là những chi tiết chưa được giải quyết, cô biết. Cũng như Sasha Vesna và Dmitri Sysevich. Katherine hình dung hình bóng thần bí mà họ đã thấy trong Threshold. Người đàn ông đó tự xưng là “người bảo vệ của Sasha” và gần như chắc chắn là Sysevich—người Nga có tóc đen bị động kinh, người đã bị đưa đến từ một tổ chức. Hồ sơ y tế của hắn, thoát nhìn, đã gợi ý cho Katherine rằng hắn đã chết, nhưng giờ đây có vẻ như đã có điều gì khác xảy ra với hắn. Có lẽ hắn đã trốn thoát khỏi bàn tay của họ. Dù tình trạng của hắn thế nào, không ai có động lực mạnh mẽ hơn Dmitri để trở lại và tiêu diệt cơ sở đã phải chịu đựng những cơn ác mộng không thể tả nổi. Bệnh tâm thần, Katherine nghi ngờ, gần như chắc chắn có liên quan. Người đàn ông đã bôi đất lên người và hy sinh cuộc sống mình để phá hủy Threshold. Cô tự hỏi liệu Dmitri có một tình trạng tâm lý trước đó trong tổ chức, hay liệu nó đã được gây ra bởi chấn thương từ phẫu thuật não xâm lấn và việc buộc dùng ma túy tâm lý. Dù sao đi nữa, Dmitri Sysevich rõ ràng không phải là một người khỏe mạnh. “Sasha đang ở một nơi an toàn,” người đàn ông đã nói. “Robert,” Katherine thúc giục. “Anh thật sự biết cách tìm Sasha?” “Tôi vừa tìm ra,” anh trả lời. “Chỉ có một nơi cô ấy có thể ở... nhưng để tìm được cô ấy, tôi cần vào căn hộ của cô ấy—” “Cô ấy không ở đó,” Kerble cắt ngang. “Tôi là người đã tìm thấy xác Harris. Sasha đã rời đi từ lâu. Nhóm của chúng tôi đã nhanh chóng thu hồi Harris, khóa cửa và rời đi.” “Tôi hiểu,” Langdon nói. “Nhưng tôi vẫn cần vào trong. Có điều gì đó ở đó có thể giúp chúng ta. Bạn đã vào được căn hộ của cô ấy như thế nào?” “Đồng nghiệp của tôi, Dana Daněk. Cô ấy có một chiếc chìa khóa.” “Trên một chiếc móc chìa khóa của Krazy Kitten?” Langdon hỏi. Kerble liếc nhìn qua vai. “Sao bạn biết điều đó?” “Bởi vì tôi là người đã đưa nó cho cô Daněk. Và bây giờ tôi cần lấy lại nó ngay lập tức.” “Điều đó là không thể,” Kerble nói. “Dana không còn giữ nó nữa.” Langdon lăm bầm chửi thề. “Ai đang có nó bây giờ?” Kerble thò tay vào túi và ném một vật nhỏ lại cho Langdon. “Bạn có, giáo sư.” Một vụ nổ lớn ở Praha?! Jonas Faulkman cuống cuống lướt qua cảnh báo của New York Times trên máy tính và cố thuyết phục bản thân rằng vụ nổ chỉ là một sự trùng hợp. Dù xác suất thống kê rằng Langdon đã ở gần vụ nổ rất thấp, nhưng bạn của anh lại có thói quen đáng lo ngại là luôn thấy mình ở tâm điểm của rắc rối. Hơn một giờ đã trôi qua kể từ email của Langdon, và không có tin tức nào từ sau đó. Không thể dập tắt nỗi lo lắng đang gia tăng trong đầu mình, Faulkman gọi điện đến Khách sạn Four Seasons ở Praha và yêu cầu được nói máy tới phòng của Langdon. Lợi bộ trong bóng tối hoàn toàn trong đường hầm kín, The Gollem nghe thấy một sự thay đổi đột ngột trong âm thanh vang vọng.

bước chân của mình. Ít vang vọng hơn... Tôi đang ở trong một không gian mở. Chạy tay lên bức tường, anh đã tìm thấy một cái bậc và nhận ra với sự nhẹ nhõm rằng cuối cùng anh đã tới được bến xe điện bên dưới Bastion Crucifix. Bậc này ngang tầm mắt, cao hơn dự kiến, và anh sẽ phải kéo bản thân lên. Anh nhanh chóng cởi bỏ chiếc áo choàng nặng nề và đôi boot platform, xếp chúng thành một đồng ở chân. Sau đó, anh bước lên cái ghế tự tạo, với tay lên, và cảm thấy bậc, đo lường độ cao của nó. Anh sẽ cần nhảy cao đủ để chống khuỷu tay và cẳng tay lên bậc. Bạn phải trốn thoát. Cuộc sống của Sasha phụ thuộc vào điều đó. Được thúc đẩy bởi suy nghĩ về cô, The Gollem khom thấp và nhảy với tất cả sức mạnh của mình, khó khăn lắm mới tựa được lên trên. Đá những chân mệt mỏi, anh có thể xoay một chân lên cao và móc gót chân vào bậc. Chống lại lực hấp dẫn và sự kiệt sức, anh kéo mình lên sàn kim loại... và ngã quỵ. Trong gần một phút, anh nghỉ ngơi, mắt nhắm nghiền, hít thở sâu. Khi anh cuối cùng mở mắt ra, The Gollem thấy điều gì đó đang lơ lửng trong bóng tối... một vòng tròn nhỏ phát sáng. Một ánh sáng ở cuối đường hầm. Đó là nút đèn chiếu sáng cho thang máy Bastion Crucifix.

CHƯƠNG 120

Katherine cảm thấy lo lắng khi cô và Langdon bước ra khỏi chiếc xe ngoại giao vào cơn gió lạnh gần

Quảng trường Old Town. Theo yêu cầu của Langdon, trung sĩ Kerble đã đồng ý đưa họ đến đây trước khi tiếp tục trở lại đại sứ quán. Tôi hy vọng Robert biết anh ấy đang làm gì. Trong vài phút vừa qua, cô có thể thấy Langdon đang trở nên kỳ lạ với người lính Hải quân, từ chối tiết lộ chính xác nơi anh tin rằng Sasha đang ở. Tất cả những gì anh nói là anh cần đến căn hộ của Sasha để tìm một thứ gì đó sẽ giúp ích. Kerble có vẻ hiểu, có thể thậm chí là đánh giá cao, lý do của Langdon cho sự kín tiếng. Giám đốc CIA gấp rút cần tìm Sasha Vesna; nếu bị hỏi, Kerble không thể tiết lộ điều gì mà anh ta không biết. Katherine sẽ cảm thấy an toàn hơn nếu Kerble đi cùng họ, nhưng rõ ràng anh cần quay trở lại đại sứ quán. Đường như anh có thể là đồng minh duy nhất của đại sứ và cảm thấy có trách nhiệm phải có mặt để bảo vệ cô khỏi giám đốc CIA bằng bất kỳ cách nào có thể.

“Đại sứ sẽ biết ơn những nỗ lực của bạn,” Kerble nói khi hạ cửa sổ xe xuống để nói lời tạm biệt nhanh chóng. “Chúc may mắn. Bất cứ nơi nào bạn đang đi.”

“Cảm ơn vì sự hiểu biết của bạn,” Langdon đáp.

“Quản lý bảo mật, giữ bí mật,” Kerble nói. “Bạn có thể là một lính thủy.”

“Đó là một suy nghĩ đáng sợ,” Langdon nói khi anh với qua cửa sổ và bắt tay người lính Hải quân. “Tôi có sổ trực tiếp của bạn. Tôi sẽ gọi cho bạn ngay khi chúng tôi có bất kỳ thông tin gì.”

“Nếu chúng tôi tìm thấy Sasha,” Katherine thêm vào, “chúng tôi sẽ đưa cô ấy đến một nơi an toàn, và đại sứ sẽ có toàn bộ lợi thế mà cô ấy cần để bảo vệ bạn.”

“Tôi hy vọng bạn đúng,” Kerble nói. “Viện lý quân đội có cách làm hỏng một cuối tuần.”

Khi người lính Hải quân rời đi, Langdon đặt tay quanh Katherine và dẫn cô qua quảng trường đông đúc. Phía bên kia, họ đi qua một cổng vào một loạt các hẻm hẹp. Khi âm thanh ở quảng trường bắt đầu mờ dần phía sau họ, Katherine cảm thấy cuối cùng đã đủ riêng tư để nói chuyện.

“Vụ chuyện gì đang xảy ra?” cô buột miệng. “Và chúng ta đang đi đâu? Sasha ở đâu?”

“Chúng ta đang đi đến căn hộ của cô ấy,” anh nói. “Tôi đã nhận ra rằng Sasha không bao giờ rời đi. Cô ấy không thể. Cô ấy vẫn ở bên trong.”

Katherine dừng lại. “Người lính Hải quân vừa nói Sasha không ở đó.”

“Anh ấy đã sai.”

“Anh ấy nói cơ quan pháp y đã kiểm tra căn hộ!”

“Đúng, nhưng họ không kiểm tra toàn bộ.”

“Tôi không hiểu.”

“Bạn sẽ hiểu,” anh nói, giơ tay ra. “Đi nào.”

Katherine theo Langdon sâu hơn vào mê cung các con hẻm xung quanh quảng trường Prague. Tôi mừng vì anh ấy có trí nhớ tốt, cô nghĩ khi anh lần theo con đường mà Sasha đã dẫn anh hôm nay. Các con hẻm càng trở nên chật hẹp hơn, và những lối đi bằng đá cuội chìm vào bóng tối khi ánh sáng buổi chiều nhạt dần. “Đây là nó,” Langdon cuối cùng thông báo, dừng lại trước một cánh cửa không có đặc điểm gì nổi bật, trông như mọi cánh cửa khác mà họ đã đi qua.

“Bạn chắc chắn chứ?” Katherine không thấy số hay dấu hiệu nào. Langdon chỉ vào cửa sổ bên cạnh cánh cửa, và Katherine giật mình khi thấy bốn mắt đang nhìn ra phía cô. Hai con mèo Xiêm chăm chú quan sát từ bên trong, như thể đang chờ sự trở về của chủ nhân. Dù đã xác nhận đây là căn hộ của Sasha, sự có mặt của những con mèo chỉ càng làm tăng thêm sự mơ hồ trong Katherine về lý do tại sao Langdon lại nghĩ rằng Sasha thực sự ở đây.

“Robert, những con mèo đó trông như đang chờ Sasha về nhà.”

“Chúng đang chờ,” Langdon nói. “Chỉ là chúng không biết cô ấy cũng ở đây.”

Câu nhận xét đó không có ý nghĩa gì với Katherine. “Nhìn vào con hẻm này,” Langdon nói, chỉ quanh họ. “Nhớ tôi đã nói với bạn về mảnh giấy đã...”

Đã đưa vào dưới cửa của Sasha sáng nay? Chỉ trong vài giây sau khi nhận được ghi chú, tôi đã lao ra con hẻm này, nhưng người đưa thư đã biến mất. Không thể tin nổi. Anh ta không thể tự dung biến mất giữa không khí.” Cô quan sát con hẻm. Thù thật, không có chỗ nào để trốn. “Và sau đó tôi nhận ra,” Langdon nói, “câu trả lời rất rõ ràng. Người đã để lại ghi chú... không hề rời khỏi khu vực. Anh ta đơn giản chỉ bước vào một nơi trốn rất thuận tiện.” Katherine nhìn quanh, bối rối. “Ồ đâu?” “Ngay đó,” Langdon nói, chỉ tay. Ánh mắt của Katherine theo ngón tay chỉ của Langdon lên mặt tiền của tòa nhà đến một loạt cửa sổ chính xác ở phía trên căn hộ của Sasha. Tất cả các cửa sổ ở trên đều được che

kín bằng những cánh cửa gỗ nặng nề. “Căn hộ ở trên,” Langdon nói. “Gessner nói rằng cô ấy sở hữu cả hai căn hộ và đã từng sống ở đó trên căn nhà của mẹ cô ấy đang ốm. Bây giờ cô ấy cho Sasha sử dụng căn hộ phía dưới, và căn hộ phía trên thì... bỏ trống.” Katherine nghiên cứu những cửa sổ che kín của căn hộ trống và hình dung ra ai đó — có thể là Dmitri — đã đặt một ghi chú dưới cửa của Sasha và sau đó lặng lẽ đi lên trên khi Langdon tìm kiếm trên phố trong vô vọng. Có khả năng... Langdon tiến đến cánh cửa bên ngoài của tòa nhà, cánh cửa làm bằng gỗ dày, có các thanh chéo, với một mạng an ninh. Anh lôi chùm chìa khóa Krazy Kitten từ túi ra, mở khóa cánh cửa và dẫn Katherine vào sảnh u ám. Mặc dù lối vào khiêm tốn, cô có thể thấy rằng Sasha đã biến nơi này thành nhà của cô ấy. Cửa căn hộ của cô ngay bên phải, trang trí bằng các chậu cây, một vòng hoa glycine, và một tấm thảm welcome viết: □□□□□□□□□□□□□□□□. Trên tường phía sau của sảnh, một phòng chứa nhỏ ngập đến trần bằng những hộp bìa cũ. Khiến Katherine ngạc nhiên, Langdon đi thẳng tới đó, dừng lại chỉ cách chương ngại vật hộp một inch, ngực của anh gần như chạm vào chúng. Anh chăm chú nhìn lên, như thể đang nghiên cứu kiến trúc của cái góc tường, rồi gật đầu, ra hiệu mời cô lại gần. Khi Katherine tiến lại, Langdon bước sang bên phải, biến mất vào một khe nhỏ không thể nhận ra giữa các hộp và tường góc. Bị giật mình, cô vội theo sau, luồn qua lối đi chật hẹp, rẽ trái quanh đồng hộp, rồi rẽ trái một lần nữa, tìm thấy mình bên cạnh Langdon. Trong ánh sáng mờ lợt qua các hộp, cô thấy họ đang đứng ở chân một cầu thang hẹp, dẫn lên bóng tối. Cô nhận ra rằng đây không phải là một phòng chứa, mà là một chỗ đệm cho một cầu thang. “Tôi đã không chú ý ban đầu rằng sảnh này không có cầu thang lên tầng hai. Sau đó, tôi nhận ra phải có lối vào, và vì không có lối vào riêng biệt, cả hai căn hộ sẽ phải được truy cập qua sảnh này. Nó cũng giải thích tại sao ai đó có thể biến mất không dấu vết ngay sau khi trượt ghi chú dưới cửa của Sasha.” Katherine gật đầu. “Trốn chỉ cách vài bước. Rất thông minh.” “Đúng vậy, và sau khi tôi chạy đi đến Tháp Petřín, anh ta chỉ cần bước ra khỏi chỗ ẩn náu, vào căn hộ của Sasha, và hoặc là thuyết phục cô ấy đi lên trên hoặc làm cho cô ấy không thể cử động được. Dù sao đi nữa, anh ta chắc chắn đã để cô ấy ở trên để cô không phải nhìn thấy anh ta giết Harris.” Đơn giản và rõ ràng. Katherine gật đầu. “Và khi đại sứ quán tìm thấy thi thể của Harris, Sasha đã biến mất, vì vậy họ hợp lý cho rằng cô đã rời khỏi hiện trường.” “Chính xác.” “Vậy bạn dự định vào căn hộ như thế nào?” cô hỏi, nhìn lên cầu thang. “Tôi sẽ gõ cửa và hy vọng Sasha nghe thấy tôi.” “Đó là kế hoạch của bạn?” Katherine hỏi. “Nếu cô ấy bị thuốc quá liều không nghe thấy bạn? Hoặc cô ấy bị công và không thể đến cửa?” Langdon nhún vai. “Thì tôi có kế hoạch B.” Khi Langdon bắt đầu trèo lên cầu thang tối tăm, anh bật công tắc đèn ở dưới cùng, nhưng không có gì xảy ra. Katherine chỉ vào đèn trên đầu, cái mà không có bóng. “Không có bóng đèn.” Cô định gợi ý Langdon vào căn hộ của Sasha và tìm một chiếc đèn pin, nhưng anh đã lao vào bóng tối, không nghi ngờ gì muốn thoát ra khỏi lối đi chật hẹp. Katherine thích bóng tối cũng giống như Langdon thích không gian kín, nhưng cô buộc phải theo. Với tay đặt chắc chắn trên lan can rung rinh, cô leo lên đến đỉnh cầu thang và chạm tay ra một cách thận trọng để tìm Langdon ở mép của một sảnh nhỏ, trong bóng tối gần như hoàn toàn, đứng bên ngoài một cánh cửa đơn độc. “Sasha?!” anh gọi, gõ cửa. “Xin chào?!” Im lặng. Anh gõ mạnh hơn bây giờ. “Sasha? Tôi là Robert Langdon! Bạn ổn không?” Không có gì. Langdon thử mở cửa. Khóa. Sau khi gõ thêm một lúc nữa, anh áp tai vào cửa trong mười giây đầy mong chờ. Cuối cùng, anh lùi lại và lắc đầu. “Ồ trong đó quá yên tĩnh. Tôi hy vọng cô ấy ổn.” “Kế hoạch B là gì?” Katherine hỏi trong bóng tối. “Chúng ta có nên tìm một cái xà beng hay cái búa không?” “Có thể đơn giản hơn...”

“Không phải thế,” Langdon nói, đang suy nghĩ. “Gessner sở hữu cả hai căn hộ này, và bà ấy từng sống trên người mẹ ốm yếu của mình...” Ông dường như đang kiểm tra tay nắm cửa trong bóng tối. Katherine nheo mắt để xem ông đang làm gì. “Ông đang cố mở khóa à?” “Không hoàn toàn,” ông đáp. Ông tiếp tục lắc lư tay, và sau đó cô nghe thấy âm thanh của một cái xi-lanh bật mở. Langdon nâng tay nắm lên và đẩy nhẹ cửa. Cửa mở ra. Katherine nhìn chăm chăm vào ông. “Vừa xảy ra chuyện gì vậy?” Langdon giơ chiếc móc chìa khóa Krazy Kitten lên. “Gessner sống ở đây, sở hữu cả hai căn hộ, và mẹ cô ấy thì đang bệnh tật—vậy tại sao không làm cho việc này dễ dàng hơn bằng cách có một chiếc chìa khóa cho cả hai căn hộ, để dễ dàng ra vào?” Tất nhiên, Katherine nhận ra, và không có lý do gì để thay khóa khi Sasha chuyển vào vì căn hộ thứ hai đang trống. Khi cửa cọt kẹt mở vào trong, Langdon và Katherine phát hiện ra mình đang nhìn vào bóng tối tuyệt đối, điều này không có gì ngạc nhiên vì những cửa chớp nặng nề che kín các cửa sổ. Katherine đưa tay vào khung cửa và tìm kiếm, xác định được một công tắc

đèn. Khi cô bật nó lên, cả hai đều lùi lại trong ngạc nhiên. Cảnh tượng hiện ra trước mắt họ là một thế giới xa lạ. Căn hộ hoang vắng được tắm mình trong ánh sáng tím quái đản. T CHƯƠNG 121 Golêm nhìn vào khuôn mặt đầy bùn đất của mình trong gương, biết rằng đây là một khuôn mặt mà ông sẽ không bao giờ thấy lại. Cái kết đang đến gần, và thật may mắn, đó chính xác là cái kết mà ông đã tưởng tượng. Tôi là Golêm. Thời gian của tôi sắp hết. Sau khi an toàn lên đến phòng thí nghiệm của Gessner, ông giờ đây đứng một tầng dưới Crucifix Bastion, trong phòng tắm nhỏ của phòng thí nghiệm. Tại bồn rửa, ông chăm chú nhìn ba chữ cái Hebrew được khắc thô thiển trên trán mình. Chúng đã phai nhạt do mồ hôi và bụi bẩn, nhưng từ ngữ cổ xưa mạnh mẽ vẫn còn vang vọng. מות Sự thật. Golêm luôn biết khoảnh khắc này sẽ đến. Sự thật trở thành Cái chết. Như Rabbi Judah Loew đã làm hàng thế kỷ trước để giết chết quái vật đất của mình và giải phóng nó khỏi sự phục tùng, Golêm giờ đây ấn ngón tay trở vào lớp đất sét khô dày—đề xuống chữ cái bên phải nhất, aleph. Cảm thấy một nỗi đau mất mát và bản sắc, ông đã cào ngón tay xuống dưới, làm cho lớp đất sét bong ra cho đến khi chữ cái biến mất. Như là theo quy trình cổ xưa, trán ông giờ đây mang một từ hoàn toàn khác. מות Từ Hebrew cho cái chết. Golêm không cảm thấy khác biệt bên ngoài, nhưng ông có thể cảm thấy rằng con người bên trong mình, linh hồn của ông, ý thức của ông... đang bắt đầu thay đổi. Ông đang chuẩn bị tách rời khỏi cơ thể mượn này một lần và mãi mãi. Golêm đã chết nhiều lần, và ông biết rằng bản chất của mình sẽ còn lại, nhưng ông cũng biết rằng lần này thì khác. Lần này, đó là sự lựa chọn của ông. Tôi đến với thế giới này... để cô ấy có thể sống. Và sớm thôi tôi phải rời đi... để cô ấy có thể sống. Hôm nay đã chứng kiến cái chết của nhiều thứ. Cái chết của Ngưỡng. Cái chết của những kẻ hành hạ Sasha. Và sớm thôi, cái chết của chính Golêm. Quay lưng khỏi gương, Golêm bắt đầu cởi bỏ những bộ quần áo còn lại. Khi ông đã trần truồng, ông bước vào vòi tắm khăn cấp của phòng thí nghiệm và bật lên. Nước ấm áp cảm thấy phục hồi trên cái đầu và vai mệt mỏi của ông. Chấp nhận sự biến đổi của mình, ông cúi đầu nhìn những vệt đất sét ướt chảy xuống cơ thể nhợt nhạt của mình... những dòng nước xám dài xoáy xuống cống lần cuối. R CHƯƠNG 122 obert Langdon bước vào căn hộ ánh sáng màu, cố gắng hiểu rõ cảnh tượng trước mắt mình. Căn hộ trên tầng dường như được thấp sáng hoàn toàn bằng đèn đen, nội thất hoang vắng của nó được hòa quyện bởi một làn sương tím ma quái. Các bức tường, sàn nhà và trần nhà đều được sơn đen đặc. Ở một góc có một chiếc ghế và bàn rề tiền, trên đó có một cốc đường như đầy nước gần nữa. Liệu có ai thực sự sống ở đây? Langdon chỉ cần một khoảnh khắc để kết luận rằng người ở đây bí ẩn nhất định là Dmitri Sysevich. Sự nhận ra đó mang đến một loạt câu hỏi chưa có câu trả lời, nhưng Langdon khá chắc chắn, ít nhất, rằng người đàn ông này sẽ không trở về. Ông ấy có lẽ đang bị chôn dưới Ngưỡng. Sasha có lẽ không biết rằng căn hộ của cô ấy chia sẻ một chìa khóa với không gian bỏ hoang ở tầng trên. Tuy nhiên, Dmitri chắc chắn biết. Người bảo vệ tự xưng của Sasha... có quyền truy cập trực tiếp vào căn hộ đã khóa của Sasha. Suy nghĩ đó khiến da langdon nổi da gà. “Sasha?” ông gọi, di chuyển sâu hơn. “Tôi là Robert Langdon! Cô có ở đây không?” Câu lặng. Không khí có vị chua chát, và sàn nhà kêu cọt két khi ông và Katherine di chuyển. “Sasha?!” Katherine hét lên. Bố cục của căn hộ này khác với căn hộ của Sasha, mặc dù cũng đã rất đơn sơ. Langdon và Katherine tìm kiếm không gian một cách có phương pháp. Bếp không có gì; tủ lạnh trống không ngoại trừ hai chai nước khoáng Poděbradka lớn. Tủ quần áo nhỏ không có gì ngoài một thanh treo với ba

các móc treo trống rỗng. Langdon bắt đầu nghĩ rằng căn hộ này ít hơn là một nơi cư trú mà giống như một nơi trú ẩn kỳ quái thỉnh thoảng. “Phòng ngủ không có đèn,” Katherine nói, bật công tắc lên xuống. Langdon gia nhập cô tại cửa phòng ngủ. “Sasha?” Không nhận được phản hồi, anh bước qua Katherine vào bóng tối, từ từ tiến vào căn phòng với hai tay duỗi ra, hy vọng sẽ cảm thấy một cái cửa sổ và có lẽ cách mở các cửa chớp. Giữa phòng, anh cảm thấy mình đạp lên một cái gì đó mềm trên sàn—một cái đệm hoặc thảm nào đó. Tiếng xì của một cây diêm lưu huỳnh ở phía sau vang lên, và Langdon quay lại thấy Katherine đang ngồi trước một cái bàn thấp và thấp một loạt nệm. Khi ánh sáng trở nên sáng hơn, Langdon có thể thấy cái bàn là một loại bàn thờ bao gồm ba chiếc nệm và một cách sắp xếp hoa khô. Phía trên chúng trên tường là một bức ảnh của một người phụ nữ. Langdon nhận ra ngay lập tức người phụ nữ tóc vàng. “Trời ơi...đó là Sasha,” anh nói với Katherine, đi về phía màn trình diễn kỳ quái, nhận ra rằng tình cảm của Dmitri dành cho Sasha đã gần như... sự ám ảnh. Người bảo vệ của cô ấy, anh nghĩ, vẫn đang cố gắng lắp ghép các mảnh ghép. “Nhìn này,” Katherine nói, chỉ vào một cái thảm lớn ở giữa sàn. “Tôi đoán anh ấy thỉnh thoảng ngủ ở đây.” “Tôi không nghĩ vậy, Robert. Cái đó không phải để ngủ. Không có

gối. Không có ga trải giường. Và...có một cái bít miệng.” Quả thật, ở đó trên tấm thảm, Langdon thấy một cái dây đeo đầu bằng da có khóa gắn với một quả bóng nhựa đen. Quả bóng mềm bằng neoprene có lỗ đục như một quả bóng wiffle để người bị bít miệng vẫn có thể thở. “Vậy đây là một loại...phòng ngủ tình dục?” anh nói. “Tôi không nghĩ cái bít miệng đó dành cho tình dục,” cô nói. “Tôi nghĩ nó dùng để bảo vệ răng và lưỡi trong suốt một cơn động kinh.” Bất ngờ, Langdon hình dung ra cái miếng bảo vệ miệng cho cơn động kinh trong bộ đồ sơ cứu của lớp học anh. Quả bóng có lỗ này sẽ phục vụ cùng một mục đích. “Dmitri có lẽ đã sử dụng căn phòng này như một nơi an toàn để trải nghiệm một cơn động kinh,” Katherine nói. “Gối có thể gây nguy cơ nghẹt thở, và ga trải giường có thể bị rối. Đây sẽ là một môi trường an toàn. Đặc biệt nếu anh ấy đang mang một cái bít miệng.” Langdon thấy kỳ lạ rằng một người sở hữu đứa thần động kinh của Gessner lại không chọn cách ngăn chặn mọi cơn động kinh. Một lần nữa, một số người bị động kinh cho rằng các cơn động kinh mang lại sự rõ ràng và hạnh phúc về tinh thần mà rất đáng giá cho tình trạng thể xác. Đứa thần động kinh của Dmitri, có vẻ như, đã cho cả hai thể giới tốt nhất. Anh có thể chọn nơi và thời gian để nhận cơn động kinh... làm như vậy trong một môi trường an toàn, kiểm soát được. Dù sao thì, tất cả những gì Langdon biết chắc chắn là Sasha dường như không có ở đây. Chỉ còn lại phòng tắm để kiểm tra, Langdon đi xuống hành lang trong khi Katherine thối tụt nền trong phòng ngủ. Quả thật, anh tìm thấy phòng tắm và bồn tắm trống rỗng; nếu Dmitri đã giấu Sasha ở đâu đó, thì nó không phải trong căn hộ này. Đèn chiếu sáng trong phòng tắm, giống như phần còn lại trong căn hộ, được trang bị một bóng đèn đen, khiến cho bồn rửa trắng và bồn tắm phát sáng. Kỳ lạ thay, chiếc gương trên bồn rửa đã bị gỡ bỏ, chỉ còn lại những cái lỗ ốc trần trụi trên tường. Bên cạnh bồn rửa, trên một kệ, Langdon tìm thấy một cái gương tay, một con dao trộn, một cái bát trộn, và một chồng mũ cao su trắng. Anh cũng tìm thấy ba lọ mỹ phẩm sơn khẩu có tên UltraMud, nhãn hiệu mang một bức ảnh đáng sợ của mặt một diễn viên trong lớp bùn dày nứt nẻ. Hiệu ứng này rất quen thuộc. Khi Langdon quét mắt khắp căn phòng, ánh mắt của anh bị bắt gặp bởi một cái gì đó phát sáng trong thùng rác dưới bồn rửa. Nó trông như một cái khăn rửa trắng đã bị vò lại và vứt đi. Nó cũng có vẻ bị phủ máu...rất nhiều máu. Lo lắng, Langdon nâng thùng rác lên và đổ cái khăn rửa vào bồn, ngay lập tức thấy rằng mình đã nhầm. Nằm trong bồn là một cái mũ bảo hiểm trắng, bị nhàu và bị bùn dính. Không phải máu, anh nghĩ với sự nhẹ nhõm. Ánh sáng tím khiến khó phân biệt màu sắc. Khi anh nhìn vào cái mũ bảo hiểm, tuy nhiên, anh nhận thấy một cái gì đó lóe lên trong ánh sáng—một sợi nhỏ dính trên mũ cao su. Sợi này nhỏ đến mức nếu nó không phát sáng, Langdon đã không bao giờ để ý đến nó. Đó không thể là những gì mà nó giống như... Anh cúi xuống và cẩn thận nhấc vật đó ra khỏi mũ bảo hiểm, giờ nó lên ánh sáng. Không còn nghi ngờ gì nữa về những gì anh đang nhìn, nhưng điều mà Langdon không thể hiểu là tại sao nó lại ở đây. Điều này hoàn toàn vô lý. Rồi anh cảm thấy một nỗi lo lắng không ngờ. Trừ khi... Các bài học của Langdon về biểu tượng thường bao gồm một câu châm ngôn: Một sự thay đổi trong quan điểm thường sẽ tiết lộ một sự thật ẩn giấu. Ý tưởng này, theo nhiều cách, đã định nghĩa sự nghiệp của Langdon. Khả năng của anh trong việc xem một câu đố từ

một góc nhìn bất ngờ đã giúp anh nhiều lần ánh mắt thấy những sự thật mà người khác bỏ lỡ. Giờ đây, khi anh nghiên cứu món đồ nhỏ bé bị kẹp giữa các ngón tay, Langdon lo sợ rằng mình có thể đang trải qua một trong những khoảnh khắc đó. Bị mất thăng bằng bởi sự định hướng đột ngột, Langdon đặt một tay lên bồn rửa để giữ vững bản thân. Trong trí tưởng tượng của mình, anh có thể thấy tất cả các mảnh ghép mà anh đã tập hợp hôm nay. Chúng bỗng nhiên vỡ vụn ra, rơi qua không trung, những mảnh vụn tái hợp và rơi trở lại mặt đất. Từng mảnh một, hình ảnh trong đầu Langdon tái hợp thành một bức tranh mới. Trời ơi... sao tôi có thể bỏ lỡ điều này? Ý tưởng trước mắt anh gần như khó tưởng tượng, và song anh biết một cách bản năng rằng điều đó phải đúng. Như mọi sự thật tinh khiết, nó trả lời mọi câu hỏi... giải quyết mọi dị thường... và luôn ở ngay trước mặt anh. “Ý thức phi địa phương...” anh thì thầm. “Katherine đã đúng.” “Tôi bỏ lỡ nó!” Langdon thông báo, lao ra khỏi phòng tắm và hướng về cửa ra vào. “Chúng ta cần đi—tôi sẽ giải thích sau!” Bỏ lỡ điều gì?! Katherine tự hỏi khi cô hỏi hã theo sau anh. Chờ đã! Khi cô đến cửa, Robert đã đổ về phía cầu thang tối tăm. Khi cô kịp tới bên anh, anh đã đứng ở phòng khách, quỳ gối trên thảm chào mừng của Sasha bên ngoài căn hộ của cô. Anh có vẻ đang cố gắng cảm nhận điều gì đó dưới cửa của cô. Anh đang làm gì vậy?! “Robert, chúng ta có một chiếc chìa khóa nếu—” “Điều đó thậm chí còn không khả thi!” anh kêu lên, nhảy lên chân, tìm trong túi mình, và rút ra một mảnh giấy mà Katherine nhận ra là ghi chú mà anh đã nhận trước đó dưới cửa của Sasha.

Kinh ngạc trước điều này, Langdon cố gắng nhiều lần để cho ghi chú vào dưới cửa của cô, nhưng mỗi lần đều không thể nhét dưới khe cửa chật chội. Mảnh giấy cứ va vào dải cao su dày được lắp đặt để ngăn cái lạnh. “Điều đó thậm chí còn không khả thi,” Langdon lặp lại, cuối cùng đứng lên. “Tôi đã thấy dải cao su trước đây, nhưng nó không ăn sâu vào tôi. Không có cách nào để cho ghi chú này vào dưới cửa từ bên ngoài!” “Tôi thấy rồi,” Katherine nói, “nhưng tôi không—” “Cô không thấy sao, Katherine? Ghi chú không được chuyển phát từ bên ngoài... Người đã để lại nó ở bên trong căn hộ suốt thời gian qua!” Một cảm giác lạnh lẽo lan tỏa trong cô. Anh ấy đã ở trong đó. “Trong tủ đựng đồ trên hành lang...” cô thì thầm, hình dung ra người Nga tóc nâu đang chờ đợi một khoảnh khắc yên tĩnh... xuất hiện từ chiếc tủ... nhét ghi chú một phần dưới cửa... gõ mạnh vào bên trong cửa... và ngay lập tức biến mất trở lại vào chiếc tủ. Thật là một trò lừa tuyệt vời. Cả Sasha và Robert đều hoàn toàn bị lừa. “Không,” Langdon nói, vẻ mặt anh giờ đã tái mét. “Không ở trong tủ.” Anh trông lo lắng như cô có thể nhớ ra. “Không ai ở trong tủ. Nơi ẩn náu còn... tinh vi hơn nhiều.” Giọng nói của anh giờ đã run rẩy. “Tôi không thể tin được rằng tôi chưa bao giờ nhìn thấy bất cứ điều gì trong số này...” “Cậu không nhìn thấy điều gì? Tôi không hiểu.” Langdon đứng dậy. “Cô đã nói về nó trong bài giảng của cô tối qua,” Langdon nói, nắm chặt mắt với Katherine. “Cô đã mô tả nó như bằng chứng của ý thức phi địa phương... bằng chứng cho thấy não của chúng ta hoạt động như những máy thu, và nếu chúng bị tổn thương, các tín hiệu có thể bị nhầm lẫn...” “Cậu muốn nói đến hội chứng thần đồng đột ngột?” cô nói. “Được rồi, nhưng tôi không thấy—” “Không! Điều cô đã mô tả ngay sau đó!” Katherine suy nghĩ một lúc, nhớ lại chuỗi bài diễn thuyết của mình, và đột nhiên cô nhận ra điều mà Langdon đang đề cập tới. Cô chỉ cần một giây nữa để nắm bắt những gì anh đang cố gắng nói với cô. “Ồ... Robert... cậu không thể nghĩ rằng—” “Tôi tìm thấy điều này trong phòng tắm,” anh nói, giơ lên một thứ nhỏ bé, bị kẹp giữa ngón cái và ngón trỏ của mình. “Nó đã bị mắc bên trong chiếc mũ sọ bản thiêu của anh ấy.” Katherine thấy điều mà Langdon đang cầm. Nếu anh ấy đúng, thì mọi điều mà họ đã tin về hình ảnh golem là hoàn toàn sai. S CHƯƠNG 123 đội đã chiếm lĩnh phòng tắm tại Crucifix Bastion. Golem nghiêng đầu ra sau và thưởng thức sự mềm mại của dòng nước trên mặt. Nhẹ nhàng xoa má bằng bàn tay, anh có thể cảm nhận những dấu vết cuối cùng của đất sét khô thoát ra khỏi cơ thể... phần cuối của Golem tan biến đi. Khi anh chạy tay trên đầu, anh nhận ra rằng trong cơn kiệt sức, anh đã quên không tháo mũ sọ ra. Tim rìa của chiếc mũ ôm sát bằng đầu ngón tay, anh đã bứt nó ra khỏi trán, rung mình khi nó trượt về phía sau ra khỏi đầu, khiến một vài sợi tóc không thể tránh khỏi bị rút ra khỏi da đầu. Golem đã thả chiếc mũ xuống sàn và nhẹ nhàng xoa bóp da đầu, để nước chảy qua mái tóc dày, rửa sạch bất kỳ vết bùn nào còn lại. Chỉ sau khi dòng nước chảy xuống cống đã trở nên hoàn toàn trong suốt, anh mới bước ra khỏi vòi tắm. Quần trong một chiếc khăn, anh đứng ở bồn rửa, dành một khoảnh khắc hiếm hoi để nhìn lại chính mình trong

gương. Đôi mắt nhìn lại anh đã đỏ au và mệt mỏi... một khuôn mặt bị thương tích bởi quá khứ bạo lực. Anh biết đây không phải là một khuôn mặt đẹp, nhưng đó là khuôn mặt mà anh đã được ban cho. *Tôi đã học cách nhìn thấy vẻ đẹp trong nó*, anh nghĩ. Qua thời gian, The Golem đã yêu thích khuôn mặt này... cách mà mái tóc vàng rơi xuống vai và tạo khung cho đôi mắt xanh trong trẻo. Ngay cả chiếc mũi lệch cũng có một sức hấp dẫn đối với anh bây giờ. Anh hình dung bức ảnh được chiếu sáng bởi nến treo trên tường của svatyně và mỉm cười. “Sasha,” anh thì thầm với hình ảnh phản chiếu của mình. “Tôi ước bạn có thể biết tôi.” Người phụ nữ tóc vàng trong gương không đáp lại. Mặc dù có sự hiện diện thể chất của Sasha trong phòng, cô không nghe thấy gì. The Golem đã nhốt cô vào một khoảng trống giống như giấc ngủ, nơi cô hoàn toàn không biết gì về mọi thứ, kể cả bản thân mình. Mặc dù họ chia sẻ một hình thể này, The Golem đã thiết lập quyền kiểm soát từ lâu, luôn trong trạng thái kiểm soát, cẩn thận lọc ra những gì Sasha chứng kiến, ghi nhớ, hiểu biết. Anh làm điều này để bảo vệ cô, để che chở cho tâm hồn dịu dàng của cô. Anh là kho tiền giữ lại nỗi đau của cô, là quân đội để chiến đấu cho những trận chiến của cô. *Bạn đã gọi tôi, Sasha... và tôi đã trả lời.* The Golem sẽ không bao giờ quên khoảnh khắc kinh hoàng đó trong bệnh viện tâm thần Nga, khi linh hồn của Sasha, không thể chịu đựng thêm một khoảnh khắc đau khổ nào nữa, đã gọi ra vũ trụ trong sự tuyệt vọng cầu xin giúp đỡ. *Khoảnh khắc tôi ra đời...* Ít người nhớ đến khoảnh khắc họ xuất hiện, và mặc dù vậy, The Golem nhớ đến khoảnh khắc của riêng mình. Anh đã bừng tỉnh đột ngột trong sự ý thức, tỉnh dậy giữa cơn kinh hoàng, phát hiện ra mình bị mắc kẹt trong một cơ thể đang bị đánh đập không thương tiếc. Ngập tràn trong nỗi đau và phẫn nộ, anh đã tự động đứng dậy, triệu tập những nguồn sức mạnh mà cơ thể này chưa bao giờ truy cập được, và anh đã siết

cổ kè tấn công của mình. Đứng trên thi thể bất động của y tá đêm của Sasha, The Golêm đã nghe thấy giọng nói rỗng tuếch của chính mình lần đầu tiên. “Tôi là người bảo vệ bạn, Sasha. Giờ bạn an toàn rồi.” Tại sảnh bên ngoài căn hộ của Sasha, bộ não của Katherine Solomon vật lộn để sắp xếp dòng suy nghĩ lo lắng được khơi dậy bởi lời nói của Langdon. Anh đã đứng khi nói rằng bài giảng của cô tối qua đã bao gồm một mô tả về hội chứng savant đột ngột—một tình trạng mà cô tin rằng là bằng chứng rõ ràng cho ý thức không địa phương—một bộ não bị tổn thương nhận được nhiều tín hiệu. Anh cũng đã đứng khi cô sau đó đã thảo luận về một hiện tượng đáng chú ý khác. “Có một tình trạng curios khác,” Katherine đã nói với khán giả, “liên quan đến hội chứng savant đột ngột, vì nó cũng gợi ý khả năng của bộ não nhận được nhiều tín hiệu. Hiện tượng này gọi là ‘rối loạn nhân cách phân ly’—mặc dù hầu hết chúng ta biết nó phổ biến hơn là ‘rối loạn nhân cách chẻ đôi’—một hiện tượng tâm lý xuất hiện với nhiều nhân cách khác biệt chiếm hữu một cơ thể duy nhất.” Tình trạng được ghi nhận trên toàn cầu này, Katherine tiếp tục giải thích, thường phổ biến ở phụ nữ và thường phát sinh như một cơ chế đối phó cho sự lạm dụng thể xác hoặc tình dục lặp đi lặp lại. Thường xuyên nhất, nhân cách thứ hai xuất hiện với mục đích hấp thụ nỗi đau của chủ thể bằng cách trải qua chấn thương thay cho cô—một loại nạn nhân đại diện—chịu đựng nỗi đau, chặn mọi ký ức về nó, và cho phép chủ thể “phân ly” khỏi nỗi khổ của chính mình. Nhân cách thứ cấp được biết đến với cái tên nhân cách thay thế hoặc “alter” và thường xuất hiện trong một sự gãy đổ đột ngột trong quá trình trauma cấp tính. Sau khi xuất hiện, nhân cách này có thể chiếm giữ lâu dài trong cơ thể chủ yếu, kéo dài qua nhiều năm hoặc suốt cuộc đời như một kiểu người bảo vệ, thậm chí đè nén những ký ức đen tối nhất của chủ thể trong một loại amnesia chọn lọc—cung cấp một trang giấy trắng để tiếp tục đi tới. Không hiếm để một nhân cách bảo vệ trở thành người nắm quyền kiểm soát cơ thể và trở thành nhân cách chiếm ưu thế, quyết định khi nào và như thế nào chủ thể bị tổn thương có thể “nổi lên” một cách an toàn. Rối loạn nhân cách phân ly lần đầu tiên được chẩn đoán vào những năm 1800 với tên gọi “ý thức đôi”—một loại mộng du của ý thức mà trong đó một cá nhân dường như bị chiếm lĩnh bởi một ý thức khác, người sau đó thực hiện các hành động mà không có sự cho phép, kiến thức hoặc ký ức của cá nhân. Hai trong số các trường hợp phi thường nhất trong lịch sử đã được ghi chép tỉ mỉ đến nỗi chúng trở thành cơ sở cho các cuốn sách bán chạy nhất như *The Three Faces of Eve*, *Strangers in My Body*, và *Sybil*. Tất nhiên, cuốn sách nổi tiếng nhất mọi thời đại về tình trạng này là *The Strange Case of Dr. Jekyll and Mr. Hyde* của Robert Louis Stevenson. Katherine biết rằng nhiều trường hợp của DID liên quan đến nhiều nhân cách—một số có hơn một tá nhân dạng sống trong một cơ thể chủ. Thật ngạc nhiên, các nhân cách đều có giọng nói, giọng điệu, chữ viết, bộ kỹ năng, sở thích ăn uống khác nhau, và thậm chí là những bản sắc giới tính khác nhau. Họ đi lại khác nhau, thích không gian sống khác nhau, chịu đựng các vấn đề thể chất khác nhau, và thậm chí có chỉ số IQ và thị lực khác nhau. Một radio nhận được nhiều kênh khác biệt... Các bác sĩ tâm lý đã có những quan điểm trái ngược về cách mà những sự khác biệt rõ rệt giữa các nhân cách có thể xảy ra, và một số người

Các nhà hoài nghi thậm chí còn buộc tội bệnh nhân DID là những diễn viên tài năng đang tìm kiếm sự chú ý. Tuy nhiên, khi các bệnh nhân trải qua các bài kiểm tra nghiêm ngặt liên quan đến MRI, máy phát hiện nói dối, và các dòng chất vắn tinh vi, kết quả luôn giống nhau—đúng là có nhiều cá thể riêng biệt tồn tại trong một cơ thể. Một số biến thể nhận thức được sự tồn tại của những người khác sống cùng với họ trong cái được gọi là “hệ thống.” Những biến thể này được gọi là “có nhận thức đồng thời.” Ngược lại, một số biến thể lại không biết đến sự tồn tại của hệ thống, mà tin rằng họ đang cô đơn trong cơ thể. Họ thường bị thiếu hụt trí nhớ khi những biến thể mạnh hơn chặn họ lại, chiếm lấy vị trí tiền tuyến của tâm trí trong một hành động được gọi là “ra mặt.” Bây giờ, khi Katherine đứng với Langdon trong lối vào tối tăm, cô cảm thấy sự chú ý của mình tập trung vào sợi tóc vàng mà anh đã kéo ra từ mũ bảo hiểm. Kết luận của anh thật sốc... và hợp lý. Anh tin rằng The Golêm và Sasha là một. Nếu Robert đứng, thì việc tìm kiếm Sasha không còn là khả năng nữa. Một cách bi thảm, tình trạng tâm lý đã xuất hiện để cứu mạng Sasha Vesna có lẽ cũng đã kết thúc nó. The Golêm chắc chắn đã chết trong vụ nổ... mang theo Sasha bên mình. The Golêm hoàn tất việc ăn mặc và scrutinized bản thân trong gương. Hình ảnh của cô luôn cảm thấy xa lạ đối với anh, và tuy nhiên đây chính là cách mà anh thường thấy mình tồn tại trong thế giới—mặc như Sasha, mang bộ quần áo mà cô đã mặc mỗi sáng. Bộ trang phục hôm nay—quần jeans, áo blouse trắng, giày thể thao và một chiếc áo khoác—là những bộ quần áo mà The Golêm đã để lại trong văn phòng của Sasha cho khoảnh khắc này. Hình dạng này không quyến rũ, và tóc cô thì rối

và ướt, nhưng nó khiến cô trở thành một hình ảnh đáng thương... và cô đang trong cơn khát khao được thông cảm. Xin hãy giúp Sasha... The Golêm đã làm hết sức mình để trở thành một đối tác im lặng trong cuộc sống của Sasha, ẩn mình trong những sâu thẳm nhất của tâm trí cô, theo dõi khi cô dừng cảm điều hướng cuộc đời mới của mình... cuộc sống mà cô xứng đáng có được. Như bất kỳ người bảo vệ quan tâm nào, The Golêm thỉnh thoảng can thiệp để bảo vệ Sasha. Anh sẽ tiến lên và nhẹ nhàng nắm quyền kiểm soát, chiếm lấy cơ thể của Sasha, dễ dàng bắt chước giọng nói và phong thái của cô. Những can thiệp này nhằm bảo vệ cô... để che chở cô khỏi những tình huống nguy hiểm, thông tin đau đớn, hoặc những quyết định khó khăn mà cô không chuẩn bị để đưa ra. Đối với Sasha, những khoảnh khắc này là những điểm trống ngăn ngừi trong cuộc sống và trí nhớ của cô, tương tự như việc mơ mộng trong khi lái xe và đến nơi mà không có hồi tưởng về cách mà bạn đã tới đó. Cô chấp nhận rằng trí nhớ của mình đôi khi không toàn vẹn. Những can thiệp của The Golêm đã trở nên ít thường xuyên gần đây vì Sasha đã hạnh phúc như anh từng thấy cô. Lý do cho sự hạnh phúc của cô là Michael Harris. Sasha đã yêu. Người phụ tá đẹp trai đã bước vào cuộc sống của cô một cách tình cờ, hoặc có vẻ như vậy, và trong khi The Golêm cảm thấy không thoải mái với mối quan hệ thể xác đang phát triển của họ, anh đã chọn không can thiệp. Sasha xứng đáng có một tình yêu đầu tiên, và Michael có vẻ là một người đàn ông đáng hoàng. Dù sao thì, những gì hiện ra không như vẻ bề ngoài. Ba tuần trước, The Golêm đã nằm trên thảm gai trong svatyně của mình, tận hưởng trạng thái hạnh phúc sau cơn động kinh, khi anh nghe thấy ai đó trong căn hộ bên dưới. Bối rối, anh đã áp tai vào sàn và nghe thấy âm thanh như có ai đó đang tìm kiếm trong căn hộ của Sasha. Trước khi anh kịp thay đồ và xuống cầu thang, một giọng nói bắt đầu nói to trong không gian dưới. Giọng nói đó thuộc về Michael Harris. Bàng hoàng, The Golêm nhận thấy mình đang lắng nghe một cuộc trò chuyện qua điện thoại giữa Harris và đại sứ Hoa Kỳ. Cuộc gọi không chỉ tiết lộ rằng Harris có động cơ ngầm để kết bạn với Sasha, mà còn cho thấy sự tử tế mà người cố vấn đáng tin cậy của Sasha, Tiến sĩ Brigita Gessner, cũng có thể không chân thành. Trong vòng vài giây, The Golêm đã đánh giá lại cuộc sống được thần thánh hóa mà anh nghĩ rằng Sasha đã tìm thấy. Anh hoàn toàn biết về các phương pháp điều trị y tế mà cô đã trải qua, và tuy nhiên niềm tin của anh luôn là Brigita Gessner đã hoàng thiện cho Sasha khỏi những căn bệnh của cô—và tiếp tục thực hiện các quy trình để hoàn thiện kết quả. Bây giờ The Golêm thấy một thực tế khác. Từ khoảnh khắc đó trở đi, anh gần như luôn có mặt, theo dõi qua đôi mắt của Sasha, quan sát, lắng nghe, hướng dẫn, và chờ cơ hội để tiết lộ sự thật. Tối qua, The Golêm cuối cùng đã nắm bắt được cơ hội của mình, cô lập Gessner trong phòng thí nghiệm của cô và bắt từ hóa sự phản bội. Cuộc thừa nhận đã ghi âm của Gessner đã bao trùm tất cả... phẫu thuật, cấy ghép, cái chết của Dmitri, ma túy tâm thần, ông Finch, CIA, và mục tiêu thật sự của họ ở Prague. Threshold bây giờ đã không còn, The Golêm vui mừng khi anh bước ra khỏi phòng tắm của phòng thí nghiệm vào hành lang. Anh hy vọng Robert Langdon và Katherine Solomon đã trốn thoát; giáo sư người Mỹ đã thể hiện sự tử tế đáng kể đối với Sasha hôm nay, và người bạn khoa học của anh hiểu vũ trụ theo những cách mà chỉ những người như The Golêm mới có thể thực sự nắm bắt. Ngày hôm đó, mặc dù kết thúc trong chiến thắng, đã không thiếu những thử thách bất ngờ.

Cú sốc đầu tiên của Golêm là gặp các sĩ quan ÚSZI tại pháo đài; cú sốc thứ hai là thấy Langdon cúi xuống bên xác Gessner; và cú sốc thứ ba—không nghi ngờ gì nữa là do hai cú sốc đầu tiên gây ra—là cơn động kinh trong phòng thí nghiệm của Gessner mà hấn không thể ngăn chặn. Thách thức với các cơn động kinh là bộ não của Golêm luôn khởi động lại về trạng thái mặc định ban đầu—Sasha. Cô luôn thức dậy một mình và dễ tổn thương. Sau cơn động kinh, ý thức của Sasha hoàn toàn tỉnh táo và kiểm soát cho đến khi Golêm có thể chớp trở lại trực tuyến sau vài phút và chiếm lấy. Vì lý do này, hấn giữ cho svatyně của mình tối tăm khi nhận Ether, đảm bảo rằng Sasha sẽ luôn thức dậy trong bóng tối thay vì trong một căn phòng lạ lẫm. Sáng nay, sau cơn động kinh bên xác Gessner, Golêm đã vật lộn với ý thức của mình để đưa nó trở lại vị trí tiên phong và thấy mình được ôm trong vòng tay của Robert Langdon. Nhận ra rằng sự giảm xuống Ngưỡng của hấn sẽ phải chờ đợi, Golêm đã thuyết phục Langdon rời khỏi pháo đài—ngoại hình là cùng với Sasha—nhưng khi giáo sư xuống con dốc đầy tuyết đến Công viên Folimanka, Golêm đã đồng hành cùng hấn từng bước, quan sát qua đôi mắt của Sasha. Tại căn hộ của Sasha, việc Harris sắp tới đã cung cấp cơ hội hoàn hảo để trừng phạt kẻ phản bội tàn nhẫn nhất của Sasha, vì vậy Golêm đã đưa Langdon ra khỏi vòng nguy hiểm bằng cách ngẫu hứng tạo ra một ảo giác đơn giản—một mảnh giấy; một tiếng gõ cửa; một sự rút lui tạm thời trở lại vào phòng tắm. Langdon tìm

thấy tin nhắn và lao ra con hẻm trong đôi tất, không hề hay biết Gollem đang theo dõi từ cửa sổ của Sasha. Chưa đầy một giờ trước, tại pháo đài này, một nữ tác chiến đã tấn công hắn, và hắn vẫn có thể thấy biểu cảm kinh ngạc của cô khi cô tuyệt vọng đẩy tay vào ngực Gollem... và chạm phải hình dáng mềm mại của bộ ngực Sasha. Tôi không như bạn nghĩ. Và rồi, thử thách cuối cùng của hắn, ở tầng dưới trong Ngưỡng. Khi đã mất cây đu từ tính, Gollem đã bị một con động kinh khác tấn công và điên cuồng tìm kiếm một nơi an toàn để vượt qua, cuối cùng chọn khoang bọc bên trong của một trong những khoang EPR. Đó là một nơi mà hắn biết rõ. Tôi đã chết ở đó nhiều lần. Gollem run rẩy khi giờ đây nhớ lại bản chất thực sự của các thí nghiệm của Gessner — ép Sasha đến bờ vực và kéo cô trở lại—lặp đi lặp lại. Vào thời điểm đó, hắn đã tin vào lòng hào phóng của Gessner và đã cố gắng hết sức để hấp thụ nỗi đau của những sự kiện đó, để bảo vệ Sasha khỏi sự khó chịu và sợ hãi. May mắn thay, Sasha không thể nhớ được nhiều lần Gessner đã làm thuốc cho cô và đưa cô qua Ngưỡng để thực hiện các thí nghiệm khác nhau trong phòng phẫu thuật và phòng khoang. Nhưng tôi nhớ, Gollem nghĩ. Những vết hồi tưởng thoáng thoáng vẫn ám ảnh hắn. Một cuộc sống khác, hắn tự nhắc nhở mình. Đó là quá khứ. Tương lai đang đến gần bây giờ, tương lai mà hắn đã lên kế hoạch cho Sasha, tương lai mà cô xứng đáng có. Sớm thôi tôi sẽ tự do cho cô và biến mất. Tất cả những gì còn lại là thoát ra khỏi thế giới dưới lòng đất này... và tiến đến đại sứ quán Hoa Kỳ.

CHƯƠNG 124

Langdon đứng trong bếp của Sasha Vesna, vẫn đang vật lộn với những gì hắn và Katherine đã khám phá ra. Hai con mèo Xiêm của Sasha đang quần quýt thân thương quanh cổ chân hắn, và mùi trà Caravan Nga vẫn phảng phất trong không khí. Dầu vậy, ngôi nhà của cô giờ đây cảm thấy hoàn toàn xa lạ với hắn. Khi tôi ở đây, có lẽ tôi đã không nói chuyện với Sasha thực sự. Sự phát hiện này thật sự đáng lo ngại, nhưng tình trạng tâm lý của Sasha đã trả lời rất nhiều câu hỏi—cách Gollem tiếp cận Pháo đài Crucifix... sự mất trí nhớ của Sasha... căn phòng kỳ lạ trên lầu... và có lẽ cả việc tại sao Langdon được trao một chìa khóa cho căn hộ của Sasha và được thúc giục trở về. Liệu hắn có muốn tôi tìm thấy xác Harris và giao phong bì cho đại sứ? Dù sao đi nữa, việc nhận ra về danh tính của Sasha đang cung cấp các khía cạnh rõ ràng hơn. Katherine tham gia cùng hắn trong bếp sau khi nhìn quanh căn hộ. “Tôi tự hỏi,” cô góp ý, “liệu Ngưỡng có chọn các trường hợp động kinh làm đối tượng thí nghiệm vì sự thiên bẩm của họ đối với các trải nghiệm ngoài cơ thể... hay vì những người động kinh đã cung cấp cho Brigita lớp vỏ hoàn hảo để thực hiện phẫu thuật não mà không bị nghi ngờ.” Đó là một câu hỏi hay, và Langdon tưởng tượng rằng có thể đó là cả hai. “Dù sao đi nữa, điều đó là không thể tha thứ. Tôi nghi ngờ rằng điều gì đó đã đi sai nghiêm trọng với Dmitri và anh ta đã chết, như hồ sơ của anh ta đã gợi ý.” Một khoảng lặng dài giữa họ trong khi Langdon quét qua những trang trí ngọt ngào, thậm chí trẻ con, quanh bếp. “Còn về hai con này thì sao?” Katherine hỏi, cúi xuống và vuốt ve những chú mèo được chăm sóc hoàn hảo của Sasha. “Khi nào là lần cuối chúng được cho ăn?” Thật, Langdon nghĩ. Ai đó sẽ cần phải nhận nuôi chúng. Hắn tiến đến tủ dưới bồn rửa và lấy ra túi thức ăn cho mèo của chúng. “Tôi sẽ làm điều đó,” Katherine nói, cầm túi. “Bạn nên thực hiện cuộc gọi.” Langdon tiến đến điện thoại trên tường và quay số mà Scott Kerble đã...

cho anh ta. Khi điện thoại bắt đầu vang lên, anh tự hỏi sẽ nói gì khi Kerble hỏi về Sasha Vesna. Chúng tôi không tìm thấy cô ấy. Cô ấy đã chết ở Threshold. Nhân tiện, cô ấy đã giết Michael Harris. Langdon vẫn đang cố gắng tiếp thu rằng Sasha có thể đã yêu sâu đậm Harris trong khi người bảo vệ của cô biết sự thật về Harris và ghê tởm hắn. Hai người. Một cơ thể. Langdon nhớ đã nghe một lần về một vụ kiện liên quan đến một kẻ bị cáo buộc hiếp dâm, William Milligan, người đã chứng minh trong bài kiểm tra phát hiện nói dối rằng anh ta không nhớ gì về những tội ác mà mình bị cáo buộc. Hóa ra, Milligan là một người chịu đựng không tự nguyện của DID; một trong những nhân cách của anh ta đã phạm tội mà không có sự biết đến của anh ta. Milligan đã được trắng án và được đưa vào cơ sở tâm thần. Trước khi có sự chăm sóc tâm thần hiện đại, nhiều trường hợp xuất hiện tính cách phân ly đã được đưa đến những chuyên gia tâm lý duy nhất có sẵn—các linh mục. Giáo hội thường chẩn đoán họ với “sự ám ảnh của quỷ” và kê đơn một kế hoạch điều trị phổ biến: “trừ tà.” Đến tận ngày nay, Nghi lễ Trừ tà vẫn được thực hiện thường xuyên trên những cá nhân mắc rối loạn tâm thần, và trong khi Langdon luôn cảm thấy kinh hoàng bởi điều này, anh phải thừa nhận rằng mô tả của Katherine về ý thức không địa phương đã thêm một góc nhìn mới. Có lẽ một linh mục không đang cố gắng để xua đuổi một con quỷ ra khỏi một cơ

thể... mà thực ra đang cố gắng điều chỉnh lại bộ thu của cơ thể để chặn lại đài không mong muốn. “Đây là Kerble,” một giọng nói quen thuộc nói trên điện thoại, kéo Langdon trở lại hiện tại. “Xin chào, tôi là Robert Langdon.” “Chúng tôi đã mong đợi cuộc gọi của ông, thưa ông. Xin hãy chờ một chút cho Đại sứ Nagel.” Langdon ngạc nhiên khi Đại sứ có thể nói chuyện. Tôi nghĩ cô ấy đã bị bắt. Có vẻ như có điều gì đó đã thay đổi ở đại sứ quán. “Giáo sư,” giọng nói của đại sứ vang lên trên đường dây. “Tôi không thể diễn tả nỗi sợ nhẹ nhõm của tôi khi biết hai người đều an toàn. Scott đã nói với tôi rằng... gần như đã rất gần.” “Tôi không chắc có thể gần hơn được nữa,” Langdon nói. “Và chúng tôi nghe nói rằng ông đã bị giám đốc CIA bắt giữ?” “Có, mặc dù Giám đốc Judd nói rằng việc bắt giữ là một sự giam giữ tạm thời để đảm bảo sự an toàn của tôi.” “Ông có tin vào ông ấy không?” “Tôi muốn tin,” Nagel nói. “Ông ta nói rằng ông ta lo lắng Finch có thể... tôi không biết nữa. Dù sao đi nữa, tôi chưa nhận được bất kỳ liên lạc nào từ Finch kể từ cuộc gọi điện thoại cuối cùng của chúng tôi.” “Finch đã chết,” Langdon nói thẳng thừng. “Chúng tôi đã thấy hân ở Threshold ngay trước vụ nổ. Katherine và tôi là những người cuối cùng ra ngoài, và Finch—” “Được rồi,” cô ấy ngắt lời, nghe có vẻ hoảng hốt. “Không trên điện thoại. Chúng ta sẽ bàn về điều đó trực tiếp.” “Chúng ta có rất nhiều điều để chia sẻ,” Langdon nói. “Đại sứ quán có phải là một nơi an toàn để nói chuyện không?” “Tôi không tự tin về điều đó,” Nagel trả lời. “Tôi muốn đề nghị khách sạn của ông, nhưng nó quá rõ ràng, và tôi thực sự không thể hứa rằng chúng ta sẽ an toàn. Chưa phải lúc này.” Cô ấy ngừng lại một lúc. “Ông có biết về Bức tường Driestone không?” “Tôi biết,” Langdon nói, bối rối khi cô ấy lại đề cập đến một nơi công cộng như vậy... đặc biệt là một nơi nổi tiếng là đáng sợ. “Nó gần đại sứ quán, nhưng tôi không chắc—” “Hãy đến đó càng nhanh càng tốt.” Tại trụ sở ÚZSI, Trung sĩ Pavel đang trang trọng thu dọn những đồ vật cá nhân cuối cùng từ tủ riêng của mình. Cuộc thẩm vấn kéo dài ở tay của sĩ quan cấp trên mới của anh đã dẫn đến việc anh bị giáng chức và nghỉ phép ba tháng. Tôi sẽ không trở lại, Pavel biết. Tất cả đã khác rồi. Mặc dù ký ức của anh về ngày đó mờ mịt, Pavel sẽ không bao giờ quên hình ảnh của chú anh nằm chết trong một khe núi băng giá. Cái chết của thuyền trưởng đã được chính thức ghi nhận là tai nạn, và dù Pavel muốn phản đối bao nhiêu, anh không có ở trong tình thế. Hơn nữa, bất kỳ cuộc điều tra ÚZSI nào nữa đã bị Đại sứ Mỹ đóng lại, người nắm mọi lá bài sau khi phát hiện ra những phương pháp lừa dối của Janáček trong việc giam giữ hai công dân Mỹ nổi bật. Pavel rời khỏi tòa nhà và đi bộ đến trạm xe buýt. Khi anh đến nơi, có một người phụ nữ trẻ đang chờ xe buýt. Cô có một khuôn mặt nhân hậu, và Pavel nở một nụ cười mệt mỏi với cô. “To je ale zima,” anh lịch sự nói. Thật lạnh. Người phụ nữ ngay lập tức quay đi và chuyển đến tận cuối trạm. Pavel cảm thấy đột nhiên rất đơn độc trên thế giới. Khi xe buýt đến, Pavel lên xe và di chuyển về phía sau. Không một hành khách nào khác nhìn lên, mắt họ đều tập trung xuống dưới vào thiết bị của mình. Pavel ngồi xuống và lấy điện thoại của mình ra, một cách phản xạ mở Dream Zone, trò chơi mô phỏng hèn hờ ảo của anh. Một vài yêu cầu mới vang lên, và anh dự đoán sẽ cảm thấy ánh ám áp luôn đi kèm với hy vọng về những khả năng mới mẻ. Tối nay, tuy nhiên, điện thoại cảm thấy lạnh giá trong tay anh. Anh nhìn vào ánh sáng chói của nó một lúc lâu rồi bất ngờ tự hù dọa bản thân bằng cách tắt nó đi và cho vào túi. Sau đó, nhắm mắt lại, anh cầu nguyện cho chú và lắng nghe.

đến tiếng ồn của chiếc xe buýt khi nó chở anh về nhà. T CHƯƠNG 125 Cái Tường Đá Dính, một trong những địa điểm cổ xưa kỳ lạ hơn của Prague, giống như một vách đá khổng lồ của đá tan chảy. Tòa cao hơn bốn mươi feet trên Vườn Wallenstein, tác phẩm điêu khắc bí ẩn từ thế kỷ mười bảy này mang lại ấn tượng của một dòng dung nham nóng chảy, đã cứng lại giữa chừng thành một bức tường với những mảng đá lỏng, những khối u tròn trĩnh, và những hốc vô định. Được biết đến chính thức là Grotto, nó vẫn là một trong những điểm đến kỳ quái nhất của Prague cho đến ngày nay. Những nhấp nhô tự nhiên trên bề mặt đá của nó có một chất lượng gần như ảo ảnh, và du khách thích chỉ ra những khuôn mặt quái dị mà họ thấy đang nhìn ra từ đó. Trong nhiều thế kỷ, các quan chức nhà thờ đã kiến nghị phá hủy bức tường, tuyên bố rằng nó bị ám và mời gọi sự xuất hiện của các linh hồn ác. Khách du lịch thường xuyên phàn nàn về những cơn ác mộng sau khi thăm bức tường, và một số nhân vật có uy tín đã cảm thấy buồn nôn khi đứng trước nó. Đại sứ Nagel không phải là một trong số đó. Tôi thấy nó bình yên, cô nghĩ, nhìn lên bức tường trước mặt. Grotto trông đặc biệt đẹp ngay bây giờ, êm ả và nhạt nhòa trong ánh sáng buổi chiều đang phai, với những làn tuyết trắng hiện diện trong những góc cạnh của vô vàn khuôn mặt. Khi Nagel chờ đợi trong ánh sáng mờ dần, cô thấy những khuôn mặt mới xuất hiện trên bức tường trước cô. Cô đã học rằng chỉ một phần nhỏ các khuôn mặt cô thấy thực sự có ở đó, được kiến trúc sư dự kiến.

Những khuôn mặt khác, như đã chứng minh, là những khuôn mặt mà cô đang ảo giác—một hiện tượng tâm lý được gọi là pareidolia. Não bộ có xu hướng tự nhiên để hình dung những hình dạng có ý nghĩa từ những đường viền mờ mịt, và con người thấy khuôn mặt ở khắp mọi nơi—from clouds to fabric patterns to bowls of soup to shadows on a lake. Tất cả những gì cần là hai chấm và một đường thẳng, và phần lớn não bộ con người tạo ra cùng một mối liên hệ. Từ công việc của mình tại CIA, Nagel tin rằng những nhà lý thuyết âm mưu mắc phải một dạng pareidolia nhận thức, thấy những mẫu nghi ngờ nơi không có mẫu nào tồn tại... ảo giác ra trật tự từ hỗn loạn. Everett Finch thì ngược lại. Anh phát hiện ra những mẫu thực sự và sử dụng chúng để tạo ra hỗn loạn... tất cả nhằm bảo tồn một kiểu trật tự nào đó trong thế giới. Tin tức về cái chết của Finch đã giúp Nagel có một thời gian nghỉ, nhưng đó lại không phải là điều mà cô sẽ bao giờ ăn mừng. Cô đã học được một sự thật đơn giản trong sự nghiệp tại CIA: Thiện và ác không tồn tại dưới dạng thuần khiết. Cô biết rằng sự tàn nhẫn của Finch được thúc đẩy bởi cam kết mạnh mẽ của anh đối với một cơ quan đang cố gắng giành lấy vị trí trong thế giới mới dừng cảm của công nghệ não bộ. “Những con cú đang ngủ,” một giọng nói trầm đục phát ra từ phía sau cô, vọng lại từ bề mặt không lồ của Tường Đá Dính. Trong một khoảnh khắc, Nagel nghĩ rằng cô vừa nghe thấy một loại cụm từ bí mật nào đó của gián điệp, nhưng khi cô quay lại, cô thấy hai khuôn mặt quen thuộc. Robert Langdon và Katherine Solomon đang tiếp cận qua khu vực nuôi chim của vườn nơi những con cú mà Wallenstein nuôi sống lặng yên, với đầu tách vào lông vai. Nagel cười và bắt tay họ khi người bảo vệ luôn hiện diện của cô, Scott Kerble, xuất hiện từ bóng tối và gia nhập nhóm. Langdon và Solomon vẫn không có áo khoác, nhưng may mắn thay, cuộc trò chuyện này không có ý định diễn ra ngoài trời. “Đi theo tôi,” cô nói, dẫn họ về phía Tường Đá Dính. “Chúng ta sẽ nói bên trong.” Langdon nhìn lên vách đá rắn rỏi, rõ ràng là bối rối. “Bên trong... nơi nào?” Không nói một lời, Nagel dẫn theo đoàn người về phía chân bức tường và dừng lại trước một cánh cửa gỗ nhỏ—không cao hơn bốn feet—bao quanh bởi những hình thù giống như đầu lâu đáng sợ. Biểu cảm hoài nghi của Langdon hoàn toàn bất ngờ khi Nagel lấy một chiếc chìa khóa ra và mở cửa. Một trong những đặc quyền của việc là đại sứ Mỹ, cô suy nghĩ. Những người Mỹ giàu có đã sở hữu những gì nằm sau cánh cửa này đã cho Nagel mượn một chiếc chìa khóa, trao cho cô quyền truy cập vào lối vào ngầm này với hy vọng cô sẽ thường xuyên ghé thăm, mà cô thì đã làm. Khi họ bước vào, Nagel tự hỏi Langdon sẽ nghĩ gì nếu anh biết họ đang đi đâu. Phía sau bức tường này, trong bất kỳ một trong sáu căn phòng được thấp nền, giáo sư có thể sẽ thấy mình nằm khoả thân trên một tấm đá granit trong khi các người phục vụ mặc áo choàng đỏ sấp nóng chảy trên da thịt anh. Cô có một chiếc chìa khóa? Nếu bộ nhớ của Langdon không sai, Tường Đá Dính nổi tiếng của Prague đã được xây dựng ở phần sau của một tu viện Augustine từ thế kỷ thứ mười ba—Tu viện St. Thomas—có nghĩa là anh vừa bước qua bức tường vào những hành lang cổ xưa, thiêng liêng. Không còn thiêng liêng nữa, anh suy ngẫm. Tu viện vĩ đại này, giống như nhiều tu viện khác ở Châu Âu, đã được chuyển đổi để phục vụ nhu cầu của một thế giới ngày càng thế tục. Trong trường hợp này, nó đã được biến thành một khách sạn Marriott—Augustine Luxury. Nhà máy bia cổ xưa của các tu sĩ giờ đây được tái hiện như quán Refectory tuyệt hảo, và thư viện nguyên bản của tu viện đã được bảo tồn hoàn toàn nguyên vẹn, với các văn bản cổ, công cụ viết và đá mài cho bút lông. “Càng kín đáo càng tốt,”

Nagel thì thầm, dẫn họ xuống một hành lang hẹp đến một cánh cửa phục vụ. Khi cô đẩy nó mở ra, Langdon thấy mình đứng trong một hành lang thanh lịch, có mùi cây chè, hương trầm và eucalypt. “Bạn đưa chúng tôi đến một spa sao?” anh hỏi khi họ đến trước một cánh cửa vàng, nơi có bảng chỉ dẫn các liệu pháp khác nhau, bao gồm cả chuyên môn của họ—Nghỉ lễ Tu viện. Anh không phải là một chuyên gia về tu viện, nhưng anh khá chắc chắn rằng các nghi lễ tu viện không bao gồm nền cơ thể oải hương và liệu pháp collagen. “Chúng ta an toàn ở đây,” cô thì thầm. “Tôi biết nhân viên ở đây, và các bức tường được cách âm.” Nói xong, Nagel ra hiệu để họ chờ trong khi cô lên vào bên trong. Chỉ trong vài giây, cô quay lại với một móc chìa khóa và dẫn họ xuống hành lang, nơi cô mở khóa một trong những salone riêng tư của spa sau liệu pháp. Phòng chờ không có cửa sổ tạo cảm giác giả tôn giáo với những ngọn nến điện nhấp nháy, nghệ thuật kính màu và tiếng hát Gregorian vang lên từ loa. Langdon lưu ý rằng âm thanh nền đã tồn tại trước tu viện bốn thế kỷ. Nhưng bên cạnh những điều không đúng thời, anh có thể tưởng tượng ra những nơi tồi tệ hơn để ở. Nó riêng tư và ấm áp. Thậm chí tốt hơn, Kerble đã vào khách sạn để xem liệu anh có thể tìm cho họ một ít thức ăn không. “Trước hết,” Nagel nói, cởi áo khoác mùa đông và ra hiệu để họ ngồi lên những chiếc ghế sofa thoải mái, “tôi không thể tưởng tượng nổi những gì

mà cả hai bạn đã phải chịu đựng hôm nay. Tôi rất nhẹ nhõm vì các bạn ôn, và tôi nhận ra rằng chúng ta có rất nhiều điều để bàn luận. Nhưng trước khi đi sâu vào nó, tôi muốn chia sẻ một tin rất tốt.” Cô cho cả hai người một nụ cười mệt mỏi. “Hóa ra, bằng chứng kết tội mà chúng ta hy vọng thu thập được về Threshold...Chúng ta giờ đã có nó.” Làm sao? Langdon tự hỏi, tưởng tượng rằng tất cả bằng chứng vật lý về sự tồn tại của Threshold đã bị nghiền nát và chôn vùi trong đồng đồ nát...cùng với, thật bi thảm, bằng chứng mạnh mẽ nhất. Chính Sasha Vesna. Nagel nhìn họ, trông có vẻ mệt mỏi nhưng tràn đầy năng lượng. “Hóa ra, chúng ta có một thiên thần hộ mệnh. Nói chính xác hơn, Sasha Vesna có một thiên thần hộ mệnh.” Langdon bị bất ngờ bởi nhận xét đó. Anh ngay lập tức hình dung ra bóng áo choàng đã tuyên bố chính mình là người bảo vệ và hộ mệnh của Sasha. Liệu Nagel có biết về tính cách phân ly của cô ấy không? “Và thiên thần hộ mệnh của cô ấy,” cô thêm vào, “đã gửi cho tôi cái này.” Nagel đưa ra một tờ giấy và đặt nó trước mặt họ. Khi Katherine nhìn thấy, cô ấy thốt lên một tiếng hít. Langdon cảm thấy một nỗi ám đạm tương tự khi đọc thông điệp viết tay được vạch ra trên một mảnh giấy có chủ đề mèo. □□□ □□ □□□□ □ □□ . Chúa ơi, anh nghĩ, hình dung đôi tay của Sasha viết ra những lời này...một lời kêu cứu tuyệt vọng...một lời kêu gọi mà, một cách kỳ lạ, Sasha không biết gì về. Đại sứ nhanh chóng giải thích rằng URL được bao gồm trong thông điệp dẫn đến một video thú tội đầy tra tấn trong đó Gessner tiết lộ tất cả những gì cô biết về Threshold—thử nghiệm trên người, phẫu thuật não, cấy ghép, tâm được, trải nghiệm cận tử, danh sách những người tham gia...tất cả. “Video rất khó xem,” Nagel nói, “nhưng sự tồn tại của nó có nghĩa là CIA sẽ không bao giờ có thể tìm đến các bạn nữa.” Cô để điều đó lắng đọng. “Tôi đã bảo vệ một bản sao, và tôi dự định sẽ tạo bản sao lưu. Nói tóm lại, bất kể điều gì xảy ra, video này là bảo hiểm duy nhất mà các bạn sẽ cần.” Đôi mắt cô sáng lên trong ánh nến. “Đó là quả bom nguyên tử của các bạn.” “Của bạn cũng vậy, tôi hy vọng,” Katherine nói một cách dịu dàng. Nagel gật đầu. “Mặc dù tôi không chắc chúng ta cần bao nhiêu nó. Giám đốc dường như cũng cảm thấy ghê sợ như tôi khi biết về những điều đã xảy ra tại Threshold.” “Ông ta phải biết,” Langdon tranh luận. “Ông ta là giám đốc.” “Đúng, và đó là lý do tại sao ông ta có thể không biết,” Nagel phản biện. “Cơ quan này được phân chia quá mức về quy trình—khả năng từ chối hợp lý, hiệu quả độc tài. Ông ta đã giao cho Finch quyền quản lý và do đó chỉ biết những chi tiết mà Finch chọn chia sẻ.” Có thể, Langdon nghĩ, có thể không. Anh cầm lá thư lên, cảm nhận được đại sứ không biết gì về tình trạng của Sasha. “Nhưng tại sao thiên thần hộ mệnh của Sasha lại gửi điều này đến bạn? Tại sao không gửi video trực tiếp đến báo chí?” “Trong video,” Nagel nói, “Tiến sĩ Gessner thừa nhận rằng tôi hầu như không biết gì về mục đích thực sự của Threshold và sẽ bị kinh hoàng khi biết về sự tồn tại của nó. Tôi nghi ngờ rằng sự thừa nhận đó là lý do tại sao thiên thần hộ mệnh của Sasha tin tưởng video này cho tôi...hình dung rằng tôi đủ ảnh hưởng để giúp Sasha...hoặc tạo ra sự khác biệt. Không cần phải nói rằng nếu chúng tôi tìm thấy Sasha, tôi sẵn sàng giúp cô ấy bằng bất cứ cách nào tôi có thể. Cô ấy là một nạn nhân, và tôi đã đóng vai trò trong việc biến Threshold thành hiện thực...dù là bị ép buộc và không biết.” Cô đột nhiên nhìn đi nơi khác, chăm chăm vào khoảng không. “Nhưng Michael Harris...” cô thì thầm, gần như rơi nước mắt, “những gì tôi đã buộc anh ấy phải làm...theo dõi Sasha cho Finch...Đã khiến Michael mất mạng.” Ánh mắt cô trở lại với họ. “Tôi sẽ mang theo cảm giác tội lỗi và xấu hổ đó mãi mãi.” Langdon tự hỏi Nagel sẽ cảm thấy thế nào khi cô ấy biết sự thật phức tạp về kẻ giết Harris. Người phụ nữ mà bạn đã ra lệnh.

Harris để quyền rũ là, theo một cách kỳ lạ, người đã giết ông. “Bảo vệ của Sasha,” Katherine nói. “‘Thiên thần bảo hộ’ của cô ấy, như bạn đã nói. Bạn có bao giờ biết danh tính của hắn không?” “Không một cách kết luận,” Nagel đáp. “Hắn chỉ xuất hiện thoáng qua trong video và đã bị nguy trang, nhưng tôi có một nghi ngờ mạnh mẽ rằng tôi biết ai đó.” Langdon và Katherine trao cho nhau một cái nhìn ngạc nhiên. “Người đàn ông trong video đã tra tấn Gessner nói với giọng Nga,” Nagel nói. “Và hắn đã nói với Gessner rằng hắn đang trừng phạt cô vì đã phản bội sự tin tưởng của Sasha. Nhưng có điều gì đó trong cơn giận của hắn cảm giác như sự phản bội cá nhân... như thể hắn cũng đã từng là một đối tượng thử nghiệm của Threshold.” Hắn đã, Langdon nghĩ. Theo một nghĩa nào đó, hắn là bệnh nhân số ba. Langdon không hoàn toàn hiểu những phức tạp của DID, nhưng dường như bất kỳ quy trình nào mà Gessner đã thực hiện trên Sasha đều có thể đã được trải nghiệm bởi phiên bản khác của cô, đặc biệt nếu phiên bản đó có tính bảo vệ và chọn cách chịu đựng những phần đau đớn trong cuộc sống của Sasha. Theo Katherine, một phiên bản chiếm ưu thế có thể kiểm soát danh tính nào là có ý thức và đứng ở vị trí hàng đầu tại bất kỳ thời điểm nào. “Giám đốc đã thông báo với tôi,” Nagel tiếp tục, “rằng đối tượng

thử nghiệm đầu tiên của Threshold cũng là người Nga và đã được lấy từ cùng một cơ sở như Sasha. Tên hắn là Dmitri Sysevich. Finch nói rằng hắn đã chết trong chương trình, nhưng giám đốc nói rằng ông ấy không thấy bằng chứng gì về cái chết của Dmitri. Có thể Finch đã nói dối về điều đó vì một lý do nào đó.” Finch không nói dối, Langdon biết. Dmitri đã chết. Chúng tôi đã thấy hồ sơ y tế của hắn. “Xét về video,” Nagel nói, với giọng điệu tiếc nuối, “giám đốc và tôi đã kết luận rằng Dmitri Sysevich phải đã sống sót qua chương trình nào đó và trở lại để trả thù.” Trong sự im lặng khó chịu, Langdon liếc nhìn Katherine, ánh mắt họ khóp lại. Họ đều biết điều gì cần phải xảy ra. Đã đến lúc đại sứ biết sự thật. “Thưa bà,” Langdon nói, quay lại với cô. “Người mà bà thấy giết Gessner... không phải là Dmitri Sysevich.”

MỘT CHƯƠNG 126

Đại sứ Nagel không chắc đã trôi qua bao lâu khi nhóm người bước ra khỏi bức tường Dripstone. Một giờ? Hai? Bóng tối đã bao trùm Vườn Wallenstein, và dường như có một cảm giác lạnh lẽo đáng sợ trong bóng tối. Cô vẫn còn choáng váng vì những gì Langdon đã giải thích về Sasha, và trong khi Nagel biết rằng cô sẽ cuối cùng có thể chấp nhận sự thật một cách tri thức... cô lo sợ rằng sẽ có một sự thật mà sẽ mãi mãi cắt xuyên qua cảm xúc của cô như một con dao đâm vào tim. Michael Harris đã bị giết bởi... Sasha. “Bạn phải nhớ,” Katherine nhấn mạnh. “Đó không phải là Sasha đã làm điều này với Michael. Cô ấy yêu Michael. Bạn phải nghĩ về họ như hai con người.” Dù thế nào, tin tức đã khiến cô một lần sóng tới nỗi mới nghiền nát. Nagel thấy mình ước gì mình có thể cầu xin cả Michael và Sasha tha thứ cho họ... nhưng cả hai đều đã ra đi. Ngay cả Vườn Wallenstein dường như cũng không còn sức sống với cô lúc này, những bụi hồng được bọc trong những bao Burlap và cái ao đã được rút nước cho mùa đông. Nagel nghi ngờ rằng cô sẽ chứng kiến sự phục hồi hàng năm của nó vào mùa xuân này. Chỉ vài giờ trước, cô đã nắm trong tay đủ sức mạnh chính trị để làm bất cứ điều gì cô muốn, điều đó không còn bao gồm việc làm một đại sứ Mỹ sống ở Prague. Tôi không bao giờ được phép ở đây, cô nghĩ. Tôi được cử đi như một con rối. Cô có lẽ sẽ chờ một tháng để giúp đại sứ quán vượt qua cuộc khủng hoảng hiện tại và sau đó từ chức. Cô không biết mình sẽ làm gì tiếp theo, nhưng cô cảm thấy như mình vẫn còn một chút sức chiến đấu... và rất nhiều điều nữa để cho đi. Hiện tại, mối quan tâm cấp bách nhất của cô là lấy lại chiếc USB stick mà Scott Kerble đã khéo léo giấu ra khỏi đại sứ quán trong hộp đồ của Dana. Kerble sẽ sớm đến căn hộ của cô để lấy lại nó. Khi họ rời khỏi khu vườn, Nagel liếc nhìn lại Langdon và Solomon, những người đang nói chuyện một cách nhẹ nhàng khi theo sau. Chắc chắn là cả hai đều rất mệt mỏi và cần ngủ. “Tôi sẽ đưa họ trở về khách sạn của họ,” Kerble nói, như thể đọc được đúng suy nghĩ của cô. “Ngay sau khi tôi đưa bà đến đại sứ quán.” Họ bước ra ánh sáng của đèn đường, và Nagel biết rằng cô sẽ nhớ Kerble nhất trong tất cả. “Scott,” cô nói nhẹ nhàng. “Tôi hoàn toàn nhận thức được những rủi ro mà bạn đã chấp nhận cho tôi ngày hôm nay... và tôi không xem thường sự trung thành của bạn.” Người lính Thủy quân lục chiến cho cô một nụ cười hiếm hoi và chạm vào mũ. “Cũng không phải tôi.”

MỘT CHƯƠNG 127

Tác phẩm nghệ thuật gây rối nhất và hiệu quả nhất ở Châu Âu, Langdon từ lâu đã tin tưởng, là Nạn nhân của Chủ nghĩa Cộng sản - một đài tưởng niệm bao gồm sáu người đàn ông bằng đồng kích thước thật đang xuống một cầu thang bê tông rộng. Mỗi người đàn ông đều gầy gò, có râu, và đứng ở một bậc khác nhau. Một cách đáng sợ, cả sáu người đàn ông đều là cùng một cá nhân... nhưng mỗi người đang ở một trạng thái phân hủy khác nhau... một

thiếu một cánh tay, một cái đầu khác bị mất nửa, cái còn lại với một khoảng trống to tướng qua thung lũng ngực. Sự kiên cường và bền bỉ, Langdon nhớ lại, là thông điệp của người nghệ sĩ. Con người này, bất kể mức độ đau khổ của anh ta, vẫn đứng vững. Langdon không ngờ mình sẽ thấy bức điêu khắc này trong chuyến thăm Prague này, và thế nhưng nó đã xuất hiện, lướt qua cửa sổ của chiếc xe sedan ký sự khi họ nhanh chóng chạy dọc theo phố Újezd. Anh sẽ chỉ cho Katherine, nhưng cô đã ngủ khoác vai anh, mái tóc rối của cô mềm mại trên má anh. Sau khi thả đại sứ xuống tại đại sứ quán, Trung sĩ Kerble giờ đây đang đưa Langdon và Katherine về phía nam dọc theo Vườn Petřín, hướng đến Khách sạn Four Seasons và một giấc nghỉ ngơi rất cần thiết. Khi họ rẽ trái vào Cầu Lê-giôn, Langdon nhắm mắt lại và lắng nghe nhịp thở nhẹ nhàng của Katherine, cảm thấy được an ủi bởi âm thanh đáng tin cậy của... cuộc sống. Khái niệm về cái chết đã hiện hữu quá rõ ràng hôm nay, không chỉ trong các cuộc thảo luận mà còn trong thực tại của Langdon... gần như đông lạnh đến chết trong dòng sông Vltava, rồi sau đó bị Pavel bắn và suýt

chút nữa là không vượt qua Ngưỡng. Đáng chú ý, trong năm qua, mọi điều Langdon đã học từ Katherine về ý thức đã thay đổi cách nhìn của anh về cái chết... giúp anh dễ dàng hơn với nỗi lo sợ về tuổi tác và sự sống còn. Nếu mô hình ý thức phi địa phương của Katherine đúng, thì kết luận hợp lý là một phần nào đó của Langdon, sự tồn tại của anh, linh hồn của anh, tâm trí của anh... sẽ vượt qua cái chết của cơ thể và sống mãi. Tôi không vội vàng để tìm hiểu điều đó, anh nghĩ, thường thức hơi ám từ đầu Katherine trên vai mình. Hôm qua, trong chuyến tham quan Vyšehrad, họ đã tình cờ tìm thấy một cái hộp chứa di tích một cách kỳ lạ với một xương bả vai người — được cho là của Thánh Valentine — và Katherine đã làm anh giật mình với một câu hỏi đơn giản nhưng đánh lừa: Làm thế nào bạn định nghĩa cái chết? Chưa bao giờ nghĩ về cái chết theo nghĩa đen, Langdon lúng túng, cuối cùng đưa ra một định nghĩa vòng vo mà anh sẽ không chấp nhận từ học trò của mình: Cái chết là sự thiếu vắng của sự sống. Đến ngạc nhiên, Katherine nói với anh rằng câu trả lời của anh khá gần với định nghĩa chính thức, y học: Sự ngừng trệ không thể đảo ngược của tất cả chức năng tế bào. Sau đó, cô thông báo với anh rằng định nghĩa y học chính thức là 100 phần trăm sai. “Cái chết,” cô giải thích, “không liên quan gì đến cơ thể vật lý. Chúng ta định nghĩa cái chết theo khía cạnh ý thức. Hãy xem một bệnh nhân sống thực vật, không phản ứng trên máy thở — cơ thể của anh ta về mặt kỹ thuật vẫn còn sống, và thế nhưng chúng ta vẫn thường xuyên rút ống thở khỏi cơ thể đó. Không có ý thức, chúng ta coi một cơ thể con người như đã chết... ngay cả khi các chức năng thể chất của nó vẫn hoàn toàn nguyên vẹn.” Thật vậy, Langdon nhận ra. “Và điều ngược lại cũng đúng,” cô tiếp tục. “Một người tê liệt tứ chi ở trong xe lăn, đã mất chức năng thể chất trong toàn bộ cơ thể nhưng vẫn còn tỉnh táo, vẫn rất sống. Stephen Hawking về cơ bản là một tâm trí không có cơ thể. Hãy tưởng tượng nếu ai đó đề xuất rút ống thở của ông ấy!” Langdon chưa bao giờ nghe thấy ý kiến được nêu như vậy. “Robert,” cô kết thúc, “chúng ta không thể phủ nhận dòng chứng cứ ngày càng lớn cho thấy ý thức có thể tồn tại ngoài cơ thể... vượt lên khỏi những giới hạn của bộ não. Ngày đã đến để chúng ta hoàn toàn định nghĩa lại ý thức... và do đó hoàn toàn định nghĩa lại cái chết!” Langdon hy vọng cô đúng, và rằng cái chết không phải là một sự kiện “chấm dứt” như hầu hết mọi người vẫn tưởng tượng. Từ những kỷ niệm trong trí nhớ, những giáo lý cổ xưa của Asclepius nổi lên: Quá nhiều người sợ cái chết và coi đó là thảm họa tồi tệ nhất có thể xảy ra với họ: họ không biết gì về những gì họ nói. Cái chết đến như một sự tan biến từ một cơ thể đã mệt mỏi... Giống như cơ thể rời khỏi bụng mẹ khi nó trưởng thành trong đó, linh hồn cũng vậy rời khỏi cơ thể khi nó đã đạt đến sự hoàn thiện. Khi là một sinh viên trẻ về tôn giáo so sánh, Langdon đã rất kinh ngạc trước sự phổ quát của lời hứa về sự tái sinh và sự sống sau cái chết — sự bảo đảm đơn độc, kiên định được cung cấp bởi mọi truyền thống tôn giáo đã tồn tại qua thử thách của thời gian. Anh luôn xem xét đặc điểm nhất quán này như một ví dụ về “sự sống sót của kẻ mạnh nhất” theo thuyết tiến hóa. Những tôn giáo duy nhất tồn tại là những tôn giáo cung cấp giải pháp cho nỗi sợ hãi lớn nhất của nhân loại. Phía tâm linh hơn của Langdon thường tự hỏi liệu lời hứa từ lâu đời về sự sống vĩnh cửu có thể thực sự có trước tôn giáo... tìm kiếm nguồn gốc trong sự khôn ngoan đã mất của các bậc tiền bối... một thời điểm khi tâm trí con người đủ rõ ràng để nhận thức những chân lý sâu sắc nhất thấm nhuần vũ trụ. Một suy nghĩ cho một ngày khác, anh quyết định khi chiếc xe của họ giảm tốc trước Khách sạn Four Seasons. “Này, đầu óc u mê,” anh thì thầm với Katherine bên cạnh. “Chúng ta đã đến.” Faulkman lao vào điện thoại. “Alo?!” “Jonas, đây là Robert,” giọng nói trầm ấm không thể nhầm lẫn. “Tôi vừa trở lại khách sạn. Người quản lý nói rằng bạn đã gọi liên tục.” “Tôi đã gọi thật!” Faulkman thốt lên. “Vụ nổ ở Prague? Tôi đã lo lắng—” “Xin lỗi, cả hai chúng tôi đều ổn.” Faulkman thở phào nhẹ nhõm.

“Bạn biết đấy, Robert, hầu hết các tác giả khiến tôi cảm thấy căng thẳng khi gửi bản thảo muộn, nhưng bạn lại có một thói quen làm tôi khó chịu—” “Cảm ơn vì sự quan tâm của bạn,” Langdon trả lời với một tiếng cười, “nhưng tôi không gần đâu với vụ nổ.” “Rất vui khi nghe điều đó, mặc dù tôi không tin,” Faulkman nói. “Tôi đã chứng kiến khả năng của bạn trong việc gần gũi với hiểm nguy.” “Còn tôi thì thấy bạn có khuynh hướng quá lo lắng.” Faulkman cười khúc khích. “Câu trả lời đó nhanh quá... ngay cả đối với bạn, Robert. Làm thế nào tôi biết đây không phải là một chatbot AI?” “Bởi vì AI sẽ không bao giờ biết bạn đã từ chối một trong những tiêu thuyết bán chạy nhất trong hai mươi năm qua chỉ vì bạn nghĩ rằng tác giả đã sử dụng quá nhiều dấu ba chấm.” “Ê! Tôi đã nói với bạn điều đó trong sự tin tưởng!” “Đúng, và tôi sẽ mang điều đó đến mồi,” Langdon đảm bảo với anh. “Chỉ là không phải hôm nay.” “Có tin gì về bản thảo của Katherine không?” Faulkman hỏi với hy vọng. “Xin lỗi,” Langdon đáp, giọng anh

có vẻ mệt mỏi. “Tôi ước mình có thể cho bạn tin tốt hơn...” Chưa đầy bảy giờ, Langdon tắt vòi sen hơi nước trong Royal Suite. Đêm còn trẻ, nhưng bóng tối mùa đông đã bao trùm Prague từ lâu, và anh cùng Katherine đã đồng ý rằng họ sẽ đi thẳng lên giường. Quấn một chiếc khăn quanh hông, Langdon bước ra khỏi vòi sen và thấy Katherine đang ngâm mình trong bồn tắm bong bóng với một chân thon dài duỗi ra và một cạo râu trong tay. Cô ấy đang cạo chân của mình à? anh nghĩ, bất ngờ. “Chúng ta đi ra ngoài à?” Katherine cười. “Không, Robert, chúng ta không đi ra ngoài. Bạn thật sự không biết tại sao phụ nữ cạo chân trước khi đi ngủ à?” “À...” Anh ngập ngừng. “Tôi chỉ nghĩ... bạn mệt mỏi.” “Tôi có. Nhưng khi nhìn thấy bạn vào vòi sen, tôi đã tỉnh lại.” Cô chỉ vào cơ bụng chắc nịch của anh. “Bạn trông khá ổn, Aquaman... cho một người ở tuổi của bạn.” “Tuổi của tôi? Bạn lớn tuổi hơn tôi!” “Bạn thật sự muốn nói đến điều đó sao?” “Không, tình yêu của tôi... tôi không muốn.” Langdon đi lại gần bồn tắm, ngồi ở mép, và đặt một bàn tay âu yếm lên gáy Katherine. “Điều tôi muốn nói là bạn rất xinh đẹp, thông minh, hài hước và tôi yêu bạn.” Anh hôn cô nhẹ nhàng lên môi. “Và tôi sẽ gặp bạn trên giường.” Điều này là chính thức, Katherine nghĩ khi cô hoàn tất việc chuẩn bị và bước ra khỏi bồn tắm. Tôi đang yêu. Cô nghi ngờ có lẽ mình đã yêu Langdon từ lâu rồi, và rốt cuộc thời điểm của họ đã đến. Nó không quan trọng. Dù sao thì, họ cũng đang ở đây bây giờ. Cùng nhau. Tận hưởng những khoảnh khắc này. Sau khi lau khô, cô với tay dưới chậu rửa và lấy ra gói quà được bọc cẩn thận mà cô đã giấu ở đó trước đó. Nó chứa một bộ đồ lót thanh lịch nhất mà Katherine từng mua. Lựa Simone Pérèle màu macchiato. Cô hy vọng Robert thích bộ đồ một mảnh tinh tế từ bộ sưu tập Dream của họ. Sau khi thả tóc xuống, Katherine bỏ khăn tắm và trượt vào bộ đồ lót nhẹ như không. Lựa cảm giác thật sang trọng trên làn da ẩm ướt của cô, rơi hoàn hảo trên cơ thể cô. Bỏ qua mùi nước hoa Balade Sauvage thường dùng, cô lấy ra chai xịt nhỏ của Mojave Ghost mà đã đi kèm với bộ đồ lót. Cô xịt một đám sương vào không khí và bước qua nó, các giác quan của cô được khuấy động bởi hương vị của xạ hương Chantilly và hoa violet bột. Sau khi kiểm tra bản thân lần cuối trong gương, cô mở cửa phòng ngủ, hải lòng thấy rằng Langdon đã tắt đèn. Hoàn hảo, cô nghĩ, biết rằng bộ đồ lót trong suốt của mình giờ đã được chiếu sáng, để lại hình dáng của mình trên nền sáng. Cô mỉm cười ngọt ngào, tạo dáng quyến rũ trong khung cửa chờ đợi phản ứng của Langdon. Nhưng phản ứng duy nhất mà cô nghe thấy là nhịp thở nhẹ nhàng, đều đặn của giấc ngủ say dịu dàng của anh. Tôi CHƯÔNG 128 n một căn hộ khiêm tốn ở quận Dejvice, Dana Daněk ngồi một mình trên ghế sofa xem tin tức truyền hình. Quân đội Mỹ đã hoàn toàn chịu trách nhiệm về vụ nổ tại Folimanka, điều này dường như đã được gây ra bởi một kho dự trữ khí tự nhiên lớn mà các kỹ sư đã mang vào để làm nóng và chữa trị bê tông tươi mà họ đang đổ. Theo nhiều chuyên gia xây dựng bên ngoài, kỹ thuật này rất phổ biến, đặc biệt là trong các không gian ẩm ướt dưới lòng đất vào mùa đông, và đây không phải là tai nạn đầu tiên như vậy. Dù sao đi nữa, các nhà phân tích chính trị đang bắt đầu nghi ngờ câu chuyện. Tuy nhiên, bất cứ điều gì đã gây ra vụ nổ, quân đội Mỹ đã bắt đầu phong tỏa khu vực và chuẩn bị cho một chiến dịch dọn dẹp khổng lồ. “Cô Daněk?” một người đàn ông gọi từ hành lang sau khi gõ cửa của cô. “Tôi là Thượng sĩ Kerble.” Bất ngờ, cô đi lại và nhìn qua lỗ peephole. Quả thật, đó là chỉ tiết an ninh hàng đầu của đại sứ. Tôi có rắc rối không? Không có lính thủy nào từng ghé thăm nhà cô. Dana đang mặc một chiếc áo hoodie, đeo kính, và không trang điểm, và cô tự hỏi liệu Thượng sĩ Kerble có nhận ra cô không. Khi cô mở cửa, người lính thủy mặt trẻ thơ đứng cách một khoảng lịch sự. “Cô.

“Daněk,” anh nói, “Tôi xin lỗi vì đã làm phiền bạn ở nhà. Đại sứ đã yêu cầu tôi chuyển lại nỗi buồn sâu sắc của bà về sự ra đi của Tùy viên Harris. Toàn bộ đại sứ quán đang bị chao đảo, nhưng Bà Đại sứ nói rằng hai người rất thân thiết.” “Cảm ơn, Scott.” “Tôi cũng nên đề cập rằng việc bắt giữ đại sứ là một sự hiểu nhầm, và bà ấy đã được thả với một lời xin lỗi đầy đủ.” “Bà ấy có thể sẽ tiếc điều đó,” Dana nói, chỉ về phía television phía sau cô. “Bà ấy sẽ phải giải quyết rất nhiều chuyện với điều này. Chính phủ của bạn đã bắt đầu bị chỉ trích.” “Vâng, toàn bộ tình huống này có một chút...” “Chán?” Dana gợi ý. Kerble mỉm cười. “Tôi định nói ‘có sự tinh tế chính trị.’” “Vậy thì bạn nên đảm nhận vị trí của tôi trong PR.” “Thực ra,” anh nói, “đó là lý do tôi ở đây. Đại sứ rất hy vọng bạn sẽ quay lại và làm PR cho khủng hoảng này.” Dana cười lớn. “Scott, bạn có biết điều gì đã xảy ra với tôi hôm nay không?! Một người phụ nữ chĩa súng vào mặt tôi, bạn trai tôi bị siết cổ đến chết, đại sứ Hoa Kỳ bị bắt ngay trước mặt tôi, tôi bị dẫn ra khỏi khuôn viên đại sứ quán, và Công viên Folimanka phát nổ! Tôi có bỏ sót điều gì không?!” Kerble thở dài. “Tôi xin lỗi, Dana, tôi thừa nhận hôm nay đã...” “Có sự tinh tế chính trị?” “Tôi định nói ‘chán.’” Dana cố gắng nở một nụ cười. “Vậy chuyện quái quỷ gì đang xảy ra?” “Tôi không biết hết các

thông tin. Bạn nên hỏi đại sứ vào ngày mai khi trở lại làm việc.” “Đó là lời giới thiệu của bạn?” “Tôi chưa bao giờ là một người bán hàng giỏi. Bạn có thể chỉ cần nghĩ về nó thôi không?” “Tôi sẽ. Chúc bạn một buổi tối tốt lành.” Dana bắt đầu đóng cửa, nhưng Kerble tiến lại gần hơn. “Thực ra, tôi đang tự hỏi liệu tôi có thể xem cái hộp các tông kia không.” Anh chỉ vào phía sau cô, vào hộp đồ cá nhân từ văn phòng của cô. “Tôi nghĩ có một túi ngoại giao ở đó thuộc về đại sứ. Tôi sợ rằng tôi có thể đã làm rơi nó vào hộp của bạn một cách nhầm lẫn. Tôi có thể vào không?” Dana đã chịu đựng đủ thứ chiêu tán tỉnh tệ hại, và nếu như cô không quý trọng Sergeant Kerble đến vậy, cô đã đoán rằng đây lại là một trong số đó. Vẫn, cô ra hiệu cho anh đợi ở cửa. “Tôi sẽ tìm cho bạn.” Dana đi qua và lục lọi trong hộp, ngạc nhiên khi gặp một túi ngoại giao đã niêm phong được gửi đến Đại sứ Heide Nagel. Túi có một ghi chú dán: D—Đừng cho ai biết về việc này. Ai đó sẽ liên hệ với bạn. Dana quay ngoắt lại phía anh trong sự sốc. “Đây là quái gì thế?! Và nó đang làm gì trong hộp của tôi?!” “Tôi xin lỗi,” anh trả lời. “Tôi đã để nó ở đó. Và bây giờ tôi cần lấy lại.” Tại đại sứ quán Hoa Kỳ, Heide Nagel ngồi một mình trong văn phòng của cô và nhìn chăm chăm vào chiếc ly Becherovka hiện đang trống rỗng. Cô rất ít khi uống rượu mạnh, và không bao giờ uống hai cocktail trong một ngày. Nếu không phải là hôm nay thì khi nào? Cô và giám đốc đã đạt được một thỏa thuận—một loại hòa bình gì đó—nhưng ngay cả như vậy, Nagel không định từ bỏ quyền lực của mình và tin tưởng một cách mù quáng vào ông ta. Tôi vẫn có USB của video. Kerble đã đi để lấy lại nó từ Dana, và từ âm thanh của những bước chân giờ đang leo lên cầu thang bằng đá cẩm thạch của cô, Kerble đã trở về... ngoại trừ khuôn mặt xuất hiện ở cửa lại không phải của anh. Nó thuộc về một trong những lính thủy đánh bộ mới của đại sứ quán. “Thưa bà?” chàng trai trẻ nói, trông có vẻ bối rối. “Tôi xin lỗi, nhưng chúng tôi có một tình huống ở cửa trước cần sự chú ý của bà.” “Hôm nay không có thêm tình huống nào nữa,” cô nói. “Xin hãy để đội của bạn giải quyết nó.” “Chúng tôi không đủ tiêu chuẩn chính thức, thưa bà. Đây là một vấn đề ngoại giao.” Đầu Nagel cảm thấy như mờ sương. Một vấn đề ngoại giao... ở cửa trước? Chàng trai trẻ bước vào, đưa ra một tờ giấy. “Đây là cho bà.” Nagel nhận lấy tờ giấy và nhìn vào hai từ viết tay. CAIIA BECHA “Tôi không biết đây là cái gì,” cô nói, khó chịu. “Tôi không nói tiếng Nga.” Người lính thủy đánh bộ trông đầy khó hiểu. “Cô ấy đã đảm bảo với tôi rằng bà sẽ biết cô ấy là ai.” “Xin lỗi, ai?” “Người Nga ở cửa trước. Cô ấy muốn nói chuyện với Michael Harris.” Một người Nga tìm Michael? Ở đây? Bây giờ? “Tôi đã yêu cầu cô ấy viết tên của mình xuống.” Người lính thủy đánh bộ chỉ vào tờ giấy. “Tôi tin rằng nó được phát âm là ‘Sasha Vesna.’”

CHƯƠNG 129

Khi anh lái xe rời khỏi căn hộ của Dana, Sergeant Kerble cảm thấy kiệt sức. Anh bật radio lên và tăng âm lượng để giúp mình tỉnh táo. Túi ngoại giao nằm bên cạnh anh, và như đã được yêu cầu, anh sẽ giao nó cho đại sứ ngay lập tức. Giữa vòng xoay khổng lồ ở Quảng trường Vítězné, Kerble cảm thấy điện thoại trong túi bắt đầu rung. Anh rút nó ra và kiểm tra ID người gọi—một số nội bộ của đại sứ quán Hoa Kỳ. “Kerble,” anh trả lời, giảm âm lượng radio. “Cảm ơn.”

“Trời ơi, bạn đã trả lời!” Giọng của người phụ nữ quen thuộc nhưng có vẻ hoảng loạn không bình thường. “Đại sứ?” Kerble ngay lập tức căng thẳng. “Mọi chuyện—” “Bây giờ bạn đang ở đâu?!” cô ấy cắt ngang. Sự đột ngột của đại sứ là điều bất thường, và Kerble cảm nhận một cách kỳ lạ rằng cô ấy đã uống rượu, điều này cũng là không giống với tính cách của cô. “Tôi vừa rời Dejvice,” anh nói. “Tôi có món đồ mà bạn yêu cầu, và tôi đang trên đường—” “Tôi cần bạn làm một việc khác. Ngay lập tức.” Khi đại sứ giải thích, giác quan của Kerble cho biết điều gì đó về tình huống này đang rất sai trái. “Thưa bà, tôi gặp khó khăn khi nghe bạn,” anh nói dối, áp dụng Giao thức an ninh mà họ đã đồng ý. “Bạn có ở trong thành phố không? Có việc gì không?” “Chúa ơi, Scott!” cô quát. “Bạn biết tôi không làm việc vặt! Hãy làm theo những gì tôi đã yêu cầu!” Tim của đại sứ Nagel đập liên hồi khi cô bước xuống cầu thang đá cẩm thạch vào sảnh sang trọng của đại sứ quán. Phòng ngoài mà tách biệt đại sứ quán với đường phố luôn có một lính Thủy quân lục chiến trông coi, nhưng tối nay, như Nagel đã yêu cầu cách đó vài phút, có ba lính Thủy quân lục chiến vạm vỡ đứng ở sảnh. Người hạ sĩ trẻ phụ trách trông có vẻ nhẹ nhõm khi thấy cô tiến đến. Những người bảo vệ đang đứng cùng một người mới đến—một phụ nữ tóc vàng mặc quần jeans, áo khoác parka và giày thể thao. Tóc cô ấy dài đến vai, ướt và bù xù, và tư thế của cô thì gù lại, như thể cô ấy đang rất mệt mỏi, hoặc có thể là bị thương. Nagel nhận ra ngay người phụ nữ đó, vì đã thấy cô trong các bức ảnh. Sasha Vesna... và cô ấy trông như vừa trải qua một cuộc chiến. Sự hiện diện của người phụ nữ Nga ở đây—tàn tạ nhưng còn sống—là một cú sốc tinh tảo. Khi thấy cô ấy, Nagel cảm

thấy thoáng bị mất phương hướng, đặc biệt là cân nhắc những gì cô biết về tính cách phức tạp của Sasha. Nếu Langdon và Solomon đứng về chứng rối loạn phân ly của người phụ nữ, thì điều đầu tiên mà Nagel phải làm—dù có vẻ kỳ quặc với cô—là nhận biết Sasha nào vừa xuất hiện tại đại sứ quán. “Cô Vesna,” đại sứ nói lịch sự, giữ khoảng cách. “Tôi là đại sứ Nagel. Tôi được thông báo rằng bạn đang tìm Michael Harris?” “Vâng,” người phụ nữ nói, giọng yếu ớt với accent Nga dày. “Michael là bạn của tôi. Anh ấy đã nói nếu tôi gặp rắc rối, tôi nên đến đây gặp anh ấy.” Người phụ nữ trẻ đang run rẩy vì lạnh, và giọng nói của cô cũng lạc đi. “Và...tôi nghĩ tôi đang gặp rắc rối.” Bạn nghĩ bạn đang gặp rắc rối?! Nagel muốn hét lên. Bạn đã giết Michael Harris và làm nổ tung một cơ sở chính phủ cực kỳ bí mật! Tuy nhiên, khi đại sứ lên tiếng, giọng điệu của cô bình tĩnh. “Tôi e rằng Michael không có ở đây ngay bây giờ.” Và tôi nghĩ bạn đã biết điều đó rồi. Phải không? “Anh ấy có về sớm không?” Sasha hỏi. “Michael đã nói tôi có thể đến không báo trước nếu tôi cảm thấy mình gặp nguy hiểm.” “Bạn có đang gặp nguy hiểm không?” Nagel hỏi. “Có, tôi...nghĩ là có,” cô nói, gần như rơi lệ. “Từ ai?” “Tôi không biết!” cô nói, nước mắt giờ đã chảy tự do. “Tôi không biết chuyện gì đã xảy ra với tôi! Tôi đang bối rối và tôi không nhớ...Tôi chỉ biết tôi cần một nơi an toàn để ở!” “Vậy bạn đang yêu cầu tị nạn?” đại sứ hỏi. “Tôi không biết điều đó là gì,” cô nói, tiến một bước về phía Nagel. “Tôi chỉ cần—” “Sasha, dừng lại!” Nagel gầm lên khi hai lính Thủy quân lục chiến bước giữa họ, khiến Sasha lập tức dừng lại. Cô nhìn rõ ràng hoảng sợ rằng mình đã làm sai điều gì. “Cô Vesna,” Nagel nói, lấy lại sự bình tĩnh. “Tôi muốn giúp bạn, nhưng trước tiên tôi cần bạn lắng nghe tôi rất cẩn thận. Điều này rất quan trọng.” Sasha gật đầu. “Đại sứ quán này được coi là đất Mỹ, và khi một công dân không phải của Mỹ yêu cầu trú ẩn an toàn trên đất Mỹ, chúng tôi gọi đó là ‘một đơn xin tị nạn.’ Tất cả các đơn xin tị nạn đều yêu cầu một cuộc phỏng vấn đánh giá ngay lập tức bởi một sĩ quan lãnh sự cấp cao. Đó sẽ là tôi.” Sasha gật đầu để thể hiện đã hiểu. “Các quy tắc cho các cuộc phỏng vấn này,” Nagel tiếp tục, “rất nghiêm ngặt. Quy trình tiêu chuẩn theo Khung Đánh giá Tị nạn cần một biện pháp quy định mà chúng tôi gọi là ‘kiểm soát restrain.’” Người lính Thủy quân lục chiến đứng gần Sasha nhìn Nagel một cách hoài nghi, điều này cũng không bất ngờ vì đại sứ đang bịa chuyện trong khi nói. “Bạn không gặp rắc rối, cô Vesna, mặc dù có thể bạn cảm thấy như vậy. Kiểm soát restrain là một phần thiết yếu trong quy trình tị nạn của chúng tôi. Nó là một biện pháp phòng ngừa và đảm bảo một môi trường an toàn cho cả bạn và các thành viên trong đội ngũ đại sứ quán—” “Tôi hiểu,” Sasha nói, chia hai tay ra và đưa cổ tay mình. “Không sao nếu bạn trói tôi.” “Cảm ơn bạn đã hợp tác,” Nagel nói, ngạc nhiên trước sự tuân thủ ngay lập tức của Sasha. “Nhóm của tôi bây giờ sẽ trói bạn theo quy trình của chúng tôi. Bạn sẽ được đưa vào một phòng họp an toàn, khóa cửa, nơi bạn sẽ được cung cấp thực phẩm, nước, quyền truy cập vào các cơ sở vệ sinh, và chăm sóc y tế nếu bạn cần.” Các lính Thủy quân lục chiến do dự một chút đủ lâu để thấy Nagel đang nhìn với ánh mắt sắc lạnh, và hạ sĩ trưởng lập tức hành động. Chỉ trong vài giây, anh đã gắn một bộ hạn chế tiêu chuẩn.

cồng vào cổ tay dưới của Sasha và, cùng với những nhân viên bảo vệ khác, dẫn cô qua hàng rào an ninh. Nagel giữ khoảng cách xa, nhìn đồng hồ. Đã 8:30 tối. “Tôi sẽ gia nhập cùng cô ngay khi có thể, cô Vesna, nhưng có thể sẽ mất một thời gian. Trong khi chờ đợi, nhân viên của tôi sẽ đảm bảo cô được ẩm áp và no đủ.” Sasha có nước mắt trong mắt khi cô đi qua. “Cảm ơn vì lòng tốt của bạn,” cô cố gắng thì thầm. Khi Nagel lấy lại tinh thần và quay lại cầu thang, cô nhận ra mình có những quyết định rất lớn không mong đợi phải đưa ra. Và nhanh chóng.

CHƯƠNG 130

Via hè Manhattan lấp lánh dưới chân Faulkman khi ông đi lên Broadway. Cơn mưa chiều rót cuộc đã qua, và đã đến lúc đi về nhà. Cuộc gọi với Prague ngắn gọn, vì Langdon do dự không muốn nói nhiều qua điện thoại. Ông đã đảm bảo rằng ông và Katherine an toàn và cũng báo hiệu cho Faulkman rằng họ đang xem xét một cuộc dừng chân ở New York trên đường về nhà để tất cả có thể thảo luận trực tiếp về mọi thứ đã xảy ra với bản thảo. Không có nhiều điều để bàn bạc, biên tập viên thất vọng. Ngay cả khi Katherine có thể chấp nhận việc viết lại toàn bộ cuốn sách của mình, CIA có lẽ sẽ có ý kiến gì đó về nó. Đối với Faulkman, việc mất cuốn sách này là một cú sốc nghề nghiệp lớn, nhưng ông cảm thấy an ủi khi biết Robert và Katherine an toàn. Khi ông đến gần Columbus Circle, Faulkman ngửi thấy mùi hương đất của cà phê rang đậm, và ông ghé vào Starbucks đông đúc nhất thành phố. Nếu có ngày nào đó cần thêm một li caffeine cho cuộc đi bộ về nhà, thì đó là hôm nay. Với lời xin lỗi Robert, ông nghĩ khi đặt hàng. Giáo sư Harvard đã từ lâu tẩy chay Starbucks vì điều mà ông tuyên bố là “sự lạm dụng một cách trắng

trộn một biểu tượng cổ điển.” Faulkman cười khúc khích khi nhìn vào logo quen thuộc in trên mỗi cốc cà phê trong cửa hàng. “Nàng tiên cá Starbucks,” Langdon đã phê phán, “có hai đuôi! Điều đó có nghĩa cô ấy không phải là một nàng tiên cá chút nào, mà là một nàng siren—một kẻ quyến rũ độc ác, dẫn dụ các thủy thủ đi theo cô ta mù quáng về phía đắm tàu và cuối cùng là cái chết! Tôi không thể tin tưởng một công ty mà đã bỏ qua việc nghiên cứu biểu tượng trước khi trang trí Frappuccinos bằng một con quái vật biển chết chóc...” Để một nhà biểu tượng học làm hỏng một ly cà phê ngon, Faulkman nghĩ, không cảm thấy tội lỗi khi ông thưởng thức ngụm đầu tiên của ly flat white kem nhạt thành phố. Sau đó, kéo cổ áo áo khoác vintage xám của mình lên, ông bước ra ngoài và hướng về nhà.

CHƯƠNG 131

Lơ lửng trong bóng tối, Robert Langdon trôi cao trên Prague. Ông nhìn xuống Cầu Charles phía dưới xa, những ngọn đèn gas lấp lánh như những chuỗi ngọc trai trải dài qua dòng sông đen. Không trọng lượng và tách biệt, Langdon trôi xuôi theo dòng nước, băng qua thác nước, không cảm thấy bất kỳ cảm xúc nào ngoài một sự khó chịu mơ hồ trước tiếng đập ở xa. Khi tiếng đập lớn hơn, trọng lực đột ngột kéo ông lại, và Langdon cảm thấy mình bị kéo xuống trong một cú ngã tự do hoảng loạn... tăng tốc về phía dòng nước lạnh giá... cho đến khi ông phá vỡ bề mặt phản chiếu của nó. Tỉnh dậy đột ngột, Langdon ngồi dậy trên giường, ngạc nhiên khi phát hiện ra rằng ông không nhận ra mình đang mơ. Đó là một nghịch lý khó hiểu đối với ông—khả năng của tâm trí con người có thể tìm thấy bản thân trong một tình huống rõ ràng là không thể và vẫn chấp nhận tình huống đó như một thực tế, bỏ qua mọi nghịch lý, và không bao giờ nghi ngờ rằng nó không thực sự đang xảy ra. Bây giờ tỉnh táo từ sự adrenaline của giấc mơ, Langdon quét nhìn căn phòng khách sạn tối tăm. Tất cả đều im lặng ngoại trừ hơi thở nhẹ nhàng của Katherine bên cạnh ông. Mùi hương của nước hoa kỳ lạ của cô bay trong không khí, và Langdon vẫn có thể cảm nhận được kết cấu mịn màng sang trọng của bất cứ thứ gì cô đã mặc khi cô ngồi bên mép giường và thì thầm, “Xin lỗi vì đã làm anh tỉnh dậy, Giáo sư...” Langdon vẫn cảm nhận được ánh sáng sau khi Tiến sĩ Solomon, xin hãy tha lỗi mách đánh thức tôi như vậy bất kỳ lúc nào. Ông lén lút rời khỏi giường, mặc áo choàng tắm, và đi vào phòng khách của dãy phòng. Thật không may, chiếc đồng hồ cổ điển thị vừa quá 9 giờ tối. Tôi chưa ngủ chút nào. Ông nhìn ra cửa sổ vịnh, nhận ra giấc mơ kỳ quái của mình không có gì bất ngờ. Não bộ của ông có lẽ vẫn đang cố gắng sắp xếp lại chấn thương của cú nhảy hoảng loạn từ chính cửa sổ này vào nước lạnh. Những giấc mơ luôn làm Langdon thích thú, và ông đã bị sốc hôm nay khi Katherine tuyên bố đã phát hiện ra nguyên nhân gây ra chúng. Mặc dù không thể tin nổi, các thí nghiệm của cô đã chỉ ra rằng một bộ não đang mơ tương tự như một bộ não đang chết. Trong cả hai trường hợp, nồng độ GABA giảm sút nghiêm trọng, do đó giảm bộ lọc của não, mở ra cánh cửa cho những băng thông tin rộng hơn. Luồng thông tin không qua bộ lọc chính là lý do những giấc mơ hiện lên như những mô hình ảnh và ý tưởng phi logic như vậy. Hơn nữa, nó

giải thích tại sao, chỉ vài giây sau khi tỉnh dậy, ngay cả những giấc mơ sống động nhất cũng bắt đầu phai nhạt bất chấp nỗ lực tuyệt vọng của chúng ta để nhớ lại chúng. Não bộ khởi động lại, mức GABA tăng lên, và các bộ lọc lại hoạt động... loại bỏ thông tin và một lần nữa điều chỉnh nhận thức của chúng ta về thực tại. Cái chết cảm giác rất giống như mơ, cô đã giải thích, miêu tả cách mà trong những giấc mơ, chúng ta thường nhìn thấy chính mình như những tồn tại không trọng lượng, không khối lượng, với khả năng di chuyển qua các chương ngại vật, bay qua không khí, hoặc thay đổi địa điểm—về bản chất, chúng ta trở thành một ý thức không có hình dáng vật lý. Cơ thể bardo, Langdon nghĩ, nhớ lại mô tả của nó từ The Tibetan Book of the Dead. Ở nhiều nền văn hóa, cơ thể trong mơ được coi trọng vì khả năng được tưởng tượng có thể đi qua lại giữa các lĩnh vực của sự sống và cái chết. Khi ý thức trở nên tự do, sức mạnh nhận thức của chúng ta tăng lên. Langdon vẫn đứng cạnh cửa sổ khi mọi điện thoại trong căn phòng đột nhiên bắt đầu réo cùng một lúc. Anh vội chạy ra ngoài và nhắc ông nghe, hy vọng cuộc gọi không làm tỉnh dậy Katherine. “Ông Langdon, tôi là quản lý đêm,” giọng nói quen thuộc thông báo. “Xin lỗi nếu tôi làm ông tỉnh giấc. Tôi đã cố gắng gõ cửa, nhưng không có ai trả lời.” Cái đáp trong giấc mơ của tôi. “Vâng, mọi thứ... ổn chứ?” “Tôi không biết, thưa ông,” người quản lý trả lời, rõ ràng hoảng sợ. “Có một Trung sĩ Kerble ở đây từ đại sứ quán Hoa Kỳ. Anh ta nói rằng việc đại sứ gặp ông ngay lập tức là rất quan trọng.” Trong một phòng họp bị khóa trong đại sứ quán Hoa Kỳ, The Gollem nhìn xuống những dây trói trên cổ tay của mình. Tôi sẽ không để Sasha nhìn thấy bản thân bị trói, anh nghĩ. Cô đã chịu đựng đủ điều đó trong những năm tháng ở viện. The Gollem vẫn chưa thả Sasha trở lại trước tâm trí

của anh kể từ khi anh rời khỏi đồng đồ nát của Threshold, nhưng khoảnh khắc đó đang đến gần. Mọi thứ sẽ theo kế hoạch. Mặc dù Sasha đang bị giam giữ hiệu quả trong lúc này, The Gollem vẫn tự tin rằng đại sứ sẽ trở thành một đồng minh cảm thông với cô. Lời thú tội của Gessner đã tiết lộ mọi thứ tôi cần biết. “Đại sứ Nagel không biết gì cả!” Gessner đã khẳng định. “Cô ấy sẽ vô cùng kinh hoàng nếu biết những gì đang xảy ra ở đây—cô ấy chỉ có mặt ở Prague vì Finch đã lừa cô vào công việc này. Anh ta cần một nhà ngoại giao làm đồng minh!” Tôi cũng cần một người, The Gollem đã quyết định. Và vì vậy anh đã liên hệ với cô ấy. Xin hãy giúp Sasha. Chắc chắn rằng đại sứ đang cố gắng phân loại chính xác việc “giúp Sasha” sẽ bao gồm những gì, nhưng cô sẽ không mất nhiều thời gian để nhận ra chỉ tồn tại một kịch bản khả thi. The Gollem đã khéo léo trông ý tưởng, và nó đã bắt rễ. Vài phút trước, đại sứ đã thốt ra từ duy nhất mà The Gollem muốn nghe. Tị nạn. H CHƯƠNG 132 eide Nagel đã dành cả cuộc đời chuyên môn của mình để phục vụ đất nước. Được đào tạo để luôn nghĩ tới lợi ích lớn hơn, cô hiếm khi chỉ nghĩ về bản thân mình. Tuy nhiên, vào thời điểm này, việc nghĩ về bản thân chính xác là những gì Nagel đang làm. Cô đã quyết định từ chức đại sứ và rời Prague. Đây chính là điều cô đã muốn làm từ nhiều năm trước, nhưng giờ đây, rất đột ngột, thế giới của cô đã biến đổi. Finch đã biến mất, và cô có sức mạnh để vượt qua ngay cả cơn bão chính trị dữ dội nhất. Thật bất ngờ cho Nagel, tuy nhiên, sự đảm bảo sống sót không mang lại cho cô chút an ủi nào... chỉ là một khoảng trống như nỗi đã lớn lên trong vài giờ qua. Cuộc sống của tôi phải được tập trung vào điều gì đó hơn là chỉ... sống sót. Và rồi Sasha Vesna đi vào cửa chính của đại sứ quán. Katherine Solomon cảm thấy như mới chỉ cách đây vài phút, cô đang lạc vào một thế giới mơ mộng đầy sự mãn nguyện, chỉ để bị kéo trở lại ánh sáng khắc nghiệt của thực tại. Chúng ta đang làm gì ở đây?! Trung sĩ Kerble vừa đưa họ đến văn phòng của Đại sứ Nagel, người đang đứng ở quầy bar đồ ba tách cà phê vào những chiếc china tinh xảo có biểu hiệu chính thức của đại sứ quán. “Một lần nữa, tôi xin lỗi vì đã gọi muộn như vậy,” cô nói, “nhưng tôi sợ rằng đã xảy ra một số sự phát triển lớn trong giờ vừa qua, và tôi cần đưa bạn lên tốc độ ngay lập tức. Thông tin này vừa khẩn cấp... vừa nhạy cảm.” “Cô đang nói với chúng tôi ở đây?” Langdon hỏi. “Tôi tưởng cô không còn tin tưởng vào sự riêng tư của đại sứ quán.” “Tôi không,” Nagel đáp, “nhưng mọi thứ đã thay đổi. Thông tin mà tôi sắp chia sẻ với bạn là điều mà tôi sẽ không có lựa chọn nào khác ngoài việc chia sẻ với giám đốc CIA.” Đại sứ quay lại từ quầy bar, mang theo khay cà phê đến khu vực ngồi ở góc phòng. “Nếu anh ấy đang nghe, thì cứ để như vậy.” “Điều gì đã thay đổi?” Katherine yêu cầu, với cảm giác không yên tâm rằng đồng minh duy nhất của họ có thể đang suy nghĩ lại về liên minh của họ. “Có nhiều mảnh ghép đang chuyển động,” cô nói, ra dấu cho họ ngồi xuống, “vì vậy tôi sẽ bắt đầu với những sự phát triển ảnh hưởng đến bạn.

cả trực tiếp.” Katherine không thích âm điệu đó. “Tôi đã được thông báo rằng một lực lượng tác chiến quân sự của Hoa Kỳ đang trên đường từ Căn cứ Không quân Ramstein ở Đức. Họ sẽ hạ cánh sớm để chính thức phong tỏa công viên Folimanka và bắt đầu dọn dẹp.” Nagel đặt tách cà phê xuống và ngồi đối diện họ, biểu cảm của cô ấy trang nghiêm. “Ngoài ra, tôi được thông báo một nhóm CIA đang bay từ Langley để tiến hành một cuộc điều tra bí mật về ai là người chịu trách nhiệm cho vụ nổ. Tôi đã được khuyên rằng cuộc điều tra của họ sẽ bắt đầu với các bạn.” “Chúng tôi?!” Katherine bị sốc. Đại sứ gật đầu nghiêm nghị. “Quân đội Hoa Kỳ có một bức ảnh xác nhận rằng hai công dân không được phép—bạn và Giáo sư Langdon—đã bị phát hiện đang rời khỏi cơ sở chỉ vài phút sau vụ nổ.” Chết tiệt. Katherine liếc nhìn Langdon, biểu cảm của anh căng thẳng. “Các bạn đã vào cơ sở này một cách bất hợp pháp,” Nagel nói, “điều này tự nó đã khiến bạn trở thành nghi phạm của hành động phá hoại, nhưng xét đến mối xung đột của bạn với cơ quan về bản thảo, mà có thể được coi là động cơ cho sự trả thù...” “Nhưng video,” Langdon phản đối. “Lời thú nhận của Tiến sĩ Gessner, bạn đã nói—” “Đúng, chúng tôi có điểm lợi. Tôi có thể bảo vệ bạn. Và tôi sẽ bảo vệ bạn. Câu hỏi là chúng ta sẽ cách ly tốt nhất bạn như thế nào. Câu trả lời sẽ phụ thuộc vào những hành động chúng ta thực hiện trong vài giờ tới.” “Được,” Langdon nói. “Bạn có kế hoạch không?” “Tôi có,” cô ấy nói, “và tôi nghĩ rằng bạn sẽ không thích nó ngay từ đầu, vì vậy trước khi tôi trình bày, có một vài điều tôi cần bạn hiểu về CIA... và những gì chúng ta đang chống lại.” Katherine và Langdon cùng lúc đưa tay đến cốc cà phê của mình. Rõ ràng, sẽ không có giấc ngủ nào sớm. “Trong cuộc gọi của tôi với giám đốc,” Nagel nói, “ông đã xác nhận với tôi rằng Threshold thực sự là sự tiếp nối của công việc mà cơ quan đã thực hiện trong nhiều thập kỷ qua, bắt đầu từ việc khám phá sơ bộ về việc nhìn xa—Stargate, như bạn đã đúng đắn đề cập trước đó. Tuy nhiên, theo thời gian, Threshold đã phát triển thành một cái gì đó toàn diện hơn, một dự án được thiết kế để tìm kiếm câu trả

lời cho một số câu hỏi cấp bách nhất đang tồn tại ở tương lai. Bản chất của ý thức con người là gì? Liệu tâm trí con người có thể giao tiếp trực tiếp với những tâm trí khác? Với máy móc? Qua những khoảng cách lớn? Có lẽ thậm chí với những chiều không gian khác?” “Cảm ơn,” Katherine ngắt lời, “tôi không chắc một tổ chức tình báo quân sự là phương tiện tốt nhất để khám phá những câu hỏi triết học sâu sắc của nhân loại.” Nagel đặt các ngón tay của mình lên nhau, miệng cô ấy mím lại thành một đường cứng rắn hơn. “Tiến sĩ Solomon,” cô ấy nói, “điều này không phải về những câu hỏi triết học. Tôi không có ý xúc phạm điều này, nhưng bạn và Giáo sư Langdon được hưởng đặc ân khám phá khoa học và lịch sử trong các hành lang học thuật vì một lý do duy nhất—sự nỗ lực của các cơ quan tình báo của nền chính phủ chúng ta. Tôi chắc chắn có thể đánh giá sự thu hút của khoa học thuần túy, nhưng tôi e rằng chính việc ứng dụng khoa học đó mới bảo vệ những người như chúng ta khỏi những kẻ thù, mà nếu có cơ hội, sẽ xóa sổ quốc gia chúng ta khỏi bề mặt trái đất.” Katherine hít một hơi để tự bào chữa, nhưng đại sứ rõ ràng vẫn chưa nói xong, ánh mắt cô vẫn không chớp nhìn thẳng vào nhà khoa học. “Giám đốc CIA tin tưởng mạnh mẽ rằng tương lai của nước Mỹ phụ thuộc vào việc chúng ta là những người đầu tiên làm chủ tiềm năng của ý thức con người. Ông không ngần ngại nhắc nhở tôi rằng khi Einstein lần đầu tiên dự đoán về lượng năng lượng khổng lồ được lưu trữ trong nguyên tử, chính phủ Hoa Kỳ đã rót hàng triệu vào nghiên cứu vật lý bí mật, và chúng ta đã đánh bại mọi người đến với quả bom nguyên tử. Nhưng hãy tưởng tượng nếu chúng ta không làm được như vậy. Hãy tưởng tượng nếu chỉ riêng Nga có quả bom. Hoặc Đức. Hoặc Nhật Bản.” Lập luận, Katherine phải thừa nhận, là hợp lý. “Cuộc đua hiện tại để khai thác sức mạnh của tâm trí con người cũng không khác gì,” Nagel tiếp tục. “Người Nga đã có thể đọc sóng não bằng siêu âm; người Trung Quốc đang đặt hàng khổng lồ cho những cây ghép não của Neuralink; các chiến dịch truyền thông xã hội do bot thúc đẩy đã ảnh hưởng đến các cuộc bầu cử của chúng ta, và chúng ta vừa phát hiện những công nghệ kiểm soát não có vẻ như được nhúng trong các ứng dụng truyền thông xã hội từ nước ngoài. Hãy làm rõ điều này, chúng ta đang ở trong một cuộc đua bí mật đã đạt đến cơn sốt, và thật sự, đó là một cuộc đua mà bạn và tôi tốt hơn nên hy vọng chúng ta sẽ thắng.” Đại sứ ngả người ra sau và nhấp một ngụm cà phê. “Tôi xin lỗi,” Katherine nói, giọng điệu hòa giải. “Nếu bình luận của tôi hàm ý rằng tôi không biết ơn về công việc của cơ quan, hoặc không hiểu biết về các vấn đề toàn cầu, thì tôi đã phát biểu sai. Tôi chỉ đơn giản muốn nhấn mạnh vấn đề cơ bản khi giả định đứng ở vị trí đạo đức cao hơn trong khi thực hiện phẫu thuật não xâm lấn trên người mà không có sự biết hoặc đồng ý của họ.” “Và tôi đồng ý với bạn trong mọi cách,” Nagel trả lời. “Vấn đề là Giám đốc Judd chưa bao giờ được thông báo về một vụ tử vong của bệnh nhân hoặc về phương pháp của Finch trong việc thu thập đối tượng thử nghiệm.” “Bạn không thể tin điều đó,” Langdon nói. Nagel nhún vai. “Dù Finch có thông báo cho ông hay không, đôi khi một giám đốc CIA không có lựa chọn nào khác ngoài việc

quay lưng. An ninh quốc gia là một thế giới nơi mà kết quả được coi trọng hơn phương pháp. Thật dễ dàng để tỏ ra phản nộ cho đến khi bạn thấy những lựa chọn khác. Đôi khi lựa chọn tốt nhất chỉ đơn giản là kết quả ít phản đối nhất.” “Thưa Đại sứ,” Langdon nói một cách trầm lắng. “Katherine và tôi đều có thể hiểu sự phức tạp trong nhiệm vụ của CIA, nhưng bà gọi chúng tôi đến đây để nói rằng chúng tôi đang trong tình trạng nguy hiểm, và bà có một kế hoạch để bảo vệ chúng tôi... mà phụ thuộc vào những gì chúng tôi làm trong những giờ tới?” “Đúng vậy,” Nagel nói, đặt cốc xuống. “Tình huống này rất phức tạp, nhưng tôi đã nhận ra rằng có một con đường để vượt qua nó. Một con đường đúng đắn. Một con đường nhân đạo.” Bà lean về phía trước, ánh mắt giờ đã dồn vào Langdon. “Nhưng để thực hiện được, tôi sẽ cần sự giúp đỡ của ông, Giáo sư.” Langdon trông có vẻ không chắc chắn. “Khoảng nửa tiếng trước,” đại sứ nói, “Sasha Vesna đã bước vào đại sứ quán này... rất sống động.” MỘT CHUỖNG 133 Tị nạn? Robert Langdon đi đi lại lại trong văn phòng của đại sứ, cố gắng tổ chức lại suy nghĩ của mình. Thông báo bất ngờ rằng Sasha còn sống đã khiến anh cảm thấy không yên cả về thể xác lẫn tinh thần. Langdon thấy nhẹ nhõm khi biết cô vẫn sống sót, nhưng sự tồn tại của Sasha đã đẩy lên một loạt câu hỏi tinh tế lo ngại. Quan tâm ngay lập tức—Cô ấy có nguy hiểm không?—dường như đã được giải quyết bằng cách kiểm chế Sasha và nhốt cô một mình trong một phòng hội nghị có bảo vệ. Có vẻ khắc nghiệt nhưng, với mọi thứ đã xảy ra, Nagel có thể làm gì khác? Langdon cảm thấy bí ẩn tại sao Sasha lại xin tị nạn từ chính chính phủ đã lạm dụng cô. Trừ khi Sasha không biết những gì họ đã làm với cô? Khả năng khác là bản thể của cô đã đến giả dạng là Sasha, nhưng điều đó cũng không có lý; bản thể của Sasha muốn bảo vệ cô, và việc giao cô vào tay chính phủ Mỹ dường như hoàn toàn ngược lại với điều

đó. Langdon trở lại chỗ ngồi bên cạnh Katherine trong khi đại sứ rót thêm cà phê. “Tối nay,” đại sứ nói, “Tiền sĩ Solomon đã nhắc nhở tôi rằng Sasha và bản thể của cô là hai người khác nhau và nên được xem như vậy. Tôi đã cố gắng, và dù điều đó rất khó hiểu đối với tôi, tôi đã kết luận rằng Sasha Vesna—nếu chỉ xét riêng—là một nạn nhân vô tội. Cô ấy từng là một đứa trẻ bị động kinh, bị cách ly, bị lạm dụng cả về thể chất lẫn tinh thần trong một chương trình bí mật mà việc khai thác cơ thể cô có thể đã làm trầm trọng thêm vấn đề tâm lý của cô đến tình trạng hiện tại.” “Tôi đồng ý,” Katherine nói. “Cô ấy chắc chắn là một nạn nhân.” “Và rồi chúng ta có điều này,” đại sứ nói, chỉ vào mảnh giấy viết tay được đặt trên bàn cà phê. “Mặc dù tôi không có thói quen nhận lệnh từ những kẻ giết người,” đại sứ nói, “tôi đã suy ngẫm nhiều về mảnh ghi chú này, và xét về hoàn cảnh, có vẻ như việc giúp Sasha là điều đạo đức.” Một nghĩa vụ đạo đức, Langdon nghĩ. “Thách thức, tất nhiên, là Sasha Vesna là hai người.” Đại sứ thờ dãi và lắc đầu. “Cô ấy là một nạn nhân vô tội... và một kẻ giết người tinh ranh. Không có cách nào để cấp tị nạn cho một... và truy tố kẻ còn lại. Dù Sasha có nhận thức được hay không, cô ấy đang che giấu một tội phạm nguy hiểm. Cô ấy cũng đang sở hữu một chip não nguyên mẫu được phân loại cao và không thể được phép chỉ đi lang thang tự do.” Langdon cảm nhận thấy trong ánh mắt của đại sứ rằng vấn đề của Sasha, ngoài việc vô cùng phức tạp, còn rất cá nhân. “Một vấn đề khác,” Nagel tiếp tục, “là thời gian của chúng ta đang rất ngắn. Prague không an toàn cho Sasha. Đến bình minh, đại sứ quán này sẽ rơi vào giữa một cơn bão điều tra quốc tế, sự phản nộ và các yêu cầu về một cuộc điều tra pháp y về các sự kiện tại Công viên Folimanka. Dấu vân tay của Sasha có trên Crucifix Bastion, rất có thể trên nhiều xác chết, và khuôn mặt của cô—hoặc, tôi có thể nói là nhiều khuôn mặt—sẽ chắc chắn được trích xuất từ các kho lưu trữ giám sát và các chuyển động trong quá khứ của cô sẽ được theo dõi cẩn thận. Không mất nhiều thời gian cho các nhà điều tra để tập hợp đủ mảnh ghép để xác định Sasha là một người cần quan tâm.” Cùng với Katherine và tôi, Langdon nghĩ, cảm thấy các bức tường dần bó hẹp lại. Nagel tháo kính ra và lean về phía họ. “Mặc dù tôi chưa nói với ai rằng Sasha còn sống, tôi đoán Giám đốc Judd sẽ biết rất sớm. Trên thực tế, ông có thể đã biết cô ấy ở đây tại đại sứ quán.” “Sao?” Langdon hỏi. “Giám sát, rò rỉ từ nhân viên, hoặc có thể—GPS. Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu chip não của Sasha bao gồm một thiết bị theo dõi nào đó.” Tất nhiên nó sẽ như vậy, Langdon nhận ra. “Và không muốn trở nên u ám,” bà thêm vào, “xét về tính nhạy cảm của dự án này... chip của cô ấy cũng có thể được trang bị khả năng phá hủy từ xa. Đây là một giao thức phổ biến cho các công nghệ tiên tiến trong thực địa, và nó được nhúng trong mọi thứ từ điện thoại vệ tinh đến tàu ngầm... phòng khi công nghệ rơi vào tay kẻ thù có thể cố gắng đảo ngược kỹ thuật.” “Khoan đã,” Langdon nói. “Bà nghĩ chip não của Sasha có thể bị... phá hủy từ xa à?”

“Tôi tin rằng điều đó có nghĩa là nó bị tắt từ xa hoặc bị xóa... không phải là bị nổ tung hay gì đó.”

“Chắc chắn không có gì quá kịch tính,” Nagel nói, “nhưng tôi tình cờ biết rằng Q giữ bằng sáng chế cho các chip silicon được nhúng với một lớp axit hydrofluoric kín có thể được giải phóng qua một cuộc gọi điện thoại để hòa tan toàn bộ bộ xử lý.”

“Trong não cô ấy?!” Katherine kêu lên. “Điều đó sẽ giết chết cô ấy!”

“Rất có thể,” Nagel nói, “nhưng tôi tin rằng việc giết Sasha sẽ là biện pháp cuối cùng của cơ quan. Giám đốc biết tôi sẽ coi đó là một sự vi phạm trắng trợn thỏa thuận của chúng tôi, và ông ấy cũng biết tôi có các biện pháp đối phó. Hiện tại, mối quan tâm hàng đầu của tôi là giữ cho các kênh liên lạc với giám đốc được rõ ràng. Nếu có một điều mà Chiến tranh Lạnh dạy chúng ta về sự hủy diệt lẫn nhau, thì đó là giao tiếp rất quan trọng. Đừng để đối thủ đoán xem bạn đang làm gì—hãy cho họ biết. Nếu Giám đốc Judd nghi ngờ rằng Sasha đang trong tình huống nguy hiểm, điều quan trọng là ông ấy phải nghe mọi chi tiết từ tôi... tất cả chúng, và trong bối cảnh.”

Nhìn vào mọi thứ mà đại sứ đang phải cân nhắc, Langdon ấn tượng với sự rõ ràng trong tư duy chiến lược của cô. Nagel chắc chắn đã là một luật sư xuất sắc.

“Và video thì sao?” Katherine hỏi. “Cô có nghĩ rằng nó đủ để giữ cho CIA không can thiệp không?”

“Riêng lẻ thì có lẽ không,” cô đáp. “Nhưng kết hợp với vụ nổ và cái chết của Tiền sĩ Gessner, cơ quan sẽ rất khó để tuyên bố video là giả. Ngay cả khi họ làm vậy, nó sẽ soi sáng một hướng rất có hại cho cơ quan.”

“Còn Sasha thì sao?” Langdon hỏi, nhận ra rằng đối tượng thử nghiệm sống sót duy nhất của Threshold hiện đang bị giam trong một căn phòng ở tầng dưới. “Cô có tin video sẽ bảo vệ cô ấy không?”

“Có, nhưng cô ấy không cần đến nó,” đại sứ nói. “Sasha được hưởng một mức độ bảo vệ cực kỳ

hiếm hoi—cô ấy có giá trị hơn nhiều khi còn sống so với khi chết. Giám đốc chắc chắn sẽ tái thiết lại Threshold—không phải ở đây, mà ở nơi khác—và Sasha sẽ được xem là một tài sản không thể thay thế cho một chương trình trị giá hàng tỷ đô la. Cô ấy đại diện cho nhiều năm nghiên cứu và phát triển, và tôi hình dung điều đầu tiên Giám đốc Judd sẽ làm là cố gắng thương lượng với chúng ta... về việc trở lại của Sasha.”

Suy nghĩ đó khiến Langdon rùng mình. “Vậy chúng ta giữ Sasha khỏi tay ông ấy như thế nào?” Nagel hít một hơi sâu.

“Chúng ta không.”

Câu trả lời khiến Langdon bất ngờ. “Xin lỗi?”

“Chúng ta không,” cô lặp lại, giọng nói vững vàng.

“Đại sứ Nagel,” Langdon phản đối, giọng anh cao lên. “Cô có đề nghị chúng ta đưa Sasha trở lại cho CIA không?”

“Đó chính xác là điều chúng ta sẽ làm. Đây là lựa chọn duy nhất.”

“Chắc chắn không!” Katherine kêu lên. “Threshold đã giết một bệnh nhân rồi! Cô không thể đưa Sasha trở lại—”

“Tôi không thể?!” Nagel chen vào mạnh mẽ. “Tôi sẽ nhắc nhở cả hai bạn rằng bên trong đại sứ quán này, tôi là quan chức cấp cao nhất, và tôi sẽ yêu cầu cả hai bạn lắng nghe tôi trước khi nói cho tôi biết tôi có thể và không thể làm gì.”

Đại sứ cho cả hai một chút thời gian, và Katherine ngồi lại, lặng lẽ lắc đầu với vẻ kiên quyết.

“Đây là sự thật,” Nagel tuyên bố trong giọng điệu đều đặn. “Sasha Vesna cần chăm sóc chuyên biệt—cả về thể chất lẫn tâm lý. Cô ấy đã chứng tỏ mình cực kỳ nguy hiểm, có nghĩa là bất cứ ai liên quan đến việc chăm sóc đó sẽ cần phải thận trọng và cũng hiểu tình huống của cô ấy một cách hoàn toàn. Xét về phần cứng trong não Sasha, danh sách những thực thể đủ tiêu chuẩn để chăm sóc cho cô ấy cực kỳ ngắn. Có lẽ là một danh sách có một. Khi tôi suy nghĩ về những gì bạn đã nói với tôi về những nơ-ron nhân tạo tiên tiến trong não cô ấy, tôi phải kết luận rằng những người duy nhất đủ tiêu chuẩn để cung cấp chăm sóc tâm lý đúng cách cho Sasha là các nhà khoa học tham gia vào Threshold.”

Langdon thấy logic trong lập luận của cô, nhưng về bản chất, kế hoạch của đại sứ cơ bản là giao phó Sasha cho những người đã sử dụng cô ấy như một con vật thí nghiệm. Bên cạnh anh, Katherine vẫn đang lắc đầu, rõ ràng không thuyết phục.

“Đừng hiểu sai ý tôi,” Nagel nói. “Tôi không hề gợi ý rằng Sasha sẽ quay trở lại Threshold như trước đây. Tôi sẽ không chấp nhận thêm bất kỳ thử nghiệm nào nữa trên Sasha Vesna. Kết thúc. Cô ấy sẽ trở lại như tài sản quý giá nhất và được nâng niu của chương trình, được đối xử như vậy và sống tốt. Sasha là một thành công—cô đại diện cho chiến thắng lớn nhất của chương trình cho đến nay, và sự hiện diện của cô mang lại một cơ hội nghiên cứu vô giá. Tôi sẽ nhấn mạnh với giám đốc rằng các thí nghiệm của Threshold trên não của người phụ nữ này có khả năng gây trầm trọng thêm tình trạng tâm lý của cô, nếu không muốn nói là đã gây ra nó hoàn toàn. Nói cách khác, tôi sẽ làm cho ông ấy hiểu rằng sự an toàn về tâm lý của Sasha là trách nhiệm đạo đức tối thượng của cơ quan. Cuối cùng, Giám đốc Judd sẽ rất có động lực để đảm bảo sức khỏe tổng thể của Sasha—đặc biệt biết rằng tôi sẽ theo dõi với ngón tay trên một cái cò.”

Một khoảng lặng dài giữa họ, và Langdon thấy mình đang ở trong cuộc chiến tiêu biểu của cuộc xung đột kiểu mẫu—cuộc xung đột Apollonian-Dionysian, như người ta thường gọi.

huyền thoại—cuộc đấu tranh nội tâm tối thượng. Não versus Trái tim. Bộ óc Apollonian của Langdon thấy sự trật tự và lý trí trong kế hoạch của Nagel, trong khi trái tim Dionysian của anh thấy sự hỗn loạn và bất công. “Bạn vẽ nên một bức tranh đẹp,” Katherine nói, phá vỡ sự im lặng. “Nhưng Sasha không hề xin có Threshold trong cuộc sống của cô ấy.” “Cũng như bạn, Tiên sĩ Solomon, nhưng chúng ta đang ở đây.” Ánh mắt của Nagel giờ đây không chao đảo. “Tất cả chúng ta đều phải chơi những lá bài mà chúng ta được phát. Để Sasha Vesna có thể sống một cuộc sống khỏe mạnh, cô ấy sẽ cần phải tương tác ở một mức độ nào đó với Dự án Threshold. Mức độ tham gia của cô ấy có thể là quyết định của riêng cô, và có lẽ chỉ trong những phần của dự án liên quan đến nghiên cứu về ý thức. Nhưng một khi trạng thái tâm lý của Sasha ổn định, tôi phải tin rằng việc trở thành một phần của nhóm có thể thậm chí mang lại cho cô ấy một mục đích và một vị thế khác biệt so với bất cứ điều gì mà cô ấy đã từng trải nghiệm trong cuộc

sống.” Langdon cảm thấy lo ngại. Tất cả chúng ta đều cần có mục đích. Nhưng những gì mà Nagel đang mô tả phụ thuộc vào cơ quan thực hiện hành động đúng, và Langdon không có nhiều niềm tin vào điều đó. “Tôi nhận ra lòng tin có thể rất khó để xây dựng trong trường hợp này,” Nagel tiếp tục, như thể cảm nhận được sự do dự của Langdon. “Đặc biệt là sau những gì bạn đã chứng kiến với cơ quan. Nhưng xin hãy nhớ, trải nghiệm của bạn là với Everett Finch. Bây giờ bạn sẽ làm việc với Giám đốc Gregory Judd. Lỗi của ông ấy là đã cho Finch quá nhiều tự do, nhưng tôi luôn thấy Judd là một người tốt trong một thế giới đầy những lựa chọn bất lương. Nếu không gì khác, ông ấy là người trung thực.” “Trung thực?” Katherine thách thức. “Bạn đã là cố vấn cấp cao của ông ấy, và vẫn tốt ông ấy đã nói dối bạn—nói rằng Stargate đã thất bại.” Nagel phẩy tay từ chối. “Chương trình DBD—thông tin sai bằng sự lừa dối. Đó là một chiến thuật phân tách phổ biến. Các câu chuyện giả tạo bảo vệ những nhân viên không cần biết sự thật. Tất cả chúng ta đều nói dối tốt hơn khi thực sự tin vào lời nói dối mà chúng ta đang kể. Rõ ràng Stargate không phải là dự án bí mật duy nhất mà cơ quan đã nói dối và sau đó khởi động lại. Nếu lòng tin của tôi vào Giám đốc Judd là sai lầm,” đại sứ kết luận, “tôi sẽ nhắc ông ấy về thanh gươm Damocles treo trên đầu ông, làm cho nó trở nên rõ ràng rằng tôi có mọi ý định hạ gục nó nếu cơ quan không thực hiện các nghĩa vụ đạo đức đối với Sasha.” Ba người ngồi im lặng trong văn phòng trang trí công phu. “Chưa kể,” đại sứ thêm vào, “trong hầu hết các kịch bản khác, Sasha sẽ không có sự bảo vệ—và có khả năng bị giam giữ và truy tố vì tội phản quốc, khủng bố và giết người.” Katherine từ từ quay sang Langdon, ánh mắt của cô vẫn còn do dự, nhưng cái gật đầu mệt mỏi đã chuyển tải một thông điệp rõ ràng. Tôi sẽ theo bạn trong chuyện này. Langdon hình dung ra Sasha bị giam giữ ở dưới, và trái tim anh trĩu nặng cho cô ấy. Mặc dù có những lo ngại sâu sắc về kế hoạch của đại sứ, Langdon không thấy lựa chọn nào tốt hơn. Dù khó khăn để thừa nhận, nơi an toàn nhất trên trái đất cho Sasha Vesna có lẽ là ở Langley, Virginia. Điều đó cảm thấy nghịch lý với Langdon rằng những kẻ áp bức Sasha giờ đây sẽ trở thành những người bảo vệ cô ấy... nhưng điều đó cũng như là... không thể tránh khỏi. Có lẽ thậm chí còn tinh vi. Thực tế rằng Sasha đã xuất hiện bên ngoài đại sứ quán làm Langdon tự hỏi liệu người bảo vệ kỳ bí của cô có thể đã suy nghĩ mọi thứ trước. Anh đã cung cấp cho Nagel sức ép cần thiết để nắm bắt ưu thế... và sau đó thực hiện cái cầu xin đơn giản nhất. Xin hãy giúp đỡ Sasha. Giờ đây, khi Langdon xem xét mọi điều mà đại sứ vừa đề xuất, anh nghe thấy một câu hỏi không được trả lời vang vọng trong tâm trí mình. Quis custodiet ipsos custodes? Dù chưa bao giờ học tiếng Latin, đại sứ Nagel nhận ra câu hỏi mà Langdon vừa đưa ra. Đó là tiếng kêu gọi của những người whistleblower chống chính phủ ở khắp mọi nơi. Ai sẽ bảo vệ các người bảo vệ? Đó là một câu hỏi công bằng, và một câu hỏi được đặt ra trong ngày càng nhiều tình huống. Trong trường hợp này, CIA sẽ theo dõi Sasha... nhưng ai sẽ theo dõi CIA? Ngay cả khi Nagel đe dọa phát hành video liên quan đến các vi phạm quy trình, cô cũng không có cách đáng tin cậy để biết liệu các quy trình có đang được tuân thủ hay không, trừ khi cô có một nguồn tin cậy ngay chính giữa nó. Ai sẽ bảo vệ các người bảo vệ? Nagel nhận ra rằng cô đã biết câu trả lời, và khi cô nói ra nó, cô nghe thấy một mục đích trong giọng nói mà đã vắng vẻ trong nhiều năm. “Tôi sẽ,” cô nói, giờ mắt lên nhìn Langdon. Khi thực hiện lời hứa, Nagel cảm thấy một cơn dâng trào cảm xúc đột ngột, và cô nhận ra rằng việc chăm sóc Sasha Vesna có thể thực sự là sự cứu chuộc mà linh hồn tàn hại của chính cô cần... một sự chuộc tội dần dần cho sự thỏa hiệp và nỗi sợ hãi của cô trong phần mà cô đã tham gia vào mọi thứ đã diễn ra ở Prague. Tôi sẽ không bao giờ bù đắp cho Michael Harris... nhưng tôi có thể cố gắng. MỘT CHƯƠNG 134 cô đơn, Langdon chạy tay dọc theo lan can bằng sắt khi anh xuống cầu thang đá cẩm thạch bên ngoài văn phòng của đại sứ. Anh cảm thấy không vững vàng về những gì đang chờ đợi—không chỉ trong vài phút tới, mà còn trong những tháng tới. Nagel sẽ bảo vệ các người bảo vệ?

anh tự hỏi, suy ngẫm về cuộc trò chuyện mà họ vừa có trong văn phòng của cô. Cô dự định giám sát Threshold một cách cá nhân, thiết lập cho mình vai trò như một kiểu thanh tra tổng quát, hoặc có thể thậm chí là giám đốc, cho phiên bản tiếp theo của dự án. Việc tái xây dựng Threshold, cô nhấn mạnh, là rất quan trọng đối với an ninh quốc gia và cũng là điều đúng đắn phải làm... nhưng phải thực hiện đúng cách. “Cao điểm chỉ có thể được bảo vệ nếu chúng ta thực sự đứng ở đó,” Nagel đã nói. “Tôi sẽ là người ủng hộ trực tiếp, có mặt tại chỗ cho Sasha Vesna—các điều kiện sống của cô ấy, sự an toàn của cô ấy, và sức khỏe tinh thần của cô ấy. Tôi sẽ làm điều tương tự cho những người sẽ tham gia chương trình trong tương lai.” Nagel dừng lại và thở ra một hơi thở gần như không thể nghe thấy. “Việc có sự giám sát sẽ mang lại cho tôi điều gì đó quan trọng—cơ hội để chuộc lỗi cho bản thân và những sai lầm khủng khiếp

tôi đã mắc phải.” Langdon cảm nhận được một nguồn cảm xúc sâu sắc thúc đẩy lời nói của cô. “Càng nghĩ về điều đó,” cô tiếp tục, “tôi càng tin rằng đây sẽ là kết quả tốt nhất cho Sasha, cho CIA, và cũng cho chúng ta. Nhưng trước khi tôi gọi cho Giám đốc Judd và thông báo cho ông ấy chính xác những gì ông ấy sẽ làm cho chúng tôi... cùng với chúng tôi... còn một rào cản cuối cùng để vượt qua.” “Sasha...” Katherine nói. “Bạn phải thuyết phục cô ấy.” Nagel gật đầu. “Sự đồng ý hoàn toàn của cô ấy đối với kế hoạch này là rất quan trọng... Nếu không có nó, thì không có gì xảy ra. Tôi hứa với bạn rằng cơ quan này sẽ không bao giờ ép buộc cô ấy—hay bất kỳ ai—tham gia vào điều gì đó chống lại ý muốn của họ hoặc mà không có sự hiểu biết của họ.” Langdon đánh giá cao cảm xúc đó. “Rất khó để biết liệu cô ấy có đồng ý hay không.” “Câu trả lời, tôi tưởng tượng, phụ thuộc vào cách mà cô ấy được hỏi.” Nói như một nhà ngoại giao thật sự, Langdon nghĩ. “Bạn nghĩ rằng bạn có thể thuyết phục cô ấy không?” “Tôi chưa bao giờ nói chuyện đúng cách với người phụ nữ đó, vì vậy không, tôi không tin rằng tôi có thể,” Nagel trả lời, chăm chú quan sát anh. “Nhưng tôi nghi ngờ bạn có thể.” Langdon nghiêng đầu. “Xin lỗi? Bạn muốn tôi nói chuyện với Sasha?” Nagel đã nói trước đó rằng cô sẽ cần sự giúp đỡ của Langdon, nhưng đây không phải là điều mà anh đã tưởng tượng. “Trong ba người trong phòng này, Giáo sư, bạn là người duy nhất đã dành thời gian với cô Vesna. Thật đáng tiếc, bạn có thể là người duy nhất còn lại trong thế giới của cô ấy mà cô ấy thực sự sẽ sẵn lòng nói chuyện.” Suy nghĩ đó treo lơ lửng trong sự im lặng một lúc. “Thực tế,” Langdon phản bác, “hiện tại tôi thậm chí không chắc mình đã gặp ai hôm nay. Có cảm giác như tôi đã ở bên Sasha, ít nhất là một phần thời gian, nhưng theo nhiều cách, thì có lẽ hợp lý hơn nếu tôi đã ở bên bản thể của cô ấy—giả vờ là cô ấy và điều phối mọi thứ đang xảy ra. Tôi sẽ không có cách nào để biết.” “Dù sao đi nữa,” đại sứ nói, “dù bạn đã xử lý người nào hôm nay, bạn đã rất hữu ích và tử tế, và người đó dường như đã nhận ra điều đó. Sau cùng, người đó đã bảo vệ bạn không chỉ một lần mà hai lần.” Quả thật, Langdon nhận ra, nhớ lại cách mà anh bị thúc giục chạy khỏi Threshold và cũng bị lừa để rời khỏi căn hộ của Sasha trước khi vụ giết người của Harris xảy ra. “Sasha đã cho thấy cô ấy tin tưởng bạn,” Nagel tiếp tục. “Tôi tò mò, nói một cách giả định, bạn nghĩ điều gì sẽ thuyết phục cô ấy đặt niềm tin vào chúng tôi, vào tôi, vào kế hoạch này, và vào một cuộc sống mới ở Mỹ?” Langdon bắt đầu nghi ngờ rằng có thể đây không phải là một công việc quá khó khăn. “Tôi chỉ đơn giản nhắc nhở cô ấy rằng đề xuất này, theo nhiều cách, là giấc mơ của cô ấy thành hiện thực. Và tùy thuộc vào việc cô ấy thực sự nhớ hay hiểu được bao nhiêu về những gì đã xảy ra với cô ấy, tôi sẽ nhấn mạnh với cô ấy rằng con đường phía trước sẽ cần sự tha thứ—không chỉ từ cô ấy—mà còn cho tất cả mọi người tham gia. Sự xá tội song phương. Bản thể của cô ấy cũng sẽ hiểu điều đó. Sasha sẽ cần tha thứ cho cơ quan đã phản bội cô ấy một cách khủng khiếp, và cơ quan sẽ cần tha thứ cho đối tượng đã trả thù cho những người và cơ sở bí mật đã làm hại cô ấy. Nếu cả Sasha và cơ quan có thể để quá khứ lại trong quá khứ và đồng ý tha thứ lẫn nhau vì lợi ích chung, thì sẽ tồn tại một tương lai chung mang lại lợi ích cho tất cả mọi người.” Nagel và Katherine trao đổi một cái gật đầu ẩn tượng, và đại sứ nói, “Đó chính là lý do tại sao tôi đã hỏi bạn, Giáo sư.” Langdon khẽ mở cửa phòng hội nghị bằng gỗ sồi của đại sứ quán và nhìn vào trong. Ở cuối một chiếc bàn rất dài, Sasha Vesna ngồi một mình. Tóc cô vàng rối và ướt, khuôn mặt hốc hác. Một chiếc khăn được quàng trên vai cô, và một bữa ăn nửa chừng ngồi trước mặt cô. Hai tay cô đặt trên đùi, không nghi ngờ gì bị trói. Langdon quan sát cô một lúc lâu trước khi bước vào và đóng cửa lại sau lưng. Anh tiến lại chậm rãi với một nụ cười dịu dàng. “Chào, Sasha.” Cô nhìn có vẻ nghi ngờ hơn là vui mừng khi thấy anh. “Tôi rất nhẹ nhõm khi bạn an toàn,” Langdon nói, chọn một chỗ ngồi cách đó khoảng mười feet.

từ cô ấy. “Cảm ơn,” cô nói, quan sát anh bằng ánh mắt không chắc chắn. Langdon đột nhiên cảm thấy cuộc gặp gỡ này sẽ không phải là cuộc hội ngộ nồng ấm và dễ chịu như đại sứ đã dự đoán. “Sasha,” Langdon bắt đầu, “Tôi ở đây vì tôi có thông tin quan trọng dành cho bạn, và tôi muốn chắc chắn rằng tôi sẽ truyền đạt điều đó”—anh dừng lại, tìm kiếm từ ngữ—“một cách thật sự có ý nghĩa đối với bạn.” “Được rồi,” cô nói, không cho anh biết gì. Langdon dành một chút thời gian, thu thập suy nghĩ của mình, rồi nói một cách bình tĩnh nhất có thể trong trạng thái không ổn định của mình. “Sasha, tôi hiểu rằng bạn đã đến đây tới nay để yêu cầu sự giúp đỡ. Tôi vui mừng thông báo rằng đại sứ rất muốn giúp bạn. Bà ấy nhận thấy rằng bạn cảm thấy mình đang gặp nguy hiểm, và bà ấy muốn bảo vệ bạn và giúp bạn cảm thấy an toàn. Bà ấy có một kế hoạch để làm chính điều đó. Tôi đã nghe kế hoạch của bà ấy—nó không phải là một giải pháp hoàn hảo, nhưng là giải pháp tốt nhất có thể... và đại sứ tin rằng đó là cơ hội tốt

nhất của bạn để có một cuộc sống an toàn và tương đối bình thường. Tôi phải đồng ý.” Biểu cảm của Sasha dường như hơi sáng lên một chút. “Trước khi tôi giải thích ý tưởng cho bạn,” Langdon nói, “tôi rất tiếc, nhưng tôi cần hỏi bạn một câu hỏi không bình thường. Nó có thể nghe có vẻ lạ lùng... nhưng điều đó thật sự rất quan trọng để bạn trả lời một cách hoàn toàn chân thành. Không có điều này, tất cả các kế hoạch đều không thể diễn ra.” Langdon dừng lại, nhìn vào đôi mắt nhợt nhạt của cô bằng cái nhìn chắc chắn của mình. “Xin lỗi vì đã hỏi, nhưng tôi cần biết—tôi đang nói chuyện với ai bây giờ? Đây có phải là bạn, Sasha không?” Người phụ nữ trẻ nghiêng cứu Langdon trong một thời gian dài và sau đó lắc đầu. “Không,” cô trả lời bằng một giọng trầm, rỗng. “Vì sự an toàn của Sasha, tôi chưa thả cô ấy ra.”

K CHƯƠNG 135

Katherine ngồi dậy đột ngột trên sofa của đại sứ, nhận ra cô đã trôi đi. Robert vẫn chưa trở lại, và đại sứ đứng bên cửa sổ, nhìn chăm chăm vào bóng tối. Nghe thấy Katherine động dậy, Nagel quay lại trong phòng và kiểm tra đồng hồ của mình. “Nửa giờ rồi,” cô nói. “Họ vẫn đang nói chuyện.” “Có thể đó là dấu hiệu tốt,” Katherine đề nghị. “Robert có thể là... tỉ mỉ.” “Tôi đã nhận thấy,” Nagel nói, bước lại ngồi cạnh Katherine. “Anh ấy đã lôi tôi sang một bên trước đó và thẩm vấn tôi từ mọi góc độ về bản thảo bị mất của bạn, yêu cầu tôi ra lệnh cho CIA trả lại nó.” “Và?” Katherine thúc ép, hy vọng. Nagel lắc đầu. “Thật không may, giám đốc đã xác nhận rằng đội điều hành của Q đã tiêu hủy tất cả các bản sao.” Katherine cười khẩy. “Tôi không tin họ.” “Điều đó thật đáng tiếc. Sau WikiLeaks, chúng tôi đã thực hiện các quy tắc mới nghiêm ngặt về việc tiêu hủy ngay lập tức thông tin mà cơ quan coi là gây hại. Tôi xin lỗi, nhưng tôi thật sự tin rằng cuốn sách đã biến mất.” Katherine gầy gầy chiếc ghế sofa, cố gắng không nghĩ về tất cả những gì cô đã mất. “Bạn biết đấy, thật mỉa mai khi CIA lại tiêu hủy cuốn sách. Trên thực tế, các ý tưởng trong đó có thể đã mang đến cho cơ quan một cái nhìn mới về lý thuyết quản lý khủng bố.” Nagel trông ngạc nhiên bởi bình luận đó. “Bạn đã viết về TMT?” “Nó khá liên quan đến công việc của tôi.” Cũng như với của bạn. Lý thuyết quản lý khủng bố đã được sử dụng bởi tình báo quân sự để dự đoán phản ứng của một dân số đối với những mối đe dọa nhất định. Những phát hiện của nó đã được thiết lập tốt. Lo âu của con người có vô số nguồn—nỗi sợ chiến tranh hạt nhân, khủng bố, sự thất bại tài chính, cô đơn—và nhưng TMT đã xác lập rằng nỗi sợ chính và động lực mạnh nhất đứng đằng sau hành vi con người là, không thể phủ nhận... nỗi sợ cái chết. Khi một người cực kỳ sợ hãi mà mình có thể chết, bộ não sẽ áp dụng những chiến lược cực kỳ rõ ràng để “quản lý” nỗi sợ hãi đó. Trong những hoàn cảnh bình thường, kiến thức khó chịu của chúng ta về việc chúng ta sẽ chết—được gọi là “sự hiện diện cái chết”—được quản lý thông qua một loạt các chiến lược, bao gồm sự phủ nhận, tâm linh, thực hành chánh niệm và nhiều loại phản ánh triết học khác nhau. Tuy nhiên, trong những tình huống cực đoan—chiến tranh, tội phạm, các cuộc đối đầu bạo lực—con người hành động một cách dễ đoán trên tất cả các nhóm nhân khẩu học; họ sẽ hoặc chiến đấu đến cùng để cứu mình... hoặc chạy trốn khỏi mối đe dọa. Điều này được biết đến cổ điển như phản ứng chiến đấu hay bỏ chạy, và đối với các chiến lược gia quân sự, điều này đặc biệt hữu ích trong việc dự đoán cái nào trong hai điều này sẽ xảy ra. “Như vậy, thực tế,” Katherine nói, “chiến đấu hay bỏ chạy không phải là phản ứng duy nhất của bộ não đối với nỗi sợ cái chết. Có một điều gì đó diễn ra từ từ, trong nhiều năm, khi chúng ta bắt đầu sợ rằng thế giới của chúng ta không an toàn... như nhiều người đang nghĩ bây giờ.” “Đó là một nỗi sợ dựa trên logic hợp lý,” Nagel nói. “Mỗi ngày, chúng ta bị phơi bày trước các phương tiện truyền thông đồ họa nhắc nhở chúng ta về môi trường đang sụp đổ, mối đe dọa gia tăng của chiến tranh hạt nhân, các đại dịch sắp xảy ra, diệt chủng, những tội ác không ngừng của thế giới. Tất cả những điều này kích hoạt chiến lược quản lý nỗi sợ của bộ não hoạt động trong nền, ở mức thấp—chưa ở chế độ chiến đấu hay bỏ chạy, nhưng... dự đoán điều tồi tệ nhất. Về bản chất, thế giới càng trở nên đáng sợ, chúng ta càng dành nhiều thời gian chuẩn bị tâm lý cho cái chết.” Nagel nhìn có vẻ không chắc chắn về mọi việc này sẽ đi đến đâu. “Chuẩn bị cho cái chết... như thế nào?” “Tôi nghĩ câu trả lời sẽ làm bạn ngạc nhiên,” Katherine nói. “Nó chắc chắn đã làm

tôi. Trong khi nghiên cứu về sự hiện diện của cái chết và bộ não, tôi phát hiện ra rằng một nỗi sợ hãi gia tăng về cái chết tạo ra một loạt các phản ứng hành vi nhất quán - tất cả đều mang tính ích kỷ.” “Tôi xin lỗi?” “Nỗi sợ khiến chúng ta trở nên ích kỷ,” Katherine nói. “Càng sợ cái chết, chúng ta càng bám chặt vào bản thân mình, tài sản của mình, không gian an toàn của mình... vào những điều quen thuộc. Chúng ta thể hiện chủ nghĩa dân tộc, sự phân biệt chủng tộc và sự không khoan nhượng tôn giáo gia tăng.

Chúng ta coi thường quyền lực, phớt lờ các quy tắc xã hội, ăn cắp của người khác để bảo vệ cho bản thân, và trở nên duy vật hơn. Chúng ta thậm chí từ bỏ cảm giác trách nhiệm với môi trường vì chúng ta cảm thấy hành tinh là một nguyên nhân thất bại và tất cả chúng ta đều đã chịu số phận chẳng mấy tốt đẹp.” “Thật đáng báo động,” Nagel nói. “Đó chính xác là những hành vi thúc đẩy sự bất ổn toàn cầu, chủ nghĩa khủng bố, sự phân chia văn hóa và chiến tranh.” “Đúng vậy, và điều đó khiến công việc của CIA trở nên khó khăn hơn. Đáng tiếc, đây trở thành một hành lang gương. Càng nhiều vấn đề xảy ra, chúng ta càng hành xử tồi tệ hơn. Và càng hành xử tồi tệ, mọi thứ càng trở nên tồi tệ.” “Và lý thuyết của bạn cho rằng mô hình đau lòng này bắt nguồn từ nỗi sợ cái chết của con người?” “Đó không phải là lý thuyết của tôi,” Katherine nói. “Nó đã được chứng minh một cách khoa học qua hàng triệu bằng chứng thống kê thu thập được từ phân tích quan sát, thí nghiệm hành vi và khảo sát khoa học. Tuy nhiên, điểm quan trọng nhất trong nghiên cứu cho thấy rằng những người không sợ cái chết, vì bất kỳ lý do gì, có xu hướng thể hiện hành vi lành mạnh hơn, chấp nhận người khác, hợp tác và quan tâm đến môi trường. Nói đơn giản, điều này có nghĩa là nếu tất cả chúng ta có thể giải phóng tâm trí khỏi gánh nặng, khỏi sự kinh hoàng mà chúng ta cảm thấy về cái chết...” “Thì chúng ta sẽ thấy mình trong một thế giới được cải thiện đáng kể.” “Chính xác,” Katherine nói. “Để trích dẫn nhà tâm lý học vĩ đại người Séc Stanislav Grof, ‘Việc loại bỏ nỗi sợ cái chết biến đổi cách tồn tại của cá nhân trong thế giới.’ Grof tin rằng một sự biến chuyển nội tâm triệt để của tâm thức có thể là hy vọng duy nhất của chúng ta để sống sót qua cuộc khủng hoảng toàn cầu do mô hình cơ học phương Tây gây ra.” “Chà, nếu điều đó là đúng,” Nagel đã đưa ra khi cô rút thêm cả phê, “có lẽ chúng ta nên cho thuốc chống lo âu vào nguồn nước của thế giới.” Katherine bật cười. “Tôi không chắc rằng Xanax là câu trả lời cho sự tồn tại, nhưng có hy vọng ở phía chân trời gần.” Nagel dừng lại giữa chừng. “Ồ?” “Như tôi đã viết trong bản thảo của mình, tôi tin rằng quan điểm của chúng ta về cái chết sắp thay đổi. Những nhà khoa học hàng đầu trên thế giới ngày càng tin rằng thực tại không hoàn toàn như chúng ta tin tưởng. Điều này bao gồm ý tưởng gây tranh cãi rằng cái chết, có thể, là một ảo tưởng... rằng ý thức của chúng ta sống sót sau cái chết vật lý và vẫn tiếp tục tồn tại. Nếu điều này là đúng, và nếu chúng ta có thể chứng minh điều đó, thì trong vài thế hệ nữa, tâm trí con người sẽ hoạt động dưới một định đề hoàn toàn khác - niềm tin rằng cái chết không đáng sợ đến vậy...” Giọng nói của Katherine ngập tràn đam mê. “Chỉ cần nghĩ về điều đó. Nỗi sợ chung mà thúc đẩy phần lớn hành vi hủy hoại của nhân loại... sẽ biến mất. Nếu chúng ta có thể giữ vững trong thời gian đủ lâu để đến được sự chuyển mình đó mà không tự hủy hoại chúng ta hay phá hủy hành tinh của chúng ta, thì loài người của chúng ta có thể sẽ bước qua một ngã rẽ triết lý dẫn đến một tương lai hòa bình không thể tưởng tượng nổi.” Đại sứ đã rơi vào im lặng, và Katherine cảm nhận được trong mắt cô một khao khát sâu sắc để cảm thấy được khích lệ bất chấp tất cả những gì cô đã chứng kiến về thế giới. “Tôi hy vọng bạn đúng,” cô thì thầm. Vài phút sau, Robert cuối cùng xuất hiện ở cửa. Nagel nhảy dựng đứng. “Mọi chuyện thế nào?” Anh bước vào với nụ cười mệt mỏi. “Đại sứ, tôi tin rằng đã đến lúc bạn gọi cho giám đốc.” Đã chiều tà ở Langley, Virginia, khi Giám đốc Gregory Judd kết thúc cuộc gọi video thứ hai trong ngày với cựu cố vấn chính của ông, Heide Nagel. Tôi là một kẻ ngu ngốc khi sa thải cô ấy, ông nghĩ - không phải vì Nagel đã quay lại ám ảnh ông, mà bởi vì cô ấy quá xuất sắc trong công việc của mình. Rất ít người có thể xuyên thấu những điều vô nghĩa như Nagel. Trong khi hầu hết các luật sư sống trong một thế giới đen trắng được quy định bởi chữ nghĩa của pháp luật, Nagel sống trong thế giới thực, như nó vốn có - một cảnh quan phức tạp, chuyển động, được khắc họa bằng các sắc thái của màu xám. Với sự rõ ràng, khiêm tốn và sự minh bạch cảm xúc đáng ngạc nhiên, Nagel đã chia sẻ với ông những phát triển bất ngờ liên quan đến Sasha Vesna, cũng như những hệ quả hiển nhiên đối với sự tái cấu trúc không thể tránh khỏi của Threshold. Giống như bất kỳ một nhà đàm phán giỏi nào, Nagel đã giúp Judd đạt được kết luận của cô, trong khi làm cho nó có vẻ như ý tưởng đó là của chính ông. Giám đốc không phải là một nhà khoa học, nhưng nghiên cứu của CIA về tâm trí con người chắc chắn đã tiết lộ một thực tại khác xa với những gì Judd từng tưởng tượng khi còn trẻ. May mắn thay, công việc của Judd không phải là hiểu bản chất của thực tại, mà là tận dụng sức mạnh của nó để phục vụ tốt nhất cho quốc gia của mình và bảo vệ nó. Thỉnh thoảng Judd cho phép bản thân mình mơ mộng về một tương lai mà các chương trình như Threshold tiết lộ bằng chứng về mối liên hệ giữa tất cả các tâm trí con người, đưa đến một cộng đồng toàn cầu không bị ràng buộc bởi nỗi sợ hãi và sự cạnh tranh, mà...

bằng sự đồng cảm và hiểu biết... một thế giới nơi khái niệm an ninh quốc gia là di sản của quá khứ.

Tuy nhiên, ngay lúc này, vẫn còn công việc phải hoàn thành.

O CHUỖNG 136

Ngoài nhà ga riêng tại Sân bay Václav Havel, Heide Nagel đứng trên đường băng và cảm thấy gánh nặng của kế hoạch mà cô đã buộc phải khởi động. Tị nạn. Đó là quyết định đúng đắn, cô tự nhủ. Quyết định duy nhất. Không xa lắm, Scott Kerble ngồi sau vô lăng của chiếc xe sedan đại sứ quán đang nổ máy, cốp xe chất đầy những chiếc vali chứa quần áo và đồ đạc cá nhân được đóng gói vội vã của Sasha. Chính Sasha ngồi yên lặng ở ghế sau, vẫn được giữ chặt bằng những chiếc còng tay linh hoạt, trông ngơ ngác nhưng bình tĩnh khi cô chơi với hai chú mèo Xiêm trong chiếc lồng thú cưng bên cạnh. Một chiếc máy bay tư nhân nhỏ xuất hiện từ kho chứa máy bay và hướng về phía họ. Đó là Citation Latitude mà Finch đã đến trước đó. Các phi công đã nhận lệnh trực tiếp từ giám đốc CIA, điều động một “chuyến bay ma” cho hai hành khách không tên trở về Căn cứ Không quân Langley tại Virginia. Không có danh sách hành khách. Khi Nagel nhìn chiếc máy bay tiến đến, sự tin tưởng vào Giám đốc Judd ngày càng tăng. Dù vậy, nhiều năm làm việc tại CIA đã dạy cho Nagel những cay đắng của niềm tin mù quáng. Trong thế giới an ninh quốc gia, mỗi liên kết của lòng tin — thậm chí là sự trung thành sâu sắc nhất — thường bị phản bội khi nhu cầu của quốc gia lớn hơn nhu cầu của một vài công dân của cô. Phục vụ lợi ích chung có một sự cao quý trong đó, nhưng Nagel đã thực hiện xong nhiệm vụ của mình. Để tăng cường sức ảnh hưởng, Nagel đã lấy bốn ổ cứng IronKey mã hóa 256-bit từ kho đại sứ quán, tải mỗi ổ bằng một bản sao video thẩm vấn của Gessner, và khóa mỗi ổ bằng một mật khẩu 16 ký tự cần thiết, được chọn tối nay và chỉ cô biết. Một trong những ổ cứng nằm trong túi cô, một ổ khác ở trong két của cô, và hai ổ còn lại đã được niêm phong trong các bọc ngoại giao trên đường đến hai người bạn luật sư — một ở Châu Âu và một ở Hoa Kỳ — cùng với hướng dẫn rằng các bọc chỉ được mở trong trường hợp Nagel chết hoặc biến mất bất thường. Một công tắc chết thừa thãi, mù mịt. Lá bài hoang dã trong tình huống này là Sasha Vesna và tình trạng không bình thường khiến cô rất khó để dự đoán hay tin tưởng. Người phụ nữ Nga trẻ tuổi cần sự chăm sóc tâm thần, chắc chắn, nhưng với tất cả những gì cô đã phải trải qua trong cuộc đời, cô cũng xứng đáng có một mái nhà, bạn bè, an toàn, và một cơ hội để sống một cuộc sống tương đối bình thường. Nhân cách bảo vệ của cô chỉ xuất hiện khi mọi người làm tổn thương Sasha, và kế hoạch của Nagel xoay quanh việc tránh điều đó. Tôi cần tạo cho Sasha một nơi trú ẩn an toàn, cô nghĩ. An toàn nhất có thể theo hoàn cảnh. Đại sứ cảm thấy háo hức muốn đưa Sasha bay lên và ra khỏi Prague. Trong vòng một giờ tới, một đội quân thực sự sẽ hạ cánh từ căn cứ không quân của Hoa Kỳ ở Ramstein, Đức, để bắt đầu “khôi phục” hiện trường vụ nổ. Theo như Nagel hiểu, đồng đồ nát trong miệng hố sẽ được nghiền nát bằng các vụ nổ vi mô có mục tiêu và được phủ bằng một lớp bê tông. Phía trên đó sẽ là một lớp đá vụn, tiếp theo là lớp đất mặt và rồi là cỏ. Nếu mọi thứ diễn ra theo kế hoạch, trong vài tuần nữa, những bãi cỏ của Công viên Folimanka sẽ trông như thể chưa từng bị xáo trộn. Chôn vùi và biến mất, cô nghĩ. Chỉ một số ít sẽ biết rằng Threshold đã từng tồn tại. Khi Citation lăn bánh gần hơn, Kerble ra khỏi xe và join Nagel. “Thưa bà, cô Vesna có vẻ rất hài lòng. Tôi có nên xếp hành lý không?” “Cảm ơn, Scott,” Nagel trả lời. “Tôi đánh giá cao việc bạn đi cùng cô ấy — rõ ràng là nên giữ một hình thức kìm nén nào đó cho đến khi bạn chuyển cô ấy. Nhóm của giám đốc sẽ gặp bạn trên mặt đất và tiếp quản.” “Tất nhiên, thưa bà.” “Giám đốc đã đảm bảo với tôi rằng ông ấy sẽ có mặt khi Sasha hạ cánh. Nếu bạn có thể đưa cho ông ấy cái này?” Nagel rút ổ cứng mã hóa từ túi và đưa cho Kerble. “Ông ấy sẽ biết nội dung bên trong. Nói với ông ấy rằng đó là một trong bốn ổ, và nếu ông ấy muốn xác nhận nội dung, ông ấy có thể gọi cho tôi để lấy mật khẩu.” “Vâng, thưa bà.” Kerble bỏ ổ cứng vào túi và quay người đi. “Thực ra,” Nagel nói, cân nhắc lại, “tốt hơn nữa, hãy nói với ông ấy rằng đó là chữ cái đầu tiên của mỗi từ trong câu trích dẫn yêu thích của ông ấy về Kissinger.” Kerble nhìn cô với vẻ bối rối rồi đi lấy hành lý. Khi Nagel đi về phía máy bay, cô hy vọng Robert Langdon và Katherine Solomon cảm thấy tự tin hơn về tình hình của họ. Cả hai giờ đều hoàn toàn an toàn, đặc biệt vì một trong những người quyền lực nhất đất nước không thể mạo hiểm bất cứ điều gì xảy ra với bất kỳ người nào trong số họ. Nagel đã chia sẻ với Judd một số tư duy của Katherine về TMT và tương lai, và ông rất quan tâm đến mức đã hỏi liệu Nagel có nghĩ rằng Dr.

Solomon có thể bị thuyết phục tham gia vào đội Threshold. Không có cơ hội nào cả, cô nói với Judd, mặc dù bằng ngôn ngữ chính trị hơn một chút, nhắc anh về mọi thứ mà Katherine đã phải chịu đựng bởi tay của cơ quan. Hơn nữa, cô có thể chọn viết lại cuốn sách của mình. Sasha Vesna thường cảm thấy như thể cô vừa thức dậy từ một giấc ngủ sâu và đã bỏ lỡ điều gì đó quan trọng. Những ngày như hôm

nay—với một số lượng lớn các khoảng trống trong ký ức của cô—thường khiến cô cảm thấy bất an. Tuy nhiên, vào lúc này, mặc dù chỉ nhớ được những mảnh ký ức mờ nhạt về các sự kiện trong ngày, Sasha cảm thấy an bình một cách kỳ lạ. Giọng nói bên trong cô, cái mà cô đã học để tin tưởng, cứ thì thầm rằng mọi điều sẽ ổn... thực sự là tuyệt vời. Nửa giờ trước, Sasha đã xuất hiện từ một làn sương dày để thấy mình bị kim giữ ở ghế sau của một chiếc sedan âm áp với Harry và Sally bên cạnh trong chiếc hộp của chúng. Một người đàn ông trong đồng phục đang lái xe, và một người phụ nữ đã tự giới thiệu mình là đại sứ Mỹ ngồi ở ghế hành khách, quay về phía Sasha và giải thích cẩn thận về những gì đang xảy ra. Kỳ lạ thay, Sasha không cảm thấy hoảng loạn khi bị kim giữ, cũng như khi ở trong tình huống đột ngột với những người lạ. Thay vào đó, cô cảm thấy sẵn sàng cho khoảnh khắc này, giọng nói bên trong cô trấn an rằng tất cả những điều này là vì lợi ích... và sự an toàn của cô. Đại sứ đã xin lỗi vì chiếc còng tay và sự khởi hành vội vàng, cung cấp một giải thích chi tiết. Sasha đã hiểu rất ít—một cái gì đó về cơ hội xin tị nạn chính trị, các quy định của Bộ Ngoại giao, bay qua các vùng nước quốc tế—nhưng tất cả đều không quan trọng với cô. Điều duy nhất cô nghe thấy là một điều. Tôi sẽ đi đến nước Mỹ. Giọng nói trong đầu cô thúc giục cô phải biết ơn và hợp tác, nhưng Sasha không cần ai nói cho cô. Đi đến nước Mỹ đã là một ước mơ của Sasha từ khi cô còn nhỏ, đắm chìm trong những bộ phim lãng mạn. Cô tự hỏi liệu một ngày nào đó mình có thể đến New York City để xem Central Park, Katz's Deli, và Tòa nhà Empire State hay không. Chính xác điều này đã xảy ra như thế nào, Sasha không rõ, và cô tự hỏi nếu có thể nó liên quan đến tất cả những công việc chăm chỉ mà cô đã làm cho bác sĩ Gessner. Tất cả những gì Sasha biết chắc chắn là đại sứ Mỹ đã khiến điều này trở thành khả thi. Cô ấy là người mà tôi có thể tin tưởng, Sasha cảm nhận. Một người bạn mới. Ngồi một mình với những chú mèo của mình trong sự âm áp của chiếc sedan, Sasha chờ đợi những sương mù bắt đầu tan biến khỏi tâm trí cô. Cô quan sát một người lính thủy quân lục chiến chất những chiếc túi của mình lên máy bay, và cô nhận ra rằng không còn gì cho cô ở Prague nữa. Không có Brigita, Sasha không có công việc, không có nơi để sống, không—Sasha đột nhiên nhớ đến điều khác mà cô đang để lại—Michael Harris. Tôi chưa bao giờ nói lời tạm biệt! Kỳ lạ thay, những ký ức của cô về Michael dường như đang tan biến với tốc độ đáng kinh ngạc, như thể anh đã là một người tình từ quá khứ xa xôi của cô. Những mối tình đầu tiên rất quan trọng, cô nhớ một bộ phim lãng mạn đã nói. Bởi vì chúng mở lòng ta cho những gì sắp đến. Nhưng cái gì sẽ đến? Sasha tự hỏi, cảm nhận lần đầu tiên trong đời rằng cô đang bước vào một thế giới của những khả năng vô hạn. Giọng nói yên tĩnh lại thì thầm trong tâm trí cô. Đừng chất vấn quá khứ của mình, Sasha, nó đã bảo cô. Hãy nhìn về tương lai của bạn. Giọng nói là một giọng mà cô thường nghe. Theo Michael, đó là bản năng của chính cô, cái tôi cao hơn của cô, tiềm thức của cô. Mọi người đều có một giọng nói bên trong, anh đã nói với cô, một phần của linh hồn mà thì thầm, trấn an và chỉ dẫn. Sasha sẽ viết một bức thư cho Michael ngay khi cô ổn định. Thế nhưng, có thể tốt nhất là hãy buông bỏ. Gần đây, cô đã cảm nhận rằng có thể họ đã đến gần với kết thúc của mối liên kết lãng mạn của mình. “Cô Vesna?” một giọng nói gọi từ bên ngoài cửa sổ. Người lính thủy quân lục chiến đã trở lại và mở cửa cho cô. “Họ đã sẵn sàng cho bạn.” Anh ấy tháo dây an toàn của cô và giúp cô ra khỏi xe. Sau đó, anh ấy với vào trong xe và nhẹ nhàng nhắc chiếc hộp của thú cưng ra ngoài. “Hãy để Harry và Sally ổn định trên máy bay, được không?” Cô gật đầu biết ơn. “Cảm ơn, thưa ngài.” “Bạn có thể gọi tôi là Scott,” người đàn ông nói, liếc nhìn với nụ cười. “Tôi sẽ bay cùng bạn hôm nay. Tôi có thể gọi bạn là Sasha không?” “Tất nhiên rồi!” cô thốt lên, cảm thấy phấn khích dâng trào khi họ tiến gần đến máy bay. Ở đáy cầu thang, đại sứ đứng một mình, rõ ràng đang chờ để nói lời tạm biệt. “Sergeant Kerble,” đại sứ nói khi họ đến, “có lẽ anh có thể đưa hai chú mèo tốt đẹp này ra khỏi cái lạnh và sau đó quay lại để đón cô Vesna?” “Hoàn toàn được, thưa bà,” anh nói, mang Harry và Sally lên cầu thang và biến mất vào cabin. Đại sứ nhìn Sasha với vẻ lo lắng. “Tôi biết tất cả điều này rất đột ngột và có rất nhiều để hấp thụ. Bạn có ổn không?” Sasha đang cố gắng

để giữ cho mình vững vàng trong một cơn lũ bất ngờ của lòng biết ơn, sự bối rối, sự phấn khích và sự hoài nghi. Đại sứ đã nhiều lần hứa rằng mọi thứ sẽ bắt đầu trở nên hợp lý hơn trong những ngày tới. Bà cũng hứa sẽ sớm tham gia với Sasha tại Hoa Kỳ—một suy nghĩ mang lại cho Sasha một cảm giác bình yên sâu sắc. “Tôi... ổn,” Sasha cố gắng nói. “Vẫn còn rất mờ mịt. Nhưng tôi biết bạn đã rất tốt với tôi.” Bất ngờ, cô gần như nghẹn ngào. “Làm sao tôi có thể cảm ơn bạn?” Đại sứ giờ cũng trông có vẻ xúc động. “Tin hay không tùy bạn, Sasha... bạn đã làm rồi.” Khi Sasha gục ngã, đại sứ bước tới và ôm cô thật chặt, khiến Sasha nhớ lại những cái ôm mà mẹ cô từng dành cho khi cô mới chỉ bốn hoặc năm

tuổi... trước khi cô trở thành một cô gái tổn thương. Sasha đã không được ôm như vậy trong rất nhiều, rất nhiều năm.

CHƯƠNG 137

Mặt trời mùa đông vừa ló rạng trên Prague, những tia sáng dịu mát của nó phản chiếu trên đường chân trời của những ngọn tháp phủ đầy tuyết. Langdon cảm thấy lo lắng về phần việc cuối cùng chưa hoàn thành mà anh cần giải quyết trước khi anh và Katherine bay ra ngoài vào chiều hôm nay. Anh tự hỏi cô sẽ phản ứng như thế nào khi anh giải thích về tình huống nhạy cảm này. Tôi suýt nói với cô ấy sớm hơn, anh nghĩ, nhưng mặc dù có mong muốn chân thành để chia sẻ những gì đã xảy ra, Langdon vẫn chưa tìm thấy khoảnh khắc thích hợp. Hãy tận hưởng bữa sáng của bạn, anh tự nhủ. Tất cả sẽ ổn.

Chín mươi phút trước, sau một số cuộc thảo luận cuối cùng nặng nề với đại sứ và một lời tạm biệt không chắc chắn với Sasha, Langdon và Katherine đã rời khỏi đại sứ quán và, theo sự gợi ý cá nhân của Nagel, đi bộ chỉ hai mươi bước qua quảng trường lát đá cuội đến Khách sạn Alchymist để thưởng thức “bữa sáng prosecco” nổi tiếng của họ. Khách sạn nằm trong một ngôi mansion Baroque được tân trang hoàn hảo từ thế kỷ mười sáu, với một sân trong lớn mà mỗi mùa đông, được biến thành một sân băng lấp lánh dưới một khung trời đầy ánh đèn nhấp nháy. Trang trí phòng ăn thật kỳ bí, với những chiếc ghế bọc nhung đỏ, đèn chùm Murano lấp lánh, và những cột vàng “Corinthian twist” trông như một bối cảnh trong phim cổ tích. Tại một bàn gần cửa sổ yên tĩnh nhìn ra sân băng, Langdon và Katherine đã hoàn thành một bữa sáng thịnh soạn culminated bằng những chiếc bánh dumpling nhân và được phủ những lá vàng ăn được. Đã no nê và đã suy ngẫm lâu về những sự kiện của buổi sáng, họ giờ đang lặng lẽ nhâm nhi melta chicory và nhìn ra sân băng, nơi một cô gái trẻ vừa mới đến và đang thất giày trượt của mình. “Nữ tu trượt băng?” Langdon gợi ý, nhắc đến câu chuyện ma của người phục vụ về một nữ tu đã chết tại địa điểm này hàng thế kỷ trước và đôi khi xuất hiện để trượt những đường cong hòa bình trên băng. “Tôi nghĩ là không,” Katherine đáp khi cô gái trẻ cởi bỏ áo khoác để lộ ra một bộ trang phục trượt băng mỏng manh được trang trí bằng sequin trắng và phụ kiện bằng bạc. Khi cô gái trẻ bước lên băng, cô dường như không cân bằng một cách ngạc nhiên đối với một người có bộ trang phục cầu kỳ như vậy. Ạ, Langdon nghĩ, quan sát cô vụng về bước đến giữa sân băng, nơi cô dừng lại, xoa tóc, giờ một chiếc điện thoại lên, và bắt đầu chụp ảnh tự sướng. “Bí ẩn được giải quyết,” Langdon nói. “Skater Instagram.” “Thực tại mới của chúng ta,” Katherine nói với một tiếng cười. “Điều đó không làm bạn lo lắng sao?” anh hỏi, quay sang cô. “Mọi người trẻ tuổi phát trực tiếp chính mình không ngừng nghỉ đến thế giới? Tôi thấy điều đó hàng ngày tại trường. Ngay cả những ‘người tài giỏi và sáng suốt nhất’ trên thế giới dường như cũng quan tâm nhiều hơn đến thế giới trực tuyến hơn là thế giới thực.” “Điều đó có thể đúng,” cô nói, nhấp một ngụm trà. “Nhưng trước tiên, không chỉ có người trẻ tuổi làm điều đó. Và thứ hai, tôi nghĩ bạn phải xem xét rằng thế giới trực tuyến là một thế giới thực.” “Một thế giới thực nơi tình yêu được thể hiện bằng emoticons và được đo bằng ‘likes’?” “Robert, khi bạn thấy một người dán mắt vào điện thoại, bạn thấy một người đang bỏ qua thế giới này—thay vì một người đang mãi mê trong một thế giới khác... một thế giới mà, như thế giới này, được cấu thành từ các cộng đồng, bạn bè, vẻ đẹp, nỗi kinh hoàng, tình yêu, xung đột, đúng và sai. Tất cả đều ở đó. Thế giới trực tuyến không khác biệt mấy so với thế giới của chúng ta... ngoại trừ một sự khác biệt rõ ràng.” Katherine mỉm cười. “Nó không bị giới hạn về vị trí.” Bình luận này làm anh bất ngờ. “Thế giới trực tuyến,” Katherine nói, “không bị ràng buộc bởi địa điểm của bạn. Bạn hiện diện trong đó như một tâm trí không có thân thể... tự do khỏi tất cả những ràng buộc vật lý. Bạn di chuyển một cách dễ dàng ở bất cứ đâu, thấy những gì bạn muốn, học những gì bạn muốn, giao tiếp với những tâm trí vô hình khác.” Langdon chưa bao giờ nghĩ về Internet theo cách đó, và điều đó vừa khiến anh giật mình vừa khiến anh bị hấp dẫn. Trực tuyến, tôi là một ý thức không có thân thể... “Khi chúng ta đánh mất bản thân trong thế giới ảo,” Katherine nói, “chúng ta đang cho phép mình trải nghiệm một loại trải nghiệm không thuộc địa điểm mà, theo nhiều cách, tương tự như một trải nghiệm ngoài cơ thể—chúng ta bị tách rời, không trọng lượng, và vẫn kết nối với mọi thứ. Những bộ lọc của chúng ta được rơi xuống... Chúng ta có thể tương tác với toàn bộ thế giới qua một màn hình và trải nghiệm gần như bất kỳ điều gì.” Langdon nhận ra Katherine đã hoàn toàn đúng.

Cô ấy rót hết phần trà cuối cùng vào chiếc cốc và dùng khăn ăn bằng vải lau môi. “Dù sao đi nữa, tôi đã viết về tất cả những điều này trong cuốn sách của mình. Đó là một ý tưởng khá khác thường, nhưng tôi đã tin rằng cuộc bùng nổ công nghệ hiện tại thực sự là một phần của sự tiến hóa tâm linh... một loại

trường đào tạo cho sự tồn tại mà, đến cuối cùng, là định mệnh tối thượng của chúng ta... một ý thức, không bị ràng buộc bởi thế giới vật chất, nhưng lại kết nối với mọi thứ.” Langdon ngồi dựa lưng lại, hoàn toàn ẩn tượng bởi trí tuệ tiên phong của những ý tưởng của Katherine. “Tất cả đều dẫn đến một khái niệm lớn hơn,” Katherine nói một cách nhiệt tình. “Cái chết không phải là kết thúc. Còn nhiều việc phải làm, nhưng khoa học vẫn tiếp tục phát hiện ra chứng cứ rằng thực sự có điều gì đó vượt ra ngoài tất cả những điều này. Thông điệp đó là điều mà chúng ta nên hét lên từ đỉnh núi, Robert! Đó là bí mật của tất cả các bí mật. Hãy tưởng tượng tác động mà nó sẽ có đối với tương lai của loài người.” “Và đó là lý do tại sao bạn vẫn cần phải xuất bản cuốn sách của mình!” Ý kiến đó khiến Katherine nhú mày, kéo cô trở lại thực tại, và Langdon ước gì mình đã giữ im lặng. Dù sao đi nữa, anh vẫn cảm thấy hứng thú khi biết rằng giám đốc CIA đã đồng ý rằng sẽ không có sự can thiệp nào đối với bất kỳ sự xuất bản nào trong tương lai của cuốn sách của Katherine—miễn là cô xóa một vài đoạn nhạy cảm và, tất nhiên, bỏ qua đơn đăng ký bằng sáng chế của mình. Phản ứng của Katherine với tin tốt đã bị suy kiệt, điều này không có gì ngạc nhiên khi cô ấy vẫn rất tức giận với cơ quan, chưa kể đến việc cảm thấy bị choáng ngợp bởi khả năng bắt đầu lại quá trình viết lách. Langdon cựa mình, cảm thấy bất ổn vì đã làm cô buồn. “Vậy,” anh nói khẽ, “còn muốn xem lâu đài Prague trước khi chúng ta bay ra không?” Katherine ngược nhìn lên, rõ ràng háo hức có điều gì đó khác để nghĩ đến. “Chắc chắn rồi. Tôi barely thấy gì vào đêm diễn thuyết của mình, và bạn đã nói St. Vitus là không thể bỏ lỡ.” “Hoàn hảo,” anh nói, đưa tay lấy áo khoác. “Từ đây, chỉ cần đi bộ một đoạn ngắn lên đồi thôi.” Đầu óc anh lại quay về nhiệm vụ sắp tới. Anh vẫn lo lắng không biết Katherine sẽ đón nhận tin tức thế nào. Katherine nhìn quanh tìm một cái phục vụ. “Tôi sẽ trả tiền hóa đơn, Robert, nhưng tôi đã mất túi xách của mình.” “Không sao đâu,” anh trả lời với nụ cười. “Tôi đã được thông báo rằng bữa sáng của chúng ta là miễn phí từ đại sứ quán Hoa Kỳ.” Khi họ bước ra khỏi khách sạn dưới ánh sáng buổi sáng, Katherine và Langdon nhìn về phía cửa sổ văn phòng của đại sứ để vẫy tay cảm ơn, nhưng cửa sổ thì tối. Với chút may mắn, mọi thứ đã diễn ra suôn sẻ với việc rời khỏi của Sasha, và Heide Nagel đã chuẩn bị đi ngủ. Đại sứ đã hứa gửi một gói đến khách sạn của họ vào sáng nay chứa tiền đi lại, hai vé máy bay hạng nhất, và một đôi thư ngoại giao để đảm bảo họ có thể về nhà mà không gặp khó khăn gì. “Đó là điều tối thiểu mà đại sứ quán có thể làm,” Nagel đã nói với họ, “vì những giờ qua thật tệ.” Katherine theo Langdon vào con hẻm lát đá cuội xinh đẹp có tên Tržiště, dẫn lên lâu đài Prague. Khi họ bắt đầu đi bộ, Langdon khoác tay quanh eo cô và hôn lên má cô, kéo cô lại gần. Họ đã đi được một chục bước lên đồi thì đột nhiên Langdon dừng lại, như thể đang cân nhắc lại việc leo lên. “Quá dốc cho bạn với chiếc áo khoác cồng kềnh này?” cô châm biếm, chọc vào chiếc áo khoác “puffer” màu đỏ mà Langdon rất tự hào, mà Katherine đã nhiều lần gợi ý anh nên thay bằng cái gì đó từ thiên nhiên kỷ này. “Không...” Anh lật tay áo ra, kiểm tra đồng hồ Mickey Mouse của mình, và nhú mày. “Nhưng tôi vừa chợt nhận ra... chúng ta chỉ còn vài giờ trước khi ra sân bay, và có một số công việc giấy tờ mà tôi cần xử lý trước khi có thể rời khỏi đất nước. Sao tôi không gặp bạn ở trên đó?” “Giấy tờ?” cô hỏi. “Xin lỗi,” anh nói. “Tôi thực sự không muốn kể cho bạn tất cả những gì đã xảy ra hôm qua. Mọi thứ đã rất hỗn loạn, và chỉ còn một việc chưa xong mà tôi cần giải quyết.” Katherine cảm thấy lo lắng về điều đó, đặc biệt khi cô nghĩ rằng sáng hôm qua Robert đã sơ tán khỏi một khách sạn sang trọng và tránh được cảnh sát Czech. “Mọi thứ ổn chứ, Robert? Chúng ta có cần liên hệ với đại sứ không?” “Mọi thứ sẽ ổn thôi,” anh trấn an. “Tôi hứa.” “Tôi có nên đi cùng bạn không?” “Cảm ơn, nhưng tôi không muốn bạn bỏ lỡ cuộc đi bộ này.” Anh chỉ về phía lối đi. “Nó thật sự tuyệt vời. Tôi sẽ nhảy vào taxi, xử lý việc này, và với chút may mắn, chúng ta sẽ đến lâu đài vào cùng một lúc.” “Như bạn muốn,” cô nói, vẫn thấy bất an. “Chúng ta gặp nhau ở đâu?” Langdon nghĩ một chút. “Tôi sẽ gặp bạn ở cánh cửa có bảy ổ khóa.” Katherine nhìn chăm chăm vào anh. “Có một cánh cửa... với bảy ổ khóa?” Anh gật đầu. “Một trong những cánh cửa bí ẩn nhất ở châu Âu. Chỉ cần hỏi khi bạn đến đó.”

“Robert,” cô phản đối, “tại sao chúng ta không gặp nhau tại quầy thông tin như những người bình thường khác?” “Bởi vì...” Anh hôn cô lên má. “Bình thường thì thật sự bị đánh giá quá cao.”

H CHƯƠNG 138

Trên một vùng biển tối tăm, Scott Kerble cảm thấy một cơn mệt mỏi sâu sắc đang dần nặng nề. Khi chiếc máy bay lao về phía tây trước ánh mặt trời đang dần mọc, anh đi về phía cuối máy bay để kiểm tra một lần cuối trước khi nhắm mắt. Sasha đang ngủ say. Kerble đã tháo còng tay của cô và thay bằng một chiếc dây xích chân đơn được gắn vào ghế của cô. Anh cũng cho Harry và Sally ra khỏi chiếc thùng du

lịch của chúng, và hai con mèo Xiêm giờ đây đang lim dim trên ghế bên cạnh cô, quần quít vào nhau, như một quả cầu lông, đang rên rĩ như một. Kerble quay lại ghế của mình và cởi bỏ áo khoác, cảm thấy chiếc ổ cứng mã hóa trong túi. Anh lấy nó ra và xem xét thiết bị, tò mò không biết bên trong có gì mà đã trao cho đại sứ sức mạnh không thể chối cãi như vậy. Khi anh nhìn vào bàn phím tích hợp, anh nhớ điều mà mình cần phải nói với giám đốc về khóa truy cập dài mười sáu ký tự. Chữ cái đầu tiên của mỗi từ trong câu trích dẫn Kissinger yêu thích của bạn. Kerble suy nghĩ một lát rồi lấy điện thoại ra và hỏi ChatGPT liệu Giám đốc CIA Gregory Judd có từng trích dẫn Henry Kissinger trong bất kỳ bài phát biểu công khai nào không. Thật trùng hợp, Judd đã làm vậy rất nhiều lần—luôn là cùng một câu trích dẫn—và thường được mở đầu bằng một lời giới thiệu: “Chỉ có Kissinger mới có thể truyền đạt một sự thật phức tạp như vậy chỉ trong mười sáu từ.” Một quốc gia yêu cầu sự hoàn hảo đạo đức trong chính sách đối ngoại của mình sẽ không đạt được sự hoàn hảo và cũng không có được sự an toàn. ACTDMPIIFPWANPNS, Kerble nghĩ, biết rằng anh có thể dễ dàng mở khóa đĩa này và xem bất kỳ dữ liệu nào bị khóa bên trong. Anh cũng biết mình sẽ không bao giờ phản bội lòng tin của đại sứ. Không một giây suy nghĩ, anh trượt đĩa vào sâu trong túi du lịch của mình để chuyển giao cho giám đốc. Semper Fidelis, anh nghĩ khi nhắm mắt để ngủ.

Trong một chiếc ghế phía sau của cabin tối tăm, The Golêm xuất hiện từ bóng tối. Sasha đang ngủ say, và The Golêm lén lút tràn vào trong tâm trí cô, mở mắt và nhìn ra ngoài cửa sổ. Beneath them, he saw only blackness... the great void that separated the Old World and the New. Nước Mỹ sẽ là một khởi đầu mới cho Sasha... như đã từng cho hàng triệu người trong suốt lịch sử. Một cơ hội thứ hai. The Golêm cuối cùng cảm thấy tự tin rằng sự cống hiến và tình yêu của mình dành cho Sasha sẽ được đền đáp. Vũ trụ giúp những ai hiểu biết về nó. Mặc dù The Golêm cảm thấy ngày càng tự tin rằng Sasha sẽ an toàn trong sự chăm sóc của đại sứ, anh không có kế hoạch rời xa Sasha hoàn toàn. Không phải bây giờ. Anh sẽ tiếp tục quan sát từ bóng tối, mỗi ngày lùi xa một chút, ngày càng ít hơn trong cuộc sống của cô, cuối cùng chỉ là một tiếng thì thầm nhẹ nhàng trong tâm trí cô. Suy nghĩ này có phần u ám, và tuy nhiên, nó cũng làm anh cảm thấy một cảm giác thành tựu. Càng ít cô cần đến mình, tôi càng phục vụ tốt cho cô ấy. Trong khi The Golêm biết mình có thể rời bỏ Sasha hoàn toàn, để tách mình và trở về với vương quốc mà mình đã đến, anh cảm thấy rằng một phần của mình sẽ mãi mãi ở bên cô... như một thiên thần hộ mệnh. Anh sẽ xuất hiện một cách âm thầm trong những cách mà nhiều thiên thần hiện ra... như một bản năng, một trực giác, một sự hiểu biết... một cú thúc đẩy hữu ích từ một linh hồn dạn dày hơn, từ một thế giới khác. Sasha sẽ sống cuộc sống mà cô ấy xứng đáng. Trong tâm hồn hải lòng, The Golêm nhắm mắt và cho phép mình lạc vào giấc ngủ sâu mà anh đã mong đợi từ rất lâu. “Spokoynoy noch, milaya,” anh thì thầm. Chúc ngủ ngon, em yêu. Khi anh trôi vào giấc ngủ, bàn tay trái của anh tự động duỗi ra, và nhẹ nhàng vuốt ve hai con mèo Xiêm đang rên rĩ bên cạnh mình.

H CHƯƠNG 139

Sau khi hoàn tất cuộc leo dốc của mình lên Cái Đồi Castle, Katherine cần một chút thời gian để lấy lại hơi thở và cũng để thẩm thấu quy mô của cấu trúc trước mặt. Lâu đài Prague không phải là một lâu đài thật sự... mà là một thành phố có tường bao quanh rộng lớn. Pháo đài trên đỉnh đồi này, theo Robert, bao trùm hơn mười lăm mẫu, bao gồm bốn cung điện, hai hội trường tập trung, một nhà tù, một viện binh, một cư xá tổng thống, một tu viện, và năm nhà thờ riêng biệt, bao gồm một trong những nhà thờ lớn nhất thế giới... Nhà thờ Thánh Vitus. Hai đêm trước, khi Katherine đến đây để diễn thuyết của mình, cô đã được đưa bằng xe và dẫn vào Đại sảnh Vladislav qua một lối vào có cột trụ khiêm tốn ở phía nam của khu phức hợp. Có lẽ là để tôi không bị sợ hãi, cô kết luận, nhìn vào dãy hàng rào nghiêm nghị giờ đây đang chờ đợi cô ở lối vào chính. Lối vào lâu đài bị chặn bởi một bức tường chu vi khổng lồ, cao năm tầng, mà chính nó lại được che chắn bởi một...

hàng rào nhọn cao lớn mà cánh cửa bằng sắt rèn được bảo vệ bởi hai lính canh mặc đồng phục, mỗi người cầm một khẩu súng. Mở lối duy nhất trên hàng rào được hai bức tượng khổng lồ của những người đàn ông cơ bắp, đang đâm, chọc và đánh đập những người nhỏ bé hơn, bao quanh. Tin nhắn đã được nhận, Katherine nghĩ. Cô lách qua cánh cửa và đi qua một mê cung của các sân và các đường hầm trước khi xuất hiện trong một quảng trường đá cuội rộng lớn. Khi cô bước vào không gian mở, ánh mắt cô lập tức ngược lên cao, trèo lên mặt tiền của một tòa nhà lớn đến mức cô khó mà tin rằng nó đứng vững trong những bức tường của lâu đài. Nhà thờ St. Vitus. Tất cả những gì cô biết về nhà thờ này là Langdon

coi nó là một kiệt tác kiến trúc. Đặc điểm yêu thích của anh là tháp chuông cao một trăm mét chứa một trong những chiếc chuông lớn nhất châu Âu – một con quái vật nặng mười bảy tấn có tên là Zikmund – mà hình như chỉ reo to đến nỗi nó chỉ được đánh vào Giáng sinh và Phục sinh, vì sợ rằng những âm vang của nó có thể làm hư hại tháp cổ. Katherine mất một vài phút để ngược nhìn lên tháp chuông khổng lồ trước khi tiến về phía cánh cửa, háo hức tìm kiếm cánh cửa nổi tiếng mà, theo một người lính canh cô vừa hỏi, nằm trong nhà thờ. Cánh cửa với bảy ổ khóa. Cô vẫn chưa biết đó là gì, nhưng cô hy vọng sẽ tìm thấy Langdon đã chờ sẵn ở đó. Việc đi bộ lên đồi đã mất nhiều thời gian hơn dự kiến, và Langdon đã đi taxi, vì vậy nếu may mắn, giấy tờ của anh đã được xử lý nhanh chóng. Nội thất của nhà thờ St. Vitus đúng như Katherine mong đợi – rộng lớn, lộng lẫy và uy nghi – giống như mọi nhà thờ châu Âu khác mà cô từng ghé thăm. Cô vẫn cảm thấy khó hiểu rằng con người đã phải vất vả trong nhiều thế kỷ để xây dựng những nơi thờ phượng này cho một vị Chúa toàn năng, nhân từ... trong một thời đại mà dịch bệnh, chiến tranh và nạn đói đã giết chết những tín đồ hàng triệu người. Cô tự hỏi liệu Chúa của họ có thờ ơ trước nỗi khổ của nhân loại... hay bất lực trong việc ngăn chặn nó. Dù sao đi nữa, có vẻ như hứa hẹn về “cuộc sống vĩnh hằng” là một liều thuốc không thể cưỡng lại, giúp xoa dịu nỗi sợ hãi về cái chết. Và vẫn như vậy cho đến ngày nay, cô nghĩ khi di chuyển sâu hơn vào trong nhà thờ, tìm kiếm Langdon. Nhà thờ St. Vitus gần như vắng vẻ vào giờ này, và khi cô hỏi một người hướng dẫn duy nhất về cánh cửa bí ẩn, anh ta chỉ lên hàng ghế giữa của nhà thờ đến một lối mở có vòm bên phải, ngay bên cạnh trung tâm của thánh đường. “Nhà nguyện Wenceslas,” anh ta thì thào. Nhà nguyện trống rỗng hóa ra là một căn phòng đẹp đến chóng mặt với sàn nhà bằng đá cẩm thạch xám và những bức tường được vẽ tranh phức tạp, cao lên nhiều tầng đến trần mái. Ở giữa nhà nguyện là một chiếc hộp khổng lồ hình chữ nhật có nhiều tầng, tất cả đều được dát đá quý màu sắc và được chóp mái. Nó kỳ lạ đến mức Katherine phải đọc biển báo trước khi nhận ra mình đang nhìn thấy gì. Một quan tài hoàng gia. Chiếc hộp này, như đã hóa ra, đang chôn một “vị vua” nổi tiếng mà thực sự chưa bao giờ là vua, mà là một hoàng tử tốt bụng đã bị ghi nhớ nhầm thành vua trong một bài thánh ca Giáng sinh phổ biến của Anh. Katherine rất vui khi đọc rằng nơi an nghỉ của Vị vua tốt bụng Wenceslas cũng phục vụ như là cánh cửa dẫn vào những viên ngọc hoàng gia Bohemia vô giá... được bảo quản trong một kho chứa chỉ có thể truy cập thông qua một cánh cửa nổi tiếng với bảy ổ khóa. Katherine vội vàng đến cánh cửa, đứng ở góc. Nó là một tấm kim loại xám áp đảo, chẳng chịt những dải gia cố chéo, được đính tán vào vị trí theo đường chéo. Mô hình hình kim cương tạo thành được trang trí bằng những con sư tử và đại bàng hùng mạnh, cả hai là biểu tượng của quốc huy Séc. Chạy dọc theo phía bên trái của cánh cửa là một loạt ổ khóa hoa văn. Katherine không ngạc nhiên khi đếm được bảy ổ khóa, mỗi ổ đều được bao quanh bởi lớp bảo vệ bằng kim loại. Cô liếc qua vai về phía nhà nguyện trống rỗng và rồi, cảm thấy ngớ ngẩn, đã thử mở cánh cửa. Khóa. Sau khi chờ thêm vài phút mà không thấy Langdon xuất hiện, cô cuối cùng rời khỏi vào bên trong thánh đường chính để nghỉ chân trên một ghế ngồi gần đó. Cô cảm thấy thật tốt khi không phải đứng nữa, nhưng nỗi lo về Langdon ngày càng gia tăng. Liệu có điều gì xảy ra không? Buộc mình phải nghĩ về điều khác, cô ngược nhìn về phía bàn thờ chính – một khung vàng chói vót được làm bằng những tháp lưới cao giữa một bức nền kính màu. Không thể phủ nhận rằng tòa nhà này là một thành tựu đáng kinh ngạc của nhân loại, một tác phẩm nghệ thuật hùng vĩ. Ngay cả bức giảng cũng là một kiệt tác, cô nghĩ, ngắm nhìn bức được chạm khắc tinh xảo được gắn trên cột bên cạnh cô. Được truy cập thông qua một cầu thang xoắn ốc thanh lịch, bức giảng hình lục giác cao ngất được đội bởi một mái vòm của những thiên thần mạ vàng. Chỗ ngồi linh thiêng này rõ ràng đã được thiết kế để mang cho người phát biểu một tư thế gần như quyền lực thần thánh. “Đó rồi!” một giọng nói trầm gọi từ phía bên kia của nhà thờ. Cô quay lại thấy Langdon đi ra từ nhà nguyện Wenceslas và vội vã chạy về phía cô, vẫn còn cuộn trong chiếc áo phao Patagonia của mình. “Tôi không đã...”

“Gặp em trong đó và anh lo em đã bỏ cuộc,” anh nói, đến nơi mà thờ hồn hên. “Em có tìm thấy cánh cửa với bảy ổ khóa không?” “Có,” cô đáp. “Thật bất ngờ, nó đã bị khóa.” Langdon mỉm cười, trông có vẻ thoải mái hơn bây giờ. “Chà, nếu em muốn anh mở nó, anh sẽ cần phải gọi bảy cuộc điện thoại—tổng thống, thủ tướng, tổng giám mục, người quản lý, khoa trưởng, thị trưởng, và người chủ tịch hội đồng.” “Em không hề hỏi tại sao anh biết điều đó, Robert. Anh đã sắp xếp giấy tờ chưa?” “Anh đã xong,” anh nói. “Chúng ta đã sẵn sàng.” Katherine cảm thấy nhẹ nhõm. “Anh sẽ nói cho em biết tất cả về điều đó chứ?” “Anh sẽ...” anh nói, có vẻ bị phân tâm bởi bức giảng gần đó. “Chờ một chút...” Anh nhìn quanh

nhà thờ vắng vẻ và sau đó quay lại nhìn Katherine. “Ngồi ngay đây nào—anh muốn cho em xem một cái gì đó.” Anh tiến về cầu thang bọc giăng và bước khéo léo qua một dải nhung đang chắn anh. “Robert, anh đang—” Anh nhảy lên cầu thang xoắn. Khi anh đến đỉnh, chỉ có đầu anh là có thể nhìn thấy khi anh nhìn xuống một cuốn Kinh Thánh khổng lồ đang mở trên bục. “Katherine, anh muốn đọc vài đoạn cho em,” anh nói, giọng điệu chân thành. “Chỉ cần mở lòng và lắng nghe.” Những đoạn Kinh Thánh? “Em không hiểu—” “Chỉ cần lắng nghe,” anh thúc giục. “Anh tin rằng những lời này sẽ an ủi tâm hồn em.” Katherine nhìn lên trong sự bối rối khi Robert tự sắp xếp, tháo cái áo phao của mình ra, bỏ nó xuống sàn và vớ lấy cuốn Kinh Thánh. Anh dường như đang lật qua các trang như thể đang tìm một đoạn cụ thể. Khi ổn định, Langdon đã thanh thanh cô hòng và nhìn thẳng vào mắt cô một lần nữa trước khi quay ánh mắt về phía bục giảng. Khi anh nói, giọng trầm quen thuộc của anh trong treo và vang vọng. “Hiện tại đã được chứng minh,” anh phát biểu kịch tính, “rằng trẻ sơ sinh có khả năng trải nghiệm ý thức ngay từ khi sinh ra... từ đó làm suy yếu mô hình hiện tại của chúng ta cho rằng ý thức phát triển theo thời gian.” Xin lỗi? Những suy nghĩ của Katherine rối bời. Anh vừa nói gì?! Langdon lật vài trang và bắt đầu đọc tiếp. “Đặc biệt đáng chú ý,” anh tiếp tục, “chúng ta hiện đã phát hiện ra bằng chứng không thể bác bỏ về hoạt động sóng gamma mạnh mẽ trong não bộ khi nó chết.” Katherine nhảy bật dậy, giờ đã nhận ra chính xác điều mà anh đang đọc. Thật không thể nào! Cô lao về phía bục giảng ngay khi Langdon bắt đầu đọc một phần khác. “Mức GABA,” anh ngâm nga, “giảm mạnh trong những khoảnh khắc trước khi chết, và cùng với nó, khả năng của não bộ để lọc ra những phổ trải nghiệm con người rộng lớn mà bình thường không được biết đến.” Katherine khéo léo leo lên cầu thang cong, trái tim đập nhanh. “Robert!” cô kêu lên, đến bên bục giảng, dừng lại đột ngột và nhìn chăm chăm trong sự không thể tin vào chồng giấy in laser quen thuộc đang nằm trên Kinh Thánh khổng lồ. “Đó có phải là bản thảo của em không?!” “Rõ ràng là vậy,” anh nói với cái nhún vai và nụ cười méo mó mà cô đã rất yêu thích. Katherine giờ nhận ra chắc chắn anh đã mang theo bản thảo dưới áo khoác của mình. “Nhưng...” Cô lúng túng tìm từ. “Em tưởng...anh đã đốt nó!” “Chỉ có danh mục tài liệu của em, người yêu quý của anh...” anh nói với một nụ cười. “Phần còn lại của bản thảo anh đã giấu sau một vài cuốn sách cổ trên kệ ban công của thư viện.” Choáng váng, Katherine hình dung về ngọn lửa mà Langdon đã bắt đầu trên những bậc thang kim loại và những mảnh giấy cháy đen trôi xuống sàn bên dưới. “Nhưng...lửa có vẻ rất lớn.” “Đúng vậy,” Langdon nói. “Để em trích dẫn bốn mươi hai trang tài liệu đôi, em biết đó là điều em phải làm ở cuối bản thảo, đúng không? Dù sao thì, anh đã trộn một vài trang vellum trông từ một trong những sổ cũ ở đó. Mờ động vật tạo ra rất nhiều khói đen.” Katherine đã phải đấu tranh với một cơn lũ cảm xúc đang xô đẩy trong cô. Sự nhẹ nhõm, lòng biết ơn, sự không thể tin, và cả sự tức tối. Bản thảo của tôi chưa bao giờ bị mất?! “Tại sao anh không nói với em?!” cô đòi hỏi. “Em đã bị tổn thương quá nhiều!” Biểu cảm của Langdon thật lòng hối hận. “Hãy tin anh, Katherine, anh thật sự muốn nói. Thật đau đớn khi chứng kiến em chịu đựng, nhưng chúng ta đã bị bao quanh bởi sự hỗn loạn và gần như bị bắt giữ và thẩm vấn. Anh không muốn em phải nói dối. An toàn hơn nhiều cho em nếu không biết bản thảo tồn tại cho đến khi mọi thứ được sắp xếp ổn thỏa—điều cuối cùng anh muốn là làm nó bị tịch thu một lần nữa bởi ÚZSI hoặc tệ hơn nữa.” Katherine là một kẻ nói dối tồi tệ, và cả hai người đều biết điều đó...Cô nhận ra anh có lẽ đúng. Thông tin sai lệch qua sự lừa dối, như Nagel đã gọi. Langdon thậm chí đã không nói với Jonas qua điện thoại. “Anh hy vọng em sẽ tha thứ cho anh...” anh cầu xin. “Đó là một bí mật khó giữ.” Katherine nhìn anh mà khó hiểu rồi bước về phía trước và ôm chặt lấy anh, tan chảy vào cơ thể anh. “Giấy tờ...? Thật sao?” “Những giấy tờ quan trọng,” anh làm rõ. “Quá quan trọng để đốt.” Cô ôm anh chặt hơn. “Có một điều mà em vừa không thể tin nổi—giáo sư Langdon đáng kính lại thực sự đã xé vellum.”

“Trang giấy ra từ một quyển sách cổ?” “Trang trắng,” anh ta đáp lại. “Chúng sẽ không bao giờ bị nhớ đến. Và như thầy dạy tiếng Anh của tôi, ông Lechuk, thường nói: ‘Cuốn sách đúng vào thời điểm đúng có thể cứu sống bạn.’” Cô cười. “Tôi khá chắc chắn rằng đó không phải là điều ông ấy muốn nói.” “Có lẽ không,” Langdon nói, kéo cơ thể cô sát lại gần mình. Katherine không biết họ đã ôm nhau trên bục giảng của Nhà thờ Thánh Vitus bao lâu khi chuông nhà thờ trên đầu bắt đầu ngân vang. Cô đắm chìm trong niềm vui khi có được bản thảo của mình trở lại... cùng với những cơn sóng tình cảm mà cô dành cho người đàn ông trong vòng tay. “Tôi yêu anh, Robert Langdon,” cô thì thầm. “Xin lỗi vì đã mất nhiều thời gian để nhận ra điều đó.”

HẬU TRUYỆN

Robert Langdon tỉnh dậy khi nghe tiếng trống quân đội—một nhịp trống đều, đánh một bài ca chiến trận như thể dẫn dắt một đội quân nhỏ. Khi mở mắt, anh thấy mình đang nhìn ra khoảng không phủ đầy tuyết của một công viên rừng. Từ xa, ánh sáng đầu tiên của bình minh đang ló rạng, chiếu qua một mê cung nhà chọc trời. Manhattan, anh nhớ ra khi trí óc từ từ trở nên rõ ràng. Khách sạn Mandarin Oriental. Tầng năm mươi hai. Tiếng trống vẫn tiếp tục. Nó có vẻ gần. Langdon ngồi dậy trên giường, giờ đã thấy Katherine thức dậy bên cạnh, chống tay lên khuỷu, mỉm cười một cách tinh nghịch, tóc cô rối bời và xõa. Cô đang nghịch với chiếc điện thoại mới của mình, mà giờ Langdon nhận ra chính là nguồn gốc của tiếng trống. “Tôi đã chán bản ‘Morning Mood’ của Grieg,” cô nói. “Tôi đã đổi cuộc gọi báo thức của chúng ta.” Một bài điệu hành quân đội? Langdon giờ nghe thấy một cây sáo đơn lẻ hòa cùng với trống, chơi một giai điệu quen thuộc. “Chờ chút... đó có phải là Boléro không?” Cô nhún vai một cách ngây thơ. “Có thể.” Tác phẩm hòa nhạc của Ravel được xem là bản nhạc cổ điển gợi tình nhất từng được viết. Thường được gọi là “nhạc nền hoàn hảo cho việc ân ái,” Boléro là mười lăm phút nhịp điệu khẳng khẳng, căng tràn, crescendo lên một cao trào hoành tráng với cả dàn nhạc, mà các nhà phê bình đã nhắc đến như một cơn cực khoái C trưởng. “Bạn không phải là người tinh tế,” Langdon nói, giật lấy chiếc điện thoại của Katherine, vặn to âm lượng, và vui vẻ khom chế cô trên giường. Trong mười giây tiếp theo, anh nhìn vào mắt cô và không làm gì khác ngoài việc lắng nghe bản hợp tấu giữa trống và sáo. “Um, Robert?” cuối cùng Katherine cất tiếng. “Anh đang làm gì vậy?” “Chờ đoạn clarinet xuất hiện ở ô nhịp mười tám,” anh trả lời. “Tôi không phải là dã man.” Một giờ sau, Langdon và Katherine đang thư giãn trong những bộ áo choàng vải terry mềm mại, thưởng thức bữa sáng phục vụ tại phòng trong ánh nắng chiếu vào từ Công viên Trung tâm. Cơ thể Langdon cảm thấy vô cùng mãn nguyện, nhưng tâm trí anh lại không yên, mong ngóng cuộc họp buổi chiều với Jonas Faulkman tại Tòa tháp Random House. Anh vẫn không biết chúng tôi đã có bản thảo. Cuốn sách của Katherine được cất giữ an toàn trong két sắt của phòng, được buộc bằng hai dây cao su lớn. Trước khi rời Prague, họ đã làm ba bản photocopy và gửi một bản cho Katherine, một bản cho Langdon, và một bản cho Jonas. Hy vọng là họ sẽ không cần đến chúng; Penguin Random House chỉ cách vài phố. “Cô đã có tiêu đề nào chưa?” Langdon hỏi. “Jonas sẽ muốn biết.” Katherine ngẩng lên. “Về cuốn sách của tôi? Chưa có gì...” “Tôi hỏi chỉ vì cô đã nói một điều ở Prague khiến tôi suy nghĩ mãi. Tôi nghĩ cô có thể đã tìm ra tiêu đề hoàn hảo.” “Oh?” “Cô đã nói rằng nếu khoa học có thể chứng minh rằng có thật điều gì đó vượt qua cái chết, thì chúng ta nên hô vang thông điệp đó từ trên những đỉnh núi. Cô đã gọi đó là bí mật của mọi bí mật... và cô khẳng định rằng nó sẽ có tác động lớn đến tương lai của nhân loại.” “Tôi nhớ.” Langdon chờ đợi. Katherine dường như cũng đang chờ đợi. “Cô không nghe thấy sao?” anh hỏi. “Bí mật của mọi bí mật. Nếu suy nghĩ kỹ, câu hỏi ở trung tâm cuốn sách—chuyện gì xảy ra khi chúng ta chết?—là một bí ẩn mà tất cả tâm trí con người đã trần trờ. Thật sự là bí mật của mọi bí mật.” “Là một tiêu đề sách?” Katherine có vẻ hoài nghi. “Tôi không biết, nghe có vẻ...” “Như một cuốn sách bán chạy?” Langdon thúc giục. “Tôi định nói là ‘hơi quá.’” Anh cười. “Chà, trực giác tiên tri của tôi là sách Penguin Random House sẽ sớm làm chỗ cho một tác phẩm kinh điển nữa.” Mắt Katherine ngấn lệ. Cô leaned về phía trước, nhẹ nhàng hôn anh. “Cảm ơn anh, Robert... vì rất nhiều điều.” Họ ngồi im lặng rất lâu, quan sát thế giới nhộn nhịp bên dưới cửa sổ của họ. Cuối cùng, Katherine đứng dậy và kiểm tra đồng hồ. “Chúng ta còn năm giờ để khám phá thành phố,” cô nói. “Tôi sẽ tắm, rồi sau đó anh có thể làm hướng dẫn viên du lịch.” “Nghe tuyệt đấy,” Langdon nói khi cô đi về phía phòng tắm. “Chúng ta sẽ bắt đầu tại Nhà thờ Trinity. Rồi đến Nhà thờ Thánh John the Divine, Thánh Patrick, Nhà thờ Grace, Cloist—” “Robert!” Katherine quay lại. “Không!” “Đùa thôi, bảo bối của tôi,” anh.

nói với nụ cười. “Đề tôi lo.” Tôi biết chính xác nơi nào để đưa bạn đến.” Con thuyền tham quan đường vòng trượt qua những làn sóng gập ghềnh của Cảng New York. Trong làn gió buổi sáng, một con đại bàng biển đơn độc bay lướt nhẹ nhàng bên mạn trái, quét mắt tìm kiếm bữa sáng của nó. Trên mũi thuyền, Katherine Solomon tựa mình vào cánh tay Langdon, tận hưởng hơi ấm từ cơ thể anh và hương thơm mặn của không khí đại dương trong lành. “Thật đáng kinh ngạc, phải không?” Langdon thì thầm khi họ tiến gần đến đích. Cô ấy thật sự vậy, Katherine nghĩ. Tôi không biết gì về điều này... Phía trước họ, cao hơn ba trăm feet trên mặt nước, một hình dáng khổng lồ đứng vững vàng trên hòn đảo riêng của mình, tỏa ra một vẻ uy nghiêm trang trọng dường như được thổi hồn một cách thần thánh. Với cánh tay phải nâng cao, cô giờ một ngọn đuốc sáng bóng mà ngọn lửa hai mươi bốn karat lấp lánh dưới ánh nắng

buổi sáng. Khi chiếc phà tiến gần hơn, Katherine bắt đầu nhìn thấy những chi tiết trên bức tượng bằng đồng xanh—những dây xích gãy xung quanh đôi chân mang sandal của cô, những nếp gấp tinh tế trong bộ áo choàng công lý, tấm bảng ở tay trái ghi ngày tháng quốc gia ra đời, ánh mắt kiên định và nét mặt an ủi... và ở đó, trên đầu cô, là biểu tượng cổ đại mà Langdon đã đưa Katherine đến để nhìn. Vương miện rực rỡ. Vàng hào quang nhọn trên Tượng Nữ thần Tự do của Mỹ chính là trang sức đã vinh danh những bộ óc được khai sáng suốt hàng ngàn năm. Bảy chiếc đỉnh nhọn, mỗi chiếc dài hơn chín feet, được cho là biểu trưng cho những tia sáng của sự khai sáng sẽ tỏa ra từ quốc gia thanh niên này và chiếu sáng tất cả bảy châu lục. Đó là điều ngược lại chính xác, Katherine tin tưởng, nhìn chúng như những tia sáng của sự khai minh chảy vào trong... đại diện cho dòng chảy của các nền văn hóa, ngôn ngữ và ý tưởng từ bảy châu lục, tất cả cùng hòa vào nồi lẩu, chính là trí tuệ của Mỹ. Quốc gia này, sau tất cả, đã được tạo ra như một kiểu máy thu, kéo những linh hồn khác biệt từ khắp nơi trên thế giới, tất cả đều chảy vào trong để trải nghiệm chung. Nhìn ra Tượng Nữ thần Tự do, Katherine có thể nghe thấy âm hưởng xa xăm của hàng triệu người đã đến bờ biển này để theo đuổi giấc mơ của họ. Như gia đình tôi đã từng làm... nhiều thế hệ trước. Tổ tiên nhập cư của cô giờ đã không còn, dĩ nhiên, nhưng Katherine vẫn không chắc chúng đã đưa đến đâu. Những gì cô đã chấp nhận là ý thức con người không như chúng ta tin tưởng là nó. Có điều gì đó thật và sâu sắc nằm ngoài trải nghiệm vật lý của chúng ta... vượt ra ngoài cái kết vật lý của chúng ta. Khi gió thổi mạnh hơn, Katherine nhẹ nhàng đặt đầu mình lên vai Langdon, tâm trí cô rõ ràng hơn bao giờ hết. Cô nhìn lên anh. “Tôi ước chúng ta có thể đứng ở đây mãi mãi.” “Tôi cũng vậy,” anh nói với nụ cười. “Nhưng bạn có một cuốn sách cần giao.”

• □□□ □'□ -

CẢM ƠN

Trước tiên, xin gửi lời cảm ơn đến Jason Kaufman—biên tập viên xuất sắc nhất mà một nhà văn có thể có—vì trực giác kể chuyện, khiếu hài hước và hàng giờ vất vả bên tôi. Cảm ơn đại diện không thể so sánh của tôi, Heide Lange, vì hàng thập kỷ cống hiến và tình bạn, và vì đã hướng dẫn tất cả các khía cạnh trong sự nghiệp của tôi với nhiệt huyết không ai sánh kịp. Một lời cảm ơn đặc biệt tới các nhà xuất bản kiên định của tôi, Maya Mavjee và Bill Thomas, vì sự hỗ trợ và kiên nhẫn không ngừng trong khi tôi viết cuốn sách này... và, hơn hết, vì sự cam kết, sáng tạo và phần khởi của họ trong suốt quá trình xuất bản. Cảm ơn đội ngũ đăng cấp thế giới tại Doubleday và Penguin Random House, với những ghi chú đặc biệt cảm ơn đến chuyên gia truyền thông Todd Doughty; đội ngũ tiếp thị sáng tạo của Heather Fain, Judy Jacoby, Erinn McGrath, và Abby Endler; biên tập viên hỗ trợ tuyệt vời Lily Dondoshansky vì công việc tỉ mỉ và sự vui vẻ của cô ấy; Nora Reichard tỉ mỉ trong biên tập sản xuất, cùng với Vimi Santokhi, Barbara Richard, Kirsten Eggart, và Casey Hampton; các giám đốc nghệ thuật sáng tạo và thiết kế bìa, Oliver Munday và Will Staehle; đội ngũ bán hàng xuất sắc nhất thế giới, với lời cảm ơn đặc biệt đến Beth Meister, Chris Dufault, David Weller, và Lynn Kovach; chuyên gia pháp lý Claire Leonard; đội ngũ IT và an ninh của Chris Hart, Tom Saal, Mike DeMasi, và Zafar Nasir; Amanda D’Acerno trong sách nói; Beth Lamb trong sách bìa mềm; người bạn thân yêu của tôi, Suzanne Herz; và, tất nhiên, trong các văn phòng công ty, những bàn tay vững vàng của Nihar Malaviya, Jaci Updike, và Jeff Weber. Cảm ơn tất cả các bạn. Một món nợ tri ân đến năm mươi bảy nhà xuất bản quốc tế của tôi, những người đã cất trời núi để giúp những cuốn sách này trở thành một thành công toàn cầu và những người đã trở thành gia đình mở rộng của tôi xa nhà. Một lời cảm ơn lớn nữa dành cho đội ngũ dịch giả tài năng đã mang những cuốn sách này đến với mọi người trên thế giới. Một lời cảm ơn đặc biệt gửi đến biên tập viên và người bạn Czech của tôi, Petr Onufer, vì công trình nghiên cứu và hướng dẫn vô giá về tất cả các khía cạnh của Prague, văn hóa Czech, và ngôn ngữ Czech... và vì đã giúp tôi nhìn thấy thành phố Prague tuyệt đẹp trong ánh sáng thực sự huyền bí. Tôi cũng cảm ơn các giám đốc của Argo Publishing tại Prague, Milan Gelnar và Hana Gelnarova. Đến nhà xuất bản Anh xuất sắc của tôi.

Bill Scott-Kerr vì đã là một người bạn tuyệt vời từ ngày đầu tiên với tiểu thuyết đầu tay của tôi. Tôi chân thành ngưỡng mộ và biết ơn những trí tuệ phi thường đã góp mặt trong Viện Khoa học Noetic. Cảm ơn các bạn vì những công việc quan trọng và ánh sáng mà các bạn mang lại. Một lời cảm ơn đặc biệt tới Norm Eisen, cựu đại sứ tại Cộng hòa Séc, vì sự hiếu khách hào phóng trong thời gian tôi ở Prague, và vì những câu chuyện thú vị trong bữa tối tại biệt thự Petschek tuyệt đẹp. Trong sáu năm qua, một loạt các

nhà khoa học, nhà sử học, người phụ trách bảo tàng, học giả tôn giáo, quan chức chính phủ, và tổ chức tư nhân đã hào phóng hỗ trợ trong việc nghiên cứu tiểu thuyết này. Từ ngữ không thể diễn tả hết lòng biết ơn của tôi với tất cả họ vì sự hào phóng và cởi mở trong việc chia sẻ kiến thức và cái nhìn của họ. Đến người trợ lý cá nhân đáng tin cậy của tôi, Susan Morehouse, vì tình bạn bền vững và sự cống hiến qua những năm tháng, và vì tất cả những gì cô ấy làm trong hậu trường để giữ cho con tàu này đi đúng hướng. Đến guru công nghệ số của tôi, Alex Canon, vì đã xử lý tất cả các khía cạnh của thế giới trực tuyến của tôi (và cũng vì đã truy tìm những kẻ xâm phạm bản thảo). Đến nhóm mơ ước tại William Morris Endeavor—với lời cảm ơn đặc biệt tới Ari, Sylvie, Conor, Ryan, Michael, và CJ—vì đã tạo ra những sự đồng bộ thú vị. Đến trí tuệ pháp lý xuất sắc của Karl Austen vì chuyên môn của ông và cũng vì đã là một nhà mã hóa NSA trong tiểu thuyết đầu tiên của tôi. Đến tất cả mọi người tại Sanford J. Greenburger Associates, với lòng biết ơn sâu sắc tới Iwalani Kim và Madeline Wallace vì đã xử lý vô số chi tiết với sự thanh lịch và chính xác, và cũng đến những kỹ năng của Charles Loffredo vì đã xử lý mọi thứ liên quan đến số liệu. Đến Peter Fahey, Philip McCaull, Jennifer Rouleau, Ginny McGrody, Glenn Greenfader, và các cộng sự vì đã quản lý khéo léo *Fructus laborum*. Cảm ơn cả Dr. Mona Laifi, Dr. Elizabeth Klodas, Dr. Bob Helm, Dr. Chad Prusmack, Dennis G. Whyte tại Trung tâm Khoa học Plasma và Nhiệt hạch MIT, Georgie Venci và Charlie Venci vì tài năng thủy sản của họ, Carl Schwartz vì khả năng nấu ăn của ông, huấn luyện viên của tôi, Evan Schaller, vì đã kéo tôi ra khỏi bàn làm việc và giữ cho tôi hoạt động, Khách sạn Four Seasons Prague vì sự hiếu khách, Cơ quan Du lịch Prague, Đại học Charles, Klementinum, bảo vệ an ninh của đại sứ Mỹ Carlton Cuse, Emanuel Swedenborg kiên cường, Dự án Ý thức Toàn cầu, Trung tâm Khoa học Ý thức, đến Rose Schwartz, Eric Brown, Neil Rosini, và kỷ niệm của người bạn thân thương của tôi, Michael Rudell, vì đã là hình mẫu tuyệt vời về ân cần và sự tử tế. Đến tác giả đại diện văn học vĩ đại quá cố George Wieser vì đã đưa tôi đi ăn trưa vào năm 1994 và đã khuyến khích mẽ tôi nghỉ công việc âm nhạc... và viết một tiểu thuyết. *Mi agradecimiento al distinguido caballero Roberto Batalla por haberme servido de guía en el paisaje costarricense.* Đến các độc giả bản thảo đầu tiên của tôi—Gregory Brown, Heide Lange, John Chaffee, Iwalani Kim, Madeline Wallace, Lily Dondoshansky, và những người khác. Cảm ơn vì những ý kiến ban đầu của các bạn về một bản thảo rất dài. Và tiếp tục biết ơn đến Rebecca, Caleb, Hannah, và Sophie Kaufman, cùng Olivia và Jerry Kaufman, vì nhiều năm hỗ trợ... và vì đã tốt bụng chia sẻ biên tập viên của tôi. Một đời biết ơn cha mẹ tôi—Connie và Dick Brown—vì đã dạy tôi luôn tò mò và chấp nhận những câu hỏi khó khăn. Và cuối cùng, đến vị hôn thê của tôi, Judith Pietersen, vì sự kiên nhẫn, tình yêu, và sự hài hước tuyệt vời khi tôi chìm đắm trong cuốn sách này.